BÙI DIỄM

GỌNG KÌM LỊCH SỬ

HỒI KÝ CHÍNH TRỊ

Việt tide
Tái bản
2019

https://tieulun.hopto.org

BÙI DIỄM

GỌNG KÌM LỊCH SỬ

Hồi Ký Chính Trị

Việt tide
Tái bản
2019

https://tieulun.hopto.org

GỌNG KÌM LỊCH SỬ
Copyright © 2000 & 2019 by Bùi Diễm & Việt Tide

All rights reserved. No part of this book may be reproduced or transmitted in any form or by any means without written permission from the publisher.

Việt Tide
Tel. (714) 262-7028
Email: ad@baoviettide.com
Website: www.baoviettide.com

Cover designed by LNPH

ISBN: 978-0-9910937-8-6

Printed in the U.S.A.

https://tieulun.hopto.org

Xin kính tặng những người Việt Nam,
ở trong và ngoài nước,
và tại khắp năm châu bốn biển,
đã từng hy sinh cho niềm mơ ước
độc lập, tự do, hòa bình và dân chủ
của dân tộc, trong suốt một thế kỷ
đằng đẵng vừa qua.

Bùi Diễm

https://tieulun.hopto.org

Về tác giả Gọng Kìm Lịch Sử

Sinh tại Phủ Lý tỉnh Hà Nam năm 1923, tác giả Bùi Diễm là thứ nam của học giả Bùi Kỷ. Như đa số thanh niên thời đó, ông sớm tham gia phong trào độc lập và ông vừa tốt nghiệp Toán học và Cơ Động học tại Đại Học Hà Nội năm 1945 thì đất nước có biến. Là cháu học giả Trần Trọng Kim, ông được quan sát chính phủ Trần Trọng Kim từ khi hình thành và sau đó tham gia đàm phán việc Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam. Cũng từ đó, ông đã chứng kiến 30 năm nổi trôi lịch sử từ nhiều vị trí đặc biệt: theo dõi Hội Nghị Genève 1954, Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng 1965, Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Hoa Kỳ 1967-1972, Quan Sát Viên Đặc Biệt tại Hòa Đàm Paris 1968, Đại Sứ Lưu Động 1973-1975. Từ 1975, ông định cư gần thủ đô Washington DC của Hoa Kỳ.

Do kinh nghiệm trực tiếp như vậy, ông Bùi Diễm là tiếng nói được các trung tâm nghiên cứu Hoa Kỳ lắng nghe về quan điểm của người Việt: cố vấn cho tổ hợp Rand Corporation, học giả tại các trung tâm nghiên cứu như Woodrow Wilson Center for International Scholars, American Enterprise Institute, hay Indochinese Institute của Đại Học George Mason, và Giám Đốc Viện Nghiên Cứu Pacific Basin Research Institute. Nhằm trình bày với dư luận Mỹ quan điểm người Việt ta về cuộc chiến Việt Nam, năm 1987, ông viết cuốn In the Jaws of History*, được công nhận là chứng liệu đáng kể. Với bố cục tương tự, lần này,* Gọng Kìm Lịch Sử *của ông là hồi ký chính trị của một người Việt cùng chia sẻ với người Việt kinh nghiệm bi thương của dân tộc về quá khứ cận đại và niềm tin vào viễn tượng sáng sủa hơn của đất nước trong tương lai không xa.*

https://tieulun.hopto.org

Gọng Kìm Lịch Sử lần đầu tiên đăng tải trên liên mạng điện toán và tái bản

Năm 2000, hồi ký chính trị *Gọng Kìm Lịch Sử* của tác giả Bùi Diễm lần đầu tiên ra mắt độc giả tại Hoa Kỳ dưới dạng sách bìa cứng do cơ sở Phạm Quang Khai xuất bản. *Gọng Kìm Lịch Sử* là do chính tác giả viết lại bằng tiếng Việt theo sau ấn bản tiếng Anh *In the Jaws of History* năm 1987, chứ không phải một tác phẩm dịch lại từ tiếng Anh.

Tuy nhiên, sau khi *In the Jaws of History* ra đời, đã có một số phiên bản dịch thuật từ tiếng Anh sang tiếng Việt lưu truyền trên liên mạng điện toán. Những phiên bản này đều không có sự đồng ý của tác giả. Do đó, trong lần tiếp xúc với chủ nhiệm Việt Tide, tiến sĩ Ông Thụy Như Ngọc, tại Nam California vào ngày 20 tháng 6 năm 2017, ông Bùi Diễm đã cho phép nhà xuất bản Việt Tide tái bản sách *Gọng Kìm Lịch Sử* để bản gốc được lưu truyền. Thêm vào đó, trong cuộc điện đàm vào ngày 23 tháng 9 và lá thư đề ngày 1 tháng 10 năm 2019, tác giả Bùi Diễm cho Việt Tide được phép đăng tải toàn bộ hồi ký *Gọng Kìm Lịch Sử* lên trang mạng *baoviettide.com* của tòa soạn để rộng đường dư luận. Đồng thời, hồi ký *Gọng Kìm Lịch Sử* cũng sẽ được đăng trên trang mạng *vietnamwarohp.com* của Dự Án Lịch Sử Truyền Khẩu về Cuộc Chiến Việt Nam do tiến sĩ Alex-Thái Đình Võ chủ trương, cũng với sự cho phép của tác giả.

Nhà xuất bản Việt Tide xin chân thành cảm tạ tác giả Bùi Diễm đã ủy thác cho chúng tôi công việc tái bản và phát hành rộng rãi tác phẩm của ông. Xin trân trọng giới thiệu cùng quý độc giả trên toàn thế giới ấn bản điện tử và ấn phẩm tái bản *Gọng Kìm Lịch Sử.*

NXB VIỆT TIDE
Mùa Thu Kỷ Hợi, 2019

* Xin lưu ý, vì nhu cầu đánh máy và dàn trang lại trong lần tái bản này, trong sách có một số bài nhận định có ghi số trang tham khảo theo ấn bản đầu tiên của sách nhưng sẽ không ứng với ấn phẩm tái bản, mong quý độc giả lượng thứ.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Lời Giới Thiệu

Cuối năm 1986 và đầu năm 1987, tôi trình bày trên làn sóng điện của đài BBC Luân Đôn một loạt bài trích thuật từ cuốn sách của một ký giả ngoại quốc. Cuốn sách đại để kể lại những chi tiết rất có giá trị lịch sử trong mối liên hệ giữa Việt Nam và Cam Bốt, khi những chính phủ Cộng Sản nắm chọn quyền tại hai nước đó vào năm 1975. Tức thời loạt bài phát thanh này đã gây được sự chú ý của các thính giả ở trong nước, mặc dầu là hồi ấy các chương trình của đài BBC chỉ hướng về Việt Nam chứ chưa có phương tiện quảng bá rộng rãi ở khắp nơi như hiện nay. Dầu sao đây cũng là một chỉ dẫn cho chúng tôi rõ là vào một khoảng thời gian tương đối không lâu sau khi cuộc chiến Việt Nam kết thúc, dư luận ở nhiều nơi đã bắt đầu cảm thấy đủ tỉnh táo để tìm hiểu và suy luận về những diễn biến đã xảy ra cho dân tộc Việt Nam vào hậu bán thế kỷ thứ hai mươi.

Dường như cũng lượng định trước thấy nhu cầu cần phải tìm hiểu các dữ kiện có tầm vóc lịch sử đó, cựu Đại Sứ Bùi Diễm đã gom góp các tài liệu và tư liệu để đến năm 1987 ông hoàn thành và cho in cuốn sách, vừa có tính cách hồi ký, vừa có các chứng liệu về lịch sử, nguyên bản Anh ngữ nhan đề là "In The Jaws of History".

Thiết tưởng cũng đáng nêu ra ở đây là sau năm 1975, đã có nhiều người ngoại quốc, mà trong đó đa số là các thành phần khoa bảng và chính giới Mỹ, cho ấn hành nhiều cuốn sách kể đến các sự kiện liên quan tới sự dính dấp của Hoa Kỳ vào cục diện Việt Nam kể từ giai đoạn Thế Chiến 2 sắp kết thúc. Tuy nhiên, hầu hết các cuốn sách đó đều nhìn vào sự việc qua lăng kính của các tác giả là người nước ngoài. Về phía Việt Nam, ở trong và ngoài nước, ngoài một số hồi ký đôi khi đã động sơ sài đến vai trò của người Mỹ ở Việt Nam, sổ sách viết về đề tài này cũng rất ít ỏi.

Khi cuốn sách của cựu Đại Sứ Bùi Diễm ra mắt độc giả, tại đài BBC, chúng tôi đọc kỹ và nghĩ rằng đó là một cuốn sách rất có giá trị vì đề cập tới một số các chi tiết liên quan đến một thời gian có một không hai. Nói riêng là về những liên hệ lịch sử đặc biệt giữa hai nước Hoa Kỳ và Việt Nam, nói chung là giữa một siêu cường với một nước, có thể chỉ được coi là thuộc hàng ngũ thế giới thứ ba. Do đó, từ mùa xuân năm 1988, chúng tôi quyết định trình bày trên làn sóng điện của đài BBC, liên tiếp trong hơn 40 tuần lễ, hàng tuần trích dịch và đọc từng đoạn của cuốn sách này.

https://tieulun.hopto.org

Bắt tay vào việc dịch thuật cuốn sách chúng tôi mới thấy có những điểm tế nhị. Dịch văn của một người ngoại quốc ra tiếng Việt, điều căn cốt chỉ cần làm sao diễn tả và đạt được ý của tác giả với một phần nào xuôi tai về phần ngoại ngữ. Trái lại, dịch ra tiếng Việt từ một tác giả Việt Nam viết bằng ngoại ngữ, đương nhiên có một số yếu tố cần phải chú ý. Phản ảnh được ý nghĩ của tác giả không khó lắm. Tuy nhiên, lượng định và sử dụng ngôn từ là một khó khăn, bởi vì khi viết tác giả có thể nghĩ theo tiếng Việt rồi sau đó mới chuyển đổi sang Anh ngữ, và như vậy người dịch phải cân nhắc để sao cho bản dịch trở lại tiếng Việt chẳng những sát nghĩa mà còn diễn đạt trung thực được tâm tình của tác giả. Dầu sao chăng nữa, khi trích dịch cuốn "In The Jaws of History" tôi cũng đỡ vấp một phần nào vào những trở ngại này vì, may mắn thay, tôi đã được quen biết ông từ khoảng 20 năm về trước.

Năm 1967, khi ông Bùi Diễm đảm nhận chức vụ Đại Sứ tại Washington, tôi phục vụ cho ban tiếng Việt đài BBC ở Luân Đôn. Qua trung gian bằng hữu tôi được gặp Bùi tiên sinh và chẳng mấy chốc về phần tôi đã cảm thấy tương đắc và có cảm tưởng được ông coi là chỗ tâm giao. Trước đó, tôi thường nghe nói ông là một nhân vật chính trị, hay nói rõ hơn là một người làm chính trị, có sự hậu thuẫn của một chính đảng đã hoạt động ở Việt Nam lâu năm. Tuy nhiên, ngay từ lúc sơ kiến, tôi đã nhận thấy ông là một người bình dị và rồi từ đó về sau càng ngày tôi càng thấy ông với tôi có được một tình bạn vong niên khá lý thú. Trong cuộc đời của Bùi quân, dường như ông đều dấn thân nhập cuộc theo dòng mạch của vận nước nổi trôi; về phần tôi, phục vụ trong ngành truyền thông đại chúng, tôi như đi bên lề dòng mạch đó với thái độ tựa hồ như của kẻ bàng quan. Ấy vậy mà giữa ông và tôi có được một tình bạn, có lẽ cũng chỉ vì có tâm hồn đồng điệu trên căn bản cùng yêu thương quê hương Việt Nam, rất lãng mạn, tin tưởng vào tương lai tốt đẹp của dân tộc. Tới nay, trong hơn 30 năm trời kể từ khi quen biết nhau, từ lúc còn đảm nhiệm vai trò ngoại giao con thoi và hay lui tới Luân Đôn, cho đến khi lịch sử đưa đẩy ông trở thành một tha nhân viễn xứ. Bùi tiên sinh vẫn thường lui tới hàn huyên với tôi tại căn nhà nhỏ ở khu Tây Nam Luân Đôn và đôi khi chúng tôi cũng qua thăm ông bà ở Mỹ. Trong các bữa ăn thường khi thanh đạm thuần túy Việt Nam, chúng tôi giãi bày và trao đổi tổng quát về các vấn đề thời cuộc quốc tế và Việt Nam, phần lớn tương hợp. Nhưng chúng tôi cũng dành nhiều thời giờ để trầm ngâm nghe một bản nhạc, đọc một lời thơ, hoặc nhắc nhở đến một câu văn để cùng cảm thấy rung động và nao nức trong tâm hồn. Cũng vì vậy

https://tieulun.hopto.org

nếu phải nói đến cá nhân ông, tôi cho rằng trên căn bản ông là một con người rất đa cảm, thực khác hẳn với hình ảnh của một nhân vật chính trị có nhiều mưu lược như có một số người đồn đoán, hoặc của một nhà ngoại giao mà xưa kia có một nhà báo của quân đội Việt Nam Cộng Hòa gọi là một nhà "phù thủy ngoại giao".

Sau khi loạt bài trích dịch cuốn "In The Jaws of History" mà tôi mạn phép dịch là "Trong Gọng Kìm Lịch Sử" được phát đi trong chương trình của đài BBC, cơ may đã đến với tôi khi Hà Nội vào cuối năm 1988 chấp thuận cho tôi về công tác cho đài BBC tại Việt Nam sau 35 năm xa cách đất Bắc. Qua chuyến đi này tôi tiếp nhận được rất nhiều ý kiến ở trong nước, thuộc đủ mọi thành phần, bày tỏ nhận thức cho rằng cuốn sách của cựu Đại Sứ Bùi Diễm quả là hữu ích và có giá trị đặc biệt đối với lịch sử. Khi trở về tôi đạo đạt những ý kiến đó với tiên sinh. Tôi cũng không quên nhắc lại để ông hay rõ rằng, ngoài những chi tiết liên quan đến các mối liên hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam trong thời gian có cuộc chiến Việt Nam, cuốn sách của ông còn được nhiều người hâm mộ vì đã một phần nào trình bày được hoàn cảnh đặc biệt của những con người cùng một thế hệ với ông, trưởng thành đúng vào lứa tuổi phải dấn thân, phải nhập cuộc hoặc phải cầm súng tranh đấu cho quê hương trong một trạng huống rất bức bó hạn hẹp đứng trước một sự lựa chọn phức tạp giữa hai bước đường quốc gia và cộng sản. Trường hợp của ông Bùi Diễm còn đặc biệt hơn nữa, vì dù muốn dù không, ông đã trực tiếp tham dự vào những diễn tiến liên quan đến các mốc lớn của lịch sử Việt Nam cận đại. Tất nhiên tôi cũng còn nêu ra ý kiến của nhiều người ở Việt Nam muốn thấy cuốn sách đó có được một ấn bản tiếng Việt. Đây là một điều tôi hoàn toàn tán thưởng, vì dầu sao cuốn sách được viết dưới dạng hồi ký. Đã là hồi ký, tất nhiên là đượm những ý nghĩ tâm tình, mà trong văn chương, tình cảm thiết tưởng không gì có thể bộc lộ chân thành và thấm thía bằng ngôn ngữ đầu đời. Nói như vậy không phải là cuốn sách bằng tiếng Anh của cựu Đại Sứ Bùi Diễm đã không có được ý tưởng mạch lạc và cương trực, mặc dầu đôi khi ông có đưa ra các ý kiến chủ quan. Tuy nhiên viết hồi ký phải là như vậy, cần phải trung thực với chính mình, với chính độc giả, miễn là không bóp méo các sự kiện về lịch sử, như tác giả đã thành thật được trong trường hợp đặc biệt qua cuốn sách của ông.

Trước đây, cựu Đại Sứ Bùi Diễm đã có một vai trò dự phần vào các diễn biến của lịch sử. Tuy nhiên với cuốn sách mà ông gọi là vừa kể chuyện vừa nghiên cứu này, theo thiển ý tôi, tên tuổi của ông sẽ vĩnh viễn đi vào lịch sử. Về phần tôi, một trong những vinh dự quý

https://tieulun.hopto.org

báu nhất của cuộc đời là ông đã cho tôi được viết những dòng chữ này, như một nhân chứng, để cùng với các độc giả khác, theo dõi bước chân ông vào cuộc lữ hành đó.

ĐỖ VĂN
Cuối Xuân Kỷ Mão

https://tieulun.hopto.org

Thay Lời Tựa

Cuốn sách này, về nội dung, một phần đã được viết, dựa vào cuốn *In The Jaws of History* tôi viết bằng tiếng Anh và do nhà sách Houghton Mifflin xuất bản năm 1987.

Vào đầu thập niên 80, dư luận Hoa Kỳ còn bị đè nặng bởi một thứ mặc cảm thường được gọi là "hội chứng Việt Nam" (Vietnam syndrome). Không ai muốn nói đến chiến tranh Việt Nam, và ngay cả nghe nói về chiến tranh, cũng không ai muốn. Phải đợi đến những đợt hàng trăm ngàn "thuyền nhân" người Việt bỏ nước ra đi, gây xúc động trong dư luận quốc tế, người ta mới thấy một số học giả và sử gia Hoa Kỳ bắt đầu tổ chức những buổi hội thảo để tìm hiểu những bài học của cuộc chiến.

Một phần nào vì giới ngoại giao và chính trị Hoa Kỳ đã quen biết tôi trong trách nhiệm cũ tại Hoa Thịnh Đốn, tôi thường được mời tham dự những buổi hội thảo đó. Tại các buổi họp, điều làm tôi ngạc nhiên là dường như người ta chỉ nhìn thấy những gì người ta muốn thấy. Nhiều người phản chiến trong giới giảng dạy tại các Đại Học Mỹ hay giới truyền thông vẫn tiếp tục duy trì và bào chữa cho lập trường của họ, mặc dầu nhiều chứng cớ cụ thể và lời nhìn nhận công khai của phía Cộng Sản, đã chứng tỏ họ sai lầm. Do đó mà tôi nhận thấy cần phải viết cuốn "In The Jaws of History" bằng tiếng Anh, với sự hiệu đính của David Chanoff, để trực tiếp trả lời những luận điệu ấy.

Cuốn sách được xuất bản năm 1987 thì đến đầu năm 1988, đài BBC của Anh Quốc trích thuật phần lớn cuốn sách trong một loạt chương trình phát thanh hàng tuần hướng tới các thính giả ở Việt Nam do bạn Đỗ Văn đảm trách phần lược dịch. Cũng vào thời điểm này, một bạn trẻ, anh Phan Lê Dũng, vì có cảm tình với cuốn sách, mang dịch ra tiếng Việt, và ít lâu sau trao cho tôi bản thảo.

Qua các chương trình của đài BBC, nhiều thính giả sống dưới chế độ Cộng Sản biết đến cuốn sách. Tôi biết ơn anh Đỗ Văn. Ngoài ra, tôi cũng rất cảm kích khi nhận được bản thảo của anh Phan Lê Dũng đưa tới. Là một người trong giới trẻ, anh đã mất nhiều thời giờ và công phu để dịch cuốn sách, chỉ vì có cảm tình với câu chuyện và tâm trạng của một người thuộc thế hệ trước.

Có được bản dịch là đã đi được một bước đường, nhưng sau nhiều buổi họp cùng anh Dũng và một bạn trẻ khác để duyệt lại bản

https://tieulun.hopto.org

này, do chính câu hỏi của hai anh cũng như những góp ý của một số bạn khác, chúng tôi mới nhận thấy là còn nhiều điều cần phải nói rõ hơn, đặc biệt là những điều mà bản Anh ngữ đã phải bỏ lại vì lý do đơn giản là độc giả ngoại quốc không cần hay không muốn biết đến. Hơn nữa, cũng trong giai đoạn này, vì phải sưu tầm tài liệu ở nhiều thư viện của các cựu Tổng Thống Hoa Kỳ (nhất là thư viện của cựu Tổng Thống Johnson ở Austin, Texas) để viết về chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ, tôi đã tìm được một số sử liệu mới làm sáng tỏ vai trò của Hoa Kỳ trong chiến tranh Việt Nam. Rồi lại thêm lời khuyên của một anh bạn vong niên có nhiều kinh nghiệm viết sách. Theo anh thì nên viết lại theo ngòi bút, dựa vào tinh thần của bản Anh ngữ, muốn dài bao nhiêu cũng được, như vậy sẽ tự nhiên hơn và tránh được cái khó là phải gò bó vào những cố gắng để dịch làm sao cho sát nghĩa.

Bàn đi tính lại, tôi đi đến kết luận; vì tôi là người có đủ tài liệu sống và tài liệu thâu thiệp được, chính tôi phải có trách nhiệm viết lại.

Khổ một nỗi, tôi không thực sự là nhà văn và từ trước đến nay chỉ một đôi khi viết những bản phúc trình hay một ít bài tham luận chính trị, nên bút pháp còn khô khan vụng về. Ngoài ra, tôi cũng không có cao vọng viết sử, mà chỉ muốn ghi lại một số sự kiện đã được mắt thấy tai nghe, mặc dầu những sự kiện đó cũng chỉ là một phần sự thật, hoặc sự thật được nhìn qua lăng kính chủ quan hay hạn hẹp của người viết kể lại. Do ngẫu nhiên của thời cuộc, từ lúc mới lớn lên cho đến thập niên 70 về sau này, trường hợp của tôi, lắm lúc nghĩ, tựa hồ như trường hợp một nhân chứng, có khi bất đắc dĩ, được nhìn thấy những việc xảy ra trong thời đất nước loạn ly. Trong cuốn sách này, những gì tôi được biết qua kinh nghiệm bản thân, hay qua sự tìm tòi, tra cứu để kiểm chứng mọi việc, tôi xin trình bày một cách thẳng thắn. Tôi mong rằng những đóng góp chân thành của tôi, một phần nào có thể giúp được những người về sau muốn tìm hiểu chính sách Hoa Kỳ trong chiến tranh Việt Nam, hay nói rộng hơn, hoàn cảnh của Việt Nam trong một giai đoạn lịch sử khó khăn.

Nhưng trên tất cả mọi sự mong muốn, còn có bổn phận. May mắn không phải chịu khổ cực như nhiều người khác, tôi cảm thấy cần phải nói lên chính nghĩa của hàng trăm ngàn người trong suốt cuộc chiến dài dằng dặc, khi họ nằm xuống trên con đường tranh đấu cho độc lập và tự do của dân tộc. Ngày trước nghĩa trang quân đội nằm ở ngoại thành Sài Gòn là nơi an nghỉ cuối cùng của hàng ngàn chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa. Không khí linh thiêng nơi đó nay đã bị hủy diệt. Nếu những hy sinh của tất cả những người mơ về Việt Nam như một

https://tieulun.hopto.org

quốc gia thoát khỏi cả ách thống trị của thực dân Pháp lẫn cùm nô lệ của Cộng Sản phải trở thành những vết bụi mờ trong lịch sử thì quả thật là một sự bất công. Ngoài ra tôi cũng muốn ghi nhận nỗi thống khổ của hàng triệu người, quân cũng như dân, đã phải trải qua vì hậu quả của sự thất trận. Nếu cuốn sách một phần nhỏ nào trình bày được những điều đó, thì những thắc mắc trong thâm tâm tôi cũng được xoa dịu.

Sau hết cuốn sách này là một phần bối cảnh của câu chuyện Việt Nam và cuộc đấu tranh giành chủ quyền và tự do. Tuy cả cuộc sống và suy nghĩ của riêng bản thân tôi đã khiến tôi ngần ngại khi phải chọn cách viết qua lối nhìn chủ quan của một người kể lại chuyện, nhưng tôi vẫn thấy những bài học của tôi chẳng qua cũng chỉ là bài học của những người cùng thế hệ. Vì vậy, mặc dầu một đôi khi có thể có sự hiểu lầm, để câu chuyện được linh động hơn, tôi xin phép độc giả sống lại những biến cố đã qua bằng con mắt của người trong cuộc.

Tôi biết ơn nhiều người thân quen đã giúp tôi hoàn thành cuốn sách vừa kể chuyện vừa nghiên cứu này. Tôi đặc biệt không quên sự giúp đỡ tận tình của một số bạn vong niên: anh Nguyễn Xuân Nghĩa đã chia sẻ cùng tôi những hoài bão của lớp người sau thế hệ tôi muốn sớm được thấy quê hương thoát khỏi vòng kềm kẹp của chế độ Cộng Sản để đất nước có đủ điều kiện phát triển tự do trong một thể chế dân chủ pháp trị, và giúp tôi ý kiến về cách hành văn làm sao cho gọn; anh Trần Dzũng Minh Dân đã mất nhiều công phu để trình bày cuốn sách hơn 600 trang, và anh Ngọc Dũng giúp tôi trình bày hình bìa của cuốn sách. Tôi cũng xin mạn phép nói lên một phần nào sự hy sinh của nhà tôi, không nề giao lao, luôn luôn khuyến khích và giúp đỡ tôi trong các giai đoạn thăng trầm của cuộc đời. Thiết tưởng đó là nhờ ở đức tính chung của người phụ nữ Việt Nam, dựa vào mẫu mực của truyền thống dân tộc. Tôi cũng còn ước vọng là cuốn sách này sẽ đến tay người anh của tôi, vẫn còn đang ở quê hương miền Bắc. Hai anh em chia tay, xa cách nhau từ hơn nửa thế kỷ, "của tin gọi một chút này làm ghi".

Sau hết, nếu có những thiếu sót hay lầm lẫn, thì dĩ nhiên đó là trách nhiệm của riêng tôi và tôi cũng bội phần cảm kích nếu được các độc giả xa gần ở trong nước hay ngoài nước, rộng lượng bỏ qua và vui lòng chỉ giáo.

BÙI DIỄM
Đầu Xuân Kỷ Mão, 1999

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 1
Gọng Kìm Lịch Sử

Một giọng nói nghe như ở xa vọng lại, giục giã qua những tiếng ồ ồ ở đầu dây điện thoại: "Bob Shaplen, Bod Shaplen đây. Tôi vừa ở Việt Nam về và đang gọi anh từ Hồng Kông". Giọng nói lập đi lập lại, nhưng vừa thức giấc dậy giữa đêm khuya và còn đang ở trong tình trạng nửa tỉnh nửa mê vì những liều thuốc quá mạnh để ngăn chặn cơn cảm cúm đã hành hạ từ mấy ngày trước, tôi thực sự chưa nghe rõ là ai gọi.

"Bob Shaplen đấy! Tôi vừa ở Sài Gòn về tới Hồng Kông. Các bạn anh ở Việt Nam đang cần anh. Họ rất hoang mang và không ai hiểu tình trạng ra sao cả. Ngoài ra không ai tiếp xúc được với ông Thiệu hay Đại Sứ Graham Martin. Có lẽ anh là người độc nhất có thể liên lạc được với họ vì vậy mà mọi người nghĩ rằng anh phải về ngay để nói cho họ biết sự thật". Lúc này, đầu óc đã dần dần tỉnh táo lại, nên tôi nhận thức được ngay: đây là tin trực tiếp đầu tiên từ nhiều tuần lễ về tình hình ở Sài Gòn.

Đến khi Shaplen gác điện thoại thì tôi đã hoàn toàn tỉnh giấc. Anh ta nói thật có lý. Tôi phải trở về Sài Gòn. Robert Shaplen, ký giả kỳ cựu của tờ New Yorker chuyên môn viết về những vấn đề Viễn Đông và Việt Nam là một người hiểu biết tinh tế, và thường không phải là người bi thảm hóa vấn đề. Ngoài ra anh ta lại là một người bạn lâu năm. Chắc chắn anh ta không gọi giữa đêm khuya nếu không phải là việc cần.

Tuy lúc đó mới 2 giờ sáng ở Hoa Thịnh Đốn, mà khi trở về giường, tôi không tài nào ngủ lại được. Thực ra thì trong suốt mấy ngày trước, tôi đã nghĩ đến vấn đề cần phải trở về Việt Nam, nhưng còn đang phân vân chưa biết quyết định ra sao, thì bị cúm nặng. Trong khi đó thì sự tan rã của những đơn vị chiến đấu của miền Nam Việt Nam đã xảy ra đột ngột, đến độ không ai có thể biết có còn thời giờ trở về nữa không! Riêng về trường hợp cá nhân, tôi không có ảo tưởng gì về số phận của mình, nếu không may bị đối phương bắt giữ.

Hơn ba tuần trước, ông Thiệu đã nhờ tôi qua Hoa Thịnh Đốn, nơi tôi đã trú ngụ từ cuối năm 1966 cho tới năm 1972 với tư cách là Đại Sứ của Việt Nam Cộng Hòa tại Hoa Kỳ. Và kể từ năm 1973, khi tôi bắt đầu làm Đại Sứ Lưu Động, thì Hoa Thịnh Đốn cũng là nơi tôi vẫn thường trở lại. Lần này chuyến đi nhằm mục đích vận động Quốc

https://tieulun.hopto.org

Hội Hoa Kỳ chấp thuận số tiền viện trợ khẩn cấp 700 triệu đang bị trì hoãn. Ngân khoản đó là để dùng vào việc mua đạn dược và tiếp liệu cho quân đội Việt Nam lúc này đang ra sức ngăn chặn làn sóng của những sư đoàn Bắc Việt trên đà tràn vào miền Nam với tốc độ nuốt trôi mỗi ngày một tỉnh.

Nhưng hôm nay là 14 tháng 4, 1975. Tôi chẳng còn gì để làm ở Hoa Thịnh Đốn nữa. Ở vào giờ phút quyết định này, giờ phút ảnh hưởng đến cả vận mệnh của miền Nam Việt Nam, tôi cảm thấy như hoàn toàn bất lực không làm gì được để lay chuyển Quốc Hội Hoa Kỳ, mặc dầu sau hơn 7 năm làm việc cũng đã tạo được những mối giao hảo với các giới chức Hoa Kỳ, kể từ các vị Tổng Thống, Dân Biểu, Thượng Nghị Sĩ cho đến các Bộ Trưởng trong chính phủ và những bạn bè trong chính giới. Giai đoạn này là giai đoạn sống còn của miền Nam Việt Nam và đã đến lúc phải trở về. Hoàn cảnh và thời cuộc đã đưa đẩy tôi vào đời sống chính trị của miền Nam từ ngày đất nước bị chia đôi, dù ở vị trí của một người đối lập với chính quyền miền Nam hay ở vị trí một người đại diện miền Nam đối với thế giới bên ngoài. Vì vậy dầu số phận của Sài Gòn thế nào chăng nữa, tôi cũng vẫn phải về. Giả thử về rồi không làm được việc gì, thì cũng còn hơn là sống lạc loài ở Hoa Thịnh Đốn, hàng ngày bất lực nhìn trên đài truyền hình sự sụp đổ của đất nước.

Vì được biết là tôi quyết định trở về Việt Nam và muốn có những tin tức mới nhất về tình hình ở Sài Gòn, người bạn lâu ngày ở bộ Ngoại giao, Thứ Trưởng Philip Habib dàn xếp để tôi gặp Ted Shackley, người phụ trách Á Đông Sự Vụ của cơ quan tình báo CIA vừa từ Việt Nam về cùng với tướng Weyand, Tham Mưu Trưởng Lục Quân Hoa Kỳ. Tôi gặp Shackley ở tiệm ăn Empress đường Connecticut và được biết là tình hình ở Việt Nam hết sức nguy ngập. Shackley tỏ vẻ bi quan và còn nói thêm rằng: "Tình hình không những nguy ngập mà ông Thiệu lại còn tỏ vẻ như không còn tỉnh táo để thảo luận các vấn đề. Tôi có cảm tưởng là ông ta bị tràn ngập bởi tầm mức lớn lao của sự đổ vỡ!"

Sáng hôm sau, 16 tháng 4, tôi lên đường trở về và lấy máy bay ghé qua Hồng Kông trước để nói chuyện với Bob Shaplen, rồi sau đó mới về Sài Gòn. Từ giã gia đình ở phi trường National, tôi cố làm ra vẻ thản nhiên, nhưng trong bụng thì cả một nỗi ngại ngùng đường xa bất trắc. Các con thì còn nhỏ chưa biết sự tình, nhưng nhà tôi thì cũng như mọi lần, cố gắng trấn tĩnh để khỏi phải bận tâm. Mặc dầu biết là chuyến đi có thể sẽ vô cùng nguy hiểm, nhưng nhà tôi cũng

https://tieulun.hopto.org

hiểu rằng nếu không trở về Việt Nam lần này, thì tôi sẽ hối hận suốt đời.

Chuyến bay của hãng Pan Am cất cánh bay về hướng Tây. Vì quá mệt mỏi, gần như kiệt sức về cả thể xác lẫn tinh thần, tôi chập chờn ngủ thiếp đi và chỉ lờ mờ nhớ lại rằng máy bay có đậu xuống San Francisco và Honolulu. Tới phi trường Kai Tak của Hồng Kông 20 giờ sau, tôi về thẳng nhà của Shaplen ở Causeway Bay phía bên kia đảo. Tối hôm đó tôi thức đến khuya để hỏi về tình hình Việt Nam. Theo lời Shaplen thì ở Sài Gòn tình trạng thật rối ren. "Không ai biết là địch quân đã tiến tới đâu mà cũng không ai biết thái độ của Hoa Kỳ ra sao, tất cả chỉ là tin đồn!". Người ta đồn rằng thế nào Hoa Kỳ cũng phải có giải pháp nào đó, chứ không thể khoanh tay đứng nhìn đồng minh 20 năm của mình gục ngã trước mũi dùi tấn công của những sư đoàn Bắc Việt đang được các nước Cộng Sản đàn anh yểm trợ. Người ta tin rằng Hoa Kỳ thế nào cũng có cách gỡ rối, B.52 khổng lồ của Hoa Kỳ sẽ đập nát những sư đoàn Bắc Việt đang tiến quân một cách lộ liễu trên các trục lộ, Thủy Quân Lục Chiến của Hoa Kỳ sẽ đổ bộ lên vùng đồng bằng sông Cửu Long để bảo vệ miền sản xuất lúa gạo cho miền Nam, Ngoại Trưởng Kissinger đang điều đình với Cộng Sản để chia lại lãnh thổ và yêu cầu Cộng Sản ngưng cuộc tấn công để đổi lấy một ngân khoản viện trợ khổng lồ của Hoa Kỳ. Rồi lại còn có cả những tin đồn về một giải pháp nhằm trung lập hóa miền Nam. Thôi thì đủ loại tin đồn, nhưng kết quả là dân chúng không còn biết tin vào đâu nữa, trong khi đó thì chính phủ hầu như bị tê liệt, không có được một lời tuyên bố nào để trấn an dư luận. Shaplen yêu cầu tôi trở về ngay ngày hôm sau vì ở Sài Gòn họ cần phải biết sự thật. Tôi trả lời Shaplen bằng một câu ngắn gọn: "Tôi không được rõ sự thật ở nhà ra sao, nhưng theo như chỗ tôi hiểu thì về phía Hoa Kỳ, Hoa Kỳ coi cuộc chiến như đã kết liễu". Shaplen nhìn tôi đăm đăm rồi nói: "Dầu có như vậy chăng nữa thì anh cũng phải về để nói rõ sự thật đó!"

Hôm sau, 17 tháng 4, 1975, tôi có mặt trên chuyến máy bay Air France về Sài Gòn. Máy bay đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất vào khoảng 4 giờ chiều. Quang cảnh yên tĩnh nhất thời của phi trường làm tôi ngạc nhiên. Tôi nhìn quanh và bất chợt thấy về phía trái của phi trường tại một khu vực cấm gần phi đạo, những đám người đang chen chúc nhau lên một chiếc máy bay không rõ của hãng nào đậu ở phía đó. Quang cảnh ở bên ngoài phi trường lại càng khác lạ hơn nữa. Đường đi vào thành phố thì vắng tanh trong khi đó đường ra phi trường thì dầy đặc xe cộ đủ loại, và tôi nhìn thấy ngay là đã trở về đúng vào lúc thiên hạ bắt đầu ra đi.

https://tieulun.hopto.org

Vào đến trung tâm thành phố thì quang cảnh lại trở lại bình thường. Triệu chứng độc nhất cho thấy dân chúng đã biết về những cơn sóng gió sắp đến, là những nhóm nhỏ tụ tập bên đường như đương xì xào bàn tán. Sinh hoạt không ồn ào như trước và trên tất cả mọi khuôn mặt, chỉ thấy những nét lo âu. Hôm đó Sài Gòn được tin là địch quân đã chiếm được Phan Rang và chỉ còn cách thủ đô khoảng hơn 300 cây số.

Tôi trở về căn nhà ở đường Nguyễn Huệ để gặp mẹ và chị tôi. Tình trạng mỗi ngày một nguy hiểm mà gia đình thì không biết xoay xở ra sao, nên thấy tôi về cả nhà hết sức vui mừng. Tôi cố trấn an gia đình, hứa sẽ lo liệu mọi việc và sau khi nghỉ ngơi được ít phút, gọi dây nói vào phủ Tổng Thống để thông báo là vừa ở Hoa Kỳ về. Chánh Văn Phòng phủ Tổng Thống lúc bấy giờ là Đại Tá Võ Văn Cầm trả lời rằng ông sẽ lập tức trình tổng Thống biết ngay và sẽ gọi lại. Một lúc sau ông Cầm gọi lại và nói rằng: "Tổng Thống hiện đang phải lo liệu về tình trạng ở Phan Rang mới bị lọt vào tay của địch quân (ông Thiệu sinh quán ở Phan Rang) nên yêu cầu Đại Sứ gặp ông Thủ Tướng trước rồi Tổng Thống sẽ tiếp Đại Sứ sau".

Phản ứng của ông Thiệu đối với việc tôi vừa trở về, cho thấy rõ là tình trạng thật khẩn trương. Lần cuối cùng tôi họp với ông trước khi lên đường sang Hoa Kỳ là vào trung tuần tháng ba. Kể từ ngày ấy đến nay thì mới có hơn ba tuần. Nếu đem so sánh khung cảnh của Sài Gòn lúc đó và lúc này thì có lẽ chẳng ai có thể tin được mức độ dồn dập của những biến cố đã xảy ra.

Lúc này tôi vừa trở về từ một nơi vốn được coi là nguồn gốc cho mọi sự giúp đỡ Việt Nam trong lúc nguy khốn, nhưng ông Thiệu tỏ vẻ không cần biết gì đến kết quả chuyến đi của tôi nữa. Thường thường mỗi lần tôi ở ngoại quốc về và trong những trường hợp chẳng có gì là khẩn trương, lúc nào ông cũng gặp tôi ngay. Vậy mà trong trường hợp sinh tử của đất nước, ông không muốn gặp và báo tôi gặp Thủ Tướng Nguyễn Bá Cẩn, người mà ở Sài Gòn ai cũng biết là không có chút ảnh hưởng nào. Tôi sực nhớ đến những nhận xét của Ted Shackley và Shaplen: "Ông Thiệu như người mất hết bình tĩnh và sáng suốt", "ông Thiệu và Đại Sứ Martin đang bế môn tỏa cảng", rồi tự hỏi trong tình trạng nguy ngập hiện tại ai là người điều khiển mọi việc!

* * *

Giai đoạn kết thúc chiến tranh Việt Nam có lẽ thực sự bắt đầu vào ngày 11 tháng 3 năm 1975, tuy rằng lúc đó không mấy người nhìn

https://tieulun.hopto.org

thấy. Ngày hôm ấy ba tiểu đoàn chính quy của Bắc Việt đột nhiên tấn công Ban Mê Thuột. Thực ra thì Ban Mê Thuột chỉ là một thị trấn nhỏ trên vùng Cao Nguyên. Tại đó cuộc phòng thủ cũng không lấy gì làm kiên cố cho lắm và ngay sau khi Ban Mê Thuột đã bị lọt vào tay Cộng Sản, người ta cũng không nhận thấy sự hoảng hốt đặc biệt nào ở Sài Gòn. Đối với một số đông quan sát viên quân sự thì mất Ban Mê Thuột là một thất trận nghiêm trọng, nhưng không ai cho đó là một vấn đề sinh tử, vì nhiều lần trong quá khứ quân lực Việt Nam Cộng Hòa đã từng phản công và chiếm lại những thành phố lớn hơn như Huế hồi Tết Mậu Thân và Quảng Trị hồi mùa hè đỏ lửa 1972.

Ban Mê Thuột thất thủ vào lúc tôi vừa trở về Sài Gòn sau một chuyến công du ngoại giao ở thủ đô Ấn Độ, New Dethi. Đây là một trong những chuyến đi trong phạm vi hoạt động của tôi với tư cách Đại Sứ Lưu Động. Nhiệm vụ chính của tôi là đi tới bất kỳ nơi nào có nhu cầu, hoặc để trình bày quan điểm của Việt Nam, hoặc để cải thiện mối giao hảo với một nước nào đó (như trường hợp Ấn Độ, Nam Dương hay Mã Lai Á) hay để cầu thêm ngoại viện (như trường hợp Pháp, Anh và Nhật Bản). Cứ vào khoảng hai ba tháng một lần, ông Thiệu lại bảo tôi lên đường, và thường thường vào chặng cuối của chuyến đi thì tôi lại trở lại Hoa Kỳ để theo dõi tình hình ở đây. Với một chiếc cặp đầy nhắp những hồ sơ và tài liệu về nhu cầu quân sự và kinh tế của Việt Nam, tôi như một người chào hàng cho một món hàng càng ngày càng mất giá trên chính trường quốc tế.

Hôm đó, ngày 15 tháng 3, 1975, ông Thiệu lại cho mời tôi vào dinh Độc Lập để gặp ông và chuẩn bị cho một chuyến đi nữa sang Hoa Thịnh Đốn. Lần này thì nhu cầu thực sự là khẩn thiết vì Ban Mê Thuột đã thất thủ và cuộc tấn công của những đơn vị Cộng Sản đang lan rộng.

Về những buổi họp với ông Thiệu thì mỗi lần chúng tôi thường trao đổi ý kiến về nhiều vấn đề quốc tế và đôi khi về cả một số vấn đề nội bộ quan trọng. Ông luôn luôn có nhã ý dành nhiều thời giờ cho buổi họp để phần thảo luận có tính cách cởi mở, và cũng vì vậy tôi vẫn thường thẳng thắn trình bầy quan điểm của tôi, mặc dầu nhiều khi biết rõ là không làm ông vui lòng.

Từ năm 1965, tôi là người được ông Kỳ giữ lại làm việc sau khi chính phủ quân nhân Thiệu – Kỳ thay thế chính phủ Phan Huy Quát, vị Thủ Tướng dân sự của Việt Nam vào giai đoạn đó. Là một thành phần dân sự, tôi vốn không mấy tin tưởng vào giải pháp quân nhân. Ngoài ra với tư cách là Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng, tôi là người cộng sự viên gần nhất của bác sĩ Quát, vì vậy sau khi có chính phủ

https://tieulun.hopto.org

quân nhân, tôi đã nghĩ ngay đến điều hợp lý là trở về trông nom tờ Saigon Post, một tờ báo Anh Ngữ mà tôi đã sáng lập sau cuộc đảo chính chống ông Diệm. Sau những tháng căng thẳng và vật lộn với mọi vấn đề công, điều mong muốn duy nhất của tôi lúc đó là được trở về đời sống bình thường của một người dân, một người làm báo. Nhưng mong muốn là một chuyện, mà thực tế chính trị lại là chuyện khác, và kết quả là tôi ở lại làm việc với chính phủ Nguyễn Cao Kỳ. Điều đó một phần có lẽ vì có lời khuyên của bác sĩ Quát nên tạm thời nhận lời mời của ông Kỳ, rồi sau tìm cách cáo ốm và rút lui, nhưng một phần lớn cũng do sự tin tưởng quá dễ dàng của tôi. Trong chính phủ Quát, với tư cách là cộng sự viên thân cận của Thủ Tướng Chính Phủ, tôi có nhiệm vụ liên lạc với Hoa Kỳ, do đó có sự giao hảo với Đại Tướng Maxwell Taylor và ông Alexis Johnson, Đại Sứ và Phó Đại Sứ Hoa Kỳ tại Sài Gòn. Chính phủ quân nhân muốn giữ tôi lại làm việc, phải chăng muốn giữ sự liên lạc và mối giao hảo đó? Tôi vọng tưởng cho rằng ở vào vị trí ấy, may ra sẽ có thể ảnh hưởng vào chính sách của họ. Với lập luận đó, tôi gạt bỏ cả mọi ngần ngại mà nhận ở lại làm việc.

Quả thực mối liên hệ của tôi với chính phủ quân nhân và các ông Thiệu và Kỳ lúc đầu không lấy gì làm mật thiết cho lắm. Tuy nhận công tác, tôi không được biết hai ông nhiều, nhất là ông Thiệu. Theo nhiều người, ông ấy rất ít khi chịu đựng chỉ trích. Nhìn lại quá khứ, tôi và nhiều người khác nữa vẫn thường thắc mắc không hiểu tại sao ông Thiệu nhiều khi chịu khó nghe những lời lẽ bộc trực của tôi, tỉ dụ những đề nghị, nhắc đi nhắc lại, lần này qua lần khác, về sự cần thiết có một chính phủ đoàn kết, quy tụ được những khuynh hướng không Cộng Sản ở trong nước và những thành phần có khả năng, để có thể đối phó với Cộng Sản và đồng thời giải quyết được những vấn đề khó khăn trong hai lãnh vực kinh tế và xã hội. Ông Thiệu hầu như không mấy quan tâm và chính phủ của ông phần lớn gồm những người muốn chiều theo ý ông nhiều hơn là có những sáng kiến bạo dạn, ấy là chưa kể đến những phần tử tham nhũng mà ông dung túng vì lý do này hay lý do khác.

Thực ra thì ông Thiệu không phải là không trông thấy những sự thiếu sót đó. Có nhiều lần sau những buổi họp kéo dài với một số Bộ Trưởng trong chính phủ mà không đi đến một kết quả nào, ông đợi cho những vị đó ra về rồi giơ tay lên trời, tỏ vẻ bất mãn và nói với tôi rằng: "Đấy anh xem, toàn như thế cả!" Những lúc đó là lúc tôi thừa dịp để thúc đẩy: "Tổng Thống cần phải thay đổi chính phủ", nhưng khi cuộc bàn cãi đi đến chỗ cần phải có một quyết định thì

https://tieulun.hopto.org

phản ứng của ông lại như cũ: "Để tôi suy nghĩ lại" và kết cục sự trì hoãn và bản tính chần chừ và nghi ngờ cố hữu của ông vẫn thắng.

Từ mấy tháng trước ngày 15 tháng 3, ngày ông Thiệu cho mời tôi vào dinh Độc Lập để gặp ông và sửa soạn cho chuyến đi Hoa Thịnh Đốn, tình hình trong nước đã rất khó khăn. Nhiều phong trào chống đối ông và chính phủ đã công khai tổ chức nhiều cuộc biểu tình và hội thảo không những ở Sài Gòn, mà còn ở nhiều địa phương khác để tố cáo tham nhũng; nay lại có cuộc tấn công của những đơn vị chính phủ Cộng Sản. Dĩ nhân là chuyến đi của tôi chỉ có mục đích đi vận động ngoại viện, nhưng vì nhận thức cục diện cả về hai phương diện quân sự lẫn chính trị càng ngày càng nguy hiểm, nên tôi nghĩ rằng đây có lẽ là cơ hội để thuyết phục ông Thiệu thay đổi chính sách thụ động, ù lì của ông. Và để có thêm áp lực đối với ông, tôi thấy nên rủ thêm bác sĩ Trần Văn Đỗ, cựu Ngoại Trưởng và anh Trần Quốc Bửu, Chủ Tịch Tổng Công Đoàn Lao Công Việt Nam, hai người bạn mà tôi biết đang lo lắng về các biến chuyển, cùng tới gặp ông Thiệu. Được sự đồng ý của cụ Đỗ và anh Bửu tôi liền gọi dây nói vào phủ Tổng Thống để đề nghị một buổi họp mở rộng với sự có mặt của hai người. Đề nghị gặp những người chống đối và chỉ trích ông, thì dĩ nhiên ông Thiệu khó chấp nhận, nhưng gặp cụ Đỗ và anh Bửu là hai chính trị gia tuy độc lập nhưng vẫn được ông kính nể, thì lại là một điều ông Thiệu khó từ chối. Đồng thời tôi chắc rằng ông cũng hiểu là ngoài chuyện đi cầu viện, chúng tôi muốn đề cập đến sự cần thiết phải có một chính sách mới, một chính phủ mới khả dĩ động viên mọi người để đương đầu với mối nguy Cộng Sản đang đe dọa miền Nam. Ngày hôm sau, đại tá Võ Văn Cầm cho biết là ông Thiệu vui lòng tiếp cả ba chúng tôi. Chúng tôi gặp ông Thiệu ngày 15 tháng 3 và được sự đồng ý tiếp tay của cụ Đỗ và anh Bửu, tôi trình bầy với ông Thiệu là muốn đi cầu ngoại viện ở Hoa Kỳ, thì điều phải làm trước mắt nhất là chấn chỉnh nội bộ, tạo hình ảnh của một miền Nam đoàn kết đang nỗ lực chống xâm lăng của miền Bắc. Có như vậy thì mới có được ảnh hưởng tốt đối với dư luận và Quốc Hội Hoa Kỳ.

Từ trước tới nay, qua những phúc trình của tôi cũng như qua báo chí ngoại quốc, ông Thiệu cũng biết rõ là nhiều người ở Hoa Kỳ coi ông là một nhà độc tài quân phiệt, và một trong những thất vọng lớn nhất của tôi là không làm thế nào giải thích được để ông quan tâm đến những bất lợi cho miền Nam, do ấn tượng không mấy tốt đẹp đó gây ra. Ông có vẻ coi thường và cho rằng dư luận đó được thổi phồng lên bởi những giới thiên tả chống chiến tranh. Tôi chia sẻ phần nào quan điểm của ông vì đã trông thấy nhiều điều sai lầm mà vẫn được

https://tieulun.hopto.org

coi là sự thật bởi dư luận Mỹ, nhưng lại nghĩ rằng đó là một thực tế chính trị và thường nói với ông rằng chừng nào chúng ta còn cần đến viện trợ Mỹ thì chúng ta không thể bỏ qua thực tế chính trị đó được. Chỉ khi nào chúng ta không còn cần đến viện trợ của Hoa Kỳ nữa, thì mới có thể coi nhẹ những gì họ nghĩ và nói (đúng hay sai) về chúng ta.

Lúc này thì tất nhiên hơn bao giờ hết, Việt Nam Cộng Hoà đang cần đến viện trợ Mỹ, và Ban Mê Thuột bị mất lại càng làm cho vấn đề viện trợ thêm cần thiết. Cụ Đỗ, anh Bửu và tôi, cả ba người chúng tôi đều nhấn mạnh với ông Thiệu là chính phủ Việt Nam cần phải có những biện pháp táo bạo để đập mạnh vào dư luận và Quốc Hội Hoa Kỳ và đồng thời để động viên tinh thần người dân trong nước. Nhằm đạt mục đích này, tối thiểu cũng phải thành lập một chính phủ đoàn kết quốc gia với sự tham gia rộng rãi của những khuynh hướng chính trị để nói lên quyết tâm chiến đấu của người miền Nam trước sự đe dọa của Cộng Sản. Dầu cho quyết tâm đó không có ảnh hưởng vào dư luận Hoa Kỳ, thì ít nhất cũng làm cho người dân giữ vững tinh thần chiến đấu trong giai đoạn khó khăn. Buổi họp với ông Thiệu kéo dài đến bốn năm tiếng đồng hồ và làm cho bên ngoài có nhiều người đã tung ra tin đồn là tôi đã yêu cầu ông Thiệu từ chức (1). Sự thực thì hôm ấy tôi không yêu cầu ông từ chức, nhưng tôi đã làm tất cả những gì tôi có thể làm để trình bày với ông những biện pháp mà tôi nghĩ cần phải có vào những ngày nghiêm trọng nhất của miền Nam Việt Nam.

Cho đến lúc đó mà ông Thiệu có vẻ vẫn muốn theo đuổi chính sách ù lì của ông. Ông đồng ý với chúng tôi là cần có sự thay đổi và ông cũng yêu cầu chúng tôi đưa ra những đề nghị cụ thể, nhưng tôi có cảm tưởng là ông muốn trì hoãn. Ông hứa hẹn như những lần trước, nhưng chưa thực sự quyết tâm muốn có sự thay đổi. Thật là đến lúc cùng đường mà ông vẫn bám víu vào địa vị, quyền hành và tỏ ra không đủ khả năng để có những biện pháp thích ứng với thời cuộc và sự chờ đợi của người dân, cũng như để đáp ứng những nhu cầu của nước bạn đồng minh, một đồng minh mà ảnh hưởng có giá trị quyết định đối với sự sống còn của chính quyền do ông lãnh đạo cũng như của cả miền Nam Việt Nam.

Khởi hành từ Sài Gòn ngày 18 tháng 3, qua Bangkok và Ba Lê, tôi tới Hoa Thịnh Đốn vào những ngày đầu xuân, đúng mùa hoa đỗ quyên và anh đào bắt đầu chớm nở, nhưng tâm hồn còn đang tràn ngập bởi lo âu, tôi thực sự chẳng còn nhìn thấy gì nữa. Khi ghé qua Ba Lê một ngày, tôi đã được nghe đầy đủ về cuộc triệt thoái Cao

https://tieulun.hopto.org

Nguyên. Thay vì củng cố lại những đơn vị trên vùng Cao Nguyên sau khi Ban Mê Thuột thất thủ, ông Thiệu đã ra lệnh rút hết tất cả về miền duyên hải. Vì những đại lộ chính bị cắt ngang nên những toán quân triệt thoái đã phải tìm những con đường mòn giữa rừng núi và chính ở ngay giữa miền rừng núi này mà những toán quân triệt thoái đã bị cắt ra từng đoạn và bị địch quân tiêu diệt. Cùng một lúc, những sư đoàn chính quy của Bắc Việt ngang nhiên tấn công theo những đại lộ dọc bờ biển làm cô lập những thành phố lớn như Huế và Đà Nẵng. Một thất trận lúc đầu có tính cách cục bộ, địa phương ở Ban Mê Thuột bỗng nhiên trở thành một thảm bại quân sự ảnh hưởng đến cả toàn bộ chiến cuộc Việt Nam. Tôi mới rời khỏi Sài Gòn chưa đầy 10 ngày, tưởng có thời giờ để vận động Quốc Hội Hoa Kỳ chấp thuận ngân khoản đặc biệt 700 triệu Mỹ Kim cho Việt Nam, thế mà bây giờ ngân khoản đó đã trở thành một vấn đề cấp bách, sinh tử đối với miền Nam Việt Nam và trong những ngày tới, những trung tâm quyền lực của Hoa Kỳ sẽ quyết định về vấn đề đó như đối với màn cuối của một thảm kịch vào đoạn chót.

Tôi tới thủ đô Hoa Kỳ được một ngày thì cố đô Huế bị cắt đứt liên lạc với Sài Gòn. Hàng trăm ngàn dân tản cư đổ xô về phía Nam dọc theo mấy con đường ven biển về Đà Nẵng để tránh những mũi dùi của quân đội Cộng Sản. Mỉa may thay, trong những ngày ấy Quốc Hội Hoa Kỳ gần như không để ý đến những gì đang xảy ra ở Việt Nam và quyết định ngưng họp 10 ngày để nghỉ như thường lệ vào dịp lễ Phục Sinh. Ngoại Trưởng Kissinger thì lên đường đàm phán ở Trung Đông và Tổng Thống Ford thì còn phải đi nghỉ ở Vail, Colorado, nơi trượt tuyết có tiếng của Hoa Kỳ. Đối với tôi, thì thật là một cảnh tượng bi đát vì nói chuyện với ai bây giờ! Còn có mỗi một người tôi có thể gặp được là Thứ Trưởng Ngoại Giao Philip Habib. Tôi tới gặp ông ngay buổi chiều ngày tôi vừa tới. Ông Habib là một người bạn thân từ hơn 10 năm về trước, khi ông mới còn là Sứ Thần tại tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn. Ông vừa là một người bạn, một nhà ngoại giao can đảm và bộc trực, nhiều khi đến độ thật tàn nhẫn. Vừa gặp tôi, ông đã đi thẳng vào vấn đề: “Lúc này Tổng Thống Ford đang bị trói chặt bởi đạo luật về quyền hạn chiến tranh do Quốc Hội thông qua năm trước (War Powers Act) và gần như hoàn toàn bất lực. Tôi không biết Tổng Thống có thể làm gì để có thể thuyết phục được Quốc Hội. May ra thì chỉ còn có cách trình bày để Quốc Hội nhìn thấy tình trạng đặc biệt khẩn trương ở Việt Nam”.

Tuy vậy, ông cũng không bi quan bằng Thượng Nghị Sĩ Aiken mà tôi gặp sau khi gặp ông. Ông Aiken là một Thượng Nghị Sĩ

https://tieulun.hopto.org

đảng Cộng Hòa thuộc tiểu bang Vermont, một người bạn đã giúp tôi nhiều trong quá khứ và mối dây liên lạc của tôi tại Thượng Viện Hoa Kỳ. Ông là bạn cố tri của Thượng Nghị Sĩ Dân Chủ Mike Mansfield, lãnh tụ đa số tại Thượng Viện, người chủ trương phải sớm chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Những nhận xét của ông Aiken về bầu không khí ở Thượng Viện thường vẫn hết sức sắc bén nên ông là người đầu tiên tôi tới thăm ở Quốc Hội. Tôi vừa tới văn phòng của ông, ông đã kéo tôi ra một góc và nói rằng: "Tình thế hết sức khó khăn, nếu không nói là tuyệt vọng". Và sau đó vào lúc tôi tìm đến những Thượng Nghị Sĩ và Dân Biểu khác thì tôi có cảm giác là ngay cả những người bạn cũ nay cũng tìm cách tránh né, từ chối khéo không muốn gặp hoặc có gặp thì cũng không giấu nổi sự miễn cưỡng.

Ngày 30 tháng 3, Đà Nẵng, hơn 100 cây số phía Nam Huế, một thành phố lớn thứ hai của Việt Nam, bị một lực lượng 35 ngàn quân Bắc Việt chiếm đóng. Đêm hôm ấy trên những đài truyền hình Hoa Kỳ, người ta chỉ thấy toàn những cảnh tượng hãi hùng, phụ nữ trẻ em bị giẫy xéo trong đám đông hỗn loạn, dân quân đạp lên nhau cố vượt ra khỏi vòng vây thắt chặt thành phố, hàng trăm ngàn dân tản cư tràn về phía Nam.

Lúc này đường dây liên lạc giữa Sứ Quán ở Hoa Thịnh Đốn và Sài Gòn bị cắt đứt hoàn toàn, chúng tôi không còn liên lạc được với ông Thiệu nữa. Mặc dầu chúng tôi gửi về đến hàng chục điện khẩn về Sài Gòn mà tuyệt nhiên không được một tin trả lời, dường như có một bức màn vô hình chụp xuống, cắt lìa Sài Gòn với thế giới bên ngoài. Tối đến, anh Trần Kim Phượng (người đã thay thế tôi trong chức vụ Đại Sứ tại Hoa Thịnh Đốn) và tôi, chúng tôi ngồi lịm người trước máy truyền hình, nhìn những thành phố, những địa danh quen thuộc theo nhau lần lượt bị xóa tên trên bản đồ miền Nam Việt Nam. Ở mười ngàn dặm xa, đất nước đang chết dần trong khi đó thì chúng tôi hoàn toàn bất lực.

Cũng vào những ngày đó, một tia hy vọng chợt lóe lên khi Tổng Thống Hoa Kỳ quyết định gửi một phái đoàn đi Việt Nam để lượng định tình hình tại chỗ. Phái đoàn gồm có tướng Weyand, Tham Mưu Trưởng Lục Quân, Eric Von Marbot, Thứ Trưởng Quốc Phòng, đặc trách quân nhu và Ted Shackley, người của cơ quan tình báo CIA trông coi về những vấn đề Đông Nam Á. Ngoài nhiệm vụ lượng định tình hình, phái đoàn còn có nhiệm vụ đề nghị những biện pháp viện trợ cho Việt Nam. Phái đoàn thăm viếng Việt Nam, duyệt xét tình hình với các nhà chức trách Việt Nam và Hoa Kỳ trong thời gian chưa đầy một tuần và khi phái đoàn trở về ngày 9 tháng 4 thì tôi tới gặp

https://tieulun.hopto.org

ngay tướng Weyand. Mặc dầu hết sức bi quan, tướng Weyand có nói với tôi rằng Việt Nam vẫn còn cơ hội tập trung lực lượng để phản công nếu viện trợ về khí giới đạn dược được gửi tới kịp thời, vì vậy mà ông đề nghị Quốc Hội chấp thuận ngay đạo luật viện trợ khẩn cấp cho Việt Nam (emergency funds).

Vào lúc này, tất cả các lực lượng Cộng Sản với đầy đủ vũ khí, xe cộ của khối Cộng Sản đang được trải rộng ra, tiến theo đội hình hàng dài dọc theo mọi ngả đường. Trong suốt cuộc chiến, chưa lúc nào những đơn vị Cộng Sản lại hành quân lộ liễu và có thể dễ bị máy bay tiêu diệt như lúc này; và tại Xuân Lộc, sư đoàn 18 bộ binh của Việt Nam Cộng Hòa đang chiến đấu anh dũng chống lại những cuộc tấn công của Cộng Sản, do đó nhiều người nghĩ rằng nếu đúng như lời hứa của Tổng Thống Nixon và ông Kissinger ngày ký kết Hiệp Định Ba Lê năm 1973, Không Quân Hoa Kỳ can thiệp ồ ạt ngay vào cuộc chiến thì chưa chắc gì địch quân đã có thể tiếp tục cuộc tấn công. Rồi nếu chặn đứng được cuộc tấn công và sau đó được tiếp tế đầy đủ và lấy lại được tinh thần, biết đâu quân đội miền Nam lại chẳng lấy lại được những vùng đã mất như những năm về trước.

Mặc dầu màn đêm đã bao trùm tất cả, trong trí tưởng tượng của chúng tôi ở Hoa Thịnh Đốn, chúng tôi vẫn nghĩ đến những điều đó và cố bấu víu vào hy vọng là Quốc Hội Hoa Kỳ vào lúc chót sẽ chấp thuận đạo luật viện trợ. Nhưng không may thay, Quốc Hội Hoa Kỳ lúc này lại là một Quốc Hội chán ngấy với chiến tranh, một Quốc Hội đã mệt mỏi vì phải viện trợ cho một đồng minh mà một phần dư luận Mỹ coi như bất tài và tham nhũng do lý luận sai lạc của những phần tử phản chiến. Hoa Kỳ đang sắp phải có một quyết định cuối cùng về Việt Nam. Trong sự cân nhắc, liệu có nên tiếp tục viện trợ cho Việt Nam nữa không, những vị đại diện dân cử của Hoa Kỳ sẽ phải mang lên bàn cân; một bên là tiền bạc và xương máu của Hoa Kỳ trong hơn hai mươi năm và một bên là uy tín và vị trí chiến lược của Hoa Kỳ ở Đông Nam Á Châu. Hơn nữa lại còn lập luận của một số người cho rằng vào giờ phút này của chiến tranh, dù có viện trợ thêm cho Việt Nam đi nữa, cũng chỉ kéo dài thêm cơn hấp hối và gây thêm thống khổ cho người dân Việt Nam.

Thực tế cho tôi biết rằng rồi đây Quốc Hội Hoa Kỳ sẽ quyết định theo chiều hướng những quyền lợi trước mắt của Hoa Kỳ lúc đó, và với kinh nghiệm đã học hỏi được về chính trường Hoa Kỳ, không những tôi phải chờ đợi quyết định đó mà còn phải hiểu tất cả những lý do của quyết định đó. Nhưng trong tâm khảm, tôi nghĩ một cách chủ quan rằng câu hỏi quan trọng về vấn đề viện trợ chỉ liên quan một

https://tieulun.hopto.org

phần đến uy tín của Hoa Kỳ hay khả năng lãnh đạo của những nhà cầm quyền ở Sài Gòn. Câu hỏi quan trọng đối với tôi là rồi đây số phận của hơn hai chục triệu đồng bào và con cháu ở miền Nam sẽ ra sao? Và dĩ nhiên về phía Hoa Kỳ, không mấy ai nghĩ đến câu hỏi này. Vì lẽ đó, tôi không thể chịu được nỗi uất ức khi nghĩ đến trường hợp Việt Nam phải chấp nhận một quyết định bất công của Quốc Hội Hoa Kỳ. Tối mịt, trở về căn nhà nhỏ ở vùng ngoại ô Hoa Thịnh Đốn, càng nghĩ đến những điều đó, tôi càng không cầm được nước mắt…

Tia hy vọng ngắn ngủi về vấn đề Hoa Kỳ viện trợ khẩn cấp cho Việt Nam tắt phụt vài ngày sau khi tướng Weyand từ Việt Nam trở về Hoa Kỳ. Quốc Hội Hoa Kỳ bác bỏ đạo luật viện trợ cho Việt Nam vào ngày 11 tháng 4. Những người hiểu thực tế thì cho rằng vào lúc đó tình hình đã quá trễ vì vậy quyết định của Quốc Hội Hoa Kỳ không còn quan trọng nữa, nhưng đối với tôi thì quyết định đó quả thật là một quyết định phũ phàng, công khai xác nhận việc Hoa Kỳ bỏ rơi một nước bạn đồng minh. Những chiến sĩ đang chiến đấu anh dũng ở Xuân Lộc và cả hàng triệu người đang chạy tản cư ở miền Nam lúc đó dĩ nhiên không hề hay biết gì về bản án khai tử miền Nam Việt Nam của Quốc Hội Hoa Kỳ.

* * *

Kể từ ngày Tổng Thống Johnson còn đương nhiệm, tôi đã giữ chức vụ Đại Sứ của Việt Nam Cộng Hòa tại Hoa Kỳ. Tôi cũng là người liên lạc giữa hai chính phủ Hoa Kỳ và Việt Nam. Trải qua tất cả những hội nghị thượng đỉnh giữa hai nước (từ Honolulu đến Guam, rồi đến Manila, Midway) và những đợt tấn công của đối phương (từ Tết Mậu Thân đến mùa hè đỏ lửa 1972, rồi đến tháng 4, 1975) công việc của tôi lúc nào cũng gắn liền với những biến chuyển ở Việt Nam. Nhưng sau đạo luật khai tử miền Nam Việt Nam của Quốc Hội Hoa Kỳ thì vai trò của tôi kể như đã chấm dứt. Chẳng còn liên lạc được với chính phủ ở Sài Gòn, chẳng còn việc gì để làm bên cạnh những trung tâm quyền lực Hoa Kỳ, tôi trở về với gia đình, dán mắt vào máy truyền hình như bị thôi miên bởi tấn thảm kịch, mặc dầu cứ mỗi lần nhìn vào, là mỗi lần bị dội lại bởi những cảnh tượng hãi hùng ở quê hương.

Bỗng nhiên tôi nhớ lại một mùa hè ngắn ngủi, khoảng một năm về trước, khi cả gia đình tôi được dịp quây quần ở bãi biển Nha Trang. Nước thì trong vắt màu lục biếc, còn những bờ cát thì trắng mịn, long lanh. Không hiểu có phải do một thứ linh tính nào đó, nằm nhìn bãi biển dưới nền trời xanh ngắt và xa xa những rặng núi của

https://tieulun.hopto.org

những đảo nhỏ ngoài khơi Nha Trang, tôi đã tự nhủ: nếu cảnh đẹp này, nếu giang sơn gấm vóc này mà mất đi thì niềm đau có lẽ sẽ vô cùng vô tận. Rồi những ký ức từ xa xăm tự nhiên kéo về như một cuốn phim quay chậm. Tôi thấy mình đang đứng trong một thửa ruộng gần nhà lúc còn nhỏ ở quê hương miền Bắc, chăm chú nhìn những chiếc mát bay hai đuôi, P.38, của Hoa Kỳ dội bom vào những vùng quân đội Nhật Bản chiếm đóng gần Hà Nội. Lần đó là lần đầu tiên tôi nhìn thấy sự can thiệp của Hoa Kỳ vào Việt Nam. Tôi không ngờ rằng lúc này, 35 năm sau, tôi lại là một chứng nhân, bất lực đứng ngoài, mục kích màn kết liễu của sự can thiệp đó. Dầu muốn dầu không, cuộc đời tôi cũng nối liền vào những biến cố lôi cuốn quê hương vào cơn lốc của lịch sử.

---

(1) Xin coi cuốn "Decent Interval" của Frank Snepp, một nhân viên thuộc cơ quan tình báo CIA tại tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 2
Lúc Còn Nhỏ, Đi Học

Ông thân sinh ra tôi là Bùi Kỷ. Ông vốn là một nhà nho phóng khoáng, phóng khoáng đến độ chẳng coi việc gì là quan trọng. Đối với ông thì trời có sập đổ xuống cũng chẳng thành vấn đề. Sống trong truyền thống của các cụ nhà nho, ông chọn bút hiệu là Ưu Thiên. Ưu là lo và Thiên là trời. Vì ngày xưa sách có ghi rằng người nước Kỷ thường hay lo trời đổ, tên ông lại là Kỷ, nên ông chọn bút hiệu là Ưu Thiên. Ông thường nói: "Những kẻ lúc nào cũng lo âu mọi chuyện là những kẻ dại" và trong một bài thơ mà nhiều người biết, ông viết rằng:

"Lo như ai cũng là ngốc thật
Lo trời nghiêng lo đất chông chênh
Lo chim bay lạc tổ quên cành
Lo cá lội xa ghềnh lạ nước
Hão huyền thế đố ai lo được
Đem gang tay đánh cuộc với cao dầy…"

Ngay khi còn trẻ, bố tôi đã có ý không muốn theo con đường của một số người thời đó là ra làm quan dưới chính quyền đô hộ Pháp. Ông tìm cách đi du học nước ngoài và năm 1912, ông sang Pháp rồi vào học Trường Thuộc Địa (Ecole Coloniale). Ở Pháp ông đã có dịp gần gũi làm bạn với các Cụ Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường và những lãnh tụ quốc gia thời đó, nhưng có lẽ bản chất của ông không phải là người làm cách mạng nên sau những năm ở Pháp, ông trở về Việt Nam và mở trường dạy học. Đã có lần, lúc tôi mới 11, 12 tuổi ông kể cho tôi nghe về những năm ông ở bên Pháp và bảo tôi rằng: "Những người như Cụ Phan Chu Trinh tranh đấu để nước ta có được một tương lai sáng sủa hơn và bổn phận của tất cả chúng ta là phải ủng hộ cuộc tranh đấu đó". Như vậy lập trường của ông thật là rõ nét, nhưng với bản chất cố hữu của ông là đứng ngoài mọi việc, ông đã không chọn con đường hành động.

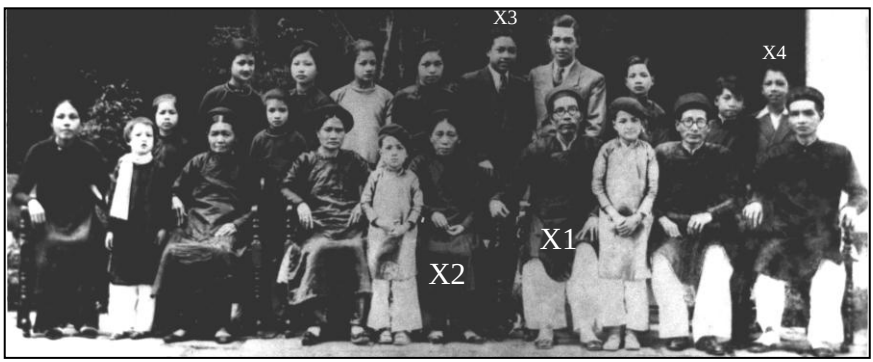
Bản tính cố hữu này có vẻ như đã ăn sâu thành cội rễ trong gia đình tôi từ lâu. Cụ nội tôi (Bùi Văn Quế) vốn làm quan trong triều. Sau khi đậu Phó Bảng, cụ ra làm quan và giữ chức Tham Tri Bộ Hình, lãnh Tuần Phủ Nam Ngãi – Thuận Khánh, nhưng đến năm 1882 thì cụ xin cáo quan để về quê làm ruộng và dạy học. Cụ cùng một thời

https://tieulun.hopto.org

với cụ Tam Nguyên Yên Đỗ Nguyễn Khuyến và cáo quan về trước cụ Nguyễn Khuyến hai năm. (Về sau này, người ta thường nhắc tới bài thơ "Gửi Bác Châu Cầu" của cụ Nguyễn Khuyến: "Mấy lời nhắn nhủ Bác Châu Cầu, Lụt lội năm nay Bác ở đâu! Mấy ổ lợn con nay còn mất! Vài gian nhà thóc ngập nông sâu!" làng Châu Cầu ở Phủ Lý là quê của giòng họ tôi).

Ông nội tôi cũng vậy. Thi đậu tiến sĩ, ông nghè Bùi Thức cũng theo gương cụ nội tôi ở lại làng để dạy học. Như thế nếu ông thân sinh ra tôi, sau khi đậu Phó Bảng, không muốn ra làm quan mà chỉ muốn mở trường, thì điều đó chẳng qua cũng chỉ là do nếp cũ trong gia đình.

Ảnh hưởng từ tổ tiên lâu đời trong giòng họ đã khiến quan niệm của tôi đối với người Pháp như một định kiến. Chế độ thuộc địa của người Pháp là một chế độ không thể chấp nhận được. Ngoài ra, hình như tôi cũng còn thừa hưởng từ các cụ lối nhìn vào mọi việc với con mắt xa vời. Các cụ cho rằng mọi thứ trên thế gian này chỉ là nhất thời như chuyện phù vân. Đã đành rằng sinh ra ở đời thì cũng phải có bổn phận với đời, nhưng nếu phiền toái quá, thì tại sao không trở về làm ruộng rồi dạy học, làm thơ hay nghiền ngẫm Lão, Trang, coi thường thế sự?



Tác giả (X4) lúc còn nhỏ tại quê nhà Phủ Lý năm 1935 cùng với phụ thân (X1), phụ mẫu (X2) và bào huynh (X3) trong đại gia đình họ Bùi.

https://tieulun.hopto.org

Mặc dầu như vậy, ngay từ lúc nhỏ tôi đã hiểu rằng rồi đây tôi khó có thể sống cuộc đời học giả, vui thú điền viên như các cụ được. Và chắc chắn là tôi cũng không làm công chức, để hưởng những quyền lợi mà xã hội thời đó dành cho thế hệ chúng tôi. Khung trời Việt Nam vào những thập niên 30, 40, gò bó, nhỏ hẹp quá, khi tôi chỉ muốn bay nhẩy. Luôn luôn đầu óc tôi mơ tưởng đến những chuyện đi xa, đến những nơi mới lạ để tìm hiểu thế giới rộng lớn… Lòng ham muốn lúc đó chỉ mới phôi thai, chưa có gì là cụ thể, song những ý nghĩ viển vông đó đã in sâu vào tôi từ thuở nhỏ cho đến lúc lớn lên. Rồi tôi cũng nhận thức được rằng mọi việc đều tùy thuộc vào việc học, và nếu cố gắng học thì mọi sự đều có thể làm.

Ở cấp tiểu học, tôi học trường Hàm Long gần nhà tôi phố Nhà Rượu, và đến năm 13 thì lên trung học. Thời đó, vào trường công phải thi, lại thêm bố tôi đang dạy tại trường tư thục Thăng Long, nên tôi xin ghi tên tại đây. Có lẽ lúc đó tôi còn nhỏ quá nên chưa biết rằng chính tại trường này, cũng có nhiều người như tôi đang mơ ước về một thế giới bên ngoài, khác hẳn với thế giới gò bó của xã hội Việt Nam dưới thời Pháp thuộc. Nếu có khác thì ở chỗ giấc mơ của tôi hãy còn mông lung quá, hay chỉ là những giấc mơ phiêu lưu nơi đất lạ, trong khi đó thì những người ở đây, đặc biệt là trong hàng ngũ những người giảng dạy, đang mơ về những thay đổi chính trị và xã hội cho dân tộc đang cố vươn mình ra ánh sáng độc lập và tự do. Thực ra, khi tôi vào trường Thăng Long, nơi đây đã sôi sục với những ý chí chống Pháp và những cuộc tranh luận về một tương lai cho xã hội Việt Nam…

Ban giáo sư hồi đó gồm những người như ông Phan Thanh, sáng lập viên của đảng Xã Hội Việt Nam, ông Đặng Thái Mai, sau này làm Bộ Trưởng Giáo Dục, ông Hoàng Minh Giám, sau này làm Bộ Trưởng Ngoại Giao của miền Bắc, ông Trần Văn Tuyên, sau này làm Phó Thủ Tướng ở miền Nam và cũng là một lãnh tụ đối lập dưới thời Đệ Nhị Cộng Hòa miền Nam. Tất cả những giáo sư trên đây đều là thầy dạy tôi, nhưng trong tất cả những nhân vật đáng nhớ, đặc biệt có một người mà tôi khó quên: đó là ông Võ Nguyên Giáp, người dạy tôi về môn Sử. Dáng người nhỏ nhắn, song nhìn vào ông thì thấy cả một bầu nhiệt huyết. Mặc dầu mãi về sau này ông mới nổi tiếng là tướng đánh bại Pháp tại Điện Biên Phủ, nhưng ngay thời đó, ông như người bị quyến rũ bởi cách mạng và đấu tranh. Phần chương trình của lớp đã được ấn định là giai đoạn từ cuối thế kỷ 18 cho đến cuối thế kỷ 19 trong lịch sử Pháp, nhưng ông Giáp nhất định chỉ giảng về hai thời kỳ, là cuộc cách mạng Pháp 1789 và những trận đánh dưới thời Nã

https://tieulun.hopto.org

Phá Luân (Napoléon) rồi còn ngoài ra ông bảo học trò có thể tự tìm hiểu trong quan sát.

Những gì về ông Giáp hồi ấy thật đặc biệt, vì vậy mà lúc này, hơn nửa thế kỷ sau, tôi vẫn còn nhớ rõ rệt. Ông nói về đời sống xa hoa của Marie Antoinette, về công bằng xã hội và Công Xã Ba Lê, về số phận của Danton và Robespierre. Qua phần trình bầy của ông người ta cảm thấy rõ ông không phải là một giáo sư Sử học, nhưng là một người say mê cách mạng. Phần giảng dạy của ông về Nã Phá Luân thì lại càng ly kỳ hơn nữa. Đi đi lại lại trước bảng đen với một cái thước gỗ để chỉ rõ các chiến địa, ông trình bầy tường tận chiến thuật và chiến lược của Nã Phá Luân bằng cách tả rõ từng trận nhỏ một. Hình như ông đã in tất cả vào trong đầu và sử đã biến thành một phần của con người ông. Trong lúc nói rõ về những trận đánh (tỉ dụ như tại sao Nã Phá Luân ra lệnh cho Ngự Lâm Quân chọn một địa điểm này mà không chọn một địa điểm khác) ông như chìm đắm vào thế giới của mình, ông lôi kéo học sinh vào thế giới đó, vì vậy mà trong giờ ông giảng dạy, học sinh thường im lặng như tờ. Ông tỏ vẻ kính phục Danton và Robespierre nhưng rõ ràng là ông ngưỡng mộ Nã Phá Luân, ông nói về Nã Phá Luân như chẳng bao giờ muốn dứt.

Tôi lớn lên trong bầu không khí đó, và dần dần ý thức được rằng dưới bộ mặt phẳng lặng của đời sống học đường, là những đợt sóng ngầm đang chuyển động mạnh. Một đôi khi cùng với ông thân sinh trên đường về ghé qua nhà ông Giáp, tôi có nhìn thấy quyển Tư Bản Luận của Karl Max bằng tiếng Pháp và một số sách khác về chủ nghĩa Xã Hội. Ông bảo tôi lấy về mà đọc. Thực ra thì do một người (có lẽ đã là đảng viên Cộng Sản rồi mà tôi không biết) đến nhà tôi để kèm thêm tôi học toán, tôi cũng đã có khá đầy đủ những tài liệu về thế giới Cộng Sản. Anh ta đưa cho tôi những tạp chí đầy hình ảnh, in thật đẹp ở Mạc Tư Khoa làm cho tôi quen dần với những tên mà hồi đó những người Cộng Sản sùng bái như Tổng Bí Thư Staline, Thống Chế Vorochilov, v.v…

Một người khác nữa trong thời gian ấy cũng là giáo sư tại trường Thăng Long nhưng không thiên về phía tả: ông Trần Văn Tuyên. Tôi gần với ông hơn cả với những người khác, vì tôi trở nên một hướng đạo sinh dưới sự dìu dắt của ông, và mỗi chủ nhật đi cắm trại, ông thường đèo tôi trên xe đạp ở sau lưng ông. Ông là một huynh trưởng trong phong trào hướng đạo, do đó cũng có những tư tưởng tiến bộ về phương diện xã hội, nhưng ông không bao giờ đả động với tôi đến hai chữ Cộng Sản và chỉ nhắc tôi là: "Tình thế này bắt buộc sẽ

https://tieulun.hopto.org

phải thay đổi và chính chúng ta là những người sẽ được nhìn thấy những sự thay đổi đó".

Sát cánh hàng ngày với những người chống Pháp, bố tôi cũng có thái độ không kém dứt khoát và đã từ chối "ra làm quan" với Pháp, nhưng vì bản tính trầm tĩnh với đôi phần lãng tử, thiên về văn chương nhiều hơn là chính trị, ông thường có thái độ thụ động. Ông có cảm tình với những người hoạt động tích cực, và tán thành đường lối tranh đấu của những lãnh tụ cách mạng như cụ Phan Chu Trinh mà ông đã có dịp gần gũi lúc ở Pháp, nhưng dấn thân vào cuộc vật lộn thì không hợp với bản chất con người ông. Vì vậy mà ông dành toàn thời giờ vào việc hợp tác với ông chú tôi là sử gia Trần Trọng Kim (bà Kim là em ruột bố tôi và tôi gọi bà bằng Cô) để phụ giúp hoàn thành bộ Việt Nam Sử Lược. Hết ngày này qua ngày khác, làm việc với nhau tại nhà chú tôi ngay cạnh nhà tôi ở phố Nhà Rượu, hai người liên miên hết bàn đến lịch sử thì lại bàn đến văn chương hay triết lý. Lúc bấy giờ tôi còn trẻ chưa hiểu gì mấy, nhưng nhiều khi tôi thấy hai người say mê bàn về Phật Giáo, Lão Giáo và Vương Dương Minh, quên cả bữa ăn làm cho cô tôi cứ than phiền là nguội cả thức ăn. Hai ông tuy yêu nước như nhiều người đồng thời, nhưng quan niệm rằng nếu có người hoạt động chính trị thì cũng phải có người nỗ lực ở những lãnh vực khác, như lãnh vực sở trường của hai ông là văn chương và giáo dục.

Tuy không biết nguyên tố nào là chính yếu trong sự tạo thành bản thân, tôi chắc đã chịu ảnh hưởng rất nhiều của gia đình và học đường. Tôi bị lôi cuốn bởi tinh thần hăng say và tư tưởng tiến bộ của những người tranh đấu giành độc lập và chủ quyền cho Việt Nam, nhưng vì một lý do nào đó, tôi không thấy gì hấp dẫn ở chủ thuyết Mác-Xít mà có lẽ ông Giáp và một số người khác nữa muốn tôi theo. Rất có thể là tôi đã tiêm nhiễm nhân sinh quan của cha và chú, tuy không như hai ông, tôi còn có khát vọng trông ra thế giới bên ngoài, chứ không chịu khép mình trong tháp ngà thanh cao của các học giả.

Ngay khi ở trung học, tôi đã nghiền ngẫm báo chí ngoại quốc. Tôi đọc hàng ngày tờ nhật báo Pháp "La Volonté Indochinoise" và theo dõi tin tức chiến tranh Hoa-Nhật. Hình ảnh những vụ Nhật ném bom Thượng Hải và Nam Kinh làm cho tôi xúc động với những cảm giác ghét thương lẫn lộn; tuy vẫn oán Tầu đã đè nén Việt Nam trong hơn 1000 năm đô hộ, tôi ghét cuộc xâm lăng tàn bạo của Nhật và thương các nạn nhân Tầu. Cũng vào hồi đó, hàng năm cứ đến vụ hè, bố tôi vẫn bắt tôi về quê ở Phủ Lý một hai tháng để học chữ Hán. Như thế, ở ngay trong nhà, lúc nào cũng có một "ông đồ", tôi mới qua

https://tieulun.hopto.org

được giai đoạn "tam tự kinh", đã bị "ông đồ" buộc phải tập đọc những sách khó hơn như Tứ Thư, Ngũ Kinh.
Chiến tranh Hoa-Nhật kéo dài, nhưng đến 1939 thì mọi người đều thấy rõ là sẽ lan tràn sang phương khác. Ở phía trời Âu, trước chủ trương bành trướng và thái độ càng ngày gây hấn của Đức Quốc Xã, rất nhiều người nghĩ rằng sớm muộn chiến sự cũng sẽ bùng nổ. Vào hồi đó, ở Hà Nội, chúng tôi được coi một cuốn phim truyền hình Pháp, nhan đề là "Sommes nous défendus?" (Nước Pháp có được phòng thủ không?) nói về chiến lũy phòng thủ Maginot của Pháp xây dọc theo biên giới Pháp-Đức. Dĩ nhiên cuốn phim có dụng ý trấn an người Pháp, nhưng đối với người Việt Nam thì lại có tác dụng bất ngờ là vừa gợi ý mầm mống chiến tranh đã sẵn có, vừa thúc đẩy tinh thần dân tộc. Trong dân chúng, chuyện chống Pháp không còn bị giữ kín như trước. Ở trường, chúng tôi thấy dồn về các hội kín được thành lập để thu hút những thanh niên có tinh thần yêu nước, sẵn sàng tranh đấu cho độc lập của tổ quốc Việt Nam. Chẳng ai biết đích xác những hội đó ra sao, và làm thế nào để bắt liên lạc, nhưng ai cũng tin rằng những tổ chức đó có thật.

Vào đầu mùa thu 1939, khi chiến tranh ở Âu Châu bùng nổ, thì trong giới sinh viên chúng tôi, ai nấy đều chứa chan hy vọng. Chúng tôi cảm thấy là nền tảng của nền đô hộ Pháp đã bắt đầu rung chuyển. Rồi chẳng bao lâu, rung chuyển đó biến thành một trận động đất khổng lồ. Nước Pháp, một thế lực toàn năng ngự trị trên đất Việt Nam từ gần một thế kỷ nay, đã sụp đổ cuối tháng 6, 1940, sau khi chỉ cầm cự được vẻn vẹn 6 tuần lễ trước cuộc tấn công dũng mãnh của quân đội Đức Quốc Xã. Chúng tôi thấy, một sớm một chiều, thế giới của chúng tôi đảo lộn hẳn. Với tuổi tôi lúc đó, tôi thuộc vào một thế hệ thứ ba hay thứ tư của một hoàn cảnh gắn liền với nước Pháp, với ngôn ngữ, văn hóa và guồng máy cai trị của nền đô hộ Pháp. Trong khoảnh khắc, một thế giới mới mở rộng trước mắt. Chúng tôi mở mắt, lắng nghe những tín hiệu từ bên ngoài tới, để tìm hiểu ý nghĩa và hậu quả của những diễn biến mới đối với tương lai của đất nước.

https://tieulun.hopto.org

Chương 3
Hội Kín và Đảng Phái Chính Trị Thời Nhật Chiếm Đóng

Chúng tôi chẳng phải chờ đợi lâu. Ngay sau khi Pháp đầu hàng Đức Quốc Xã, Nhật Bản bắt đầu đòi hỏi chính quyền thuộc địa Pháp phải nhượng quyền kiểm soát khu biên giới giữa Việt Nam và Trung Hoa. Vì không có phương tiện chống trả, viên Toàn Quyền Pháp lúc đó, đô đốc Decoux, cố tìm cách trì hoãn, nhưng chỉ vài tháng sau, Nhật không muốn kéo dài tình trạng này, nên thị võ dương oai để buộc Pháp phải nhượng bộ. Họ tấn công thị trấn Lạng Sơn tại miền biên giới và đổ bộ lên hải cảng Hải Phòng. Hết đường chống đỡ, Pháp đành phải thúc thủ, nhìn nhận Nhật Bản có quyền thiết lập căn cứ và đóng quân trên toàn cõi Đông Dương. Để đổi lại sự nhượng bộ đó, Pháp vẫn được tiếp tục cai trị Việt Nam. Mặc dầu trên nguyên tắc theo thỏa hiệp, thực dân Pháp vẫn cầm quyền, mọi người đều thấy rõ quân đội Nhật Bản thiết lập doanh trại, đồn trú ở gần khắp mọi nơi, thả cửa muốn làm gì thì làm dưới con mắt hằn học của dân Pháp. Và cũng vì đã chứng kiến sự nhục nhã mà người Pháp chịu đựng lúc đó, chúng tôi mới nghĩ rằng

Rất có thể sự sụp đổ của chính quyền thuộc địa sẽ không còn xa vời nữa.

Thế là các hội chính trị mọc ra như nấm, ngụy tạo dưới mọi hình thức, nào là hội thể thao, nào là hội đi thăm các di tích cổ, nào là hội ái hữu, v.v... Về phía Cộng Sản, thì họ tích cực hoạt động, thành lập những tổ chức mệnh danh là "cứu quốc" và lập ra những "chiến khu" tại các cùng rừng núi hiểm trở như Cao Bằng, Lạng Sơn. Ông Giáp lúc này không còn dạy học nữa, người ta đồn rằng ông đã lên chiến khu ở miền gần biên giới Tầu. Về phía những người quốc gia, nhiều đảng phái cũng bắt đầu xuất hiện, trong số đó có Việt Nam Quốc Dân Đảng. Sau vụ khởi nghĩa thất bại năm 1930 và cái chết anh hùng của ông Nguyễn Thái Học và những nhà lãnh tụ khác, đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng một phần trốn sang Tầu và phần còn lại lui vào bóng tối. Nay có tin là đảng đã hoạt động trở lại và những đảng viên cao cấp lúc trước trốn qua biên giới đang cố gắng tổ chức lại cơ sở và được sự giúp đỡ của chính phủ Tưởng Giới Thạch. Cũng thấy nói đến Phục Quốc Hội và nhiều tổ chức lấy cùng một tên Đại Việt

https://tieulun.hopto.org

nhưng có khuynh hướng khác nhau như Đại Việt Dân Chính, Đại Việt Duy Dân, Đại Việt Quốc Xã và Đại Việt Quốc Dân Đảng. Riêng về Đại Việt Quốc Xã, người ta đồn rằng trong tổ chức này có nhiều người thân Nhật. Cũng như các bạn học, tôi nghe được tất cả những tin tức đó. Không mấy người biết đích thực, những đảng phái ấy ra sao và đường lối, chính sách như thế nào. Thậm chí không biết đến cả tên những người lãnh đạo, nhưng chúng tôi vẫn cảm thấy kích thích, xôn xao. Chúng tôi nghĩ rằng đất nước đang có cơ hội phá vỡ gông cùm nô lệ và tất cả mọi người đều có bổn phận đóng góp.

Đúng vào lúc các đảng phái bắt đầu phát triển, người Nhật cũng bắt đầu khuấy động trong các giới chính trị. Họ tuyên bố chủ trương đánh đuổi người da trắng, lấy lại chủ quyền cho các dân tộc Á Đông và dùng một danh từ rất kêu để chỉ định chính sách của họ: "Một nền thịnh vượng chung cho Đại Đông Á". Riêng tại Việt Nam, hoạt động của họ cũng không lấy gì làm rầm rộ cho lắm, ít nhất là trong những năm đầu. Nhiều người Nhật được phái đến Hà Nội để thành lập những hội trao đổi văn hoá, dạy tiếng Nhật miễn phí, tổ chức những buổi nói chuyện, rồi tìm cách bắt liên lạc với các giới chính trị, trí thức và sinh viên Việt Nam. Chính quyền thuộc địa Pháp theo dõi các hoạt động này một cách bực dọc, nhưng cũng chẳng làm gì được, vì Pháp có muốn can thiệp cũng không đủ quyền lực. Quân đội Nhật Bản tỏ ra rất dũng mãnh và có kỷ luật, họ thừa sức lật đổ Pháp vì vậy mà Pháp phải né tránh. Đối với người Nhật thì như vậy nhưng đối với người Việt thì lại khác. Sở mật thám Pháp luôn luôn theo dõi những hoạt động chính trị của người Việt Nam. Họ đặc biệt để ý tới giới sinh viên vì họ biết rằng chính những đảng phái chính trị và người Nhật cũng đang muốn lôi kéo giới này. Người sinh viên thời đó phải thận trọng trong việc gia nhập tổ chức này hay tổ chức khác, thận trọng nhận xét mọi người cũng như mọi việc, đặc biệt là phải nhìn rõ xem có ai đi sau theo mình không!

Lúc này tôi thường ở nhà ông chú. Bố tôi cũng thường lui tới đó và một đôi khi tôi nghe thấy hai ông bàn luận về thái độ của người Nhật. Theo ông thì chưa chắc gì Nhật đã thực tâm muốn giúp Việt Nam, ngoài ra ai cũng biết hiến binh Nhật Bản khét tiếng là tàn bạo, vì vậy mà hai ông cho rằng hợp tác với Nhật không phải là dễ dàng. Hai ông bàn với nhau ở trong nhà là một chuyện, nhưng kẻ ngoài đời thì sự việc dồn dập tới lại là một chuyện khác. Một buổi sớm mai, một người Nhật Bản vào chạc hơn 30 tuổi đến gõ cửa và ngỏ ý xin được gặp cụ Kim. Người Nhật này nói tiếng Pháp lưu loát, xưng tên là Yamaguchi và yêu cầu cụ giúp đỡ vì anh ta đang tìm hiểu và

https://tieulun.hopto.org

nghiên cứu lịch sử Việt Nam. Dĩ nhiên, với tư cách là một học giả, ông khó lòng từ chối lời yêu cầu của một học giả khác. Và từ đó thì Yamaguchi thường xuyên lui tới. Chúng tôi không hiểu rõ được ý định thầm kín của anh ta, nhưng có điều chắc chắn là chuyện nghiên cứu lịch sử Việt Nam chỉ là một cớ để anh ta tới làm quen. Chúng tôi cố gắng để ý thì thấy anh ta cũng có mặt ở nhiều nơi khác, tổ chức những buổi họp mặt với những giới trí thức để nói về tình anh em giữa các dân tộc Á Đông và gợi ý Nhật Bản là bạn của những dân tộc muốn giành lại độc lập và tự do. Không sách động, anh chỉ nói bóng gió là Nhật Bản sẽ là một người bạn xứng đáng của Việt Nam. Vì anh luôn đến thăm cụ Kim nên lâu dần tôi cũng bắt đầu hiểu biết thêm về anh. Sau nhiều lần trao đổi ý kiến với anh và những lời nửa úp nửa mở của anh, tôi đoán rằng anh là người của đảng Hắc Long, một tổ chức bí mật của Nhật Bản đã từng giúp đỡ Tôn Dật Tiên lật đổ nhà Mãn Thanh ở Tầu, thực ra không ai biết được tâm địa và ý định lúc ấy của người Nhật ra sao. Người ta chỉ thấy họ hoạt động ráo riết nhưng kín đáo, nói năng thận trọng nhưng tuyệt nhiên không đưa ra một lời hứa hẹn nào rõ rệt cả.

Năm 17 tuổi, với bầu nhiệt huyết của tuổi trẻ, cũng như nhiều thanh niên khác, tôi ham mê những chuyện mạo hiểm, nhưng cha và chú tôi đều khuyên là thời cuộc hãy còn chưa rõ rệt, do đó chưa nên mạo hiểm quá sớm, tôi cố gắng tạm không để cho chính trị lôi kéo ra khỏi mục đích nhất thời là lúc bấy giờ là làm sao thi đậu Tú Tài trước, rồi mọi chuyện sẽ tính sau. Đây là một kỳ thi hết sức vất vả để trắc nghiệm tất cả những gì đã học được ở cấp trung học. Không giật được mảnh bằng này, thì coi như sẽ không làm được gì đáng kể, nhưng nếu được, thì ngưỡng cửa Đại Học sẽ mở rộng và sẽ còn có thể đi xa hơn nữa. Tôi học ngày, học đêm, học miệt mài, tạm quên tất cả thế giới bên ngoài, và đến khi tôi đậu được cả hai phần Tú Tài, thì bà mẹ tôi cho ăn mừng bằng một bữa thịnh soạn ở quê nhà Phủ Lý. Sau bữa cơm đó với một số họ hàng bà con, tôi có cảm tưởng không còn là học sinh nhỏ bé nữa. Nhưng vào Đại Học thì chọn ngành gì bây giờ? Đại Học Hà Nội lúc đó là Đại Học độc nhất mà người Pháp thành lập cho toàn cõi Đông Dương và chỉ gồm có một số trường chính như Y Khoa, Dược Khoa, Luật Khoa và Khoa Học. Tôi gạt ngay Luật vì đã có thành kiến là học ra thì cũng chỉ có con đường làm công chức hay giỏi lắm thì làm quan trong chính quyền của Pháp. Rồi tôi nghĩ đến học thuốc và tò mò tìm hiểu xem có thể theo đuổi được ngành đó không, nhưng ác thay, một hôm đi theo một số bạn học hướng dẫn vào thăm nhà thương Bạch Mai ở Hà Nội, thì cảnh tượng nhìn thấy

https://tieulun.hopto.org

buổi đầu đó làm tôi nản lòng: nào là những bệnh nhân đang rên xiết, quằn quại trên giường bệnh, nào là những người bị tai nạn mới tới nhà thương, mình mẩy còn máu me be bét, nào là những người nhăn nhó đang chờ đợi băng bó. Tôi không chịu đựng nổi cảnh đó, và đành phải bỏ ý định học thuốc.

Cuối cùng, tôi quyết định học toán, không những vì tôi vẫn thích và cũng khá về môn này, mà còn vì nghĩ rằng học ngành này thì tôi sẽ khỏi phải đi làm công chức và hơn nữa khỏi phải nhìn thấy hàng ngày những sự đau khổ phơi bầy trước mắt. Tôi xin vào học lớp Toán Học Đặc Biệt (Mathématiques Spéciales) dành riêng cho những sinh viên muốn sửa soạn vào học những trường lớn bên Pháp (lớp này được tổ chức tại trường trung học Pháp Albert Sarraut). Chương trình hàng tuần gồm có 40 giờ toán, ấy là chưa kể những bài làm buổi tối, do đó chẳng còn thời giờ nghĩ đến bất kỳ chuyện gì khác. Thế giới chính trị mới đây còn hấp dẫn, thu hút đến thế mà nay đã lui dần, nhường chỗ cho những con số khô khan.

Tôi say mê toán, say mê những mắc míu huyền diệu giữa những ẩn số của một phương trình, say mê cái đẹp trừu tượng của toán và bước vào một thế giới thanh thoát, thu hút hết đầu óc và năng lực của tôi. Cứ như thế suốt một năm trời, và chỉ thỉnh thoảng tôi mới theo dõi một số tin tức thời sự. Mặc dầu vậy, tôi cũng hiểu được rằng hàng ngày cứ nhìn lên nền trời thì biết được ngay là chiến tranh càng ngày càng lan rộng. Vào khoảng năm 1942 thì phi cơ oanh tạc của Hoa Kỳ bắt đầu xuất hiện trên bầu trời Việt Nam. Chiếc đầu tiên của Mỹ mà tôi được nhìn thấy là phi cơ chiến đấu P.38, thuộc loại hai thân (double fuselage) từ trên nền trời xanh nhào xuống đánh phá một doanh trại Nhật gần Hà Nội; và càng ngày càng thấy những vụ tấn công tương tự. Một đôi khi trong giờ học, tôi cũng nghe thấy tiếng còi báo động và tiếng còi hụ của những xe cứu thương trở nạn nhân của các vụ oanh tạc vào nhà thương, nhưng lâu dần mọi sự đều như quá quen, và tôi lại vùi đầu vào thế giới trừu tượng riêng biệt của tôi, thế giới của toán học.

Lớp học toán đặc biệt của tôi chỉ vẻn vẹn có 14 người. Chỉ có tôi và một người bạn miền Nam là người Việt, còn lại thì toàn là Pháp cả. Sau năm học, họ trở về Pháp để thi vào những trường lớn (như Polytechnique, Ponts et Chausées hay Centrale) cùng với anh bạn người Nam của tôi, Nguyễn Trung Trinh (vì anh sinh trưởng trong một gia đình khá giả miền Nam nên có đủ phương tiện). Chỉ có tôi là không đi đâu được, gia đình không đủ sức tài trợ cho việc đi học ở ngoại quốc và học bổng thì lúc đó làm gì có! Thế là tôi tiếp tục học

https://tieulun.hopto.org

thêm toán ở Đại Học Khoa Học (mới mở) để lấy chứng chỉ về những môn như Toán Đại Cương (Mathématiques Générales), Cơ Học (Mécanique Rationelle và Vật Lý Đại Cương (Physique Générale).

Thời kỳ này, tôi dời khỏi nhà để vào sống hẳn trong Đông Dương Học Xá (Cité Universitaire) mới được chính quyền Decoux xây cất xong. Tôi bắt đầu một đời sống tự lập, xa hẳn bầu không khí bao bọc của gia đình, và hoà mình vào khung cảnh mới lạ của khuôn viên học xá với những bạn cùng lứa tuổi. Chuyện chính trị mà tôi tạm xa trước đây không lâu, bây giờ trở lại với tôi, sôi sục có lẽ còn hơn trước nữa. Khi ở trung học, tôi biết đến các đảng phái chính trị hay các tổ chức bí mật phần lớn là qua những lời đồn đại hay truyền khẩu từ người này qua người khác, do người có anh em gia nhập một đảng, hoặc người có thân nhân bị bắt v.v... nhưng lúc này ở Đông Dương Học Xá, vì những đảng phái này đã lớn mạnh và bắt đầu có uy tín, nên mọi chuyện đều trở thành gần như công khai: ai theo Việt Minh, ai theo Đại Việt hay Việt Nam Quốc Dân Đảng. Nơi nào cũng nghe nói đến chính trị và lắm bạn hăng say hoạt động đằng sau bình phong của Tổng Hội Sinh Viên, với tinh thần quốc gia làm điểm quy tụ các thành phần yêu nước. Cùng một số bạn khác, tôi cũng hoạt động tích cực cho Tổng Hội.

Vì biết rõ mật thám Pháp luôn luôn để ý đến tất cả những gì có dính dáng đến chính trị, anh em chúng tôi hết sức thận trọng. Chúng tôi tránh những chống báng lộ liễu và thường tổ chức những cuộc hội họp hay cắm trại ngoài trời với cớ du ngoạn, đi thăm những nơi danh lam thắng cảnh (1).

Người Pháp chắc cũng thừa hiểu chúng tôi, nhưng vì không có lý do chính đáng để can thiệp, nên đành chịu làm ngơ. Chúng tôi chọn những ngày cuối tuần để tổ chức du ngoạn bằng xe đạp, viếng thăm những di tích lịch sử như Đền Hùng, Đền thờ Hai Bà Trưng và những đền đài khác dành cho những anh hùng Việt Nam đã từng đánh đuổi giặc ngoại xâm. Chúng tôi ngồi quanh lửa trại, nhắc lại sự tích Hai Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa chống nhà Đông Hán, Trần Hưng Đạo đánh đuổi quân Mông Cổ, rồi sau đó cất cao tiếng hát vang dậy chốn rừng cây:

"Này sinh viên ơi, đứng lên đáp lời sông núi
Đồng lòng cùng đi, hy sinh tiếc gì thân sống"...
"Vì tương lai quốc dân, cùng xông pha khói tên
Làm sao cho núi sông, từ nay luôn vững bền..."

Những buổi họp mặt này gây xúc động sâu xa trong lòng tất cả chúng tôi. Vừa giầu trí tưởng tượng, vừa dễ bị lôi cuốn bởi bầu

https://tieulun.hopto.org

không khí trang nghiêm của những buổi họp, nhìn Đền Hùng mờ xa trong ánh đêm, chúng tôi cảm thấy mình như là một phần của giống dòng liên tục, nối tiếp truyền thống hào hùng của lịch sử Việt Nam. Hai Bà Trưng, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, tất cả đều đã về với chúng tôi, chứng kiến đất nước lại một lần nữa vùng lên tranh đấu cho độc lập và tự do. Huyền diệu thay, các biến chuyển như đang diễn ra qua tâm hồn thế hệ chúng tôi. Thời cơ của chúng tôi đã đến. Ánh lửa bập bùng, nhẩy múa trên những khuôn mặt tin tưởng, một giây phút thanh cao, thiêng liêng rồi tất cả đều một lòng tranh đấu, không một chút do dự, sẵn sàng hy sinh cho đất nước (2).

Vì Tổng Hội Sinh Viên là một tổ chức hoạt động công khai, tất cả các sinh viên đều tham gia hết sức tích cực sinh hoạt chung, đặc biệt nhất là những buổi trình diễn hàng năm tại "Nhà Hát Tây" Hà Nội, gồm có những màn kịch lịch sử và những bài hát mà nhiều người còn nhớ mãi như "Nước Non Lam Sơn", "Bạch Đằng Giang". Nhưng tình hình chính trị trong nước biến chuyển theo cục diện của thế giới bên ngoài, rồi không ai bảo ai, mỗi người trong chúng tôi, tùy theo hoàn cảnh, tìm cách gia nhập vào tổ chức này hay tổ chức khác. Thực sư thì vào giai đoạn này, 1943-44, không mấy người phân biệt được đảng này với đảng khác hay biết rõ được tôn chỉ của mỗi đảng ra sao. Đảng nào cũng nói là tranh đấu để giành lại độc lập và mọi người hầu như coi thế là đủ, vì không ai có kinh nghiệm chính trị để tìm hiểu quan niệm và chủ trương xây dựng đất nước của mỗi đảng ra sao. Nói chung thì lúc đó ít người biết được là tổ chức Việt Minh hoàn toàn do những người Cộng Sản cầm đầu. Và cũng vì thế mà việc gia nhập đảng này hay đảng khác, thường do sự móc nối tình cảm của bạn bè hay người thân thuộc. Trong số này, người nọ theo chân người kia mà thành đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đại Việt hay Việt Minh.

Về phần riêng, tôi có phong thanh nghe nói trong họ có người là Việt Minh, nhưng vì không phải là chỗ họ gần, nên tôi cũng không biết rõ. Tôi thường lui tới những nơi hội họp của những bạn ở Đại Học, vì vậy mà qua sự giới thiệu của một anh (anh Đặng Văn Sung, lúc bấy giờ học trường Thuốc) tôi gia nhập đảng Đại Việt. Đảng Đại Việt lúc đó thu hút được rất nhiều sinh viên và tôi thực sự gia nhập khoảng cuối năm 1944, khi mọi người đã bắt đầu thấy rõ trong chiến tranh Mỹ-Nhật, Nhật Bản đang lâm vào đường thất trận. Báo Pháp ở Hà Nội, tờ Volonté Indochinoise hàng ngày phơi bầy như thích thú những thất bại liên tiếp của Nhật nên gây cảm tưởng là chiến cuộc sắp đến hồi kết liễu. Không những thế, dư luận còn cho rằng nhiều chuyện trọng đại sẽ xẩy ra, vì vậy số người nhập cuộc, tham gia các

https://tieulun.hopto.org

hoạt động chính trị bí mật của các đảng phái một ngày một đông, ngay cả nhiều người xưa nay chần chừ cũng không còn do dự nữa.

Hôm tôi chính thức làm lễ tuyên thệ gia nhập đảng Đại Việt, anh Đặng Văn Sung đưa tôi tới nhà một đảng viên khác tại căn nhà ở một khu bình dân trong thành phố Hà Nội. Người đứng ra làm lễ cho tôi, ông giáo Thanh, xem ra cũng hiền lành, chất phác như khu phố của ông. Tôi có cảm giác như hơi thất vọng. Có lẽ tôi tự cao tự đại cho rằng mình là người học thức mà tại sao phải thề thốt với một người tầm thường như vậy. Hơn nữa, tôi chẳng thoải mái chút nào, khi thấy trên tường sau bàn thờ tuyên thệ, một bức bản đồ lớn gồm cả Việt Nam và một vùng rộng lớn ở Đông Nam Á với hàng chữ Đại Việt. Trên bàn thờ là một cái lư với hương khói tỏa nghi ngút, làm cho không khí phảng phất đượm màu tính ngưỡng. Sau khi yêu cầu tôi đứng nghiêm trước bàn thờ tổ quốc, ông giáo Thanh chỉ vào một khẩu súng lục đặt trên bàn thờ và bảo rằng khẩu súng tượng trưng cho kỷ luật của đảng, rồi yêu cầu tôi tuyên thệ trung thành với tổ quốc và đảng.

Buổi lễ hết sức trang nghiêm, nhưng không hiểu tại sao, tôi giơ tay tuyên thệ mà chưa nhận thức được tầm mức quan trọng của việc mình làm. Với hành động này, tôi đã thực sự bước vào con đường mà thời thế lúc đó đã vạch sẵn. Dĩ nhiên là về sau này, mỗi người có một định mệnh riêng biệt, nhưng đây là con đường chung cho tất cả con dân Việt Nam, của những người cùng một hoài bão muốn đóng góp để dân tộc được độc lập, hay nói một cách khác theo thuyết nhà Phật, của những người cùng một nghiệp nặng, phải lận đận vì trước mặt chỉ có con đường đầy khó khăn.

---

(1) Lúc còn học ở trường Bưởi năm 1941, chúng tôi đã có một tổ chức với mục đích tương trợ gọi là SET (Section Excursion Touristique) do G.S. Ngụy Như Kontum hướng dẫn.

(2) Có lẽ đây là giờ phút hồn nhiên nhất và cũng là giờ phút hồn nhiên cuối cùng trước khi cả một thế hệ bị lôi cuốn vào cảnh huynh đệ tương tàn trong cuộc chiến tàn nhẫn giữa miền Bắc Cộng Sản và miền Nam không Cộng Sản.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 4
Đảo Chính Nhật 9 Tháng 3, 1945
Mở Đường Cho Một Vận Hội Mới

Sau khi tuyên thệ vào đảng Đại Việt, tôi được giới thiệu hai đảng viên khác để họp thành một tiểu tổ. Trên nguyên tắc thì tôi chỉ được biết những người trong tổ và một thượng cấp qua bí danh của họ. Dĩ nhiên là tôi cũng phải có bí danh. Tôi chọn tên Kim với một lý do hết sức đơn giản. Trước đó ít lâu tôi có gặp và làm quen ở nhà ông chú tôi với một thiếu nữ có nụ cười duyên dáng, cô Kim Ngọc, vì vậy chữ Kim đến với tôi khi tôi cần giấu tên thật. Thực ra thì cũng như nhiều người trong lứa tuổi tôi thời đó, một phần nào tôi đã bị ảnh hưởng bởi những gì đã đọc ở những cuốn truyện của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Tôi nghĩ đến những chàng trai xông pha "đời mưa gió" trong những tiểu thuyết của Nhất Linh hay những vần thơ của Thế Lữ:

“Anh đi vui cảnh lạ đường xa
Đem chí bình sinh giãi nắng mưa
Thân đã hiến cho đời gió bụi
Đâu còn lưu luyến chút duyên tơ...”

Và tưởng rằng không lưu luyến nhưng vẫn vấn vương mà chẳng biết.

Sau khi tiểu tổ được thành lập, chúng tôi sinh hoạt một cách đều đặn, nhưng không bao giờ họp hai lần cùng một chỗ. Vì thuộc thành phần học sinh, sinh viên, nên tiểu tổ có nhiệm vụ bành trướng thế lực của đảng bằng cách tuyển mọi đảng viên mới trong giới thanh niên, kêu gọi lòng ái quốc của họ để thuyết phục họ vào con đường hành động; trong khi đó, những tiểu tổ khác phụ trách nhiệm vụ khác như huấn luyện, tài chính, an ninh, v.v... Giờ đây thì tinh thần yêu nước không còn trừu tượng nữa mà đã chuyển sang lĩnh vực tích cực cách mạng. Nếu có bị mật thám Pháp bắt thì đó cũng là chuyện bình thường. Tất cả đều là những hoạt động bí mật, và trong những trường hợp có thể nguy hiểm, tôi đã bắt đầu phải giắt một khẩu súng nhỏ trong người mỗi khi ra khỏi nhà.

Đảng Đại Việt mà tôi gia nhập là Đại Việt Quốc Dân Đảng do ông Trương Tử Anh thành lập từ năm 1939. Vì vào thời đó có nhiều tổ chức mang tên Đại Việt, nên luôn luôn có sự nhầm lẫn, tỉ dụ như nhầm lẫn với Đại Việt Dân Chính do ông Nguyễn Tường Tam thành

https://tieulun.hopto.org

lập, với Đại Việt Duy Dân do ông Lý Đông A thành lập, hoặc với Đại Việt Quốc Xã có khuynh hướng thân Nhật, hay nhầm lẫn với cả Việt Nam Quốc Dân Đảng. Với chủ thuyết là Dân Tộc Sinh Tồn và một lập luận căn bản dựa trên tinh thần dân tộc, Đại Việt Quốc Dân Đảng đã thu hút được một số đông sinh viên vào những năm 1943-45. Tuy nhiên cũng như trong trường hợp nhiều đảng phái quốc gia khác, ngoài mục đích tối hậu là tranh đấu để giành lại độc lập, người ta không thấy trình bầy rõ ràng những quan điểm xây dựng xã hội hoặc những chủ trương chính trị và kinh tế nhằm thực hiện công bằng xã hội và tự do dân chủ. Nếu coi đây là những thiếu sót hay nhược điểm của đảng phái quốc gia, thì điều đó cũng dễ hiểu. Được hun đúc âm ỉ trong suốt thời kỳ đô hộ của thực dân Pháp, tinh thần quốc gia chỉ chờ ngày bùng nổ. Tranh đấu cho độc lập là mục tiêu trước mắt của các đảng phái. Độc lập là tất cả, còn những gì xa hơn đều phải chờ lại sau. Riêng đối với đảng Cộng Sản, thì họ có một lập trường chính trị rõ rệt. Ngay từ thập niên 30, họ đã đưa ra những chủ trương và khẩu hiệu không thể nhầm lẫn được như: giai cấp đấu tranh, độc tài vô sản, v.v... còn về phương diện tổ chức, thì rập theo khuôn mẫu của Cộng Sản Quốc Tế; hàng ngũ của họ hết sức chặt chẽ và gồm những cán bộ được huấn luyện kỹ càng.

Vào khoảng giữa thập niên 40, trong khi các đảng phái quốc gia còn đang ở trong thời kỳ phôi thai, thì đảng Cộng Sản Việt Nam đã có ông Hồ Chí Minh, một người với thành tích hoạt động cho Cộng Sản Quốc Tế từ một phần tư thế kỷ trước. Sau khi góp phần thành lập đảng Cộng Sản Pháp, ông Hồ Chí Minh được theo học lớp huấn luyện cao cấp ở Liên Xô dưới thời Staline. Ngoài ra, ông còn là cộng sự viên đắc lực của Borodine, một tên trùm của Cộng Sản Quốc Tế lúc đó hoạt động ở Trung Hoa. Với sự trợ giúp của những chân tay như Võ Nguyên Giáp, Phạm Văn Đồng, Trường Chinh v.v... ông đã tạo cho đảng Cộng Sản Việt Nam một tổ chức có nhiều kinh nghiệm hơn những đảng phái khác về cả hai phương diện tranh đấu để đoạt chính quyền, và lợi dụng tình hình quốc tế để tạo lợi thế cho mình. Những lợi điểm này đã giúp họ rất nhiều khi họ nắm được thời cơ và chính quyền.

Cuối năm 1944 và bước sang 1945, sau một thời gian hoạt động cho tiểu tổ của đảng Đại Việt, tôi bắt đầu cảm thấy là phạm vi hoạt động chật hẹp quá, ngoài ra tôi còn thấy nhiều người nói tới ông Trương Tử Anh, đảng trưởng Đại Việt, một người mà các đồng chí vẫn thường kính cẩn gọi là Anh Cả Phương. Từ đó một ý kiến nẩy ra trong đầu tôi là phải cố gắng gặp ông cho kỳ được. Lúc đầu tiên thì

https://tieulun.hopto.org

thật là khó khăn. Hỏi ai thì câu trả lời cũng là: "Không được đâu! Phải qua hệ thống chứ!" Một đôi khi vì nôn nóng muốn được gặp ông, tôi bắt đầu tự hỏi rồi đây nếu không được gặp, thì liệu có còn đủ tin tưởng tiếp tục hoạt động không? Nhưng rồi không bao lâu sau, do một sự tình cờ, ngẫu nhiên tôi được toại nguyện và từ đó có duyên may làm việc gần ông trong suốt thời gian trước khi ông bị mất tích cuối năm 1946.

Một hôm tôi đến chơi nhà một người bạn học cũ cùng học trường Bưởi, ban Toán năm Tú Tài phần hai. Tên anh là Phúc, ở trường chúng tôi thường gọi anh là Phúc Toét (1). Tuy không biết chắc, tôi vẫn ngờ ngợ anh cũng là người trong đảng, nên nhân dịp trên đường về nhà, tôi ghé qua thăm anh. Khi tới, thì tôi không còn nghi ngờ gì nữa, vì thấy hai người bạn khác mà tôi biết đích là đảng viên, cùng ngồi họp ở phòng bên trong với một người đã đứng tuổi, dong dỏng cao, trán hói, mắt sáng. Phúc chạy vội ra và bảo tôi lúc khác trở lại. Tôi hỏi ai đó, thì Phúc một phần vì biết tôi đã lâu và một phần khác có lẽ cũng buột miệng nên trả lời rằng: "Anh Cả Phương đấy chứ ai!" Thế là tôi khựng lại, nhất định không chịu đi nữa, và Phúc cũng phải chịu, không đẩy tôi đi được. Trái với sự tưởng tượng trong đầu óc tôi, ông Trương Tử Anh trong buổi gặp mặt ban đầu không có dáng nghiêm nghị, lạnh lùng của một lãnh tụ. Ông tỏ ra dễ dãi, cởi mở và thân mật. Ông mỉm cười và tôi nhìn thấy qua ánh mắt tinh anh của ông, có sức gì thu hút khiến tôi cảm thấy ông là người tôi có thể tin tưởng và theo được. Ông hỏi tôi là đã thấu hiểu được lý thuyết Dân Tộc Sinh Tồn của đảng chưa, và khuyên tôi nên hỏi Phúc nếu còn điều gì chưa hiểu. Lúc đó tôi còn trẻ, lại thêm tính hiếu thắng, nên ông chưa nói hết, tôi thưa lại ngay: "Phúc cùng học với tôi, về môn triết học hắn còn thua tôi thì còn giúp gì được tôi". Không hiểu ông Trương Tử Anh nghĩ gì về phản ứng bất ngờ và ngây ngô của tôi, nhưng ông phì cười rồi bảo tôi: "Thôi được rồi, tôi sẽ gặp anh sau". Tôi ra về, mừng quá, rồi như qua một thứ trực giác nào đó, tôi nghĩ là đã tìm được người gửi gấm niềm tin tưởng của tuổi trẻ.

Lần sau gặp lại ông Trương Tử Anh thì ông đã biết rõ gia thế của tôi và hỏi tôi về học giả Trần Trọng Kim. Rồi ông giảng nghĩa cho tôi tại sao từ nay ông muốn tôi là người liên lạc giữa ông và ông chú tôi. Mặc dầu ông chú tôi không phải là người làm chính trị, nhưng ông được nhiều người trong giới trí thức và chính trị biết và kính nể. Ông lại là người không thuộc về phe nhóm nào, nên trở thành một nhân vật mà nhiều nhóm muốn lôi kéo. Cùng với bố tôi, ông chúi đầu vào việc viết sách, có lẽ để tránh những sự xáo trộn bên ngoài, nhưng

https://tieulun.hopto.org

cuộc đời của ông đã thay đổi mà chính ông cũng không biết. Cũng như nhiều người Việt khác, thời thế đã đưa đẩy ông tới chỗ phải nhập cuộc. Yamaguchi, người thanh niên Nhật Bản lui tới hỏi thăm ông nhiều hơn trước, và mật thám Pháp cũng đã bắt đầu kín đáo canh gác xung quanh nhà ông. Tôi biết rõ tình trạng đó, nhưng không khỏi ngạc nhiên khi một hôm tôi tới nhà thì được bà cô cho biết: "Chú phải đi rồi! Người Nhật họ có tin là mật thám Pháp có thể đến bắt chú nên Yamaguchi đã đến và đưa chú đi Tân Gia Ba (Singapore)".

Vào mùa hạ năm 1944, sau khi đổ bộ lên đất Pháp, quân đội Đồng Minh tiến thẳng về phía Đức Quốc Xã và đến ngày 23 tháng 8 thì chọc thủng được chiến tuyến phòng thủ Ba Lê. Hai ngày sau, Lực Lượng Tự Do của Pháp dưới quyền chỉ huy của tướng Leclerc giải phóng được Ba Lê sau bốn năm bị chiến đóng. Sự thất trận của Đức kéo theo sự sụp đổ của chính phủ Pétain ở Vichy và đặt Việt Nam vào một tình trạng đặc biệt. Trên danh nghĩa thì Việt Nam vẫn còn là thuộc địa Pháp, nhưng "mẫu quốc" đâu còn nữa! Ngày nào người ta cũng thấy đồn là quân đội Nhật Bản sẽ lật đổ chính quyền thuộc địa Pháp, nên khi có tin là Nhật đã đảo chính, thì không còn ai ngạc nhiên.

* * *

Vào buổi trưa ngày 9 tháng 3, 1945, tôi còn đang ở Việt Nam Học Xá thì được bà cô nhắn tin là Yamaguchi muốn gặp tôi vào buổi chiều hôm ấy tại nhà bà. Khi tôi đến thì không thấy Yamaguchi đâu cả. Chờ một lúc, khi trời xâm xẩm tối thì tôi nghe thấy lác đác có tiếng súng nổ, rồi đột nhiên Yamaguchi đẩy mạnh cửa bước vào. Vừa nhìn thấy tôi và chưa kịp chào hỏi ai, anh ta đã kéo tôi ra một góc phòng và nói nhỏ: "Chúng tôi đã bắt đầu tấn công người Pháp". Tiếng súng nổ lúc này nhiều hơn trước. Anh ta tiếp: "Chúng tôi cần đến sự giúp đỡ của các anh, súng đã nổ và chắc chắn sẽ có nhiều thường dân bị thương, tôi cần anh đưa tôi tới Đông Dương Học Xá, tôi muốn ngỏ lời với các anh em sinh viên, đặc biệt là với các anh em trường Thuốc". Với giọng thôi thúc, Yamaguchi đẩy tôi ra cửa. Tôi do dự, vì tin đảo chính đến một cách đột ngột, vả lại tôi không muốn để bạn bè hiểu nhầm là tôi đã hợp tác với người Nhật từ trước. Trong một phút, tôi chần chừ, nhưng Yamaguchi không để cho tôi suy nghĩ nữa và thúc giục: "Khổ quá, anh không hiểu tình trạng khẩn cấp đến mức nào hay sao? Làm gì còn có thời giờ nữa, đâu phải chỉ có người Pháp mới bị trúng đạn, rất có thể là sẽ có nhiều thường dân Việt Nam bị thương, các anh phải giúp chúng tôi!" Rồi anh ta kéo tôi ra chiếc xe hơi đậu bên ngoài, máy

https://tieulun.hopto.org

còn đang chạy. Chúng tôi vùn vụt qua các đường phố vắng tanh, không một bóng người, với tiếng súng trường, súng liên thanh nổ rền, lắm lúc nghe như ở ngay đầu đường. Chúng tôi may mắn đến Đông Dương Học Xá vào lúc các anh em sinh viên sửa soạn dùng bữa cơm tối. Vì nóng lòng muốn biết tin, khi chúng tôi đến thì các anh em tụ tập lại đông đủ. Tôi liền giới thiệu Yamaguchi và cẩn thận nói rằng tôi cũng chỉ biết anh ta như nhiều bạn khác. Yamaguchi ngỏ lời rất vắn tắt, mong mỏi các sinh viên trường Thuốc giúp đỡ những thường dân Việt Nam bị thương vì "chúng tôi còn phải đương đầu với bọn Pháp và không đủ người để chu toàn mọi việc" và vào khoảng gần 9 giờ tối thì anh ta ra về. Tiếng súng mỗi lúc một nặng. Các sinh viên liền họp lại và sau một hồi thảo luận đi đến kết luận là không thể ngồi khoanh tay nếu có thường dân bị thương mà không người trông nom, nhưng để tránh tiếng là đã hợp tác với Nhật, sinh viên trường Thuốc sẽ họp thành những toán cứu thương mang băng tay có chữ thập đỏ, để sẵn sàng giúp đỡ những người bị thương. Ngoài ra, họ quyết định giới hạn sự tiếp xúc với người Nhật, để tránh ngộ nhận là giới sinh viên đã có liên hệ tới cuộc đảo chính.

Thực ra, mọi tính toán đều chỉ là những chuyện lo xa cả. Quân đội Nhật Bản đánh chiếm mau lẹ đến nỗi mới qua một đêm sang ngày hôm sau, ngày 10 tháng 3, 1945, tiếng súng đã gần như chấm dứt hẳn. Khắp các đường phố, người dân Việt Nam trông thấy những toán lính Nhật đứng ra giữ trật tự trong thành phố và hiểu ngay rằng nền đô hộ Pháp đã cáo chung.

Cùng với nhận thức đó, nhiều câu hỏi mới cũng được đặt ra. Trước ngày họ quyết định lật đổ người Pháp, người Nhật đã hết sức dè dặt, không hứa hẹn gì và chỉ có những hoạt động kín đáo như Yamaguchi, nay họ đã trực tiếp làm chủ tình hình trên thực tế thì thái độ mới của họ sẽ ra sao? Họ muốn gì và hơn nữa họ có thể làm được gì trong khi quân đội Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương tấn công mỗi ngày một gần vào ngay đất Phù Tang. Dầu sao, mọi người Việt Nam lúc đó đều cảm thấy một cơ hội lịch sử đang phơi bày trước mắt. Pháp thì đã bị đánh bại và Nhật thì đang suy thoái, mặc dầu quân đội Nhật vừa mới thị uy, chấm dứt hơn 70 năm chế độ thực dân trên bán đảo Đông Dương.

Dư luận dân chúng lúc ấy thật là xôn xao, háo hức, nhất là trong các giới chính trị và sinh viên. Tinh thần yêu nước được dịp bộc lộ cùng với niềm tin tưởng là rồi đây ai cũng có dịp đóng góp vào việc giành lại độc lập cho đất nước. Sinh viên có mặt ở khắp mọi nơi và hoạt động dưới mọi hình thức: tổ chức những buổi nói chuyện về

https://tieulun.hopto.org

tình hình mới, ra báo, lập hội và đối với những người ưa hoạt động tích cực hơn nữa, thì gia nhập vào đảng phái này hay đảng phái khác. Mật thám Pháp lúc này không còn nữa, nên những buổi lễ, tụ tập đều được tổ chức công khai để biểu dương tinh thần đoàn kết trước mục tiêu chung là độc lập của Việt Nam. Mặc dầu không mang tính cách chống đối hay thách thức nào đối với người Nhật, những buổi lễ đó cũng chứa chất một tinh thần hăng say và tự tin như được bộc phát ra sau bao nhiêu năm bị thực dân kìm hãm.

Đặc biệt hơn cả là ngày giỗ Tổ Hùng Vương năm ấy. Trước kia, dĩ nhiên nhà cầm quyền Pháp tìm cách ngăn chặn những buổi lễ có tính cách lịch sử, nhưng nay họ đã bị đánh đổ, và không thấy nhà cầm quyền Nhật Bản để ý gì đến vấn đề, nên Tổng Hội Sinh Viên quyết định tổ chức long trọng lễ giỗ Tổ Hùng Vương. Các anh em trong ban kiến trúc thì có nhiệm vụ dựng lên một kỳ đài lớn ngay tại khuôn viên của học xá, các ban khác thì người đi quyên tiền, người đi cổ động đồng bào đến dự lễ cho đông. Buổi sáng hôm đó, từ các nẻo đường kéo về từng đoàn người lũ lượt, già trẻ, lớn bé, đàn ông đàn bà, ông già bà cả, hầu như tất cả dân chúng thành phố Hà Nội đến dự lễ. Mỗi gia đình đều mang một chiếc bánh chưng để đặt ở dưới chân kỳ đài, gọi là tượng trưng cho lòng thành của người dân nhớ đến tổ tiên đã có công dựng nước. Ngay từ buổi sáng sớm hôm đó, dân chúng đến mỗi lúc một đông và bánh chưng được chất lên cao như núi. Hàng loạt người đại diện đủ các giới lên kỳ đài để phát biểu ý kiến về ý nghĩa của ngày giỗ tổ, nói lên tinh thần bất khuất của dân tộc Việt Nam.

Có lẽ chỉ những ai sinh trưởng và lớn lên ở một nước bị ngoại bang đàn áp mới có thể hiểu được cảm xúc của người dân Việt ngày hôm ấy. Sau mỗi bài diễn văn thì lại có tiếng hô, vang dậy cả khuôn viên học xá: "Việt Nam muôn năm". Trong đám đông, có những ông cụ già và những chàng thanh niên vì bị xúc động quá không cầm được nước mắt chảy dòng xuống hai bên gò má. Và mặc dầu hôm đó cũng có một số người Nhật lặng lẽ theo dõi buổi lễ, không ai để ý đến họ cả.

Bầu trời hôm ấy là bầu trời Việt Nam.

Sau buổi lễ tại Đông Dương Học Xá, tất cả đám đông tình nguyện xuống đường tham gia cuộc diễn hành qua các đường phố Hà Nội, giơ cao biểu ngữ và hô to: "Việt Nam độc lập, Việt Nam độc lập!" Ra về hôm đó, cũng như tất cả mọi người, tôi cảm thấy mệt nhoài nhưng sung sướng. Thật là một ngày đầy kích thích, cảm động, ăn sâu vào ký ức của tôi, đánh dấu một chặng đường của lịch sử Việt

https://tieulun.hopto.org

Nam. Tôi còn nhớ hôm đó, tôi đi trong đoàn biểu tình cùng với anh Phan Mỹ. Đi qua "sở cẩm Hàng Trống" (trụ sở trung ương của sở Cảnh Sát Pháp lúc trước) anh Mỹ giật tay tôi và nhắc: "Hô to Việt Nam độc lập lên, cậu". Anh Phan Mỹ, em luật sư Phan Anh, Bộ Trưởng Thanh niên trong chính phủ Trần Trọng Kim, cũng là một giáo sư tại trường Thăng Long, lớn hơn tôi chừng gần mười tuổi và là bậc đàn anh đối với tôi trong Tổng Hội Sinh Viên.

Chúng tôi cùng nhau chia sẻ trong một ngày những giây phút trong sáng, hết sức thành thật, trong tình đoàn kết dân tộc chưa đượm màu chia rẽ bởi những ảnh hưởng ngoại lai (2).

Vài ngày sau lễ giỗ tổ Hùng Vương, Yamaguchi lại chợt đến tìm tôi, nhưng lần này để báo tin cho tôi biết là nhà học giả Trần Trọng Kim vừa từ Tân Gia Ba trở về. Ông đã được Hoàng Đế Bảo Đại mời ra thành lập chính phủ.

---

(1) Anh lúc nào cũng vui vẻ, toe toét cái miệng, nên được các bạn học trong lớp gọi là "Phúc Toét". Về sau vào đảng, anh lấy bí danh là Trí và bị Cộng Sản ám sát, bắn thủng bụng chết.

(2) Khi cùng đi với nhau trong đám biểu tình hôm đó, cả anh lẫn tôi cùng không biết là rồi đây sẽ mỗi người một ngả. Về sau này anh là người của đảng Cộng Sản, một cộng sự viên thân cận của ông Hồ Chí Minh (Bí Thư Trưởng tại Văn Phòng Chủ Tịch) còn tôi thì ở bên này giới tuyến. Sau này những người như hai chúng tôi hôm đó trở nên đối nghịch trong cuộc chiến mà kết quả là tình trạng đói khổ và lạc hậu của đất nước ngày nay. Thật là một vết đen trong lịch sử Việt Nam, vì trên thế giới có bao nhiêu dân tộc cũng mưu cầu độc lập, mà tại sao dân tộc Việt Nam phải chịu nhiều thống khổ đến thế!

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 5
Việt Minh Cướp Chính Quyền, Cách Mạng Tháng Tám

Hoàng Đế Bảo Đại, vua cuối cùng của triều đại nhà Nguyễn, lên ngôi từ năm 1925 dưới thời Pháp thuộc. Vì quyền hành hoàn toàn ở trong tay người Pháp, nên suốt thời kỳ ở ngai vàng, vai trò của ông chỉ có tính cách nghi lễ. Bản chất của ông rất phức tạp. Nhiều người ở gần ông cho rằng ông thông minh, hiểu biết và nhiều khi có những nhận xét hết sức tinh tế về người và việc, nhưng ông lại quá thụ động. Mặc dầu trong thâm tâm có lẽ ông cũng nhận thức được trách nhiệm đối với tương lai của đất nước, thái độ của ông thiếu mạnh dạn, dứt khoát hoặc bị chê là nhu nhược. Đã có lần ông đưa ra sáng kiến cải cách, nhưng đến khi người Pháp không bằng lòng thì ông chịu thúc thủ, không đủ can đảm để thách thức chính quyền bảo hộ.

Ông đang sống cuộc đời vương giả nhàn rỗi thì bỗng nhiên ngày 9 tháng 3, 1945 quân đội Nhật lật đổ chính quyền Pháp và đặt ông vào một tình trạng đặc biệt. Một mặt thì bị thúc đẩy bởi thời cuộc và mặt khác có lẽ để chiều theo người Nhật, ông không còn chỗ để đắn đo, do dự nữa. Vài ngày sau cuộc đảo chính, ông đứng ra công khai tuyên bố Việt Nam là một nước độc lập, và sửa soạn thành lập một chính phủ mới. Điều khiến mọi người ngạc nhiên là ông đã bổ nhiệm học giả Trần Trọng Kim vào chức vụ Thủ Tướng chính phủ. Ở trong nước lúc ấy, ai cũng biết tiếng một chính trị gia, ông Ngô Đình Diệm, là người có liên lạc mật thiết với các giới chính trị Nhật Bản. Người ta nghĩ rằng nếu người Nhật đảo chính, thì ông Diệm sẽ ra nắm chính quyền và mọi người (có lẽ cả ông Diệm nữa) đều chờ đợi việc đó xảy ra. Sự không ngờ, là người Nhật vì những lý do riêng biệt nào đó, đã gạt ông ta ra ngoài.

Vào lúc cụ Kim từ Tân Gia Ba trở về Sài Gòn và được ông Bảo Đại mời vào Huế để trao trách nhiệm thành lập chính phủ, thì ở ngoài Bắc các đảng phái quốc gia và đảng Cộng Sản Việt Nam (lúc đó nấp dưới danh nghĩa của Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội, về sau gọi tắt là Việt Minh) đang tích cực sửa soạn đối phó với tình thế sau cuộc đảo chính. Trong bầu không khí chính trị sôi sục lúc ấy, mỗi tổ chức đều có chủ trương riêng biệt. Người ta đồn rằng Việt Minh đã lập những chiến khu trên miền thượng du Bắc Việt, tại các tỉnh miền

https://tieulun.hopto.org

biên giới như Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn. Còn về phía Đại Việt, thì ông Trương Tử Anh đang tổ chức một số căn cứ như ở Bắc Giang và Thanh Hoá. Riêng cá nhân tôi, đã nhận được lệnh sửa soạn lên đường vào Thanh Hoá để tăng cường cho các anh em Đại Việt ở vùng này, nhưng chưa kịp đi thì nhận được lệnh mới là phải chờ lại, rồi vài ngày sau đó ông Trương Tử Anh cho gọi tôi đến. Ông bảo tôi thời cuộc đã thay đổi nhiều và thay đổi rất nhanh chóng, do đó tôi không phải đi Thanh Hoá nữa và phải sớm lên đường vào Huế với nhiệm vụ theo dõi tình hình cố đô, và nối lại mối liên lạc với cụ Kim.

Đối với tôi, sự việc xảy ra dồn dập, quá bất ngờ, và khiến tôi bỡ ngỡ chưa biết xoay xở ra sao. Tôi có cảm tưởng như một chân trời mới bắt đầu mở rộng. Mới ngày nào tôi còn là một thư sinh tập sự vào đời, thế mà nay đã phải nhận một trách nhiệm nặng nề, đi tới một nơi xa mà tôi chưa từng biết. Tôi đập tay lên trán, tự hỏi: "Thật hay giả?" Cảm giác thật hay giả này rồi đây sẽ còn trở lại với tôi nhiều lần khác nữa về sau này. Chuyến đi xa lần đầu tiên của tôi quả thật là gian nan. Ba ngày, hay nói cho đúng hơn, ba đêm, thu hình, chen chúc trong một chiếc xe chở hành khách ọp ẹp, chạy bằng hơi than đốt (lúc bấy giờ gọi là ga giô den). Khởi hành từ Hà Nội, xe chạy theo quốc lộ số 1, qua Ninh Bình, Thanh Hoá, Vinh, Đồng Hới rồi tới Huế. Chúng tôi chỉ di chuyển được ban đêm, vì ban ngày, máy bay Mỹ bắn phá suốt dọc con đường mà nhiều người coi như một tử lộ, nhưng lái xe ban đêm trên đoạn đường này, thực ra cũng nguy hiểm chẳng kém gì khi gặp phải máy bay Mỹ. Tôi nhớ mãi chuyến đi này vì vào đêm thứ hai, lúc trời tang tảng sáng, trong khi các hành khách còn đang ngủ gà ngủ gật trên xe thì xe bỗng dưng chết máy. Anh tài xế hì hục mãi cũng không làm sao cho xe chạy được, đành phải yêu cầu hành khách xuống xe để đẩy xe giúp anh ta. Anh ta dọa: "Gần đến Ba Đồn rồi mà nằm giữa đường ở đây thì chỉ làm mồi cho máy bay Mỹ". Thế là mọi người xuống xe, đẩy chiếc xe trên một quãng, vòng qua mấy cái hố lớn do bom của Mỹ đã để lại từ mấy ngày trước, và vào đầu một làng chài lưới gọi là Cảnh Dương. Xe vừa đậu lại dưới bóng cây một lúc, thì có hai chiếc máy bay Mỹ nhào xuống. Chúng tôi nằm rạp xuống hai bờ ruộng nhưng hai chiếc máy bay Mỹ chỉ lượn xuống mà không bắn phá gì. Thật là hú vía! Ngày hôm đó chúng tôi nghỉ lại Cảnh Dương. Tôi được dịp mua được một bữa cơm ngon lành với cá kho và dưa bắp cải muối của dân chài trong làng, ngồi trên chiếc chõng tre, nhìn ra những cồn cát sau rặng phi lao, và ngoài xa hơn nữa là bãi biển Thái Bình Dương.

https://tieulun.hopto.org

Thật là ba ngày, ba đêm vất vả, lo âu, nhưng rồi chiếc xe chạy ì ạch cũng qua nổi Đồng Hới và vào tới Huế lúc trời vừa sáng. Xe chạy qua cầu Tràng Tiền, trên giòng sông Hương phẳng lặng êm đềm, rồi tới đổ khách xuống một bến xe phía bên kia cầu. So sánh với Hà Nội thì cố đô Huế có vẻ như một tỉnh lỵ nhỏ. Trong một khung cảnh tĩnh mịch, người dân ở đây sống giữa những cung điện cũ kỹ, những lăng tẩm cổ kính của những thời vua trước và một toà đại diện khá đồ sộ của người Pháp gọi là toà Khâm Sứ, nay vừa là nơi làm việc vừa làm nơi trú ngụ của vị Thủ Tướng chính phủ mới.

Vì toà nhà này ở ngay gần cầu Tràng Tiền và không xa bến xe, nên tôi tìm đến nơi dễ dàng. Tay xách một chiếc va li nhỏ, nghèo nàn, đựng một vài bộ quần áo, ngơ ngác đứng trước một công thự nguy nga, giá có ai trông thấy tôi lúc đó thì cũng phải bảo đấy là một chú nhỏ nhà quê ra tỉnh. Đường phố lúc này còn vắng vẻ, ít người qua lại, vì mới chỉ gần bẩy giờ sáng. Tôi mạnh dạn tiến tới trạm gác trước cửa toà Khâm Sứ và tự giới thiệu: "Tôi là người nhà, cháu cụ Kim, vừa mới ở Hà Nội vào, xin được vào gặp cụ". Tôi chờ một lát rồi được mời vào. Khi tới bên trong và vào tới phòng khách lớn, tôi cảm thấy thật ngỡ ngàng trước khung cảnh sang trọng của toà Khâm Sứ này, những dẫy hành lang chạy dài, sạch bóng không một vết bụi, những trần nhà cao vút với những bộ đèn từng chùm trong như pha lê, những cầu thang chạy vòng hai phía như trong những lâu đài. Tôi còn đang ngây người, nhìn ngang nhìn ngửa, thì ông chú tôi đã đến đằng sau thăm hỏi tin nhà ở ngoài Bắc. Rồi có lẽ vì ông thấy tôi còn đang ngẩn người nhìn cảnh mới lạ, ông bảo tôi: "Con cứ nhìn kỹ mà xem rồi con sẽ thấy tại sao thằng Tây nó cứ muốn bám mãi vào cái đất thuộc địa này".

Vì không có con trai, nên ông chú tôi vẫn coi tôi như con, ngoài ra có lẽ ông cũng muốn có tin từ miền Bắc, nên vừa hỏi qua về chuyện gia đình, ông đã bảo tôi ngay: "Con cứ ở lại đây, ta còn có nhiều chuyện muốn nói". Thế là với một chiếc bàn chải đánh răng và một vài bộ quần áo cũ, tôi ở lại sống như người nhà, cùng với ông trong toà nhà rộng lớn, rồi vài hôm sau, vào những lúc rảnh rỗi, ông dần dần kể lại cho tôi nghe những chuyện bất ngờ đã đến với ông từ ngày ông bị buộc phải dời Hà Nội để đi Tân Gia Ba.

Ở Tân Gia Ba, ông cùng sống một thời gian với cụ Cử Dương Bá Trạc và ông Trần Văn Ân, nhưng không được người Nhật cho biết rõ gì nhiều về tình hình Việt Nam, chỉ đến khi họ đã đảo chính xong người Pháp, thì họ đưa ông về Sài Gòn. Vì đã được nghe nói nhiều về ông Ngô Đình Diệm từ trước, ông dò hỏi thì được biết ông Diệm cũng

https://tieulun.hopto.org

có mặt ở Sài Gòn và thường xuyên liên lạc với người Nhật. Rồi một hai hôm sau, người Nhật cho xe đến mời ông tới bộ Tham Mưu của họ. Tại đây họ cho ông biết là Hoàng Đế Bảo Đại muốn gặp ông, và họ đã chuẩn bị sẵn sàng để đưa ông ra Huế. Ngay đến lúc bấy giờ, ông cũng không biết là ông được mời đứng ra thành lập chính phủ mới. Ông ra về, còn đang suy nghĩ về lời mời của nhà vua, thì đi qua hành lang, bất thình lình ông gặp ông Diệm. Ông Diệm chạy vội lại hỏi liên hồi: "Cụ có tin gì không?" Thì ra người Nhật chẳng cho ai biết gì cả. Một hai hôm sau, vào đến Huế và được gặp ông Bảo Đại, ông liền hỏi ngay: "Thưa Ngài, tại sao Ngài không mời ông Diệm?" Ông Bảo Đại trả lời rằng: "Tôi đã cố liên lạc với ông Diệm từ hơn một tuần nay nhưng người Nhật nói với tôi là chưa liên lạc được với ông Diệm, không hiểu có phải ông Diệm có ý trốn tránh không, nhưng thời gian cấp bách, tôi không thể chờ lâu hơn được nữa!" Xem như vậy thì rõ ràng người Nhật giữ liên lạc với cả hai nhân vật, ông Diệm và ông chú tôi, nhưng không để cho ai biết. Họ thâm trầm, kín đáo, tính toán mọi việc. Vì lý do gì thì không ai biết, nhưng qua việc giữ thu xếp để mời cụ Kim đi Huế mà không nói để ông Bảo Đại và ông Diệm biết, người ta thấy rõ là họ có ý thiên về nhà học giả hiền lành, chính trị gia miễn cưỡng Trần Trọng Kim, hơn là về chính trị gia Ngô Đình Diệm mà nhiều người đã biết tiếng từ trước (1).

Trên nhiều phương diện, quan niệm của nhà học giả Trần Trọng Kim về đường lối trị nước thật là chân phương, cổ điển. Cụ chọn người vào những chức vụ trong chính phủ theo tiêu chuẩn đạo đức và tận tâm với nghĩa vụ, hai đức tính mà cụ coi là cần thiết ở những người phục vụ đất nước, những công bộc của dân. Khuynh hướng chính trị của cụ được thể hiện rõ rệt qua danh sách các nhân vật cụ mời vào nội các mới. Những nhân vật này đều là những nhà trí thức có tiếng, những thành phần ưu tú trong xã hội Việt Nam lúc bấy giờ. Trong số các vị Tổng Trưởng có nhiều vị đã là giáo sư của tôi như ông Hoàng Xuân Hãn, giáo sư thạc sĩ, dạy toán lúc tôi học năm Tú Tài tại trường Bưởi, nay làm Tổng Trưởng Giáo Dục; ông Phan Anh, luật sư, trước dạy tôi văn chương Pháp ở trường Thăng Long, nay làm Tổng Trưởng Thanh Niên. Vì lúc ấy chính phủ mới được thành lập, nhà cửa cho nhân viên chưa có, nên phần lớn các Tổng Trưởng ở chung với cụ Kim tại toà Khâm Sứ.

Đời sống ở đây có thể ví như của một đại gia đình hay của một ký túc xá. Ban ngày, mỗi người một việc, nhưng đến tối thì tất cả tề tựu quanh một chiếc bàn dài ở phòng ăn, bàn cãi sôi nổi về những việc trong ngày. Với tư cách người nhà, tôi cũng may mắn dự những

https://tieulun.hopto.org

bữa cơm hào hứng đó, nhưng vì còn nhỏ tuổi nên chỉ theo dõi mà không dám lạm bàn. Tôi nhớ nhất những tiếng nói oang oang của mấy vị miền Nam như bác sĩ Hồ Tá Khanh, luật sư Trịnh Đình Thảo, những tiếng nói nhỏ nhẹ của luật sư Trần Văn Chương, và cái đầu húi của luật sư Phan Anh (2).

Hàng ngày, ngoài những lúc được nói chuyện với ông chú tôi và những bữa cơm hết sức chính trị buổi tối, tôi thường lợi dụng sự có mặt ở cố đô để đi thăm các lăng tẩm, và tìm cách liên lạc với một số anh em Đại Việt để nhờ họ chuyển về Bắc những tin tức mà tôi lượm lặt được về tình hình chung. Những tin tức này thực ra cũng không có gì đặc biệt, một phần vì tôi còn non trẻ quá, chưa đủ kinh nghiệm để có những nhận xét sâu sắc, và một phần khác cũng vì chính phủ Trần Trọng Kim lúc đó hầu như sống trong một thế giới riêng biệt, tách rời khỏi thế giới bên ngoài, nên ảnh hưởng hết sức giới hạn. Những Tổng Trưởng trong chính phủ toàn là những người giầu kiến thức, nhưng gần như thiếu hẳn phần kinh nghiệm chính trị đáng lẽ cần phải có trong một tình trạng hết sức khó khăn. Quan điểm của họ dựa trên lý thuyết nhiều hơn là trên thực tế. Mặc dầu lúc đó quyền hành tối hậu vẫn còn trong tay người Nhật, họ nghĩ rằng chỉ cần ra lệnh và chỉ thị cho hợp lý thì mọi việc sẽ được giải quyết. Không ai có thể nói họ là những bù nhìn cho Nhật vì thực sự họ là những người cương trực, có lương tâm và thành thực muốn phục vụ đất nước, nhưng vì thiếu kinh nghiệm chính trị, họ không có một ý niệm rõ rệt về tình hình ở trong nước cũng như ở ngoài nước, và không nhìn thấy những đợt sóng ngầm đang đe dọa đất nước. Một tỉ dụ điển hình về tình trạng này là sau khi chính phủ đã thành lập cả tháng trời, mà chính phủ vẫn không có được một người đại diện ở Hà Nội, nơi được coi là thủ đô hành chính của cả nước và cũng là trung tâm hoạt động của các đảng phái quốc gia; trong khi đó thì liên lạc thường xuyên của hai nơi gần như không có.

Nhận xét về chính phủ Trần Trọng Kim, nhiều người cho rằng chính phủ ấy sống trong một khoảng trống, hai chân chưa đứng vững đã bị tràn ngập, gạt sang một bên bởi những biến chuyển ở trong nước cũng như ở ngoài nước vượt quá sức chống trả của mình. Sự thực thì chính những người trong cuộc cũng không biết. Dĩ nhiên lúc ấy Nhật còn đang có chiến tranh với Mỹ, nên tìm cách bưng bít mọi chuyện, do đó hiểu biết được một cách chính xác tình hình ở bên ngoài không phải là chuyện dễ dàng, nhưng ngay đến thái độ của người Nhật, chính phủ cũng không biết rõ. Tôi còn nhớ vào một buổi tối trong bữa ăn, có cuộc bàn cãi sôi nổi về vấn đề Nam Kỳ. Lúc đó Nam Kỳ còn là

https://tieulun.hopto.org

một đất thuộc địa của Pháp do Nhật Bản chiếm đóng nhưng chưa trả lại cho Việt Nam, vì vậy mà việc đòi lại Nam Kỳ là một ưu tiên quan trọng của chính phủ. Ưu tiên quan trọng là thế mà đến lúc điều đình với ông Yokohama, Đại Sứ của Nhật Bản ở Huế, tất cả câu trả lời mà chính phủ nhận được là mọi cuộc thảo luận về vấn đề này đều phải chờ chỉ thị ở Đông Kinh, trong khi đó thì chính Đông Kinh cũng còn đang phải lo đối phó với một tình trạng quân sự càng ngày càng nguy ngập.

Nếu lấy lẽ công bằng mà xét, thì phải nhận rằng chính phủ Trần Trọng Kim đã phải bắt đầu từ một con số không trên mọi lãnh vực. Bộ máy chính quyền do người Pháp để lại không còn chạy nữa. Chính phủ mới không những chưa đủ quyền hành và không có phương tiện, mà còn phải đương đầu với những vấn đề quá lớn, nào là đòi lại chủ quyền, xây dựng lại một bộ máy chính quyền mới, nào là đặt nền móng cho việc tổ chức một quân đội quốc gia độc lập, cải tổ lại hệ thống giáo dục, v.v... vì vậy mà trong thời gian ngắn ngủi chưa đầy 5 tháng cầm quyền, chính phủ Trần Trọng Kim chỉ mới ấn định được một vài ưu tiên, tìm được hướng đi để giải quyết những ưu tiên đó (đáng kể hơn cả là những cải cách giáo dục do giáo sư Hoàng Xuân Hãn khởi xướng và việc thành lập trường Thanh Niên Tiền Tuyến do luật sư Phan Anh chủ trương) chứ chưa thực hiện được việc gì quy mô rộng lớn. Ngoài ra nếu người ta nhìn vào cách xử sự của những người trong chính phủ, thì thấy họ không phải là những người tha thiết với quyền hành. Họ quan niệm sự có mặt của họ ở chính quyền là bổn phận nhiều hơn là một sự mong ước vừa đạt được, và họ sẵn sàng nhường lại trách nhiệm nếu quyền lợi của đất nước đòi hỏi.

Tôi ở Huế được chừng một tháng thì bắt đầu sốt ruột muốn trở về Bắc. Vào đúng lúc đó, tôi được tin từ Hà Nội nhắn vào là ông Trương Tử Anh muốn tôi trở về gặp ông, ngoài ra, chính phủ vừa cử ông Phan Kế Toại làm Khâm Sai tại miền Bắc, nên ông chú tôi muốn tôi về ngoài đó để có thêm tin tức. Thế là một lần nữa, do thời cuộc sắp đặt, tôi lại trở thành người liên lạc. Lúc trước đi từ Hà Nội vào Huế là để móc nối giữa ông Trương Tử Anh và ông chú tôi, nay lại từ Huế ra Hà Nội để làm việc đó với cả ông Toại. Dĩ nhiên không có gì là khó nhọc, nhưng tôi có cảm tưởng là được giao phó một nhiệm vụ quan trọng, nên mỗi lần đều vui vẻ, hăng hái lên đường.

Khác hẳn với Huế trầm lặng, Hà Nội vào thượng tuần tháng 6 năm ấy, 1945, thật là xôn xao. Thôi thì đủ loại tin tức, đủ lời đồn đại cũng như đủ thứ vận động, ngấm ngầm cũng như công khai. Không hiểu có phải ở Hà Nội người ta có nhiều tin tức về thế giới bên ngoài

https://tieulun.hopto.org

hơn Huế không, nhưng ở Hà Nội mọi người đều cho rằng đế quốc Phù Tang đã gần đến ngày cáo chung. Trong khi chính phủ ở Huế nghĩ rằng còn có thời giờ để sắp đặt và giải quyết mọi việc trong vòng trật tự với người Nhật, thì ở Hà Nội người ta đã tính đến chuyện "lập chiến khu", "diệt phát xít" với "uống máu quân thù".

Về đến Hà Nội, tôi gặp ngay ông Trương Tử Anh và tường trình với ông về những gì tôi đã tai nghe, mắt thấy ở Huế. Ông cho tôi biết qua loa về tình hình lúc đó ở Bắc rồi bảo tôi ở lại Hà Nội với ông, không phải đi Bắc Giang hay Thanh Hoá là hai nơi căn cứ của Đại Việt). Càng được dịp làm việc gần ông, tôi càng khâm phục ông là người có đảm lược. Về cá nhân ông, người ta chỉ biết ông sinh trưởng ở miền Trung và đã tham gia cách mạng từ lúc còn trẻ, tuy nhiên ai cũng cảm thấy ông là người có khí phách và bản lãnh. Với một vẻ mặt trầm tĩnh và quắc thước, ông là một nhà lãnh đạo thông minh, tự tin là có khả năng góp phần vào việc xây dựng lại đất nước.

Đến đầu tháng 7, ông Trương Tử Anh lại phái tôi trở lại Huế. Lần này nhiệm vụ của tôi thật là rõ rệt. Tôi phải chuyển tới cụ Kim lời bảo đảm và cam kết là trong mọi trường hợp chính phủ có thể trông cậy vào hậu thuẫn của đảng Đại Việt. Tôi trở lại Huế và cũng như lần trước, phải theo những chuyến xe đò đi đêm vì lúc này máy bay Mỹ đánh phá các trục lộ nhiều hơn trước. Mới cách đó có hai tuần, bác sĩ Vũ Ngọc Anh, Tổng Trưởng Y Tế đã bị tử nạn trên đường đi Thái Bình về Hà Nội.

Ở Huế, bầu không khí cũng chưa thay đổi nhiều so với những ngày tôi chưa ra Bắc. Tôi kể cho ông chú tôi nghe những gì đã xảy ra ở Bắc theo lời ông Trương Tử Anh căn dặn và dĩ nhiên tôi cũng chuyển lời cam kết ủng hộ chính phủ. Ông chú tôi không tỏ vẻ gì vui mừng đặc biệt về hậu thuẫn mới. Bản chất ông không phải là người làm chính trị nên có lẽ trong thâm tâm, ông không nghĩ là sẽ phải tranh giành quyền hành với ai cả, do đó ông không thấy cần được ủng hộ. Ông đã bắt đầu nghe thấy người ta nói đến tổ chức Việt Minh và đang phân vân không hiểu tổ chức này có thể đóng góp gì vào việc xây dựng đất nước trong tương lai không. Ông hỏi tôi Việt Minh có sự ủng hộ của Đồng Minh không, và bảo tôi: "Nếu thực là họ được Mỹ ủng hộ thì chính phủ sẽ nhường chỗ lại cho họ".

Dĩ nhiên lúc đó, đã bắt đầu có những lời tuyên truyền của Việt Minh. Họ nói rằng những người của tổ chức tình báo Mỹ đã nhẩy dù xuống chiến khu của họ và việc đó chứng tỏ là họ được Mỹ ủng hộ. Không phải riêng gì ông chú tôi, mà tất cả những người xung quanh ông đều nghĩ rằng các nước Đồng Minh sẽ thắng và rồi đây Mỹ, một

https://tieulun.hopto.org

thành phần quan trọng của Đồng Minh, sẽ có ảnh hưởng lớn đến tương lai của Việt Nam. Ai cũng tin rằng tổ chức nào được sự ủng hộ của Mỹ thì tổ chức đó sẽ đảm nhận việc lãnh đạo đất nước sau chiến tranh. Có lẽ ông chú tôi cũng hiểu rằng không phải ai cũng chia sẻ với ông những quan niệm trị nước theo đúng tinh thần Khổng giáo của ông (nghĩa là nếu có nắm quyền thì chỉ để phục vụ mà thôi) nhưng ông nghĩ theo cách thành thực rằng đã là người Việt Nam thì ai cũng phải đặt quyền lợi của dân tộc trên hết. Vì lẽ đó mà thái độ của ông hết sức thản nhiên, không thắc mắc gì nếu cần phải trao quyền lại cho người khác.

Tôi vẫn ở Huế lúc quả bom nguyên tử đầu tiên của Mỹ ném xuống Hiroshima ngày 6 tháng 8, và sau đó mấy ngày, quả bom thứ nhì xuống Nagasaki. Ngày nay thì ai cũng biết thế nào là bom nguyên tử, nhưng vào hồi ấy thì thực sự không mấy ai hiểu rõ tại sao lại gọi là nguyên tử, vả lại không phải ai cũng có radio để nghe đài ngoại quốc, nên chỉ toàn những lời kể lại, từ miệng người này qua miệng người khác, là Mỹ vừa chế tạo được một thứ bom khủng khiếp lắm, ném xuống thì có đến hàng trăm ngàn người chết một lúc. Mọi người còn đang hoang mang thì có tin là Nhật Bản đã đầu hàng Mỹ và Đồng Minh rồi. Chưa được chuẩn bị đầy đủ để có thể đối phó với tình thế mới, chính phủ Trần Trọng Kim lúc đó thật là lúng túng, không biết xoay xở ra sao. Trong khi đó, ở ngoài Bắc, ông Hồ Chí Minh và Việt Minh đã sửa soạn kỹ lưỡng để "cướp chính quyền". Kết quả dĩ nhiên của tình trạng ấy là vài hôm sau, chính phủ ở Huế bị đặt ngay trước "một sự đã rồi". Ngay sau khi Nhật đầu hàng, Hà Nội trở nên sôi nổi với những cuộc biểu tình liên tiếp do bàn tay điều động ngầm của cán bộ Việt Minh. Dân chúng từ các miền quê ùn ùn kéo về thành phố. Người Nhật thì không quan tâm gì đến tình hình nữa, người Pháp thì đã bị loại ra rồi, trong khi đó chưa có ai là đại diện cho Đồng Minh cả. Về phía chính phủ, ông Khâm Sai Phan Kế Toại theo sự thúc đẩy của người con trai (Phan Kế An, đã theo Việt Minh từ trước) đã bắt đầu ngả về phía Việt Minh và tuyên bố xin từ chức. Hà Nội bỗng nhiên trở thành một khoảng trống chính trị mà tổ chức Việt Minh, một tổ chức có nhiều kinh nghiệm hơn những đảng phái quốc gia khác, đã lợi dụng triệt để. Những toán cán bộ tuyên truyền của họ có mặt khắp nơi trong những ngày quyết định ấy để sách động quần chúng và tạo điều kiện thuận lợi cho kế hoạch "cướp chính quyền" của họ.

Ngày 17 tháng 8, công chức ở Hà Nội tổ chức một cuộc biểu tình ở Nhà Hát tây đường Tràng Tiền để ủng hộ chính phủ Trần

https://tieulun.hopto.org

Trọng Kim. Cuộc biểu tình vừa mới bắt đầu thì một vài cán bộ Việt Minh nhảy ngay lên diễn đàn, giơ cao một lá cờ đỏ sao vàng rồi hô to: "Đả đảo chính phủ bù nhìn". Vì ban tổ chức thiếu kinh nghiệm, không hướng dẫn nổi quần chúng, nên cuộc biểu tình bỗng nhiên trở thành hỗn loạn rồi một số cán bộ khác trà trộn trong dân chúng đưa ngay ra những khẩu hiệu như "chống Phát Xít", "giành độc lập", "chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim", v.v... Ngày hôm sau, Việt Minh lại được thể tổ chức nhiều cuộc biểu tình khác. Tình hình ngày càng căng thẳng và đến ngày 19 tháng 8 thì đám người biểu tình kéo đông đến Bắc Bộ Phủ (trước là Phủ Thống Sứ dưới thời Pháp thuộc và sau này là nơi làm việc của ông Khâm Sai Phan Kế Toại) rồi xông vào chiếm đoạt công thự này để làm trụ sở cho chính quyền mới mà họ gọi là "chính quyền cách mạng".

Vào lúc đó ở Huế, ngoài tin có đảo chính ở Hà Nội, lại có tin là Hoàng Đế Bảo Đại đã nhận được nhiều điện tín yêu cầu ông thoái vị. Vì không còn kiểm soát được tình thế nữa, chính phủ Trần Trọng Kim đệ đơn xin từ chức ngay ngày hôm sau.

Lúc đầu, khi được biết về những diễn biến ở Hà Nội, ông chú tôi có vẻ như nửa vui nửa buồn. Vui vì ông sắp có thế trút được gánh nặng, nhưng buồn vì ông không hiểu tại sao Việt Minh lại phải "cướp chính quyền". Ông nói với tôi: "Mình sẵn sàng nhường mọi thứ lại cho họ, trong vòng trật tự và hợp pháp, việc gì mà họ phải cướp!" Cũng như bao người Việt Nam giản dị và chất phác lúc đó hăng say đi biểu tình dưới lá cờ đỏ sao vàng, ông quả chưa hay biết là những người Cộng Sản Việt Nam hoạt động dưới hình thức là Mặt Trận Việt Minh đã ngay từ ngày đầu chủ tâm thực hiện một cuộc cách mạng ý thức hệ rộng lớn, rập theo khuôn mẫu của Cộng Sản Quốc Tế.

Vài ngày sau khi từ chức, ông thuê được một căn nhà nhỏ ở dưới thôn Vĩ Dạ, phía ngoài thành phố Huế. Tôi theo ông về đó cùng với một vài người cộng sự viên của ông lúc trước, Trong số đó có luật sư Trịnh Đình Thảo. Tình hình thay đổi thật nhanh chóng. Sự chống đối của các đảng phái quốc gia hết sức rời rạc và chính phủ cũ thì không còn nữa, nên Mặt Trận Việt Minh làm chủ ngay được tình thế. Họ tổ chức hết mít-tinh này đến mít-tinh khác để làm kiến nghị yêu cầu nhà vua thoái vị. (Trong những kiến nghị này tôi nhận thấy có kiến nghị của Tổng Hội Sinh Viên mà ngay từ trước khi vào Huế tôi biết là đã ngả theo Việt Minh, vì chịu ảnh hưởng của những người như Phan Mỹ và Dương Đức Hiền)

Một phần vì muốn có hành động đóng góp vào tình đoàn kết quốc gia và một phần khác không còn giải pháp thực tế nào khác, ông

https://tieulun.hopto.org

Bảo Đại đánh điện trả lời là ông vui lòng và sẵn sàng thoái vị. Việt Minh liền cử một phái đoàn vào Huế dưới sự hướng dẫn của Trần Huy Liệu và ngày 26 tháng 8, tại một buổi lễ trước cửa Ngọ Môn vua Bảo Đại trao lại ấn kiếm và chính thức thoái vị. Trong một bản tuyên cáo mà lời lẽ chân thành đã làm cảm động nhiều người, ông nói: "Thà làm dân một nước độc lập còn hơn làm vua một nước nô lệ". Vài ngày sau, chính phủ đầu tiên của chế độ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà ra đời với thành phần nòng cốt là những đảng viên Cộng Sản và với sự tham gia của một số nhân sĩ mà thành tích hoạt động với Cộng Sản chưa lộ rõ. Tôi sống ở Vĩ Dạ, trong một tâm trạng rất bồn chồn. Từ buổi sớm mai, mới mở mắt dậy cho đến tối mịt, dưới sự thúc đẩy của Uỷ Ban Nhân Dân Vĩ Dạ và Thanh Niên Tự Vệ, chỉ thấy hết mít-tinh lại đến biểu tình, hát những bài cách mạng theo nhịp chân bước: "Một hai, một hai, tiến lên, tiến lên theo cờ Việt Minh!" Để tránh sự dòm ngó, phiền nhiễu và nghi kỵ tôi cũng đành tham gia một vài lần, nhưng trong thâm tâm, tôi không thấy một chút hăng hái nào, tệ hơn nữa, còn có cảm tưởng mơ hồ, khó tả, như đã mất mát rất nhiều...

---

(1) Xin xem cuốn "Một Cơn Gió Bụi" của Trần Trọng Kim.
(2) Về sau này, bác sĩ Hồ Tá Khanh, thuộc nhóm Đệ Tứ, thôi không làm chính trị và hành nghề tại Pháp, luật sư Trịnh Đình Thảo theo Mặt Trận Giải Phóng miền Nam, luật sư Phan Anh cộng tác với chính phủ Hà Nội, còn luật sư Trần Văn Chương, sau khi làm Tổng Trưởng Ngoại giao trong chính phủ Trần Trọng Kim, làm Đại Sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ dưới thời chính phủ Ngô Đình Diệm.
(3) Nhật đợi cho đến ngày 15 tháng 8, 1945 - hơn một tuần lễ sau bom nguyên tử được thả xuống Hiroshima - mới trả lại Nam Kỳ cho Việt Nam. Vua Bảo Đại và chính phủ Huế liền cử ông Nguyễn Văn Sâm làm Khâm Sai Nam Kỳ, nhưng lúc đó thì đã muộn.

https://tieulun.hopto.org

Chương 6
Nhật Đi, Anh, Tầu và Pháp Đến

Vào khoảng trung tuần tháng 9, ngoài việc tập họp và hàng ngày biểu tình vài ba buổi với nhân dân tự vệ thôn Vĩ Dạ, tôi không có việc gì làm và không còn lý do nào để ở lại Huế nữa, vì vậy ngỏ lời xin ông chú tôi cho về Bắc. Vì sớm muộn gì chính ông cũng phải về nên ông bằng lòng ngay. Vừa về đến Hà Nội gặp ông Trương Tử Anh để trình bầy mọi việc, và cũng để ông cho biết tình hình mới, tôi nhận thấy ngay rằng mới trong khoảng vài tuần lễ, từ chuyến đi thứ hai của tôi vào Huế, mà khung cảnh chính trị đã hoàn toàn đổi hẳn và trở nên vô cùng phức tạp.

Trước hết về phương diện quốc tế, chiến tranh ở Thái Bình Dương đã chấm dứt với sự đầu hàng của Nhật Bản, nhưng trên đất Việt Nam, người Nhật còn một lực lượng quân sự khá hùng hậu. Đồng Minh đã quyết định giao cho Anh Quốc nhiệm vụ giải giới quân đội Nhật và giữ gìn an ninh trật tự ở miền Nam Việt Nam, đồng thời, giao cho Trung Hoa nhiệm vụ tương tự ở miền Bắc. Thật là khổ cho dân Việt Nam! Đang nhìn thấy cơ may là sẽ giành được độc lập khỏi tay người Pháp, và đang hy vọng sớm chấm dứt được sự chiếm đóng của quân đội Nhật, thì nay lại phải chấp nhận sự có mặt của quân đội khác, Anh và Trung Hoa, mà cũng không biết hậu quả rồi đây sẽ ra sao.

Sau nữa về phương diện nội bộ, vì mặt trận Việt Minh đã lợi dụng cơ hội, nhanh tay chiếm được chính quyền, nên tất cả các đảng phái quốc gia đều bị đẩy vào thế thụ động. Tổ chức nào cũng phải củng cố lại hàng ngũ để sửa soạn đối phó với một tương lai mà nhiều người tiên đoán sẽ đầy thử thách và sóng gió. Trong khi đó thì dồn dập có tin là quân đội hoàng gia Anh sau khi đổ bộ lên Sài Gòn, đã để cho một vài toán quân Pháp đổ bộ theo, đồng thời quân đội của Tưởng Giới Thạch đã kéo qua biên giới Bắc Việt để tiến về phía Hà Nội.

Tình trạng trở nên khẩn trương khi lại có tin là đã xẩy ra đụng độ quan trọng giữa những toán quân Pháp mới đổ bộ và những tổ chức võ trang của mặt trận Việt Minh và của các đảng phái quốc gia khác xung quanh thành phố Sài Gòn. Dư luận xôn xao, lo ngại không biết tương lai sẽ đưa lại những gì! Pháp là một nước thuộc khối Đồng

https://tieulun.hopto.org

Minh, phải chăng Anh Quốc và Hoa Kỳ sẽ làm ngơ để cho Pháp trở lại Đông Dương? Trung Hoa cũng là một trong những nước Đồng Minh, phải chăng Trung Hoa sẽ lợi dụng cơ hội kéo quân sang Việt Nam rồi tìm cách ở lại? Tất cả những trường hợp kể trên đều là những viễn tượng đáng lo ngại cả, đặc biệt là trong lúc dân chúng còn hoang mang chưa ai hiểu rõ được chính quyền cách mạng mới lên cầm quyền được ba tuần lễ, sẽ dẫn dắt dân tộc Việt Nam theo ngả nào?

Khác hẳn với những thời trước, dân chúng bị sách động không ngừng. Vì cần phải củng cố chính quyền vừa mới chiếm đoạt, đồng thời để đối phó với những khó khăn do sự có mặt của những quân đội ngoại quốc gây ra, ông Hồ Chí Minh và chính phủ Việt Minh nỗ lực động viên tinh thần dân chúng bằng cách tổ chức mít-tinh và biểu tình hết ngày này qua ngày khác, khi thì hoan hô cách mạng, khi thì đả đảo thực dân Pháp. Đường phố Hà Nội đầy rẫy những biểu ngữ đủ loại và từng đoàn người lũ lượt kéo nhau đến các công trường, tạo cho thành phố một quang cảnh ồn ào, tấp nập. Điển hình nhất về phương pháp đấu tranh này, là một cuộc biểu tình lạ lùng mà tôi còn nhớ mãi về sau này, đó là cuộc biểu tình chống tướng Franco ở Tây Ban Nha. Tướng Franco là một nhà độc tài có khuynh hướng phát xít thế mà rập theo khuôn của những tổ chức Cộng Sản quốc tế, dân Việt Nam cũng phải đi biểu tình, mặc dầu Tây Ban Nha không có liên quan gì với Việt Nam, và trong số hàng ngàn người Việt đả đảo Franco hôm đó, chưa chắc đa số biết Franco là ai.

Trong số những ngoại kiều ở Hà Nội lúc đó, ngoài người Pháp đang lăm le trở lại nắm quyền, người Nhật sửa soạn ra đi và người Tầu đang rầm rộ kéo đến, người ta thấy một vài người Mỹ. Những người Mỹ này hầu như được nhiều cảm tình của dân chúng vì ai cũng thấy là Hoa Kỳ không có quân đóng ở Việt Nam và cũng không có quyền lợi trực tiếp ở xứ này. Ngoài ra nhiều người dân Việt lại còn mơ hồ hy vọng rằng Hoa Kỳ sẽ có thể giúp Việt Nam giành lại độc lập. Hy vọng này bắt nguồn từ những tin tức thời Tổng Thống Roosevelt còn sống, theo đó Hoa Kỳ chủ trương giao Việt Nam cho Liên Hiệp Quốc quản trị (U.N. Trusteeship) trong một thời gian, sau đó Việt Nam sẽ được hoàn toàn độc lập. Trong những giới chính trị và trí thức Việt, không mấy ai không biết chủ trương đó. Người ta cho rằng Hoa Kỳ là một nước giầu mạnh, chống chế độ thực dân, ưa chuộng tự do thì thế nào cũng giúp Việt Nam đi tới độc lập.

Niềm hy vọng trên đây dựa vào ước mong nhiều hơn thực tế. Tuy vậy, những lời đồn đại về Hoa Kỳ cũng đủ hấp dẫn để thu hút cảm tình của dân chúng. Về phía chính quyền Việt Minh, thì không ai

https://tieulun.hopto.org

biết rõ liên hệ của họ với người Mỹ ra sao, nhưng nhiều người nghĩ rằng ông Hồ Chí Minh sẽ lợi dụng sự hiện diện của người Mỹ để củng cố thế lực của ông và đối phó Với người Pháp và người Tầu: chính bộ máy tuyên truyền của Việt Minh tung ra những tin làm cho ngộ tưởng đã có sự cộng tác chặt chẽ với Mỹ rồi. Họ tận dụng triệt để thái độ thân thiện của hai người Mỹ lúc đó ở Hà Nội, là thiếu tá Patti (đại diện cho cơ quan tình báo của Hoa Kỳ, O.S.S., tiền thân của C.I.A) và tướng Gallagher (đại diện của quân đội Đồng Minh). Báo chí của chính phủ hết lời ca ngợi hai người Mỹ này. Trong thành phố, toàn là những biểu ngữ chống thực dân, đế quốc, thế mà chiếc xe Jeep cắm cờ Hoa Kỳ của thiếu tá Patti đi tới đâu là dân chúng bâu quanh tới đó, như muốn sờ tận tay, nhìn tận mặt người đại diện của Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ, Việt Minh phao tin là hai ông Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp đang điều đình với Mỹ để được chính thức công nhận. Một hội Việt Mỹ thân thiện được thành lập và nhiều buổi tiếp tân được tổ chức để khoản đãi cả Gallagher lẫn Patti. Tôi có đến dự một trong những buổi tiếp tân đó và nhớ rõ là có lá cờ Hoa Kỳ thật to treo ở trên tường và những bộ quân phục lịch sự của người Mỹ. Hai ông Gallagher và Patti không nói gì nhiều, nhưng mọi người thì thầm, bàn tán, không hiểu vị Tổng Thống mới của Hoa Kỳ là Harry Truman có còn giữ chủ trương cũ của ông Roosevelt không? Sự thực thì chỉ riêng sự có mặt của hai người Mỹ hôm đó cũng làm cho mọi người lên tinh thần. Việt Nam lúc đó có thể ví như một cô thôn nữ trẻ trung, liên tiếp bị các chủ nhân ông hà hiếp, nào là Pháp, sau đó là Nhật, rồi lại đến Tầu và Anh, bỗng dưng có một anh nhà giầu, đẹp trai, hào hoa phong nhã xuất hiện. Chẳng may, mối thiện cảm này không được đền đáp lại. Mặc dầu cá nhân thiếu tá Patti tỏ ra rất khâm phục ông Hồ và các lãnh tụ Việt Minh, và mặc dầu chính những người Việt Minh cũng cố tạo cảm tưởng là họ được sự ủng hộ của Hoa Kỳ, chính phủ Hoa Kỳ đã tỏ ra thờ ơ đối với Việt Nam, để mặc cho ông Hồ xoay xở với người Pháp và người Tầu.

Vào đầu tháng 9, quân đội Trung Hoa qua hai ngả Lạng Sơn-Cao Bằng và Lao Kay kéo về Hà Nội. Trông họ thật là thê thảm, một đạo quân bệnh hoạn, đói rách. Quân đội Nhật Bản gọn gàng, kỷ luật bao nhiêu thì quân đội Trung Hoa hỗn tạp, vô kỷ luật bấy nhiêu, thèm khát đủ mọi thứ, quả đúng như mọi người e ngại, ào ào như một đàn châu chấu, vớ được cái gì là lấy cái ấy. Quân đội Tầu đến ồ ạt, làm gia tăng nạn đói đã hoành hành ở miền Bắc từ những năm trước. Nào là Nhật tịch thu lúa gạo, nào là những vụ mất mùa liên tiếp, nay lại đến quân Tầu tràn đến, vì vậy mà vào mùa thu năm đó, 1945 (Ất

https://tieulun.hopto.org

Dậu), nạn đói xẩy ra hết sức trầm trọng. Nông dân ở những vùng đói kém túa về Hà Nội và ở khắp các đường phố, đặc biệt ở ngoại ô thành phố, xác của những người chết đói nằm la liệt ở hai bên vỉa hè. Một số anh em sinh viên ở Đông Dương Học Xá phải chia ra từng nhóm để phụ giúp người khác thu dọn xác chết từ hôm trước. Cảnh tượng thương tâm, hãi hùng này, những người mục kích khó lòng quên được.

Tuy nhiên, các hoạt động chính trị không hề giảm bớt. Hết ngày này qua ngày khác, chính phủ và Mặt Trận Việt Minh tổ chức biểu tình và mít-tinh để cổ võ cho chuyện này hay chuyện khác. Ngân khố hết tiền thì họ tổ chức "Tuần Lễ Vàng", hô hào mọi người đóng góp, từ chiếc nhẫn nhỏ cho đến những đồ nữ trang đủ loại bằng vàng. Có lẽ một phần nhờ những cuộc lạc quyên đó mà ông Hồ đã có phương tiện mua chuộc được tướng Lư Hán, người chỉ huy quân đội Trung Hoa ở Việt Nam. Người ta đồn rằng vì là người nghiện thuốc phiện, tướng Lư Hán đã được chính phủ Việt Minh biếu cả một bộ bàn đèn bằng vàng.

Song song với những cố gắng mua chuộc người Tầu, chính phủ Việt Minh cũng không quên lấy lòng tập thể sinh viên.

Vào khoảng đầu tháng 10, cả hai ông Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp lần lượt đến Đông Dương Học Xá để tiếp xúc với sinh viên. Ông Giáp tới trước để nói chuyện về những năm ở chiến khu, sửa soạn cho cách mạng tháng tám. Ông kể nhiều chuyện thật vui, nhưng lúc này có lẽ tôi đã biết ông nhiều hơn là lúc còn học ở trường Thăng Long; vả lại tôi đã gia nhập tổ chức Đại Việt nên thái độ của tôi đối với ông hết sức dè dặt. Sau phần nói chuyện, thấy tôi đứng ở hành lang, ông tiến tới hỏi thăm nhưng tôi chỉ lễ phép trả lời qua loa. Rồi chỉ độ chừng hơn một tuần lễ sau, ông Hồ Chí Minh cũng xuống thăm. Ông đi thăm khắp các khu nhà trong học xá và vào tận các phòng để thăm hỏi. Tuy có nhiều người ủng hộ Mặt Trận Việt Minh, và một số người khác của Tổng Hội là người của mặt trận như Phan Mỹ, Dương Đức Hiền, Phạm Thành Vinh, v.v... một số lớn hoặc không phải là Việt Minh, hoặc chống đối ra mặt vì đã từng hoạt động với các đảng phái quốc gia khác. Vì vậy, hôm ông Hồ tới, tôi được mục kích những sự tinh nghịch khó quên của một số bạn. Không biết họ bảo nhau trước thế nào mà đến lúc ông Hồ tới khu phòng ngay cạnh chỗ tôi ở, một anh người miền Nam bỗng nhiên từ phòng tắm nhẩy ra, mình trần như nhộng. Anh giật lấy một chiếc khăn nhỏ, giả vờ che người một cách vụng về, rồi ngỏ lời xin lỗi ông Hồ. Vị Chủ Tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà thật là nhanh trí. Ông điềm

https://tieulun.hopto.org

nhiên ứng khẩu: "Các chú thì lúc nào cũng đùa nghịch được!", sau đó ông lại tự nhiên bắt tay và thăm hỏi mọi người. Cảm tưởng của tôi hôm ấy đối với ông rất rõ ràng. Ông lanh lợi, đóng kịch thật giỏi và chắc chắn về sau này ông sẽ không thiếu thủ đoạn chính trị.

Vào khoảng tháng 11, chẳng bao lâu sau khi quân Tầu đã kéo qua Việt Nam, do sự sắp xếp trong nội bộ của đảng, tôi được lệnh sửa soạn theo học một khoá huấn luyện quân sự, một việc mà hai lần trước tôi đã phải đình hoãn theo lệnh của ông Trương Tử Anh. Dưới sự điều động và với sự thúc giục của anh Đặng Vũ Chứ (một cán bộ đắc lực của Đại Việt, lại là trưởng nam của bác sĩ Đặng Vũ Lạc, đảng viên Đại Việt), tôi ngược lên miền Tây Bắc để theo học lớp huấn luyện tại Chapa. Chapa là một nơi nghỉ mát trên núi của người Pháp thời thuộc địa, ở phía trên Lao Kay, giáp giới với tỉnh Vân Nam. Lớp huấn luyện của chúng tôi, với danh hiệu oai hùng là Trường Võ Bị Trần Quốc Tuấn, được đặt ngay tại trại cũ của sĩ quan Pháp trên một ngọn đồi cao, nhìn sang dẫy núi Fan Si Pan, địa thế rất hùng vĩ. Hai sự không ngờ chờ đợi tôi ở đó. Một là trong số gần 200 học viên trường võ bị, phần lớn là những bạn bè mà tôi đã biết từ trước, hoặc ở Đại Học, hoặc từ những gia đình quen thuộc. Hai là ban giảng huấn toàn là cựu sĩ quan trong quân đội Nhật. Mặc dầu lúc đó quân đội Nhật Bản đang bị quân đội Trung Hoa giải giáp, những sĩ quan Nhật ở trường võ bị vẫn mặc quân phục của họ, nhưng mang tên Việt Nam. Người cầm đầu là một sĩ quan cấp tá lấy tên là Hùng và người phụ tá chỉ huy lấy tên là Dân. Vẫn những bộ mặt nghiêm trang, tượng trưng cho một tinh thần kỷ luật mà mọi người đều biết tiếng, họ thay phiên nhau rèn luyện cho lớp người trẻ đã được giao phó. Ngay từ buổi đầu, với một giọng nói quả quyết bằng tiếng Nhật được dịch ra tiếng Việt, đại tá Hùng nói: "Chúng tôi có nhiệm vụ giúp các anh để các anh trở thành cấp lãnh đạo của Việt Nam về sau này". Rồi mỗi buổi sáng, vào lúc mặt trời vừa mọc, tiếng kèn lanh lảnh trong làn sương sớm của miền núi cao đánh thức các học viên dậy để ra tập hợp ở sân trường. Sau đó là những buổi học tập diễn hành, sử dụng vũ khí, học hỏi chiến thuật và chiến lược như mọi lớp học sĩ quan ở nước khác. Bình thường, thời gian một khoá học phải từ 6 cho đến 9 tháng (và nếu được như vậy thì Đại Việt có thể có một số cán bộ quân sự vững chắc) nhưng chỉ được ba, bốn tháng, nhiều biến cố dồn dập đã buộc phải ngưng việc huấn luyện. Về phía biên giới Trung Hoa, những toán quân Pháp của tướng Alexandri lúc trước trốn qua Tầu, nay lại lục tục kéo về gần Phong Thổ và Bình Lư, đe dọa Chapa; đồng thời chính phủ Việt Minh cũng mở một trận tấn công lớn vào căn cứ của các

https://tieulun.hopto.org

đảng phái quốc gia từ phía Việt Trì, Yên Báy ngược lên Lao Kay nên buộc lòng những bộ đội do các học viên thành lập, tuy chưa được huấn luyện đầy đủ, phải kéo về cả Yên Báy để chiến đấu chống cự. Rút cục những chuyển biến của thời cuộc đã làm đảo lộn tất cả tính toán của các đảng phái quốc gia. Riêng về phần tôi, thì ở trường võ bị được gần hai tháng, sau Tết Nguyên Đán năm ấy, tôi được lệnh của ông Trương Tử Anh phải trở về Hà Nội.

Khi nhận được lệnh này, tôi đã nghĩ ngay là chắc thế nào cũng phải có chuyện gì liên quan tới cụ Kim. Quả thực tôi đoán không sai, vì vừa được biết tôi vừa về đến Hà Nội, ông Trương Tử Anh đã gọi tôi đến và giao cho nhiệm vụ phải "đưa Cụ Kim sang Quảng Châu hay Hồng Kông". Từ ngày từ chức Thủ Tướng hồi cuối tháng 8 và từ Huế trở về Hà Nội, ông chú tôi sống một cuộc đời yên lặng, kín đáo, ít giao thiệp với người ngoài. Một phần vì vậy và một phần vì lúc đầu Việt Minh còn muốn tỏ vẻ hoà hoãn với mọi người, nên ông được để yên. Nhưng mặc dầu ông không hoạt động chính trị, với tư cách là một học giả đứng đắn, một cựu Thủ Tướng, ông vẫn được mọi phía chú ý. Vừa về đến nơi, tôi đã đến thăm ông ngay và được biết là trong lúc tôi đi vắng, ông Trương Tử Anh vẫn thường kín đáo đến thăm ông. So với những tháng về trước, lúc này thái độ chính trị của ông đã thay đổi hẳn. Nếu lúc trước ông đã tưởng có thể trao quyền cho Việt Minh vì họ được sự ủng hộ của Mỹ, thì lúc này ông không còn ảo tưởng gì về những thủ đoạn của Cộng Sản nữa. Ông kể lại cho tôi nghe những lời bàn của ông Trương Tử Anh và đồng ý với ông Trương Tử Anh là cần phải có một lực lượng quân sự ở trong nước và đồng thời cũng cần phải có người ra ngoại quốc để vận động ngoại viện. Rồi ông cho biết đã nhận lời đề nghị của ông Trương Tử Anh muốn ông sớm lên đường đi Quảng Châu hay Hồng Kông, nhất là sau khi hai người được tin Cựu Hoàng Bảo Đại đã có mặt ở Trùng Khánh, thủ đô của chính phủ Tưởng Giới Thạch.

Về ông Bảo Đại, lúc đó chúng tôi không được rõ đích xác ông ở đâu. Cũng như mọi người, chúng tôi chỉ biết chính phủ Việt Minh cử ông cầm đầu một phái đoàn sang Tầu, rồi sau đó ông không trở về Việt Nam nữa. Từ lúc thoái vị và trở thành "công dân Vĩnh Thụy", ông đã rời cố đô Huế và ra Hà Nội để nhận lời mời của ông Hồ Chí Minh làm "Cố Vấn" cho "chính phủ cách mạng". Bằng lời mời khôn khéo này, ông Hồ đã làm một công đôi việc. Một mặt, với sự có mặt của Cựu Hoàng, chính phủ Việt Minh có thể chứng tỏ với công luận rằng chế độ mới được sự chuẩn nhận và hợp thức hoá từ ông Vua của chế độ cũ, và mặt khác lại còn tiện thể canh chừng Cựu Hoàng không

https://tieulun.hopto.org

để cho các đảng phái quốc gia lợi dụng uy tín của ông. Thực ra, không phải là ông Bảo Đại không biết những điều đó, như nhiều lần ông đã kể cho tôi về sau này. Đối với ông, Việt Minh bề ngoài tỏ ra trọng vọng, một điều cố vấn Vĩnh Thụy, hai điều Cựu Hoàng, nhưng càng ngày ông càng nhận thấy thế kẹt và sự cần thiết phải tìm một lối thoát. Dịp may bỗng đến với ông. Chính phủ Việt Minh lúc đó cần cử một phái đoàn sang Trung Hoa. Không hiểu ông Hồ Chí Minh có hậu ý hay thâm ý gì, mà lại cử Cựu Hoàng làm trưởng phái đoàn, nhưng thừa dịp may, Cựu Hoàng nhận lời lên đường sang Trùng Khánh, rồi ở lại luôn bên đó. Và cũng vì được tin này mà ông Trương Tử Anh cho gọi tôi từ Chapa về để đưa cụ Kim đi.

Kể từ ngày quân đội Trung Hoa và Anh đến Việt Nam để giải giáp quân đội Nhật, mới chỉ có 4, 5 tháng mà tình hình ở Việt Nam đã trở nên hết sức rối ren. Trong Nam, vì được quân đội Anh nhắm mắt làm ngơ, một số đơn vị Pháp đã đổ bộ theo, tái chiến lại vùng Sài Gòn - Chợ Lớn và đẩy lui các tổ chức kháng chiến quân về miền quê. Như vậy, chiến tranh đã thực sự bắt đầu ở miền Nam. Ngoài Bắc, vì không được sự đồng ý của Tầu, Pháp không làm gì được, nhưng không vì thế mà chính phủ cách mạng không gặp khó khăn. Tuy ông Hồ và tay chân của ông khéo léo đối xử với những tướng lãnh Trung Hoa như Lư Hán và Tiêu Văn, lề lối làm việc và màu sắc Cộng Sản của chính phủ cách mạng không giấu được ai. Ngoài ra, lúc đó chính phủ Tưởng Giới Thạch lại đang một mất một còn với Mao Trạch Đông; nên ở Việt Nam, nếu họ có ủng hộ khuynh hướng nào thì dĩ nhiên phải là những đảng phái quốc gia, chứ không thể là Mặt Trận Việt Minh, thiên Cộng. Quân đội Trung Hoa tới miền Bắc, chính phủ cách mạng tránh được tình trạng phải đối phó với quân đội Pháp, nhưng đồng thời cũng do đó mà phải đối phó với áp lực chính trị từ phía những đảng phái quốc gia được sự ủng hộ và giúp đỡ của Tầu. Những lãnh tụ quốc gia có tên tuổi như Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Nghiêm Kế Tổ, v.v... lúc trước sống ở bên Tầu, nay lần lượt trở về Việt Nam. Ở Hà Nội cũng như ở các tỉnh có quân đội Trung Hoa, đặc biệt là những tỉnh dọc theo sông Hồng Hà như Việt Trì, Yên Báy, Lao Kay và những tỉnh biên giới như Lạng Sơn, Móng Cáy, đâu đâu cũng thấy những trụ sở của Việt Nam Quốc Dân Đảng, Việt Nam Cách Mạng Đồng Minh Hội hay Phục Quốc Quân. Từ đó bùng nổ cuộc xung đột giữa chính quyền cách mạng và những tổ chức quốc gia chống Việt Minh. Khởi đầu là những cuộc đấu khẩu, tỉ dụ như ở Hà Nội. Mỗi ngày vào giờ nhất định, tại toà báo Việt Nam, trụ sở của Việt Nam Quốc Dân Đảng trên đường Quan Thánh, có buổi phát

https://tieulun.hopto.org

thanh công kích chính phủ. Rồi đến những vụ ám sát, bắt cóc, thủ tiêu như thủ tiêu Giáo Chủ Phật Giáo Hoà Hảo, Huỳnh Phú Sổ ở miền Nam, thủ tiêu lãnh tụ nhóm Đệ Tứ, Tạ Thu Thâu ở miền Trung, vụ hạ sát những ông Phạm Quỳnh, Ngô Đình Khôi ở Huế, hoặc hàng ngàn trường hợp những người bị bắn chết hay mất tích. Trong số các sinh viên Đại Việt trở thành nạn nhân trong giai đoạn này, phải kể đến những bạn tôi như Đặng Vũ Chứ, Quản Trọng Ứng, hai anh em Đặng Văn Bút, Đặng Văn Nghiên và Đỗ Ngọc Phúc (người bạn đã giới thiệu tôi với ông Cả Phương). Rồi sau chót là đến những cuộc đụng độ ở gần khắp mọi nơi giữa bộ đội Việt Minh và bộ đội của những đảng phái quốc gia được quân đội Trung Hoa yểm trợ.

Về phương diện chính trị, trong giai đoạn này, về sau cũng thấy có một vài cố gắng thỏa hiệp giữa hai phe Quốc, Cộng như việc thành lập một chính phủ liên hiệp vào đầu năm 1946 dưới áp lực của quân đội Trung Hoa. Một vài nhân vật về phía quốc gia như các ông Nguyễn Hải Thần, Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Tường Tam có tham gia chính phủ này, nhưng chỉ một thời gian ngắn, thỏa hiệp lại tan vỡ.

Pháp có dã tâm muốn trở lại Đông Dương, nên đã đổ bộ lên Sài Gòn, theo gót quân đội Anh. Họ tạo được một thế đứng bằng cách chiếm đóng Sài Gòn và một số thành phố lớn miền Nam. Họ nghĩ kế thu xếp với Trung Hoa để Tàu nhường chân cho họ ở miền Bắc. Họ đề nghị trả lại cho Trung Hoa những tô giới mà họ vẫn chiếm đóng từ trước ở Thượng Hải và một số đặc quyền khác. Cuộc điều đình giữa Trung Hoa và Pháp kéo dài trong nhiều tháng, nhưng đến cuối tháng 2, thì hai bên đã đi đến chỗ thỏa thuận. Ông Hồ và chính phủ của ông dĩ nhiên trông thấy được hết viễn tượng người Pháp trở lại miền Bắc và lập tức mở cuộc đàm phán với Pháp qua đại diện của Pháp ở Hà Nội là Jean Sainteny. Nói về thủ đoạn chính trị, thì phải nhận ông Hồ là người có tài xoay xở. Mặc dầu sự có mặt của người Tàu trong giai đoạn đầu gây cho chính phủ nhiều sự khó khăn, ông đã khôn khéo mua chuộc để làm giảm bớt áp lực của họ, không để cho họ đứng hẳn về phía các đảng phái quốc gia. Ông dùng thời gian này để củng cố những lực lượng võ trang của chính phủ cách mạng và hô hào dân chúng ủng hộ cuộc kháng chiến chống Pháp ở miền Nam. Nhưng đến khi thấy người Tầu sắp sửa dời khỏi Việt Nam, ông lại quay sang nói chuyện với Pháp. Hơn lúc nào hết, chính sách giai đoạn của ông Hồ càng hiện rõ.

Vào lúc đó, mặc dầu đã sửa soạn rút khỏi Việt Nam, Tầu vẫn tiếp tục ép buộc chính phủ Việt Minh để giúp đỡ những đảng phái quốc gia Việt Nam. Vì thế, và cũng vì muốn kéo phe quốc gia vào

https://tieulun.hopto.org

chính phủ để chia sẻ trách nhiệm nhượng bộ Pháp, Việt Minh bỗng có thái độ hoà hoãn với các đảng phái quốc gia, do đó mà có chính phủ liên hiệp vào đầu tháng 3, 1946 (1).

Vì chính ông Hồ nắm vai trò chủ động và đích thân liên lạc với Sainteny từ trước, nên chỉ vài ngày sau khi chính phủ liên hiệp được thành lập, Pháp và Việt Nam đã ký bản hiệp định gọi là Hiệp Định Sơ Bộ ngày 6 tháng 3, 1946. Pháp thừa nhận Việt Nam là một quốc gia tự do trong Liên Hiệp Pháp; chính phủ Việt Minh thỏa thuận để cho một lực lượng quân sự Pháp đồn trú ở Việt Nam trong một thời hạn 5 năm. Cùng ký vào bản hiệp định có cả ông Hồ Chí Minh lẫn ông Vũ Hồng Khanh đại diện Việt Nam Quốc Dân Đảng, tuy nhiên nhiều người trong hàng ngũ quốc gia vẫn lên tiếng phản đối kịch liệt, vì coi nhượng bộ của ông Hồ chỉ là một sự đầu hàng.

Theo nhiều người kể chuyện lại, thì để trả lời những ai đã chỉ trích ông, ông Hồ có nói rằng: "Thà ngửi c.. thằng Tây mấy năm còn hơn phải ngửi c.. thằng Tầu cả trăm năm!"

Hai tuần lễ sau, tôi cùng với một số bạn ở Đại Học, cũng là đảng viên Đại Việt (2), chúng tôi đứng ở một căn phòng nhà thương Phủ Doãn nhìn xuống đường, thấy đoàn quân của tướng Leclerc diễn hành qua. Chứng kiến cảnh tượng này, chúng tôi như uống phải mật đắng, tưởng như phải quay lại đời nô lệ. Và trong khi kiều dân Pháp vỗ tay hoan hô, thì chúng tôi đứng lặng nhìn, nước mắt tràn đầy vì căm phẫn và tủi nhục.

---

(1) Theo chính sách giai đoạn của ông Hồ, nếu cần đẩy Tầu ra khỏi Việt Nam và sớm thoát khỏi áp lực của họ, thì hoà hoãn với Pháp cũng không sao. Đồng thời, để có người chia sẻ trách nhiệm trong việc ký kết với Pháp, thì tạm thời hoà hoãn với các đảng phái quốc gia cũng được. Nhưng khi nào tình hình thay đổi, thì sẽ lại chống Pháp hay diệt các đảng phái quốc gia.

(2) Trong số đó, có hai anh Nguyễn Tôn Hoàn và Phan Thanh Hoà (về sau này bị Việt Minh thủ tiêu, mất tích).

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 7
Tránh Né Khủng Bố và Đưa Cụ Kim Sang Tầu

Sau khi Hiệp Định Sơ Bộ ngày 6 tháng 3, 1946 được ký kết giữa Pháp và chính phủ Hồ Chí Minh, thì quân đội Pháp đến đóng tại Hải Phòng, Hà Nội và quân đội Trung Hoa cũng lần lần rút về. Lợi dụng buổi giao thời, Tây đến Tầu đi, tôi liền nghĩ cách đưa cụ Kim sang Quảng Châu như ông Trương Tử Anh căn dặn. Vì lúc ấy quân đội Tầu có nhiều phương tiện chuyên chở, kể cả những máy bay Dakota nối liền Hà Nội với Vân Nam và Quảng Châu, và vì được biết anh Nghiêm Kế Tổ thuộc thành phần lãnh đạo của Việt Nam Quốc Dân Đảng là người vẫn thường liên lạc với Tầu, nên tôi đến nhờ anh giúp đỡ. Anh cùng với một số bạn ở một căn nhà phố Hàng Than, Hà Nội, và khi tôi tìm tới thì anh đang hội họp với một số sĩ quan Tầu. Trông thấy anh và những sĩ quan Tầu mặc blouson, như của phi công Mỹ, tôi khen thầm là họ văn minh và phục quá. Anh Tổ vui vẻ nhận lời giúp đỡ, và ngày hôm sau dẫn tôi đến gặp một sĩ quan cao cấp tại Bộ Tham Mưu của quân đội Trung Hoa. Mọi việc có vẻ được may mắn, và ông ta hứa là một tuần lễ sau sẽ cho người đến đón cụ Kim để đưa cụ sang Quảng Châu bằng đường hàng không. Tôi mừng quá, trở về báo cho cụ sửa soạn.

Rồi tới ngày hẹn, hai chú cháu, quần áo sẵn sàng, ngồi chờ. Chờ từ sáng đến tối, rồi sang ngày hôm sau cũng chẳng thấy ai tới cả. Đến ngày thứ ba, sốt ruột quá, tôi đến kiếm anh Tổ thì anh ta đi vắng, vì vậy mà tôi quyết định đến thẳng Bộ Tham Mưu Tầu, kiếm gặp vị sĩ quan Tầu. Ông ta bảo cứ chờ thêm ít bữa nữa, nhưng không cho biết tại sao ông chưa thu xếp được mọi việc như đã hứa hẹn. Không có cách nào khác, hai chú cháu tôi lại đành phải kiên nhẫn, nhưng rồi hết ngày này qua ngày khác cũng chẳng thấy gì. Chúng tôi bắt đầu lo ngại rằng nếu cứ nấn ná mãi, thì rất có thể việc bị công an Việt Minh phát giác, vì vậy mà phải đi ngay tìm đường khác. Thời Việt Minh thì những sự bất trắc có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Tôi liền dò hỏi một số người quen thường đi lại với người Tầu. May là tôi gặp một người đàn bà Việt Nam có chồng là sĩ quan trong quân đội Trung Hoa. Lân la, quà cáp, chỉ vài ngày sau tôi đã kiếm được đường đi. Nhận một món quà bằng hiện kim tương đối hậu hĩnh, mà tôi nhờ một người trung gian đưa tới, một tướng Tầu trên

https://tieulun.hopto.org

đường về nước đến đón chúng tôi hai ngày sau với đầy đủ giấy tờ cần thiết. Vì chú tôi phải đi đường bộ nên ông Trương Tử Anh cẩn thận, cử thêm một bác sĩ, cũng là đảng viên Đại Việt, đi cùng để chăm nom sức khỏe cho cụ. Lần này thì đúng ngày hẹn, một chiếc xe Citroen đen, cũ kỹ, đến đón chúng tôi. Chúng tôi, ba người, cộng với tài xế và người tướng Tầu, tất cả năm người chất lên xe, rồi xe chạy ngược lên phía Bắc qua Bắc Ninh và Bắc Giang. Suốt dọc đường, hàng ngàn lính Tầu đi thành hàng theo quốc lộ số 1, lếch thếch mang trên lưng nào gà nào vịt, rồi những nồi niêu và những vật dụng lỉnh kỉnh khác. Người ta có cảm tưởng như toán quân này mang theo về Tầu tất cả những thứ gì mà họ có thể vơ vét được ở Việt Nam. Và dĩ nhiên, giữa đám đông ồn ào vô trật tự đó chẳng ai để ý gì đến chiếc Citroen của chúng tôi. Vào lúc chập tối, chúng tôi đến Lạng Sơn rồi với vị tướng Tầu ngồi trong xe đưa ra đầy đủ giấy tờ cần thiết, chúng tôi vượt qua biên giới dễ dàng. Tối hôm đó, chúng tôi ngủ lại một huyện lỵ nhỏ thuộc nội địa Trung Hoa cách biên giới chừng hơn ba chục cây số. Sáng hôm sau, tôi chưa kịp sửa soạn để tiếp tục lên đường thì cụ Kim đã gọi tôi ra và bảo: "Bây giờ đã qua được biên giới và lại có ông bác sĩ đi cùng với chú, vậy con khỏi phải lo cho chú nữa, chú muốn con trở về Việt Nam để lo cho cô đi Hương Cảng vì chú có linh tính là chuyến này đi thì còn lâu mới về". Thế là mới ra khỏi Việt Nam có vài chục cây số, tôi lại trở về Hà Nội. Cũng may là trên đường về, tôi đi có một mình nên không gặp khó khăn nào.

Hồi ấy, tình hình Hà Nội thay đổi thật nhanh chóng. Mới có vài tuần trước, còn thấy những toán quân Tầu với quân phục lôi thôi, thế mà nay quang cảnh lại khác hẳn, như trở về thời Tây lúc trước. Quanh bờ hồ Hoàn Kiếm, và ở đường Tràng Tiền, chỗ nào cũng có người Pháp đi lại tươi cười. Về phương diện chính trị, thì chính phủ Việt Minh lúc này không còn phải lo quân đội Tầu can thiệp, dùng áp lực để bênh vực các đảng phái quốc gia; ngoài ra, họ cũng còn có thời gian để đối phó với Pháp. Tương đối rảnh tay, họ sửa soạn điều đình với Pháp về phần chi tiết để thi hành Hiệp Định Sơ Bộ, nhưng đồng thời tổ chức những đơn vị võ trang để củng cố quyền lực và trấn áp các đảng phái quốc gia.

Tôi vừa ở Lạng Sơn về đến Hà Nội vào giữa tháng 3, thì được tin là sẽ có cuộc đàm phán sơ khởi với Pháp ở Đà Lạt và phái đoàn Việt Nam sẽ do Bộ Trưởng Ngoại Giao của chính phủ liên hiệp là ông Nguyễn Tường Tam cầm đầu. Thấy vậy, tôi cũng yên tâm phần nào, nhưng đến khi tôi tới gặp ông Trương Tử Anh để tường trình về việc đưa cụ Kim sang Tàu, thì không hiểu ông nhận định tình hình lúc đó

https://tieulun.hopto.org

ra sao mà, nửa đùa nửa thật, ông bảo tôi: "Cứ cái đà này thì không những Tây nó không nhả mình ra mà Việt Minh họ cũng không tha mình!" Những biến chuyển mấy tháng sau đó quả là đúng như lời ông nói. Ngay trong lúc hai phái đoàn Pháp và Việt họp ở Đà Lạt, thì người Pháp ở Sài Gòn đã bắt đầu vận động để tổ chức một chính phủ Nam Kỳ tự trị với ý định rõ rệt là tách Nam Bộ ra khỏi Việt Nam; ngoài ra, nhiều vụ đụng độ vẫn tiếp diễn xung quanh vùng Sài Gòn - Chợ Lớn. Rõ ràng Hiệp Định Sơ Bộ chỉ là một kế hoãn binh cho cả Pháp và Việt Minh, để hai bên có thời gian củng cố thêm lực lượng của mình.

Như thế, dĩ nhiên là cuộc đàm phán ở Đà Lạt không thể mang lại kết quả và hai bên lại phải dự trù một hội nghị khác. Lần này thì ông Hồ đề nghị là phải mở cuộc điều đình ngay trên đất Pháp, vì ông tin rằng đảng Cộng Sản Pháp lúc đó đang mạnh sẽ tích cực ủng hộ ông. Vào tháng 5, ông lên đường sang Pháp mang theo một phái đoàn hùng hậu gồm nhiều Bộ Trưởng trong chính phủ như Phan Anh, Hoàng Minh Giám, Tạ Quang Bửu, v.v... với Phạm Văn Đồng làm trưởng phái đoàn (lúc này chính phủ liên hiệp đã bắt đầu tan rã, Bộ Trưởng Ngoại Giao Nguyễn Tường Tam từ chối không tham dự phái đoàn, do đó Phạm Văn Đồng phải thay ông làm trưởng phái đoàn).

Giai đoạn hai của cuộc điều đình giữa Pháp và Việt được tổ chức vào đầu tháng 6 ngay tại vùng ngoại ô Ba Lê, Fontainebleau, nhưng thái độ của Pháp cũng không vì thế mà thay đổi so với mấy tháng về trước. Đúng vào lúc phái đoàn Việt Nam tới Fontainebleau, thì Đô Đốc D'Argenlieu, viên Cao Uỷ của Pháp tại Sài Gòn, loan tin thừa nhận chính phủ Nam Kỳ Tự Trị của bác sĩ Nguyễn Văn Thinh vừa mới được thành lập. Chính sách ngang ngược "chia để trị" của Pháp gây khó khăn cho phái đoàn Việt Nam ngay từ lúc đầu, vì vậy mà cuộc điều đình chỉ kéo dài như trong trường hợp ở Đà Lạt và không đem lại kết quả cụ thể nào, buộc phái đoàn Phạm Văn Đồng phải trở về nước tay không, sau gần ba tháng trên đất Pháp. Sau đó chỉ còn một mình ông Hồ ở lại để xem có thể làm gì hơn được không?

Trong suốt thời gian cuộc đàm phán với Pháp dậm chân tại chỗ, trước là ở Đà Lạt và sau đó ở Fontainebleau, nội tình Việt Nam vẫn thay đổi nhiều. Quân đội Tầu đã rút hết, nên chính phủ Việt Minh không còn phải kiêng nể gì những đảng phái quốc gia, bởi vậy chính phủ liên hiệp cũng tan rã (cả hai ông Nguyễn Hải Thần và Nguyễn Tường Tam đều bỏ Hà Nội và sang Tầu). Lợi dụng cơ hội này, Việt Minh cấp tốc tăng cường quân lực để đề phòng trường hợp phải đối

https://tieulun.hopto.org

đầu với Pháp, và ra tay công khai đàn áp các phe đối lập. Họ mở cuộc tấn công quy mô vào những căn cứ của Việt Nam Quốc Dân Đảng và Đại Việt suốt dọc sông Hồng Hà, từ Vĩnh Yên, Việt Trì, Yên Báy lên đến Lao Kay và Chapa. Trong khi đó thì ở Nam Định, Hải Phòng và Hà Nội, màng lưới Công An siết chặt để bắt giữ các thành phần quốc gia. Đây là một cuộc khủng bố nhằm diệt trừ mầm mống chống đối ở trong nước (đồng thời tại Nam Bộ, Việt Minh gạt ra khỏi cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến, những nhân vật ôn hoà như Hồ Văn Ngà, Bùi Quang Chiêu hay những phần tử thuộc hai giáo phái Hoà Hảo và Cao Đài). Như vậy, trong khi ông Hồ và phái đoàn Phạm Văn Đồng ở Fontainebleau thì ở Việt Nam, cả trong Nam lẫn ngoài Bắc, hàng ngàn người quốc gia gục ngã âm thầm.

Riêng về phần tôi thì cũng như nhiều lần trước, tôi vẫn gặp may. Được ông Trương Tử Anh cho phép, tôi kiếm đường đưa bà cô tôi và gia đình sang Hồng Kông như lời cụ Kim đã dặn.

Từ Hà Nội xuống Hải Phòng lần mò và bắt liên lạc được với thuyền trưởng của một chiếc tàu chở hàng của Thụy Điển. Bằng hiện kim tôi điều đình được với ông ta cho bà cô tôi và gia đình xuống tàu của ông đi Hồng Kông mà không phải có giấy má gì cả. Tôi nói với ông một phần bằng tiếng Pháp và một phần bằng tiếng Anh bập bẹ. Tiền giao, cháo múc! Không có giấy tờ gì hết, ngay cả đến giấy thông hành cá nhân của chính quyền Việt Minh! Ông ta bảo đảm là đến Hồng Kông, ông ta sẽ nhờ những chiếc thuyền con bán thực phẩm chở chúng tôi lên bờ và một khi lên bờ rồi, thì không ai phân biệt được ai là Tầu ai là Việt.

Cuộc hành trình phiêu lưu bắt đầu. Chúng tôi xuống tàu vào lúc gần tối để tránh con mắt nhòm ngó của công an Việt Minh. Chủ tàu cho chúng tôi một khoảng trống trên boong tàu và một tấm bạt có thể dựng lên để che mưa hay nắng. Đến khuya thì tàu nhổ neo. Tôi còn nhớ rõ đêm đó trăng tròn. Vì chưa bao giờ xuất ngoại bằng đường biển, nên sau khi tàu đã yên lành ra khỏi bến và ngoài vòng kiểm soát của công an Việt Minh, tôi cảm thấy nhẹ nhõm, tưởng như sẽ được từ đây bay bổng. Nằm dài trên boong tàu, tôi sửa soạn hưởng cảnh đẹp ban đêm giữa biển dưới ánh trăng. Nhưng tàu vừa ra khơi được chừng hơn một giờ, thì trăng biến mất và cảnh thơ mộng cũng không còn nữa. Mưa to gió lớn, rồi sóng cả ập tới làm cho mọi người ở trên tàu đều phải nằm bẹp xuống vì say sóng. Thế là tôi phải nằm liền mấy ngày cho đến lúc tàu cặp bến mới ngóc đầu dậy được. Bình thường thì có lẽ chỉ ba ngày là tàu có thể tới Hồng Kông, nhưng vì chiến tranh vừa mới chấm dứt, nên tàu phải tránh những mìn ngầm còn sót lại, do

https://tieulun.hopto.org

đó không đi được đường thẳng và phải chạy vòng xuống gần Phi Luật Tân, ra ngoài khơi Thái Bình Dương rồi mới đi ngược lên được. Tôi chịu đựng gần 7 ngày phải nằm liệt vì say sóng, đến khi lên được đất liền, thì mới cảm thấy là sống lại.

Ngay sau khi đã tìm nơi tạm trú cho bà cô tôi và gia đình gồm có con gái và người con rể, tôi liền đi tìm liên lạc để dò hỏi xem cụ Kim, ông Bảo Đại và hai người đi trước là ông Trần Văn Tuyên và anh Đặng Văn Sung nay ở đâu? Lúc trước khi đi, thì các anh em ở nhà bảo rằng ở bên ngoài thế nào cũng có tổ chức của đảng, nhưng sang đến nơi, thì chỉ thất vọng không có tổ chức nào cả. Tìm được vài người Việt Nam ở Hồng Kông, thì những tin tức của họ cũng mơ hồ, đại loại như ông Bảo Đại ở Trùng Khánh còn cụ Kim thì ở Quảng Châu, v.v... Hỏi đến địa chỉ hay cách liên lạc, thì không ai trả lời được chắc chắn, thật là như đi trong sương mù. Giá không có gia đình bà cô, thì tôi thật là tứ cố vô thân, không ai quen thuộc giữa một rừng người xa lạ. Chỉ có một điều may là trong đám người chen chúc đó với bộ mặt da vàng, chúng tôi cũng không khác nào Tầu, nên không ai hỏi tới.

Sống ở Hồng Kông được ba tuần lễ, ngày nào cũng chỉ có một việc là chạy ngược chạy xuôi để tìm cách liên lạc, tôi bắt đầu sốt ruột. Tiền thì cạn dần, rồi lấy gì mà sống? Thật là nan giải. Tôi liền bàn với bà cô tôi: tôi có một món tiền để dành phòng khi bất trắc, tôi xin đưa lại cho bà và xin phép trở về Việt Nam để lo liệu thêm. Tôi trình bầy là tôi đã làm đủ mọi cách, nhờ người liên lạc, gửi thư và điện tín cho ông chú ở Quảng Châu và chắc chỉ trong một thời gian ngắn thì sẽ có tin. Tôi ở lại thì chỉ thêm một miệng ăn, nếu tôi trở về thì may ra tôi còn có thể kiếm được thêm tiền để gửi sang tiếp tế. Bà cô tôi nhận là hợp lý, ngoài ra cũng vào lúc ấy có tin là ông Bảo Đại sắp về Hồng Kông, nên bà bằng lòng cho tôi trở về Việt Nam.

Trong chuyến đi, lúc phải nằm bẹp khổ sở về say sóng, tôi đã nhủ thầm và thề rằng sẽ không bao giờ đi tàu biển nữa, nhưng nay không đi bằng tàu biển thì đi bằng gì? Bấy giờ làm gì có máy bay nào bay về Việt Nam, và có giấy tờ gì trong người đâu mà đi được! Rút cuộc thì vẫn phải kiếm một chuyến tàu hàng rồi chịu đựng vài ngày mưa nắng ở trên boong tàu. Cũng may là lượt về không đến nỗi như lượt đi. Không những sóng yên biển lặng, thời gian chỉ có bốn ngày mà tàu lại cặp bến Hải Phòng vào lúc tảng sáng nên tôi lẩn tránh được Công An, lên bờ dễ dàng. Về đến Hà Nội, tôi mừng quá, và đến ông Trương Tử Anh để tường trình mọi việc, và đặc biệt nói rõ về tình

https://tieulun.hopto.org

trạng thiếu tổ chức và phương tiện của những người đang hoạt động ở Tầu.

Ít lâu sau, chúng tôi bàn đến vấn đề cần phải tổ chức một hệ thống liên lạc thường xuyên với những người ở ngoài nước, và cần phải kiếm thêm tiền gửi sang tiếp tế cho cụ Kim và các anh em khác. Ông Trương Tử Anh yêu cầu tôi liên lạc với một tổ chức chuyên việc làm giấy bạc giả. Được sự giới thiệu tin cậy của ông, tôi đến nơi làm việc bí mật của tổ chức này ở trên đường Hàng Đẫy Hà Nội, và những người ở đấy được lệnh trao cho tôi và một anh bạn khác cũng là đảng viên Đại Việt, một số tiền giả mà lúc bấy giờ chúng tôi gọi là "tiền bơ". Nhưng vừa trông thấy những xấp 100 đồng và 20 đồng mới tinh đó, tôi nhận ngay ra là giấy bạc giả. Song những anh em ở đó bảo chính tôi cứ chịu khó ở lại đấy một vài giờ đồng hồ, và lấy gạo chà đi chà lại để làm cho những tấm giấy đó cũ đi, thì sẽ thấy khác ngay. Chúng tôi làm đúng như lời họ dặn, thì quả thực những tờ giấy bạc giả đó cũng không đến nỗi dễ nhận, vào lúc nhá nhem tối, hoặc ở những nơi thành thị thì cũng đủ giống để che mắt một số người chất phác. Chúng tôi hỏi rõ thì thực ra những giấy bạc giả đó không phải là sẽ được mang ra dùng ngay, mà để bán lại cho một số tổ chức khác chuyên việc bán lại. Giấy 100 đồng thì có thể bán lấy 25 hay 30 đồng, trái lại giấy 20 đồng vì trông giống giấy bạc thật hơn và dễ tiêu thụ hơn, nên giá bán được khá cao, có khi lên tới 60 hay 70 phần trăm. Sau nhiều tuần lễ vất vả, vừa phải làm cho giấy bạc mới cũ đi, vừa phải giao thiệp và mặc cả với những tổ chức tiêu thụ, tôi cũng kiếm được một số tiền đủ đặt được một đường dây tiếp tế sang Hồng Kông qua trung gian của một hãng du lịch người Thái. Thế là thêm vào việc đưa người sang nước ngoài một cách bất hợp pháp, tôi lại làm một việc phi pháp nữa là tiêu thụ giấy bạc giả. Quả là trớ trêu: thời buổi loạn ly, mọi thứ đều đảo ngược hết.

Trong suốt mùa hè ấy, ông Trương Tử Anh giao cho tôi hết nhiệm vụ này đến nhiệm vụ khác. Ngược xuôi liên miên, trước là để liên lạc với tướng Vũ Kim Thành lúc bấy giờ cầm đầu một đạo quân chống Việt Minh ở vùng Hòn Gay, Cẩm Phả và Móng Cáy (tướng Vũ Kim Thành là người Việt Nam nhưng ở Tầu lâu năm nên ít nói được tiếng Việt Nam và Việt Minh gọi quân của ông là quân thổ phỉ), rồi sau này là để đưa chỉ thị cho anh Nguyễn Tôn Hoàn lúc đó hoạt động ở miền Móng Cáy, một thị trấn giáp ngay với biên giới Tầu. Lợi dụng những ngày chờ đợi tướng Vũ Kim Thành, tôi và anh Hoàn lúc đó được dịp khó quên là thuê một chiếc thuyền đánh cá nhỏ để đi câu cả

https://tieulun.hopto.org

ngày trong vịnh Hạ Long, rồi đến lúc cạn tiền, thì nhờ tài đánh tài xỉu của anh Hoàn ở sòng bạc Mông Tự để kiếm chút tiền tiêu vặt.

Và lại một chuyến nữa đưa người sang Tàu! Lần này thì để đưa anh Đỗ Đình Đạo sang Hồng Kông. Anh Đạo là người trong gia đình cụ Đô Thống Thuật, có tiếng ở miền Vĩnh Yên, Việt Trì. Anh là đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng và đồn điền rộng lớn của gia đình anh là nơi tập trung một số quân của Việt Nam Quốc Dân Đảng chống lại Việt Minh; anh cũng là Tư Lệnh Đệ Tam Quân Khu ở miền sông Hồng. Lực lượng dưới quyền chỉ huy của anh, bị thiệt hại nặng nề sau vụ tấn công của bộ đội Việt Minh, nên anh phải trở về Hà Nội. Ngay sau đó, tôi được lệnh tìm cách đưa anh sang Hồng Kông. Với kinh nghiệm xoay xở đã học được từ những lần trước, tôi đưa anh xuống Hải Phòng và dàn xếp được chỗ cho anh đi. Anh nài nỉ, muốn tôi đi cùng với anh, nhưng vì đã nếm đủ mùi vị say sóng và biết thế nào là "hải ngoại", tôi cương quyết từ chối và quay về tường trình với ông Trương Tử Anh. Tôi nhớ mãi câu nói của ông khi tôi trình bầy tại sao tôi không muốn đi cùng với anh Đạo: "Anh nghĩ thế là phải, anh còn trẻ quá, đi ra ngoại quốc nói chưa đủ để người ta tin, anh ở nhà với tôi, đến lúc cần đi và phải đi tôi sẽ báo anh".

Mùa hè 1946 là một trong những giai đoạn khó khăn nhất của các đảng phái quốc gia trong nước. Cuộc đàm phán Pháp Việt ở Fontainebleau không đi đến đâu, nhưng vẫn kéo dài. Chính quyền Việt Minh lợi dụng tình thế đó để củng cố và tăng cường lực lượng quân sự ở trong nước, đó là điều dễ hiểu, nhưng khủng bố các phần tử quốc gia, thì quả thực là một thủ đoạn tàn bạo và toàn diện. Không một nhóm nào, một tổ chức nào, một đảng phái nào đứng ngoài mặt trận Việt Minh mà thoát khỏi. Tôi không dám ngủ ở một nơi nào hai đêm liền. Đi đâu thì cũng phải nhìn trước nhìn sau, canh chừng đủ mọi thứ, đủ mọi người và khẩu súng lục giắt ở sau lưng có lẽ là một thứ vật dụng được nghĩ tới ngày đêm. Ông Trương Tử Anh cũng sống như vậy. Vì Việt Minh thừa biết ông là đảng trưởng Đại Việt, nên ông bị truy lùng gắt gao, bởi vậy mà đêm nào ông cũng phải rút về những nơi an toàn. Họp thì cũng chỉ với một hai người là cùng, và ngoài liên lạc viên không ai được biết trước nơi họp. Suốt vụ hè này, tôi được gặp ông luôn và một đôi khi ở cùng với ông vài ngày trong một căn nhà khu Nhà Diêm, phía Nam thành phố Hà Nội. Làm việc luôn với ông, tôi cảm thấy càng ngày càng cảm mến, kính trọng ông và lúc này, một nửa thế kỷ sau, nhớ lại những ngày ấy tôi lại càng kính mến ông.

https://tieulun.hopto.org

Cho đến thượng tuần tháng 9, 1946 thì rõ rệt cuộc đàm phán Pháp Việt đã đi đến chỗ gần như thất bại. Vì không muốn trở về tay không, ông Hồ vào lúc chót bằng lòng ký với Marius Moutet, Tổng Trưởng Pháp Quốc Hải Ngoại, một bản thỏa thuận gọi là Tạm Ước (Modus Vivendi) ghi lại một số điều khoản có tính cách chuyên môn mà đại cương đã được chấp nhận tại hai hội nghị Đà Lạt và Fontainebleau. Hai bên đều muốn kéo dài thời gian trước khi có cớ chính thức và cơ hội thuận tiện để khởi sự chiến tranh. Theo vài người kể lại thì lúc ký vào bản Tạm Ước, ông Hồ có nói là ông đã ký vào bản án tử hình của chính ông. Sự thực thì bên ngoài ông chẳng tỏ vẻ gì có thể gọi là vội vàng hay lo lắng. Sau khi ký kết, ông dềnh dàng, không dùng đường hàng không để trở về nước sớm, mà lại thong dong gần cả một tháng trời trên mặt biển trên một chiếc tàu của Pháp từ Toulon về Hải Phòng. Trong mấy tháng ở Pháp, ông không đạt được kết quả mong muốn là đòi lại độc lập cho Việt Nam, nhưng theo quan điểm của chính phủ Việt Minh lúc đó, có lẽ ông đã làm được một việc, là tìm cách hoà hoãn với Pháp để các cộng sự viên của ông tại Việt Nam rảnh tay loại hết các đối thủ và làm chủ tình thế. Tuy không được biết những diễn biến tại bàn hội nghị ra sao, nhưng sống ở Việt Nam, tôi được mục kích nhiều thủ đoạn nhằm mục đích đó. Vào mùa thu 1946, trong khi cả hai bên Pháp và Việt đang ráo riết sửa soạn chiến tranh thì nhiều bạn tôi trong đảng Đại Việt và những đảng phái quốc gia khác đều phải tìm cách lẩn trốn. Mỗi khi liên lạc lại được với nhau, thì câu hỏi đầu tiên là ai còn, ai mất, và ai là những người còn mà không thể ra mặt được? Mạng lưới công an của Việt Minh bao trùm lên cả nước.

Giữa lúc nguy kịch như vậy, ông Trương Tử Anh vẫn cố gắng không để lộ vẻ lo lắng và ngoài mặt ông vẫn bình tĩnh. Tôi vẫn được gặp ông và tin rằng dầu sao ông cũng tìm được cách giải quyết mọi sự khó khăn. Tuy ông không nói rõ cho tôi, nhưng tôi có cảm tưởng là ông đang lo di chuyển một số cán bộ vào Nam vì ở đó Việt Minh chưa hoàn toàn thao túng được. Ngoài ra, ông cũng nghĩ đến cách tăng cường những hoạt động ở ngoại quốc. Một hôm ông hỏi tôi có muốn sang Hồng Kông để hoạt động với cụ Kim không? Không hiểu vì tôi muốn ở gần ông trong những lúc này, hay linh tính bảo tôi từ chối, tôi viện lẽ là ở bên ngoài đã có anh Đặng Văn Sung và Đỗ Đình Đạo, để xin ông cho ở lại trong nước. Rồi ngày có, ngày không, tôi vẫn gặp ông để nhận chỉ thị và tiếp tục hoạt động.

Vào khoảng đầu tháng 12, 1946, tình hình chung càng ngày càng khẩn trương như chỉ chờ dịp bùng nổ. Một hôm đúng như lời

https://tieulun.hopto.org

hẹn, tôi tới nơi đã được chọn để gặp ông Trương Tử Anh trên đường Cổ Ngư, gần hồ Trúc Bạch, nhưng chờ mãi mà không thấy bóng dáng ông đâu cả. Đã mấy lần trước, ông không đến được chỗ hẹn, nhưng bao giờ cũng nhắn cho tôi biết tin ngay. Lần này thì khác hẳn. Tôi đợi suốt hai tiếng đồng hồ, càng đợi càng sốt ruột, nhưng rồi cũng phải bỏ đi vì sợ chính mình cũng rơi vào bẫy của Cộng Sản. Ngày hôm sau, một bạn thân của tôi, cũng là đảng viên Đại Việt, anh Nguyễn Tất Ứng, cho biết là anh cũng có hẹn với ông mà không được gặp. Ông Trương Tử Anh, hay là Anh Cả Phương đối với một số người trong chúng tôi, từ đó tuyệt tích.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 8
Trong Vòng Trốn Tránh

Cái chết của ông Trương Tử Anh là một sự mất mát lớn lao, một nhát búa giáng vào đầu những người trong đảng Đại Việt. Nói cho đúng thì có lẽ tôi phải nói là ông mất tích vì cho đến nay chưa ai biết rõ ông chết trong trường hợp nào và ở đâu. Lúc đó tôi và nhiều người khác vẫn tin là ông có thể tạm lánh ở một nơi nào đó, nhưng rồi hết tuần này qua tuần khác, không ai có một mẩu tin nhỏ nào về ông, nên hy vọng thấy ông trở lại, tan biến dần. Trong khi đó, tình hình chung càng ngày càng bi đát. Rất nhiều bạn tôi bị ám sát hay mất tích, hoặc bị giam cầm, và phần sống sót chỉ còn có cách ẩn náu ở một nơi kín đáo nào đó, hay trốn sang Tầu.

Riêng về phần tôi, tôi sống những ngày trốn tránh, không có liên lạc với gia đình và thế giới bên ngoài, gần như không cả bạn bè. Tôi cảm thấy lạc lõng bơ vơ. Trong một thời gian ngắn, tôi ở với một người bạn trong một căn nhà đường Thể Dục, phía Nam thành phố. Tôi ở đó vì gần đường Nhà Diêm, tại đây tôi đã có dịp ở chung với ông Trương Tử Anh, vả tôi muốn tìm cơ hội dò hỏi xem có ai biết tin về ông không, nhưng nhà cũ nay chỉ còn là một ngôi nhà vắng lạnh, không một bóng người. Tôi và người bạn nhẫn nhục ẩn náu, chỉ chờ đến lúc nhá nhem tối thì mới ra ngoài để kiếm thức ăn hay chạy vội đi hỏi tin mấy bạn khác cũng đang trốn tránh.

Một hôm vì trong bốn bức tường thấy tù túng quá, muốn thoát khỏi tâm trạng chán nản, vô định, chúng tôi quyết định mạo hiểm ra ngoài để đi thăm một cô em họ của anh bạn ở vùng ngoại ô. Hồi đó, Công An Việt Minh kiểm soát chặt chẽ, nên ra khỏi nhà là có thể nguy hiểm rồi. Nhưng với tính tự phụ của tuổi trẻ, chúng tôi tự cho là có thừa kinh nghiệm để đối phó với bọn tự vệ địa phương nên cứ ra đi bất chấp đe dọa. Trời hôm ấy thật đẹp. Ra khỏi thành phố, về chốn thôn dã, lại được ăn bữa cơm ngon lành do gia đình cô em khoản đãi, chúng tôi được một ngày thoải mái, không ngờ là trên đường về lại gặp chuyện rắc rối. Vào đến thành phố, tại nhiều trạm kiểm soát, tự vệ phố không nhận ra những giấy tờ của chúng tôi là giả mạo, nên để cho qua; nhưng về gần đến nhà thì có một tên tự vệ nhỏ tuổi, không hiểu nghi ngờ điều gì, nhất định không cho đi và buộc chúng tôi phải tới một đồn địa phương gần đó. Anh bạn tôi liền làm ra vẻ giận dữ.

https://tieulun.hopto.org

Anh đóng kịch thật giỏi. Anh tự nhận là thẩm phán toà án quân sự từ Vinh mới ra, và buông lời nạt nộ mấy chú tự vệ. Vì lúc đó đã tối, vả lại không dễ gì kiểm chứng được lời của anh bạn, họ cũng không thể coi thường lời đe dọa của anh, nên họ để chúng tôi ra về sau khi ghi rõ địa chỉ. Về đến nhà, chúng tôi vội vàng thu dọn quần áo và chuyển đến nhà một người bạn khác. Sáng hôm sau, chúng tôi nhận được tin là tối hôm trước, Công An đã đến bao vây và lục soát căn nhà cũ. Hai người đi cùng với nhau thì dễ bị bắt, nên chúng tôi chia tay mỗi người một ngả. Từ hôm ấy, tôi lang thang lẩn lút từ nhà này sang nhà khác.

Chính vào lúc đó, chiến tranh bùng nổ. Cuối mùa thu 1946, những cuộc đàm phán giữa Pháp và Việt Minh càng ngày càng bế tắc và tình hình ở khắp nơi trở nên vô cùng căng thẳng. Ở nhiều khu phố vắng tanh buổi tối, đã xảy ra những cuộc va chạm lẻ tẻ. Cuối tháng 11 thì những cuộc đụng độ mỗi ngày một nhiều, và ủy ban liên lạc Pháp Việt không sao dàn xếp ổn thỏa. Rồi ngày 23 tháng 11, quân đội Pháp ở Hải Phòng nổ súng tấn công vào những đồn tự vệ địa phương, đồng thời máy bay Pháp thả bom xuống thành phố và tàu chiến Pháp bắn phá những vùng phụ cận. Sau ba tuần lễ điều đình một cách vô vọng, ông Hồ Chí Minh lên tiếng trên đài phát thanh kêu gọi tất cả mọi người hy sinh để tranh đấu cho độc lập và tự do của tổ quốc. Mỉa mai thay, ông quên rằng một số người trong các đảng phái quốc gia không thể đáp lại được lời kêu gọi của ông. Hoặc họ đã bị bộ đội Việt Minh thẳng tay tận diệt ở Việt Trì, Yên Báy, hoặc họ đã bị Công An giam cầm.

Cuộc chiến bùng nổ như sấm sét trong đêm tối. Lúc đó tôi ở một căn nhà nhỏ vùng ngoại ô, và đang sửa soạn ra ngoài để mua bát phở của gánh phở đầu đường. Đột nhiên có tiếng nổ long trời, rồi đèn phụt tắt, và cả thành phố chìm đắm trong bóng đêm. Phải một lúc sau, tôi mới nhận ra được là nhà máy điện trung ương đã bị phá hủy và chiến tranh đã thực sự bắt đầu.

Riêng đối với tôi, bỗng nhiên tôi được một cơ hội bất ngờ thoát khỏi mạng lưới của Công An. Súng nổ rền trong suốt đêm hôm đó, 19 tháng 12, 1946. Đến tảng sáng thì cảnh hỗn loạn bắt đầu, đám người tản cư chạy loạn, cả hàng chục ngàn người đổ xô ra khỏi Hà Nội, kéo về các làng lân cận. Tôi rủ người bạn ở cùng nhà với tôi, hoà mình vào đám đông chạy xuôi về phía Nam. Bản ý tôi là về quê nhà với gia đình ở Phủ Lý cách Hà Nội chừng 50 cây số, nhưng đi được một phần đường, chợt nhớ ra là mình đang bị truy lùng, thì làm sao mà về quê được? Thế là tôi cứ lang thang theo dòng người di tản. Già trẻ lớn bé, lũ lượt gồng gánh ùa ra khỏi Hà Nội. Rồi không hiểu ai

https://tieulun.hopto.org

tung ra tin đồn mà tới đâu cũng thấy người ta thì thầm, người nọ nói với người kia là "Việt gian nó trà trộn vào đám người tản cư", thế là mọi người nhìn trước nhìn sau, không dám tin vào ai cả. Đi từ làng này qua làng khác, đêm đến thì ngủ ở đình ở chợ, hai chúng tôi kéo được vài ngày thì túi bắt đầu cạn. Vì ngại rằng đến lúc hết tiền thì không trông cậy vào ai được, chúng tôi giữ chặt lấy một số tiền nhỏ để phòng thân, rồi bắt đầu bán dần những thứ gì còn có ở trên người, từ cái bút máy, chiếc cặp da, và đến cả những chiếc áo ngoài. Tiền qua đò và tiền mua những củ khoai luộc dùng làm bữa ăn buổi tối, cũng vì vậy mới có. Đến khi mỏi chân quá, thì đáp xuống những chuyến đò đêm để được đôi chút nghỉ ngơi. Thật là những đêm ảm đạm trên sông, từ xa xa vẳng lại tiếng súng. Những đêm đầu còn khá vì còn có bạn, nhưng gần đến Phủ Lý, thì bạn phải chia tay và tôi lại trở thành kẻ đơn độc trên đò với những người xa lạ.

Những con đò dọc trên sông Đáy thuộc loại thông thường chuyển vận trên sông ngòi đồng bằng miền Bắc. Dài chừng 6 cho đến 8 thước, với một chiếc mái đơn sơ. Trong khoang, thì hành khách co ro, ngồi sát với nhau như để giữ hơi ấm, tuy đều xa lạ nhau cả. Khi về đến gần quê tôi, thì lòng tôi se lại, cay đắng, xót xa, tê buốt như gió lạnh bên ngoài. Người Việt Nam lúc này đang chiến đấu chống Pháp trong một cuộc chiến mà tôi vẫn khao khát được dịp đóng góp, nhưng Cộng Sản đã ép tôi phải đứng ra ngoài và buộc tôi tìm đường trốn tránh. Họ đã tàn sát anh em bạn bè của tôi và giờ đây, đáng lẽ được cơ hội phục vụ, thì tôi phải lang thang, chịu đựng nghịch cảnh của một người đi tìm đường lẩn lút...

Tâm trạng tôi lúc đó quả là tức tối, day dứt, tưởng như không còn chịu đựng được nữa. Ngồi nhìn những người cùng thuyền, tôi đoán chừng người này thì về với gia đình, người kia chở hàng đi bán và nghĩ thầm là chẳng ai hẩm hiu, không may và khổ sở như tôi. Liên miên từ chuyện này đến chuyện khác, tôi nhớ đến một cuốn phim khá nổi tiếng mà tôi đã được xem lúc còn đi học, đó là cuốn phim "Je suis un évadé" (Tôi là một tên tù vượt ngục) do Paul Muni đóng vai chính. Tôi cảm thấy cô đơn, sợ sệt và đang bị truy nã, chẳng khác gì nhân vật trong phim. Tôi nghĩ đến hoàn cảnh bất công mà tôi đang phải chịu đựng, chứng kiến những sự trái ngược mà bất lực không làm gì được.

Trong đám người tản cư, trên những chuyến đò cũng như ở chợ búa, làng mạc hai bên sông, ai nấy cũng đều nơm nớp sợ nạn Việt gian. Tự vệ địa phương bắt rất nhiều người tình nghi. Mang một tấm gương nhỏ, cũng có thể bị ngờ là Việt gian vì gương có thể ra hiệu

https://tieulun.hopto.org

cho máy bay Pháp. Trong người có đủ ba thứ màu, xanh, đỏ, trắng cũng có thể là Việt gian vì tam tài là màu cờ của Pháp. Ai cũng phải cung khai lý lịch và tôi lo ngay ngáy, nghĩ rằng nếu bị bắt thì khó lòng mà giấu được tông tích. Lắm lúc trong cơn lo sợ, tôi đã tự hỏi phải chăng tôi đã đi lầm đường! Có lần sát gần quê nhà tôi chưa đầy một cây số, tôi đã định rời bỏ con đò để về với gia đình, bất chấp hậu quả ra sao, nhưng rồi lấy lại can đảm, nghiến răng chịu đựng ở lại qua đêm trên đò, để hôm sau tiếp tục xuôi dòng.

Khoảng giữa Phủ Lý và Ninh Bình trên sông Đáy có một bến đò mà ai qua lại trên sông cũng biết là bến Gián Khuất. Thuyền đến đó đậu lại cho hành khách lên bộ ăn uống và có khi ngủ lại đến sáng hôm sau mới đi. Để cho đỡ cuồng cẳng, tôi cũng lên bờ rồi tản bước theo dọc sông. Bỗng nhiên, như khi một sáng kiến nẩy ra trong óc thần đồng, tôi chợt nhớ là tôi có một bạn cũ ở Trung Học, thi hai lần Tú Tài không đậu, rồi thôi học trở về quê ở Gián Khuất. Lúc đó, tiền thì đã gần cạn hết, không còn thứ gì có thể bán, mà cũng không biết đi về đâu, thì còn gì để mất nữa mà không liều hỏi? Tôi liền hỏi đường vào làng tìm anh. Thật là hú họa mà lại gặp bạn. Anh Tính đúng là người ở làng gần sát ngay bến đò. Hỏi ra thì gia đình anh cũng khá giả và anh có người anh họ làm việc với chính quyền Việt Minh sở tại. Anh mừng rỡ đón tiếp tôi và giữ tôi ở lại chờ xem chiến sự biến chuyển ra sao rồi hãy đi. Dĩ nhiên là xa cách nhau đã mấy năm, anh hoàn toàn không biết tôi có hoạt động chính trị, nên ở nhà anh thật là an toàn, nhất là lúc đó chiến cuộc chưa lan rộng. Tôi ở nhà anh được gần 10 hôm thì đã thấy máy bay Pháp lượn trên vòm trời. Nghĩ rằng sớm muộn cũng phải đi, tôi từ giã anh để lên đường. Anh tiễn tôi ra tận bến đò và bỏ vào túi tôi một món tiền nhỏ. Cử chỉ kín đáo của anh bạn thật là cảm động.

Lúc bấy giờ có được ít tiền độ đường, mục đích của tôi là làm sao đến được Bái Thượng, trong vùng Thanh Hoá, để kiếm chỗ ẩn náu trong một thời gian. Ở đấy, gần biên giới Lào, có khu đồn điền của một chú họ tôi: ông Trương Tử Anh trước đây có cho biết đó là một căn cứ kín đáo của Đại Việt. Hồi tháng 4, 1945, tôi đã được lệnh ông đi đến vùng này, nhưng sau ông lại đổi ý kiến và cử tôi đi Huế để liên lạc với cụ Kim.

Ngày đêm trên đò, tôi xuôi về phía Nam. Những ngày đêm lạnh kẽo bơ vơ kéo dài, nhưng rồi tôi cũng tới được Phát Diệm, một trung tâm Công Giáo lớn ở phía Nam Ninh Bình. Tới đây, tôi thở phào nhẹ nhõm vì sự kiểm soát của công an Việt Minh rõ rệt không còn chặt chẽ như ở những nơi tôi vừa đi qua. Nghỉ xả hơi được một

https://tieulun.hopto.org

hay ngày, tôi dời Phát Diệm và kiếm xe đò vào Thanh Hoá. Loại xe này, tôi đã có dịp thử khi đi từ Hà Nội vào Huế. Xe chở chừng hai chục hành khách qua vùng núi rồi tới những vùng đồng bằng phẳng lặng. Khi đi qua Thanh Hoá, dần dần người ta thấy đồi núi xa xa và chẳng bao lâu sau những ngọn đồi thoai thoải báo hiệu là xe đã gần tới miền ranh giới Việt - Lào. Vùng tôi tới là Chợ Sim, Bái Thượng và tôi dễ dàng tìm tới đồn điền của ông chú tôi. Người làng ở nơi đấy gọi ông là ông Cả Bân. Ông cùng với bốn anh em sống mỗi người một nhà rải rác trong khu đồn điền rộng lớn. Anh em ông ngạc nhiên thấy tôi từ xa đến, nhưng khi tôi trình bầy hoàn cảnh và những liên hệ của tôi với ông Cả Phương, thì cả gia đình ông vui vẻ đón nhận tôi không những như là người trong họ mà còn là đồng chí nữa.

Chiến tranh chưa lan tràn đến miền núi hẻo lánh, xa xôi này. Dân cư ở theo dọc miền đồi, nhà nọ cách nhà kia đến cả gần một cây số. Họ trồng khoai lang khoai mì hoặc nuôi lợn, nuôi gà, phần đông sống tự túc. Cư trú ở đây đối với tôi thật là thuận tiện, vì nhà ở không gần làng xóm, nên tôi tránh được những con mắt tò mò. Cả gia đình ông chú tôi là đảng viên Đại Việt, nhưng vì ông rất kín đáo, nên dân làng không ai biết, và những cán bộ xã tuy để ý đến ông, vẫn có phần nể nang tư thế của ông. Để che mắt người ngoài, hàng ngày tôi cũng ra đồng làm việc như mọi người, và khi được rảnh rỗi thì đọc sách và học lại chữ nho. Trong khung cảnh đời sống gia đình của ông chú, tôi được dịp quan sát cách tổ chức của Việt Minh ở nơi thôn dã. Mọi việc lớn nhỏ trong làng đều do Uỷ Ban Hành Chính Kháng Chiến quyết định, nhưng việc mà họ coi là quan trọng nhất, là theo dõi hoạt động của những người trong làng. Ai đến, ai đi, ai giao du với ai? Cán bộ thường cứ ít ngày lại ghé thăm ông chú tôi, ngồi chơi la cà, hỏi hết chuyện này đến chuyện kia. Họ làm như thăm hỏi, nhưng sự thực họ đến để rình mò. Được cái là nhà ở xa đường cái, và mỗi khi có người đến, thì ở trong nhà nhìn ra, dù xa đến nửa cây số, cũng có thể biết là lạ hay quen. Hễ có khách lạ, tôi lại lánh ra ngoài đồng, đợi cho họ đi khỏi rồi mới trở về.

Tôi sống ở đồn điền ông Cả Bân được gần 8 tháng, tương đối không đến nỗi phải hàng ngày lo sợ, nhưng vì ở chỗ hẻo lánh quá nên gần như bị cắt đứt với thế giới bên ngoài, và ít nhiều tin tức chiến tranh chỉ họa hoằn mới đến với tôi như những chuyện ở miền đất xa xôi nào đó. Tôi cố gắng nhờ ông tìm bắt liên lạc với những người Đại Việt cũ, nhưng việc dò hỏi rất khó, tôi đành phải kiên nhẫn chờ đợi và tìm cách quên thời gian, chúi đầu vào sách. Cũng vì vậy mà tình cờ một hôm tôi kiếm được trong tủ sách cũ một bản dịch tiếng Pháp (Le

https://tieulun.hopto.org

fil du rasoir) cuốn "The Razor Edge" của văn hào Anh Somerset Maugham, một cuốn sách để lại cho tôi nhiều thú vị mà đến nay tôi vẫn còn muốn đọc lại. Thực ra tôi cũng không hiểu tại sao ở một nơi heo hút như Bái Thượng, mà lại có một tác phẩm làm cho tôi vừa say mê vừa suy nghĩ. Truyện viết về một thanh niên Hoa Kỳ sinh trưởng trong một gia đình trưởng giả và một xã hội tư bản. Vì ngán cuộc sống hàng ngày mà anh cho là vô nghĩa, anh quyết tâm bỏ tất cả để đi tìm chân lý. Để đi tìm thầy học đạo, anh gạt cả mọi chuyện, từ bạn bè cho đến người yêu, vứt cả một tương lai hứa hẹn mà gia đình đã sửa soạn cho anh. Anh đi lang thang đi từ Pháp qua Đức, Hy Lạp rồi sang Ấn Độ. Tại đây, anh sống ở rừng, trong một am nhỏ với một nhà triết học Ấn Độ, và được vị này soi sáng về những nguyên lý sâu xa của sự sống và sự chết. Cuối cùng, anh đạt được kết quả mong muốn là sự thanh thản trong tâm hồn và trở lại đời sống bình thường, tin là đã tự tạo cho mình một nhân sinh quan vững chắc, trước những biến thiên của xã hội bên ngoài. Tôi đọc đi đọc lại cuốn sách, bị lôi cuốn theo sự tìm tòi lý thú của chàng thanh niên trong truyện. Tôi tự hỏi, không phải trên lĩnh vực tư tưởng như anh ta, nhưng trên một lĩnh vực thực tế hơn, phải chăng tôi cũng đang phải tìm một con đường hành động, một lối thoát cho chính mình. Cũng như cả thế hệ tôi thời đó, tôi có những ước vọng, khao khát được nhìn thấy đất nước độc lập và tự do, nhưng chính trị khi ấy đã đặt tôi vào một nghịch cảnh, muốn phục vụ mà không được, chẳng những thế, lại còn phải tìm nơi trốn tránh.

Cuối năm 1947, chiến sự một phần nào chậm lại. Quân đội Pháp chiếm giữ các thành phố lớn, còn chính phủ kháng chiến thì kiểm soát những vùng nông thôn. Lúc này tôi đã bắt được liên lạc với gia đình ở Phủ Lý. Vì là một nhân sĩ có tiếng, nên bố tôi được mời tham gia kháng chiến với tư cách là Uỷ Viên Uỷ Ban Hành Chính Kháng Chiến Khu 3 bao gồm cả Phủ Lý, Nam Định và Ninh Bình. Với tư cách đó, ông nghĩ là ông có thể che chở được cho tôi và khuyên tôi nên dời Bái Thượng về Yên Mô, Ninh Bình, vì ở đó ông đã thu xếp cho tôi tham gia một ủy ban văn hoá địa phương. Phương cách đó, theo ông, có thể làm cho tình trạng của tôi được hợp thức hoá. Sau khi dò hỏi kỹ lưỡng, và được biết là những sự bắt bớ đã bớt đi nhiều, tôi nghe lời ông, từ giã gia đình ông Cả Bân ở Bái Thượng rồi trở về Yên Mô.

Yên Mô là một huyện lỵ trù phú của tỉnh Ninh Bình, chỉ cách trung tâm công giáo Phát Diệm chừng hơn mười cây số. Vì ở đó có một trường trung học lớn được di tản từ tỉnh về, nên vừa tới nơi, tôi đã mở được một lớp toán, dạy tư tại nhà, vừa để kiếm tiền và vừa để

https://tieulun.hopto.org

có một cuộc sống bình thường che mắt Công An. Ít lâu sau, có lẽ do lời giới thiệu kín đáo của bố tôi, tôi được mời tham gia Uỷ Ban Văn Hoá Kháng Chiến địa phương. Những người trong ủy ban này không biết về quá khứ chính trị của tôi, và chỉ biết tôi là con cụ Bảng Bùi Kỷ, nhưng tôi chắc là mình vẫn bị theo dõi, nên hết sức cẩn thận và đóng góp một cách đều đặn vào hoạt động của ủy ban, như tổ chức triển lãm, sinh hoạt văn nghệ để cổ võ tinh thần dân chúng, v.v... Lâu dần tôi cũng bắt buộc phải quen với những khẩu hiệu tuyên truyền như "toàn dân kháng chiến", "Bác Hồ, cha già của dân tộc", "chiến tranh giải phóng" nhưng càng làm quen với những khẩu hiệu đó, đến tối về, tôi lại càng thấy mình đang gượng ép và tự dối. Từ đó một ý nghĩ bắt đầu lảng vảng trong đầu óc, tôi có thể tiếp tục như thế mãi được không?

Yên Mô đông dân cư, ở giữa miền đồng bằng miền Bắc và miền Trung, nên ai muốn đi từ Liên Khu 3 vào Liên Khu 4 cũng thường đi qua huyện lỵ này. Quán ăn, quán nước mọc đầy, người qua lại tấp nập. Bởi vậy kiểm soát của Công An có phần lỏng lẻo. Yên Mô lại gần vùng Công Giáo đông đảo nhất miền Bắc, tức Bùi Chu-Phát Diệm.

Hai địa hạt này hợp thành khu đặc biệt gọi là Khu Tự Trị, thuộc quyền kiểm soát của giáo dân, dưới sự lãnh đạo của Giám Mục Lê Hữu Từ. Đức Cha là một nhà tu khổ hạnh, có uy tín, với khuynh hướng chống Cộng rõ rệt, nhưng được dân chúng kính phục. Vì ngại ảnh hưởng của ông, chính quyền Việt Minh đành tỏ ra hoà hoãn nương nhẹ, tránh va chạm tự do tín ngưỡng và không can thiệp trực tiếp vào sinh hoạt địa phương.

Bởi thế, đời sống ở đây không bị gò bó như ở các vùng khác, dân thành phố tản cư về nhiều, buôn bán tấp nập. Riêng tôi thì thấy cơ hội tốt để cố tìm lại các đồng chí cũ. Cứ đến ngày nghỉ, là tôi cuốc bộ hơn 10 cây số sang Phát Diệm, lang thang từ sáng đến chiều mới trở về Yên Mô.

Một hôm đi thẩn thơ giữa đám người đông đúc ở chợ trời hai bên đường Phát Diệm, tôi chợt nhận thấy khuôn mặt quen của một cô gái nhỏ tuổi. Hỏi ra mới biết cô là em của một thiếu nữ mà tôi đã gặp và để ý ở nhà ông chú tôi ba năm về trước: cô Kim Ngọc. Sau này trên đường hoạt động, tôi lấy bí danh là Kim để nhớ lại sự gặp gỡ đó. Nay cả gia đình gồm có bà cụ cùng ba chị em tản cư về đây và buôn bán để sinh sống. Tôi còn nhớ trước kia, bà cụ tỏ vẻ dè dặt với tôi, có lẽ cho là tôi phiêu lưu, mạo hiểm và lãng tử quá, nhưng nay có lẽ cũng vì duyên trời sắp đặt, nên lần này gặp lại, bà tỏ ra vui vẻ hơn

https://tieulun.hopto.org

và cho phép tôi đi lại như người nhà. Từ đó trở đi, cứ đến ngày nghỉ, tôi lại cố cuộc bộ mười mấy cây số, qua những đường làng, đường đê gồ ghề, những cầu tre lung lay, từ Yên Mô xuống Phát Diệm. Rồi từ duyên này đế duyên khác vì lui tới luôn vùng Phát Diệm, tôi tìm được những liên lạc mới và khám phá ra rằng tôi có hai người bạn ở Đại Học cùng cảnh với tôi, nay đang sống ngay ở Phát Diệm. Hai anh bạn đó là Lê Quang Luật và Nghiêm Xuân Hồng. Anh Lê Quang Luật nhiều tuổi hơn tôi nhưng cùng với anh Nghiêm Xuân Hồng là người của Đại Việt Duy Dân, nên chúng tôi đã cùng hoạt động với nhau trong nhiều trường hợp ở Hà Nội lúc trước. Thật là một vui mừng vô hạn cho tôi, khi tôi tìm được đến nơi ở của hai anh. Quanh đây, người dân phần lớn là Công Giáo vốn không ưa gì chính quyền Việt Minh, lại thêm thái độ chống cộng của Đức Giám Mục Từ, nên sự kiểm soát của Việt Minh gần như không có, vì vậy mà những phần tử quốc gia thuộc các đảng phái cũ, lần lần đến đó để có dịp hoạt động trở lại. Với khung cảnh và thời cơ thuận tiện như vậy, hai anh Luật và Hồng liền rủ tôi dời bỏ Yên Mô để về chung sống cùng với hai anh ở Phát Diệm.

Nói cho đúng thì dầu không ai bảo, trước sau tôi cũng phải kiếm cách ra khỏi tình trạng hoạt động vờ vĩnh của tôi đối với Uỷ Ban Văn Hoá Kháng Chiến Yên Mô, nhưng đã có bạn rủ, thì tôi không còn ngần ngại gì nữa. Ít lâu sau, tôi dẹp những lớp dạy toán, viện cớ phải trở về Phủ Lý với gia đình, rồi lặng lẽ xuống Phát Diệm ở cùng với Luật và Hồng. Chúng tôi ở chung với nhau trong một căn nhà nhỏ ngay sau nhà thờ chính. Về bề ngoài, thật là dễ dàng, chỉ cần một bộ đồ, quần trắng, áo dài thâm, là tôi có thể hoà mình ngay được với đồng bào và trở thành một "thầy già" như hàng ngàn thầy già và linh mục khác trong khu Phát Diệm (thầy già là danh từ để chỉ định những người đi học tại các chủng viện để về sau thành linh mục). Còn về phần làm việc, thì vì anh Luật là người Công Giáo có uy tín, đã hoạt động nhiều trong hàng ngũ đảng phái quốc gia, nên chúng tôi liên lạc ngay được với một nhóm gồm có nhiều cha và thầy già đang tìm cách gây thế lực cho ông Ngô Đình Diệm. Sau nhiều tuần thảo luận, chúng tôi đi đến kết luận là phải thành lập một tổ chức chính trị mới với chủ trương rộng rãi để quy tụ mọi khuynh hướng. Chúng tôi chọn được một danh xưng "Liên Hiệp Quốc Dân" cho tổ chức mới này. Đối với những người ủng hộ ông Diệm, thì tổ chức sẽ làm hậu thuẫn cho tương lai chính trị của ông, còn đối với chúng tôi, vì chỉ mới nghe tiếng mà chưa được biết ông, chúng tôi coi đây là một cơ sở hoạt động cho chúng tôi lao đầu vào việc.

https://tieulun.hopto.org

Tuyển mộ và huấn luyện cán bộ là công việc đầu tiên. Tuyển mộ thì tương đối không khó vì đã có sẵn một môi trường Công Giáo rất thuận tiện, nhưng huấn luyện lại là chuyện khác, đòi hỏi nhiều cố gắng hơn. Ba người chúng tôi phải soạn thảo một chương trình huấn luyện đầy đủ với phần lý thuyết trình bầy chủ trương sai lầm của Cộng Sản, và phần thực tập về những phương thức hoạt động của một tổ chức chính trị. Với sự đóng góp tích cực của Luật và Hồng, chúng tôi thay phiên nhau giảng dậy từng lớp cán bộ. Chúng tôi cố gắng tìm một đường lối hợp lý cho quốc gia dân tộc, và sau những buổi bàn luận thâu đêm, tưởng như đã thấy được lối thoát khỏi những chủ trương sai lầm của Cộng Sản và những mô thức của thế giới tư bản mà chúng tôi nghĩ là không phù hợp với nếp sống đạo lý của xã hội Việt Nam.

Ba chúng tôi mài miệt bàn luận về những vấn đề này, và đến lúc mệt mỏi về chính trị, thì lại quay ra nói chuyện văn chương, thơ phú, ấy là chưa kể đến những lúc nhàn rỗi, tôi kiếm cớ để sang nhà bà cụ về sau trở thành nhạc mẫu của tôi. So với thời gian lo sợ, cô đơn xuôi đò trên sông Đáy gần hai năm về trước, thì những ngày ở Phát Diệm gồm nhiều kỷ niệm có ý nghĩa đáng nhớ hơn. Sống ở đó với bộ đồ duy nhất là chiếc áo dài thâm, tôi không khác gì những vị tu sĩ trong vùng, vì vậy mà không ai biết được tôi không phải là người Công Giáo. Tình trạng này có cái lợi là không ai để ý đến tôi, nhưng đồng thời nhiều khi cũng đặt tôi vào những trường hợp khó xử. Đi huấn luyện gặp trời mưa, được các anh em (phần lớn là người Công Giáo) giữ lại ăn cơm, không lẽ từ chối! Nhưng đến lúc ngồi vào ăn, bị mời "thầy già làm dấu" không lẽ lại dài dòng thú thực mình là người ngoại đạo. Chẳng biết được một câu kinh câu kệ nào và chỉ nhớ thoang thoáng được là sau chót phải có hai chữ "lạy cha", tôi đành phải lẩm bẩm ít lời rồi lạy cha thật to để chấm dứt ngượng nghịu. Ban ngày đã vậy, đến tối thì bằng một cái máy thu thanh cọc cạch, thô sơ với hai ống nghe áp vào tai, chúng tôi theo dõi chiến sự và tình hình quốc tế liên hệ đến Việt Nam.

Cuối năm 1948, chiến tranh vẫn trong giai đoạn giằng co, trong khi đó thì ở Pháp, vì chiến cuộc và chính trị nội bộ, hết chính phủ này đến chính phủ khác thay phiên nhau lên cầm quyền. Và cũng bởi vì hai năm đổ máu chưa mang lại được một giải pháp quân sự dứt khoát, nên dư luận Pháp bắt đầu sốt ruột, và người ta đã thấy đưa ra những đề nghị đi tìm một giải pháp chính trị.

Trong khung cảnh tương đối yên tĩnh của "khu an toàn" nhà chung Phát Diệm, Luật, Hồng và tôi chăm chú lắng nghe tình hình.

https://tieulun.hopto.org

Chúng tôi hiểu rõ là việc làm của chúng tôi chỉ là để chờ thời, do đó khi qua các đài ngoại quốc, thấy nói tới một giải pháp chính trị và Cựu Hoàng Bảo Đại chúng tôi liền để ý theo dõi. Người ta chỉ biết ông là vua thời Pháp thuộc và từ trước tới nay ông chưa có gì để chứng tỏ là người có quyết tâm tranh đấu, nhưng với quyết định thoái vị năm 1945, ông đã biết để quyền lợi quốc gia lên trên quyền lợi cá nhân và mọi người đã dành cho ông nhiều cảm tình.

Lúc này thì tổ chức của các thầy già ở Phát Diệm đã có những liên lạc thường xuyên với vùng Pháp chiếm đóng. Cứ vài ba tuần lại có một chuyến thuyền đi Hải Phòng, vừa để buôn hàng, vừa để có người đi lấy tin tức và tổ chức của chúng tôi cũng luôn tiện cử người vào gặp ông Ngô Đình Diệm để hiểu rõ thêm về tình thế. Thực ra, vấn đề nan giải nhất của tất cả các phần tử quốc gia lúc đó, những người ủng hộ ông Diệm hay người thuộc đảng phái khác, là phải tìm được vị lãnh đạo xứng đáng. Họ cần một người lãnh đạo quy tụ và phối hợp được mọi xu hướng và lực lượng, thực hiện đại đoàn kết để chống Pháp chống Cộng.

Vì những lẽ đó, chúng tôi miễn cưỡng tìm hiểu xem giải pháp Bảo Đại có đưa tới một lối thoát không. Nếu là hợp tác với Pháp để giúp Pháp duy trì chế độ ngày trước, dưới hình thức này hay hình thức khác, thì dĩ nhiên chính tôi không thể chấp nhận. Nhưng nếu được độc lập mà phải sống dưới gót độc tài của Cộng Sản, thì đó cũng là điều mà chúng tôi lo ngại. Trong suốt mấy tháng trời, sang đến mùa xuân 1949, chúng tôi hết sức phân vân. Chúng tôi thay phiên nhau nghe tin qua những tiếng rè rè của chiếc máy thu thanh quá cũ, và chú trọng đặc biệt đến tin Pháp bằng lòng nói tới hai chữ "độc lập" trong những buổi tiếp xúc sơ khởi với Cựu Hoàng Bảo Đại, điều mà Pháp đã cố ý tránh né đối với Hồ Chí Minh. Sau cùng, chúng tôi đi đến kết luận là chưa thể có thái độ gì hết nếu chưa có gì chắc chắn, song nếu muốn có tin tức xác thực, để hiểu tình hình đến nơi đến chốn, thì phải tìm cách trở về vùng Pháp chiếm đóng và liên lạc với ông Bảo Đại. Các anh em sau đó giao cho tôi trách nhiệm đi trước, vì nghe được tin cụ Kim trước ở Hồng Kông với Cựu Hoàng nay đã trở về Sài Gòn. Tôi nhận nhiệm vụ, nhưng yêu cầu được về thăm gia đình ở Phủ Lý đã. Vào giai đoạn đó, do chính sách "tiêu thổ kháng chiến" của Việt Minh, thị trấn Phủ Lý đã bị san phẳng và "nhà thờ, nhà tế" của gia đình tôi cũng không còn nữa, và mọi người đã phải tản cư lên Quyển Sơn, một làng nhỏ miền núi ở ven bờ sông Đáy, gần một ngôi chùa nổi tiếng trong vùng gọi là Chùa Bà Đanh.

https://tieulun.hopto.org

Cuối tháng 4, 1949, tôi lặng lẽ dời khu Phát Diệm, ngược sông Đáy trở về Quyển Sơn. Vì xa nhà đã lâu ngày, tôi vui mừng được dịp quây quần bên cạnh mẹ tôi, chị tôi và gia đình êm ấm của anh cả tôi. Nỗi hân hoan có lẽ sẽ hoàn toàn nếu trong đầu óc tôi không lảng vảng ý nghĩ là rồi đây chiến tranh chắc sẽ lại chia rẽ chúng tôi. Trong suốt mấy ngày ở nhà, tôi có dịp giãi bầy tâm sự với bố tôi và nói rõ là tôi có ý định đi xa để tìm hiểu rõ hơn mọi việc về tương lai của đất nước cũng như của riêng tôi, vì tôi không thể tán thành những chủ trương mà Cộng Sản đang theo đuổi như "độc tài, vô sản", "giai cấp đấu tranh", mặc dù trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, những chủ trương đó còn bị họ che đậy. Ông kiên nhẫn nghe tôi trình bầy, hỏi nhiều hơn là trả lời, và tôi có cảm tưởng là ông cũng một phần nào hiểu những thắc mắc của tôi. Ông không tán thành ý định đi xa, nhưng cũng không chống đối, và thay vì ngăn cản, ông ngỏ ý muốn cùng đi với tôi trên đường về Phát Diệm, ít nhất là trên đoạn đường đi đò về Ninh Bình, vì dầu sao ông cũng phải có công tác xuống miền đó. Tôi từ giã anh ruột tôi từ ngày đó và đến lúc tôi chia tay với bố tôi tại bến đò sông Đáy, thì hai cha con bùi ngùi như có cảm giác là ngày tái ngộ xa xôi quá (1).

Trở về Phát Diệm, tôi bèn cùng với hai anh Luật và Hồng tính chuyện đi Hải Phòng rồi sau đó về Hà Nội và đi Sài Gòn. Vì Việt Minh canh phòng cẩn mật những khu vực ngoài Phát Diệm, và để tránh sự rủi ro, chúng tôi đi riêng rẽ từng người. Đến cuối tháng 5 thì đến lượt tôi đi. Tất cả sự khó khăn của những chuyến đi ngày ấy, là làm thế nào vượt được một quãng đường do Việt Minh kiểm soát, trước khi ra được bờ biển để từ đó lên thuyền ra khơi. Một đêm mưa to, tối đen như mực, tôi theo một số anh em trong ban an ninh của tổ chức cùng với một trưởng toán mang súng tiểu liên và một người dẫn đường, đi ra phía bờ biển. Đêm tối mù mịt, tôi chẳng nhìn thấy gì cả, và chỉ biết theo vết chân trong bùn của mấy người đi trước. Đột nhiên người dẫn đường ngừng lại nghe ngóng và hình như có khẩu hiệu mật ước, anh ta hô: "Chính nghĩa". Một chiếc thuyền nhỏ liền ghé lại bên bờ đê. Tôi nhẩy vội lên và đẩy thuyền ra, được hai người chài lực lưỡng giúp đỡ. Mưa càng ngày càng to như thác đổ, chiếc thuyền nhỏ trôi dần ra biển và đáp vào một chiếc thuyền buồm lớn đậu ở ngoài khơi. Nhớ lại lúc trước đi Hồng Kông bằng một chiếc tàu lớn mà còn bị say sóng, tôi lo ngại cho chuyến đi sóng gió này, nhưng được cái may là trong suốt một ngày đầu chúng tôi được sóng yên biển lặng. Mãi đến hôm sau, những điều tôi lo ngại mới trở thành sự thực. Gió to, sóng lớn bỗng nhiên nổi lên, rồi mưa gió vật vã đánh táp vào hai

https://tieulun.hopto.org

bên mạn thuyền. Cột buồm chính bị đánh gẫy làm đôi, rồi thuyền cứ dần dần trôi giạt vào bờ. Mọi người trên thuyền nháo nhác sợ rằng thuyền trôi vào bờ, thì thế nào cũng bị các đội tuần tiễu của Việt Minh đón bắt. Nhưng sau gần một nửa ngày vất vả, những người lái thuyền dựng được một cột buồm nhỏ và hướng được thuyền ra khơi. Hai ngày sau, chúng tôi cập bến Hải Phòng, vui sướng được đặt chân lên đất liền. Riêng tôi, niềm vui chẳng được lâu bền vì những cảnh tượng trước mắt nhắc nhở tôi là nơi đây đang thuộc khu vực do Pháp chiếm đóng. Quả thực đó là một cảm thức hết sức khó chịu.

---

(1) Đau buồn thay là cảm giác đó, linh tính đó lại trở thành sự thực. Ông mất ở Hà Nội năm 1960, trong khi tôi đang dạy học ở Sài Gòn. Đất nước lâm vào cảnh chiến tranh, tang thương biến đổi, lôi cuốn gia đình tôi, cũng như trăm ngàn gia đình khác, vào cảnh tử biệt sinh ly.

https://tieulun.hopto.org

Chương 9
Giải Pháp Bảo Đại

Thuyền vừa cặp bến Hải Phòng thì tất cả những người trên thuyền đều bị giữ lại. Tuy nhiên, vì thuyền từ vùng công giáo Phát Diệm tới, với đầy những người tản cư về thành, nên sự khám xét cũng không đến nỗi gay gắt lắm. Riêng đối với tôi, có lẽ vì tôi trả lời được bằng tiếng Pháp câu hỏi của người đội Pháp, nên không bị hạch hỏi nhiều. Mặc dầu như vậy, cảnh tượng mấy nhân viên Việt làm việc dưới sự chỉ huy của mấy người đội Pháp làm tôi vô cùng khó chịu. Tôi bắt đầu tự hỏi phải chăng tôi đã quyết định sai lầm khi trở về vùng Pháp chiếm đóng. Ra khỏi sự kềm kẹp của Việt Minh để rồi lại rơi vào vòng kiểm soát của Pháp, thì thật chẳng có gì đáng mừng cả. Điều đó đáng lẽ tôi phải biết từ trước, thế mà đụng phải thực tế, tôi vẫn không tránh được những cảm nghĩ ngỡ ngàng. May cho tôi là chỉ trong có một hai ngày, giấy tờ đã làm xong, nên tôi không phải chờ đợi lâu và lên ngay được Hà Nội.

Hai người tôi được gặp khi vừa tới Hà Nội là anh Đặng Văn Sung và và bác sĩ Phan Huy Quát. Tôi đã có dịp gặp bác sĩ Quát lúc trước, khi ông làm Đổng Lý Văn Phòng cho Thủ Tướng Trần Trọng Kim năm 1945. Nay ông đã trở lại nghề thầy thuốc, nhưng như anh Đặng Văn Sung cho biết, mặc dầu rất bận rộn về nghề nghiệp, ông vẫn hoạt động chính trị và đặc biệt hơn nữa, ông đã trở thành một cảm tình viên của Đại Việt trong số những nhà trí thức vẫn thường hội họp tại nhà bác sĩ Đặng Vũ Lạc, một đảng viên tích cực của Đại Việt (1).

Dĩ nhiên là từ ngày ông Trương Tử Anh bị mất tích năm 1945, không ai có đủ tầm vóc và uy tín thay thế ông lãnh đạo tổ chức Đại Việt. Nhưng từ ngày ông vắng mặt, hoàn cảnh thay đổi nhiều và Đại Việt đã có thêm một số người mới, vì vậy mà bề ngoài có tính cách chính trị nhiều hơn là cách mạng. Những năm về trước thì thành phần nòng cốt là những sinh viên hăng hái, làm đủ mọi chuyện liều lĩnh (kể cả tiêu thụ cả giấy bạc giả!), nhưng bây giờ trong hàng ngũ Đại Việt, có những người nhiều tuổi hơn, có dáng cách nghiêm trang từ tốn hơn, trong số đó, vài người thuộc giới quan trường như các ông Nguyễn Hữu Trí, Vũ Quý Mão, Nguyễn Đình Tại, v.v... (vì vậy mà đôi khi người ta gọi nhóm này là Đại Việt quan lại). Nói như vậy không có nghĩa là những người cũ không còn nữa. Vào mùa thu 1949,

https://tieulun.hopto.org

người ta thấy lục tục kéo về Hà Nội rất nhiều đảng viên cũ, từ Tầu và từ những vùng hẻo lánh xa xôi trong vùng kiểm soát của Việt Minh. Họ là những người sống sót còn lại sau những vụ càn quét, khủng bố của Việt Minh và có lẽ cũng như tôi, họ đã nghe nói tới giải pháp Bảo Đại và trở về để nghe ngóng, tìm hiểu xem giải pháp đó có thể là lối giải thoát cho những người quốc gia không.

Về đến Hà Nội được vài ngày, thì tôi tìm hỏi ngay tin tức về ông chú tôi, cụ Kim. Ba năm về trước, tôi có nhiệm vụ đưa ông lên Lạng Sơn rồi từ đó qua biên giới để đi Quảng Châu và sau đó tôi cũng đã đưa gia đình ông bằng đường biển sang Hồng Kông. Từ ngày tôi trở về nước và chiến tranh bùng nổ, tôi không có tin tức gì nữa, nên nóng lòng sốt ruột. Dĩ nhiên là giữa chúng tôi có liên hệ gia đình, nhưng trên thực tế vì ông không có con trai và hai chú cháu đã cùng nhau trải qua nhiều cơn sóng gió, chia sẻ vui buồn, lo âu từ năm này qua năm khác trong thời buổi loạn ly, nên sợi dây tình cảm càng ngày càng ràng buộc và ông coi tôi như con ruột, lo lắng cho tôi đủ mọi điều. Ngoài ra, nếu nói tới tìm hiểu giải pháp Bảo Đại, thì chắc chắn ông phải là người hiểu rõ hơn ai hết, vì vậy mà tôi mong muốn sớm gặp ông. Sau vài ngày dò hỏi, tôi được biết là ông đã từ Hồng Kông trở về Sài Gòn và sau đó lên ở Nam Vang, thủ đô xứ Chùa Tháp. Tôi xoay xở mượn tiền mua giấy máy bay đi Sài Gòn, rồi từ đó lên Nam Vang bằng chiếc Dakota cũ kỹ của hãng hàng không Air France.

Thủ đô Nam Vang vào thời đó quả thật là yên tĩnh, một nơi lý tưởng cho những người muốn xa lánh mọi việc. Về sau này, gặp lại ông chú, tôi mới hiểu ông chọn Nam Vang chính vì lẽ đó. Ông thất vọng về chuyến sang Tầu và không muốn ai quấy rầy về những chuyện mà ông nghĩ là chưa làm được. Tới Nam Vang, tôi về với ông ở một căn nhà nhỏ gần bờ sông Mekong, rồi mỗi buổi sáng, sau bữa điểm tâm bằng những trái sầu riêng thơm lừng, hai chú cháu tản bộ ra bờ sông, nhìn dòng sông rộng lớn lững lờ chảy qua thành phố, rồi thuật cho nhau nghe những gì đã xảy ra cho mỗi người. Tôi kể cho ông nghe đã làm gì và sống ra sao trong vùng Việt Minh và ông kể cho tôi những khó khăn mà ông đã gặp ở Quảng Châu và Hồng Kông. Tiền thì không có mà đường dây tiếp tế, thì cũng chỉ được một lần. Đến lúc ông Trương Tử Anh mất tích và chiến tranh bùng nổ, thì mọi liên lạc đều bị cắt đứt. Còn về phía Cựu Hoàng Bảo Đại, thì ông cũng chẳng nhờ vả gì được vì chính bản thân Cựu Hoàng cũng đang lúng túng. Nhận thấy chẳng còn làm gì được nữa, ông thu xếp để mang cả gia đình về Sài Gòn. Nhưng ở đây người Pháp lại hay lui tới để thăm dò ông. Họ biết ông không ưa gì họ, tuy nhiên họ muốn lợi dụng uy

https://tieulun.hopto.org

tín của ông để ảnh hưởng Cựu Hoàng, vì vậy mà nhân tiện có người con gái lên làm việc ở Nam Vang, ông mượn cớ lên đó để tránh xa phiền nhiễu. Về tình hình chung, ông cho rằng người Pháp chưa thực lòng muốn trả lại độc lập cho Việt Nam. Theo ông, không phải là ông Bảo Đại không hiểu điều đó, nhưng vì Pháp đang cần có một giải pháp chính trị, nên ông Bảo Đại muốn lợi dụng dịp này, thử xem người Pháp có thể nhượng bộ đến đâu. Còn về phía những người quốc gia thì nhận xét của ông chú tôi thật là ngắn gọn: "Chia rẽ quá, chẳng ai bảo được ai!"

Nói tóm lại, ông bi quan và không mấy tin tưởng vào giải pháp Bảo Đại. Trong thâm tâm, khi được nghe những nhận định đó, tôi cảm thấy thất vọng, nhưng với tính hiếu động của tuổi trẻ, tôi quay lại hỏi ông: "Thế ngoài con đường đi theo Cộng Sản và giải pháp Bảo Đại, không còn con đường nào khác hay sao?" Ông chậm rãi trả lời: "Sự thực thì chính trị không đơn giản như vậy. Ở đời không bao giờ có sự lựa chọn dễ dàng. Dĩ nhiên là nếu đem lên bàn cân, một bên là những điều kiện thuận lợi và một bên là những điều kiện không thuận lợi, thì tình trạng quả thật là khó khăn. Chúng ta không nắm được phần chủ động vì tuỳ thuộc vào thiện chí của người Pháp, ngoài ra với sự thắng thế của phe Mao Trạch Đông ở Trung Hoa, Việt Minh có triển vọng được Cộng Sản quốc tế giúp đỡ nhiều hơn trước. Tuy nhiên không phải vì thế mà chúng ta phải bỏ cuộc. Nếu chỉ có người Pháp và ông Bảo Đại thì chúng ta không nên có ảo tưởng gì về giải pháp Bảo Đại, nhưng nếu có ảnh hưởng của quốc tế và đặc biệt của Hoa Kỳ thì chúng ta cũng còn có cơ hội". Sau hai tuần lễ ở với ông tại Nam Vang, tôi trở về Hà Nội, trong lòng hết sức phân vân.

Quả thực như lời ông nói, thực tế chính trị không đơn giản chút nào. Nếu chỉ căn cứ vào những lời tuyên bố, thì kể từ ngày đặt bút vào bản thỏa hiệp ký kết với Cao Uỷ Pháp Bollaert ở vịnh Hạ Long ngày 5 tháng 6, 1948, ông Bảo Đại đã đạt một điều căn bản mà trước đó ông Hồ Chí Minh đã không đạt được. Bản thỏa ước Hạ Long lần đầu tiên trên giấy tờ long trọng nhìn nhận độc lập của Việt Nam, trong khi đó thì trong bản Hiệp Định Sơ Bộ được ký kết hồi tháng 3, 1946 giữa ông Hồ Chí Minh và Sainteny ở Hà nội, Việt Nam chỉ được nhìn nhận như là một "quốc gia tự do" trong Liên Hiệp Pháp, vì vậy mà một số người cho rằng ông Bảo Đại bằng đường lối đàm phán đã dành được kết quả mà hai năm chiến tranh đã không mang lại được cho chính phủ Việt Minh. Nhưng sự thực thì bản thỏa ước Hạ Long chỉ là một bản thỏa ước trên nguyên tắc và từ nguyên tắc đến thực tế là cả một đường dài, đầy trắc trở. Cuộc đàm phán giữa ông Bảo Đại

https://tieulun.hopto.org

và người Pháp kéo dài trong nhiều tháng, một phần vì tình hình chia rẽ trong nội bộ của Pháp, và một phần khác vì ông Bảo Đại làm cao, nhất định đòi Pháp phải trả lại Nam Kỳ (mà Pháp vẫn gọi là thuộc địa và lãnh thổ của Pháp). Pháp không còn phủ nhận Nam Kỳ là phần đất của Việt Nam như trước nữa, nhưng chần chừ không thi hành những thủ tục pháp lý để giải quyết vấn đề. Phải đợi đến khi Hội Đồng Địa Phương Nam Kỳ bỏ phiếu chấp nhận việc Nam Kỳ trở lại lãnh thổ Việt Nam, ông Bảo Đại mới chịu ký kết Thỏa Hiệp Élysée với Tổng Thống Pháp Vincent Auriol ngày 8 tháng 3, 1949 và sau đó trở về Việt Nam với danh nghĩa là Quốc Trưởng của một thực thể quốc tế mới gọi là Quốc Gia Việt Nam.

Thái độ của người Pháp quả thực nhỏ mọn. Đã ký kết đủ mọi điều, kể cả điều khó khăn nhất là nhìn nhận độc lập của Việt Nam, thế mà đến lúc cần phải trao trả Việt Nam một vài toà nhà ở Sài Gòn (như phủ Toàn Quyền chẳng hạn) vẫn thường được coi là tượng trưng cho chủ quyền Pháp ở Việt Nam, thì tiếc rẻ, giằng co, kéo dài... Để tỏ rõ bất bình, ông Bảo Đại không ở Sài Gòn, lên ngay Đà Lạt và ở liền tại đó để sửa soạn thành lập chính phủ mới.

Đà Lạt là một nơi nghỉ mát có tiếng dưới thời Pháp thuộc, trên vùng cao nguyên. Ở đây sống trong khung cảnh những đồi thông thơ mộng và một khí hậu quanh năm mát mẻ như tiết mùa thu, người ta có cảm tưởng như Việt Nam vẫn còn sống ở một thời đại thái bình xa xôi nào đó. Ông Bảo Đại, không hiểu vô tình hay hữu ý, chọn nơi đây làm nơi ông tham khảo ý kiến của mọi người. Ông cho mời hầu hết những ai có ít nhiều tên tuổi trong các nhóm chính trị và tôn giáo ở Việt Nam. Đáp lời mời của ông, từ Hà Nội (Bắc phần), Huế (Trung phần), và Sài Gòn (Nam phần) nhiều nhân vật đủ các giới lũ lượt kéo lên Đà Lạt để được dịp yết kiến Cựu Hoàng nay là Quốc Trưởng mới của Việt Nam.

Vào thời điểm ấy, tháng 7, 1949, tôi chỉ là một thanh niên 26 tuổi, đâu đã được coi là "chính khách" như các bậc đàn anh lão thành, nhưng kéo lại chỉ được cái "liều không biết sợ là gì", ngoài ra số người tích cực hoạt động lúc đó cũng không nhiều lắm, nên tôi được các anh em cho đi theo những vị có tên tuổi như các ông Lê Thăng, Nguyễn Hữu Trí, bác sĩ Phan Huy Quát và anh bạn Đặng Văn Sung. Lên tới Đà Lạt và ở tại một trong hai khách sạn lớn là Hotel Du Parc và Langbian Palace, tôi thấy được hầu như tất cả nhân vật nhân vật chính trị thời ấy. Ngoài chúng tôi ở Hà Nội vào, từ Huế có các ông Trần Văn Lý, Phan Văn Giáo và từ Sài Gòn lên có các ông Nguyễn Phan Long, Trần Quang Vinh, Trần Văn Ân, Trần Văn Tuyên, Lê

https://tieulun.hopto.org

Văn Ngọ, Nguyễn Tôn Hoàn và các đại diện của những nhóm Cao Đài, Hoà Hảo, Bình Xuyên như Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, tướng Năm Lửa, tướng Bảy Viễn. Thật là đủ mặt, không thiếu một ai trong số những người không theo Cộng Sản, kể cả những người được coi là thân Pháp như các ông Nguyễn Văn Tâm, Trần Văn Hữu, tướng Nguyễn Văn Hinh, v.v... Đà Lạt thật nhộn nhịp như một nơi thắng cảnh với khách du lịch từ khắp mọi nơi kéo đến.

Tôi còn nhớ hôm đó Quốc Trưởng Bảo Đại tiếp cùng một lúc cả nhóm chúng tôi từ ngoài Bắc vào, gồm có ông Lê Thăng, bác sĩ Quát, anh Đặng Văn Sung và tôi. Nơi ở và chỗ làm việc của ông là một biệt thự, kiểu villa thời Pháp thuộc, ở trên một ngọn đồi (người địa phương gọi toà nhà này là Biệt Điện). Toà nhà tương đối nhỏ nhắn, không có vẻ gì là dinh thự nguy nga nhưng rất trang nhã. Tới nơi, chúng tôi được đưa vào phòng khách để chờ ông. Riêng tôi đã vào Huế lúc ông còn làm vua và sau đó được nhìn mặt khi ông ra Hà Nội làm "Cố Vấn Vĩnh Thụy" cho chính phủ Hồ Chí Minh, nhưng tôi chưa được giáp mặt ông bao giờ, vì vậy mà hết sức tò mò muốn biết thực sự ông ra sao. Chúng tôi vào phòng khách chưa được vài phút thì từ một phòng kế bên ông bước vào, trong một bộ âu phục toàn trắng. Dáng điệu ông thật là ung dung, an nhàn (tôi nghĩ bụng, nhà vua có khác). Ông thân thiện bắt tay từng người một và đến khi tôi được giới thiệu thì ông hỏi thăm tin tức về cụ Kim. Chúng tôi nóng lòng muốn hỏi ông về những điều đã được ký kết với người Pháp, nhưng ông vẫn từ tốn, thong thả trả lời: "Không phải là tôi đã đạt được mọi điều mong muốn, nhưng ít nhất trên nguyên tắc và trên giấy tờ người Pháp đã phải nhìn nhận độc lập và thống nhất của Việt Nam. Dĩ nhiên họ còn phải thực hiện những điều hứa của họ nhưng họ có giữ lời hứa không, điều đó một phần cũng tuỳ thuộc vào thái độ và việc làm của chúng ta. Các ông có thể giúp tôi để thúc đẩy họ sớm thực hiện những điều đã được ký kết không?" Câu hỏi của ông thật là hợp lý và cho đến lúc gặp ông, chính chúng tôi cũng chưa có trả lời. Câu chuyện kéo dài trong vòng thân mật, xoay quanh những nhận xét của ông về tình hình nội bộ của Pháp và những thắng lợi của phe Cộng Sản Mao Trạch Đông, và được chấm dứt bằng một câu căn dặn bông đùa của ông: "Nhớ nói với cụ Kim là lần này chúng ta phải thận trọng, nếu không thì lại bị mắc lừa như trước đấy". Phải chăng ông muốn ám chỉ đến trường hợp bốn năm về trước ông và ông chú tôi đã nhượng quyền một cách quá dễ dàng cho Việt Minh vì đã nhầm lẫn về bản chất của họ? Trên đường về hôm đó, tôi có cảm tưởng là trông bề ngoài thì ông có vẻ là không sắc xảo lắm, nhưng lời lẽ và nhận định

https://tieulun.hopto.org

của ông không phải là của người không hiểu biết thời cuộc và nhân tình thế thái.

Đối với đại đa số những người quốc gia được ông mời lên Đà Lạt, câu hỏi luôn luôn không có trả lời, và đó là vấn đề nan giải. Làm sao tin được vào những lời hứa mong manh của người Pháp, khi hàng ngày thái độ của họ chứng tỏ rằng họ tìm đủ mọi cách kéo dài đàm phán và cố bám vào quyền lợi? Ủng hộ giải pháp Bảo Đại là một chuyện, nhưng nếu họ nuốt lời hay tìm cách trì hoãn, thì sao khỏi mang tiếng là gián điệp làm tay sai cho ngoại bang! Ngoài ra, sự thật cũng hiển nhiên là Anh Quốc và Hoa Kỳ đã chính thức công nhận chính quyền Bảo Đại và ngoài việc thiết lập một toà Đại Sứ ở Sài Gòn, Hoa Kỳ còn tuyên bố rõ rệt là hoan nghênh việc Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam. Trong những điều kiện tương đối thuận tiện như vậy, Quốc Trưởng cam kết đẩy mạnh cuộc điều đình với Pháp để sớm giành lại chủ quyền của Việt Nam, song các thành phần Quốc Gia không tiếp tay thì ai sẽ giúp ông? Không lẽ cứ ngồi yên, chờ cho Pháp làm cỗ "độc lập" sẵn, rồi những người quốc gia mới bắt tay vào việc? Hơn nữa, nếu không khởi đầu xây dựng cho Việt Nam một quân đội quốc gia, thì làm sao có được một thực lực vững chắc để đối phó sau này với Cộng Sản? Với những suy luận đó, chúng tôi dần dần bớt ngần ngại và đi đến kết luận là giữa kháng chiến Cộng Sản và giải pháp Bảo Đại thì dầu giải pháp này có còn nhiều bất trắc chăng nữa, chúng tôi cũng không còn sự lựa chọn nào khác (2).

Sau những ngày từ Đà Lạt trở về Hà Nội, tuy Đại Việt đã có ba người (hai ở miền Bắc là ông Lê Thăng và bác sĩ Quát và một ở miền Nam là anh Nguyễn Tôn Hoàn) nhận tham gia chính phủ mới sắp thành lập, một số người trong lớp trẻ vẫn lo ngại, thắc mắc.

Chúng tôi nghĩ rằng giải pháp Bảo Đại chỉ có thể thành công và lôi kéo được đa số người dân, nếu Pháp thực sự trả lại độc lập cho Việt Nam. Nhưng thực tế trước mắt cho thấy rằng Pháp chỉ chịu như thế khi không còn cách nào khác. Đối với chúng tôi, đó là tất cả mấu chốt của vấn đề. Dĩ nhiên là áp lực quốc tế, đặc biệt là của Hoa Kỳ (vì Pháp có cần đến viện trợ quân sự của Mỹ) có thể là những yếu tố quan trọng buộc người Pháp phải tôn trọng lời hứa, nhưng về phía Quốc Trưởng, ông có thể làm gì hơn những việc đã làm không? Với một suy luận thiếu phần thực nghiệm, nhiều phần chủ quan, chúng tôi cho rằng người Pháp đã đầu tư quá nhiều và quá sâu vào giải pháp Bảo Đại, vả lại trong giai đoạn ấy, ông Bảo Đại là người Việt Nam duy nhất có tư thế điều đình với Pháp, vì vậy, chính ông có thể làm áp lực đối với Pháp. Nói một cách khác, nếu Pháp muốn lợi dụng ông,

https://tieulun.hopto.org

thì ngược lại tại sao ông không lên tiếng để buộc họ phải điều đình một cách đứng đắn và mau chóng hơn! Từ ý nghĩ đến việc làm, chúng tôi bàn cãi để tìm cách thuyết phục ông đẩy mạnh cuộc đàm phán với Pháp. Sao cho ông chịu nghe, đó là điều cốt yếu, nên các anh em yêu cầu tôi hỏi cụ Kim, người hiểu biết nhiều về Quốc Trưởng. Ông chú tôi lúc đó cũng từ Nam Vang trở về Sài Gòn, nên tôi liền thu xếp để tới bàn với ông về ý kiến của các anh em.

Tôi nói với cụ Kim rằng các anh em sốt ruột vì tình hình biến chuyển nhanh, trong khi đó thì Quốc Trưởng cứ giữ thái độ thụ động, kiêng nể người Pháp, nay đi săn đi bắn, mai bà nọ bà kia. Cụ Kim nhận xét rất thiết thực, cụ bảo: "Con còn trẻ chưa hiểu được ông Bảo Đại. Ông ấy là một ông Vua chứ không phải một nhà cách mạng. Từ nhỏ đến lớn, ông đã được nuôi nấng để không phải làm gì cả, nên bản chất con người của ông là thụ động. Chúng ta không thể chờ đợi những hành động quyết liệt của một con người như ông", rồi cụ lại tiếp: "Con cứ thử đi vì cũng chẳng mất gì, rồi con sẽ thấy". Thật chẳng khác gì một gáo nước lạnh dội lên đầu, làm cho tôi ngần ngại, đắn đo tự hỏi phải chăng chúng tôi quá viển vông. Tôi đã định quay trở về Hà Nội, nhưng vì cũng không có gì cần để về ngay, ngoài ra còn bị thúc đẩy bởi tính hiếu động của tuổi trẻ, vài ngày sau tôi lại trở lên Đà Lạt.

Tôi có hai người bạn làm việc ngay tại văn phòng Quốc Trưởng là Dương Thiệu Dị và Nguyễn Tuyên, nên vừa tới Đà Lạt, tôi thăm hai anh ngay để hỏi ý kiến. Anh Dương Thiệu Dị là một đảng viên cũ của Đại Việt, cùng hoạt động trong một tiểu tổ với tôi xưa kia, nay phụ trách những vấn đề hành chính tại văn phòng, còn Nguyễn Tuyên thì làm Chánh Võ Phòng. Cả hai anh đều khuyên tôi là nếu có thời giờ thì nên đợi dịp Ngài đi săn, lúc đó sẽ có cơ hội nói chuyện nhiều và dễ dàng hơn. Tôi kiên nhẫn đợi và chỉ vài hôm sau, Nguyễn Tuyên đã đến tìm tôi và bảo rằng: "Tôi đã trình Ngài và Ngài bằng lòng để cậu đi theo, vậy cậu sửa soạn, sáng sớm mai tôi sẽ đến đón cậu". Vốn là người sẵn ham săn bắn, ông Bảo Đại có riêng tại Ban Mê Thuột, ngay sát bên hồ, một nhà sàn nhỏ để mỗi khi đi săn đi bắn trong vùng thì về đó ngủ tối. Còn ở những khu rừng có thú thì có những chòi cao để chờ thú bị dồn về bởi những toán người miền Thượng, họ vừa reo hò vừa đập gậy tre, từ bốn phía ập lại.

Hôm ấy tôi đi theo đoàn tuỳ tùng từ sáng sớm, và cũng như mọi người, tới chờ tại một chòi cao cách xa chòi cao của Quốc Trưởng chừng năm trăm thước. Đến gần trưa, giữa tiếng hò reo làm rộn cả một khu rừng, những toán người Thượng dồn về phía chòi

https://tieulun.hopto.org

chính những con thú đang chạy tán loạn từ mọi ngả. Không may cho người đi săn, hôm đó không có thú lớn, tôi chỉ thấy một số nai nhỏ chạy qua. Cả ngày hôm ấy, như thế là đi không rồi lại về không, đến chiều thì tất cả chúng tôi đều phải về nơi nghỉ tối của ông Bảo Đại. Tại đây, nhân lúc ông ngồi nghỉ uống giải khát ở ngoài hiên một mình, nhận thấy cơ hội thuận tiện, tôi tiến tới chỗ ông ngồi và tìm cách bắt đầu câu chuyện. Tôi nói với ông là tôi vừa ở Hà Nội vào, và muốn có dịp đạo đạt lên ông một số thắc mắc của các anh em về thái độ ngoan cố của Pháp. Có lẽ phần nào ông cũng đoán được những câu hỏi của tôi, nên ông mời tôi ngồi rồi thong thả hỏi về tình hình ngoài Bắc, và ngỏ ý muốn mời cụ Kim lên ở Đà Lạt. Vì ngại rằng sẽ khó có dịp khác được một mình hầu chuyện ông thoải mái như hôm ấy, tôi chỉ nói qua về tình hình, rồi đi ngay vào vấn đề chính và nói lý do tôi xin được yết kiến ông. Tôi trình bầy tâm trạng lo âu của những người quốc gia thành thực muốn ủng hộ ông, nhưng thắc mắc không hiểu rồi đây thời cuộc sẽ biến chuyển ra sao nếu Pháp cứ tiếp tục kéo dài không dứt khoát trao trả lại độc lập cho Việt Nam. Tôi thưa với ông rằng tình trạng này chắc chắn sẽ gây rất nhiều khó khăn cho phía Quốc Gia trong cuộc chạy đua với Cộng Sản để tranh thủ niềm tin của người dân. Như đã có sẵn câu trả lời trong đầu, ông tiếp lời tôi ngay, nói rằng ông hiểu rõ điều đó, nhưng "làm chính trị thì phải biết kiên nhẫn". Rồi ngưng một vài phút, ông nói thêm như để biện hộ cho thái độ của ông mà nhiều người cho là quá thụ động: "Nội bộ của Pháp hết sức chia rẽ, ảnh hưởng của những nhóm quyền lợi còn mạnh, phía tả thì bênh Cộng Sản còn phía hữu thì chỉ muốn giữ quyền lợi của họ, và chúng ta chỉ còn trông cậy được vào những nhóm ở giữa, do đó không dễ gì thúc đẩy được Pháp nếu chính họ không có được một chính phủ mạnh". Tôi nhận thấy những câu trả lời của ông có phần hợp lý, nhưng trong bụng vẫn nghi ngờ rằng ông không muốn đối đầu với người Pháp, nên tôi hỏi: "Thưa Ngài, tình hình chiến sự có thể có những chuyển biến nhanh, Ngài có ấn định một thời hạn tối đa nào để tiếp tục thái độ hiện thời không?". Ông không trả lời, ngược lại, ông đặt câu hỏi: "Thái độ của người Mỹ lúc này ra sao?" Tôi thưa lại là bác sĩ Quát vẫn thường có liên lạc với họ, nhưng họ vừa ủng hộ lập trường đòi độc lập của chính phủ Bảo Đại, lại vẫn là coi Pháp như một nước bạn đồng minh ở Âu Châu. Ông có vẻ nhìn thấy rõ sự mâu thuẫn của Mỹ nên ông hỏi thêm: "Tôi cũng hiểu như vậy, nhưng tôi muốn biết giữa Việt Nam và Pháp thì Hoa Kỳ nặng về phía nào hơn?" Dĩ nhiên là tôi không biết trả lời ra sao nên ông bảo tôi là phải "nói với Quát tìm hiểu thêm về vấn đề này" rồi đứng dậy chấm dứt câu

https://tieulun.hopto.org

chuyện. Đến đây tôi thấy có hỏi gặng thêm cũng vô ích, nên cảm ơn ông đã cho phép tôi theo và đạo đạt lên ông những thắc mắc của một số anh em. Hôm sau tôi trở về Sài Gòn, càng ngày càng nhận thấy những nhận xét của ông chú tôi về ông Quốc Trưởng thật là xác đáng.

Tôi về Hà Nội học hỏi thêm được về những khúc mắc trên trường chính trị quốc tế, đồng thời cũng hiểu biết hơn về con người của ông Bảo Đại. Có lẽ ông cũng là người có đủ tinh tế để nhận xét, nhưng bàn về bản chất thì ông thuộc vào hạng người thụ động, nếu không nói là nhu nhược, không muốn có thái độ dứt khoát đối với bất kỳ ai. Vì cá tính đó ông chần chừ, ngần ngại không muốn quyết liệt đối với Pháp, nhưng cũng vì Pháp dùng nhiều thủ đoạn để cầm giữ ông. Khi chủ quyền chưa được trao trả hết cho Việt Nam, họ nắm giữ hầu bao và thỉnh thoảng thỏa mãn những nhu cầu vật chất tài chính của ông. Họ cố tình dễ dàng đối với cá nhân ông để buộc tay ông, trong khi đó thì vẫn tìm cách trì hoãn việc chuyển nhượng quyền hành. Ông không từ chối nổi cám dỗ của người Pháp về những chuyện nhỏ nhặt, đó là khuyết điểm lớn của ông.

"Đi một ngày đàng, học một sàng khôn", sau chuyến đi Đà Lạt, tôi không còn nhiều ảo tưởng về ông như trước nữa. Thực ra thì về phương diện cá nhân, cũng như nhiều người khác có dịp gần ông, tôi có rất nhiều cảm tình đối với ông. Ông là một ông Vua, nhưng cách cư xử của ông đối với mọi người thật là giản dị, bình dân. Nói chuyện với ông, người ta có cảm tưởng là ông không muốn làm hại ai, kể cả những người mà ông biết đã lợi dụng ông, hoặc có ác ý đối với ông. Nhưng về phương diện chính trị thì mặc dầu ông không phải là người khờ khạo hay thiếu hiểu biết, ông không có đức tính của một người lãnh đạo tạo được thời thế thuận lợi cho quốc gia dân tộc, mà chỉ là người chịu đựng cho thời thế xoay vần.

---

(1) Bác sĩ Đặng Vũ Lạc là thân sinh của anh Đặng Vũ Chứ, một sinh viên trường Thuốc trong nhóm sinh viên Đại Việt, hoạt động cùng với chúng tôi từ năm 1945 và về sau bị Việt Minh thủ tiêu.

(2) Nhìn vào hoàn cảnh của người quốc gia lúc đó, hay sau này, thì đây là cả một thế kẹt. Đúng lúc phải tranh đấu chống ngoại xâm để giành độc lập, họ lại bị đẩy vào đường hợp tác với ngoại quốc: và đó là điều không dễ gì giảng giải cho quần chúng. Cũng may mà lịch sử những năm về sau không đến nỗi quá khắt khe với họ. Ngày nay người dân đã thấy rõ là sau những tàn phá của hai trận chiến tranh và dưới một chế độ tự cho là "ưu việt" và "đỉnh cao trí tuệ của loài

https://tieulun.hopto.org

người", lối dẫn đến "thiên đường Cộng Sản", chỉ đưa đất nước tới cảnh nghèo đói, lạc hậu. Nhưng vào hồi đó, với người Pháp (và sau này người Mỹ) ở bên cạnh, những người quốc gia Việt Nam, mặc dầu có chính nghĩa, lúc nào cũng như bị vướng mắc vào một thứ mặc cảm, một tình trạng mà những người cộng sản đã khôn khéo lợi dụng để tuyên truyền, chiếm giữ lấy "độc quyền yêu nước" trước mắt người dân. Thế kẹt đó quả là một thảm trạng khó có lối thoát cho những người quốc gia trong suốt mấy chục năm chiến tranh.

https://tieulun.hopto.org

Chương 10
Một Năm Dưới Chân Rặng Núi Alp

Cuối năm 1951, chiến sự ở Việt Nam vẫn trong tình trạng giằng co, mặc dầu suốt mùa hè đã có những trận đụng độ quan trọng, gây nhiều tổn thất cho cả đôi bên, sát ngay vùng đồng bằng Bắc Việt như Vĩnh Yên, Tam Đảo, Hoà Bình. Nói chung thì quân đội Pháp vẫn còn làm chủ được tình thế ở các thị thành, và đối phương vẫn giữ được vai chủ động ở những miền quê, nhưng chưa ai thấy bên nào có thể kết thúc được cuộc giao tranh bằng một chiến thắng quân sự. Cũng trong thời gian này, tình hình quốc tế lại biến chuyển nhanh chóng. Sự tan rã của chế độ Tưởng Giới Thạch ở Trung Hoa cùng với chiến tranh Cao Ly làm thay đổi hẳn cục diện ở Á Châu. Còn Pháp đối với chính quyền Bảo Đại, thì vẫn giữ một thái độ ngoan cố, luyến tiếc quyền lợi của một thời thuộc địa đã qua. Trước một cục diện như vậy, cũng như nhiều người khác, tôi không biết tương lai sẽ ra sao.

Hơn một năm trước, tôi đã thất bại trong việc thuyết phục ông Bảo Đại áp dụng một chính sách tích cực để làm áp lực đối với Pháp. Tôi thất vọng về ông và đôi lúc cũng nản chí, tuy vậy tuổi trẻ vẫn dễ hăng hái trở lại nên chỉ ít lâu sau, đã lại cùng với một số anh em lao mình vào hoạt động chính trị. Sự thực thì vào lúc đó Đại Việt có những điều kiện khá thuận tiện, do sự có mặt trong chính quyền của một số đảng viên và nhờ sự giúp đỡ của những người có cảm tình với đảng. Vì vậy, một số anh em nghĩ tới việc thành lập một phong trào chính trị, dựa vào tinh thần Đại Việt nhưng hoạt động công khai. Phong trào lấy tên là Quốc Gia Bình Dân, có một tờ báo dùng làm cơ quan ngôn luận, nhật báo Quốc Dân. Tôi được giao trách nhiệm làm chủ bút, nhưng trên thực tế, tôi phải lo đủ cả, viết bài xã thuyết hay bình luận thời cuộc, và thiếu người thì phải lo cả trị sự lẫn quảng cáo. Tôi đặc biệt phải viết những bài nói lên lập trường chung là không chấp nhận chủ thuyết Cộng Sản, đồng thời cũng tích cực tranh đấu để Pháp sớm trao trả độc lập thực sự cho Việt Nam. Tôi bận rộn, thích thú với công việc tòa báo, vì phù hợp với sở trường của tôi, vả lại không có gì thuận tiện hơn cho người làm chính trị là có một tờ báo. Qua những tin tức từ khắp mọi nơi gửi về, và những cơ hội liên lạc với mọi giới bên ngoài, tôi được dịp theo dõi hoạt động của chính phủ và đo lường những tiến triển của giải pháp Bảo Đại.

https://tieulun.hopto.org

Lúc này, tôi vẫn phải luôn luôn để ý tới những bất trắc của tình hình quốc tế khi chiến sự đã bắt đầu chuyển mạnh, và đối phó với một chính sách ngập ngừng của Pháp, nửa muốn giữ nửa muốn buông của Pháp, Quốc Trưởng vẫn tiếp tục lề lối làm việc chậm rãi của ông. Vì chưa có hiến pháp cho chế độ "Quốc Gia Việt Nam" được thiết lập từ ngày ông trở về nước, ông quan niệm cương vị của ông là đứng trên mọi phe phái, mọi khuynh hướng chính trị, nên ông không nắm quyền trực tiếp cai trị và chỉ định một Thủ Tướng để điều hành công việc chính quyền. Quan niệm này thật phù hợp với bản chất không mấy tích cực của ông và cho phép ông thay đổi chính phủ tùy theo những biến chuyển của thời cuộc. Riêng về phương diện này, ông đã khôn khéo dùng người đúng chỗ và đúng lúc tùy theo nhu cầu của từng giai đoạn. Mới đầu, cần phải tạo mối liên hệ với Pháp và để tránh cho thực dân Pháp tại Việt Nam sự thay đổi đột ngột phương hại trực tiếp đến quyền lợi của họ, ông dùng những nhân vật như tướng Nguyễn Văn Xuân, các ông Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm, những người được Pháp tin cậy. Về sau, ông thay bằng người thân tín hơn để kiện toàn thỏa ước với Pháp và đặc biệt hơn nữa, khi thấy ảnh hưởng Pháp bắt đầu suy giảm thì ông mời ông Ngô Đình Diệm. Ngoài ra, ngay những lúc dùng người thân Pháp, ông cũng không để cho họ có nhiều quyền quá, nên thường đặt trong chính phủ những người độc lập, hoặc được ông tin, hay được ngoại quốc kính trọng. Những nhân vật này giữ vai trò duy trì sự liên tục từ trong chính quyền và giúp ông tự do thay đổi Thủ Tướng mà không phải lo những chuyện bất ngờ. Dĩ nhiên mỗi lần thay đổi chính phủ, thì lại có sự nhộn nhịp trong các giới chính trị ở Hà Nội và Sài Gòn. Lúc đó thì đủ các câu hỏi được đặt ra: Tại sao lại thay đổi? Hay là Pháp lại làm áp lực? Quốc Trưởng có hậu ý gì? Ai ở, ai đi? Rồi những nhân vật được tham khảo ý kiến lại lục tục kéo nhau lên Đà Lạt, một thành phố yên tĩnh bỗng nhiên trở thành náo nhiệt.

Trong số những khuôn mặt quen thuộc tham gia các chính phủ thời đó (mà nhà báo thường gọi một cách chế riễu là "chính khứa"), có lẽ bác sĩ Quát là một trong những người nổi nhất. Tuy mãi về sau, năm 1965, ông mới làm Thủ Tướng dưới thời Bảo Đại ông đã làm Tổng Trưởng Giáo Dục và hai lần nắm giữ bộ Quốc Phòng. Ông là người đứng đắn, có đầu óc tổ chức, ngoài ra ông lại được các giới ngoại quốc biết đến nhiều và kính trọng. Lúc đó dư luận cho rằng ông được tín nhiệm của Quốc Trưởng để điều đình thẳng với Pháp về vấn đề quân sự nhằm mục đích chóng tiến tới việc thành lập một quân đội quốc gia độc lập không phụ thuộc vào quân đội Pháp, do đó mà mặc

https://tieulun.hopto.org

dầu Thủ Tướng thay đổi, ông vẫn ở lại chức vụ Tổng Trưởng Quốc Phòng. Trong nhiệm vụ này, ông đã đóng góp nhiều vào việc đặt nền móng cho quân đội quốc gia Việt Nam, nhưng ông cũng gặp rất nhiều khó khăn vì thái độ thiếu dứt khoát của Pháp. Một mặt họ muốn có thêm những đơn vị chiến đấu của người Việt quốc gia để chia sẻ gánh nặng với họ, nhưng mặt khác họ vẫn muốn kìm hãm sự lớn mạnh của quân đội quốc gia. Vì vậy mà những cuộc đàm phán với họ kéo dài hết tháng này sang tháng khác, trong khi đó thì tình hình chiến sự càng ngày càng sôi động. Thật là một tình trạng khó khăn cho chính quyền Bảo Đại, một tình trạng mập mờ về mọi mặt, không lấy gì làm phấn khởi cho tất cả những người quốc gia nói chung. Và lúc đó lại chính là lúc mà hoàn cảnh gia đình của cá nhân tôi đột nhiên kéo tôi ra khỏi những hoạt động chính trị và đặt tôi vào một thế giới mới, hoàn toàn xa lạ.

Từ ngày tôi dời Phát Diệm và trở về vùng Pháp kiểm soát, nhiều sự thay đổi đã đến với tôi, và tạo cho tôi hoàn toàn mới mà chính tôi cũng không nghĩ tới. Rồi từ ngẫu nhiên này đến ngẫu nhiên khác, không những nếp sống thay đổi mà tất cả đời sống cũng đổi thay.

Trước hết phải kể đến quyết định của ông chú tôi, Trần Trọng Kim. Ông trở về sống ở Hà Nội sau một thời gian tạm lánh ở Nam Vang. Thực ra thì Quốc Trưởng Bảo Đại có mời ông lên cư trú tại Đà Lạt, nhưng ông cho rằng tình thế đã tạm yên, vả lại ông cũng không muốn dính dáng đến những vận động chính trị, nên ông trở về Hà Nội; và vừa về đến nơi, đã bắt tôi về ở với ông. Trước kia, trong tình trạng "tứ cố vô thân", tối ngả vào đâu là nhà, tôi sống lang thang hết nơi này đến nơi khác, nay về sống với ông và gia đình, tôi cảm thấy như buộc chân lại, mất một phần tự do lúc trước, nhưng được bù lại bằng sự chăm nom, săn sóc của một người chú đã từ lâu coi tôi như con. Một hôm, ít lâu sau khi tôi về với ông, ông khuyên tôi nên lập gia đình. Ở vào thời điểm ấy, tuổi tôi đã 29, giá có lấy vợ thì cũng là chuyện thường, nhưng thực sự tôi chưa nghĩ tới. Đời sống còn quá bấp bênh, chưa đủ ổn định để nghĩ đến chuyện lâu dài, nên nể lời ông, tôi cũng vâng dạ cho qua chuyện. Nhưng rồi ông cứ trở lại vấn đề và cho biết rằng ông đã liên lạc với song thân tôi ở hậu phương và song thân tôi cũng muốn tôi lập gia đình. Ông gạn hỏi xem tôi có để ý đến đám nào chưa, và hết sức vui mừng khi được biết tôi vẫn lui tới nhà một thiếu nữ mà tôi gặp lại ở Phát Diệm và ông cũng đã có dịp biết mặt từ mấy năm trước, nay cô đã từ Phát Diệm về Hải Phòng. Bà cô tôi cũng thúc giục không kém. Bà thấy tôi chưa nói gì, coi là tôi đã

https://tieulun.hopto.org

ưng thuận rồi, nên sửa soạn trầu cau tới dạm hỏi nhà gái và chẳng mấy chốc, mọi chuyện trở nên như sự đã rồi. Bây giờ tôi đã ngoài bảy chục tuổi, con cháu đầy đàn, nghĩ lại thì cho rằng có lẽ cũng là duyên số, nhưng hoàn cảnh nào đã thúc đẩy ông chú tôi khuyên nhủ tôi sớm lập gia đình, thì lại là một câu chuyện khác mà mãi về sau tôi mới rõ.

Cũng như mọi người Việt Nam khác, ông chú tôi một phần nào cũng tin vào tướng số, định mệnh. Một hôm, một thầy xem tướng nổi tiếng thời ấy (nếu tôi không nhầm thì ông thầy đó là ông Diễn) tới thăm ông và trong khi hai người nói chuyện thì ngẫu nhiên tôi đi qua phòng khách. Không hiểu ông thầy tướng thấy gì ở tôi, mà sau khi tôi đi khỏi, ông đã nói ngay với ông chú là sắc diện của tôi không được tốt và tỏ vẻ lo âu cho tương lai của tôi. Theo lời ông, thì có lẽ tôi không qua được tuổi 31 hay 32, rồi ông đưa ra ý kiến là nên sớm lập gia đình cho tôi để có thể bớt hoạn nạn. Ông chú tôi từ đó hết sức lo lắng, và ít lâu sau tìm cách thuyết phục tôi lấy vợ và dĩ nhiên không nói cho tôi hay những gì ông thầy tướng đã nói với ông. Không hiểu là lời khuyên nhủ của ông thầy có kết quả tới mức nào, nhưng sau đó, mọi chuyện đều là may mắn cho vợ chồng chúng tôi. Về ở chung với gia đình ông chú tôi được ít lâu sau thì chúng tôi được tin thân mẫu tôi cùng với chị tôi, vì không chịu được cảnh bom đạn ở hậu phương, muốn về Hà Nội để chung sống với vợ chồng tôi. Thế là chỉ trong một thời gian ngắn, tiểu gia đình của tôi đã thành bốn người và hơn một năm sau thì nhà tôi sinh được một cháu gái. Chúng tôi vui mừng vì gia đình có con đầu lòng, nhưng rồi cũng như mọi sự ở đời, cái may và cái không may vẫn thường lẫn lộn đi đôi với nhau. Chỉ vài tháng sau khi sinh đẻ, nhà tôi mắc phải bệnh lao, một chứng bệnh mà thời đó ai cũng cho là hết sức nguy hiểm. Trường hợp của nhà tôi lại còn khó khăn hơn nữa vì khi tôi đến hỏi bác sĩ Quát (tuy ông làm chính trị nhưng đối với chúng tôi ông vẫn là bác sĩ gia đình) thì ông cho biết rằng ông đã nghiên cứu kỹ trường hợp của nhà tôi và ông phải nói thật là loại bệnh lao mà nhà tôi mắc phải có phải là một loại lao cấp tính, vì vậy ông khuyên tôi nên tìm cách cho nhà tôi sang Pháp chữa thì mới có bảo đảm. Thật là một tin sét đánh cho vợ chồng chúng tôi. Tiền thì không có, mà con thì còn nhỏ, làm sao đi được? Vì nhận thấy buồn bã hay lo âu cũng chẳng giải quyết được vấn đề, nên sau khi đã bàn đi bàn lại, cả gia đình đều đến kết luận là phải lo liệu cho nhà tôi sang Pháp chữa bệnh, còn cháu nhỏ thì để lại nhà cho gia đình trông nom. Chúng tôi vội vàng lo giấy tờ và sắp xếp tiền nong bằng cách vay mượn và bán tất cả những thứ gì đáng giá có thể bán được, rồi cộng vào những số tiền mà mẹ tôi và ông chú tôi cho để mua giấy

https://tieulun.hopto.org

máy bay. Chúng tôi giữ được chỗ trên một chuyến bay của hãng Air France. Lúc bấy giờ chưa có máy bay phản lực, do đó mà chiếc máy bay bốn động cơ Skymaster vừa bay vừa đậu lại ở nhiều nơi như Calcuta, Karachi; Beyrouth và Athène, phải hơn hai ngày mới tới Ba Lê.

Thế là đột nhiên tôi dời khỏi vùng trời Việt Nam, bỏ lại tất cả những hoạt động chính trị để bước vào một vùng trời mới, một thế giới mới. Từ lúc còn nhỏ, tôi vẫn mong ước được đi ngoại quốc, không ngờ rằng lúc này, một hoàn cảnh đặc biệt lại đẩy tôi đi. Vì là lần đầu tiên tôi sang Âu Châu, dĩ nhiên khi đặt chân lên đất Pháp vào mùa xuân năm đó, 1952, tôi chờ đợi nhiều sự mới lạ. Nhưng đến khi ngắm nhìn Ba Lê với tháp Eiffel, đại lộ Champs Elysée, viện bảo tàng nổi tiếng Louvre, tôi lại có cảm giác như ở giữa một khung cảnh quen thuộc. Thì ra đầu óc tôi là của một kẻ đã gần gũi với văn hóa Pháp, nhưng con mắt tôi lại là của một người nhà quê ra tỉnh.

Ngay sau khi đến Ba Lê, chúng tôi tạm trú ở một khách sạn nhỏ, khu rẻ tiền Montparnasse, và liên lạc với một người anh họ là bác sĩ Nguyễn Mạnh Đôn lúc đó đương hành nghề ở Pháp. Bác sĩ Đôn giới thiệu cho chúng tôi một bác sĩ Pháp nổi tiếng về bệnh phổi. Chính ông này đã giải phẫu ép phổi cho nhà tôi và gửi nhà tôi xuống một dưỡng đường (sanatorium) gần hai trung tâm trượt tuyết của Pháp, Chamonix và Mégève, ngay sát biên giới Thụy Sĩ. Dưỡng đường của nhà tôi ở tại một làng nhỏ, St Gervais, nhìn thẳng vào rặng núi Alp. Tại đây họ không những nhận bệnh nhân, mà còn nhận cả thân nhân đi theo, vì vậy mà tôi được ở dưỡng đường cùng với nhà tôi. Thật ra thì hầu hết những người sống trong vùng này đều ít nhiều mắc bệnh lao phổi cả. Vì khí hậu đặc biệt tốt của vùng này, người mới mắc bệnh thì tới để dưỡng bệnh, còn người đã khỏi rồi thì cũng muốn ở lại rồi kiếm cách sinh sống tại chỗ. Ngoài các bệnh nhân, những bác sĩ, y tá hay nhân viên làm việc tại các dưỡng đường và ngay cả những người làm ăn buôn bán đều là bệnh nhân cũ cả.

Cuộc sống ở đây thật là yên tĩnh, bình thản, êm đềm. Tôi sống nhàn hạ trong bầu trời thanh khiết vùng núi cao, hàng ngày ngắm núi Alp thay đổi màu sắc dưới ánh mặt trời. Thế giới bên ngoài đối với tôi thật là xa xôi. Mới đây tôi còn đang sống trong bầu không khí chính trị cam go ở Việt Nam và theo dõi những trận đụng độ ác nghiệt ngoài chiến trường, thế mà tất cả những thứ đó đã phai mờ sau rặng núi. Sống ở dưỡng đường có thời giờ rảnh rang, tôi nghĩ ngay đến chuyện học thêm. Tôi tới trường Đại Học ở Grenoble (chỉ cách chỗ tôi ở chừng hơn năm chục cây số), để hỏi về thể thức ghi tên thì được biết

https://tieulun.hopto.org

nhà trường có thể dành một vài sự dễ dãi cho những người trong trường hợp tôi. Thật là may mắn, tôi liền ghi tên để lấy thêm một chứng chỉ toán học (Calcul Intégral Différentiel) rồi hàng tuần bằng xe lửa, tôi đi từ St Gervais tới Grenoble, học hai ngày và trở về St Gervais. Thế là một lần nữa, tôi lại quay về lĩnh vực trừu tượng của toán học.

Đã may mắn được dịp trau dồi toán học, ở tại dưỡng đường, tôi còn được một may mắn khác. Chúng tôi gặp một cặp vợ chồng người Pháp cùng một cảnh ngộ như chúng tôi. Người vợ đến đó dưỡng bệnh, còn người chồng là một giáo sư Anh văn và văn chương ở trường Đại học Berne bên Thụy Sĩ, đến dưỡng đường để chăm sóc cho vợ và ba ngày một tuần trở về trường dạy học. Người vợ vốn là họa sĩ, trông thấy nhà tôi là người Á Đông, nên muốn làm quen để nhờ nhà tôi làm người mẫu. Ít lâu sau chúng tôi trở thành bạn, và tôi ngỏ ý muốn học thêm tiếng Anh, Jacques Savarit và Paulette Savarit đối với chúng tôi thật tốt, nhà tôi làm mẫu cho Paulette vẽ còn tôi thì theo học giáo sư Anh văn. Có thời giờ nhàn rỗi, chúng tôi trèo hết ngọn đồi này đến ngọn đồi khác, thực tập Anh văn và trao đổi ý kiến về đủ mọi chuyện trên trời dưới đất. Nói về học Anh văn, thì bạn mới của tôi thật là người khó khăn. Ông đòi hỏi tôi phải học tập nói cho đúng giọng người Anh chính cống, nghĩa là phải thứ King's English chứ không phải là giọng nói khó nghe của người Hoa Kỳ. Ông bắt tôi làm những bài luận văn với những đề tài mỗi ngày một khó. Ông bắt tôi đọc kỹ những sách cổ điển của văn chương Anh Quốc, hết Macbeth thì lại đến Hamlet, hết Dickens, Shakespeare thì lại đến Byron. Tôi cố gắng học hỏi và ít lâu sau, thấy thứ Anh văn mới của tôi quả thực là khác với thứ Anh văn "My tailor is rich" mà tôi đã học được ở đĩa Assimil hay ở các lớp Trung Học.

Ở dưỡng đường được năm sáu tháng, thì chúng tôi được phép dọn ra ngoài, ở một căn nhà nhỏ gần ngay dưỡng đường, để nhà tôi có thể hàng tuần đi lại cho bác sĩ trông nom. Vì cần phải tĩnh dưỡng, nhà tôi không được phép làm gì, do đó mà ngoài việc học, tôi trở thành người nội trợ, lo bếp nước, dọn dẹp, giặt giũ và đi chợ. Ngoài trừ những ngày tôi phải đi học ở Grenoble, nếp sống của chúng tôi ở St Gervais thật là trầm lặng. Mới đến đầu tháng 11, mà tuyết đã bắt đầu đổ xuống, một thứ tuyết trắng xóa như bông mà vợ chồng chúng tôi mới thấy lần đầu. Rồi càng vào đông thì ở vùng núi đó, tuyết lại xuống càng nhiều, mênh mông một màu trắng, lắm lúc ngập tới ngang cửa sổ. Lúc này thì tôi đã có nhiều liên lạc với gia đình ở Hà Nội. Ông chú tôi cứ hai tuần một lần, viết cho tôi một lá thư kể chuyện bên

https://tieulun.hopto.org

nhà. Ông dặn tôi phải ở lại cho tới lúc nhà tôi khỏi hẳn mới được về, và khuyên nhà tôi cứ yên tâm về cháu nhỏ.

Cuộc sống vẫn lặng lẽ trôi, nhưng vào đầu mùa xuân 1953 lại một chuyện ngẫu nhiên xảy ra như để nhắc tôi rằng rồi đây những chuyển động ở Việt Nam sẽ lại kéo tôi ra khỏi nếp sống yên ổn mà tôi đang được hưởng lúc đó. Một hôm, đọc một tờ báo địa phương, tôi được tin Quốc Trưởng Bảo Đại sẽ đến nghỉ vài ngày ở Evian, một thành phố nhỏ nghỉ mát của Pháp trên bờ hồ Leman, đối diện với thủ đô Thụy Sĩ Genève, chỉ cách chỗ tôi ở có vài chục cây số. Có lẽ vì máu chính trị sẵn có trong người nổi lên, tôi tìm cách liên lạc với trung tá Nguyễn Tuyên, Chánh Võ Phòng Quốc Trưởng, một bạn cũ ở Đà Lạt. Vừa nghe thấy tiếng tôi, anh Tuyên đã hỏi ngay: "Thế cậu có muốn đến gặp Ngài không?" Thực sự thì lúc đầu cũng chỉ vì phản ứng tự nhiên và tò mò mà tôi gọi điện thoại, nhưng đến lúc có cơ hội thì tôi lại thấy nảy ra ý kiến muốn đến để hỏi xem tình hình đã biến chuyển tới đâu, vì vậy mà tôi trả lời trung tá Tuyên là: "Tôi sang đây đã được một thời gian, chẳng biết gì về những chuyện ở nhà, nếu được gặp Ngài thì còn gì bằng!" Giá lúc bấy giờ ông Bảo Đại vì bận không tiếp tôi, thì câu chuyện cũng trôi qua như chẳng có gì xảy ra cả. Nhưng trái hẳn với sự trông chờ của tôi, trung tá Tuyên ngay ngày hôm sau đã gọi tôi và bảo tôi "lấy xe lửa để đến gặp Ngài". Buổi sớm hôm đó, thấy tôi sửa soạn, nhà tôi nói đùa: "Đâu lại vào đấy, em tưởng anh đã quên chính trị rồi!" Tôi vừa cười vừa đóng bộ, rồi ra ga lấy vé xe lửa đi Evian. Nói cho đúng thì tôi cũng không có mục đích gì đặc biệt, do đó cũng không chờ đợi gì ở sự gặp gỡ, nhưng bảo rằng tôi hoàn toàn thản nhiên khi được dịp gặp ông, thì cũng không đúng. Bốn năm về trước, tôi đã thất vọng nhiều về ông, nhưng không hiểu vì sao tôi vẫn có cảm tình cá nhân đối với ông. Ông tiếp tôi tại một khách sạn lớn ở Evian, trông thẳng xuống hồ Leman. Tôi thấy ông vẫn thản nhiên, nhàn hạ, chẳng tỏ vẻ gì lo âu về quốc sự. Ông cho tôi biết là ông phải sang Pháp để hỏi bác sĩ chuyên môn về mắt của ông, và luôn tiện ông cũng muốn tiếp xúc với các giới chính trị ở Pháp để thúc đẩy họ làm áp lực thúc chính phủ Pháp sớm hoàn tất những thỏa ước đang điều đình với Việt Nam. Ông thân mật hỏi thăm về đời sống của tôi ở Pháp, nhưng vì không muốn mất nhiều thời giờ về những chuyện riêng tư nhân dịp hiếm có được gặp ông ở nước ngoài, tôi chỉ trình bầy qua về trường hợp phải đưa nhà tôi đi chữa bệnh, rồi chuyển ngay sang những vấn đề ở trong nước và hỏi ông xem ông có nhận xét chung gì về tình hình không. Ông thẳng thắn trả lời là theo ông thì trước hay sau, Pháp cũng trả lại độc lập cho Việt Nam. Ông chỉ ngại

https://tieulun.hopto.org

rằng nếu Pháp cứ kéo dài thì Việt Nam sẽ không có thời giờ sửa soạn để đối phó với những biến chuyển của thời cuộc. Chuyện trò được hơn một tiếng, rồi như để nhắc nhở tôi cũng nên sớm về nước, ông bảo tôi: "Lúc này, tôi đã yêu cầu Quát xúc tiến nhanh về việc thành lập quân đội, nếu về giúp Quát thì cũng tốt". Tới đây, nhận thấy là đã lợi dụng quá nhiều thời giờ của ông, tôi cảm tạ ông và xin phép từ giã để trở về St Gervais.

Cuộc hội kiến hôm đó thật ra không có ý nghĩa chính trị gì, và ngày hôm sau, tôi lại trở về với thế giới nhỏ bé tại làng St Gervais của tôi, dưới chân núi Alp, nhưng tính cách ngẫu nhiên của việc xảy ra, nhắc tôi là rất khó đoán trước mọi sự. Phải chăng đây là điềm báo hiệu cho tôi là cuộc đời tôi sẽ lại sắp thay đổi?

Nơi tôi ở, tuyết đã tan dần, và nhà tôi cũng đã bình phục trông thấy. Đến tháng 5, tôi phải đi Grenoble để lấy nốt chứng chỉ toán, nhà tôi cũng đi theo để được dịp thăm thành phố. Mới đến chỗ trọ được có vài ba ngày, đang sửa soạn bài vở để qua một kỳ thi, tôi nhận được tin của bác sĩ Quát nhắn hỏi là đã về nước được chưa? Hiển nhiên là Quốc Trưởng Bảo Đại có kể chuyện cho bác sĩ Quát (lúc bấy giờ làm Tổng Trưởng Quốc Phòng) là ông đã gặp tôi ở Pháp, và khuyên tôi nên sớm trở về. Tôi suy nghĩ suốt đêm hôm đó. Nếu quả thực nhà tôi còn cần phải ở lại để chữa bệnh, thì chắc tôi cũng không nỡ lòng nghĩ đến chuyện trở về, nhưng bác sĩ Quát là người hiểu rõ hoàn cảnh cá nhân của tôi, nếu ông ấy nhắn hỏi tôi, thì chắc cũng phải có lý do. Sáng hôm sau, vừa ngồi xuống bàn để uống cà phê và ăn điểm tâm, nhà tôi nói ngay là đã hiểu rõ tâm trạng của tôi, không những thế, nhà tôi cũng muốn về, sau khi hỏi kỹ thầy thuốc và được phép về miễn là phải thận trọng trong một thời gian vài năm nữa. Tôi vui mừng vì đã cởi gỡ được mọi thắc mắc, quên hẳn chứng chỉ toán học mà tôi muốn lấy thêm tại Đại Học Grenoble. Và chỉ ít lâu sau, chúng tôi thu xếp mọi việc, từ giã cái làng nhỏ bé, trở về Ba Lê, và lại leo lên chiếc máy bay Skymaster quen thuộc của hãng Air France để về Sài Gòn.

https://tieulun.hopto.org

Chương 11
Những Ngày Cuối Cùng Của Pháp Tại Việt Nam

Lúc tôi ở Pháp về, thì ông Quát đã trở lại làm Tổng Trưởng Quốc Phòng được một thời gian. Vì lúc đó tại bộ Quốc Phòng đã có ông Hoàng Thụy Nam làm Đổng Lý Văn Phòng, ông Quát bổ nhiệm tôi làm Phó Đổng Lý với nhiệm vụ đặc biệt là theo dõi việc điều hành với người Pháp về phương diện quân sự. Ông cho rằng chiến tranh đã biến chuyển, do đó cuộc điều đình sẽ bước vào một giai đoạn quyết định, và Việt Nam cần phải biết rõ xem người Pháp có chịu nhượng bộ để được tổ chức một quân đội thực sự độc lập không.

Cùng làm việc với tôi, có đại tá Lê Văn Kim. Và đầu tháng 9, 1953, chúng tôi thảo luận với các giới chức Pháp ở Sài Gòn về vấn đề thành lập một số đơn vị mới do sĩ quan Việt Nam chỉ huy. Những đơn vị đó được gọi là "tiểu đoàn khinh quân" (danh từ này được dùng với nghĩa là những tiểu đoàn mới sẽ được trang bị nhẹ và có tính cách lưu động – người Pháp gọi là "bataillon léger"). Những ngày đầu của cuộc điều đình có vẻ hứa hẹn vì đã có thỏa thuận trên nguyên tắc giữa ông Quát và tướng Navarre, tư lệnh quân đội Pháp ở Việt Nam; nhưng đến khi đi sâu vào chi tiết, thì người Pháp nêu hết khó khăn này đến khó khăn khác. Chúng tôi có cảm tưởng rõ rệt là họ vẫn chưa dứt khoát được với quá khứ thực dân của những năm về trước. Họ đòi những tiểu đoàn đó phải do sĩ quan Pháp chỉ huy. Chúng tôi không chịu, nhưng rồi vì nhu cầu khẩn thiết của tình hình quân sự, họ cũng phải chịu và vớt vát lại bằng cách đòi giữ nguyên tắc là những đơn vị đó phải được đặt dưới sự "điều động" của bộ chỉ huy Pháp.

Chúng tôi thực không hiểu thái độ của người Pháp, vì tới thời điểm đó của chiến tranh (9 tháng trước trận đánh Điện Biên Phủ) mà họ còn bám vào một thứ quyền lực đã dần dần tuột khỏi tay, thì thật là quá đáng. Chúng tôi đã bị thất vọng về thái độ của nhiều tướng tá dưới quyền của tướng Navarre, nhưng đến khi nhìn vào tương lai chính trị của Việt Nam, chúng tôi lại càng thất vọng. Người Pháp luôn luôn nói tới Liên Hiệp Pháp và muốn Việt Nam ở trong Liên Hiệp Pháp, mặc dầu không ai hiểu rõ thế nào là Liên Hiệp Pháp. Được hỏi thì ngay họ cũng chỉ có những câu trả lời mơ hồ, vì đó mà người Việt Nam đặt câu hỏi: Liên Hiệp Pháp có phải là một cái lồng để giam hãm Việt Nam không? Chính sách Pháp thiển cận ở chỗ họ không

https://tieulun.hopto.org

hiểu, hay muốn không hiểu, là những người quốc gia chỉ có thể đối phó được với Cộng Sản nếu chứng tỏ là đã tranh thủ được độc lập thực sự cho Việt Nam bằng những phương pháp hòa bình. Những nhà cầm quyền Pháp quả thực đã không nghĩ gì đến những khó khăn mà họ đã gây ra.

Vì thế và để làm áp lực đối với Pháp, do đề nghị của một số đoàn thể, vào mùa thu 1953 Quốc Trưởng Bảo Đại tổ chức ở ngay thủ đô một hội nghị lấy tên là Hội Nghị Toàn Quốc. Ông mời hết các tôn giáo và đảng phái để thảo luận về tình hình đất nước. Có lẽ nghĩ rằng cụ Kim, một người không thuộc đảng phái nào, có đủ uy tín để giúp ông thực hiện sự đoàn kết quốc gia đang cần để đối phó với tình hình, ông mời cụ vào Sài Gòn để cùng ông triệu tập hội nghị. Từ ngày về nước, đây là lần đầu tiên ông có một sáng kiến có thể gọi là táo bạo, nên các giới ở miền Nam đã hưởng ứng đông đảo. Các đại biểu và nhân vật tham dự đều thấy bầu không khí phấn khởi, và tinh thần yêu nước chưa bao giờ thể hiện rõ rệt như trong mấy ngày họp. Một trong những vấn đề được đặc biệt chú ý và mang ra thảo luận, là sự gia nhập của Liên Hiệp Pháp. Sau hai ngày bàn cãi sôi nổi, các đại biểu đi đến kết luận là thảo một bản quyết nghị không chấp nhận việc gia nhập Liên Hiệp Pháp dưới bất cứ một hình thức nào, và yêu cầu Quốc Trưởng Bảo Đại xúc tiến việc điều đình với Pháp để kiện toàn độc lập cho Việt Nam.

Vì cuộc tranh luận công khai được theo dõi đầy đủ bởi báo chí trong nước và ngoài nước, dự thảo quyết nghị về vấn đề Liên Hiệp Pháp đã gây nhiều phản ứng trong giới ngoại giao ở Sài Gòn. Một trong những phản ứng mà ít người để ý hay biết đến là Hoa Kỳ. Nhìn lại lịch sử thì có lẽ đây là một trong những bước đầu đánh dấu sự can thiệp của Hoa Kỳ vào vấn đề Việt Nam.

Sự thực thì tôi không giữ một vai trò chính thức nào tại Hội Nghị (lúc đó tôi đang là công chức), nhưng vì tính cách quan trọng của Hội Nghị và cụ Kim được bầu làm Chủ Tịch, nên ông Quát và một số anh em trong các đoàn thể yêu cầu tôi tới giúp cụ trong việc liên lạc với các giới chính trị và ngoại giao ở bên ngoài. Do đó mà sau hai ngày họp, tại một buổi tiếp tân, một người Hoa Kỳ mà tôi đã có dịp quen biết, ông George Hellyer, Giám Đốc Thông Tin của tòa Đại Sứ Hoa Kỳ đến kiếm tôi, và ngỏ lời: "Tôi được biết ông đang giúp cụ Kim tại hội nghị, nên muốn hỏi ông, dự thảo quyết nghị của hội nghị đã thực sự hoàn tất chưa, nếu chưa thì tôi mạn phép có một đề nghị. Hoa Kỳ rất để ý đến thái độ của các đoàn thể chính trị tại hội nghị, nếu không có gì trở ngại, ông nên gặp ông Donald Heath, Đại Sứ của

https://tieulun.hopto.org

chúng tôi, ông ấy có thể nói rõ với ông hơn về phản ứng của Hoa Kỳ về bản dự thảo quyết nghị. Nếu ông đồng ý thì tôi sẽ dàn xếp để ông gặp ông Heath". Sau buổi tiếp tân, tôi trở về nhà thì đã thấy cụ Kim, ông Quát và một số các anh em khác đang họp bàn về những việc phải làm ngày hôm sau. Tôi liền trình bầy với mọi người lời ông Hellyer và dĩ nhiên ai nấy đều đồng ý là có mất mát gì đâu mà không nhận lời ông ta, vả lại nếu được biết rõ quan điểm của Hoa Kỳ qua người đại diện chính thức của họ, thì cơ hội đó không nên bỏ qua.

Cũng như tất cả những người quốc gia hoạt động trong giai đoạn ấy, cụ Kim, bác sĩ Quát và một số đông anh em trong các đoàn thể khác, chúng tôi nghĩ rằng trong cuộc điều đình với Pháp, nếu được Hoa Kỳ đứng về phía Việt Nam, thì đó là một lợi điểm vô cùng quan trọng. Hoa Kỳ vẫn từng tuyên bố là chống chế độ thực dân, ngoài ra lại có truyền thống dân chủ, vì vậy mà chúng tôi coi Hoa Kỳ là một đồng minh tự nhiên có thể giúp Việt Nam tạo một thế đứng với đầy đủ chính nghĩa, giữa Thực Dân Pháp và Cộng Sản. Ai cũng trông chờ vào sự giúp đỡ của Hoa Kỳ trên cả hai phương diện chống Thực Dân và Cộng Sản. Trong những dịp tiếp xúc, người Mỹ lần nào cũng nói một cách hết sức tổng quát là họ ủng hộ lập trường của Việt Nam, nhưng tới mức nào, thì nhiều người Việt, hoặc quá lạc quan, hoặc lập luận quá vội vàng, thường không để ý. Trên trường ngoại giao quốc tế, vấn đề gì cũng có những khía cạnh phức tạp.

Tôi học được bài học ấy ngay sau hôm gặp ông Donald Heath, Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn. Tuy là lần đầu gặp tôi, ông làm như biết tôi từ trước. Với vẻ thân mật và những lời lẽ thật khéo léo, ông nhắc lại là Hoa Kỳ ủng hộ Việt Nam, ủng hộ sự tranh đấu giành chủ quyền của Việt Nam, và với giọng rất nhẹ nhàng, ông cũng thêm rằng, dầu thế Hoa Kỳ vẫn coi nước Pháp là một nước đồng minh, và để tả mối bang giao Mỹ-Pháp ông bảo đó là một "liên hệ đa dạng". Về ý kiến của Hội Nghị Toàn Quốc theo đó Việt Nam không gia nhập Liên Hiệp Pháp dưới bất cứ một hình thức nào, thì ông cho là bản dự thảo quá mạnh và ông gợi ý rằng một thái độ mềm dẻo có lẽ sẽ có hiệu quả hơn. Sau hết để nói thêm về mối liên hệ phức tạp Mỹ-Pháp, ông lưu ý tôi vấn đề Phòng Thủ Chung ở Âu Châu (European Defense Community) là một mối quan tâm lớn của Hoa Kỳ, nên Hoa Kỳ không thể không để ý đến điều đặc biệt ấy. Như vậy có nghĩa rằng, nếu đối với Việt Nam, vấn đề gia nhập hay không gia nhập Liên Hiệp Pháp là một chuyện quan trọng gần như sinh tử, thì đối với Hoa Kỳ, trong khuôn khổ một chính sách toàn cầu, vấn đề đó chỉ có một tầm mức và giá trị tương đối.

https://tieulun.hopto.org

Trong buổi đầu chập chững khi phải giao thiệp với người ngoại quốc, tôi vô cùng thất vọng về thái độ của Hoa Kỳ. Tôi không biết là trong lúc nói chuyện với tôi, người Hoa Kỳ cũng nói chuyện với nhiều nhóm chính trị khác, và kết quả là Hội Nghị Toàn Quốc sau cùng đã biểu quyết chấp thuận một bản quyết nghị tương đối nhẹ nhàng hơn bản dự thảo lúc đầu. Bản quyết nghị mới này tuy vẫn không chấp nhận Liên Hiệp Pháp, nhưng không tuyệt đối chống lại mọi hình thức như trước nữa. Đối với Hoa Kỳ, có lẽ đây là một thắng lợi ngoại giao vì Hoa Kỳ đã đạt được kết quả vừa ủng hộ Việt Nam vừa làm dịu đi được sự quyết liệt của Việt Nam đối với Pháp. Hoa Kỳ đã làm áp lực đúng lúc để giữ thăng bằng trong vấn đề đối xử với cả Việt Nam lẫn Pháp, nhưng đối với những người quốc gia Việt Nam thì đây là một kinh nghiệm. Kinh nghiệm này cũng như nhiều kinh nghiệm khác về sau này cho chúng ta thấy rõ ràng chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ không đơn giản, và cái giá phải trả sẽ rất đắt nếu Việt Nam không để ý đến những mâu thuẫn ngay trong bản chất của chính sách đó.

Trong những ngày có Hội Nghị Toàn Quốc ở Sài Gòn, cụ Kim về ở với chúng tôi tại một căn nhà trên đường Nguyễn Huệ mà chúng tôi mới dọn đến sau khi ở Pháp về. Ông vui mừng là chúng tôi đã có nơi cư ngụ và dự định lưu lại với chúng tôi trong một thời gian. Nhưng rồi ngày vui chóng qua, chỉ độ chừng hơn một tuần lễ sau khi Hội Nghị Toàn Quốc chấm dứt, việc điều đình với Pháp lại tiếp tục, lần này thì tại Pháp. Thế là cùng với đại tá Lê Văn Kim và một phái đoàn gồm có cả bác sĩ Đỗ và hai anh Trần Chánh Thành và Nguyễn Quang Nhạ, chúng tôi lại lên đường đi Ba Lê.

Người ta thường nói vào mùa thu, Ba Lê có một vẻ đặc biệt. Năm ấy tôi không thấy Ba Lê đẹp ở chỗ nào, mà chỉ thấy thời tiết giá lạnh và một bầu trời ảm đạm. Sáng nào phái đoàn cũng đến bộ Quốc Phòng Pháp gần trụ sở của Quốc Hội Pháp bên tả ngạn sông Seine, để thảo luận với một số tướng tá và công chức già của Pháp về những chuyện chi tiết không đâu vào đâu. Những cuộc bàn cãi cứ kéo dài như thế từ tuần này qua tuần khác, gần như không cần biết thế giới bên ngoài ra sao. Rồi một hôm, như tiếng sét đánh, tôi nhận được tin cụ Kim đã từ trần đột ngột về bệnh tim. Tôi hốt hoảng kiếm máy bay về nước, và trên đường về mới nhớ ra Hội Nghị Toàn Quốc là hoạt động chính trị cuối cùng của cụ, và những ngày chung sống với cụ ở căn nhà đường Nguyễn Huệ, là những ngày vui cuối cùng được chia sẻ với cụ.

https://tieulun.hopto.org



Tác giả cùng với cụ Trần Trọng Kim tại Đà Lạt, cuối năm 1953, sau Hội Nghị Toàn Quốc và vài tuần trước khi cụ mất.

Tôi về tới trường bay Liên Khương ở Đà Lạt, thì một chiếc máy khác của Quốc Trưởng Bảo Đại sửa soạn cất cánh để mang linh cữu cụ ra Hà Nội. Tôi chuyển máy bay để cùng với cả gia đình về Bắc. Đám tang của cụ được cử hành trọng thể ở Hà Nội với một đặc điểm là những bài điếu văn đều nói tới cụ như một học giả, một sử gia, một người yêu nước nhiều hơn là một người làm chính trị, và sách vở của cụ cũng được nhắc nhở đến nhiều hơn là thời gian ngắn ngủi cụ làm Thủ Tướng. Riêng đối với cá nhân tôi, thì liên hệ giữa cụ và tôi vượt ra khỏi liên hệ họ hàng bình thường chú cháu. Chúng tôi đã cùng nhau vui buồn qua những thay đổi của đất nước trong thời buổi loạn ly, cũng như qua đời sống hàng ngày, lúc cùng sống dưới một mái nhà. Từ nhiều năm trước, vì hoàn cảnh chiến tranh chia đôi gia đình, tôi đã không sống được gần bố tôi, vẫn thường coi cụ như người cha tinh thần, và được cụ chăm nom, săn sóc như con. Cụ

https://tieulun.hopto.org

giống bố tôi ở chỗ coi thường mọi chuyện, và một câu nói đùa mà cụ thường hay nhắc lại cho tôi và anh Đặng Văn Sung nghe là "ở đời chẳng cái gì ra cái gì". Có lẽ vì thế, cụ khó thành một nhà chính trị. Cụ là một người ngay thẳng, khuôn mẫu, cương quyết không làm những việc mà cụ cho là trái với đạo lý. Một vài sử gia về sau này có viết là khi làm Thủ Tướng, cụ đã bỏ lỡ nhiều cơ hội. Có lẽ về phương diện nào đó, họ cũng có lý, vì cụ không phải là một lãnh tụ hay một chính trị gia và chính cụ cũng nhìn nhận như vậy. Đặc điểm đáng ghi là cụ sống một cuộc đời cần cù, trong sạch. Cụ chịu ảnh hưởng sâu đậm của các tiên hiền trong văn hóa Việt Nam, và của tinh thần yêu nước mà cụ đã thấy rõ hơn ai trong lịch sử, trong khi cụ nghiên cứu để viết cuốn "Việt Nam Sử Lược". Cụ chỉ là một nhà nho kiểu mẫu, tượng trưng cho những giá trị đẹp đẽ cổ truyền của dân tộc. Những diễn biến về sau này qua những thăng trầm của đất nước, cho thấy rằng những truyền thống đó càng ngày càng khan hiếm.

Tang lễ xong xuôi, tôi lại lên đường trở sang Pháp một lần nữa để nối tiếp những cuộc điều đình vô vị với Pháp. Quanh bàn đàm phán, những người Pháp lỗi thời vẫn ù lì, tìm cách kìm hãm những đòi hỏi chính đáng của phái đoàn Việt Nam, trong khi đó thì cách xa mười ngàn dặm, trên chiến trường Bắc Việt, bộ đội Cộng Sản đang thắt chặt vòng vây quanh những đơn vị Pháp tại Điện Biên Phủ.

Giải pháp Bảo Đại đã đưa chúng tôi vào những cuộc đàm phán kéo dài hết năm này qua năm khác, đôi khi không ăn nhằm gì đến thực tế bên ngoài, trong khi đó thì những yếu tố quyết định của chiến cuộc lại nằm ở nơi khác.

https://tieulun.hopto.org

Chương 12
Sự Lựa Chọn Của Quốc Trưởng Bảo Đại

Vào đầu năm 1954, mặc dầu tình hình chiến sự tại thung lũng Điện Biên Phủ càng ngày càng khó khăn cho quân đội Pháp, không ai lúc đó nghĩ rằng một sớm một chiều lực lượng Pháp có thể tan rã. Thực ra thì ngay sau khi Điện Biên Phủ thất thủ, với những tổn thất hết sức nặng nề, quân lực Pháp cũng chưa đến nỗi sụp đổ. Tuy nhiên, ai cũng hiểu rõ rằng trong hoàn cảnh đó, mọi sự ký kết giữa Pháp và chính phủ Bảo Đại sẽ không còn ý nghĩa như trước nữa. Dư luận quốc tế bắt đầu xôn xao và những giới ngoại giao cho rằng có lẽ sẽ có một hội nghị quốc tế về Đông Dương tại Genève, thủ đô Thụy Sĩ. Việc triệu tập hội nghị đó mặc nhiên có nghĩa rằng chiến tranh Việt Nam quá phức tạp, và một thỏa hiệp song phương giữa Pháp và chính quyền Bảo Đại hay giữa Pháp và chính phủ Việt Minh, không còn đủ nữa để giải quyết vấn đề.

Tin chính thức về Hội Nghị Genève được loan báo vào tháng 2, 1954. Phản ứng của người miền Nam lúc đó thật là mù mờ, không ai hiểu rõ tương lai sẽ ra sao. Một mặt, vì kiến thức về chính trị quốc tế quá hẹp hòi, chúng tôi cảm thấy ngại ngùng nếu phải đối phó với một diễn đàn rộng lớn, nhưng một mặt khác lại nghĩ rằng Hội Nghị Genève sẽ là một cơ hội tốt để thoát khỏi vòng kiềm tỏa của Pháp. Kinh nghiệm của những năm về trước trong việc đàm phán với Pháp, đối với chúng tôi là cả một sự thất vọng về những dịp bị bỏ lỡ. Nếu đi Genève, chúng tôi sẽ là những thành viên với một tư thế đại diện chính thức, và lúc đó thì dầu giải pháp Bảo Đại có thất bại, biết đâu chúng tôi lại chẳng còn một cơ may khác để tạo lập một chính phủ quốc gia được quốc tế chính thức công nhận?

Và cũng vì có Hội Nghị Genève mà vấn đề Việt Nam được đưa vào chính trường quốc tế và bản thỏa hiệp giằng co với Pháp từ những năm trước, bỗng nhiên có tầm mức quan trọng đặc biệt, Pháp trở nên dễ dàng, những chi tiết cuối cùng được nhanh chóng thỏa thuận và một thỏa ước được ký kết giữa Quốc Trưởng Bảo Đại và Tổng Thống Pháp Coty vào tháng 6, 1954, công nhận hoàn toàn của Việt Nam. Dầu là do thời cuộc cấp bách thúc đẩy, thỏa ước đó cũng mang lại cho Quốc Trưởng Bảo Đại uy thế của một nguyên thủ hợp

https://tieulun.hopto.org

pháp với đầy đủ chủ quyền về mặt quốc tế công pháp, và chính phủ của ông đã dự Hội Nghị Genève với tư cách đó.

Vì là Quốc Trưởng, ông Bảo Đại không đích thân tham dự Hội Nghị và cử Ngoại Trưởng Nguyễn Quốc Định, làm Trưởng Phái Đoàn, (giáo sư Nguyễn Quốc Định đã từng giảng dạy về Quốc Tế Công Pháp tại Đại Học Paris), nhưng để theo dõi những diễn tiến tại Hội Nghị, ông tới Evian, một thành phố nhỏ trên bờ hồ Leman trên đất Pháp và ở gần Genève, đặt căn cứ tại đó rồi tiếp xúc với những đại biểu của các phái đoàn quốc tế đến tham dự Hội Nghị; trong số đó, người được để ý nhiều nhất là Tướng Bedell Smith, Phó Trưởng Phái Đoàn Hoa Kỳ. Và cũng chính tại Evian, ông bắt đầu dự tính thành lập một chính phủ mới để thay thế chính phủ Bửu Lộc mà theo ông, nhiệm vụ được coi như chấm dứt sau khi thỏa ước với Pháp đã được ký kết.

Từ trước tới nay, ông thường căn cứ vào những thay đổi trong giao thiệp Việt-Pháp mà chọn những người cầm đầu chính phủ. Nhưng với Hội Nghị Genève, thì chính phủ mới phải được thành lập trên một căn bản khác. Đã đến lúc Việt Nam cần phải có một chính phủ đoàn kết quốc gia, có khả năng hoạt động không những ở trong nước mà còn ở môi trường quốc tế, vì bằng cách này hay cách khác thì sau Hội Nghị Genève, Việt Nam cũng bước vào một giai đoạn chính trị hoàn toàn mới mẻ.

Vào cuối tháng 6 và đầu tháng 7, Quốc Trưởng dời Evian và trở về Cannes, nơi ông vẫn thường trú. Vì muốn được rõ thêm về ý định của ông trong việc thành lập chính phủ mới, bác sĩ Quát lúc đó ở Sài Gòn đánh điện yêu cầu tôi theo ông về Cannes. Tôi là người trong nhóm của bác sĩ Quát, lại theo Quốc Trưởng về Cannes, nên cố nhiên ông cũng hiểu rõ là tôi muốn vận động cho bác sĩ. Đã hai lần làm Tổng Trưởng Quốc Phòng và có nhiều liên lạc với các giới ngoại quốc và Hoa Kỳ, ông Quát lúc đó là một nhân vật có uy tín, ngoài ra ông còn có liên lạc mật thiết với nhiều nhóm chính trị khác. Là cộng sự viên luôn luôn làm việc gần ông, tôi nghĩ rằng ông có đủ kinh nghiệm để làm Thủ Tướng, nên quyết định cố gắng thuyết phục Quốc Trưởng.

Trong những người cùng với tôi ở phái đoàn đàm phán với Pháp, bác sĩ Trần Văn Đỗ là người thân hơn cả. Ông vẫn thường coi tôi như đàn em. Tôi rủ ông cùng đi với tôi xuống Cannes, vì không còn việc gì quan trọng ở Paris nữa và cũng vì tôi muốn có người bàn bạc. Ông là người hòa nhã, trầm tĩnh. Trong những tháng trước, trong khi đại tá Lê Văn Kim và tôi chật vật cãi vã với các tướng tá Pháp, thì

https://tieulun.hopto.org

về phần chính trị, ông đã đạt được những kết quả đáng kể bằng thái độ ôn hòa và sự kiên nhẫn của mình. Được sự tiếp tay của ông khi ông nhận cùng đi, thật là cả một sự may mắn cho tôi.

Một hôm, trong khi cùng bác sĩ Đỗ ăn trưa tại một tiệm ăn ở Cannes, tôi thấy một người Việt bước vào. Bác sĩ Đỗ liền kéo tay tôi và nói: "Anh coi kìa, Ngô Đình Luyện đó! Không hiểu anh ta đến đây làm gì và đến từ bao giờ?" Ông Luyện nguyên là em út của ông Diệm và tôi chưa từng gặp ông bao giờ. Tôi nghĩ ngay là việc ông Luyện có mặt ở Cannes chắc chắn không phải là do sự tình cờ. Bác sĩ Đỗ liền đứng dậy và ra nói chuyện với ông Luyện, rồi một lúc sau quay lại giới thiệu hai chúng tôi với nhau. Hiển nhiên, ông Luyện đến Cannes là để dò hỏi ý định Quốc Trưởng và vận động cho người anh là ông Ngô Đình Diệm.

Trong hai tuần lễ kế tiếp, với bác sĩ Đỗ làm trung gian, tôi gặp ông Luyện. Chúng tôi gặp nhau thường xuyên, tuy nhiên có lẽ vì hiểu rõ vị trí của mỗi người, chúng tôi không hề đề cập đến ông Diệm hay ông Quát, và gần như để tránh né vấn đề, chúng tôi bàn đến những chuyện tương lai nhiều hơn. Riêng về phần tôi thì từ nhiều năm trước, tôi vẫn ấp ủ một định kiến là cần phải có đoàn kết giữa những người quốc gia thì mới chống được Cộng Sản. Có lẽ tôi bị ảnh hưởng nhiều bởi ông Trương Tử Anh vì tôi nhớ rõ có lần ông bảo tôi: "Đoàn kết khó lắm, nhưng không có đoàn kết thì khó lòng có thể đánh lại được Cộng Sản". Do đó, tôi trình bày với ông Luyện ý kiến của tôi là phải tạo được sự đoàn kết rộng rãi, và đồng thời phải đưa ra một chương trình cải cách về cả hai mặt kinh tế và xã hội, thì may ra mới có thể đối phó được với Cộng Sản. Cố nhiên trong thâm tâm, tôi vẫn nghĩ rằng ông Quát là người xứng đáng làm Thủ Tướng, nhưng trong lúc nói chuyện với ông Luyện, tôi cho rằng chẳng có lợi ích gì tranh luận với ông về điểm này, và điều quan trọng là làm thế nào để đạt được một thế đoàn kết giữa những người quốc gia. Nhưng chẳng bao lâu sau, tôi thấy rằng ông Luyện không mấy chia sẻ quan điểm có lẽ ngây thơ của tôi. Mỗi lần tôi đề cập đến một nhân vật nào trong hàng ngũ quốc gia, ông đều coi như là không đáng kể. Ông dùng mấy chữ bằng tiếng Pháp để chỉ những người đó. Ông bảo: "Ce sont des intellecuels à la noix!" (Những người trí thức rởm – hay cù lần). Thái độ của ông thật là cao ngạo. Dưới mắt ông thì trừ gia đình của ông ra, mọi người khác đều tầm thường cả, và đây là một cá tính mà sau này mọi người đều thấy rõ ở ông Diệm, ông Nhu hay những người khác trong gia đình họ Ngô. Nhưng dầu ông Diệm có quan điểm nào chăng nữa, thì tôi vẫn cố gắng bảo vệ ý kiến là cần phải có sự đoàn kết trước hết. Tôi

https://tieulun.hopto.org

đã từng sống trong vùng Việt Minh, biết họ tổ chức ra sao và hiểu rõ khả năng của những người như Hồ Chí Minh hay Võ Nguyên Giáp. Ngoài ra tôi cũng thấy họ được sự ủng hộ của quần chúng vì họ chống ngoại xâm, trong khi đó thì những phần tử quốc gia lại có nhược điểm vì bị nghi ngờ là hợp tác với Pháp. Trong hoàn cảnh đó, phần thắng của phe quốc gia sau Genève thật là mỏng manh, nếu không có một chính phủ đoàn kết, được sự ủng hộ của tất cả các thành phần không Cộng Sản. Dần dà, lập luận của tôi có lẽ cũng một phần nào xuôi tai đối với ông Luyện, nên vào lúc chót, trước khi dời Cannes, chúng tôi cũng có một sự thỏa thuận trên nguyên tắc là việc thành lập một chính phủ đoàn kết là điều cần thiết để thực hiện một chương trình rộng rãi về kinh tế và xã hội. Và trước khi tôi trở về Việt Nam, ông Luyện có đưa cho tôi một phong thư gửi về cho ông Diệm, có lẽ để nói với ông Diệm về những gì ông đã thảo luận với tôi.

Trong khi chúng tôi bàn luận với nhau, thì cả tôi lẫn ông Luyện đều có những tiếp xúc riêng biệt với Quốc Trưởng Bảo Đại. Tôi không hiểu ông Luyện tính toán gì với ông Bảo Đại, nhưng tôi biết hai người từng là bạn học và vẫn giữ được mối quan giao hảo đã có từ trước. Về phần tôi thì những câu chuyện nói với Quốc Trưởng cũng không ngoài những điều tôi đã dự đoán. Có lẽ vì bản chất thận trọng, và vì đã được học hỏi qua kinh nghiệm, trong lúc dò xét ý kiến của ông để tìm phương thức vận động cho ông Quát, tôi thường không đi thẳng vào vấn đề. Hơn nữa lâu dần tôi cũng hiểu được tài tránh né của Quốc Trưởng mỗi khi ông không muốn trực tiếp trả lời câu hỏi của người đối diện. Tôi chạy vòng quanh vấn đề, nói tới tương lai Việt Nam sau Genève và nêu câu hỏi ai có thể là nhân vật lãnh đạo hữu hiệu nhất: "Thưa Ngài, Ngài thấy ông Diệm thế nào?" Ông trả lời: "Ông Diệm cũng có thể là một giải pháp, nhưng theo anh, ông Diệm có được Mỹ ủng hộ không?" Tôi hỏi lại: "Thưa Ngài, sao Ngài không hỏi thẳng người Mỹ?" Ông đáp lại ngay: "Có chứ, tôi sẽ tìm hiểu, nhưng nếu anh dò hỏi được thêm thì anh cho tôi biết". Những trao đổi ý kiến giữa ông và tôi đại loại là như vậy, thành thực, thân mật nhưng lúc nào cũng như dò dẫm, đặt vấn đề một cách gián tiếp, và không có gì là dứt khoát cả. Chỉ mãi đến sau khi ông đã chọn ông Diệm làm Thủ Tướng, tôi mới gặp trường hợp nói thẳng với ông. Mà cũng phải vì sự lựa chọn này. Tuy tôi thất vọng vì ông không chọn ông Quát mà lại chọn ông Diệm, nhưng lúc đó tôi chưa hề có thành kiến nào về ông Diệm cả.

Tôi sửa soạn trở về Việt Nam trong khi đang có những cuộc mặc cả quốc tế hàng ngày tại Genève và ngay sau khi ông Ngô Đình

https://tieulun.hopto.org

Diệm đã chính thức được bổ nhiệm làm tân Thủ Tướng thay Hoàng Thân Bửu Lộc. Mặc dầu lúc đó đã có tin là bác sĩ Đỗ có thể sẽ được chỉ định làm Tổng Trưởng Ngoại Giao trong chính phủ mới, và bác sĩ ngỏ ý trước với tôi, muốn giữ tôi lại để cùng đi với ông trong trường hợp ông phải sang Genève, tôi vẫn giữ ý định trở về Sài Gòn vì dầu sao cũng phải gặp ông Quát trước đã. Trước khi lên đường, tôi xin đến từ biệt Quốc Trưởng. Cũng như mọi lần, ông vui vẻ tiếp tôi và cũng không quên hỏi thăm về gia đình cụ Kim. Một câu hỏi tự nhiên lúc đó đến với tôi và tôi hỏi ông liệu ông có tính lúc nào trở về nước không? Ông ngầm nghĩ một lúc rồi trả lời: "Lúc ở Hồng Kông về năm 1948, tôi có hứa là sẽ mang lại độc lập và thống nhất cho dân tộc, nhưng theo tôi thấy thì đất nước đang bị chia đôi. Chừng nào đất nước còn bị chia đôi thì tôi không có ý định trở về". Lúc đó thực sự tôi không nghĩ được đến những chuyện xa xôi và câu trả lời của ông làm tôi vô cùng khó chịu. Đối với tôi, ông cần phải giữ vai trò trọng tài, đứng trên các đoàn thể chính trị trong nước để dung hòa những quan điểm hoặc khuynh hướng khác nhau và tạo thế đoàn kết cho những người quốc gia. Nếu ông không chịu về nước, thì chắc chắn sẽ có nhiều rắc rối và nếu thế thì ai là người có thể thay ông để đứng trên các phe phái giải quyết mọi sự xung đột? Tôi thầm nghĩ lúc đó rằng ông quả thật là người lười biếng, ông chỉ muốn ở lại Pháp để khỏi phải đương đầu với những khó khăn. Quá bực tức, lần đầu tôi tự cho phép phát biểu ý kiến một cách thẳng thắn. Tôi nói: "Thưa Ngài, Ngài cho phép tôi trình bày ý nghĩ của tôi. Lý do Ngài vừa nêu ra, theo thiển ý, chỉ là một cớ để Ngài tránh né trách nhiệm. Mong Ngài thứ lỗi, nếu lúc này Ngài không về nước thì có lẽ rồi đây Ngài sẽ không còn có cơ hội để trở về nữa". Ông Bảo Đại ngó ra chỗ khác và ngồi lặng thinh không nói gì. Vài ba phút sau, để phá tan bầu không khí yên lặng, tôi nói tiếp: "Tôi mong Ngài nghĩ lại và dầu sao tôi cũng mong Ngài sẽ trở về để tôi có dịp xin đến thăm Ngài". Nói xong, tôi xin kiếu từ. Tôi nhớ mãi cảnh giã từ đó ở lâu đài Thorence, Cannes, và khi viết những dòng này (1994), nghĩ lại về một câu nói trong khi nóng nẩy, bực tức 40 năm về trước, tôi thật không ngờ là câu nói đó đã thành sự thực.

Việc lựa chọn ông Diệm có một khía cạnh lịch sử. Nói về ảnh hưởng của Hoa Kỳ đối với quyết định đó, thì không mấy ai không đặt vấn đề, vì ai cũng rõ ông Diệm đã từng sống ở Hoa Kỳ, gây được cảm tình với một số dân biểu, thượng nghị sĩ Hoa Kỳ và đặc biệt Đức Hồng Y Spellman. Thái độ chống Pháp của ông cũng được nhiều người biết. Nhưng nói cho cùng, đối với tôi thì chẳng qua đó cũng là

https://tieulun.hopto.org

chính sách dùng người mà ông Bảo Đại vẫn áp dụng từ trước đến nay; ông chọn người để đối phó với từng giai đoạn một, và ông vẫn tự tin có đủ khéo léo để chọn người đúng lúc và đúng chỗ. Thấm nhuần văn hóa Pháp, ông cho rằng ông biết rõ người Pháp, còn về phía người Mỹ thì ông không biết gì mấy. Ông hiểu rõ là, ảnh hưởng của Pháp sẽ xuống dần và liên hệ với Hoa Kỳ do đó sẽ mỗi ngày một nhiều, nhưng ông không nhìn rõ thấy mối liên hệ đó sẽ ra sao, vì vậy mà ông cần một người được Hoa Kỳ tín nhiệm, và về phương diện này thì ông cho là ông Diệm được Hoa Kỳ tin cậy hơn ông Quát. Theo ông, thì ông Diệm đúng là người của giai đoạn hậu Genève (1).

Một trong những hành động đầu tiên của ông Diệm, là bổ nhiệm bác sĩ Trần Văn Đỗ làm Tổng Trưởng Ngoại Giao trong chính phủ ông vừa mới thành lập. Đối với tôi quyết định này hầu như một triệu chứng tốt theo chiều hướng tôi đã bàn thảo với ông Luyện mấy tuần về trước. Ông Đỗ vốn là chú ruột của bà Nhu, em dâu ông Diệm, nhưng đồng thời cũng là người trong nhóm chính trị của bác sĩ Quát. Ông Đỗ ngỏ lời yêu cầu tôi đi Genève để giúp ông trong nhiệm vụ mới là Trưởng Phái Đoàn của chính phủ miền Nam tại Hội Nghị ở đó. Dĩ nhiên tôi muốn nhận lời, nhưng vì nghĩ lại là tôi dời Sài Gòn đã lâu, vả lại còn có bổn phận phải gặp ông Quát để trình bày mọi việc trước, rồi mới có thể nghĩ đến nhận việc khác được. Ngoài ra tôi còn phong thư của ông Luyện gửi về cho ông Diệm. Vì vậy mà tôi xin phép ông Đỗ trở về Sài Gòn và hứa với ông là sẽ trở lại Genève trong một thời gian ngắn.

Về tới Sài Gòn, tôi gặp ông Quát ngay, nhưng đồng thời cũng xin đến gặp ông Diệm. Hồi còn ở Phát Diệm, tôi đã cùng với những người của ông và người bạn của tôi là anh Lê Quang Luật thành lập một phong trào liên hiệp để ủng hộ ông, nên tôi vẫn coi ông là một lãnh tụ quốc gia đáng kính trọng và có nhiều kinh nghiệm chính trị. Tôi không chờ đợi gì đặc biệt khi tới gặp ông, tuy nhiên tôi nghĩ rằng có lẽ tôi sẽ có dịp thưa với ông về những ý kiến đã được thảo luận với ông Luyện ở Cannes, nhằm mục đích tìm phương thức tiến tới việc đoàn kết những lực lượng quốc gia. Nhưng trong cuộc hội kiến ngắn ngủi của tôi với ông Diệm tại Dinh Gia Long vào cuối tháng 7, những mong mỏi ngây thơ của tôi hoàn toàn tiêu tan. Ngày từ lúc bước vào văn phòng của ông, tôi đã nhận thấy là ông không có ý định bàn luận hay hỏi han điều gì. Ông tiếp kiến rất tử tế, nhưng ông tỏ vẻ hết sức bận rộn. Ông Ngô Đình Nhu, em ông và cũng là Cố Vấn của ông luôn luôn ra vào phòng, nhỏ to bàn chuyện và lưu ý ông Diệm về những giấy tờ cần phải đọc. Khi tôi chuyển cho ông Diệm lá thư của ông

https://tieulun.hopto.org

Luyện, thì ông chỉ xem qua và đưa ngay cho ông Nhu. Vì không thấy hai ông bắt chuyện, tôi nói ngay là ông Đỗ có yêu cầu tôi trở lại Genève. Ông Diệm liền bảo tôi cứ về nghỉ ít bữa, rồi "sẽ có chỉ thị sau".

Khoảng ba bốn ngày sau, một người phụ tá của ông Diệm đến cho tôi hay là tôi không cần phải đi Genève, và một lần nữa bảo tôi là sẽ có chỉ thị sau. Tôi lấy giấy máy bay đi Genève rồi lại phải hủy bỏ, và rồi cũng chẳng có chỉ thị gì. Cả hai ông Diệm và Nhu không muốn tôi đi giúp ông Đỗ mà cũng không có gì cần phải bàn luận với tôi cả. Sự bất ngờ này làm tôi thất vọng. Trong thâm tâm, đã không vui vì không giúp gì được ông Quát, tôi vẫn nghĩ và tin rằng dầu sao thì những người quốc gia cũng phải cố gắng giúp ông Diệm trong nhiệm vụ nặng nề của ông. Niềm tin đó bỗng nhiên thành một ảo tưởng. Tôi giật mình nhận thức rằng quả thực tôi còn thiếu từng trải. Nghĩ lại, lúc ấy mới có 31 tuổi, tôi nhìn mọi việc với con mắt dễ tin của một người tập sự vào đời, chưa hiểu được rằng trong trường chính trị nhiều việc xảy ra không đúng như người ta mong muốn hay suy đoán. Đối với tôi, tôi nghĩ là ai cũng phải thấy rõ rằng miền Nam lúc đó cần phải có một chính phủ đoàn kết quốc gia để thực hiện một chương trình cải cách về kinh tế và xã hội cần thiết nhằm mang lại niềm tin cho người dân. Song những toan tính hay tham vọng của nhân vật lãnh đạo lại là chuyện khác và đây là cả một bài học cho tôi. Tôi bắt đầu suy nghĩ để tìm ra phương thức nào đạt được được ý kiến xây dựng tới những người mà định mệnh đã đưa họ vào cương vị cầm quyền. Đây là một điều mà tôi sẽ có dịp được thực tập về sau này với hai ông Thiệu và Kỳ khi hai ông lên chấp chính.

Hiệp Định Genève được ký kết ngày 20 tháng 7, 1954, chính thức chia đôi Việt Nam làm hai miền, miền Bắc dưới quyền kiểm soát của Việt Minh (lúc đó được gọi là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa) và miền Nam dưới quyền kiểm soát của chính quyền Bảo Đại (lúc đó còn có quân đội Pháp và được gọi là Quốc Gia Việt Nam). Đối với những nhà chính trị có khuynh hướng quốc gia, tuy đất nước bị chia đôi là một điều không ai mong muốn, hiệp định tạo một cơ hội tốt, hơn là một sự mất mát không thể cứu vãn. Vì vậy là một dịp để họ có một cơ chế quốc gia với đầy đủ chủ quyền, được quốc tế công nhận và hoàn toàn không Cộng Sản. Đáng chú ý, là sự thất bại quân sự của người Pháp ở Điện Biên Phủ đã gây cho nhiều người trong vùng quốc gia những cảm tưởng pha trộn, một phần vui mừng vì thấy thực dân Pháp bị đánh bại, nhưng một phần cũng e ngại vì kẻ đánh bại Pháp lại là đối thủ trong cuộc tranh chấp nội bộ, mà ai cũng hiểu là không thể

https://tieulun.hopto.org

tránh giữa những thành phần Cộng Sản và không Cộng Sản. Hiệp Định Genève là một mối lo âu cho tương lai, nhưng đồng thời lúc đó cũng lại là một hứa hẹn.

Hứa hẹn đó tùy thuộc rất nhiều vào ông Diệm và trong giai đoạn ông mới về nước, mặc dầu không mấy ai biết rõ về ông và chỉ được nghe tiếng ông, đại đa số những người quốc gia đều ủng hộ ông. Điều đáng tiếc là ngay từ đầu, thái độ của ông đối với những người muốn cộng tác với ông cho thấy rằng ngoài những người trong gia đình ông hay một vài người thật thân cận với ông, ông không tin và cũng không cần đến ai. Dần dà, tôi đi tới nhận xét rằng thái độ đó, lề lối cai trị đất nước đặc biệt đó được thấy rõ nhiều nhất ở ông Nhu, và ông Diệm cũng không tỏ vẻ gì là không đồng ý với em ông. Tất cả những người quốc gia có tinh thần độc lập đều cảm thấy sự miệt thị đó, vì vậy ông Diệm và gia đình ông đã biến hậu thuẫn mà ông đã có hồi 1954, 1955 thành đối nghịch trong những năm sau.

Đối với miền Nam Việt Nam, đây là một vận hội bị lãng phí bởi những người lãnh đạo. Cũng như sự nhu nhược của ông Bảo Đại đã không giúp gì nhiều cho những người quốc gia trong việc tranh thủ độc lập cho Việt Nam, lề lối cai trị cố chấp và quá thiên về gia đình của ông Diệm và ông Nhu đã chặn đứng cơ hội xây dựng một miền Nam đoàn kết và dân chủ để có thể vận dụng mọi khả năng, và đối phó hữu hiệu với Cộng Sản ở miền Bắc. Hậu quả là miền Nam đã tạo ra một chuỗi dài những chính quyền mà đặc điểm dễ nhận nhất chỉ là một lối chống Cộng tiêu cực, và 20 năm của miền Nam dưới hai chế độ Cộng Hòa lại càng chứng tỏ rằng để đoàn kết tất cả mọi người trong một nỗ lực chung, chống Cộng tiêu cực tự bản chất của nó không hội đủ điều kiện để mang lại kết quả.

Ngay từ lúc đầu, người Mỹ hình như cũng thấy quan niệm của ông Diệm về vai trò và quyền hành sẽ gây nhiều khó khăn cho ông, nên mặc dầu họ vẫn giúp ông củng cố chính quyền miền Nam, họ cũng tìm cách thuyết phục ông mở rộng chính phủ. Đại tá Lansdale, người được chính phủ Hoa Kỳ cử sang Việt Nam để giúp ông và được ông coi như là Cố Vấn riêng, vẫn giữ liên lạc với những giới chính trị ngoài chính phủ.

Cũng như tướng Collins, đại diện của Tổng Thống Eisenhower, đại tá Lansdale thường gặp bác sĩ Quát để trao đổi ý kiến. Cùng với ông Quát gặp người Mỹ, tôi nhận thấy họ dò hỏi những người ở ngoài chính quyền, để góp ý kiến thuyết phục ông Diệm mở rộng chính phủ. Vào đầu năm 1956, cả hai ông Collins và Lansdale củng cố hàn gắn ông Diệm và ông Quát, bằng cách đề nghị

https://tieulun.hopto.org

bổ nhiệm ông Quát làm Tổng Trưởng Quốc Phòng. Họ nghĩ rằng đã hai lần giữ chức vụ này, ông Quát có nhiều kinh nghiệm cần thiết, ngoài ra, biết đâu việc bổ nhiệm ông Quát lại chẳng phải là bước đầu để đi tới một sự cộng tác rộng rãi hơn giữa ông Diệm và những chính trị gia khác? Việc điều đình với sự trung gian của hai ông Collins và Lansdale tiến triển khá sâu vào chi tiết, và có lúc ông Lansdale đã ghé qua nhà tôi và trong khi tôi đi vắng để lại mấy chữ: "Mọi sự tiến hành như chúng ta đã bàn". Nhưng rồi những cố gắng của hai ông rút cuộc cũng chẳng đi đến đâu. Tất cả chúng tôi đều nghĩ rằng ông Nhu là người không muốn chuyện đó.

Việc điều đình giữa ông Diệm và ông Quát thất bại cho tôi thấy rõ ràng tôi không có hy vọng đóng góp gì vào sinh hoạt chính trị lúc đó. Trong nhiều năm liền, những hoạt động của tôi hầu như đưa đẩy tôi vào giữa trọng tâm hoạt động chính trị ở trong nước. Bây giờ tôi có cảm tưởng như người hoàn toàn đứng ngoài lề. Hơn nữa, nếu trở về với thực tế, thì tôi cũng phải tìm cách mưu sinh.



Tác giả đến thăm Cựu Hoàng Bảo Đại
tại tư thất của ông ở Paris, tháng 9 năm 1992

https://tieulun.hopto.org

---

(1) Vào năm 1992, tôi có dịp trở lại thăm Cựu Hoàng Bảo Đại ở Ba Lê. Trở lại chuyện cũ, tôi có hỏi ông về vấn đề này, thì ông trả lời rằng: vào thời kỳ đó, thái độ của Hoa Kỳ cũng không có gì rõ rệt cả, tuy nhiên ông quyết định chọn ông Diệm vì ông cho rằng trong số những nhân vật làm chính trị ở miền Nam lúc đó, ông Diệm rõ rệt là người ít dính líu đến người Pháp trong những năm về sau này, nên có thể dễ được người dân ủng hộ hơn những người khác. Đây là một sự trớ trêu của lịch sự. Những diễn biến về sau này cho thấy khi bổ nhiệm ông Diệm làm Thủ Tướng. Quốc Trưởng Bảo Đại đã tự mình tạo những điều kiện đưa tới sự đào thải của chính mình và cả triều đại nhà Nguyễn. Chắc chắn, lúc đó, ông không có chút gì ngờ vực ông Diệm, một người đã từng làm quan trong triều đình cũ vào đầu thập niên 1930. Ông cho rằng ông Diệm chẳng thế nào nghĩ đến việc lật đổ ông, vả lại bất cứ một Thủ Tướng nào, nếu không còn hữu dụng nữa, thì cũng có thể bị thay thế. Tuy nhiên, trong dịp gặp lại tôi năm 1991, ông không hề tỏ lời oán trách ông Diệm.

https://tieulun.hopto.org

Chương 13
Ông Diệm và Những Thành Phần Đối Lập

Chế độ Ngô Đình Diệm dần dần được củng cố, thì bên ngoài chính quyền, các phần tử quốc gia có tinh thần độc lập như chúng tôi, bị dồn vào một thế càng ngày càng khó cựa. Mặc dầu có thiện cảm với ông Diệm ngay lúc ông trở về nước, nhiều người nhận thấy khó mà giúp ông, vì chính ông cũng không muốn sự hợp tác đó. Ngoài ra, môi trường sinh hoạt chính trị bình thường cũng bị thu hẹp. Về phía người Hoa Kỳ, thì họ vẫn thường xuyên tiếp tục với các giới chính trị Việt Nam để thăm dò dư luận (ngay sau khi hai ông Collins và Lansdale thất bại trong cố gắng môi giới giữa ông Diệm và ông Quát), và nhiều người cũng cho rằng thượng sách vẫn là yêu cầu Mỹ tìm cách thuyết phục ông Diệm. Không phải ai cũng nghĩ rằng tham gia chính phủ mới là hợp tác. Đại đa số chỉ mong có một bầu không khí chính trị dễ thở, tổng tuyển cử tự do, và một Quốc Hội độc lập để mọi người tùy theo hoàn cảnh và khả năng, có thể đóng góp vào công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước. Kể từ ngày Thế Chiến Thứ Hai chấm dứt, hé mở cho người dân Việt Nam hy vọng giành lại độc lập, nhiều người đã sẵn sàng, hăng hái góp phần đạt mục đích đó. Lúc này mục đích gần kề, mà họ không được dịp tham gia phục vụ đất nước, thì quả là trớ trêu và khó chịu đựng.

Nhưng ông Diệm vẫn theo chính sách đóng cửa, và giữ thái độ nghi kỵ nếu không nói là khinh rẻ đối với các giới chính trị, trong khi đó thì ông Nhu lặng lẽ xây dựng một bộ máy để củng cố chế độ. Cũng như nhiều người khác, sau bao nhiêu năm hoạt động, tôi thành một người ngoài cuộc, bị loại ra khỏi chính trường. Tuy nhiên, với con mắt bàng quan của người đứng bên lề, tôi theo dõi những diễn biến dưới thời ông Diệm.

Thử thách đầu tiên đến với ông Diệm, khi ông phải đối phó với nhóm Bình Xuyên, và hai giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo. Dưới thời Pháp thuộc và cả sau khi Cựu Hoàng về nước, những tập thể này vẫn được trợ cấp của chính phủ và nắm quyền tự trị với lực lượng võ trang riêng biệt. Vì không chấp nhận chủ quyền quốc gia bị tam phân ngũ liệt như vậy, ông Diệm quyết định chấm dứt tình trạng này. Vì quyền lợi riêng tư, lại bị một số người Pháp xúi giục, những nhóm trên ra mặt chống đối ông Diệm, do đó mà bùng nổ xung đột. Đối với

https://tieulun.hopto.org

tôi và nhiều người quan tâm đến thời cuộc, ông Diệm hành động hợp lý vì không thể có nạn sứ quân trong một quốc gia, tuy nhiên chúng tôi nghĩ rằng lối giải quyết vấn đề sẽ đưa tới nhiều khó khăn. Ông dùng võ lực để dẹp yên các nhóm đối nghịch. Tướng Bảy Viễn của Bình Xuyên phải chạy chốn sang Pháp, tướng Hòa Hảo Ba Cụt bị án tử hình và Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc của Cao Đài phải lánh sang Cao Miên. Như vậy, trong giai đoạn đầu, ông đã thành công, nhưng nếu nói đến cuộc tranh đấu trường kỳ với Cộng Sản, thì ông đã gây mầm mống cho những mâu thuẫn về sau, và đó là điều mà nhiều người lo ngại.

Ông Diệm là Thủ Tướng đầu tiên được Quốc Trưởng Bảo Đại trao cho toàn quyền hành động, nhưng trên nguyên tắc, ông Bảo Đại vẫn là Quốc Trưởng và vẫn có thể chỉ định một người khác lên thay. Từ tháng 7, 1954 đến giữa năm 1955, qua việc đối phó với Bình Xuyên và các giáo phái, cũng như việc giải nhiệm tướng Nguyễn Văn Hinh (con của cựu Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm và được coi là người thân Pháp), vài lần đã có sự va chạm giữa Quốc Trưởng và ông Diệm. Đã có lần ông Diệm nhận được lệnh của Quốc Trưởng triệu sang Pháp, nhưng ông khước từ. Tình trạng đặc biệt và tế nhị này dĩ nhiên không thể kéo dài mãi. Người ta bắt đầu thấy xuất hiện một số phong trào và tổ chức chính trị đòi hỏi phải "truất phế Bảo Đại", và ít lâu sau, có quyết định của ông Diệm tổ chức cuộc trưng cầu dân ý để chọn giữa chế độ cũ với Cựu Hoàng là Quốc Trưởng, và chế độ Cộng Hòa mới với ông Diệm là Tổng Thống. Không ai rõ tại sao ông Diệm phải có thái độ quyết liệt như vậy. Vì dầu sao ông cũng là người phải "trung quân, ái quốc", trọng đạo quân thần, từng làm quan to tại triều đình Huế, nên không ai cho rằng ông muốn lật đổ Cựu Hoàng. Trái lại, mọi sự nghi ngờ đều đổ vào đầu ông Nhu cả, người được coi là có đủ mọi thủ đoạn đối phó và ứng biến (trong một buổi hàn huyên chuyện cũ với tôi cuối năm 1991, cựu Quốc Trưởng không hề tỏ ý oán hận ông Diệm và chỉ nói là ông Diệm đã bị gia đình ảnh hưởng). Cuộc trưng cầu dân ý được tổ chức vào ngày 23 tháng 10, năm 1955. Một bên là Quốc Trưởng, im lặng, ở xa ngoài mười ngàn dặm, và một bên là ông Diệm với tất cả bộ máy chính quyền trong tay, hàng ngày mô tả đối phương như một hôn quân ham mê tửu sắc. Không một sự bất ngờ nào xảy ra và kết quả tất nhiên là 98,2 phần trăm người đi bầu bỏ phiếu cho ông Diệm và chế độ Cộng Hòa mới của ông. Nếu đây là bước đầu để kiến tạo một nền dân chủ mới cho Việt Nam (như ông Lansdale, cố vấn của ông Diệm, nói với tôi về sau này) thì quả thực tỷ

https://tieulun.hopto.org

lệ 98,2 trên đây có đầy đủ ý nghĩa. Dầu sao thì cũng là một biến cố lớn, đánh dấu một giai đoạn lịch sử Việt Nam.

Một trong những đặc điểm khác nữa, là chiến dịch "Tố Cộng", một chiến dịch được phát động trên toàn quốc ngay sau khi chế độ Cộng Hòa được thành lập, nhằm mục đích tố cáo và lùng bắt những phần tử Việt Minh còn ở lại miền Nam sau Hiệp Định Genève và không chịu ra Bắc. Quả thực thì Việt Minh có để lại người "nằm vùng" khi phải rút về phía trên vĩ tuyến 17. Nhưng chính quyền Diệm lúc đó đã làm cho mọi người hoang mang, lo sợ bị nghi ngờ là Cộng Sản hoặc thân Cộng. Như thế, cũng chẳng khác gì nhiều chính sách mà Cộng Sản thường áp dụng.

Dẫu sao, ai cũng phải công nhận là ông Diệm thành công rõ rệt trong những năm đầu. Ông bình định miền Nam và lật đổ Quốc Trưởng Bảo Đại một cách gọn gàng. Ông đã gạt bỏ được các thành phần chống đối, và ông Nhu cũng tổ chức được đảng Cần Lao để phục vụ chế độ. Cộng vào những thắng lợi này, ông đã đóng góp được nhiều vào việc xây dựng một bộ máy chính quyền có tổ chức. Nhưng nếu nghĩ đến trường kỳ chống Cộng, thì chính sách của ông cũng đã làm suy nhược rất nhiều tiềm lực của miền Nam. Theo chủ quan của tôi lúc đó, ông không đóng góp gì vào việc đoàn kết quốc gia, mà chỉ đưa tới sự phân hóa xã hội miền Nam, gây nên thù oán ngay giữa nội bộ của mình, trong khi đó thì kẻ bên ngoài mới đáng ngại nhất. Chính sách của ông càng ngày càng trở nên áp bức đối với những người trong hàng ngũ quốc gia, những người muốn hoạt động, phải "trùm chăn, chờ thời", chờ gì và chờ đến bao giờ thì không ai biết.

Vào khoảng năm 1956, thì thực sự tôi không còn khả năng chờ đợi nào nữa. Tình cảm gia đình mỗi ngày một khó khăn. Nếu trong những năm trước có dành dụm được chút nào, thì cũng tiêu hết lâu rồi, và mưu sinh trở thành vấn đề cấp bách. Trong lúc tôi còn đang tìm kiếm công ăn việc làm, một số bạn đưa ra ý kiến là nếu kiếm được vốn, thì có thể có sự giúp đỡ về phương diện kỹ thuật của sở Thông Tin Hoa Kỳ, để làm một cuốn phim thương mại đầu tiên hội đủ các tiêu chuẩn quốc tế. Bởi vậy, vấn đề đặt ra là tìm được một cốt chuyện hấp dẫn, rồi nhờ sở Thông Tin Hoa Kỳ điều đình với chuyên viên điện ảnh Phi Luật Tân để thực hiện cuốn phim. Chúng tôi chọn một cốt truyện với bối cảnh là đời sống dưới chế độ Cộng Sản miền Bắc. Tôi say mê làm phim này, vì nghĩ rằng đây cũng là một cách làm ăn tự lập, và nếu không đóng góp gì vào được công cuộc chung, thì ít nhất cũng quảng bá được cho người dân miền Nam biết đồng bào

https://tieulun.hopto.org

miền Bắc phải sống thế nào. Nhưng có kiếm được vốn không? Tôi xoay xở, rủ người này người khác, vay mượn nơi này nơi khác. Lạ lùng nhất là không bao lâu sau, tôi gom góp đủ được một số vốn tối thiểu để bắt tay vào việc. Chúng tôi thành lập một hãng phim lấy tên là Tân Việt Điện Ảnh (bác sĩ Quát là một trong những sáng lập viên và cũng vì vậy mà sau này chính phủ Diệm nghi rằng đây là một tổ chức kinh tài có mục đích chính trị), thuê một người đạo diễn (Manuel Conde) và một số chuyên viên Phi Luật Tân. Đồng thời với một phiên bản tiếng Việt (do tài tử người Việt và anh Vĩnh Noãn làm đạo diễn), chúng tôi cũng cho quay một bản tiếng Phi với hy vọng là mang chiếu ở thị trường rộng lớn hơn ở Phi Luật Tân. Được sự giúp đỡ của quân đội Việt Nam để quay những cảnh liên hệ tới chiến tranh, chúng tôi mất hơn một năm mới hoàn tất được. Ngoại cảnh gồm có bãi biển Long Hải gần Vũng Tàu, cùng với bãi biển và đèo Rù Rì ở Nha Trang. Mặc dầu vất vả, chúng tôi thật vui lòng vì đã thực hiện được một cuốn phim dài đầu tiên, tương đối vững chắc về phương diện kỹ thuật. Tên phim là "Chúng Tôi Muốn Sống", về sau này được tiếng là cuốn phim chống Cộng có giá trị. Tiếng thì có nhưng miếng thì không, và đó là cả một chuỗi dài khó khăn cho gia đình tôi về sau này. Vì thiếu kinh nghiệm, chúng tôi không lấy đủ bảo đảm khi mang phim chiếu ở Phi Luật Tân, do đó mà bản tiếng Phi không mang lại được một đồng xu nhỏ, trong khi đó thì những sự nghi ngờ của chính quyền cũng gây cho chúng tôi nhiều rắc rối, thua thiệt. Tiền thu vào không đủ để bù vào tiền chi, và kết quả là hơn hai năm sau, gia đình tôi lâm vào cảnh nợ nần. Tôi và nhà tôi đều phải đi kiếm việc làm, nhà tôi đi giao hàng cho một hãng sản xuất dược phẩm, còn tôi thì nhận đi dạy học Toán tại một trường trung học tư thục. Cuộc sống thay đổi, tâm trạng nhọc nhằn nhưng ít nhất chúng tôi có được đồng lương đều đặn hàng tháng. Công nợ trả dần, mãi lâu về sau này, chúng tôi mới ra khỏi được cảnh khó khăn mà chính tay tôi đã tự tạo.

Vào cuối thập niên 1950, chính quyền Ngô Đình Diệm càng ngày càng độc đoán, tình hình chính trị ở miền Nam càng ngày càng căng thẳng. Tại trường trung học tư thục Phan Sào Nam, nơi tôi dạy học, từ hiệu trưởng đến giáo sư, hầu như không có người nào là không chống chính phủ. Tôi như ngẫu nhiên gia nhập một tổ chức đối lập. Thực sự thì hiệu trưởng là một người có thành tích hoạt động thuộc đảng Duy Dân nên quy tụ một số bạn cùng khuynh hướng. Hàng ngày đến trường, vào giờ giải lao, xung quanh chén trà và những tiếng rít thuốc lào, chỉ toàn là những mẩu chuyện chỉ trích hay chế giễu chính phủ. Trong số đồng nghiệp lúc đó, có anh Vũ Khắc

https://tieulun.hopto.org

Khoan, anh Phạm Văn Tâm (về sau làm Nghị Sĩ dưới thời Đệ Nhị Cộng Hòa với tên hiệu là Thái Lăng Nghiêm) và anh Nguyễn Phan Châu (cả ba đã là người thiên cổ). Anh Châu là một mẫu người thật đặc biệt. Kỷ niệm sâu sắc anh để lại quả thực khó quên. Anh có dáng dấp hiền hòa, nói năng nhẹ nhàng, nhưng bên trong là một núi lửa cách mạng. Anh là cháu cụ Cử Tạ Chương Phùng, một vị lão thành cách mạng ở miền Trung. Nguyên anh và cụ Cử Phùng là những người đầu tiên ủng hộ ông Diệm lúc ông mới về nước, và tổ chức mang quân từ Phan Rang về giúp ông Diệm khi ông gặp khó khăn trong những năm đầu. Lúc trước anh hăng hái ủng hộ bao nhiêu, thì về sau anh kịch liệt chống đối bấy nhiêu. Anh dạy Việt văn nhưng chỉ để che đậy những hoạt động đối lập của anh, tuy rằng chẳng giấu được ai. Anh đứng đầu một tổ chức chống đối bí mật có căn cứ tại Nha Trang và Phan Rang. Trong những câu chuyện nói với tôi, tuy không bao giờ tôi hỏi, anh vẫn thường chia sẻ những tư tưởng chính trị của anh. Tôi hiểu anh, nhưng về phương diện hành động thì đối với anh, chỉ có một danh từ. Danh từ đó là cách mạng. Nhiều buổi sau khi dạy học, tôi rủ anh về nhà và một đôi khi anh ngủ lại. Rồi cũng có lúc anh bất thần ghé qua, mang theo từng bó truyền đơn, có lần cả bọc thuốc nổ, làm cho nhà tôi lo lắng không ít mỗi khi anh ghé lại với một bọc gì. Nếu không đến trường được, thì thường khi anh báo trước, nhưng một hôm, anh không đến mà cũng không báo. Chúng tôi hiểu ngay là đã có sự gì không may cho anh. Từ đó, chúng tôi không bao giờ nghe nói về anh nữa và chỉ được biết rằng ít lâu sau, người ta tìm thấy chiếc xe cũ của anh ở một vùng sình lầy phía Nam Sài Gòn, và mọi người coi đó như một cảnh cáo gián tiếp của những cơ quan mật vụ.

Đối với những người chưa từng sống ở Việt Nam thời đó, thì mẫu người như anh Châu có thể được coi như kỳ dị. Thực ra, trường hợp của anh chỉ là một trường hợp điển hình của một lớp người trong xã hội Việt Nam lúc đó. Anh có học, có tâm huyết, có tinh thần cách mạng. Tuy coi thường luật pháp, anh thiết tha yêu nước, muốn dồn hết cả tâm trí để phục vụ quê hương. Nếu đất nước thanh bình thì có lẽ anh cũng sống đời giản dị, bình thản của một nhà giáo; thời cuộc, hoàn cảnh đã không cho phép, anh vẫn làm công việc bình thường, hàng ngày dạy dỗ, nhưng phẫn nộ trước những bất công và áp bức của chế độ lúc đó, đã biến anh thành một con người bất chấp nguy hiểm, làm bất kỳ việc gì để đạt mục tiêu cách mạng của mình. Anh tin vào lý tưởng cao cả của anh và người ta có thể ví anh với một nhân vật trong truyện của văn hào Nga, Dostoevski. Tuy nhiên ta biết đến anh

https://tieulun.hopto.org

vì những hành động đặc biệt, trường hợp anh cũng không phải là duy nhất. Trong những thời buổi nhiễu nhương tao loạn, nhiều nhân vật như anh, lắm khi sống ngay trước mắt chúng ta.

Đến năm 1960 thì rõ rệt là đường lối của ông Diệm đưa đến những hậu quả mà nhiều người đã tiên đoán. Trên thực tế, chế độ Cộng Hòa I đã trở thành một chế độ gia đình trị. Nạn tham nhũng, tình trạng ganh đua giữa người này người khác để tỏ lòng trung thành với nhà Ngô (một điều tiên quyết để được chính quyền trọng dụng) làm lũng đoạn cả guồng máy nhà nước, dân sự cũng như quân sự. Tay chân, bè phái của ông Diệm thao túng mọi lãnh vực liên quan đến tiền bạc, và sinh hoạt kinh tế mỗi ngày một khó khăn. Đời sống của người dân nông thôn không những không được cải thiện, họ còn bị bắt buộc tập trung vào những "ấp chiến lược", công việc cầy cấy bị trở ngại rất nhiều. Chỗ nào cũng có mật vụ, trong khi đó thì du kích Cộng Sản càng ngày càng bành trướng, dựa vào sự bất mãn của nông dân.

Trước tình trạng nguy hiểm đó, vào khoảng tháng 4, 1960, một số nhân sĩ có tên tuổi và chính khách độc lập, trong số đó có kinh tế gia Trần Văn Văn, cụ Phan Khắc Sửu, bác sĩ Nguyễn Lưu Viện, luật sư Trần Văn Tuyên, bác sĩ Phan Huy Quát, bác sĩ Trần Văn Đỗ (ông Đỗ từ chức Ngoại Trưởng sau một thời gian ngắn làm việc trong chính phủ), cụ Trần Văn Hương, v.v…, đưa ra ý kiến là cần phải đạo đạt thẳng lên ông Diệm những nhận xét và nguyện vọng về tình hình đất nước. Với sự thúc đẩy tích cực của ông Trần Văn Văn, 18 người có tên tuổi trong nhóm ký vào một bức thư gửi cho ông Diệm. Chú ý là kín đáo nói thẳng với ông, hy vọng rằng ông sẽ chấp nhận một cuộc đối thoại đúng đắn với các giới chính trị, do đó mà lời lẽ hết sức trang trọng ôn hòa, và bức thư không được công bố. Mọi người chỉ yêu cầu ông thay đổi chính sách theo đường lối dân chủ để người dân có thể tin tưởng vào tương lai. Thư được gửi đi, nhưng tuyệt nhiên không có hồi âm, tưởng chừng như không có thư nào cả. Sau một thời gian chờ đợi, và sau khi mọi người đều hiểu rõ là ông Diệm làm ngơ không muốn nói chuyện với ai cả, bức thư được đem ra công bố với báo chí (Thư về sau được gọi là Tuyên Ngôn Caravelle vì được công bố tại khách sạn Caravelle ngay giữa thành phố). Uy tín của những nhân vật đứng tên, thành tích độc lập và chống Cộng của họ, cũng như lời lẽ nghiêm chỉnh, xây dựng gây ngay được tiếng vang và sự ủng hộ tức thời của một phần đông công chúng.

Ông Diệm và chính phủ của ông phản ứng quyết liệt. Bức thư được công bố hôm trước thì hôm sau cảnh sát và mật vụ lùng bắt ngay những người có tên trong danh sách của bản tuyên ngôn, mặc dù họ là

https://tieulun.hopto.org

những nhân vật có tiếng. Bác sĩ Đỗ, chú ruột của bà Nhu là người đầu tiên vào khám cùng với hầu hết mọi người. Vì tôi còn là thành phần ít tên tuổi nên không ký vào bức thư, do đó mà ông Quát trốn được ở nhà tôi một thời gian để đợi cho tình hình dịu xuống. Đặc biệt nhất trong giai đoạn này, là vụ tự tử của nhà cách mạng lão thành và nhà văn nổi tiếng Nguyễn Tường Tam (bút hiệu Nhất Linh trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn). Ông nghĩ rằng có thể ông sẽ bị bắt nên tự tử và để lại thư nói rõ là ông không chịu để chế độ ông Diệm mang ông ra xét xử. Cái chết của ông đã làm xúc động cả nước. Cũng như bao người dân hồi đó, tôi đi theo đám tang, đưa ông về nơi an nghỉ cuối cùng, trong lòng bùi ngùi thương tiếc một bậc đàn anh cách mạng chân chính và một nhà văn có tài.

Bản Tuyên Ngôn Caravelle và cái chết của ông Nguyễn Tường Tam dầu sao cũng chỉ là những hiện tượng phản ảnh tình hình căng thẳng lúc đó và dư luận chung của đại đa số quần chúng đối với chế độ Ngô Đình Diệm. Những thiện cảm mà người ta đã dành cho ông trong những năm đầu, bây giờ đã tiêu tan hết và chế độ của ông chỉ còn tồn tại được bằng võ lực. Đáng lẽ phải tạo sự đoàn kết để mọi người có thể đồng tâm nhất chí, đối phó với những thử thách của Cộng Sản, thì ông và gia đình ông lại gây sự chia rẽ, làm suy nhược tiềm lực của miền Nam trong cuộc đối đầu sinh tử với miền Bắc. Tâm trạng chung trong dân chúng là nếu không chống đối ông, thì cũng thất vọng về ông.

Vào tháng 11 năm đó, 1960, vì không chịu đựng nổi tình trạng khó thở, một số đơn vị Dù đóng tại vùng đô thành Sài Gòn dưới sự điều động của một số sĩ quan cấp Tá, bỗng nhiên bao vây Phủ Tổng Thống. Các ông Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu bị hãm trong dinh. Nhóm đảo chính qua điện thoại với hai ông, đưa ra các yêu sách của họ. Cũng như nhóm Caravelle vài tháng trước, họ chỉ đòi hỏi ông Diệm mở rộng chính phủ, cải tổ bộ máy chính quyền, và thay đổi đường lối để người dân có đủ tự do căn bản. Để có thời gian, ông Diệm tỏ vẻ khoan nhượng, hứa đủ mọi điều, trong khi đó ông tìm cách điều động một số Sư Đoàn trung thành từ vùng 4 về Sài Gòn. Vì quá tin lời ông Tổng Thống, nhóm đảo chính đã bị mắc lừa vì bị dẹp ngay sau khi ông được giải cứu bởi những đơn vị được gọi về. Nhiều người lúc đó nghĩ rằng những người chủ mưu sẽ bị cầm tù, nhưng chắc ông Diệm thế nào cũng phải giữ lời hứa. Sự thực lại trái ngược hẳn. Tai qua nạn khỏi, ông Diệm hoàn toàn không đả động gì đến sự cải cách. Mặc dầu nhóm sĩ quan Dù thất bại, những hậu quả tai hại sẽ còn kéo dài cho đến lúc "nhà Ngô" sụp đổ. Cuộc nổi dậy đã thất bại

https://tieulun.hopto.org

vì thiếu tổ chức, ngoài ra những người cầm đầu cũng quá ngây thơ, nhưng biến cố này cũng cho thấy họ đã làm chủ tình hình ở thủ đô trong 36 tiếng đồng hồ, và chỉ cần có một số đơn vị nhỏ, đặt vào một vài nơi trọng yếu, là có thể đe dọa một chế độ. Vì ai cũng nhận ra là ông Diệm không chịu thay đổi, những người bất mãn, chống chính phủ, trong cả hai hàng ngũ, dân sự và quân sự, bắt đầu đặt câu hỏi: bao giờ thì lại có một cuộc đảo chính khác? Rồi biến chuyển này theo biến chuyển khác, mỗi ngày một nặng nề hơn, như vụ ném bom dinh Độc Lập của hai phi công Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử vào sáng ngày 27 tháng 2, 1962, người dân tin chắc là thế nào chế độ cũng sụp.

Cũng trong hồi này, các giới chính trị bắt đầu xôn xao về một "Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam", lập ra với mục đích quy tụ mọi thành phần bất mãn chống chính quyền Ngô Đình Diệm. Đứng đầu là Nguyễn Hữu Thọ, một luật sư tại Sài Gòn. Nhiều người Bắc di cư vào Nam, từng có kinh nghiệm về chế độ Cộng Sản, nhận ra ngay rằng đấy chỉ là một tổ chức Cộng Sản trá hình nhằm thu hút nhiều bà con miền Nam ngay thật nhưng oán ghét ông Diệm và gia đình ông.

Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam có mang dấu vết rõ rệt của một tổ chức do những người của ông Hồ đặt ra. Ngay từ cuối thập niên 40, chúng tôi ở miền Bắc đã không còn ảo tưởng gì về những danh từ như "Mặt Trận" và "Giải Phóng". Có lẽ nhiều bạn trong Nam vì không rõ gốc tích ông Hồ và chiến thuật của Cộng Sản, lại còn quá bực bội về ông Diệm, nên mới ủng hộ Mặt Trận. Một điều đáng tiếc nữa, là nhiều khi những cuộc tranh luận về tính chất của Mặt Trận lại còn được coi như dịp phơi bầy sự bất đồng giữa người Bắc và người Nam; người Bắc đa nghi, lắm chuyện, người Nam chất phác, bồng bột, dễ tin. Dầu sao, cũng phải đợi đến những năm về sau sự thật mới rành rành khi giới lãnh đạo Cộng Sản (Tổng Bí Thư Lê Duẩn) nói hẳn ra là Đảng đã "tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát" tất cả cuộc tranh đấu tại miền Nam.

Mặt Trận Giải Phóng chính thức thành lập vào cuối năm 1960, song nhiều bộ đội miền Bắc đã xâm nhập miền Nam từ trước, qua ngả Lào và đường mòn Hồ Chí Minh. Hồi đó, vì là người ngoài cuộc, tôi ít có dịp theo sát tình hình, chỉ thấy hầu như các nhóm du kích hoạt động mạnh hơn. Nếu ở miền quê trước kia đi lại dễ dàng, thì nay những vụ phục kích và nổ mìn xảy ra hàng ngày, ngay cả ở thành phố, an ninh cũng hay bị phá hoại.

Mặc dầu tình hình ngửa nghiêng và dân chúng lo âu rõ rệt, sứ quán Mỹ và những người đại diện Hoa Kỳ (Đại Sứ Reinhardt,

https://tieulun.hopto.org

Durbrow và Nolting) vẫn tỏ ra ủng hộ triệt để ông Diệm. Trước kia, những người như ông Lansdale và một số viên chức thường tiếp xúc với các giới chính trị Việt Nam, nhưng đến khi tình hình căng thẳng, họ cố tình tránh né, nại cớ là họ chỉ giao thiệp với chính quyền "hợp pháp", do đó "không tiện" tiếp xúc với các giới đối lập. Dĩ nhiên là trong khi đó, mật vụ chìm và nổi vẫn thường xuyên theo dõi sự đi lại và gặp gỡ của các phần tử chống độc tài gia đình trị.

Thực ra, chúng tôi không chờ đợi gì ở ông Diệm. Nhưng không hiểu tại sao người Hoa Kỳ lại có thể gắn bó với ông một cách chặt chẽ bền bỉ như vậy. Chúng tôi nghĩ rằng chính sách của Hoa Kỳ là ủng hộ dân chủ và cải cách xã hội và kinh tế. Chúng tôi cũng hiểu sự giúp đỡ của Hoa Kỳ đối với ông Diệm, vì hồi đó chính sách gia đình trị của ông chưa lộ rõ. Nhưng đến đầu thập niên 60, thì ai cũng thấy chế độ độc tài của ông khó lòng đứng vững. Như vậy mà Mỹ vẫn cứ tiếp tục bênh vực ông thì quả là khó hiểu. Có lẽ vì người Hoa Kỳ lúc nào cũng tôn trọng những gì gọi là "hợp pháp", ngại những sự xáo trộn và luôn luôn muốn có sự "ổn định", nên chính sách của họ hóa ra cứng đờ, nghiêng lệch một chiều. Thật là điều mâu thuẫn, khi Mỹ phải mang cả uy tín và ảnh hưởng lớn lao của họ để nâng đỡ một giải pháp đã mất hết giá trị tinh thần và hiệu năng thực tế.

Tôi càng bực bội khi nhận thấy là mình hoàn toàn bất lực, không làm gì được. Sau vụ Caravelle, chính phủ đàn áp mọi phong trào phản đối. Nhiều người bị bắt bớ, giam cầm. Ai cũng thận trọng lời nói, tưởng chừng lúc nào cũng có người rình nghe ở đâu đó quanh mình. Tâm trạng chán nản lan tràn, một số người đành cho rằng, nếu muốn thay đổi tình thế, có lẽ chỉ còn trông mong được vào Quân Đội. Trong bầu không khí nặng nề đó, chợt bùng nổ "vụ Phật Giáo", một biến cố kết hợp mọi bất mãn, chính trị, tôn giáo, quân sự…

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 14
Đảo Chính Tháng 11, 1963 Cộng Hòa I Sụp Đổ

Những hoạt động chống đối của Phật Giáo khắp nơi tại Việt Nam mùa hè 1963, một phần nổi lên là do chính sách có vẻ thiên lệch của ông Diệm đối với Công Giáo, đạo gốc của ông và gia đình ông. Trong thời gian ở Hoa Kỳ, ông đã tá túc tại một chủng viện và vì ít giao thiệp với các giới bên ngoài, có lẽ vì ông cảm thấy dễ gần gũi và tin tưởng những người đồng đạo. Nhưng, nếu chỉ có thế, ông đã không gặp những khó khăn tầy trời trong vụ Phật Giáo. Thực ra, bào huynh của ông là Đức Giám Mục Ngô Đình Thục (trước cai quản địa phận Vĩnh Long và về sau làm Tổng Giám Mục tại Huế) mới là người có trách nhiệm nhiều hơn trong cuộc khủng hoảng.

Là anh lớn trong gia đình, Đức Cha Thục là người có rất nhiều ảnh hưởng đối với giới chức cao cấp dân sự và quân sự. Người ta không những kính nể mà còn sợ ông, đến nỗi trong các lễ Công Giáo, những người theo đạo Phật hay không thuộc một tôn giáo nào cả, cũng thấy như bị bó buộc phải theo những nghi lễ mà họ chưa từng quen thuộc. Và nếu nói tới những nguyện vọng hay yêu cầu của Phật Giáo, thì ông thường không chịu nhân nhượng điều gì. Ông đã gây ra nhiều sự hiểu lầm. Nhiều người cho rằng vụ Phật Giáo có thể tránh được nếu không có thái độ thách thức của ông, nhưng sự thực thì bầu không khí lúc đó đã quá căng thẳng và chỉ cần một mồi lửa châm vào là bùng nổ.

Những vụ xáo trộn và bạo động bắt đầu vào đúng ngày Phật Đản, mùng 7 tháng 5, 1963. Tại Huế, trung tâm của Phật Giáo, ngày lễ đã thu hút hàng ngàn người tham dự. Nhà cầm quyền địa phương lại ra lệnh không được treo cờ Phật Giáo, tuy mới vài tuần lễ trước, Công Giáo đã được treo cờ để kỷ niệm 25 năm ngày Đức Cha Thục thụ phong. Sự kỳ thị rõ rệt này gây căm phẫn cực độ trong giới Phật tử, và buổi tối hôm đó, khi nhà chức trách không cho phát thanh những bài thuyết pháp và tường thuật buổi lễ, thì dân chúng lũ lượt kéo đến tụ tập ngay trước Đài Phát Thanh. Rồi, từng loại xe jeep của quân đội kéo tới để đàn áp đám biểu tình. Trong cơn hỗn loạn, 8 người bị thiệt mạng, kể cả trẻ em. Hôm sau, nhiều cuộc đụng độ xảy ra giữa cảnh sát và những người xuống đường chống đối. Cảnh Sát và

https://tieulun.hopto.org

Hiến Binh bao vây chùa Từ Đàm là nơi biến thành trung tâm tranh đấu của Phật Giáo.

Trong khi đó, thì ở Sài Gòn giới lãnh đạo Phật Giáo cũng tổ chức những buổi thuyết pháp kêu gọi biểu tình và đình công bãi thị để ủng hộ đồng bào ở Huế. Từ đầu tháng 6, thì những vụ lộn xộn này xảy ra liên tiếp. Ngày 11 tháng 6, 1963, Phật tử biểu tình đi trên đường Lê Văn Duyệt. Đến đầu ngã tư đường Phan Đình Phùng gần Sứ Quán Cao Miên, một vị Thượng Tọa đã nhiều tuổi bước ra khỏi đám đông và ngồi thụp xuống. Ông đổ xăng vào người và thản nhiên châm lửa tự thiêu. Cử chỉ hy sinh đó của một nhà tu hành, Thượng Tọa Thích Quảng Đức, để phản đối chính sách đàn áp của chính phủ Diệm, đã làm chấn động dư luận trong và ngoài nước, và đẩy cuộc xung đột vào giai đoạn quyết liệt.

Cơn khủng hoảng càng ngày càng trầm trọng. Những cuộc điều đình giữa chính phủ và các nhà lãnh đạo Phật Giáo kéo dài hết tuần này qua tuần khác, có lúc bị cắt quãng rồi được nối lại, nhưng cũng không làm dịu được tình hình. Trong khi đó, những cuộc đồn đại về một cuộc đảo chính lan tràn trong dân chúng. Lần đầu tiên, tôi được biết sự thật trong chuyện này qua một bạn cố tri, tướng Lê Văn Kim (1).

Chúng tôi thường gặp nhau trong một gia đình. Một hôm, vào thượng tuần tháng 7, sau bữa cơm tối tại nhà anh, cũng như mọi người sống trong giai đoạn đó, chúng tôi chia sẻ với nhau mối lo âu về tình hình đen tối. Anh vốn là người hết sức dè dặt, nhưng tối hôm đó, anh hỏi thẳng tôi một câu làm tôi sửng sốt: "Anh quen biết người Mỹ nhiều hơn tôi, liệu anh có thể tìm hiểu được họ nghĩ gì về tình hình lúc này không?" Tôi hiểu ngay ngụ ý của anh. Vì ảnh hưởng lớn lao của Hoa Kỳ, mọi người đều phải công nhận rằng nếu muốn có toan tính gì, thì cũng phải biết rõ thái độ của Mỹ trước đã.

Từ ngày đó, mặc dầu tướng Kim không nói gì hơn, tôi bắt liên lạc lại với vài người Mỹ quen biết từ trước, trong số đó có Rufus Philips mà tôi đã gặp từ năm 1954 khi anh mới sang Việt Nam cùng với nhóm của đại tá Lansdale. Khi xảy ra vụ Phật Giáo, anh đang làm Giám Đốc Chương Trình Viện Trợ Nông Thôn của cơ quan viện trợ Mỹ. Vì là công chức, bề ngoài anh thường dè dặt, nhưng lần này, anh tỏ ra thắc mắc và lo âu về chính sách đàn áp của chính phủ Diệm. Vì thế, trong những dịp gặp anh, tôi không ngần ngại đi sâu vào vấn đề, và trong tình bạn bè tin cậy, anh cũng thẳng thắn nói rõ cho tôi những điều anh biết. Thực ra thì vào những ngày đó (Đại Sứ Nolting đã được triệu về và một Đại Sứ mới, ông Cabot Lodge, đã được cử sang) Hoa

https://tieulun.hopto.org

Kỳ vẫn ủng hộ chính quyền Ngô Đình Diệm, nhưng thái độ chính thức này đã bắt đầu lung lay.

Đó là điều mà tôi ghi nhận được qua nhiều lần tiếp xúc với Rufus Philips và báo giới Mỹ, nhất là với ba ký giả có tiếng: Neil Sheehan của UPI (United Press), Malcolm Browne của AP (Associated Press) và David Halberstam của tờ Nữu Ước Thời Báo. Tất cả những điều thâu thập được, tôi chuyển lại cho tướng Kim. Không bao lâu sau, anh cho tôi biết: quả thực anh cùng với một số tướng lãnh đã kết luận rằng không thể để cho tình thế kéo dài hơn nữa, tuy nhiên họ chưa có một kế hoạch nhất định nào, vì còn phải chắc chắn hơn về thái độ của Hoa Kỳ đối với chính quyền Diệm, nhất là ở trường hợp có đảo chính.

Họ không phải chờ đợi lâu. Đêm 20 tháng 8, 1963, Cảnh Sát Đặc Biệt bao vây và tấn công chùa Xá Lợi, một ngôi chùa lớn, cơ sở đầu não của Phật tử ở ngay giữa thành phố Sài Gòn. Họ tung lựu đạn cay và ập vào chùa trong lúc hơn 400 người đang tụng niệm ở chính điện trước bàn thờ Phật. Tất cả đều bị bắt. Không những thế, chùa chiền và những trung tâm Phật tử ở khắp mọi nơi cũng bị khám xét, và hàng ngàn người bị bắt giữ. Hành động bất chấp dư luận này, đã gây công phẫn cực độ trong giới tu hành và mọi tầng lớp dân chúng. Công phẫn càng tăng, nhất là trong quân đội, khi người ta biết chính phủ đã cho Cảnh Sát hóa trang quân đội trong đêm 20 để gây lầm tưởng là quân đội cũng tham gia đàn áp. Nếu trước kia có nhiều quân nhân Phật tử còn ngần ngại không dám nghĩ đến bạo động, thì sau đêm 20 tháng 8, thái độ của họ đã thay đổi hẳn.

Trong suốt tháng 9, tình trạng hỗn loạn và rối ren vẫn tiếp tục. Hàng ngày, Phật tử và thanh niên biểu tình, tăng ni tự thiêu, và cảm tưởng chung của đa số người, là sớm muộn cũng phải có một cuộc cách mạng, dưới hình thức này hay hình thức khác, thì mới ra khỏi được bế tắc lúc đó. Nhiều người còn nghĩ rằng cuộc cách mạng đó đã thực sự bắt đầu.

Tôi nghĩ đã đến lúc phải thu xếp để tướng Kim gặp thẳng Rufus Philips. Trong giai đoạn khó khăn đó, một việc có tính cách chính trị rõ rệt như vậy, không phải không nguy hiểm. Đắn đo, e ngại mãi nhưng rồi cũng phải liều, tôi đành chọn làm nơi hội họp ngôi nhà nhỏ của một bà con bên ngoại tướng Kim. Căn nhà này ở ngay sau Phủ Tổng Thống và sát với khu đông đúc chợ Bến Thành (thời Pháp thuộc gọi là đường Filipini) nên tôi cho rằng có lẽ ít bị canh phòng. Chúng tôi được cái may là đúng vào hôm đó, thành phố bị lôi cuốn vào vòng hỗn loạn. Phố xá đầy rẫy những người biểu tình, vừa Phật tử

https://tieulun.hopto.org

vừa sinh viên, lại thêm cảnh sát và hàng ngàn người tụ tập đứng coi, không ai còn thời giờ để ý đến chuyện gì khác nữa.

Tôi tới nơi họp cả giờ trước thời điểm ước định, nhìn trước nhìn sau để tránh mọi sự theo dõi. Ngay lúc bắt đầu họp, cả tướng Kim và tôi đều nói rõ với Philips là chúng tôi không coi anh là người môi giới để mưu toan chuyện gì (như trường hợp về sau này của Lucien Conein, người của CIA, với tướng Trần Văn Đôn, một vài ngày trước cuộc đảo chính). Chúng tôi quan niệm đây chỉ là một buổi gặp gỡ, trong tình bạn bè tin cậy, để chúng tôi có thể tìm hiểu về thái độ của Hoa Kỳ nói chung trong lúc tình hình ngày càng thêm căng thẳng. Về phần Philips thì anh cũng cho biết là anh gặp chúng tôi với tư cách cá nhân, một người bạn chân thành của Việt Nam, không có mục đích gì khác là trao đổi ý kiến về tình hình. Vì đã quen biết nhau từ lâu nên bầu không khí hôm ấy thật là thẳng thắn, chân tình. Chúng tôi không ngần ngại, trút bầu tâm sự, trình bày nỗi lo âu trước tình thế khó khăn, gần như không lối thoát lúc đó, dân chúng không còn biết tin tưởng vào đâu; và hỏi liệu chính phủ Hoa Kỳ có sáng kiến gì để giúp cho bầu không khí bớt căng thẳng không. Anh trả lời dù anh không rõ ở cấp cao Washington thì chính sách ra sao nhưng anh tin rằng chính phủ Hoa Kỳ cũng lo âu không kém. Theo anh thì chính phủ Hoa Kỳ hết sức lúng túng, muốn giúp vào việc ổn định tình thế bằng cách khuyên ông Diệm nên bớt cứng rắn, nhưng không thuyết phục được ông; ngoài ra lại còn bị ảnh hưởng bởi áp lực bởi dư luận Hoa Kỳ chống chính phủ Diệm sau khi cuộc khủng hoảng Phật Giáo bùng nổ cùng với những loạt bài báo chỉ trích chính phủ của Hoa Kỳ ở Việt Nam do những ký giả nổi tiếng như Halberstam và Sheehan gửi từ Sài Gòn về. Vì là người chịu trách nhiệm tại cơ quan viện trợ Mỹ về vấn đề nông thôn, anh cũng cho biết là do cuộc khủng hoảng chính trị kéo dài, ở hầu hết khắp mọi nơi, các giới chức địa phương, tỉnh trưởng và quận trưởng không còn để ý đến chương trình Ấp Chiến Lược và đó là mối lo lớn nhất của chính phủ Hoa Kỳ. Đặc biệt nhất trong buổi gặp gỡ hôm đó, cả hai bên cùng không đề cập trực tiếp đến những tin đồn đảo chính mà chỉ trao đổi ý kiến nhiều về ảnh hưởng tai hại của cuộc khủng hoảng đối với công cuộc chống cộng của miền Nam nói chung. Về phương diện này, Philips đặc biệt nhấn mạnh với chúng tôi là tình thế có biến chuyển thế nào chăng nữa, thì chắc chắn Việt Cộng cũng sẽ lợi dụng những chuyện lục đục ở miền Nam, tìm cách xâm nhập ở các địa phương và ngấm ngầm xúi giục những phong trào chống đối ở các thành phố; vì vậy mà các vấn đề Ấp Chiến Lược cần phải được đặt lại. Còn về phía dư luận Hoa Kỳ thì

https://tieulun.hopto.org

nếu cuộc khủng hoảng kéo dài, việc tranh thủ để lấy lại thiện cảm sẽ hết sức khó khăn. Tất cả những ý kiến này, tôi cho là thể hiện mối quan tâm sâu xa của phía Hoa Kỳ mà ít người để ý tới nên ghi trên một tờ giấy để dễ nhớ lại về sau. Sau buổi họp, tôi chờ thêm chừng 15 phút, nửa giờ nữa mới rời khỏi căn nhà. Vừa ra đường được mấy chục bước ngay phía sau dinh Độc Lập, như để thưởng cho một cuộc họp với kết quả hữu ích, tôi ngừng bước, rút ống điếu ra và sửa soạn bật lửa. Tôi giật mình nghe tiếng gọi to từ phía những người lính gác và mật vụ ở bên kia đường. Trong lúc hốt hoảng tôi nghĩ ngay: Thôi chết rồi! Mình bị theo dõi mà không biết. Sờ vào trong túi thì lại thấy ngay mẩu giấy ghi chép mọi chuyện. Tôi đã từng trải qua nhiều nguy hiểm, nhưng quả thực không lúc nào sợ hãi bằng lúc đó. Từ phía bên kia đường, hai người chạy tới. Trống ngực tôi đập thình thình, tưởng rằng phen này thì hết đường chối cãi. Nhưng không! Họ chạy lại vì không có lửa để hút thuốc và thấy tôi có lửa nên chạy lại xin. Thật là một phen hú vía. Giá lúc bấy giờ họ có đòi đến cả ngàn chiếc bật lửa Zippo thì cũng phải chịu. Tôi châm mồi lửa cho họ, chờ cho họ trở về chỗ cũ, rồi nhẩy vội lên một chiếc taxi. Xe chạy được một lúc, tôi thở phào nhẹ nhõm. Lúc ấy mới thật là hoàn hồn.

Như thế là tôi đã thực sự dấn thân, dầu chỉ là một cách gián tiếp. Tướng Kim hoàn toàn không cho tôi biết về những gì nhóm tướng lãnh dự định làm hay đang làm, mà chỉ nhờ tôi theo dõi và phân tích những biến chuyển liên hệ tới thái độ của Hoa Kỳ. Và tôi cũng đồng ý với tướng Kim là tôi không cần phải biết hay muốn biết chi tiết về cuộc đảo chính, vì có biết cũng chẳng giúp ích được gì. Việc mà tôi có thể làm và cần phải làm là suy nghĩ và sửa soạn trước cho những vấn đề mà cuộc đảo chính, nếu thành công, sẽ đặt ra. Tỷ dụ như chính phủ rồi đây sẽ được thành lập ra sao, dựa trên tiêu chuẩn nào, và làm thế nào để tránh vết xe đổ của chính phủ Diệm, thu phục nhân tâm, xây dựng một nền dân chủ thực sự, phát triển đất nước để có thể đối phó được với Cộng Sản. Nếu không làm được những việc đó thì đảo chính cũng bằng vô ích.

Tôi kín đáo mang những vấn đề đó về bàn cãi với một vài người thân như bác sĩ Đỗ, bác sĩ Quát, anh Đặng Văn Sung, v.v… Chúng tôi nghĩ rằng tình trạng bế tắc đòi hỏi trước hết một chính sách mới để lấy lại niềm tin của người dân, gây lại hòa khí giữa các tôn giáo, cùng sự đoàn kết giữa các khuynh hướng chính trị, để dân chủ thành sự thật, chứ không phải là một mỹ tự trên giấy tờ. Nói lý thuyết thì dễ, nhưng soạn thảo được những kế hoạch cụ thể để thực hiện những điều đó mới là chuyện khó, nhất là chúng tôi chưa đủ yếu tố để

https://tieulun.hopto.org

nhận định tình thế, tỉ dụ: tướng Kim sửa soạn hành động, nhưng với những ai? Chủ trương của những người đó thế nào?... Và ngoài nhóm này ra, nghe nói nhiều nhóm khác cũng đang mưu toan riêng biệt mà chúng tôi không biết. Dầu sao thì quan niệm chính trị của tôi lúc đó rất đơn giản. Tôi vẫn thường nghĩ là nếu có tự do tư tưởng, có dân chủ để mọi người có quyền phát biểu ý kiến của mình, và nếu dân chủ được thực thi, những ý kiến dị đồng từ nhiều phía sẽ được dung hòa và sự đoàn kết quốc gia sẽ dễ thực hiện. Quả thực, quan niệm này quá đơn giản, vì thực tế phức tạp của đời sống hàng ngày và thế giới bên ngoài ít khi dành cho người làm chính trị những điều kiện thuận tiện mong muốn. Và điều này phải mãi về sau, trải qua hết kinh nghiệm này đến kinh nghiệm khác, tôi mới dần dần nhận ra.

Cuối tháng 9 năm ấy, chính phủ vẫn bắt bớ giam cầm, còn Phật tử, sinh viên và dân chúng thì vẫn cứ xuống đường biểu tình, những nhóm âm mưu đảo chính vẫn âm thầm hoạt động. Chính phủ hầu như bị tê liệt và không khí càng ngột ngạt. Trong tình trạng ấy, sự liên lạc giữa tôi và tướng Kim gần như bị gián đoạn và chỉ còn gián tiếp qua người nhà hai bên. Ngay giữa những người trong nhóm của chúng tôi, sự đi lại cũng không còn dễ dãi như trước, vì ai cũng lo bị theo dõi, do đó mà việc sửa soạn kế hoạch cụ thể cho cuộc đảo chính bị đình trệ, để rồi đây không còn bắt kịp các biến chuyển dồn dập của thời cuộc.

Về trường hợp cá nhân, thì tôi đã biết bị chú ý từ lâu, không những vì tôi là người hoạt động trong hàng ngũ đối lập, mà còn vì tôi thường hay gặp gỡ giới báo chí ngoại quốc, điều cấm kỵ đối với chính quyền thời đó, tuy nhiên tôi không có cảm tưởng bị theo dõi nhiều. Tình trạng này thay đổi từ ngày bác sĩ Trần Kim Tuyến (Giám Đốc Sở Nghiên Cứu Chính Trị tại Phủ Tổng Thống, tức là ngành Mật Vụ của chế độ Diệm) bị đẩy ra khỏi chức vụ và bị buộc phải đi làm Tổng Lãnh Sự ở Ai Cập, và tôi bắt đầu lo ngại.

Vào khoảng đầu tháng 10, một người trong họ tôi, có liên hệ gần xa với nhân viên Mật Vụ đến báo cho biết những người thay thế bác sĩ Tuyến (trong số đó có người em của bà Nhu là Trần Văn Khiêm) đang sửa soạn một cuốn sổ đen ghi tên những người cần phải diệt trừ, và tên tôi lại ở gần đầu sổ. Người đó năn nỉ tôi nên tránh mặt đi là hơn. Lúc này hình ảnh của anh Nguyễn Phan Châu, người bạn của tôi bị thủ tiêu năm trước, lảng vảng trong đầu óc tôi. Tôi nhớ lại những buổi tối anh ngủ lại ở nhà tôi, và suy nghĩ đến số phận không may của anh. Ngay sau đó, tôi bàn với gia đình và ai nấy đều khuyên tôi là dầu sao cũng phải cẩn thận, tìm cách lánh đi ít lâu xem tình hình

https://tieulun.hopto.org

biến chuyển ra sao, rồi sẽ liệu. Người đầu tiên mà tôi dò hỏi là Ogden Williams, một người Hoa Kỳ đã quen biết từ lâu. Anh ta cũng là người trong nhóm của Rufus Philips trong phái đoàn viện trợ Mỹ và đang sống độc thân trên một căn lầu đường Nguyễn Huệ, chỉ cách nhà tôi vài trăm thước. Hơn nữa, anh lại là người đồng quan điểm với tôi về chính quyền Ngô Đình Diệm. Được hỏi, Williams trả lời ngay rằng tôi nên đến ở với anh một thời gian. Tối hôm đó, thừa lúc đêm tối, với một bọc quần áo nhỏ, tôi nhờ nhà tôi nhòm trước nhòm sau, rồi chạy vội qua công trường Lam Sơn, tới ngủ lại căn lầu của Williams. Sáng hôm sau, vào giờ đã ước định trước, tôi từ trên căn lầu cao nhìn xuống đường thấy nhà tôi đi chợ với một chiếc khăn quàng đỏ quàng trên vai: chiếc khăn đỏ cho biết là không có gì đặc biệt xảy ra. Tôi ở nhà của Williams hơn 10 hôm, sáng nào cũng nhìn xuống đường xem chiếc khăn quàng của nhà tôi có đổi màu không, rồi yên lặng đọc sách và chờ đến khi Williams trở về và cho tôi biết những tin tức ở bên ngoài. Bị giam lỏng giữa bốn bức tường trong khi tình thế bên ngoài sôi sục, tôi bồn chồn, sốt ruột. Một hôm nhà tôi có hai đứa con gái nhỏ sang cho biết là không hiểu tại sao những người mật vụ vẫn thường lảng vảng quanh nhà tôi, tự nhiên biến mất. Đêm đó, tôi liều lẻn trở về nhà.

Về đến nhà, tôi tìm cách liên lạc ngay với tướng Kim, nhưng không được. Trong lúc còn chưa hiểu tình thế xoay chuyển ra sao thì vài hôm sau tôi được tin do người cháu của tướng Kim mang lại, dặn cứ ở yên ở nhà. Rồi buổi trưa ngày 31 tháng 10, 1963, tôi nghe thấy những tiếng súng máy đầu tiên của cuộc đảo chính cùng với tiếng máy bay, bay sát xuống mái nhà gần dinh Độc Lập. Tôi liền quay lại nhà tôi và nói: "Đúng rồi!"

Ngay sau đó, vào lúc 3 giờ chiều, những tướng lãnh cầm đầu cuộc đảo chính, tướng Dương Văn Minh và tướng Trần Văn Đôn (anh vợ của tướng Kim) lên tiếng qua Đài Phát Thanh. Theo tin loan truyền nhanh chóng, thì cuộc nổi dậy lần này được toàn thể Quân Lực tham gia và toàn dân hưởng ứng, trái với lần bao vây dinh Độc Lập cuối năm 1960 do một vài đơn vị Dù cầm đầu. Buổi tối, một Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng được thành lập để tạm thay chính quyền cũ.

Phản ứng đầu tiên của tôi sau khi biết chắc cuộc đảo chính đã thành công là một cảm tưởng nhẹ nhõm vì nghĩ rằng sẽ không còn phải trốn tránh nữa. Tuy chỉ tham gia một cách gián tiếp vào việc giúp tướng Kim theo dõi, phân tích tình hình cũng như đóng góp ý kiến về một số vấn đề tương lai và hoàn toàn không biết nhóm tướng lãnh

https://tieulun.hopto.org

gồm những ai, được tổ chức ra sao, tôi cũng nghĩ một cách mơ hồ là rồi đây một chân trời mới có thể sẽ được hé mở.

Sáng sớm hôm sau, tiếng súng hoàn toàn ngưng hẳn, dân chúng tràn ra đường hoan hô quân đội, nhưng lại có tin bất ngờ động trời là hai anh em ông Diệm bị giết trên chiếc xe chở hai người từ Chợ Lớn về bộ Tổng Tham Mưu. Tôi còn đang hoang mang, không biết còn có sự bất ngờ nào khác không thì tướng Kim gọi điện thoại và mời tôi tối hôm đó lên ăn cơm ở nhà anh. Khi tôi mới tới, anh cho biết ngay là quân đội đã gửi một chiếc máy bay xuống miền lục tỉnh đón bác sĩ Quát về để tham khảo ý kiến. Rồi với một giọng tự nhiên như không có gì quan trọng xảy ra, anh bảo tôi: "Anh thấy không, mọi việc đã gần xong, bây giờ là lúc chúng ta phải xúc tiến những gì đã bàn định".

---

(1) Tôi biết tướng Kim từ nhiều năm trước và bà Kim cũng là bạn thân của nhà tôi. Khi còn là đại tá, tướng Kim và tôi cùng làm việc dưới quyền bác sĩ Quát, Tổng Trưởng Quốc Phòng. Chúng tôi cùng ở trong phái đoàn đàm phán quân sự với Pháp những năm 1953 và 54. Vì lẽ gì tôi không được rõ, nhưng anh không được ông Diệm trọng dụng.

https://tieulun.hopto.org

Chương 15
Cách Mạng Hay Đảo Chính?
Chính Sách Can Thiệp Nửa Chừng Của Hoa Kỳ

Dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa, trong suốt 9 năm, tôi hoàn toàn không dính dáng gì đến chính quyền, còn về hoạt động chính trị thì chỉ là những buổi họp rời rạc giữa một số anh em. Tôi đã được mục kích ông Diệm và gia đình ông chôn vùi hy vọng đóng góp vào công cuộc xây dựng đất nước của một số người đầy thiện chí. Vì đã biết Cộng Sản, chúng tôi tha thiết kỳ vọng một thể chế dân chủ. Cũng vì vậy mà cuộc đảo chính không những là một lối thoát khỏi tình trạng bế tắc, còn là một cơ hội hoạt động. Tuy mãi đến tối hôm 1-11-1963 tôi mới được biết rõ tên những nhà lãnh đạo mới, nhưng liên hệ và tương đồng giữa tướng Kim và tôi, cho phép nghĩ rằng rồi đây chính trường sẽ mở rộng cho các xu hướng và đảng phái chính trị, và việc mời bác sĩ Quát từ lục tỉnh về để tham khảo ý kiến là một triệu chứng phấn khởi. Ba chúng tôi đã từng có nhiều dịp cộng tác với nhau trong quá khứ, vả lại tuy chưa có thời giờ hoàn tất những kế hoạch để kịp mang ra áp dụng, chúng tôi vẫn suy nghĩ nhiều về những vấn đề chung, vì thế tôi mong sớm gặp tướng Kim.

Sau ngày đảo chính, tôi tới nhà anh Kim ăn cơm tối, yên trí rằng có nhiều chuyện để nói. Tiếng súng bên ngoài còn lác đác, nhưng hai anh em ông Diệm đã chết, không ai nghĩ là tình thế có thể đảo ngược trở lại. Câu chuyện của chúng tôi hướng ngay vào những vấn đề trước mắt, tất nhiên có sự thành lập chính phủ mới. Tôi hỏi tướng Kim là Hội Đồng Quân Nhân đã có chủ ý mời ai đứng ra làm Thủ Tướng? Tướng Kim trả lời tôi một cách ngắn gọn: "Ông Thơ" (Vào lúc đảo chính, ông Nguyễn Ngọc Thơ vẫn còn là đương kim Phó Tổng Thống). Thật là một gáo nước lạnh giội lên đầu tôi, làm tôi bật ngửa người. Tôi hỏi rõ lại xem có nghe nhầm không? Rồi không giữ được bình tĩnh, tôi nói luôn: "Chúng ta đang có một cơ hội lịch sử và cần những bộ mặt mới, tại sao các anh lại có thể nghĩ đến ông Thơ được!" Tướng Kim trả lời ngay, đó là quyết định của tướng Minh (tướng Dương Văn Minh, thường được các báo chí ngoại quốc gọi là "Big Minh", là chủ tịch Hội Đồng Quân Nhân) và thêm rằng: "Đối với tướng Minh thì đây là một vấn đề không cần phải bàn cãi" (câu nói bằng tiếng Pháp của tướng Kim, tôi nhớ rõ là: "Pour Big Minh,

https://tieulun.hopto.org

c'est un postulat!). Tới đây thì tôi không còn nhịn được nữa, và bắt đầu to tiếng: "Các anh làm cách mạng để đưa bạn hữu lên cầm quyền thì cách mạng còn có ý nghĩa gì nữa!" Tướng Kim tìm cách vỗ về tôi bằng cách cho tôi biết tình huống phức tạp giữa các tướng lãnh và báo rằng bác sĩ Quát sẽ được mời làm Tổng Trưởng Y Tế. Tin này lại khiến tôi bực mình hơn, vì tôi nghĩ rằng đây chỉ là một khúc xương thừa vứt cho ông Quát; rồi tôi nói với tướng Kim là không cần hỏi ông Quát, tôi cũng biết ông ấy sẽ không nhận.

Mặc dầu hết sức thất vọng, tôi gặp lại tướng Kim nhiều lần về sau và dần dần nhận thấy rằng trong Hội Đồng Quân Nhân có nhiều khuynh hướng khác nhau, và không có triệu chứng nào cho thấy tướng Dương Văn Minh có khả năng lãnh đạo với đường lối rõ rệt. Còn về phần tướng Kim, thì mặc dầu ảnh hưởng của anh trong Hội Đồng Quân Nhân bị giới hạn bởi tinh thần đồng đội, anh thành thực muốn có sự tham gia rộng rãi của nhiều nhân sĩ trực tiếp vào chính quyền, hoặc gián tiếp vào sinh hoạt chính trị. Bởi thế, sau khi hội ý một số anh em, tôi hứa với tướng Kim sẽ cộng tác với Hội Đồng Quân Nhân để thành lập những cơ chế cần thiết cho những hoạt động chính trị bình thường trong một nước dân chủ.

Một trong những quyết định đầu tiên của Hội Đồng Quân Nhân, là bãi bỏ bản Hiến Pháp của Đệ Nhất Cộng Hòa. Mọi quyền hành đều được tập trung vào Hội Đồng Quân Nhân. Một bản tạm ước được công bố và áp dụng trong buổi giao thời. Song đã có những người thắc mắc: thời ông Diệm, có đầy đủ cả hiến pháp và quốc hội mà quyền hành vẫn ở trong tay một vài người, nay chỉ vẻn vẹn có một bản tạm ước thì làm sao quy định rành rẽ được quyền hạn của các tướng lãnh? Đã đành rằng đảo chính tạo một tình trạng đặc biệt, nhưng để tránh những sự lạm quyền, phải nghĩ ngay tới những phương thức sớm chấm dứt tình trạng đặc biệt này; ngoài ra, nếu muốn tránh vết xe đổ của chế độ cũ, thì phải tạo điều kiện để cho những khuynh hướng chính trị và đoàn thể tôn giáo có cơ hội đóng góp ý kiến xây dựng hay chỉ trích chính phủ nếu cần. Cho nên tôi đề nghị với tướng Kim là Hội Đồng Quân Nhân nên thiết lập một thời khóa biểu rõ rệt để thảo một bản hiến pháp mới, đồng thời nên thành lập ngay trong buổi giao thời một cơ chế nào đó, để các giới có một diễn đàn công khai và thảo luận về những vấn đề chung.

Một tháng sau, do quyết định của Hội Đồng Quân Nhân, một hội đồng gọi là Hội Đồng Nhân Sĩ được thành lập. Hơn 70 người có tên tuổi, thuộc hầu hết các thành phần trong nước, kể cả 18 người trong nhóm Caravelle, các đại diện của các đoàn thể chính trị thuộc

https://tieulun.hopto.org

mọi khuynh hướng, và các tôn giáo, Công Giáo, Phật Giáo, Cao Đài, được mời tham gia Hội Đồng. Mặc dầu đây chưa phải là một quốc hội được bầu trong một cuộc tổng tuyển cử và trên thực tế không có quyền hành gì, trong hoàn cảnh bấy giờ có được một diễn đàn công khai, cho một số nhân vật chính trị tự do phát biểu ý kiến, về các vấn đề của đất nước, thì đó cũng là một bước tiến đáng kể, nếu đem so sánh với quốc hội thầm lặng và ngoan ngoãn dưới chế độ trước. Trong những buổi họp của Hội Đồng, có nhiều quan điểm khác nhau được bầy tỏ thẳng thắn, và hàng ngày những thành viên của Hội Đồng gần như thay phiên nhau lên tiếng chỉ trích chính phủ, nhiều khi bằng những lời lẽ hết sức gay gắt. Đặc biệt hơn nữa, là báo chí lúc đó cũng được nới lỏng và được tha hồ đăng tải những tin tức hay những bài tường thuật và bình luận không lợi cho chính phủ. Do đó mà dần dần các tướng lãnh trong Hội Đồng Quân Nhân cũng nhận thấy là họ không thể làm ngơ trước những kiến nghị hay phê bình của Hội Đồng Nhân Sĩ.

Về phần riêng, tôi rất vui mừng vì đã đóng góp tích cực vào việc thành lập Hội Đồng, hơn nữa lại còn được cử làm Hội Viên. Theo tôi thì Hội Đồng có thể là một phương tiện ngăn ngừa sự lạm quyền của những nhà đương cục, một bước tiến tới hiến pháp và quốc hội thực sự dân chủ trong tương lai. Có lẽ vì thấy tôi sốt sắng và hăng hái tham gia vào những việc như soạn thảo nội quy, tổ chức văn phòng, thành lập những tiểu ban chuyên môn, v.v… một số anh em thúc đẩy tôi ứng cử vào một chức vụ trong Văn Phòng Hội Đồng. Tuy nhiên, vì thấy dẫu sao tôi cũng ít tuổi so với nhiều đàn anh, ngoài ra còn e ngại vấn đề phân biệt Nam Bắc vẫn tiềm tàng trong giới chính trị miền Nam, tôi thoái thác và trình bày là nên bầu những nhân sĩ có uy tín của miền Nam vào những chức vụ quan trọng thì hơn. Quan điểm này được nhiều người tán đồng và sau đó ông Trần Văn Văn, một trong những người chủ động "nhóm Caravelle" được bầu làm Tổng Thư Ký, và do lời đề nghị của ông, tôi được bầu làm Phó Tổng Thư Ký để phụ tá ông. Được làm việc với một nhân sĩ miền Nam trong một bầu không khí cởi mở, đối với tôi, là một may mắn chưa từng thấy.

Tại Hội Đồng Nhân Sĩ, tôi được nhiều cơ hội tiếp xúc với gần đủ các giới, nên tôi đo lường được dư luận bên ngoài đối với chính phủ. Nói chung, thì sau những phản ứng bồng bột, phấn khởi vào những ngày sau cuộc đảo chính, nhiều người đã bắt đầu thấy sốt ruột, chưa thấy chính phủ quân nhân mang lại được gì, trong khi đó, thì những vấn đề không được hay chưa được giải quyết càng ngày càng

https://tieulun.hopto.org

chồng chất. Tôi khuyên tướng Kim yêu cầu Hội Đồng Quân Nhân phải có chính sách và những biện pháp rõ ràng để công chúng tin rằng đảo chính là để tìm cách cải thiện đời sống chung, chứ không phải để tranh quyền với ông Diệm. Muốn đạt mục đích đó, thì điều cần thiết là một chính phủ dân sự cai trị trong khuôn khổ một Hiến Pháp.

Gần ba tháng sau cuộc đảo chính, sự ủng hộ của nhiều tầng lớp đối với Hội Đồng Quân Nhân đã giảm sút nhiều. Trước hết, những câu hỏi về cái chết của hai ông Diệm và Nhu (tại sao, ai giết, trong hoàn cảnh nào, v.v…) đã không được các tướng lãnh trả lời minh bạch, ngoài ra, nhiều chân tay cốt cán của hai ông bị loại trừ khỏi những chức vụ then chốt. Tình trạng mới gây nhiều nghi ky, khiến bộ máy chính quyền gần như tê liệt từ trung ương đến địa phương; không những thế, hệ thống hành chính hỗ trợ cho nỗ lực chiến tranh, cũng bị xáo trộn. Hơn nữa, nhiều người Công Giáo cho rằng vì có Phật Giáo chống đối nên mới có đảo chính, nay lại thấy trong Hội Đồng Quân Nhân nhiều tướng tá theo đạo Phật (như tướng Đôn và tướng Kim) nên không khỏi e ngại rồi đây sẽ có kỳ thị chống Công Giáo; mối ác cảm của họ đối với Hội Đồng Quân Nhân càng gia tăng khi họ thấy các tướng lãnh đối xử quá tàn nhẫn với hai ông Diệm và Nhu.

Nhưng đáng ngại nhất, là không ai thấy ở các tướng lãnh một quan niệm nào, hay một sáng kiến xác đáng thiết thực nào về việc cai trị xứ sở, tái lập an ninh, cải tiến xã hội và kiến thiết quốc gia. Tệ hơn nữa, công chúng chỉ nghe nói nhiều về sự chia rẽ trong Hội Đồng Quân Nhân; mỗi người một khuynh hướng, hoặc một tham vọng, với một phe riêng, không có sự đồng tâm nhất chí để có thể đưa tới những hành động tích cực gây tin tưởng trong quần chúng.

Trong suốt thời kỳ này, tôi thường gặp tướng Kim. Mặc dầu anh là người tế nhị, kín đáo và ít nói, tôi hiểu là anh bực dọc về tình trạng thiếu đường lối, thiếu lãnh đạo và thái độ thụ động, buông trôi của Hội Đồng Quân Nhân. Chiến tranh vẫn tiếp diễn mà thực sự không có người nào chịu trách nhiệm. Tướng Minh đặt một số người chân tay của mình vào vài địa vị then chốt, nhưng rồi cũng không đủ khả năng để thúc đẩy họ làm việc. Tướng Kim tỏ vẻ nản lòng, vì bất lực không lay chuyển được tình thế. Ít lâu sau, vào giữa tháng 1, 1964, anh xin trở về phục vụ quân đội và được bổ nhiệm làm Tham Mưu Trưởng, không còn dính dáng gì đến phần vụ chính trị trong Hội Đồng Quân Nhân. Không may cho anh, ngay quyết định rút lui này cũng bị một số người ngờ vực, cho là anh muốn củng cố quyền hành bằng cách nắm giữ quân đội.

https://tieulun.hopto.org

Ngày tháng trôi nhanh, tuần trăng mật cũng qua mau, chôn vùi cả nỗi hân hoan lẫn niềm tin của những ngày đầu sau cuộc đảo chính, để nhường chỗ cho một bầu không khí lãnh đạm và hoài nghi. Trong dư luận, có người đã đặt câu hỏi: "Phải chăng biến cố tháng 11 chỉ là một cuộc thay bậc đổi ngôi?" Và có người đã trả lời ngay là: "Đây chỉ là một cuộc đảo chính, người mới đến, người cũ đi, chứ đâu có phải là cách mạng!" Rồi lần lần mọi người đều phải kết luận rằng lại thêm một cơ hội bị lãng phí.

Có lẽ vì chủ quan nghĩ rằng nay ông Diệm không còn thì còn điều gì phải lo? Hơn nữa, ngoài quân đội ra, còn ai đảo chính được, nên trong giới cầm quyền không ai nghĩ đến đề phòng sự gì bất trắc. Nhưng biến cố chợt xảy ra.

Sớm ngày 30 tháng 1, 1964, tướng Nguyễn Khánh và một vài tướng lãnh khác, trong đó có tướng Trần Thiện Khiêm, điều động một số đơn vị dưới quyền kiểm soát của họ, tổ chức một cuộc đảo chính mới được gọi "chỉnh lý", nhằm mục đích lật đổ Hội Đồng Quân Nhân cũ do tướng Dương Văn Minh lãnh đạo. Vì mưu toan bí mật và hành động đột ngột, họ thành công dễ dàng, không cần đổ một giọt máu, và những tướng lãnh có thế lực như Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim, Tôn Thất Đính, Mai Hữu Xuân bị bắt và mang lên giam ở Đà Lạt vì lý do thân Pháp và có khuynh hướng "trung lập hóa" theo De Gaulle. Sự thực thì đây chỉ là một cớ được bịa đặt, để che đậy tham vọng của một nhóm người muốn nắm trọn quyền hành trong tay. Sau ngày chỉnh lý, được hỏi về bằng chứng thân Pháp của những người bị bắt, nhất là Trần Văn Đôn và Lê Văn Kim, tướng Khánh không đưa ra được một bằng chứng cụ thể nào, và đến cuối năm 1964, sau một buổi họp bàn tại Đà Lạt, bốn tướng bị giam cầm được bạch hóa và trả lại tự do. Dầu sao, nhóm tướng lãnh cầm đầu cuộc đảo chính tháng 11 năm 1963, sau ba tháng cầm quyền, bị gạt ra ngoài để nhường chỗ cho một người mà ít ai biết giá trị hay thành tích ra sao. Một cuộc phiêu lưu chính trị bắt đầu, đưa miền Nam vào vòng hỗn loạn, một trong những nguyên nhân chính khiến Hoa Kỳ trực tiếp can thiệp vào Việt Nam năm 1965. Nếu tướng Dương Văn Minh đã tỏ ra thiếu khả năng lãnh đạo thì ngược lại tướng Nguyễn Khánh chứng tỏ là người biết "mượn gió bẻ măng" trong thời buổi nhiễu nhương để nhảy lên cầm quyền. Những múa may, xoay xở của ông trong thời gian ngắn ngủi một năm (1964) chỉ làm đảo lộn một tình thế đã suy sụp.

Tướng Khánh lên cầm quyền thì tất nhiên tôi lại trở về sống đời thường dân. Trước hết về liên hệ của tôi với tướng Kim thì chính giới cũng rõ, nếu phe Nguyễn Khánh không bắt tôi, thì cũng là may

https://tieulun.hopto.org

cho tôi rồi. Ngoài ra Hội Đồng Nhân Sĩ cũng không còn nữa, nên tôi quay về với dự định làm một tờ báo tiếng Anh mà tôi đã bắt đầu sửa soạn từ một hai tháng trước. Dưới thời ông Diệm, tại Sài Gòn có một nhật báo Anh ngữ là Times of Vietnam. Tuy chủ nhiệm là một người Mỹ, nhiều độc giả biết tờ báo là cơ quan ngôn luận của chính quyền, và những bài xã luận đả kích Hoa Kỳ thường phản ảnh quan điểm của vợ chồng ông Nhu. Sau cuộc đảo chính, thì tòa soạn bị phá hủy và báo bắt buộc phải đình bản. Vì để trám vào chỗ trống đó mà tôi cố gắng xuất bản một tờ báo Anh ngữ khác. Có đôi chút kinh nghiệm hồi 1951 ở Hà Nội với tờ Quốc Dân, và được sự cộng tác của một vài bạn, tôi liền vay mượn, gom góp một số tiền và khởi sự ngay, với tờ báo mới lấy tên là Saigon Post. Gây dựng một tờ báo từ phút ban đầu là một nỗ lực vô cùng vất vả trong nhiều tháng trời, nhưng cũng may là tôi say mê với công việc nên dần dần cũng khắc phục được mọi khó khăn. Lúc đầu thì được anh Trần Lý Thích giúp đỡ, rồi sau lại có thêm anh Trần Nhã giúp việc, hàng ngày tôi dành hết thời giờ vào việc chọn tin, viết bài, đặt tít, theo dõi thợ typo sắp chữ (lúc bấy giờ mọi thứ đều bằng tay), duyệt xét lại một lần chót, rồi đợi cho đến hai ba giờ sáng, khi báo đã lên khuôn và đưa ra nhà in thì mới về nhà, ngủ vật ra như chết đến ngày hôm sau.

Mải miết với Saigon Post, tôi gần như quên hẳn là một lần nữa tôi đã không còn trực tiếp dính dáng gì tới chính trường Việt Nam nữa. Nhưng ngẫm ra, thì sao có thể như vậy, khi làm chủ nhiệm và chủ bút một tờ báo? Vả lại, có lẽ đó cũng là cái "nghiệp" buộc tôi vào sinh hoạt chính trị ngay từ thuở tôi hãy còn là sinh viên 20 năm về trước. Làm điện ảnh thì cũng có ngụ ý lên án chế độ Cộng Sản, đi dạy học thì cũng phải chọn một môi trường chống đối, và bây giờ làm báo, thì tránh sao những tin tức hay bình luận về thời sự và các vấn đề chung, do đó trực tiếp hay gián tiếp đụng chạm đến chính sách, chính quyền? Nói cho cùng thì cuộc đời của tôi cũng chẳng khác gì đời sống của đa số đồng bào. Từ thập niên 1940 trở đi, các biến cố đã không tha gia đình nào, và cũng chẳng để cho ai an thân, an phận. Dưới hình thức này hay hình thức khác, từ thập niên này qua thập niên khác, mọi người đã thành nạn nhân của chính trị và chiến tranh.

Nếu nhìn lại những biến chuyển dồn dập từ năm đảo chính chống ông Diệm, thì phải kể đến những hậu quả tai hại mà chính quyền ngắn ngủi của tướng Khánh đã mang lại cho miền Nam Việt Nam. Trong suốt năm 1964, chỉ thấy xuống đường biểu tình, hết của Phật Giáo lại của Công Giáo hay của sinh viên, chính phủ thì thay đổi vài ba lần, từ Tạm Ước đến Hiến Chương Vũng Tầu, bầy ra rồi lại

https://tieulun.hopto.org

xóa đi như trò đùa, ấy là chưa kể những vụ sôi nổi như xử bắn ông Ngô Đình Cẩn (lãnh chúa miền Trung), bắt giam và mang lên Pleiku các nhân sĩ trong Thượng Hội Đồng, hoặc những đảo chính hụt cứ vài tháng một lần. Thật là một cảnh hỗn loạn chưa từng thấy, làm cho mọi người ngao ngán. Nếu trước ngày lật đổ ông Diệm, nhiều người đã mong xây dựng một miền Nam dân chủ và đủ mạnh để đương đầu với Cộng Sản thì hy vọng đó cũng sớm tan biến.

Kể về cơ hội, thì không phải là dân tộc Việt Nam không có. Nếu chỉ nói đến lòng dân muôn người như một, quyết tâm trong ý chí muốn giành lại độc lập cho đất nước, đầu óc vẫn còn trong trắng chưa bị vẩn đục bởi chủ thuyết này hay chủ thuyết khác, thì đối với những ai đã dự ngày lễ Hùng Vương do các sinh viên Việt Nam tổ chức tháng 3 năm 1945, và chứng kiến khí thế hăng say trong buổi lễ, thì đó là cơ hội đầu tiên, một cơ hội bằng vàng cho dân tộc. Tiếc thay, mấy tháng sau, Cộng Sản đã quá say mê chủ thuyết của họ và lợi dụng cơ hội để lồng những quan niệm như giai cấp đấu tranh, chuyên chính vô sản, v.v… vào cuộc tranh đấu chống Pháp, đưa đất nước vào cuộc chiến tranh tương tàn.

Nếu nói tới cơ hội riêng cho những người không chấp nhận chủ thuyết Cộng Sản, thì phải kể đến: giải pháp Bảo Đại năm 1949, Hiệp Định Genève năm 1954 và chính quyền Ngô Đình Diệm, cuộc đảo chính năm 1963. Trong tất cả các trường hợp, phía quốc gia đã không may và không có được những lãnh tụ với tầm vóc mà mọi người dân chờ đợi. Đành rằng, trong lịch sử không phải lúc nào cũng có những nhân vật đáp ứng được nguyện vọng của dân. Với những khiếm khuyết của họ, nếu những người như Cựu Hoàng, ông Ngô Đình Diệm, tướng Dương Văn Minh hay tướng Nguyễn Khánh thất bại, thì điều đó cũng không khó hiểu.

Điều mà tôi vẫn cố gắng tìm hiểu từ trước tới nay là chính sách của Hoa Kỳ. Hoa Kỳ can thiệp vào Việt Nam liên tiếp trong nhiều thập niên, ngay từ sau Thế Chiến II, qua thái độ của họ đối với Pháp trong chiến tranh Pháp Việt trước Hiệp Định Genève, và sau này qua sự can thiệp trực tiếp của họ để ủng hộ chế độ Ngô Đình Diệm và các chính phủ kế tiếp. Dĩ nhiên động cơ chính của họ trong các giai đoạn trên là "ngăn chặn" không cho Cộng Sản bành trướng ảnh hưởng ở Đông Nam Á (containment policy), nhưng trung thành với truyền thống dân chủ, họ luôn luôn cổ súy cho tự do. Vấn đề được đặt ra, là với ảnh hưởng lớn lao, tại sao họ không giúp đỡ được Việt Nam? Đúng hay sai, một số người Việt đổ lỗi cho Hoa Kỳ, và cho rằng nếu những người quốc gia thất bại không xây dựng được một

https://tieulun.hopto.org

miền Nam dân chủ và vững mạnh để có thể đối phó với Cộng Sản, thì những thất bại đó cũng là của Hoa Kỳ. Sự thực thì Việt Nam đã thất bại vì thiếu lãnh đạo và Hoa Kỳ đã thất bại vì không có chính sách rõ rệt hoặc nếu có, thì cũng là nửa vời. Thái độ của người Hoa Kỳ đầy mâu thuẫn, lúc nào cũng như đi trên dây, giữa hai thái cực, can thiệp và không can thiệp. Chính phủ Hoa Kỳ dường như không xác định được thế nào là can thiệp hay không can thiệp, do đó mà nhiều khi đã đặt cả Mỹ lẫn Việt vào những trường hợp bất lợi.

Điển hình nhất cho tình trạng trên đây là cuộc đảo chính chống ông Diệm. Về phía Việt Nam, những tướng lãnh cầm đầu cuộc nổi dậy đã không để cho người Hoa Kỳ biết rõ những chi tiết về kế hoạch, vì thận trọng nhưng cũng vì không muốn mang tiếng là bị Hoa Kỳ giật dây, tuy rằng trên thực tế ai cũng rõ là khó có thể lật đổ ông Diệm nếu không có sự đồng ý của Mỹ. Trong suốt thời gian sửa soạn, những người chống đối ông Diệm đã kín đáo dọ dẫm tìm hiểu thái độ của Hoa Kỳ vì họ cần biết trước hết là một khi ông Diệm không còn, Hoa Kỳ có tiếp tục viện trợ kinh tế và quân sự cho Việt Nam nữa không? Mới đầu thì còn là những ám hiệu gián tiếp, nhưng về sau thì rõ rệt là họ "bật đèn xanh" cho cuộc đảo chính sau khi người liên lạc giữa Đại Sứ Cabot Lodge (Lucien Conein, nhân viên của cơ quan tình báo CIA) và tướng Đôn, cho biết là Hoa Kỳ không ngăn cản…

Dẫu hai bên đều hết sức kín đáo trong việc tiếp xúc, ai cũng nghĩ rằng sự dính líu của Hoa Kỳ là chuyện dĩ nhiên. Và đến khi đảo chính thành công, thì đối với dân chúng lúc đó đang chống đối ông Diệm, sự can thiệp của Hoa Kỳ còn được hoan nghênh vì đáp ứng mong mỏi của mọi tầng lớp.

Đây là lần đầu tiên mà Hoa Kỳ can thiệp cương quyết và trực tiếp vào nội bộ Việt Nam. Trong những năm về trước, cả thời người Pháp còn ở Việt Nam, Hoa Kỳ không có chính sách rõ rệt nào cả. Ngay từ sau Thế Chiến II, những phần tử quốc gia Việt Nam đã thường coi Hoa Kỳ như một đồng minh tự nhiên trong cuộc tranh đấu đòi lại độc lập và chống Cộng Sản, nhưng chính sách của Hoa Kỳ không đơn giản như niềm tin của nhiều người. Thời Quốc Trưởng Bảo Đại, thì Hoa Kỳ vừa ủng hộ Việt Nam vừa nể Pháp vì cần đến Pháp tại Âu Châu (1).

Thời Ngô Đình Diệm thì cũng chẳng khác: vừa ủng hộ ông Diệm, vừa muốn có chế độ dân chủ ở Việt Nam, nhưng đến khi chính phủ của ông Diệm giam cầm bắt bớ những người đối lập, thì Hoa Kỳ làm như không biết. Hoa Kỳ ngại "xáo trộn", luôn luôn muốn có "ổn định chính trị" mặc dầu ổn định chính trị nhiều khi đồng nghĩa với

https://tieulun.hopto.org

đàn áp và bóp nghẹt dân chủ. Và cũng theo chiều hướng đó mà Hoa Kỳ viện cớ tôn trọng chính phủ "hợp pháp" của Việt Nam, và cắt đứt liên lạc với những phần tử đối lập. Từ đó, tôi vẫn nghĩ rằng Mỹ không biết mình thực sự muốn gì, để có một chính sách dứt khoát. Trong vấn đề Việt Nam vào thời điểm trước khi có Hiệp Định Genève, nếu theo truyền thống của họ thì họ phải giúp cho Việt Nam có độc lập và dân chủ; nhưng nếu theo "chính trị địa lý" thì họ lại phải nhẹ tay với Pháp. Tôi phân vân không hiểu Hoa Kỳ có nhận thức rằng với vai trò lãnh đạo thế giới, chính sách nào cũng bao hàm một sự can thiệp dưới hình thức này hay hình thức khác hay không và mỗi thái độ của họ, dù chủ động hay thụ động cũng đều có ảnh hưởng đến nước khác hay không. Nếu những người hoạch định chính sách của Hoa Kỳ nhìn nhận hiện trạng toàn cầu liên đới, và quyền lợi thiết yếu của Hoa Kỳ gắn liền với một thế giới ổn định, thì vấn đề không còn là có nên can thiệp hay không, nhưng là can thiệp thế nào?

Cho đến ngày có cuộc đảo chính tháng 11 năm 1963, chủ trương chính thức của Hoa Kỳ là không can thiệp vào vấn đề nội bộ của Việt Nam, nhưng chủ trương đó đã tỏ ra hoàn toàn vô hiệu bất lực, trước một tình thế sa sút mạnh, và hậu quả là đến mùa thu năm ấy "không can thiệp" đã trở thành "can thiệp", một sự can thiệp miễn cưỡng, nửa chừng. Thật vậy, sau khi đã bật đèn xanh để các tướng lãnh khởi sự, Hoa Kỳ hình như vẫn còn do dự: bất đắc dĩ thì can thiệp nhưng can thiệp ít chừng nào hay chừng nấy, và nếu cần thì sẽ phủ nhận. Không may thay, can thiệp cũng như thai nghén. Nếu đã không có thai nghén nửa chừng, thì cũng không có can thiệp nửa chừng. Vì muốn cầm chừng, Hoa Kỳ (và đặc biệt là Đại Sứ Hoa Kỳ Cabot Lodge, người có trách nhiệm tại chỗ) đã không tìm hiểu nếu ông Diệm bị lật đổ, thì những lãnh đạo mới có bản lãnh thế nào? Họ đã quyết định đổi ngựa giữa dòng mà không cần biết ngựa mới ra sao. Thay vì tiếp tay với các tướng lãnh để tạo một tình thế tốt đẹp hơn trước, thì họ lại khoanh tay ngồi nhìn. Rút cuộc, thay ông Diệm là một nhóm tướng lãnh thiếu ý thức và kinh nghiệm chính trị, lại bị phân hóa, rồi mấy tháng sau, một ông tướng khác cướp lại chính quyền, tất cả như đóng hề trên sân khấu. Mọi lỗi lầm đều được đổ lên đầu Mỹ. Hoa Kỳ vừa bị mang tiếng là đã chủ mưu lật đổ một lãnh tụ đồng minh mà chính Hoa Kỳ đã ủng hộ trong chín năm liền, vừa phải đối phó với một cục diện nát bấy, và đầy đe dọa.

Thực ra những gì đã xảy ra không phải là không thể tránh. Như sự thể đã cho thấy, Đại Sứ Cabot Lodge đã nhắn nhủ các tướng lãnh Việt Nam qua trung gian của Lucien Conein, là Hoa Kỳ sẽ không

https://tieulun.hopto.org

ngăn cản cuộc đảo chính. Tại sao không nhắn nhủ thêm như: "Phía Hoa Kỳ không lấy gì làm hài lòng đối với ông Diệm, nhưng liệu quý ông có chủ trương hay chương trình gì để cải thiện tình hình sau cuộc đảo chính không? Nếu quý ông lo lắng cho tương lai của Việt Nam, thì chúng tôi cũng quan tâm không kém, bởi thế chúng tôi mong biết quý ông sẽ làm gì sau cuộc đảo chính". Các tướng lãnh Việt Nam lẽ nào không hiểu, vả lại một khi đã quyết tâm đảo chính, thì càng cần hợp tác với Hoa Kỳ.

Gần như chứng nào tật ấy, những mâu thuẫn trong chính sách của Hoa Kỳ sau ngày đảo chính, vẫn tiếp tục như trước và được thể hiện rõ rệt nhất qua mối liên hệ giữa tòa Đại Sứ Hoa Kỳ và nhóm quân nhân cầm quyền. Đại Sứ Cabot Lodge làm như người bàng quan đứng nhìn, để mặc cho mọi việc trôi qua, trong khi đó thì từ vụng dại này đến lầm lẫn khác, Hội Đồng Quân Nhân, vừa bất lực vừa chia rẽ làm mất dần niềm tin của dân chúng. Chẳng những không tiếp tay giúp đỡ, Hoa Kỳ lại còn tỏ vẻ bực dọc đối với các lãnh đạo mới. Nhân một cuộc viếng thăm Việt Nam vào tháng 12-1963, ông McNamara, Bộ Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ, trong một buổi họp với các tướng lãnh Việt Nam đã bằng một giọng trịch thượng và xách mé đặt câu hỏi: "Ai là người cầm đầu trong nhóm các Quý Vị ở đây?" Dầu có nhịn nhục đến mấy chăng nữa, thì các tướng lãnh Việt Nam hôm đó chắc cũng khó mà quên được thái độ kia, thiếu hẳn tế nhị, gây ác cảm khi Mỹ-Việt đang cần cộng tác với nhau.

Trường hợp thiếu thông cảm trên đây có lẽ là lỗi của cả hai phía, nhưng đã tạo ra một cơ hội thuận tiện cho tướng Nguyễn Khánh nhảy ra chính trường (2).

Tướng Khánh lên cầm quyền sau cuộc chỉnh lý vào cuối tháng 1-1964. Thế là một lần nữa trong vòng ba tháng. Việt Nam lại đổi ngựa, và cũng như lần trước, Hoa Kỳ cũng không biết gì hơn về tướng Khánh, mặc dầu uy tín của họ bị ràng buộc vào nhân vật mới.

Nói cho cùng thì Hoa Kỳ chỉ muốn một tình trạng "ổn định" nên chỉ cần có một người lèo lái vững chắc, không cần biết người đó có đáng giúp hay không. Do đó trong những ngày đầu, tướng Khánh được coi như là một "người hùng" (tạm dịch hai chữ strong man) đáng tin cậy. Rồi ông McNamara lại được phái sang Việt Nam để nói lên sự ủng hộ của Hoa Kỳ đối với vị lãnh đạo mới của Việt Nam. Ông McNamara đi liền với tướng Khánh trong mấy ngày kinh lý và hai người đã cùng giơ cao nắm tay, hô khẩu hiệu "Việt Nam Muôn Năm!" (3)

https://tieulun.hopto.org

Hoa Kỳ quả nhiên đã quá vội vàng, không thấy rõ căn bản bấp bênh của cuộc chỉnh lý cũng như của người cầm đầu. Ngoài cái khôn khéo lợi dụng thời cơ, tướng Khánh chưa có uy tín để gây lại niềm tin đã mất nhiều, sau ba tháng cầm quyền của Hội Đồng Quân Nhân. Khi ông McNamara giơ cao nắm tay cùng với tướng Khánh có lẽ ông nghĩ là như thế, ông giúp tướng Khánh bằng cách tỏ rõ cảm tình của Mỹ và do đó nâng cao uy tín của tướng này. Nhưng thực tế về sau đã chứng tỏ rằng những hời hợt bề ngoài không đủ bù đắp vào những thiếu sót của người lãnh đạo Việt Nam, cũng như của chính sách đầy trái ngược và nửa vời của Hoa Kỳ.

---

(1) Coi chương 10 và lời của Đại Sứ Donald Heath nhắn nhủ những người quốc gia Việt Nam không nên quá quyết liệt với Pháp trong vấn đề Việt Nam gia nhập Liên Hiệp Pháp, tháng 10, 1953.
(2) Theo tài liệu mật của Hoa Kỳ thì ông Cabot Lodge không dính líu gì đến cuộc chỉnh lý, tuy nhiên ngay sau đó, ông có tuyên bố "như thế là thoát nợ" (that is good riddance), tỏ ra chẳng ưa gì tướng Dương Văn Minh.
(3) Không hiểu vì tiếng Việt Nam khó nói, hay vì người giúp ông học tiếng Việt Nam không giúp ông nói đúng giọng Việt, nên cứ mỗi lần ông McNamara hô "Việt Nam Muôn Năm", thì người ta lại nghe ra là Việt Nam muốn nằm, làm mọi người cười rộ.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 16
1964, Một Năm Hỗn Loạn

Vào mùa xuân 1964, chính tình ở miền Nam thật là bấp bênh. Chính phủ của tướng Khanh lên cầm quyền sau cuộc chỉnh lý, cũng không có đường lối gì rõ rệt hơn Hội Đồng Quân Nhân mấy tháng trước, ngoại trừ những lời tuyên bố có tính cách đại cương: như chống Cộng, chống trung lập, hoặc thiếu thực chất như "Bắc Tiến", và một số thay đổi về nhân sự ở trung ương và địa phương. Trong khi đó, Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam gia tăng hoạt động quấy phá khắp mọi nơi. Về phương diện chính trị, một trong những quyết định của chính phủ mới là giải tán Hội Đồng Nhân Sĩ thành lập sau cuộc đảo chính tháng 11, 1963; ông Trần Văn Văn, Tổng Thư Ký của Hội Đồng và tôi được tướng Khánh mời lên và cho biết như vậy. Thực ra thì hai chúng tôi và các giới chính trị ở Sài Gòn không chờ đợi một thái độ cởi mở của người mới lên nắm quyền, nên chúng tôi cũng không ngạc nhiên về quyết định này. Ra về sau buổi họp, ông Văn nói đùa: "Họ mời mình lên để khai tử Hội Đồng, như thế cũng đã là tử tế lắm rồi!"

Hồi đó, tờ Saigon Post mà tôi đã thành lập từ mấy tháng trước, không những đã vượt được những khó khăn buổi đầu mà còn có nhiều triển vọng. Mặc dầu còn cần nhiều cố gắng về bài vở và ấn loát, tôi không phải có mặt từ sáng đến tối tại tòa báo nữa. Những điều kiện sinh sống của tôi cũng tương đối được dễ dàng hơn trước, do đó mà trong đầu óc tôi nẩy ra ý kiến là ra ngoại quốc một chuyến để mở rộng tầm mắt có lẽ sẽ bổ ích hơn là lẩn quẩn ở Sài Gòn, khi chưa có triệu chứng gì là thời cuộc sẽ sáng sủa. Rồi từ đó mọi chuyện hầu như được duyên may sắp xếp.

Ít lâu sau, một hôm được mời tới dùng cơm tại nhà một bạn ký giả Hoa Kỳ Neil Sheehan tổ chức (1), tôi ngồi cạnh một người mới sang làm Giám Đốc Sở Thông Tin Hoa Kỳ, Barry Zorthian. Từ chuyện này qua chuyện khác, Zorthian cho tôi biết 1964 là năm bầu Tổng Thống Hoa Kỳ, nên sẽ có nhiều nhà báo từ nhiều nước trên thế giới sang thăm Hoa Kỳ theo một chương trình của chính phủ (Leadership Program). Tôi liền hỏi ngay: "Liệu với tư cách là người của Saigon Post, tôi có thể được mời không?" và Zorthian trả lời: "Tôi chắc là sẽ không có vấn đề gì vì ở đây mọi người đều biết ông

https://tieulun.hopto.org

cả. Nếu ông muốn đi thì chỉ cần chính thức yêu cầu, chúng tôi sẽ làm mọi thủ tục cần thiết". Không bỏ lỡ cơ hội, ngay ngày hôm sau tôi viết thư cho Sở Thông Tin Hoa Kỳ, và chỉ một tháng sau, tôi đã nhận thư mời chính thức của Đại Sứ Cabot Lodge. Thật là mau chóng và may mắn lạ thường, và không hiểu có sự phối hợp nào giữa hai tòa Đại Sứ Anh và Mỹ không, ngay sau lá thư của ông Lodge, tôi nhận được lời mời của Hội Đồng Văn Hóa Anh Quốc (British Council) viếng thăm Anh Quốc sau chuyến sang Mỹ. Tôi vội vàng chuẩn bị cuộc hành trình, và trong cơn nôn nóng chờ đợi giấy phép xuất cảnh của chính phủ Việt Nam, tôi nhớ ra rằng ông Diệm đã không cho tôi trở lại Genève với bác sĩ Đỗ năm 1954. Trong mười năm liền, tôi đã không rời khỏi Việt Nam, mười năm chật vật trong việc sinh sống hàng ngày cũng như về phương diện chính trị. Ra đi lần này, tôi có cảm tưởng như bắt đầu một giai đoạn mới trong đời, được một dịp mà vẫn mong đợi, là viếng thăm Hoa Kỳ, một nước mà tôi chỉ biết qua sách báo, nhưng chưa từng được thấy tận mắt.

Thực ra, tôi muốn ra ngoài lúc đó không phải chỉ vì muốn thay đổi không khí khó thở ở trong nước. Sang Mỹ để quan sát tại chỗ đời sống của người dân Mỹ là điều tôi hằng mong muốn. Từ thuở còn cắp sách đi học, tôi đã từng đọc nhiều sách, báo về Hoa Kỳ, theo dõi những biến chuyển đưa đến Thế Chiến II, sự tham chiến của Hoa Kỳ bên cạnh các nước đồng minh. Tôi đặc biệt có cảm tình với Tổng Thống Hoa Kỳ lúc đó là ông Franklin D. Roosevelt vì ông là người chủ trương không để cho Pháp trở lại Đông Dương và đề nghị đặt Việt Nam dưới quyền quản trị tạm thời của Liên Hiệp Quốc. Tôi đã theo dõi ông John F. Kennedy khi ông ra tranh cử Tổng Thống, rồi cảm thấy vui mừng khi ông đắc cử. Ngày nhậm chức, ông đọc một bài diễn văn đầy hứng khởi, xác định rõ với tin tưởng, vai trò của Hoa Kỳ trong công cuộc bảo về tự do, giúp các dân tộc khác trên thế giới; bài này khiến tôi và nhiều người quốc gia khác tin nhiều hơn vào thiện chí của người Mỹ. Do đó mà mặc dầu nhiều khi tôi có thắc mắc về chính sách của Hoa Kỳ, tôi vẫn nao nức khi lên đường. Thật quả, tôi trông chờ nhiều quá đến nỗi khi máy bay dần dần hạ cánh xuống phi trường San Francisco, tôi cảm thấy như thất vọng vì nhìn xuống thì cũng vẫn là những vũng nước và đồng cỏ chẳng khác gì ở Việt Nam.

Vì theo chương trình ấn định trước, tôi đến San Francisco và chỉ ở đó có vài giờ đồng hồ rồi sau chuyển máy bay đi Hoa Thịnh Đốn. Giữa mùa hè oi ả của thủ đô Hoa Kỳ, ngay ngày hôm sau tôi đã đòi đi thăm mộ ông Kennedy. Đứng trước mộ ông, tôi nghĩ đến

https://tieulun.hopto.org

những khía cạnh tốt đẹp của chính sách Hoa Kỳ, rồi từ ý này liên miên sang ý khác, tôi lại nghĩ đến những mâu thuẫn của Hoa Kỳ như đã từng thấy ở Việt Nam?

Tôi ở lại thủ đô hơn hai tuần lễ, thăm những bạn Mỹ mà tôi đã quen biết trước đây tại Việt Nam; qua sự giới thiệu của họ tôi cũng gặp một số nhân vật trong hai giới báo chí và chính trị, trong số đó có những người mà lúc đó tôi không ngờ là về sau sẽ giữ vững vai trò trọng yếu như Thượng Nghị Sĩ Humphrey, về sau trở thành Phó Tổng Thống và ứng cử viên Tổng Thống, Dân Biểu Ford, sau làm Phó Tổng Thống và Tổng Thống, Dân Biểu Bush, sau làm Phó Tổng Thống và Tổng Thống, v.v… Thực sự thì những sự gặp gỡ đó là do các bạn Mỹ sắp xếp, vì họ thấy tôi muốn tìm hiểu Hoa Kỳ. Chẳng ai nghĩ rằng những người quen thuộc trong dịp này, rồi đây sẽ giúp tôi rất nhiều khi tôi trở lại làm việc tại Hoa Thịnh Đốn.

Vì 1964 là năm bầu cử Tổng Thống ở Hoa Kỳ, với tư cách một nhà báo ngoại quốc, tôi được mời tham dự Đại Hội của đảng Cộng Hòa tại San Francisco (để chỉ định một ứng cử viên ra tranh cử với Tổng Thống đương nhiệm L.B. Johnson). Mãi đến trung tuần tháng 7 mới có Đại Hội, nên tôi còn nhiều ngày để đi du ngoạn, vì vậy mà một bạn là Đặng Đức Khôi lúc đó đang ở Hoa Kỳ, đưa ra ý kiến là nếu đã có thời giờ thì tại sao không đi bằng xe hơi để có cơ hội tiếp xúc và tìm hiểu đời sống hàng ngày của dân Mỹ, sống xa những đô thị lớn hay Hoa Thịnh Đốn? Tôi thuận và mấy hôm sau, chúng tôi thuê một chiếc xe hơi và bắt đầu cuộc hành trình băng qua lục địa Hoa Kỳ từ Đông sang Tây.

Chúng tôi thay phiên nhau lái chiếc xe Chevrolet đi ngược lên phía Bắc, qua thành phố Nữu Ước rồi lên thăm thác nước nổi tiếng Niagara ở miền giáp giới với Gia Nã Đại; rồi từ đó quay ngang về phía Tây thăm Đại Học Michigan ở Ann Arbor (lúc đó có một số sinh viên Việt Nam học tại đây). Sau Michigan là cả những chuỗi ngày dài lái xe qua những cánh đồng bát ngát của miền Trung Tây Hoa Kỳ (Mid-West). Những tia nắng ngày hè lấp loáng trên cỏ cây tạo nên những ảo ảnh chẳng khác gì nhìn vào mặt nước trên những con đường trải nhựa. Hai bên là những ruộng ngô và lúa mạch mông mênh đến tận chân trời. Trời mùa hè vô cùng nóng nực. Chúng tôi đi suốt cả 12, 13 ngày đường, đêm ngủ ngày đi, chỉ ngưng lại để ngắm cảnh và qua đêm ở những quán trọ (motel) nhỏ ở dọc đường. Thời tiết đã vậy, nhưng đến ăn uống thì vấn đề lại càng gay go hơn nữa. Vốn quen những bữa cơm rau dưa cà mắm, mà bây giờ hết ngày này qua ngày khác phải nuốt những thứ khô khan như hamburger với hot dog thì

https://tieulun.hopto.org

làm sao mà bụng không cồn cào, nổi loạn? Trong lúc lái xe chúng tôi thường tự hỏi không hiểu làm cách nào để có được một bát cơm giữa nơi xa lạ này, với những bộ mặt và thức ăn khô khan? Nhưng rồi, chúng tôi cũng tìm ra cách để tạm giải quyết vấn đề. Bất cứ tới đâu, mỗi khi bóng chiều đã ngả là chúng tôi tìm ngay đến chỗ nào có điện thoại công cộng, và nhảy vào để tìm trong cuốn điện thoại niên giám những tên hoặc là Tcheng hay Fong hay Lee vì chắc chắn đó là tên và địa chỉ của những tiệm Tầu ở địa phương. Nhiều khi không có, và phải đợi tới thành phố kế cận, nhưng gặp may thì cũng kiếm được một tiệm nhỏ bé tại chỗ. Tôi còn nhớ một hôm đi cả ngày mệt nhọc lại bị xe trục trặc, nên trời tối đen mới tới được một quận lỵ nhỏ cách thành phố Denver chừng 50 dặm. Chúng tôi đành phải ngừng chân tìm quán trọ để qua đêm. Nơi đây đối với chúng tôi tựa hồ như thâm sơn cùng cốc, chưa có một "chú con trời" nào bén mảng đến cả vì trong cuốn điện thoại niên giám không tìm được một tên tiệm Tầu nào. Chúng tôi đang thất vọng, chán ngán, trên con đường trở về chỗ trọ, thì chợt thấy một chú nhỏ chạy qua, trông không có vẻ gì là Mỹ con cả. Chúng tôi bám sát chú nhỏ về nhà, thì quả nhiên là một tiệm Tầu nhỏ vừa làm tiệm giặt ủi vừa làm tiệm ăn với vài ba cái bàn đủ chỗ ngồi cho độ chừng mươi người. Mặc dầu trời đã về khuya, sau khi nghe chúng tôi kể khổ, hai vợ chồng ông chủ tiệm cũng cho chúng tôi được hai bát cơm chiên và một tô mì. Không ngờ hôm ấy chúng tôi được một bữa ăn ngon không kém gì cao lương mỹ vị.

Sau thành phố Denver, chúng tôi thẳng hướng Tây qua một thị trấn nhỏ Bakersfield thuộc tiểu bang California, phía bờ biển Thái Bình Dương, rồi lần theo bờ biển ngược lên Big Sur, Carmel và San Francisco vừa kịp ngày Đại Hội của đảng Cộng Hòa.

Đây là lần đầu tiên tôi có dịp được nhìn tận mắt những sinh hoạt dân chủ tại Hoa Kỳ. Cũng vì là lần đầu tiên, mọi thứ đối với tôi đều mới lạ cả. Tôi chờ đợi là khi đến dự Đại Hội thì sẽ được dịp học hỏi về những thể thức lựa chọn người thay mặt cho đảng ra tranh cử với ứng cử viên của đảng Dân Chủ. Tôi mong sẽ được hiểu rõ những sự dị biệt giữa hai đối thủ Barry Goldwater (thuộc khuynh hướng cực hữu) và Nelson Rockfeller (thuộc khuynh hướng ôn hòa). Tôi chờ đợi những sự tranh luận gay go. Nhưng đến lúc nhìn vào những sinh hoạt của Đại Hội thì chỉ thấy một cảnh ồn ào, những đoàn đại biểu của các tiểu bang với quần áo đủ màu, mang cờ quạt và biểu ngữ hò hét ở giữa hội trường. Thỉnh thoảng có một đại biểu lên diễn đàn, song diễn văn nào cũng chỉ có tính cách cổ võ, chứ không có gì gọi là thiết thực. Giá gọi là chợ phiên, thì có lẽ đúng hơn là đại hội chính trị. Tôi quay

https://tieulun.hopto.org

lại hỏi người hướng dẫn, thì được trả lời rằng: tất cả những gì trông thấy chỉ là phần trình diễn bên ngoài, còn phần quan trọng (như chương trình tranh cử, ai hội đủ phiếu của các đại biểu để trở thành ứng cử viên chính thức của đảng) thì đã được quyết định qua những sự bàn cãi và thỏa thuận từ trước trong hậu trường. Tôi ở lại dự Đại Hội cho đến ngày cuối và chứng kiến đảng Cộng Hòa chỉ định Thượng Nghị Sĩ Barry Goldwater thuộc phe cực hữu, ra tranh cử với ứng cử viên của đảng Dân Chủ là Tổng Thống Lyndon B. Johnson. Kinh nghiệm mấy ngày Đại Hội tuy không có gì đặc biệt, nhưng cũng giúp cho tôi hiểu rõ hơn về lập trường của đảng Cộng Hòa đối với vấn đề Việt Nam, một lập trường vững chắc hơn của đảng Dân Chủ, nếu nói về mặt chống Cộng.

Tôi trở lại Hoa Thịnh Đốn đầu tháng 8 đúng vào lúc thủ đô đang xôn xao về tin hai khu trục hạm của Hoa Kỳ là Turner Joy và Maddox bị các hải đĩnh của Bắc Việt tấn công khi đang tuần tiễu ngoài hải phận quốc tế tại vịnh Bắc Việt. Bầu không khí trong các giới chính trị và báo chí Hoa Kỳ, vốn hết sức bén nhạy căng thẳng trong mùa bầu cử, lại càng sôi nổi về những tin này. Cũng vì vậy mà ngẫu nhiên tôi được chứng kiến một khúc quanh quan trọng của chính sách Hoa Kỳ đối với Việt Nam: Quốc Hội bỏ phiếu chấp nhận một quyết nghị mang tên là "Quyết Nghị Vịnh Bắc Việt" (Gulf of Tonkin Resolution), mà nhiều sử gia Hoa Kỳ coi là bước đầu sự can thiệp trực tiếp của Hoa Kỳ vào chiến tranh Việt Nam. Về sau này một số người thiên tả Hoa Kỳ kêu rằng chính Hoa Kỳ đã gây hấn, và chính phủ Hoa Kỳ cố thêu dệt thêm sự việc để lấy cớ can thiệp vào Việt Nam nhưng sự thực thì chính quyền Johnson lúc bấy giờ cũng ở vào một tình trạng khó xử. Đúng vào lúc đang tranh cử, ông Johnson không thể nào tỏ vẻ mềm yếu hơn ứng cử viên Cộng Hòa, Thượng Nghị Sĩ Goldwater, người có một thái độ hết sức cứng rắn đối với Cộng Sản Bắc Việt. Lúc ông Johnson đưa quyết nghị ra Quốc Hội thì toàn thể Hạ Viện, không thiếu một người, bỏ phiếu chấp thuận và ở Thượng Viện chỉ có hai phiếu chống. Từ đó ông gần như được toàn quyền hành động, và sau đó, khi ông ra lệnh cho Không Quân oanh tạc Bắc Việt, thì không ai ngạc nhiên cả. Đối với riêng tôi lúc đó thì thật là không còn nghi ngờ gì nữa, cả hai đảng, Cộng Hòa và Dân Chủ và tất cả Quốc Hội cũng như dư luận đã đồng lòng phải đối phó quyết liệt với Cộng Sản Bắc Việt. Trong một bài tường thuật về cho tờ Saigon Post tôi viết: "Xem ra, cả nước Mỹ, phe Dân Chủ cũng như phe Cộng Hòa, đều cùng theo đuổi một chính sách là chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa Cộng Sản. Rõ ràng là chính quyền

https://tieulun.hopto.org

Johnson đã quyết tâm đi sâu vào cuộc, vì trong chính sách đối với Việt Nam, họ không còn ngại gặp phải sự chống đối với phía Cộng Hòa nữa".

Cuối tháng 8, tôi rời Hoa Kỳ sang Anh Quốc. Năm 1952 và 53 tôi đã có dịp thăm nước này, nhưng chỉ là ghé qua Luân Đôn một bữa hai bữa, nên lần này tôi định dành nhiều thời giờ để đi thăm nhiều nơi và British Council (một tổ chức bán công có liên hệ đến bộ Ngoại Giao), cũng đã có một chương trình đầy đủ để tôi đi mọi nơi và tiếp xúc với các giới chính trị và báo chí Anh Quốc. So với chương trình viếng thăm Hoa Kỳ, thì chương trình viếng thăm Anh Quốc chặt chẽ quá, nên chỉ được bốn năm ngày sau khi đến Luân Đôn, tôi đã mệt nhoài và phải yêu cầu hướng dẫn viên của bộ Ngoại Giao giảm bớt một số gặp gỡ không cần thiết, để tôi được thư thả hơn một chút.

Nhưng mới thư thả được một hai bữa, tôi đã nhận ngay được điện tín khẩn cấp của tờ Saigon Post yêu cầu tôi phải trở về ngay. Tướng Nguyễn Khánh đang dự định đóng cửa tờ báo vì đã có bài bình luận chỉ trích chính phủ. Dĩ nhiên đối với tôi, tờ Saigon Post là cả một công trình gây dựng, nên tôi không thể chần chừ và đành phải xin lỗi British Council rồi trở về Sài Gòn.

Về đến Sài Gòn, tôi phải vất vả tranh đấu mới được chút ân huệ là chính phủ tạm đình bản tờ báo trong một thời gian là 15 ngày (thay vì đình bản vĩnh viễn). Tướng Khánh vốn không ưa gì tôi, nên như thế đã là may cho tờ báo, nhưng may cho tôi hơn nữa chính lại là tình hình chính trị ở Việt Nam trong những ngày ấy. Tướng Khánh vì phải bận rộn đối phó với những vấn đề của chính ông để giữ cho chính quyền khỏi sụp đổ, nên không có thời giờ theo dõi tờ Saigon Post, do đó mà sau hai tuần lễ tờ báo lại tái xuất giang hồ. Đối với một nhật báo như Saigon Post mà phải đóng cửa 15 ngày, không có tiền thâu vào, trong khi vẫn phải chi như trả lương tháng cho hàng chục nhân viên thì quả là khó khăn, nhưng những khó khăn đó có lẽ chỉ như là một cơn gió thoảng, nếu đem so sánh với cơn gió lốc đang lôi cuốn Sài Gòn vào vòng xáo trộn.

Hàng ngày đường phố náo động và mọi người phải chứng kiến mọi loại biểu tình, hết Công Giáo thì đến Phật Giáo, hết sinh viên lại đến công nhân, tất cả lại chĩa mũi dùi vào chính phủ, đòi hỏi đủ mọi thứ, trong khi đó thì chính phủ thay đổi hết lượt này đến lượt khác. Tướng Khánh triệu tập các tướng lãnh ở Vũng Tàu để chấp thuận một hiến chương mới mà gọi là Hiến Chương Vũng Tàu (để thay thế hiến pháp thời ông Diệm và để cho ông có cơ hội được bầu làm Tổng Thống), nhưng vài hôm sau về đến Sài Gòn, bị một nhóm

https://tieulun.hopto.org

sinh viên biểu tình chất vấn, ông liền chối bỏ cả bản hiến chương vừa mới được chấp thuận. Hỗn loạn còn tệ hơn so với những tháng cuối thời ông Diệm. Đã thế tướng Khánh lại còn phải đối phó với những mưu mô đảo chính lớn, nhỏ của phe này phe khác trong quân đội. Khủng hoảng chính trị, tranh chấp trong hàng ngũ dân sự, tôn giáo, quân đội, tất cả như một mớ bòng bong…

Nhưng nguy hiểm hơn hết là tình hình chiến sự ở các địa phương. Lợi dụng tình trạng rối ren và những nhược điểm của chính phủ, du kích Cộng Sản đã đồng thời tấn công ở nhiều nơi nhằm chiếm thêm đất đai và cắt đôi lãnh thổ tại một số tỉnh miền duyên hải. Trong suốt năm 1964 họ đạt nhiều thắng lợi, lại được tăng cường bởi nhiều đơn vị chính quy miền Bắc kéo vào, qua đường mòn Hồ Chí Minh được mở rộng từ đầu năm 1959. Tại nhiều nơi, quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã phải ra sức chống lại những cuộc tấn công dồn dập, nhưng họ phải chiến đấu trong những điều kiện hết sức khó khăn vì những xáo trộn ở hậu phương và những thay đổi liên tiếp các cấp chỉ huy.

Vừa đi xa mới về, tôi phải đứng trước một cảnh trớ trêu. Trong lúc ở Hoa Thịnh Đốn tôi đã chứng kiến sự quyết tâm giúp đỡ miền Nam Việt Nam, không những của chính phủ, mà của cả Quốc Hội và hai đảng Dân Chủ và Cộng Hòa. Ở nhà, thì lại ngược hẳn, hỗn loạn do chính quyền Nguyễn Khánh mang lại, gần làm tê liệt cả miền Nam. Hoa Kỳ đã chót dấn bước trên đường can thiệp, càng phải ghé vai gánh vác nặng hơn. Quan điểm của tôi lúc bấy giờ (và cả ngày nay nữa) là nếu miền Nam Việt Nam không có được những lãnh tụ có tầm vóc, nếu những người quốc gia Việt Nam không bảo được nhau để giữ nước, thì trách nhiệm là của Việt Nam trước hết. Ngoài ra nếu muốn sống tự do thì không thể nào ỷ lại vào ngoài quốc được. Nhưng một khi đã can thiệp vào Việt Nam thì Hoa Kỳ cũng có phần trách nhiệm. Hơn nữa, những khó khăn mà họ đã gặp phải, chính là do chính sách nửa vời của họ tạo ra. Một mặt, họ luôn luôn nhắc rằng họ can thiệp vì Tự Do, Dân Chủ, Nhân Quyền; mặt khác, vì quá lo hiểm họa bành trướng của Cộng Sản mà họ quyết ngăn chặn, tại Việt Nam cũng như tại nhiều nơi khác, họ lại ủng hộ những lãnh đạo độc tài mà họ tưởng là đủ khả năng giữ an ninh và ổn định. Nhưng chính vì thế mà áp bức và lạm quyền càng gây hậu quả là tình thế suy sụp mãi. Ổn định mà họ theo đuổi nhiều khi chỉ là một thứ ổn định giả tạo, nhất thời.

Cuối năm 1964, trong cơn lốc chính trị của miền Nam, một biến chuyển được chú ý và có ảnh hưởng về sau này, là sự xuất hiện

https://tieulun.hopto.org

của một nhóm quân nhân trẻ tuổi (báo chí Hoa Kỳ gọi là nhóm Young Turks) trong số đó có hai người nổi bật: tướng Nguyễn Cao Kỳ, Tư Lệnh Không Quân, 35 tuổi, bạo nói; và tướng Nguyễn Văn Thiệu, người được coi là trầm tĩnh và già dặn hơn. Tôi chưa có dịp quen biết hai ông. Trong chính trường Việt Nam lúc bấy giờ, nhóm "tướng trẻ" được coi là một lực lượng đang lên. Những tướng tá nhiều tuổi hơn như Dương Văn Minh, Trần Văn Đôn, Lê Văn Kim đã bắt đầu lui vào hậu trường hoặc bị loại dần để nhường chỗ cho những người của thế hệ mới.

Mặc dầu không ra mặt chống đối, nhóm tướng trẻ không ưa gì tướng Khánh và thái độ bất phục của họ đã gây nhiều khó khăn làm cho tướng Khánh phải ra đi vào đầu năm 1965. Ngoài ra, mới chưa đầy một năm, sự tín nhiệm gần như vô điều kiện của Bộ Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ McNamara, vào lúc tôi trở về nước, đã tiêu tan hết vì ông ta đã có những hành động tùy hứng, bất nhất. Tướng Maxwell Taylor, người thay thế ông Cabot Lodge làm Đại Sứ tại Sài Gòn, càng ngày càng tỏ ra sốt ruột và nóng nẩy. Để tránh những lời chỉ trích của báo chí Mỹ cho rằng chế độ ở Việt Nam là một chế độ quân phiệt. Đại Sứ Taylor thường thúc đẩy tướng Khánh sớm tiến dần tới một chính quyền dân sự hợp hiến. Trong nhiều hướng đó, tướng Khánh đã nhiều lần cải tổ chính phủ, thảo Hiến Chương Vũng Tàu nhưng rồi dưới những áp lực đối nghịch của hết nhóm này đến nhóm khác, chính phủ không làm được gì tích cực, và lúc nào cũng như ở tình trạng tạm bợ. Đó là điều mà Hoa Kỳ lo ngại. Họ hết sức thất vọng sau vụ Hiến Chương Vũng Tàu bị dẹp bỏ chỉ vì có một nhóm sinh viên biểu tình chống đối. Biết rõ điều đó, nên vào cuối tháng 9, tướng Khánh đề xướng một Thượng Hội Đồng gồm có một số nhân sĩ để giúp chính phủ soạn thảo một hiến pháp mới; đồng thời cụ Phan Khắc Sửu, một nhân sĩ thuộc nhóm Caravelle lúc trước, được mời ra giữ chức Chủ Tịch Thượng Hội Đồng. Cụ Sửu được coi như Quốc Trưởng, mặc dầu mọi quyền hành thực sự vẫn ở trong tay tướng Khánh và các quân nhân. Vào lúc này, những người quan sát tình hình bắt đầu để ý đến nhóm tướng trẻ, đặc biệt là vì nhóm này yêu cầu tướng Khánh giải ngũ một số tướng lãnh mà họ thường gọi là "tướng già". Nếu không có Thượng Hội Đồng thì chắc chắn tướng Khánh đã thỏa mãn được một cách dễ dàng yêu cầu này, vì trong thâm tâm có lẽ ông cũng muốn loại trừ một số đối thủ. Nhưng từ ngày có Thượng Hội Đồng và cụ Sửu, thì mọi việc không còn đơn giản như trước nữa. Một sắc lệnh muốn có giá trị cần phải có chữ ký của cụ Sửu, trong khi đó thì không hiểu vì lý do gì cụ không chịu ký, gây khó khăn cho tất cả mọi phía.

https://tieulun.hopto.org

Tình trạng mới này làm cho người Hoa Kỳ hết sức lo lắng. Họ lo lắng tướng Khánh không còn làm chủ được tình thế nữa, nên trước khi lên đường về Hoa Thịnh Đốn để tham khảo ý kiến, tướng Taylor nhờ tướng Westmoreland, tư lệnh quân đội Hoa Kỳ ở Việt Nam và ông Alexis Johnson, Phó Đại Sứ, mời nhóm tướng trẻ ăn cơm. Trong buổi gặp gỡ, ông trực tiếp bầy tỏ mối quan tâm của chính phủ Hoa Kỳ về những tin đồn đảo chính và yêu cầu họ giúp sức để cho Việt Nam có được một sự ổn định chính trị tối thiểu. Có lẽ vì quá hăng say cố gắng thuyết phục nên lời lẽ của ông có lúc không khỏi gay gắt. Ông nói trắng ra là Hoa Kỳ không thể nào tiếp tục ủng hộ và viện trợ Việt Nam, nếu miền Nam cứ bị xáo trộn hoài bởi các tranh chấp cá nhân và đảng phái.

Mấy ngày sau, 20 tháng 12, 1964, trong khi tướng Taylor về Hoa Thịnh Đốn, không hiểu vì bực mình về thái độ trì hoãn của cụ Sửu hay vì những lời lẽ quá nặng của tướng Taylor, nhóm tướng trẻ ra lệnh bắt hết các thành viên của Thượng Hội Đồng và một số chính khách dân sự khác mang lên giam lỏng ở Pleiku. Từ Hoa Kỳ trở lại Sài Gòn, tướng Taylor vô cùng phẫn nộ. Ông yêu cầu được gặp lại nhóm tướng trẻ gồm có hai tướng Thiệu, Kỳ và một số tướng khác để than phiền về hành động của họ. Cuộc đụng độ khai diễn ngay từ lúc đầu. Tướng Taylor hỏi các tướng Việt Nam là có hiểu tiếng Anh không? Tướng Kỳ chua chát trả lời là cũng tạm đủ để hiểu. Tướng Taylor vì nhớ lại những lời thuyết phục của ông ta tại nhà tướng Westmoreland, liền tiếp một cách ngắn gọn "Thật là cả một sự phí phạm". Ngôn ngữ bất đồng, một bên thì hiểu câu đó theo nghĩa đen (đãi các tướng trẻ một bữa ăn là một sự phí phạm) và coi đó như một sự sỉ nhục, trong khi đó thì về phía Hoa Kỳ tướng Taylor có lẽ chỉ muốn ám chỉ là một cơ hội đã bị lãng phí. Tướng Taylor còn giận dữ nói thêm rằng các quân nhân Việt Nam chẳng hiểu gì đến ảnh hưởng tai hại mà hành động của họ đã mang lại trên trường quốc tế. Ông không ngờ rằng những lời lẽ thiếu tế nhị của ông đã động chạm mạnh đến lòng tự ái của người Việt, và hôm đó khi ra về, các tướng lãnh Việt Nam quả thực đã hết sức bất bình về thái độ của ông.

Tuy tướng Khánh còn đang bị ngập đầu trong một tình thế mà ông không còn kiểm soát được nữa, nhưng ông cũng lợi dụng ngay sự xích mích giữa tướng Taylor và các tướng trẻ Việt Nam, bằng cách khơi động niềm tự hào dân tộc để kết hợp mọi người xung quanh ông. Ông công khai lên tiếng bênh vực các tướng lãnh Việt Nam và chỉ trích Hoa Kỳ đã can thiệp vào nội bộ của Việt Nam. Không những thế, ông còn đòi hỏi Hoa Kỳ phải triệu hồi Đại Sứ Taylor về nước.

https://tieulun.hopto.org

Đối với tòa Bạch Ốc và bộ Ngoại Giao thì những lời tuyên bố của tướng Khánh vượt quá tưởng tượng của họ. Phản ứng của Hoa Kỳ đến liền ngay ngày hôm sau. Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn cho ra tin là nếu chính phủ Hoa Kỳ triệu hồi Đại Sứ Taylor về nước, thì Hoa Kỳ cũng sẽ đặt lại vấn đề ủng hộ và viện trợ Việt Nam. Trước thực tế mới này, ai cũng thấy rõ vai trò của tướng Khánh trên chính trường sắp chấm dứt. Tấn bi hài kịch đến hồi kết liễu, nhưng không may cho miền Nam Việt Nam là trong khi đó thì chiến sự càng ngày càng lan tràn và các lực lượng Cộng Sản càng ngày càng đe dọa trầm trọng.

Tướng Khánh chạy ngược chạy xuôi, khi thì bay lên Đà Lạt, lúc thì bay xuống Nha Trang, tìm hậu thuẫn trong hàng ngũ quân đội cho vị trí lung lay của ông, nhưng vào giờ thứ 25 đó, mọi cố gắng đều như vô ích vì không mấy ai còn tin là ông có thể lấy lại được niềm tin đã mất. Tướng Khánh đành đánh ván bài cuối cùng. Ngày 14 tháng 2, ông giải tán chính phủ, mời bác sĩ Phan Huy Quát làm Thủ Tướng để (theo lời ông) ông có thể "trở về với anh em quân đội". Trong chính phủ mới, ông không giữ chức vụ gì ngoài chức vụ Tổng Tư Lệnh Quân Đội. Theo tính toán của ông, có lẽ ông nghĩ rằng ông Quát sẽ làm bình phong cho ông và phải hứng chịu những khó khăn như đối phó với chiến tranh, với Hoa Kỳ, cũng như với tất cả những đoàn thể tôn giáo và chính trị trong nước. Ông chỉ cần nắm giữ quân đội, do đó ông sẽ có thời giờ để củng cố lại thế đứng của ông trong tương lai.

Không may cho ông, một ngày sau khi chính phủ mới được thành lập, một nhóm quân nhân do tướng Lâm Văn Phát và đại tá Phạm Ngọc Thảo (2) cầm đầu bao vây nhà tướng Khánh, chiếm tòa Tổng Tham Mưu và đài phát thanh. Theo lời những người chủ mưu cuộc bạo động thì họ chỉ chống lại tướng Khánh nhưng tướng Khánh trong cơn hỗn loạn đã chạy được vào bộ Tư Lệnh Không Quân của tướng Nguyễn Cao Kỳ. Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ lại một phen phải ra tay dàn xếp. Một cuộc gặp gỡ được tổ chức tại Biên Hòa với sự có mặt của đầy đủ các nhân vật chính, tướng Kỳ trong nhóm các tướng trẻ, tướng Lâm Văn Phát cầm đầu cuộc đảo chính và vị Thủ Tướng mới là ông Phan Huy Quát. Với sự hòa giải của phía Hoa Kỳ, buổi họp hôm đó mang lại kết quả: nhóm quân nhân toan đảo chính chịu rút lui, nhưng tướng Khánh phải dời bỏ chính trường và xuất ngoại. Đối với tướng Kỳ và nhóm các tướng trẻ, thì kết quả trên đây dĩ nhiên là một thắng lợi vì với vai trò trọng tài của họ trong cuộc này, họ đã tạo được cho Quân Đội và cho riêng họ một ảnh hưởng và một thế đứng có tính cách quyết định mà chính phủ mới thành lập khó lòng bỏ qua, Tướng Nguyễn Văn Thiệu, được ông Quát mời làm Phó Thủ Tướng kiêm

https://tieulun.hopto.org

Tổng Trưởng Quốc Phòng. Còn về phía Hoa Kỳ thì sự ra đi của tướng Khánh chắc chắn cho họ cơ hội được thở phào nhẹ nhõm vì quả thực vào những giờ phút đó, Đại Sứ Taylor cũng như nhiều người khác đã quá chán ngán…

Thật là một ngày đầu vất vả cho Thủ Tướng mới, bác sĩ Quát. Mới nhậm chức chưa được nửa ngày, ông đã đứng trước một cuộc nổi loạn. Đi họp từ buổi trưa cho đến tối với các tướng lãnh để giải quyết vấn đề tướng Khánh, mãi đến khuya mới về, ông cho tôi biết về những diễn biến trong ngày tại buổi họp (lúc này tôi đã nhận tham gia chính phủ của ông với chức vụ Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng). Ông tỏ vẻ lo ngại rằng mặc dầu việc tướng Khánh ra đi sẽ làm dịu tình hình, những mâu thuẫn giữa phe này nhóm khác sẽ còn kéo dài và chắc chắn sẽ còn ảnh hưởng nhiều đến tình hình chung. Ông cho biết là tướng Khánh bị các tướng lãnh trong quân đội buộc phải rời Việt Nam ngay hôm sau, và cho tôi chỉ thị để sắp xếp mọi việc vì tướng Khánh ngỏ ý muốn chính thức đến từ giã ông tại Phủ Thủ Tướng trước khi lên đường xuất ngoại.

Sáng hôm sau, tôn trọng ý muốn của tướng Khánh, tôi yêu cầu Tiểu Đoàn Danh Dự tại Phủ Thủ Tướng tổ chức một lễ đơn giản nhưng với đầy đủ lễ nghi quân cách để tiễn đưa. Điều không ngờ cho tôi là trong chức vụ mới, tôi lại là người phải thay mặt bác sĩ Quát xuống thềm Phủ Thủ Tướng đón và đưa tướng Khánh. Ông bình tĩnh từ giã bác sĩ Quát nhưng đến lúc cùng tôi duyệt xong hàng lính danh dự đứng bồng súng chào, ông bỗng nhiên quay lại và bằng một giọng nửa đùa nửa thật nói với tôi một câu bằng tiếng Pháp: “Maintenant vous avez les cartes, c’est à vous de jouer” (Bây giờ là lúc các anh có bài, vậy thì đến lượt các anh chơi). Tôi hơi ngạc nhiên và nghĩ rằng có lẽ đó là câu nói đùa vì không lẽ ông coi việc đất nước như một canh bài? Đến khi ông đi khỏi, tôi thở dài như trút được một gánh nặng, nhưng sực nhớ lại ngay là không ai có thể lạc quan tới mức nghĩ rằng có thể khắc phục nhanh chóng những khó khăn mà ông để lại.

---

(1) Neil Sheehan làm cho hãng thông tấn UPI, sau này làm cho New York Times, là người đã công bố tập tài liệu mật của Ngũ Giác Đài, The Pentagon Papers.

(2) Về sau này, chính quyền Cộng Sản công khai nhìn nhận: Phạm Ngọc Thảo đã làm nội tuyến cho họ trong suốt thời gian có chiến tranh giữa hai miền.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 17
Hoa Kỳ Can Thiệp Trực Tiếp và Đổ Bộ Quân Vào Việt Nam

Bác sĩ Quát là một chính khách có nhiều kinh nghiệm và óc tổ chức, với một nhân phẩm ngay thẳng trong sạch mà không ai phủ nhận. Chính kiến của ông đơn giản và thiết thực: ông chủ trương xây dựng dân chủ và thể hiện công bằng xã hội, vì ông quan niệm rằng nếu đạt nổi hai thành quả này, thì Cộng Sản khó lòng lôi cuốn quần chúng. Ông vốn có hoài bão và nhiệt tâm kiến thiết một quốc gia tân tiến. Ông từng là Đổng Lý Văn Phòng của Thủ Tướng Trần Trọng Kim, và bốn lần ông giữ chức Tổng Trưởng (Giáo Dục, Quốc Phòng hai lần, và sau chót Ngoại Giao).

Đầu 1965, sau nhiều tháng hỗn loạn với hậu quả tai hại do chính quyền Nguyễn Khánh để lại, tuy bác sĩ Quát là người tương đối có khả năng hơn nhiều nhân vật hồi đó để lãnh đạo một chính phủ mới, không mấy ai tin là ông có thể cải thiện được tình thế đầy rẫy khó khăn. Nhưng ông không nghĩ như vậy. Ông là người lạc quan, hơn nữa, quen hăng say tranh đấu, đời nào ông chịu bỏ qua cơ hội đang đến. Trong nhiều năm dưới thời ông Diệm, ông đã bị gạt khỏi chính trường, nhưng vẫn bền gan vững chí và tin rằng có thể đóng góp để cứu vãn thời cuộc. Theo ông, một trong những then chốt của vấn đề là sự có mặt của quân nhân trên chính trường Việt Nam và riêng về vấn đề này, ông tin rằng sau hai lần làm Tổng Trưởng Quốc Phòng và từng tiếp xúc nhiều với các tướng tá, ông có đủ kinh nghiệm để xử trí với họ. Thực ra ông đã được mời ra nhận trách nhiệm trong những trường hợp hết sức bất lợi. Nếu vào những năm 1954 hay 1963, người lãnh đạo ở miền Nam có một "khởi điểm" để bắt tay vào việc trong niềm tin của dân chúng, thì vào đầu năm 1965, cục diện đã thay đổi hoàn toàn. Cơ hội để dung hòa kết hợp các đoàn thể tôn giáo và chính trị bằng một chính sách cởi mở, nay hầu như không còn nữa. Còn lại có lẽ chỉ là những ý đồ xâu xé lẫn nhau. Quân nhân, tướng tá trước đây phục tòng mệnh lệnh chính phủ, không biết chính trị là gì, nay coi chính trường như trận địa. Họ chia bè kết phái, chống đối lẫn nhau và khinh miệt những người làm chính trị trong hàng ngũ dân sự, song những người này cũng coi rẻ họ không kém. Công Giáo nghi ngờ Phật Giáo, Phật Giáo nghi ngờ Công Giáo, người miền Nam đố

https://tieulun.hopto.org

kỵ người miền Bắc. Có lẽ tệ hại hơn cả, là một trong khoảng một năm rưỡi kể từ ngày ông Diệm bị lật đổ, không còn ai tin tưởng là miền Nam có thể có được một chính quyền vững vàng và đủ uy tín để ổn định tình thế.

Bác sĩ Quát bắt tay vào việc, mà thiếu hẳn hậu thuẫn cần có để hy vọng thành công. Ông được coi là người của Đại Việt, nhưng cũng như trường hợp của nhiều đoàn thể chính trị khác, ngay trong Đại Việt cũng có những dị điểm giữa những khuynh hướng Đại Việt miền Bắc, miền Trung và miền Nam. Sự thực thì đây là hậu quả của một thập niên chuyên quyền, độc đoán dưới thời ông Diệm. Trong thời kỳ này, ngoài đảng của chính quyền, không một đảng phái quốc gia nào có cơ hội phát triển để gây mâu thuẫn, và được sự ủng hộ của dân chúng, do đó đảng nào cũng chỉ là những tổ chức lỏng lẻo, gồm một số người cùng chính kiến. Đến khi tướng lãnh thay thế ông Diệm, nếu họ có để ý đến một "tiến trình dân chủ" nào, thì rồi họ cũng bỏ qua. Vì vậy, ông Quát đã không có thực lực chính trị để đối phó với những vấn đề khó khăn.

Trong số người ủng hộ ông, tôi là kẻ đã từng có dịp giúp ông trong cũng như ngoài chính quyền. Liên hệ giữa chúng tôi bắt đầu từ lúc ông còn làm Đổng Lý Văn Phòng cho cụ Kim và trong nhiều trường hợp về sau này, tôi vẫn thường đóng góp ý kiến. Vào đầu tháng 2 năm 1965, ông sửa soạn thành lập chính phủ mới và cho gọi tôi tới để yêu cầu tôi tham gia, tôi ngần ngại quá. Tôi thấy rõ nhiều khó khăn, nhưng lại nghĩ rằng nếu đã hết lòng với ông thì vấn đề thành hay bại phải đặt ra ngoài. Tôi còn nhớ lúc đó một bạn là anh Đặng Văn Sung (em họ ông) có bàn với tôi: "Để tránh tiếng lôi bè kéo đảng, có lẽ tớ với cậu nên đứng ngoài ủng hộ anh Quát thì hơn".

Để thuyết phục tôi, ông Quát nhắc rằng vì đã hai lần làm Tổng Trưởng Quốc Phòng, ông có điều kiện thuận tiện để giải quyết những vấn đề khó khăn trong quân đội, để từ lợi thế đó, tiến tới việc hòa giải các đoàn thể tôn giáo và chính trị, rồi bắt tay xây dựng một chính phủ hợp hiến cho miền Nam, điều mà chúng tôi vẫn hằng thiết tha mong mỏi từ lâu.

Tuy lý luận này rất hấp dẫn, tôi vẫn nghĩ là thực hiện được ước vọng không phải là dễ. Nhưng rồi với một giọng nhỏ nhẹ, ông bảo tôi: "Không lẽ lúc này anh lại bỏ tôi hay sao?" thì thực sự tôi không còn can đảm nào nữa để thoái thác. Vốn ưa hành động hơn là ngồi ngoài nhìn, theo lời yêu cầu của ông tôi nhận chức Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng. Với quyết định này, tôi không ngờ là đã bước vào một thập niên sôi động nhất trong đời, được chứng kiến những biến

https://tieulun.hopto.org

cố quan trọng xẩy ra, ảnh hưởng không những đến đời sống cá nhân mà còn đến cả số phận miền Nam. Trong suốt thời gian này, tôi như người phải đóng vai trò trung gian giữa nhiều phe phái Việt Nam, cũng như giữa Việt Nam và Hoa Kỳ trong khi chiến tranh lan rộng.

Quả tôi không dám hy vọng là chính phủ sẽ bền vững lâu dài, nhưng cũng như nhiều người khác đã nhận trách nhiệm và cộng tác với ông Quát, tôi quyết tâm làm hết sức mình. Trong những ngày đầu của chính phủ Quát, tôi không biết là Hoa Kỳ đã có một quyết định quan trọng về Việt Nam, một quyết định then chốt mở đầu cho sự tham gia trực tiếp của Mỹ vào chiến tranh Việt Nam. Và tôi bỗng nhiên có trách nhiệm phải soạn thảo bản thông cáo chung Mỹ-Việt loan báo quyết định lịch sử này.

Hoa Kỳ đã dính dấp về quân sự tại miền Nam qua trung gian của Pháp từ trước Hiệp Định Genève 1954, và sau đó dưới hình thức gửi cố vấn sang giúp đỡ chính phủ ông Diệm. Dưới thời Tổng Thống Hoa Kỳ Kennedy, vì tình hình khẩn trương nên số cố vấn được tăng cường từ 900 người lên tới 23 ngàn người, tuy nhiên vai trò của họ vẫn chỉ hạn hẹp trong khuôn khổ của một chính sách "góp ý và giúp đỡ" quân đội Việt Nam Cộng Hòa.

Lực lượng Mỹ trực tiếp tham chiến ồ ạt, sau khi một số quân nhân Mỹ bị thiệt mạng vì nhiều bạo động khủng bố của du kích và đặc công Cộng Sản (như vụ tấn công phi trường Biên Hòa tháng 11, 1964, vụ nổ bom phá khách sạn Brinks tại Sài Gòn ngày Giáng Sinh, vụ đột kích phi trường Pleiku trong khi McGeorge Bundy, Phụ Tá An Ninh Quốc Gia của Hoa Kỳ đang thăm miền Nam để quan sát tình hình, đầu tháng 2, 1965). Trước ngày chính phủ Quát thành lập, Mỹ mở chiến dịch quy mô Rolling Thunder, cho phi cơ của Không Quân và Hải Quân dội bom xuống nhiều mục tiêu tại miền Bắc, và dọc đường mòn Hồ Chí Minh suốt biên giới Lào và Miên. Có lẽ lúc đầu, chiến dịch này chỉ là để trả đũa và cảnh cáo Bắc Việt, không ngờ rằng, việc này đẻ ra việc khác, rồi không ai ngăn cản nổi, Rolling Thunder đưa dẫn tới sự can thiệp trực tiếp của Hoa Kỳ vào chiến tranh Việt Nam.

Sự can thiệp vào Việt Nam là một biến cố lớn lao nhất, sau Thế Chiến Thứ Hai, đối với một đại cường quốc như Hoa Kỳ, huống chi là với một tiểu quốc như xứ sở chúng ta. Nhưng nếu xét kỹ, thì sự tham chiến của Mỹ đã đem lại một chuỗi dài những diễn biến khó lường, tình thế mập mờ, ứng phó vội vàng… trong khi hai chính phủ không có đến cả điều kiện tối yếu để hợp tác, là sự tương hiểu tối thiểu về nhu cầu và chủ yếu mỗi bên. Phía Hoa Kỳ thì thiệt hại về

https://tieulun.hopto.org

chiến tranh Cao Ly còn kia; phía Việt Nam thì vừa thoát ách thực dân cùng đoàn quân viễn chinh Pháp, lại phải tiếp đón những lực lượng nước ngoài, dù là những quốc gia đồng minh.

Tại sao những sự không mấy hợp lý như trên đã xẩy ra được? Trong nhiều năm tôi đã tìm kiếm rồi nghiên cứu nhiều tài liệu về phía Hoa Kỳ, Hồ Sơ Ngũ Giác Đài (Pentagon Papers), hồi ký quan trọng của những yếu nhân (như Tổng Thống Johnson, Ngoại Trưởng Dean Rusk), những tài liệu mật lần lần được công bố về sau này, nhiều bài phỏng vấn những nhân vật then chốt hay đã góp phần hình thành chính sách đối với Việt Nam (như Bunny, Cabot Lodge, Alexis Johnson, tướng Mawxell Taylor, tướng Westmoreland, v.v…). Về phía Việt Nam thì tài liệu rất thiếu, một nhân vật chính là bác sĩ Quát cũng không để lại bút tích nào cả (ông qua đời năm 1979 trong lúc bị nhà cầm quyền Cộng Sản cầm tù tại khám Chí Hòa, Sài Gòn), những tướng lãnh từng hiểu biết thời cuộc cũng không còn lại mấy người. Riêng tôi đã may mắn giữ lại được một số văn kiện chính thức và những bút ký ghi chép những sự việc đã xẩy ra trong hồi tham gia chính quyền.

Đáng chú ý đặc biệt là tập bút ký mà ông William P. Bundy, Thứ Trưởng Ngoại Giao phụ trách vùng Đông Á và Thái Bình Dương đã có nhã ý cho tôi mượn để tra cứu. Ông William Bundy là anh ruột ông McGeorge Bundy, Phụ Tá An Ninh Quốc Gia của Tổng Thống Johnson, ngoài ra ông còn đứng đầu một ủy ban liên bộ (Ngoại Giao-Quốc Phòng) soạn thảo kế hoạch về Việt Nam từ 1964 đến 1968. Trong tập bút ký, ông Bundy ghi lại những sự việc đã xẩy ra, và trình bầy khá đầy đủ và trung thực những cuộc thảo luận giữa những giới chức cao cấp của Hoa Kỳ, và đồng thời mô tả từng bước một những quyết định đưa đến thời điểm Hoa Kỳ đổ quân ồ ạt vào Việt Nam.

Tôi thật sự sững sờ, vì càng tìm hiểu bao nhiêu, lại càng thấy những trường hợp trái khoáy, nếu không nói là nghịch lý. Hai chính phủ trên nguyên tắc là "đồng minh" nhưng trên thực tế thường thiếu cả đồng ý đồng tâm, vì Hoa Kỳ ít hiểu về Việt Nam và ngược lại Việt Nam cũng vậy, nên hai bên rất ít thông cảm với nhau. Phía Hoa Kỳ thì nửa phần quyết tâm, nửa phần ngập ngừng, ngay trong hàng ngũ lãnh đạo cũng có những ý kiến bất đồng. Phía Việt Nam, thì nói chung là một thái độ thụ động, phó mặc cho đồng minh. Sau hơn một năm trời chia rẽ nội bộ, xâu xé lẫn nhau từ ngày có cuộc đảo chính chống ông Diệm, Việt Nam đã bị suy sút và bất lực.

Về phương diện chiến lược, thì quả thực vấn đề Việt Nam là một sự thử thách cho chính sách "ngăn chặn Cộng Sản" (containment

https://tieulun.hopto.org

policy) của Hoa Kỳ. Dĩ nhiên trong trường hợp miền Nam không đủ sức chống xâm lăng của Bắc Việt thì Hoa Kỳ cần can thiệp bằng quân sự. Nhưng Hoa Kỳ vẫn ngại rằng Liên Xô và Trung Cộng có thể mượn cớ đó để lâm chiến. Vì vậy mới có thái độ nửa chừng, muốn chặn Cộng Sản nhưng ngập ngừng không biết có nên xông vào không? Đối với Hoa Kỳ giải pháp vẹn toàn có lẽ là làm thế nào có được ở miền Nam một chính phủ vững mạnh để giúp đỡ mà không phải trực tiếp can thiệp; khốn thay, đó lại là điều không có ở miền Nam sau khi chính quyền Diệm sụp đổ.

Ngay trước khi có quyết nghị gọi là "Vịnh Bắc Việt" hồi tháng 8, 1964, ý kiến tổ chức những phi vụ để bằng máy bay của Không Quân Hoa Kỳ không tập Bắc Việt đã được kín đáo cân nhắc tại bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ. Nhiều kế hoạch đã được nhóm Bundy nghiên cứu, nhưng mãi đến hạ tuần tháng 11, 1964 cũng chưa có quyết định. Lúc đó, tướng Maxwell Taylor trở về Hoa Thịnh Đốn báo cáo về tình hình tại Việt Nam. Với tư cách Đại Sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam, ông là người có trách nhiệm ưu tiên, nên quan điểm của ông được coi là rất quan trọng. Ngày 27 tháng 11, 1964, trước mặt đông đủ các nhân vật chủ chốt hoạch định chính sách của Hoa Kỳ, tướng Taylor không giấu nhận định bi quan của ông. Ông cho rằng tình trạng xáo trộn ở Sài Gòn là "căn bệnh kinh niên" của Việt Nam, và đây là một "nhược điểm trầm trọng". Theo ông, "nếu chính phủ Việt Nam không đủ khả năng tiếp tay với những nỗ lực viện trợ của Hoa Kỳ thì những nỗ lực đó cũng bằng vô ích, chẳng khác gì bánh xe quay tròn mà xe không chuyển động" và "muốn chấn chỉnh lại, thì trước hết phải dựng được một chính phủ xứng đáng và vững chắc ở miền Nam" (1).

Ngoại Trưởng Dean Rusk lúc đó hỏi ngay là phải làm thế nào? Tướng Taylor trả lời: phải nói rõ cho giới lãnh đạo Việt Nam hiểu rằng Hoa Kỳ không những quyết tâm mà còn sẵn sàng trực tiếp ra tay bảo vệ miền Nam. Theo ông thì song song với những lời lẽ trấn an mạnh mẽ, Hoa Kỳ còn phải có những hành động cụ thể để họ "lên tinh thần" rồi từ đó mới thúc đẩy họ làm việc một cách hữu hiệu được. Ông McNamara, Bộ Trưởng Quốc Phòng, liền đưa ra một câu hỏi khác: "Liệu Hoa Kỳ có còn lý do chính đáng để oanh tạc Bắc Việt nếu tình hình ở miền Nam vẫn tiếp tục chưa cải thiện?" Đặt câu hỏi và cũng tự trả lời, Ông McNamara cho rằng những lý do đó vẫn còn. Tướng Taylor cũng đồng ý về điểm này và thêm rằng trong những trường hợp khó khăn hay tuyệt vọng, những biện pháp mạnh có thể giúp cho các giới Việt Nam đoàn kết với nhau.

https://tieulun.hopto.org

Ông Bundy nhiệt liệt tán thành những ý kiến trên. Ông bảo làm như vậy có thể ví như "kéo dây để nổ máy và cho máy chạy" (ông dùng chữ "pullmotor treatment") (2).

Bốn hôm sau, ngày 1 tháng 12, 1964, Tổng Thống Johnson chấp thuận những đề nghị của nhóm soạn thảo chính sách và kế hoạch theo đó Hoa Kỳ phải gia tăng áp lực đối với Bắc Việt và oanh tạc những mục tiêu quân sự quan trọng ở miền Bắc nằm trong phạm vi kế hoạch này. Nhưng ông Johnson cũng nhấn mạnh thêm rằng tướng Taylor phải cố gắng tạo sự đoàn kết giữa những người quốc gia ở Việt Nam. Ông nói với tướng Taylor: "Nếu muốn có chương trình oanh tạc miền Bắc thì ông phải làm sao để các giới lãnh đạo ở Sài Gòn làm việc được với nhau" (2).

Với huấn thị trên đây của Tổng Thống Johnson, tướng Taylor về Sài Gòn, nhưng chưa đầy một tháng sau, ông đã phải gửi một bức điện văn dài về Hoa Thịnh Đốn nhìn nhận là ông đã thất bại. Sự thật thì ông đã trở lại Việt Nam đúng vào lúc chính quyền Nguyễn Khánh đang gặp khủng hoảng (các tướng trẻ bắt giam những nhân sĩ trong Thượng Hội Đồng và bắt đầu chống lại tướng Khánh). Tuy đã cố gắng hàn gắn và hô hào đoàn kết, tướng Taylor không thuyết phục được ai. Theo ông thì hầu như thái độ của mọi người là "mạnh ai nấy làm" vì không ai tin là nếu tình thế khó khăn hơn, Hoa Kỳ sẽ hành động để cứu vãn. Về điều này, ông Bundy nhận định rằng: "Đã có thuốc đắng mà vẫn chưa chữa được bệnh, thì chỉ còn có nước mang con bệnh ra mà giải phẫu" và rõ ràng là muốn có quyết định oanh tạc Bắc Việt, Đại Sứ Taylor đã dựa vào lập luận cần phải tác động chính trị và nâng cao tinh thần ở miền Nam (2).

Thực ra, đầu tháng 12, 1964, khi chấp thuận trên nguyên tắc chiến dịch Rolling Thunder, Tổng Thống Johnson có nhiều chủ ý, nhưng theo ông Bundy thì lập luận của tướng Taylor là một yếu tố có ảnh hưởng lớn đến quyết định của ông Johnson.

Một yếu tố khác ít được chú ý và mãi về sau này người ta mới nhận ra trong cuốn hồi ký của Đại Sứ Alexis U. Johnson (nguyên phụ tá của Đại Sứ Taylor). Ông viết: "Chúng tôi lúc bấy giờ ở tòa Đại Sứ, hy vọng rằng chiến dịch Rolling Thunder sẽ làm giảm bớt áp lực càng ngày càng tăng, của những Diều Hâu tại Hoa Thịnh Đốn muốn mang bộ binh sang tham chiến tại Việt Nam" (3). Như vậy, ông xác nhận quan điểm của tướng Taylor, tướng này chỉ huy một sư đoàn trong Chiến Tranh Cao Ly, nên hiểu rõ mọi khó khăn khi phải chiến đấu trên lục địa Á Châu, một bất lợi lớn mà ông muốn tránh cho Hoa Kỳ tại Việt Nam; bởi thế ông chủ trương dùng Không Quân.

https://tieulun.hopto.org

Kế hoạch Rolling Thunder, kết quả của nhiều công phu nghiên cứu và thảo luận tại Hoa Thịnh Đốn, lại ít được biết trong chính giới Việt Nam. Cuối năm 1964, Việt Nam như không có chính phủ. Chủ tịch Thượng Hội Đồng đóng vai Quốc Trưởng bị giam giữ ở Pleiku cùng một số nhân sĩ khác; tướng Khánh, thì chạy ngược chạy xuôi để tìm cách tồn tại, vả lại không còn liên hệ trực tiếp hay thường xuyên với tòa Đại Sứ Hoa Kỳ nữa vì ông đang yêu cầu Hoa Kỳ triệu hồi Đại Sứ Taylor về nước, nên giả thử Hoa Kỳ có muốn tham khảo ý kiến của Việt Nam, thì cũng không biết ai mà hỏi. Hoa Kỳ vốn có thái độ của một cường quốc rất tự tin, nên thường quyết định đơn phương. Nay gặp lại một đồng minh nhỏ bé là Việt Nam đang ở trong tình trạng "nhà vô chủ" vì nội bộ lủng củng, thì hoàn cảnh đặc biệt này càng khiến Hoa Kỳ tự ý quyết định hoặc chỉ hỏi lấy lệ vào giờ phút chót vài tướng lãnh Việt Nam.

Chính phủ Phan Huy Quát thành lập ngày 18 tháng 2, 1965, ba ngày sau khi kế hoạch Rolling Thunder được thi hành. Cùng với Không Lực Hoa Kỳ, một số máy bay chiến đấu của Việt Nam Cộng Hòa cũng tham gia các phi vụ nhằm phá hủy một số mục tiêu quân sự ở miền Bắc. Khi đó chính phủ Việt Nam còn phải đương đầu với cuộc đảo chính chống tướng Khánh và việc thu xếp để tướng này ra đi nên vấn đề oanh tạc không được mang ra thảo luận. Vả lại, tôi nghĩ rằng lúc đó tướng Khánh cũng không nói lại mọi việc cho chính phủ mới, nên mãi hơn mười ngày sau, tôi mới được Thủ Tướng cho biết là Đại Sứ Taylor sẽ tới cho chính phủ Việt Nam biết về cuộc oanh tạc miền Bắc. Và từ đó, hàng tuần Đại Sứ Taylor cùng với Phó Đại Sứ Johnson, mang theo một xấp bản đồ, đến gặp Thủ Tướng Quát. Điều đáng thắc mắc ở đây, là mặc dầu những tin tức về đội bom Bắc Việt được đăng tải trên các báo, vấn đề không hề được nêu lên tại hội đồng nội các hay tại những buổi họp hỗn hợp cao cấp Việt-Mỹ. Phải chăng đây là một vấn đề có tính cách thuần túy quân sự, thì cứ để tùy giới hữu trách quân sự? Tôi không nghĩ như vậy, và đã có lần hỏi bác sĩ Quát nhưng vì quyết định oanh tạc đã từ lâu thành một sự "đã rồi", lại vì chính phủ hàng ngày bị tràn ngập bởi đủ loại việc cấp bách, vấn đề cứ bị buông trôi… Hoàn cảnh chiến tranh thì lúc nào cũng khẩn trương, các giới chức quân sự Hoa Kỳ thì lúc nào cũng muốn hành động nhanh chóng, trong khi đó thì chính phủ Việt Nam còn đang lặn ngụp và cố ngoi đầu khỏi mặt nước, thế là các giới chức quân sự Mỹ và Việt đương nhiên tự do hành động, không quan tâm đến hậu quả của các biện pháp quân sự trên mọi lãnh vực.

https://tieulun.hopto.org

Ngoài chiến dịch Rolling Thunder, Hoa Kỳ còn sử dụng Không Quân trên không phận miền Nam. Quan trọng hơn nữa, với tầm mức lịch sử, là việc đổ bộ lên Đà Nẵng ngày 8 tháng 3, 1965, của hai tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến Mỹ. Quyết định này đánh dấu một bước đường không thể trở lui (point of no return) và đây là lần thứ hai sau chiến tranh Cao Ly, Lục Quân Hoa Kỳ chiến đấu trên lục địa Á Châu, điều mà nhiều chiến lược gia Hoa Kỳ thường vẫn e ngại. Còn đối với dân chúng miền Nam, thì đây là sự tái hiện của quân đội ngoại quốc trên mảnh đất quê hương, kể từ ngày đoàn viễn chinh Pháp rời khỏi Việt Nam.

Khi tôi tham gia chính phủ Phan Huy Quát, thì tình thân giữa ông và tôi đã rất mật thiết. Sau hơn 15 năm làm việc với nhau, ông coi tôi như một người em, cùng chí hướng. Chúng tôi thường bàn bạc với nhau về mọi vấn đề, dù tế nhị hay nan giải. Riêng về quân đội ngoại quốc ở Việt Nam, thì đã từ lâu chúng tôi đã cùng một quan điểm; dầu tình trạng chiến tranh gay go gấp mấy chăng nữa, đưa lực lượng nước ngoài vào tham chiến là một điều vô cùng thất sách. Vào năm 1953, trong chính phủ Bảo Đại, chúng tôi đã từng thấy khó xử. Chính những kinh nghiệm hồi đó đã khiến chúng tôi ngần ngại khi đứng trước cảnh quân đội Hoa Kỳ có mặt trên lãnh thổ Việt Nam. Sự hiện diện của ngoại bang rồi đây sẽ giúp cho phía Cộng Sản có lợi khí tuyên truyền, gán cho những người quốc gia nhãn hiệu "bù nhìn" và chính nghĩa của miền Nam cũng sẽ vì thế mà bị tổn thương. Nói tóm lại, đối với chúng tôi, sự hiện diện của quân đội ngoại quốc chỉ là sự "vạn bất đắc dĩ" khi đến đường cùng, không còn giải pháp nào khác nữa.

Tình hình biến chuyển nhanh, nên vào đầu tháng 3 (mới chưa đầy hai tuần sau khi chính phủ Quát thành lập) chúng tôi đã bắt đầu lo ngại rằng Hoa Kỳ sẽ mang thêm quân vào Việt Nam. Theo dõi báo chí Mỹ, chúng tôi thấy giới quân sự Hoa Kỳ đề cập tới sự cần thiết bảo vệ phi trường Đà Nẵng vì một số máy bay của Không Lực Hoa Kỳ trong chiến dịch Rolling Thunder cất cánh từ Đà Nẵng để bay ra oanh tạc miền Bắc. Bấy giờ, hàng tuần có buổi họp cao cấp Việt – Mỹ, với cả Thủ Tướng Quát và Đại Sứ Taylor (chương trình nghị sự của những buổi họp này được thỏa thuận trước ông Sứ Thần Melvin Manfull, về phía Hoa Kỳ và tôi, về phía Việt Nam). Riêng tôi đã dự định đưa vấn đề vào chương trình nghị sự để tìm hiểu thêm thái độ của Hoa Kỳ, nhưng những biến cố dồn dập đã ra ngoài sự tiên liệu của chúng tôi.

Sáng sớm ngày 8 tháng 3, 1965, tôi vừa mở mắt thì có điện thoại của Thủ Tướng Quát. Với giọng vội vàng, ông bảo tôi phải đến

https://tieulun.hopto.org

gặp ông ngay tại nhà riêng vì có việc cần. Vừa đến nơi, tôi đã thấy Sứ Thần Manfull tại đó. Tôi chưa kịp hỏi ông Manfull câu nào thì bác sĩ Quát đã cho tôi biết là Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ đang đổ bộ ở Đà Nẵng và yêu cầu tôi cùng với ông Manfull soạn thảo bản thông cáo chung loan báo việc này. Ông căn dặn tôi: "Cố làm sao càng ngắn càng hay, trình bày sự kiện như đã xẩy ra và xác nhận sự đồng ý của chính phủ Việt Nam". Thực sự thì tôi không ngạc nhiên về những gì đang xẩy ra vì, như trên đây đã trình bày, tôi đã được biết là tướng Westmoreland từ trước tới nay vẫn muốn có thêm quân ở Việt Nam và vẫn thúc đẩy theo chiều hướng đó, nhưng tôi cảm thấy khó chịu vì sự việc đã xẩy ra một cách quá đột ngột. Tôi kéo bác sĩ Quát sang phòng khác và hỏi ông: "Có gì đặc biệt về phương diện quân sự mà chúng ta không được biết, đến độ họ phải hành động một cách vội vàng như vậy?" Bác sĩ Quát cố giữ bình tĩnh nhưng giọng nói hơi gắt gỏng: "Lúc này họ đang đổ bộ lên Đà Nẵng, anh hãy làm xong bản thông cáo rồi chúng ta sẽ bàn sau". Tôi quay lại phòng khách làm việc với Sứ Thần Manfull và chỉ trong vòng nửa tiếng chúng tôi đã soạn xong bản thông cáo, nhưng sau khi nhà ngoại giao Hoa Kỳ đi khỏi, tôi liền nối lại câu chuyện với bác sĩ Quát. Theo ông thì trước đó, ông và Đại Sứ Taylor có trao đổi ý kiến về vấn đề cần phải tăng cường khả năng phòng thủ cho Việt Nam. Trong cuộc trao đổi ý kiến sơ khởi này, Đại Sứ Taylor có đề cập tới đề nghị của tướng Westmoreland muốn có thêm hai tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến ở Đà Nẵng, tuy nhiên phần thảo luận chỉ có tính cách tổng quát, và cũng không có lời yêu cầu chính thức nào từ phía Hoa Kỳ. Ngoài ra ông cũng cho Đại Sứ Taylor biết rõ là ông rất ngần ngại, không muốn thấy Hoa Kỳ can thiệp trực tiếp vào chiến tranh Việt Nam, hay nói một cách khác, ông không muốn thấy cuộc chiến bị "Mỹ hóa". Ông cũng cho biết thêm là riêng về vấn đề này, Đại Sứ Taylor tỏ vẻ chia sẻ quan điểm của ông. Đến lúc tôi hỏi lại tại sao họ lại hành động một cách bất ngờ như vậy thì bác sĩ Quát đáp ngay: "Tôi nghĩ rằng có lẽ chính ông Taylor cũng ngạc nhiên về quyết định mau lẹ này của Hoa Thịnh Đốn, và trong cuộc điện đàm với tôi sáng nay ông ta đã trình bầy vấn đề như là một hành động quân sự có tính cách giới hạn và được thi hành chỉ vì tình hình an ninh xung quanh căn cứ không quân ở Đà Nẵng không được vững".

Hôm sau, các báo ở Sài Gòn và nhiều nơi khác trên thế giới đăng ở trang nhất hình ảnh binh sĩ Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ đang được các thiếu nữ Việt Nam đón chào tại bãi biển Đà Nẵng với những tà áo thướt tha và những vòng hoa choàng tặng, tựa hồ như đã

https://tieulun.hopto.org

có sự thỏa thuận chính thức và chuẩn bị kỹ càng. Mấy ai biết rõ được thực trạng đằng sau những vòng tay rộng mở và những khuôn mặt vui tươi hớn hở đó?

Theo tài liệu của ông Bundy và hồi ký của các ông Alexis Johnson, Taylor và Westmoreland, thì hiển nhiên Đại Sứ Taylor đã vô cùng ngần ngại về việc đổ bộ này. Trong một bức điện văn gửi về bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ ngày 22 tháng 2, 1965, Đại Sứ Taylor đã trình bày thái độ hết sức "dè dặt" của Thủ Tướng Quát. Ông Bundy thì viết như sau: "Đại Sứ Taylor hoàn toàn gạt bỏ việc sử dụng những lực lượng bộ binh Hoa Kỳ (ground forces) và chỉ chấp nhận như một ngoại lệ việc sử dụng trong tương lai một số lực lượng an ninh cho căn cứ Đà Nẵng". Theo ông Bundy thì Đại Sứ Taylor đã trình bày một cách rõ rệt những điểm bất lợi trong sự can thiệp trực tiếp của quân đội Hoa Kỳ, thế mà chỉ hai ngày sau, 24 tháng 2, 1965, tướng Westmoreland đã gửi lời yêu cầu thẳng về bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ xin gửi thêm hai tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến sang Việt Nam.

Khi lời yêu cầu của tướng Westmoreland tới tay Tham Mưu Trưởng Liên Quân thì nhân cơ hội này, bộ Tổng Tham Mưu không những đồng ý, còn đề nghị gửi sang Việt Nam cả một lữ đoàn 5 ngàn người gồm cả pháo binh và máy bay chiến đấu. Theo lời Phó Đại Sứ Alexis Johnson thì được tin này, cả Đại Sứ Taylor và ông đều hết sức "kinh ngạc", vì đề nghị này vượt xa những nhu cầu quân sự và những gì hai ông đã lượng định, do đó mà hai ông cực lực phản đối. Tuy nhiên ngay đêm hôm đó, sau nhiều tranh luận giằng co, hai ông đành phải chấp nhận một giải pháp dung hòa, ưng thuận gửi 3 ngàn 500 Thủy Quân Lục Chiến sang Việt Nam. Hai ông đã miễn cưỡng chấp nhận với điều kiện là sẽ không được gửi thêm nữa và số quân này sẽ phải được rút về một khi Việt Nam có thể đảm trách được việc phòng thủ Đà Nẵng. Ngày 26 tháng 2, 1965, Tổng Thống Johnson chấp thuận đề nghị gửi 3 ngàn 500 Thủy Quân Lục Chiến sang Việt Nam (Theo ông Bundy thì bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ không được hỏi ý kiến về đề nghị này).

Như vậy, trong nội bộ chính phủ Hoa Kỳ, giữa những cố vấn quân sự và dân sự của Tổng Thống Johnson, đã có nhiều quan điểm khác xa nhau. Phe quân sự đã không ngần ngại đi ngược lại những nhận định của phe dân sự, hoặc tìm cách trực tiếp đệ trình thẳng những đề nghị của mình lên Tổng Thống Johnson. Hiển nhiên là Đại Sứ Taylor đã sửng sốt vì không được thông báo trước về quyết định đổ bộ quân lên Đà Nẵng, và trong một cuộc tiếp xúc với tướng Westmoreland, ông không giấu nổi phẫn nộ và đã nhắc lại ông là

https://tieulun.hopto.org

người chịu trách nhiệm tối hậu về chính sách của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Ông lại còn bất bình hơn nữa khi khám phá ra rằng Thủy Quân Lục Chiến đổ bộ với cả chiến xa, đại pháo và những dụng cụ nặng khác, khó có thể coi là cần thiết cho việc phòng thủ một căn cứ như Đà Nẵng. Rõ rệt, ông nhận thấy là đã bị qua mặt. Ngay từ lúc đầu, ông chống lại ý kiến mang nhiều quân vào Việt Nam, nhưng rồi cũng phải chấp nhận hết giải pháp dung hòa này đến giải pháp dung hòa khác, một tiểu đoàn rồi hai tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến, và sau đó là 3 ngàn 500 người. Trong hoàn cảnh ấy, có lẽ cả ông và Phó Đại Sứ Johnson đã tự cho là hãy còn may mắn giữ được số quân gửi sang Việt Nam ở mức đó. Mọi việc đã được quyết định nhanh chóng đến độ những người như ông Bundy ở bộ Ngoại Giao cũng không có cơ hội và thời giờ duyệt xét lại những đề nghị của Tham Mưu Trưởng Liên Quân. Và ngay cả đến ngày giờ và thể thức đổ bộ quân cũng không được thông báo trước cho tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn. Hơn nữa, trong khi Đại Sứ Taylor mong muốn và trông chờ quân Hoa Kỳ được gửi sang một cách kín đáo, thì Thủy Quân Lục Chiến đổ bộ ào ạt lên bãi biển Đà Nẵng như ngày nào ở Iwo Jima, trong chiến tranh Nhật-Mỹ, hơn hai chục năm về trước. Ông Taylor đã miễn cưỡng tuân theo chỉ thị, yêu cầu bác sĩ Quát đồng ý về một biện pháp đã được chính phủ Hoa Kỳ đơn phương tiên quyết và đang được thi hành. Đây quả thật là một lề lối làm việc vội vã, gần như lén lút, mà hậu quả mãi về sau này mới hiện rõ.

Cũng như Đại Sứ Taylor, Thủ Tướng Quát bị đặt vào một tình trạng khó xử. Trong hoàn cảnh lúc ấy, liệu ông có thể ngăn cản hoặc trì hoãn được việc Hoa Kỳ mang quân vào Việt Nam không? Trước hết, chính phủ của ông vừa mới thành lập chưa được hai tuần, chưa có căn bản vững chắc; ngoài ra, chiến tranh càng ngày càng lan rộng và leo thang, nên không dễ gì gạt bỏ được ý kiến của những giới quân nhân Việt Nam và Hoa Kỳ, lúc nào cũng chỉ chú trọng đến khía cạnh quân sự và tính cách cấp bách của vấn đề tăng quân, nhiều hơn là đến hậu quả chính trị lâu dài. Hơn nữa, Đại Sứ Taylor lại đến để trình bày với ông là sự có mặt của một số Thủy Quân Lục Chiến chỉ có tính cách hạn chế và tạm thời. Vì vậy mà giá ông có muốn đi ngược lại chủ trương tăng cường khả năng phòng thủ Việt Nam, thì điều đó chắc chắn không phải dễ dàng.

Từ thế thụ động với vai trò cố vấn đến thế chủ động với chiến dịch Rolling Thunder và 3 ngàn 500 quân được đổ bộ lên bãi biển Đà Nẵng, trong khoảng một thời gian ngắn, Hoa Kỳ đã bước một bước

https://tieulun.hopto.org

dài vào chiến tranh Việt Nam. Và "ném lao thì phải theo lao", những bước kế tiếp trên đường can thiệp, theo lẽ tự nhiên, là điều khó tránh.

Thật vậy, chỉ có hai tuần sau khi Hoa Kỳ đổ quân lên Đà Nẵng, Tham Mưu Trưởng Lục Quân Hoa Kỳ, tướng Harold K. Johnson đã chính thức yêu cầu Tổng Thống Johnson cho phép gửi thêm ba sư đoàn sang Việt Nam, hai sư đoàn Hoa Kỳ và một sư đoàn Đại Hàn. Một lần nữa Đại Sứ Taylor lại phản đối. Ông giữ vững quan điểm mà trước đây ông đã chia sẻ với Thủ Tướng Quát, nghĩa là chấp nhận số 3 ngàn 500 gửi sang nhưng phải hạn chế vai trò của số quân đó. Ông đánh điện thẳng về tòa Bạch Ốc để nói rõ ý kiến là không nên đi quá con số mấy tiểu đoàn tại Đà Nẵng, và đến hạ tuần tháng 3, khi trở về Hoa Thịnh Đốn để thảo luận tiếp về vấn đề, ông cũng vẫn không thay đổi lập trường trong khi các tướng Westmoreland và Harold K. Johnson, cùng với Tham Mưu Trưởng Liên Quân một mực đòi gửi thêm quân sang Việt Nam, mặc dầu số đông các thành phần dân sự trong chính phủ đồng ý với sự dè dặt của Đại Sứ Taylor (4).

Ngày 1 tháng 4, 1965, Tổng Thống Johnson triệu tập Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, có cả Đại Sứ Taylor tham dự, để duyệt xét tình hình Việt Nam và lời yêu cầu tăng quân số. Tại buổi họp, với bản chất cố hữu của ông là tìm cách dung hòa các quan điểm (ông là cựu Lãnh Tụ Đa Số tại Thượng Viện Hoa Kỳ), Tổng Thống Johnson quyết định: thay vì hai sư đoàn theo đề nghị của Tham Mưu Trưởng Liên Quân, ông chỉ cho phép gửi thêm sang Việt Nam có hai tiểu đoàn, nhưng với 20 ngàn nhân viên để lo liệu về binh nhu và tiếp vận. Ngoài ra Thủy Quân Lục Chiến được nới rộng tầm hoạt động. Lúc đầu thì những tiểu đoàn này chỉ có nhiệm vụ phòng thủ căn cứ, nay được phép giữ một vai trò chủ động, tích cực hơn (5). Đây thật là một giải pháp dung hòa, hai phe quân sự và dân sự, phe nào cũng được thỏa mãn một phần, còn riêng Đại Sứ Taylor thì ít nhất ông cũng được kết quả là cầm chân phe quân sự, không để cho họ mang quân ồ ạt sang Việt Nam.

Trong những quyết định trên, quan trọng nhất, theo tôi, là sự chấp thuận cho phép Thủy Quân Lục Chiến nới rộng phạm vi hoạt động. Như vậy, quan niệm "an ninh căn cứ" (base security), có tính cách phòng thủ được áp dụng trước đây, nay đổi thành một thứ chiến lược mới mà người Hoa Kỳ gọi là "enclave strategy" (enclave ở đây có nghĩa là phần đất nằm ở trong một vùng đất rộng lớn hơn) trong phạm vi 80 cây số nếu có lời yêu cầu của phía Việt Nam, thì các chỉ huy Hoa Kỳ có thể tùy cơ tiếp cứu. Từ nay, lực lượng quân sự của Hoa Kỳ tại Việt Nam bắt đầu xuất trận chiến đấu.

https://tieulun.hopto.org

Đại Sứ Taylor trở về Sài Gòn ngay, với nhiệm vụ thuyết phục Thủ Tướng Quát và yêu cầu chính phủ Việt Nam cùng "thỏa thuận" (concurrence) với Hoa Kỳ về những quyết định mới của Hội Đồng An Ninh. Sau vụ đổ bộ quân lên Đà Nẵng vào đầu tháng 3, đây lại là một sự bất ngờ mới nữa đối với ông Quát và tất cả chúng tôi. Thực sự thì chúng tôi không biết chút gì về chủ ý của Hoa Kỳ. Mới vài tuần trước, rõ ràng là Đại Sứ Taylor đã tỏ ra không mấy hài lòng về quyết định gửi hai tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến tới Đà Nẵng; không những thế, ông còn đồng ý với bác sĩ Quát là nhiệm vụ của những tiểu đoàn đó chỉ có tính cách phòng thủ, thế mà bây giờ ông lại trở lại với những chủ trương ngược hẳn.

Dĩ nhiên là Đại Sứ Taylor không thể cho chúng tôi biết những mâu thuẫn trong nội bộ Hoa Kỳ, những quan điểm đối nghịch giữa hai phe quân sự và dân sự, đưa đến giải pháp được ông Bundy gọi là giải pháp "dung hòa". Thực ra chúng tôi cũng chẳng biết thế nào là "dung hòa". Nếu nói thật được, thì có lẽ Đại Sứ Taylor đã thú rằng: chúng tôi cũng lúng túng chẳng khác gì các ông, bàn cãi sôi nổi và rút cục đã chấp thuận một giải pháp nửa vời mà chính chúng tôi cũng chẳng tán thành. Vì Đại Sứ Taylor không nói thật được, chúng tôi cũng không có cách nào biết những khúc mắc về phía Hoa Kỳ, nên bác sĩ Quát đã không đủ dữ kiện để thẩm định đích đáng quyết định mới của Hoa Kỳ.

Tuy vậy, vì yên trí là dầu sao một cường quốc như Hoa Kỳ tất phải tính toán trước sau, chúng tôi cho rằng rất có thể đã có một kế hoạch quy mô nào đó, nhưng muốn giữ kín và chưa thấy cần đem ra bàn với chính phủ Việt Nam. Chúng tôi không được biết Hoa Kỳ nhận định như thế nào tình hình quốc tế, và ước lượng ra sao nhu cầu của Việt Nam? Ưu tiên của Hoa Kỳ là chiến sự, còn về phía Việt Nam thì vấn đề gì cũng đều cấp bách ưu tiên cả. Ngoài tình hình chiến sự, chính phủ Việt Nam còn phải lo làm sao duy trì được một tình trạng chính trị ổn định. Dĩ nhiên, Việt Nam cần người Hoa Kỳ giúp đỡ về phương diện quân sự, nhưng vì chưa đủ thời giờ nghiên cứu, nên chính phủ chưa ý niệm được rõ ràng, viện trợ Mỹ phải thực hiện dưới hình thức nào và tới mức độ nào. Bác sĩ Quát và tôi đã từ lâu không muốn có Hoa Kỳ can thiệp trực tiếp, nhưng làm thế nào để sử dụng được hữu hiệu sự giúp đỡ của một đồng minh lớn mà vẫn tránh được những hậu quả chính trị bất lợi?

Lúc đó, chúng tôi có cảm tưởng là đi trong sương mù. Vốn thận trọng, bác sĩ Quát muốn có thêm tin tức và ý kiến từ bên ngoài. Ông bảo tôi phải tiếp xúc với các giới ngoại giao và báo chí ngoại

https://tieulun.hopto.org

quốc để tìm hiểu sách lược ngắn hạn và dài hạn của Hoa Kỳ. Việt Nam cũng có một Tòa Đại Sứ tại Hoa Thịnh Đốn và Đại Sứ hồi đó là tướng Trần Thiện Khiêm, người đã cùng tướng Khánh tổ chức cuộc chỉnh lý và cũng là người bị tướng Khánh đẩy đi xa sau khi nắm chính quyền, nhưng vì tướng Khiêm mới nhậm chức được ít tháng, hơn nữa lại là một quân nhân ít liên lạc với các giới ngoại giao và báo chí quốc tế, nên tôi không thể trông cậy vào ông, và đành phải xoay xở ngay tại Sài Gòn, đặc biệt là qua ngả những ký giả Hoa Kỳ và ngoại quốc kỳ cựu vẫn thường theo dõi vấn đề Việt Nam. Tôi tìm cách gặp riêng Đại Sứ Taylor và các ông Alexis Johnson và Manfull, mặc dầu vẫn hiểu là với chức vụ của họ, họ sẽ dè dặt. Ngoài ra, tôi cũng tiếp xúc với giới ngoại giao ở Sài Gòn và nhờ một số bạn trong giới báo chí quốc tế dò hỏi thêm tin tức như: George McArthur của tờ Los Angeles Times, Takashi Oka của tờ Christian Science Monitor, Sol Sanders của tờ U.S News and World Reports, Ward Just của tờ Washington Post, Johnny Apple Jr. của tờ New York Times, và Jerry Rose của tờ Saturday Evening Post. Thật không khác gì cảnh "ếch ngồi đáy giếng" đi tìm hiểu thế giới bên ngoài.

Những cố gắng để tìm hiểu vừa mới bắt đầu được ít ngày thì Đại Sứ Taylor đã lại thúc hối, yêu cầu Thủ Tướng Quát đồng ý về những quyết định thêm quân của Hoa Thịnh Đốn ngày 1 tháng 4, 1965, nhấn mạnh rằng dầu sao đa số quân tăng không phải là thành phần tác chiến, nhưng là nhân viên yểm trợ. Cực chẳng đã, bác sĩ Quát một lần nữa phải miễn cưỡng "thỏa thuận". Thực ra thì lúc ấy, nhà cầm quyền Hoa Kỳ vừa bối rối, vừa sốt ruột: bối rối vì muốn ngăn chặn Cộng Sản mà không có được một chính sách dứt khoát, và sốt ruột vì thấy tình trạng suy sụp mà không có một phương cách nào ngăn chặn sự suy sụp. Đối với phe quân sự (như các tướng Westmoreland, Harold Johnson và Wheeler, Tham Mưu Trưởng Liên Quân) thì can thiệp bằng quân sự là việc dĩ nhiên, song những người về phe dân sự như Taylor, Alexis Johnson và Bundy thì dè dặt rõ rệt. (Điều đáng để ý ở đây, là Đại Sứ Taylor là một vị tướng đã từng giữ chức Tham Mưu Trưởng Liên Quân Hoa Kỳ). Về phía Việt Nam thì nội bộ chia rẽ cùng cực, chính phủ bị tràn ngập bởi những khó khăn chồng chất cả về chính trị lẫn quân sự, nên không còn đủ khả năng đối phó với áp lực của Hoa Kỳ. Trong giai đoạn ấy, thì nổi bật nhất vẫn là sự thiếu hiểu biết của Hoa Kỳ về thực trạng Việt Nam và sự thiếu hiểu biết của Việt Nam về chính sách, chủ định và lề lối làm việc của Hoa Kỳ. Vì quá tự tin vào sức mạnh của mình, nên Hoa Kỳ đã cho rằng sự hiểu biết đó không cần thiết. Ngược lại, vì phải tùy

https://tieulun.hopto.org

thuộc quá nhiều vào sự giúp đỡ của Hoa Kỳ, Việt Nam không còn đủ tư thế độc lập để đòi hỏi Hoa Kỳ phải đối xử một cách minh bạch hơn.

Sau buổi họp của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia ở Hoa Thịnh Đốn ngày 1 tháng 4, 1965, Đại Sứ Taylor trở về Sài Gòn, yên trí rằng mọi việc đã thu xếp xong. Ông không ngờ rằng sự thỏa thuận lúc đó với phe quân sự, giới hạn việc gửi thêm quân sang Việt Nam, chỉ là tạm thời. Ngày 11 tháng 4, 1965, tướng Westmoreland gửi thẳng một bức điện cho Đô Đốc Sharp, Tư Lệnh Hạm Đội Thái Bình Dương của Hoa Kỳ, nói rằng vì nhu cầu quân sự, ông cần được tăng viện thêm Lữ Đoàn Dù 173. Sau đó chỉ ba ngày, Bộ Tham Mưu Liên Quân chấp thuận cho Đô Đốc Sharp gửi sang Việt Nam Lữ Đoàn Dù 173. Khi được tin này, Đại Sứ Taylor hết sức bất mãn. Ông nghĩ rằng Tổng Thống Johnson đã chia sẻ thái độ dè dặt cũng như lập luận của ông, nay sự việc lại xảy ra trái ngược hẳn với những điều ông chờ đợi. Ông không giấu nỗi sự bất mãn đó trong một bức điện văn gửi về cho Ngoại Trưởng Dean Rusk ngày 14 tháng 4, 1965. Ông nói: "Những tin tức mà tôi vừa mới nhận được gần đây, liên quan đến việc gửi thêm quân sang Việt Nam, đã cho tôi một ấn tượng rõ rệt là có vài giới đang thúc đẩy một cách vội vã việc tăng quân số. Đây thật là một thái độ tôi không hiểu nổi, một điều hoàn toàn bất ngờ nếu tôi nhớ lại những gì đã được thỏa thuận tại buổi họp của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia ngày 1 tháng 4, 1965" (6). Ngày hôm sau, ông nhận được một bức điện của Thứ Trưởng Bộ Quốc Phòng John McNaughton: "Giới thẩm quyền cao cấp ở đây nhận định rằng tình hình ở Việt Nam đang suy sụp, ngoài chiến dịch oanh tạc miền Bắc, cần phải có hành động mới ở miền Nam để giúp cho Việt Nam đạt được thắng lợi". Bức điện cũng đề cập luôn đến cả đề nghị gửi gấp sang Việt Nam Lữ Đoàn Dù 173 theo như lời yêu cầu của tướng Westmoreland. Đại Sứ Taylor không lấy gì làm hài lòng lắm, và Phó Đại Sứ Alexis Johnson còn viết thêm rằng: "Chúng tôi bị tràn ngập bởi đủ loại đề nghị, con đê bị thẩm lậu ở nhiều chỗ quá, tức nước sẽ vỡ bờ và chúng tôi là những người muốn đi chậm – We 'go slowers' – nên trở tay không kịp" (7).

Để bầy tỏ quan điểm của ông về những biến chuyển dồn dập, vượt ngoài tầm kiểm soát của ông, ngày 17 tháng 4, 1965, Đại Sứ Taylor, trong một bức điện dài gửi cho cả Ngoại Trưởng Dean Rusk lẫn Phụ Tá An Ninh Quốc Gia McGeorge Bundy, kiểm điểm lại những khó khăn gây ra bởi chính sách thiếu dứt khoát và luôn luôn thay đổi từ Hoa Thịnh Đốn. Ông cũng nêu ra trường hợp bác sĩ Quát

https://tieulun.hopto.org

có thể phản đối việc gửi thêm quân. Ông viết: "Tôi rất cần biết rõ về chủ đích và mục tiêu của chúng ta trước khi tôi có thể đặt vấn đề với chính phủ Việt Nam. Tôi cần phải biết rõ vấn đề ra sao và tại sao chúng ta lại phải gửi thêm quân. Ngoài ra, không dễ gì mà có thể thuyết phục và có được sự thỏa thuận của chính phủ Việt Nam nếu muốn đưa một số lớn quân ngoại quốc vào Việt Nam, ngoại trừ trường hợp sự cần thiết đã quá rõ ràng" (8).

Vì quan điểm giữa Đại Sứ Taylor và phe quân sự càng ngày càng đối nghịch nên một buổi họp đặc biệt giữa các giới chức cao cấp Hoa Kỳ được tổ chức tại Honolulu ngày 19 tháng 4. Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara chủ tọa, với sự hiện diện đông đủ của các cấp chỉ huy quân sự Hoa Kỳ, các ông Bundy, McNaughton, Đại Sứ Taylor và Phó Đại Sứ Johnson. Sau hai ngày bàn cãi gay go trong một bầu không khí căng thẳng, một lần nữa Đại Sứ Taylor phải nhượng bộ và chấp nhận đề nghị của phe quân sự đòi tăng quân số ở Việt Nam lên tới 82 ngàn người cùng với một số quân của một vài nước đồng minh lên tới hơn bảy ngàn người. Đại Sứ Taylor đã "miễn cưỡng đồng ý" (theo lời ông Alexis Johnson) để có sự thỏa thuận: phe quân sự chịu rằng quân đội Hoa Kỳ sẽ không mở rộng phạm vi hoạt động và sẽ giới hạn tầm hoạt động ở miền ven biển, xung quanh những căn cứ đóng quân.

Trên đây là diễn tiến mọi việc về phía Hoa Kỳ như các tài liệu đã cho thấy rõ, còn về phía Việt Nam thì không ai biết và nghĩ tới những mâu thuẫn trong nội bộ Hoa Kỳ, do đó chính phủ của bác sĩ Quát chỉ thấy là qua áp lực này đến áp lực khác, Hoa Kỳ đòi gửi thêm quân sang Việt Nam. Bác sĩ Quát chưa kịp thỏa thuận với Đại Sứ Taylor về quyết định ngày 1 tháng 4, 1965, của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ về đợt gửi thêm hai tiểu đoàn và 20 ngàn quân tiếp trợ, thì đã có tin đồn đại là sẽ còn nhiều đợt khác nữa. Ông rất lo âu vì tình hình biến chuyển nhanh quá. Hoàn cảnh đã bó buộc ông phải ngả theo tình thế, nhưng ông nghĩ rằng vẫn còn có thể xoay xở, vì dầu sao số quân mà Hoa Kỳ đòi mang vào tương đối còn ít. Đối với ông, vấn đề được đặt ra là tình hình quân sự đích thực ra sao? Nếu quân đội miền Nam tan rã trước những đợt tấn công của quân du kích và những sư đoàn từ miền Bắc đưa vào, thì chắc chắn là ông không còn sự lựa chọn nào khác; nhưng nếu chưa đến nỗi thế, hay có cơ may nào để chấn chỉnh lại, thì ông vẫn còn có thể chống đỡ.

Vào lúc Đại Sứ Taylor đi họp ở Honolulu về thì một phần nào tôi đã thăm dò được các giới ngoại giao và báo chí ngoại quốc, và đã bắt đầu tham khảo ý kiến của các tướng lãnh và giới quân nhân Việt

https://tieulun.hopto.org

Nam. Ngày 24 tháng 4, 1965, Đại Sứ Taylor lại đến gặp bác sĩ Quát để trình bầy về kết quả buổi họp tại Hawaii, đặc biệt là ý định của Hoa Kỳ tăng số quân lên 82 ngàn. Bác sĩ Quát vẫn nghĩ là trước sau thế nào Hoa Kỳ cũng đòi hỏi đưa thêm quân và từ nhiều tuần lễ trước ông luôn luôn thắc mắc về vấn đề này, nhưng lúc này ông mới nhận thấy rõ tính chất nghiêm trọng và cấp bách của những việc đang xẩy ra. Ông trả lời Đại Sứ Taylor là ông cần phải có thời gian để suy nghĩ và hỏi ý kiến nhiều người. Đại Sứ Taylor vừa ra về thì ông vào ngay phòng tôi, gần như không còn giữ được trầm tĩnh, to tiếng: "Hay là có chuyện gì đặc biệt nguy hiểm về tình hình chiến sự mà chúng ta không biết?" Tôi nghĩ rằng ông không còn tìm được bất cứ một lý do nào khác để giải thích tại sao Hoa Kỳ vội vã, muốn đưa một số quân to lớn như vậy vào Việt Nam. Thực ra, phản ứng và cảm nghĩ của tôi lúc đó cũng không khác gì của ông.

Ngay cuối tuần đó, bác sĩ Quát và tôi dành hết thời giờ để tiếp xúc với các tướng lãnh và các cấp chỉ huy Việt Nam để thăm dò phản ứng của họ. Chúng tôi yêu cầu từng người một cho biết nhận định của họ về mặt quân sự trong những giai đoạn sắp tới, ngắn hạn cũng như dài hạn, và đồng thời cũng trình bầy sự dè dặt của chúng tôi đối với việc Hoa Kỳ muốn đem quân ồ ạt vào Việt Nam. Chúng tôi có nói rõ là chúng tôi dè dặt vì sự có mặt của quân đội ngoại quốc đặt ra vấn đề chủ quyền quốc gia, mà một chính phủ tự trọng phải nghĩ đến trước hết. Ngoài ra, kinh nghiệm cho thấy rằng trên thực tế, tình trạng đó bao giờ cũng gây rất nhiều khó khăn rắc rối. Vào thời còn quân đội Pháp, cùng với phái đoàn Việt Nam điều đình với Pháp, chúng tôi đã phải vất vả đối phó với vấn đề này và ngay sau khi hai tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ Kỳ đổ bộ lên Đà Nẵng, tại Phủ Thủ Tướng chúng tôi đã nhận được rất nhiều đơn khiến nại, đòi bồi thường hay đòi kiện Hoa Kỳ về những chuyện không may xẩy ra do sự đụng chạm hàng ngày giữa lính Mỹ và dân sở tại.

Nhận định và phản ứng của giới quân nhân không làm chúng tôi ngạc nhiên. Hầu hết các cấp chỉ huy cho rằng tình hình ở một vài địa phương có phần khó khăn, nhưng nói chung thì cũng không nguy hiểm đến nỗi phải có những biện pháp cấp bách. Còn về tương lai dài hạn, thì lại khác. Các đơn vị của ít nhất hai sư đoàn chính quy Bắc Việt 324 và 304 đã xuất hiện và tham chiến ở nhiều nơi, ngoài ra việc tăng cường quân đội Việt Nam để đối phó với tình thế mới cũng đòi hỏi nhiều thời gian, trong khi Việt Nam thiếu nhiều điều kiện về nhân lực cũng như vật lực. Dầu sự có mặt của quân đội Hoa Kỳ có thể gây hậu quả chính trị, nhưng về phương diện quân sự, thì rõ rệt đây là một

https://tieulun.hopto.org

lợi điểm cho phép Việt Nam có thêm ngày tháng để tăng cường khả năng chiến đấu của mình.

Cân nhắc những nhận định trên, bác sĩ Quát cho rằng các cấp chỉ huy Việt Nam một phần nào cũng chịu ảnh hưởng của các cố vấn Hoa Kỳ. Nhưng đó là điều dễ hiểu, ngoài ra những cố vấn này đã được huấn luyện trong một khuôn khổ hết sức chặt chẽ, nên họ không để ý nhiều tới những ảnh hưởng tâm lý hay xã hội của việc gia tăng quân số Hoa Kỳ tại Việt Nam và chỉ chú trọng tới khía cạnh an ninh quốc gia, và điều đó lại càng dễ hiểu hơn. Ông ghi nhận những ý kiến đó và quay sang tìm hiểu thêm về phía dân sự, trong chính phủ cũng như ngoài chính phủ.

Vì lúc đó chính phủ của bác sĩ Quát không có một căn bản hiến định nào (9), tất cả những cố gắng để tham khảo ý kiến của ông đều không có tính cách chính thức và chỉ nhằm mục đích giúp ông hiểu rõ quan điểm của mọi người để được những quyết định sáng suốt; nhưng rốt cuộc thì trách nhiệm vẫn do mình ông gánh chịu. Ông cho tôi biết là đã nhiều lần thảo luận với bác sĩ Đỗ (Tổng Trưởng Ngoại Giao) và trung tướng Thiệu (Tổng Trưởng Quốc Phòng) và nhiều vị khác trong chính phủ, và ông cũng đang hỏi ý kiến của những giới chính trị bên ngoài. Vì không có đủ thời giờ và cũng vì vấn đề có tính cách "quân sự và mật", nên phản ứng của giới chính trị bên ngoài, nói chung, cũng không khác gì của giới quân nhân. Người thì cho rằng càng quốc tế hóa chiến tranh bao nhiêu thì càng lợi cho miền Nam bấy nhiêu, vì đàng sau Bắc Việt là cả một khối Cộng Sản Quốc Tế, người khác bảo cần Hoa Kỳ giúp, thì cũng cần có thời hạn. Phải chăng dư luận chung cho rằng sau khi Hoa Kỳ đã đổ bộ quân lên Đà Nẵng và oanh tạc Bắc Việt, thì còn gì phải bàn cãi về một việc đã rồi, tức là sự tham chiến trực tiếp của Hoa Kỳ?

Tôi rất thông cảm với bác sĩ Quát về nông nỗi của ông. Đơn thương độc mã, ông làm Thủ Tướng của một nước đang có chiến tranh, quyền lực thì mong manh mà địa vị thì cũng chẳng lấy gì làm vững vàng. Có lúc ông đã thổ lộ với tôi rằng ở vào những giờ phút khó khăn, ông chỉ còn biết trông chờ vào những gì và "lương tâm và linh tính" bảo ông phải làm. Nếu gạt bỏ hẳn được thực tế chính trị, thì có lẽ ông đã khước từ khi Hoa Kỳ đòi mang quân ồ ạt sang Việt Nam, nhưng hoàn cảnh đã không cho phép ông làm theo ý muốn. Ngày 28 tháng 4, 1965, ông thông báo cho Đại Sứ Taylor là Việt Nam thỏa thuận để Hoa Kỳ mang thêm quân vào Việt Nam. Trong thâm tâm, ông nghĩ rằng: nên tạm chịu, đợi cho tình hình rồi đây có thể khả quan hơn, lúc đó sẽ liệu cách xử sự với Mỹ.

https://tieulun.hopto.org



Tháng 1 năm 1954 tại Đà Lạt, tác giả cùng với bác sĩ Phan Huy Quát lúc đó đang làm Tổng Trưởng Quốc Phòng

Công bằng mà nói, thì không phải Hoa Kỳ chỉ theo đuổi một mục đích duy nhất là mở rộng chiến tranh. Song song với quyết định gửi quân sang Việt Nam, bằng đường lối ngoại giao, Hoa Kỳ luôn luôn dò dẫm xem có thể đàm phán với Bắc Việt không? Về những cố gắng mưu cầu hòa bình bằng một giải pháp thương lượng của Hoa Kỳ thì chính phủ Việt Nam cũng không biết gì mấy, chẳng khác trường hợp không biết về chủ đích và chiến lược của Hoa Kỳ. Đối với một chính quyền đã phải thay đổi năm lần bảy lượt trong đó có hơn một năm, Hoa kỳ đã không tiết lộ hết mọi việc. Đó là điều có thể thông

https://tieulun.hopto.org

cảm được, nhưng nếu là những vấn đề trọng đại, ảnh hưởng đến sự sống còn của miền Nam Việt Nam như chiến tranh và hòa bình thì điều này không hợp lý chút nào.

Chính phủ Việt Nam chỉ được thông báo một hai ngày trước về đề nghị hòa bình mà Tổng Thống Johnson chính thức công bố qua bài diễn văn của ông ngày 7 tháng 4, 1965, tại trường Đại Học Johns Hopkins, quyết định tạm ngưng ném bom Bắc Việt tháng 5, 1965, và dự định triệu tập lại Hội Nghị Genève dưới quyền chủ tọa của Anh Quốc và Liên Xô (10). Nhưng tuyệt nhiên chính phủ Việt Nam không được thông báo gì về những vụ thăm dò Bắc Việt qua trung gian của Đại Sứ Gia Nã Đại J. Blair Seaborn, nguyên Trưởng Phái Đoàn Kiểm Soát Quốc Tế Đông Dương; hoặc những vụ tiếp xúc giữa Hoa Kỳ và Đại Sứ của Trung Cộng tại Ba Lan và Mai Văn Bộ, Đại Diện của Hà Nội ở Ba Lê (như những tài liệu mật về sau này cho biết) (11).

Trường hợp nửa sáng nửa tối này đã bắt buộc Việt Nam phải nửa tin nửa nghi, và đó là điều bất lợi cho cả Hoa Kỳ lẫn Việt Nam. Cộng Sản Bắc Việt ngoảnh mặt làm ngơ, từ chối mọi đề nghị công khai hay móc nối kín đáo của Hoa Kỳ, không còn ai nói tới điều đình nữa, và mọi người lại chỉ chú ý đến tình hình chính trị và quân sự tại miền Nam.

Về thảm trạng chiến tranh và những hậu quả về sau này, tôi không có ý đổ hết mọi trách nhiệm lên đầu người Mỹ. Đất nước là đất nước Việt Nam, nên trước khi nói đến người ngoại quốc, người Việt phải thẳng thắn nhìn nhận những lỗi lầm và can đảm nhận phần trách nhiệm của mình. Xã hội bị phân hóa, các đoàn thể quốc gia bị suy nhược, mỗi người chạy theo quyền lợi riêng tư của mình, không ai bảo được ai, tình trạng đó thuộc trách nhiệm chung của mọi sĩ phu trong nước, còn trách nhiệm lớn lao nhất, về sự mất còn của miền Nam, thì đó là trách nhiệm của những người lãnh đạo chính quyền miền Nam, một trách nhiệm mà Hoa Kỳ cũng phải chia sẻ.

Do ngẫu nhiên của thời cuộc, trong suốt một thập niên, từ lúc Hoa Kỳ nhập cuộc cho đến lúc Hoa Kỳ kiếm đường đi ra, tôi như một nhân chứng được dịp tận mắt chứng kiến những gì xảy ra. Dĩ nhiên cái nhìn của tôi là của một cá nhân, chỉ được biết sự việc qua con mắt hạn hẹp, chủ quan của mình, và phải đợi đến những năm về sau này, sau khi tra cứu những tài liệu của thời kỳ lịch sử đã qua, mới hiểu thêm được mọi việc. Nhưng những gì tôi biết hay tìm hiểu được, dầu có hạn hẹp hay chủ quan, tôi cũng xin thẳng thắn trình bầy ở đây. Tôi mong rằng những đóng góp chân thành của tôi sẽ có thể một phần nào giúp được những người về sau này muốn tìm hiểu chính sách Hoa Kỳ

https://tieulun.hopto.org

trong chiến tranh ở Việt Nam, cũng như hoàn cảnh Việt Nam trong giai đoạn lịch sử khó khăn này.

---

(1) The Pentagon Papers, Bantam Books, 1971.
(2) The Bundy Papers (chưa xuất bản) chương 19 và 20.
(3) The Right Hand of Power by Alexis U. Johnson, Prentice Hall, 1984, trang 427.
(4) The Bundy Papers, Chương 23.
(5) Biên bản của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia số 328, ngày 6 tháng 4, 1965.
(6) Điện tín mật số 3384, Pentagon Papers trang 404.
(7) Pentagon Papers trang 404, Swords and Plowshares của Maxwell Taylor, trang 342, và Right Hand of Power của Alexis Johnson, trang 428.
(8) Pentagon Papers trang 445.
(9) Lúc đó, Việt Nam không có Quốc Hội, Quốc Trưởng thì cũng chỉ có tính cách tạm thời, quyền hạn của Quốc Trưởng và của Thủ Tướng không được quy định rõ ràng, Hội Đồng An Ninh Quốc Gia như của Hoa Kỳ cũng không có.
(10) Về vấn đề này, để thống nhất quan điểm của 2 chính phủ, bác sĩ Đỗ có tổ chức nhiều buổi họp hạn chế với sự có mặt của Thủ Tướng Quát, 2 Đại Sứ Taylor và Johnson. Lập trường chung được xác định như sau: Bắc Việt chấm dứt xâm lược và các âm mưu lật đổ chính quyền miền Nam, tất cả các lực lượng quân sự không phải của miền Nam (Bắc Việt và ngoại quốc) phải rút khỏi miền Nam, thống nhất là nguyện vọng chung của dân tộc Việt Nam, nhưng phải được thực hiện bằng phương pháp hòa bình.
(11) Tài liệu trong Pentagon Papers dành riêng cho những vụ tiếp xúc bí mật giữa Hoa Kỳ và Cộng Sản Bắc Việt (The Secret Diplomacy of the Vietnam War: The negotiating volumes of the Pentagon Papers).

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 18
Từ Chính Phủ Phan Huy Quát Đến Chế Độ Quân Nhân

Những biến cố trong tháng 3 và tháng 4, 1965 đã hoàn toàn thay đổi tính chất của chiến tranh Việt Nam. Du kích và phản công giữa hai miền Nam, Bắc, cũng như tình trạng lủng củng trong nội bộ miền Nam, tất cả bỗng nhiên như bị lu mờ bởi sự tham gia trực tiếp và đột ngột của Hoa Kỳ vào cuộc chiến với các hậu quả dây chuyền. Hoa Kỳ còn lôi kéo một số nước khác trong vùng Thái Bình Dương để giúp miền Nam như Đại Hàn, Thái Lan, Phi Luật Tân, Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan. Trận địa là lãnh thổ Việt Nam, và tranh chấp là chuyện của người Việt Nam, nhưng rõ rệt cuộc chiến đã mang màu sắc quốc tế, một bên là miền Bắc với sự giúp đỡ của khối Cộng Sản cầm đầu bởi Liên Xô và Trung Cộng, một bên là miền Nam với sự giúp đỡ của một số quốc gia "đồng minh" dưới sự lãnh đạo của Hoa Kỳ.

Mặc dầu phải đối phó với những vấn đề nhức óc, bác sĩ Quát vẫn cố gắng theo đuổi những mục tiêu mà ông đã tự đặt ra khi ông nhận lập chính phủ. Ông hy vọng chính phủ sẽ tồn tại để ông có cơ hội thuyết phục các tướng tá trở về với nhiệm vụ chiến đấu của họ (thay vì xen vào chính trị) và những đoàn thể tôn giáo và chính trị ngồi lại với nhau để cùng lo việc nước.

Nếu được như vậy, thì ông nghĩ là miền Nam Việt Nam có thể trước hết tổ chức những cuộc bầu cử địa phương, rồi sau đó tiến tới việc soạn thảo một hiến pháp mới để lần lần ổn định hẳn tình hình. Ông không ngờ được rằng chẳng khác gì một cơn gió lốc, đồng thời với những vấn đề từ bên ngoài đưa tới, những vấn đề nội bộ cũng chiếm hết tâm chí và thời giờ của ông. Ông cầm quyền được bốn tháng mà tôi có cảm tưởng là tất cả mọi việc đã dồn dập xảy ra cùng một lúc như trong một chớp mắt. Tôi liên tưởng đến một câu viết của ông Henry Kissinger: "Chính trị gia luôn luôn bị buộc phải chọn lựa rồi quyết định trong lúc không biết được những gì sẽ xảy ra trong tương lai, mà có khi không biết được cả những gì đang xảy ra trong hiện tại". Tôi nhớ lại rằng trong những ngày ấy, không mấy khi tôi nhìn thấy được ánh sáng ở khu rừng mà chúng tôi đang phải len lỏi băng qua.

https://tieulun.hopto.org

Tuy nhiên, bác sĩ Quát vẫn kiên nhẫn theo đuổi chủ đích của ông. Ông cố gắng khuyên nhủ các tướng tá để họ rời khỏi chính trường trở về với nhiệm vụ thuần túy của quân nhân thời chiến, và ủng hộ các nỗ lực ổn định của chính phủ. Nếu được như vậy, thì ông đã vượt được một quãng đường dài. Thực ra thì trong việc này, ông có nhiều lợi điểm hơn nhiều người khác. Trước hết, ông giữ được mối giao hảo với một số đông tướng tá mà ông đã quen biết hay nâng đỡ từ lúc họ còn là những sĩ quan trẻ tuổi trong quân đội. Họ biết ông là một chính trị gia đứng đắn mà họ có thể tin cậy. Ngoài ra, có lẽ vì ngay trong hàng ngũ của họ không ai chịu thua ai, nên họ chấp nhận dễ dàng vai trò trọng tài của ông. Vì thế, ông đạt được một kết quả đáng kể. Vào đầu tháng 5, ông được họ cho nghe theo và giải tán Hội Đồng Quân Lực đã dựng lên từ ngày còn tướng Khánh. Hội Đồng Quân Lực không có một căn bản pháp lý nào cả, và chỉ là một tổ hợp lỏng lẻo của phe quân nhân, một lợi khí của nhóm tướng trẻ để gây áp lực trên chính trường mỗi khi họ thấy cần. Nhưng đối với chính phủ nào thì Hội Đồng này cũng là một chướng ngại vật cần phải loại bỏ càng sớm càng hay. Giải tán được Hội Đồng không có nghĩa là giải quyết được mọi vấn đề, nhưng ít nhất thì cũng là một bước tiến trên đường bình thường hóa đời sống chính trị trong nước.

Có lẽ đây là một thắng lợi đáng kể nhất trong thời gian ngắn ngủi ông là Thủ Tướng, vì chỉ ít lâu sau, ông vấp phải sự chống đối của những chính trị gia vốn không ưa ông. Về sau này, ngay trong số các bạn hữu ủng hộ ông, một số người cho rằng sau khi giải tán được Hội Đồng Quân Lực một cách tương đối dễ dàng, ông trở nên quá lạc quan, do đó mà lơ là không chịu tìm cách xoa dịu những thành phần đối lập ở phía dân sự. Công bằng mà nói, thì trong bầu không khí cực kỳ chia rẽ của thời ấy, giá có cố gắng thì chưa chắc ông đã thành công.

Một trong số những chính trị gia thiếu thiện cảm với bác sĩ Quát, có ông Phan Khắc Sửu. Ông Sửu là một nhân sĩ miền Nam nhiều tuổi đã cùng với bác sĩ Quát trong nhóm Caravelle ký vào bức thư gửi ông Diệm năm 1960 và được tướng Khánh cử vào chức vụ Chủ Tịch Thượng Hội Đồng Quốc Gia (chức vụ này tương đương với chức vụ Quốc Trưởng, có tính cách đại diện hơn là thực quyền). Ông cũng là người không chịu ký vào giấy giải nhiệm các "tướng già", nguyên nhân của cuộc khủng hoảng chính trị hồi cuối năm 1964, do đó ông bị nhóm các tướng trẻ mang lên giữ tại Pleiku trên vùng Cao Nguyên. Khi bác sĩ Quát làm Thủ Tướng thì ông vẫn giữ chức vụ Chủ Tịch Thượng Hội Đồng. Với tư cách này và bản tính ngang ngạnh của

https://tieulun.hopto.org

ông, vào đầu tháng 6, 1965, ông gây một cuộc khủng hoảng chính trị thứ hai, mà hậu quả rõ rệt nhất là cả ông lẫn bác sĩ Quát đều bị loại hẳn ra khỏi chính trường miền Nam.



Sài Gòn, tháng 4 năm 1965 – Thủ Tướng Phan Huy Quát họp báo (từ trái sang phải: Bộ Trưởng Thông Tin Linh Quang Viên, Phó Thủ Tướng Nguyễn Văn Thiệu, Thủ Tướng Phan Huy Quát, Phó Thủ Tướng Trần Văn Đỗ, Bộ Trưởng Giáo Dục Nguyễn Tiến Hỷ, Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng Bùi Diễm)

Cũng như trong nhiều trường hợp khác, cuộc khủng hoảng chính trị cuốn trôi chính phủ Quát vào tháng 6, 1965 đột khởi từ "những chuyện không đâu". Vì những vụ đánh phá của quân du kích trên những trục lộ từ tỉnh về Sài Gòn rồi lại những mưu mô đầu cơ của một số gian thương, cuối tháng 5, gạo ở thủ đô Sài Gòn bỗng nhiên khan hiếm và giá nhẩy vọt, dư luận xôn xao. Chính phủ phải can thiệp, hai bộ Kinh Tế và Nội Vụ hứa giải quyết vấn đề. Nhưng một tuần lễ, rồi hai tuần lễ trôi qua mà tình hình cũng vẫn không được cải thiện. Bác sĩ Quát tỏ ra hết sức bực bội về sự bất lực của hai vị Tổng Trưởng hữu trách. Ông hành động dứt khoát, tự đảm trách việc gạo và giải nhiệm hai vị Tổng Trưởng. Nhưng người có quyền ký giấy giải nhiệm hay bổ nhiệm các Tổng, Bộ Trưởng lại là Chủ Tịch Hội Đồng; ông Sửu nhất định không ký sắc lệnh theo đề nghị của Thủ Tướng. Thực ra thì trong cuộc không phải đơn giản có một mình ông Sửu. Một số chính trị gia miền Nam trong nhóm ông Sửu, từ trước vẫn không ưa bác sĩ Quát, nay thấy hai người miền Nam bị thay thế,

https://tieulun.hopto.org

liền vin vào cớ đó để yêu cầu ông Sửu đánh đổ chính phủ Phan Huy Quát. Cùng với những nhóm trên đây, còn có những thành phần Công Giáo: họ thấy bác sĩ Quát được phe Phật Giáo ủng hộ, nên nghi rằng chính phủ đã ngả về phía Phật Giáo, do đó mà cũng góp sức để đánh đổ chính phủ.

Cuộc khủng hoảng kéo dài sang đến tháng 6 vì không ai chịu ai, ngoài ra vì tất cả những cơ cấu chính quyền, từ chính phủ đến Thượng Hội Đồng, đều có tính cách lâm thời, không có một căn bản hiến định nào, nên thiếu chuẩn đích pháp lý để phân xử, ai phải ai trái. Bác sĩ Quát một mặt nhờ bác sĩ Đỗ (1) làm trung gian điều đình với các giới chính trị miền Nam và một mặt nói chuyện với một số tướng lãnh để cố tìm một giải pháp thỏa đáng cho cuộc khủng hoảng. Mặc dầu bác sĩ Đỗ là người hiền lành được cảm tình của nhiều giới, ông đã hoàn toàn thất bại trong nhiệm vụ hàn gắn của ông. Chỉ trong một thời gian ngắn, ông đã nhận thấy rõ rằng các nhóm chính trị nấp sau lưng ông Sửu chỉ nhằm có một mục đích duy nhất là đánh đổ ông Quát, không cần biết đến hậu quả sẽ ra sao. Còn về phía quân đội mà bác sĩ Quát tưởng rằng có thể trông chờ, thì một cách bất ngờ tình thế lại chuyển sang hướng khác, không phải vì quân đội chống đối cá nhân ông như trong trường hợp một số chính khách, nhưng vì một số tướng tá trẻ vẫn tiếp tục hoạt động ngấm ngầm sau khi Hội Đồng Quân Lực đã giải tán. Với một thành phần phức tạp, nhóm này gồm một số người có tham vọng chính trị, những người quan niệm rằng quân đội là một tập thể có tổ chức nên phải đứng ra lãnh đạo đất nước trong lúc chiến tranh lan rộng. Dưới mắt họ thì chính phủ bị tê liệt bởi một cuộc khủng hoảng không lối thoát, đó là một cơ hội cho họ hành động. Họ cho biết: họ đã tỏ thiện chí bãi bỏ Hội Đồng Quân Lực để nhường chỗ cho một chính phủ dân sự, nhưng tình trạng khủng hoảng kéo dài một cách vô lý giữa ông Sửu và bác sĩ Quát đã chứng tỏ rằng quân đội phải can thiệp để chấm dứt tình trạng bế tắc.

Vì còn tin rằng nhiều thành phần trong quân đội vẫn có cảm tình với ông nhiều hơn là với ông Sửu, ngày 11 tháng 6, 1965, bác sĩ Quát triệu tập một phiên hội đồng chính phủ đặc biệt tại phủ Thủ Tướng dưới sự chủ tọa của ông Sửu và sự hiện diện của nhiều tướng lãnh. Ông dự định trình bầy mọi khía cạnh của vụ tranh chấp, với hy vọng quân đội sẽ giúp ông giải quyết cuộc khủng hoảng. Gần bốn năm chục người chen chúc nhau trong một bầu không khí căng thẳng. Cả ông Sửu lẫn ông Quát, không ai chịu nhượng bộ, tình trạng bế tắc mặc nhiên đặt quân đội vào vai trò trọng tài. Lấy cớ rằng đất nước đang trong tình trạng chiến tranh, họ đòi hỏi chính phủ và ông Sửu

https://tieulun.hopto.org

phải sớm giải quyết vấn đề. Lời qua tiếng lại mỗi lúc một gay gắt, bác sĩ Quát tuyên bố ngay tại hội trường là ông quyết định từ chức và giải tán chính phủ. Quyết định của ông đã buộc ông Sửu cũng phải từ chức theo, mở đường cho một giai đoạn mới trong lịch sử miền Nam, giai đoạn quân nhân nắm chính quyền. Ngày hôm sau, có hai Ủy Ban Quân Sự ra đời, đó là Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia do tướng Nguyễn Văn Thiệu làm Chủ Tịch (với cương vị Quốc Trưởng) và Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương do tướng Nguyễn Cao Kỳ làm Chủ Tịch (với cương vị Thủ Tướng). Đây là màn kết chua chát cho cuộc thí nghiệm chính phủ dân sự, sau khi ông Diệm bị lật đổ.

Biến chuyển mới này làm cho Phó Đại Sứ, Alexis Johnson, than phiền với tôi rằng: "Trong chỗ tình bạn với nhau, tôi phải thú thực với anh là chúng tôi hết sức thất vọng về việc bác sĩ Quát từ chức". Quả thực, Hoa Kỳ đã đặt quá nhiều kỳ vọng vào bác sĩ Quát và kỳ vọng bao nhiêu thì thất vọng bấy nhiêu. Dưới con mắt của người Mỹ tại Việt Nam, bác sĩ Quát là một chính trị gia già dặn, rất đứng đắn và giàu kinh nghiệm, đáng tin cậy (người Hoa Kỳ hay dùng danh từ "reliable", vì vậy mà khi bác sĩ Quát thất bại, họ coi như chính họ thất bại. Họ cảm thấy đã bất lực không giúp gì được bác sĩ Quát, như khách bàng quan đứng ngoài nhìn thấy những sự ngang tai trái ý mà đành bó tay chịu đựng. Không những thế, hầu như họ có một mặc cảm ngại ngùng, họ không biết xử trí ra sao với chính phủ mới gồm có những tướng trẻ, như hai tướng Thiệu và Kỳ, đã từng đụng độ với họ từ thời còn tướng Khánh. Đại Sứ Taylor về sau này trong cuốn hồi ký của ông có ghi rằng: "Hoa Kỳ không có lý do gì để lạc quan và chào mừng khi ông Kỳ lên làm Thủ Tướng!"

Riêng về phần tôi, lúc chính phủ Quát rút lui, thực sự tôi mệt mỏi, chán ngán, không còn đầu óc để nghĩ đến những chuyện xa xôi nữa. Rồi đây tình hình sẽ biến chuyển ra sao? Đó là trách nhiệm của những người mới lên cầm quyền. Bác sĩ Quát tự mình giải tán chính phủ để nhường quyền lại cho phe quân nhân, như thế có phải là một quyết định thích đáng không? Tôi thấy là cũng không cần phải nghĩ lại nữa. Sau bốn tháng căng thẳng, hết khủng hoảng này đến khủng hoảng khác, tôi kiệt sức, cả về thể xác lẫn tinh thần. Cảm tưởng, thì rõ ràng là một cảm tưởng pha trộn, vừa thất vọng, trống rỗng, vừa nhẹ nhõm như trút được một gánh nặng từ trên vai xuống. Và ý nghĩ đầu tiên đến với tôi là cần một thời gian di dưỡng để lấy lại sinh lực.

May là đúng vào lúc đó, các con tôi bắt đầu được nghỉ hè, nên tôi được dịp cho cả gia đình ra Nha Trang. Ở đó, xa Sài Gòn, tôi chắc là tôi sẽ quên được cả chiến tranh lẫn chính trị. Khung cảnh Nha

https://tieulun.hopto.org

Trang thật là lý tưởng cho những ngày nghỉ ngơi. Sáng sáng, chúng tôi mướn một chiếc thuyền con để đi ra những hòn đảo nhỏ ngoài khơi, rồi ở đó đến chiều mới về. Trên những bãi cát trắng mịn, chúng tôi hòa mình với những người làm nghề chài lưới và xem họ mang về những mẻ lưới đầu tiên vào lúc ánh ban mai chiếu xuống mặt nước lung linh trong vắt. Tôi thấy người nhẹ hẳn, tựa hồ lạc vào chốn thần tiên nào đó để hưởng những vẻ đẹp thiên nhiên. Tôi quên hẳn chính trị và trong lúc thoải mái nghĩ ngay cả đến dự định tổ chức lại tờ Saigon Post, một việc mà tôi đã muốn làm từ những ngày đầu năm, trước khi tham gia chính phủ Phan Huy Quát. Và dĩ nhiên, tôi không hề nghĩ được là sẽ cộng tác với chính quyền mới. Tôi không biết nhiều về ông Kỳ. Trong lúc làm việc, một đôi lần tôi có gặp ông trong những buổi họp với các tướng lãnh để bàn về những vấn đề quân sự hay về Hội Đồng Quân Lực.

Cũng như đối với tướng Thiệu, liên hệ giữa tôi và ông Kỳ lúc đó chỉ ở mức xã giao bình thường. Hơn nữa tôi lại là Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng của một chính phủ vừa sụp đổ, nên theo lẽ thường thì tôi phải trở về với đời sống bình thường của một người dân. Vì những lý do đó, tôi không tưởng tượng là ông Kỳ có thể yêu cầu tôi giúp việc.

Tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy ông Kỳ vời tôi trở lại giúp ông trong chức vụ Phụ Tá Kế Hoạch và Ngoại Viện, đặc biệt là phụ trách vấn đề viện trợ Mỹ và liên lạc với Hoa Kỳ: ông không nói rõ tại sao ông nghĩ đến tôi và trong buổi gặp gỡ đầu tiên, ông cũng không nói gì nhiều. Ông chỉ bảo rằng tình hình quân sự càng ngày càng khó khăn, vì vậy nên cần phải có sự liên lạc chặt chẽ với Hoa Kỳ và sau hết, cho biết là ông có nói qua với bác sĩ Quát về trường hợp của tôi. Quen làm việc với bác sĩ Quát, tôi thấy lề lối của ông Kỳ có phần khác lạ, đặc biệt, nhưng vì chưa được biết ông nhiều, tôi thấy không tiện hỏi. Có lẽ ông cũng chẳng thấy cần phải hỏi tôi có nhận lời ông không; ông để mặc tôi trở về với những suy nghĩ riêng tư. Ngay hôm đó, tôi tìm đến bác sĩ Quát và một số bạn thân để hỏi ý kiến. Bác sĩ Quát xác nhận với tôi là ông Kỳ có gọi dây nói để hỏi về tôi nhưng cũng không nói rõ mọi việc. Còn về vấn đề cộng tác với ông Kỳ, thì tuy bác sĩ Quát không nói rõ, cảm tưởng rõ rệt của tôi là ông hết sức lưỡng lự. Trước hết, ông nói rằng ông không thấy có gì trở ngại đặc biệt với ngay cả bác sĩ Đỗ và một số người khác trong chính phủ cũ nay cũng ở trong chính phủ mới. Ngoài ra, ông cũng đồng ý với ông Kỳ là trong lúc Hoa Kỳ đang đổ quân vào Việt Nam, chính phủ cần phải giữ liên lạc với Hoa Kỳ, vì vậy ông nghĩ rằng "cũng nên tiếp xúc với các anh em trong quân đội để giúp họ hiểu rõ mọi sự khó khăn".

https://tieulun.hopto.org

Như thế, tôi hiểu rằng ông không chống đối nếu tôi cộng tác với ông Kỳ, nhưng tôi chắc ông hãy còn nhiều chua chát sau kinh nghiệm vừa trải qua và không muốn tôi nhận lời của ông Kỳ. Ông kết luận sau hết bằng một lời khuyên mà tôi cho là bộc lộ rõ rệt tâm trạng của ông: "Nếu cần để chứng tỏ thiện chí, anh có thể giúp họ một thời gian, rồi sau đó lấy lý do sức khỏe để cáo lui".

Dẫu sao, tôi vẫn còn nhiều thắc mắc khiến tôi ngần ngại. Tôi ngần ngại vì phải cộng tác với những tướng lãnh mà tôi không được biết nhiều. Tôi thường nghĩ họ là những người hiếu động, quyết định quá dễ dàng hoặc không có ý niệm rõ rệt về những vấn đề căn bản của đất nước như xây dựng dân chủ hay thực hiện công bằng xã hội. Ngoài ra, tôi ngần ngại vì dẫu bác sĩ Quát đồng ý để tôi cộng tác với ông Kỳ chăng nữa, thì rồi đây cũng sẽ có những lời dị nghị, đặt câu hỏi tại sao tôi có thể ngồi lại được? Chính trong lúc tôi còn đang cân nhắc đắn đo, một người bạn tôi vẫn gần gũi ông Kỳ đến cho tôi biết rằng: "Thực sự họ lên cầm quyền mà không có một chút sửa soạn nào cả, họ không biết một chút gì về phía Hoa Kỳ, vì vậy mà họ cần đến anh. Với lề lối làm việc của những người quân nhân, ông Kỳ không cần phải mời anh lấy lệ, ông ta có hỏi tôi về anh và tôi hiểu là ông ta thực lòng muốn anh cộng tác, ít nhất là trong giai đoạn hiện tại, để việc giao thiệp với Hoa Kỳ tiếp tục điều hòa". Tôi vốn không có ảo tưởng về khả năng mình, nhưng nghe lời anh bạn, tôi cũng đỡ đắn đo. Rồi tự xét lại, tôi thấy mình vẫn còn ham tranh đấu. Dựa vào lời khuyên của ông Quát, tôi đi tới quyết định: "Thì cứ thử xem sao! Cùng lắm thì lại đi ra!" Hôm sau, tôi trở về bàn giấy cũ và trả lời ông Kỳ là tôi nhận lời ông.

Trong những ngày đầu làm việc với ông Kỳ, tôi không mấy dễ chịu. Tuy ông và những sĩ quan thân cận đối xử với tôi ân cần, nhưng tôi vẫn cảm thấy như lạc lõng giữa một đám người xa lạ. Tôi dồn hết tâm trí vào phần vụ của một phụ tá, chuẩn bị cho ông Kỳ hồ sơ cần thiết về những vấn đề đối ngoại, và chỉ gặp ông khi nào ông muốn. Nhưng quân đội Hoa Kỳ đến Việt Nam mỗi ngày một đông, do đó những vấn đề giữa hai chính phủ cũng mỗi ngày một nhiều, trong khi đó thì không phải lúc nào Đại Sứ Hoa Kỳ cũng có thể gặp Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương, cho nên tôi không ngạc nhiên khi nhân viên tòa Đại Sứ, thấy tôi ngồi lại, cứ gõ cửa vào văn phòng tôi để yêu cầu tôi lưu ý ông Chủ Tịch về vấn đề này hay vấn đề khác. Và ngược lại tôi cũng không lấy làm lạ khi thấy ông Kỳ coi tôi như một trung gian thích hợp để đo lường phản ứng của Hoa Kỳ đối với những dự định hay quyết định của ông. Rồi ngày này qua ngày khác, ông

https://tieulun.hopto.org

quen dần với sự có mặt của tôi và bắt đầu hỏi ý kiến tôi về những việc đối ngoại. Nhiều khi ông giữ tôi lại dùng bữa trưa với ông, ngay tại văn phòng, để có nhiều thời giờ bàn luận.

Ông Kỳ tỏ vẻ chịu khó nghe tôi trình bầy mỗi khi ông hỏi, và có những nhận xét khá nhanh về cách giải quyết các vấn đề. Ông không phải là một chính trị gia già dặn, có những quan điểm sâu sắc về chính trị, nhưng với tính tình tự nguyện, không có mặc cảm, ông cũng lôi cuốn được một số người trẻ. Ông có tật hay tuyên bố bừa bãi, không kể gì đến hậu quả, ngoài ra lối sống cũng như cách thức ăn mặc của ông không mấy phù hợp với quan niệm bảo thủ của tôi về một người cầm đầu chính phủ, nhưng mặc dầu như vậy, tôi vẫn nghĩ ông là người thẳng thắn, có tâm huyết đối với xứ sở.

Trong phạm vi trách nhiệm của tôi, tôi thường trình bầy đầy đủ cho ông những gì tôi hiểu biết được về việc Mỹ gửi quân sang Việt Nam từ mấy tháng trước, và tôi cũng nói rõ với ông quan niệm của bác sĩ Quát và của riêng tôi. Ông chia sẻ những thắc mắc của chúng tôi, nhưng xem ra, là một quân nhân, ông cũng bị ảnh hưởng không ít bởi những vụ tập kích liên tiếp của địch ở nhiều nơi, và đặc biệt bởi vụ nổ bom ngay tại bến tầu Sài Gòn, ở nhà hàng Mỹ Cảnh. Theo ông thì bằng đủ mọi cách, phải lấy lại thế chủ động trong cuộc chiến và muốn đạt được mục đích này, thì chắc chắn phải nhờ vả đến Hoa Kỳ.

Về vấn đề này thì cũng như trong trường hợp bác sĩ Quát mấy tháng trước, chính phủ mới của Việt Nam cũng không biết gì về những dự tính hay kế hoạch của Hoa Kỳ. Sự thực thì ngay trước khi chính phủ Quát rút lui, tướng Westmoreland đã yêu cầu Hoa Thịnh Đốn gửi thêm quân sang Việt Nam ngoài số đã được thỏa thuận giữa hai chính phủ hồi tháng 4. Và cũng như những lần trước, trong giới lãnh đạo Hoa Kỳ, có những cuộc thảo luận gay go giữa những phe "diều hâu" (gồm có Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara và các tướng lãnh), phe "ôn hòa" (ông Bundy và bộ Ngoại Giao) và phe "bồ câu" (ông George Ball, nhân vật số hai tại bộ Ngoại Giao). Chính trị nội bộ Hoa Kỳ phức tạp, đầy mâu thuẫn là thế, nhưng về phía Việt Nam vì không ai được rõ, nên từ chính phủ Quát cho đến chính phủ Thiệu Kỳ, và nói chung dư luận ở Việt Nam, ai cũng cho là Hoa Kỳ đã có chính sách dứt khoát và kế hoạch đầy đủ trước khi đổ quân vào Việt Nam. Dĩ nhiên đó là một ngộ tưởng cả đến ngày cuối cùng của cuộc chiến, ảnh hưởng không ít đến bang giao Việt-Mỹ.

Dầu sao thì vào lúc hai tướng Thiệu, Kỳ lên cầm quyền, bộ mặt của chiến tranh Việt Nam đã thay đổi nhiều. Sau những trận lớn như Bình Giã, tại đó quân đội Việt Nam Cộng Hòa bị thiệt hại khá

https://tieulun.hopto.org

nặng, vào cuối tháng 6, quân đội Hoa Kỳ bắt đầu trực tiếp lâm trận để giảm bớt áp lực đè nặng trên các đơn vị chiến đấu Việt Nam. Lữ Đoàn Không Kỵ 173 của Hoa Kỳ, vừa mới tới hồi cuối tháng 4, mở cuộc tấn công vào một mật khu rừng già ở mạn Tây Bắc Sài Gòn, thường vẫn được gọi là chiến khu D của Cộng Sản. Đây là trận tấn công quy mô đầu tiên của bộ binh Hoa Kỳ trên chiến trường Việt Nam, được dọn đường bằng những đợt oanh kích của các pháo đài bay B.52 từ Guam tới. Vì chiến khu D là một vùng hẻo lánh, dân cư thưa thớt, ngoài ra địch quân cũng lẩn tránh, nên không có những đụng độ lớn, do đó mà không mấy người để ý đến trận tấn công hay việc sử dụng B.52. Tuy nhiên, đối với dư luận nói chung, thì sự thực đã rõ rệt là "đồng minh" Hoa Kỳ đã nhập cuộc. Mọi người cảm thấy như được trấn an và nếu trong thâm tâm, một số người còn thắc mắc về sự có mặt của quân đội ngoại quốc, thì những thắc mắc đó cũng bị xóa nhòa bởi thực tế trước mắt lúc đó là với sự có mặt của quân đội Hoa Kỳ, khó lòng miền Bắc có thể thôn tính miền Nam bằng võ lực.

Bộ mặt của cuộc chiến không phải chỉ khác về mặt quân sự. Đời sống hằng ngày của người dân cũng thay đổi theo nhịp độ của chiến tranh. Quân đội ngoại quốc đến Việt Nam mỗi ngày một nhiều. Quân trang, quân dụng, đủ mọi loại hàng tiếp liệu đổ dồn vào các bến tầu, tràn ngập các hệ thống phân phối và chuyên chở. Thương cảng Sài Gòn bị ứ đọng, tầu đợi để chờ dỡ hàng nối đuôi nhau hàng cây số ngoài khơi, và tầu nào cũng muốn giành ưu tiên. Những công trình xây cất mọc như nấm ở khắp nơi. Tất cả những thay đổi đó trong sinh hoạt kinh tế hàng ngày ở những nơi có quân đội ngoại quốc tới đồn trú, đặt ra cho chính phủ những vấn đề phải giải quyết trên phương diện pháp lý, không những để bảo vệ chủ quyền mà còn để bênh vực quyền lợi của dân chúng mỗi khi có sự động chạm và gây thiệt hại.

Vào khoảng đầu trung tuần tháng 7, trong lúc chính phủ quân nhân (được gọi là Nội Các Chiến Tranh) còn đang phải tổ chức nội bộ, vừa phải đối phó với tình thế mới, thì có tin là ông McNamara, Bộ Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ dự định sang thăm Việt Nam vào ngày 16 tháng 7. Để chuẩn bị cho cuộc viếng thăm đột ngột đó, ông Kỳ nhờ tôi sửa soạn một hồ sơ đầy đủ, với những câu hỏi cần phải đặt ra trong những cuộc thảo luận giữa hai chính phủ. Từ trước tới nay, ngay từ lúc còn làm việc với bác sĩ Quát, lúc nào tôi cũng nghĩ rằng yếu tố Hoa Kỳ là một yếu tố có tính cách quyết định trong cuộc chiến thì việc ưu tiên thứ nhất về phía Việt Nam là tìm hiểu cho rõ sách lược của Hoa Kỳ. Vì vậy mà không cần ông Kỳ phải yêu cầu, tôi cũng bắt tay vào việc. Tôi nghĩ ông McNamara là một cố vấn quan trọng nhất

https://tieulun.hopto.org

của Tổng Thống Johnson. Chắc chắn là ông sang Việt Nam với chủ đích xét lại tình hình sau những đợt đổ bộ đầu tiên của quân đội Hoa Kỳ, nhưng đây cũng là một cơ hội đặc biệt để hai tướng Thiệu, Kỳ tìm hiểu Hoa Kỳ. Hoa Kỳ lúc đó đã có gần 8 chục ngàn quân ở Việt Nam, có định đưa thêm nữa không? Chiến lược của Mỹ ra sao? Có định đánh ra Bắc không? Ngày 14 tháng 7, hai ngày trước khi ông McNamara tới Sài Gòn, tôi chuẩn bị cho tướng Kỳ một hồ sơ đầy đủ với những câu hỏi như sau:

- Chiến lược của Hoa Kỳ trong cuộc chiến như thế nào? Hoa Kỳ muốn thắng bằng quân sự hay muốn thắng bằng điều đình?
- Nếu muốn điều đình, thì lập trường của Hoa Kỳ và mục tiêu của điều đình ra sao?
- Nếu muốn thắng về quân sự thì thế nào gọi là thắng? Bắt Việt Cộng đầu hàng có đủ không, hay là phải bắt cả Bắc Việt cũng phải đầu hàng? Có tấn công chiếm miền Bắc không, hay là chỉ cần ngăn chặn xâm lăng của Bắc Việt?
- Có cần thành lập một Bộ Chỉ Huy hỗn hợp không?
- Hoa Kỳ còn gửi bao nhiêu quân sang Việt Nam nữa? Sau khi chiến tranh chấm dứt, quân đội Hoa Kỳ có còn ở lại Việt Nam không, và nếu ở lại, thì trong bao nhiêu lâu?

Cùng với những câu hỏi căn bản trên đây, tôi cũng đưa ra một loạt câu hỏi khác có liên quan tới viện trợ Mỹ về quân sự và kinh tế. Tôi nhấn mạnh với ông Kỳ là phải tìm cách hỏi ông McNamara cho kỳ được, vì những câu trả lời hết sức cần thiết cho Việt Nam có đủ yếu tố hoạch định đường lối và chính sách của chính mình. Khi đó, tôi nghĩ là không còn gì quan trọng hơn.

Cùng đi với ông McNamara có ông Cabot Lodge. Ông Lodge vừa được cử làm Đại Sứ thay thế cho tướng Taylor. Đối với Việt Nam thì ông Lodge không là người xa lạ vì ông đã làm Đại Sứ tại Việt Nam trong những năm 63, 64 và chẳng mấy ai không biết vai trò của ông trong cuộc đảo chính chống ông Diệm. Còn về ông McNamara, thì người ta chỉ nhớ lại là vào thời tướng Khánh, ông đã đi cùng tướng này, giơ cao hai tay và hô to: "Việt Nam muôn năm!" Ông là người có ảnh hưởng quyết định nhất trong số các nhân vật hàng đầu của chính phủ Hoa Kỳ và đặc biệt hơn nữa, báo chí Hoa Kỳ còn cho ông là một người thông minh xuất chúng với một bộ óc được ví như máy điện toán.

Phái đoàn Hoa Kỳ đến họp với chính phủ Việt Nam hôm ấy rất đông đủ. Tất cả ngồi thành hai phía đối diện trong phòng họp của

https://tieulun.hopto.org

phủ Thủ Tướng. Bên phía Hoa Kỳ, ngoài ông McNamara, có Đại Sứ Lodge, Phó Đại Sứ Alexis Johnson, tướng Westmoreland và tướng Wheeler, Tham Mưu Trưởng Liên Quân và một số nhân viên cao cấp của tòa Đại Sứ Hoa Kỳ, còn về phía Việt Nam thì có hai tướng Thiệu và Kỳ cùng một số Ủy Viên trong chính phủ (dưới thời Nội Các Chiến Tranh các Tổng Trưởng hay Bộ Trưởng được gọi là Ủy Viên).



Tháng 7 năm 1965 tại phi trường Tân Sơn Nhất, tác giả tiễn tướng Maxwell Taylor, Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn, khi ông được thay thế bởi Đại Sứ Cabot Lodge và lên đường trở về Hoa Kỳ

Với tư cách là Phụ Tá Kế Hoạch, bổn phận của tôi tại buổi họp là phải sẵn sàng để cung cấp cho phái đoàn Việt Nam những dữ kiện, con số hay tài liệu mà tôi đã thâu thập trước về những vấn đề được mang ra thảo luận.

Mặc dầu vừa mới từ xa tới sau một chuyến bay hơn 10 ngàn dặm, ông McNamara rất tỉnh táo khi tới họp. Vì chương trình nghị sự chỉ chú trọng vào phần duyệt xét lại tình hình chung, nên ngay từ lúc đầu, ông McNamara đã hướng mọi câu hỏi vào những vấn đề mà ông nghĩ là cần cho Hoa Kỳ. Rành mạch, hòa nhã, nhưng có phần lạnh lùng, sau mỗi câu hỏi, ông ghi những nhận định vào một tập giấy màu vàng. Ông liên tiếp đưa ra một loạt câu hỏi như về số tiểu đoàn Việt

https://tieulun.hopto.org

Nam mới thành lập được, tổn thất trong các vụ đụng độ, tệ trạng trốn quân dịch, hoạt động của những đoàn cán bộ nông thôn, v.v… tựa hồ ông đang cố gắng thu thập dữ kiện và yếu tố cho một phương trình toán học. Ông có vẻ chú ý đến những suy tư riêng của ông nhiều hơn là đến những người xung quanh và tôi có cảm tưởng là nếu hai người ngồi đối diện với ông không phải là hai tướng Thiệu và Kỳ, thì có lẽ cách xử sự của ông cũng không thay đổi vì ông tự tin là đã có giải pháp cho những vấn đề đang mang ra thảo luận.

Vì phải dành nhiều thời giờ để trả lời những câu hỏi của phía Hoa Kỳ, hôm đó hai tướng Thiệu và Kỳ không đi sâu được vào những vấn đề căn bản như tôi đã đề nghị và trong phần kết thúc buổi họp, ông McNamara chỉ đưa ra những lời cam kết tổng quát như Hoa Kỳ sẽ tiếp tục ủng hộ, giúp đỡ Việt Nam và tuyệt nhiên không đả động gì đến chính sách hay chiến lược của Hoa Kỳ. Tôi rất thất vọng về buổi họp nhưng ngay sau đó, vì nhận thấy rằng nêu những vấn đề quan trọng và tế nhị trong một buổi họp đông người (trên dưới hơn 20 người) có lẽ không tiện, nên tôi đề nghị ông Kỳ tới gặp riêng ông McNamara. Không hiểu vì không đủ thời giờ hay vì ông Kỳ còn e ngại điều gì khác nữa, những câu hỏi mà tôi đã sửa soạn kỹ lưỡng vẫn không có câu trả lời, và đến khi ông McNamara rời Việt Nam, chúng tôi cũng không biết gì nhiều hơn trước.

Tuy nhiên về sau này, chúng tôi được biết rằng trong lúc ông McNamara có mặt tại Sài Gòn, từ Hoa Thịnh Đốn, Thứ Trưởng Quốc Phòng Cyrus Vance đã gửi cho ông một bức điện cho ông biết rằng Tổng Thống Johnson đã chấp thuận lời yêu cầu của tướng Westmoreland tăng số quân của Hoa Kỳ ở Việt Nam lên tới 125 ngàn người. Ông McNamara rất kín miệng, không cho chúng tôi biết điều đó, và chính phủ Việt Nam phải đợi đến ngày 28 tháng 7 mới được thông báo chính thức về quyết định này.

---

(1) Bác sĩ Đỗ là Phó Thủ Tướng trong chính phủ Quát. Thân sinh ra ông là Cụ Tổng Đốc Trần Văn Thông. Vì ông Đỗ lập nghiệp ở miền Nam, nên được coi là người miền Nam.

https://tieulun.hopto.org

Chương 19
Hội Nghị Thượng Đỉnh Honolulu và Những Bước Đường Đưa Tới Hiến Pháp Đệ Nhị Cộng Hòa

Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara vừa từ Sài Gòn về đến Hoa Thịnh Đốn được vài ngày, thì Tổng Thống Johnson tuyên bố trong một cuộc họp báo (ngày 28-7-1965) quyết định tăng số quân ở Việt Nam lên mức 125 ngàn. Mọi người cho rằng đó là quyết định cuối cùng của Hoa Kỳ và không ai ngờ rằng chỉ một vài ngày sau đó tướng Westmoreland lại đòi tăng số quân lên tới 193 ngàn, hơn số đã được chấp thuận gần 70 ngàn. Và rồi lời yêu cầu mới cũng lại được lặng lẽ chấp thuận. Thật là một lề lối làm việc khó hiểu của nhà chức trách Hoa Kỳ, tuy dư luận vẫn thường cho là bao giờ việc quan trọng cũng được tiên liệu kỹ. Dầu sao chăng nữa, thì vào lúc đó ai cũng thấy rõ là phe quân nhân Hoa Kỳ đã hoàn toàn thắng thế và những người có chủ trương ôn hòa đã gần như mất hết ảnh hưởng.

Nghĩ lại cho cùng, thì từ ngày nhúng tay vào vụ lật đổ ông Diệm, Hoa Kỳ đã tốn nhiều công nhiều của, và từ thất vọng này đến thất vọng khác, sau khi chính phủ dân sự của bác sĩ Quát bị thay thế bằng chế độ quân nhân, Hoa Kỳ không còn sự lựa chọn nào khác. Một là chấm dứt can thiệp, hai là "trót đà tay đã nhúng chàm", phải tiến tới bằng cách mạnh mẽ nhất. Hồi đó, họ phải đối phó với một chính phủ mới với những "tướng trẻ" đã từng đụng độ với họ hồi tướng Khánh còn nắm quyền. Về hoàn cảnh này, ông William Bundy sau này có ghi trong tập hồi ký là: "Tình thế thật là bi đát và chán ngán! Nếu vấn đề chỉ là tình trạng Việt Nam mà thôi, có lẽ Hoa Kỳ đã rút lui và cho rằng can thiệp như thế là đủ rồi!" (1) Thực ra thì như Thứ Trưởng Quốc Phòng McNaughton có đề cập tới, trong một bức điện văn của ông: 90 phần trăm ý đồ của Hoa Kỳ lúc đó có tính cách chiến lược nhằm mục đích rộng lớn "ngăn chặn" Cộng Sản ở Đông Nam Á, còn phần tính toán về Việt Nam chỉ có 10 phần trăm. Như vậy, rõ rệt là Hoa Kỳ đã tự mình gánh vác trách nhiệm trong chiến tranh Việt Nam.

Trong suốt thời gian Hoa Kỳ đổ quân vào Việt Nam, chính phủ Việt Nam Cộng Hòa gần như bị dồn vào thế thụ động trước những biến chuyển đang làm thay đổi toàn diện miền Nam. Mọi việc xảy ra quá ồ ạt và nhanh chóng nên người dân cũng như chính phủ

https://tieulun.hopto.org

hầu như không còn đủ thời giờ để thắc mắc về sự can thiệp của Hoa Kỳ. Nếu chỉ nhìn vào những gì đang xảy ra trước mắt, thì ai cũng phải nhận rằng, mới trước đấy có vài tháng mọi người còn lo lắng về những cuộc tấn công mới của các đơn vị chính quy miền Bắc, nay mối lo đó hầu như tiêu tan hẳn. Hơn nữa cảnh tượng cường quốc Hoa Kỳ rầm rộ đổ hàng trăm ngàn quân vào Việt Nam với mọi loại dụng cụ, chiến xa, phi cơ chiến đấu, và hàng ngàn xe cộ, tất cả chỉ trong một vài tháng, quả thực là một cảnh tượng hãn hữu, có một không hai. Những trại lều đóng quân tạm thời của quân đội Hoa Kỳ và ngoại quốc mọc lên như nấm ở khắp mọi nơi, chẳng khác gì những khu phố hay thị trấn nhỏ. Và theo sau là những con buôn tìm cách mua bán, cung cấp dịch vụ do thời cơ đưa đến. Mỹ cùng một lúc xây cất từ nhà kho đến doanh trại, đường sá, cầu cống, hải cảng, phi trường. Các nhà thầu Mỹ theo chân quân đội tới Việt Nam tuyển dụng một lúc hàng chục ngàn công nhân, dân lao động tấp nập kéo đến các công trường mới. Đường sá đầy xe cộ, đi đâu cũng thấy quân lính đủ loại. Máy bay phản lực, vận tải và chiến đấu, đáp xuống các phi trường gần như suốt ngày suốt đêm với âm thanh inh tai nhức óc.

Điều trái ngược lúc đó là người Mỹ đến Việt Nam vì chiến tranh, nhưng cơ hội làm ăn và khung cảnh náo nhiệt tạo ra bởi sự có mặt của quân đội ngoại quốc lại làm cho mọi người gần như quên cả chiến tranh. Đặc biệt là ở Sài Gòn, ngoài những tiếng máy bay phản lực cất cánh hay đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhứt và hình dáng những quân nhân Hoa Kỳ với những bộ quân phục màu xám trên đường phố, không thấy có dấu hiệu nào là Việt Nam đang ở trong vòng khói lửa. Sài Gòn lúc này giống như một đô thị đang hồi kinh tế bộc phát, vật dụng thừa thãi, hàng hóa tràn ngập. Thành phố thấy đầy đường những mặt hàng mà bà con chưa từng biết, những đồ dùng mà họ chưa hiểu cả đến cách dùng ra sao và để làm gì, rồi phân vân tự hỏi không hiểu là quân Mỹ là thứ quân gì, đi ra trận mà được cung cấp đầy đủ không thiếu một thứ tiện nghi nào cả. Trong bầu không khí nhộn nhịp, háo hức, chiến tranh chỉ được nhớ tới khi đọc những cáo phó đăng trên báo hàng ngày hay nhìn những đám tang của quân nhân tử trận, làm cản trở lưu thông trên các đường phố. Và người ta có cảm tưởng như giao tranh ở những miền nông thôn hay rừng núi xa xôi không ăn nhập gì với đời sống náo nhiệt và sầm uất ở các đô thị.

Sau hơn hai năm xáo trộn, sinh hoạt hàng ngày vì đầy đủ hơn, cũng điều hòa hơn. Tâm trạng đỡ căng thẳng, nên tranh chấp và xung đột cũng tạm lắng dịu. Chính quyền Thiệu – Kỳ mấy tháng trước còn bấp bênh, nhờ thời cơ thuận lợi mà đáp ứng được đòi hỏi của Hoa Kỳ,

https://tieulun.hopto.org

là ổn định nội tình để dồn nỗ lực vào chiến cuộc, nên gây được nhiều tín nhiệm về mặt bang giao và phần nào thiện cảm trong dân gian; do đó mà có hy vọng đứng vững.

Ngoài những biện pháp cấp thời, một trong những công việc quan trọng mà chính phủ phải thực hiện ngay là tăng cường quân lực Việt Nam. Nhờ vào viện trợ dồi dào của Hoa Kỳ về mọi mặt, tài chính, tổ chức và kỹ thuật, nhiều trung tâm huấn luyện được thiết lập ở Nha Trang và Vũng Tàu, thâu nhận cả ngàn tân binh, cung cấp nhân lực cho một quân đội đang được nhiều phương tiện để bành trướng. Trong khi đó, quân đội Hoa Kỳ đảm nhận tác chiến, tấn công những đơn vị chủ lực của địch quân và nhường lại trách nhiệm tương đối nhẹ nhàng hơn cho quân đội Việt Nam là xây dựng lại nông thôn. Trong nhiều trận đánh, đối phương bị tổn thất nặng nề và phải thay đổi chiến lược, rút về những vùng biên giới hoặc những khu rừng sâu, hiểm trở. Tướng Westmoreland, tư lệnh quân đội Hoa Kỳ ở Việt Nam quan niệm chiến lược của ông gồm có ba chiến dịch: trước hết là "lùng địch và diệt địch", rồi đến "tảo thanh và giữ đất" và sau hết là "bình định nông thôn" để Việt Nam có thể lập lại chính quyền địa phương tại những nơi đã được an ninh trở lại. Về phương diện chiến thuật, phải công nhận rằng quân đội Hoa Kỳ trong giai đoạn đầu thường giành được thắng lợi. Họ buộc địch quân phải rút khỏi nhiều hậu cứ chiếm đóng từ nhiều năm trước. Tuy nhiên trên thực tế, những thắng lợi đó không có tính cách quyết định vì những đơn vị chủ lực của địch quân vẫn thường tránh né giao tranh, hoặc nếu bị bó buộc phải chống trả, thì cũng tìm cách lọt khỏi vòng vây. Nhưng quân đội Hoa Kỳ lại không được phép truy kích địch quân tại những căn cứ dọc biên giới Lào và Cao Miên, nơi mà họ có thể nghỉ ngơi để chờ bổ sung bằng viện binh từ miền Bắc vào. Hậu quả là khả năng lưu động và hỏa lực hùng hậu cũng không cho phép quân đội Hoa Kỳ đạt những mục tiêu chiến lược của họ. Sự bất lợi lớn cho Hoa Kỳ là Cộng Sản tùy ý hoạt động trên toàn cõi Đông Dương, trong khi đó thì bộ binh Hoa Kỳ chỉ được hành quân trong phạm vi lãnh thổ của miền Nam Việt Nam.

Sự tự chế của Hoa Kỳ đã giúp cho đối phương có được thế chủ động trên chiến trường, như nhiều chuyên gia quân sự Hoa Kỳ sau này nhận ra. Một trong số những người đó, đại tá Harry Summers (tác giả cuốn sách có giá trị nghiên cứu về cuộc chiến: "On Strategy") cho rằng vào năm 1965, nếu Hoa Kỳ không mang quân ồ ạt sang chiến đấu thay quân đội Việt Nam, mà chỉ bố trí một số quân làm hàng rào băng qua cả hai biên giới Việt Lào để ngăn chặn không cho quân đội Bắc Việt xâm nhập miền Nam; và nếu trong khi đó, Hoa Kỳ

https://tieulun.hopto.org

đổ dồn nỗ lực vào việc giúp miền Nam xây dựng một quân đội hùng mạnh, thì có lẽ cuộc chiến đã thay đổi hẳn.

Trong quân đội Việt Nam, thì một số người tỏ vẻ hoài nghi về chiến lược của Hoa Kỳ, cho là không sát với thực tế trong chiến tranh toàn diện mà phe Cộng Sản trường kỳ theo đuổi. Nhưng cũng như trên lãnh vực chính trị, hoặc vì thiếu tự tin, hoặc vì tự ti mặc cảm, yên trí là nói không ai nghe, nên không ai cho phía Hoa Kỳ biết những điều thắc mắc hay nhận định của mình. Điển hình là trường hợp tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng. Đã từng tham dự những trận đánh ở Lào hồi còn là sĩ quan trong quân đội Pháp, và biết rõ địch quân lợi dụng tối đa những đường mòn ven miền biên giới, ông chủ trương phải tìm mọi cách (kể cả hành quân ở miền Hạ Lào) ngăn chặn xâm nhập của bộ đội Bắc Việt. Được hỏi tại sao ông không chia sẻ ý kiến của ông với những tướng lãnh Hoa Kỳ vẫn thường gặp hàng ngày, ông trả lời rằng: "Quân Đội Việt Nam không đủ phương tiện riêng để mở rộng chiến trường và tấn công vào những sào huyệt của Cộng Sản trên đường mòn Hồ Chí Minh, hơn nữa Việt Nam cũng không có tiếng nói trong việc điều động quân đội Hoa Kỳ. Không những thế Quân Đội Việt Nam tùy thuộc quá nhiều vào sự giúp đỡ của Mỹ về đủ mọi mặt, nên muốn cho họ chú trọng đến ý kiến của mình, không phải là chuyện dễ!" Câu trả lời trên đây của tướng Viên, phản ảnh lề lối suy nghĩ hay nói đúng hơn một thói quen chung của giới hữu trách miền Nam. Dầu sao, tâm lý này cũng dễ hiểu; e dè nể nang Mỹ vì phải nhờ vả họ quá nhiều; vả lại, quá tin tưởng vào sức mạnh của họ, yên trí rằng dù sai lầm họ cũng sẽ thắng.

Sự thực thì ít nhất là trong hai ba năm đầu, chiến lược của tướng Westmoreland có mang lại một số thành công. Bất kỳ có đụng độ ở nơi nào, địch quân cũng bị tổn thất nặng nề và phải rút lui. Nhờ vậy mà quân đội Việt Nam có thời giờ củng cố lực lượng và nới rộng quyền kiểm soát của chính phủ tới những vùng trước kia do địch quân kiểm soát. Kết quả tuy không có gì là đặc biệt nhưng đều đặn. Tình hình quân sự khả quan, tình hình chính trị vì thế cũng được cải thiện.

Đúng vào lúc có những triệu chứng tiến triển thuận tiện thì Tổng Thống Johnson mời hai tướng Thiệu và Kỳ qua tham dự một cuộc họp thượng đỉnh tại Honolulu, lần đầu tiên giữa các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ và Việt Nam. Về cuộc họp này, một số nhà báo Hoa Kỳ có khuynh hướng phản chiến cho rằng vì Thượng Nghị Sĩ Fulbright, Chủ Tịch Ủy Ban Ngoại Giao Thượng Viện Hoa Kỳ, đang sửa soạn tổ chức một buổi điều trần về Việt Nam, nên Tổng Thống Johnson muốn gặp các nhà lãnh đạo Việt Nam ở một nơi xa Hoa Thịnh Đốn, để đánh

https://tieulun.hopto.org

lạc hướng dư luận Hoa Kỳ. Việt Nam chỉ nhận được lời mời có một tuần lễ trước ngày họp, một thời gian quá ngắn để chuẩn bị cho một hội nghị quan trọng, nên sự nghi ngờ của những nhà báo kia không phải là không có lý. Dầu sao chăng nữa thì đối với Việt Nam, và đặc biệt đối với hai tướng Thiệu và Kỳ, buổi họp là một cơ hội hiếm có.

Khi đó, tháng 2, 1966, chính phủ quân nhân đã nắm chính quyền được tám tháng. Trước kia, người ta cũng chỉ biết hai ông Thiệu Kỳ là những tướng trẻ vẫn thường lên tiếng hoặc về những vấn đề chung, hoặc về vai trò của quân đội và đã góp sức loại trừ tướng Khánh, ngay cả binh nghiệp của hai ông, cũng không mấy người được rõ. Tám tháng trôi qua, hai ông đã trở thành những người đứng mũi chịu sào của một chính phủ dầu sao cũng khác những chính phủ trước, vì đã mang lại ổn định tương đối cho miền Nam. Chính phủ quân nhân đẩy mạnh việc tăng cường quân đội, đồng thời đạt được một số kết quả trong chương trình Bình Định và Xây Dựng Nông Thôn. Ngoài ra, tuy rằng các tổ chức tôn giáo và chính trị, trước đây vẫn chống đối nhiều chính phủ liên tiếp, chưa chắc đã từ bỏ những mưu đồ khuấy động, nhưng ít ra không còn những vụ xuống đường hàng ngày hay những vụ đe dọa đảo chính. Nhờ vậy mà hai ông Thiệu và Kỳ, sau một thời gian tương đối ngắn ngồi ở chính quyền, đã bắt đầu yên lòng hơn về tương lai chính trị của mình. Nhờ cuộc họp này, hai ông được các giới chính trị và báo chí quốc tế biết nhiều hơn, nên cũng tăng phần nào uy tín trong nước. Ngoài ra, đây lại còn là một cơ hội hiếm có để Việt Nam có thể tìm hiểu và đo lường chủ trương cũng như chính sách của Hoa Kỳ ở cấp tối cao.

Dịp này, người ngoại quốc đặc biệt chú ý đến cá nhân hai ông, nhất là dị điểm giữa hai người. Ông Thiệu, tướng bộ binh, sinh tại Phan Rang, miền Trung, vừa được 42 tuổi, ông Kỳ, tướng Không Quân, 34 tuổi, sinh tại Sơn Tây, miền Bắc.

Giữa hai ông, không có sự hợp tác chân thành, mà chỉ có sự chịu đựng lẫn nhau do tình thế bắt buộc. Vì hiến pháp không còn từ ngày ông Diệm bị lật đổ, nên hai người chia sẻ quyền hành với sự đồng thuận của nhóm tướng lãnh trong Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia. Ông Kỳ là Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương, tức là Thủ Tướng Chính Phủ, nên vai trò của ông nổi bật trên chính trường Việt Nam cũng như trong dư luận quốc tế, mặc dầu thực quyền vẫn ở trong tay Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia mà ông Thiệu là Chủ Tịch.

Vốn là người thâm trầm, lại có nhiều kinh nghiệm chính trị hơn ông Kỳ, ông Thiệu lặng lẽ tìm cách củng cố quyền hành của mình như để chờ đợi một thời cơ mà ông tin là sẽ đến với ông. Trái lại, ông

https://tieulun.hopto.org

Kỳ bồng bột, bộc trực, nhiều khi thiếu thận trọng trong cả lời nói. Hằng ngày ông đến văn phòng làm việc bằng máy bay trực thăng, mặc dầu tư thất của ông trong khu Tân Sơn Nhứt chỉ cách nơi làm việc chừng mươi phút đường bộ. Mỗi sáng, tại khu phố cuối đường Thống Nhất, gần Thảo Cầm Viên, tiếng động cơ ầm ầm làm náo động cả khu phố, rồi trực thăng của ông đáp xuống sân của phủ Thủ Tướng và các phóng viên báo chí ngoại quốc xúm vào để phỏng vấn ông về vấn đề này hay vấn đề khác. Họ rất thích hỏi ông vì ông là người quen nói thẳng, và không bao giờ biết từ chối câu hỏi của nhà báo.

Mặc dầu cả ông Thiệu lẫn ông Kỳ không ai chịu ai, nhưng ngay từ lúc đầu, có lẽ cả hai người đều biết rằng tình thế không cho phép chống đối lẫn nhau, ít nhất là trong giai đoạn còn cần đến Hoa Kỳ để đối phó với miền Bắc. Họ phải chịu đựng lẫn nhau, tuy tìm cách củng cố địa vị và gây thế lực trong quân đội, và cũng cố tranh thủ nhân tâm. Hội nghị Honolulu đến đúng vào lúc họ cần phải đo lường mức độ ủng hộ của Hoa Kỳ đối với Việt Nam cũng như đối với cá nhân họ. Ngay sau khi nhận được giấy mời, toàn thể chính phủ được huy động để chuẩn bị cho cuộc họp. Bộ Tổng Tham Mưu được ủy nhiệm phần trình bày về tình hình quân sự và nhu cầu viện trợ, tướng Nguyễn Đức Thắng chịu trách nhiệm về phần chương trình Bình Định và Xây Dựng Nông Thôn. Tôi được chỉ định làm thư ký cho phái đoàn Việt Nam, có bổn phận phải theo dõi và phối hợp các phần trình bầy của phái đoàn và khó khăn hơn cả, phải sửa soạn bài diễn văn cho ông Kỳ để, với tư cách Thủ Tướng, ông sẽ đọc trước hội nghị về đường lối của chính phủ Việt Nam.

Tôi đã làm việc được tám tháng với ông Kỳ và chính phủ quân nhân. Nhận xét chung của tôi là trong khoảng thời gian ấy, nhờ tình thế, chính phủ có đạt được một số thành quả, tuy nhiên mọi biện pháp đã thi hành cũng chỉ đủ để đối phó với những nhu cầu cấp bách. Chính phủ chưa có một hướng đi rõ rệt để giải quyết những vấn đề căn bản về chính trị, kinh tế hay xã hội. Vì vậy mà mỗi lần có dịp, tôi vẫn thường nhắc nhở ông Kỳ rằng dân chủ, công bằng xã hội không phải là những ý niệm trừu tượng, xa vời, nhưng chính là những điều mong muốn của người dân và chính phủ cần phải có một đường lối rõ rệt và tự đặt cho mình những mục tiêu cụ thể và thiết thực để lần lần đạt tới. Trong lúc đất nước đang còn bị chiến tranh và chính phủ lại là một chính phủ quân nhân, tôi không nghĩ là có thể dễ dàng thuyết phục được những người lãnh đạo, nhưng điều làm tôi ngạc nhiên là ông Kỳ không những không chống đối, mà lại còn tỏ vẻ hoan nghênh những ý kiến được đưa ra. Ông còn trẻ, nhưng không phải là thiếu

https://tieulun.hopto.org

thiện tâm hay thiện chí, nên có lẽ ông dễ đón nhận các sáng kiến. Dầu sao vì thấy bầu không khí có vẻ thuận tiện, tôi lập luận với ông rằng trên mặt trận tư tưởng, chính phủ cần phải cho người dân thấy rằng chống Cộng không phải chỉ là loại trừ Cộng Sản, mà còn để tích cực xây dựng một đời sống tốt đẹp hơn, yên ổn, công bằng dễ thở hơn đời sống hiện nay. Như vậy thì mới tranh thủ được sự ủng hộ của các tầng lớp. Ngoài ra, đối với dư luận quốc tế, đặc biệt là dư luận Hoa Kỳ, chính phủ cũng cần phải có một bộ mặt tiến bộ hơn bộ mặt "quân phiệt" mà một số đông báo chí ngoại quốc đã gán cho Việt Nam từ ngày có chính phủ quân nhân. Lâu dần, tuần này qua tuần khác, tháng này qua tháng khác, đối với ông Kỳ và một số quân nhân trẻ trong nhóm của ông, dường như lập luận đó càng ngày càng được coi là hợp lý, nên ông hỏi tôi nhiều, như làm thế nào để có được một bản hiến pháp mới, thể chế nào xây dựng trong tình trạng chiến tranh, có bầu được một Quốc Hội Lập Hiến không, hay là chỉ định một Ủy Ban soạn thảo hiến pháp? Hỏi có nghĩa là đã có ý trong đầu, nhưng có ý kiến là một chuyện và chuyển ý kiến đó thành chính sách lại là chuyện khác. Vì vậy, trong những diễn văn thảo cho ông, cùng với anh Vũ Đức Vinh, cộng sự viên thân cận của ông, chúng tôi luôn luôn xác nhận rồi nhắc đi nhắc lại những mục tiêu chính yếu và lâu dài của chính phủ (như thực hiện công bằng xã hội hay tiến tới một chính phủ dân chủ hợp hiến) với hậu ý là một khi một người cầm đầu chính phủ đã tuyên bố điều gì, thì điều đó là một cam kết phải được thực hiện.

Và cũng vẫn với hậu ý ấy, chúng tôi sửa soạn để ông Kỳ đọc tại Honolulu, một bài diễn văn mà tôi coi là quan trọng hơn tất cả những diễn văn về trước. Honolulu sẽ là một diễn đàn quốc tế hiếm có, dư luận quốc tế sẽ ghi nhận và đánh giá ông và chính phủ Việt Nam qua những gì mà ông sẽ nói ra. Ông Kỳ cũng nhận thức như thế và để cho chúng tôi tự do soạn thảo phần trình bầy của ông theo chiều hướng đã phác họa, nghĩa là ngoài những vấn đề bắt buộc phải nêu ra, như nhu cầu tăng cường quân đội, xây dựng nông thôn, phải nhấn mạnh đến những cam kết cụ thể của chính phủ Việt Nam nhằm mục đích xây dựng dân chủ và thực hiện công bằng xã hội. Về chính trị, thì phải nói rõ thời gian và những thể thức tiến tới việc thành lập một chính phủ dân cử hợp hiến, còn về xã hội thì phải đưa ra những chương trình thiết thực giúp người dân cải thiện đời sống. Chúng tôi soạn thảo bài diễn văn (2) thật cẩn thận nhưng không dám chắc là sẽ được chấp nhận, ông Kỳ đã vậy còn ông Thiệu thì sao? Ông Thiệu vốn đã là người tính toán kỹ, đối với ông những lời hứa hẹn có phải là quá sớm không? Tôi không biết ông Kỳ có thuyết phục được ông

https://tieulun.hopto.org

Thiệu và các tướng lãnh khác trong Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia không, nhưng nếu bản thảo được chấp nhận và ông Thiệu cũng không đòi thay đổi điều gì, thì như vậy có nghĩa là chính phủ quân nhân đã có một hướng đi và một chính sách rõ rệt. Và bài diễn văn của ông Kỳ tại Honolulu sẽ là lời cam kết chính thức buộc chặt chính phủ quân nhân phải thực hiện những điều đã hứa. Ngoài ra, tôi cũng hy vọng rằng đối với báo chí quốc tế - chắc chắn là sẽ đông đủ tại hội nghị - chủ trương tiến bộ của chính phủ miền Nam sẽ một phần nào giải tỏa được thành kiến của một số nhà báo cho rằng cải cách xã hội là độc quyền của Cộng Sản, và chính phủ miền Nam chỉ là một chính phủ độc tài quân phiệt.

Cùng với bài diễn văn, tôi cũng chuẩn bị cho ông Kỳ một bản tóm tắt ghi rõ một số vấn đề căn bản mà tôi nghĩ là cần phải nêu ra với Tổng Thống Johnson và các nhà chức trách cao cấp Hoa Kỳ, trong dịp gặp gỡ riêng, ngoài những buổi họp chính thức tại bàn hội nghị. Cũng như khi ông McNamara qua thăm Việt Nam hồi tháng 7 năm trước, tôi nhắc ông Kỳ hỏi về những điều cam kết cũng như về chiến lược và chính sách của Hoa Kỳ. Sau một tuần lễ miệt mài làm việc, tôi tin rằng phái đoàn Việt Nam sẽ đạt được kết quả tốt đẹp. Tướng Lansdale và Sứ Thần Philip Habib có tiếp xúc với tôi để được biết về những chuẩn bị và dò hỏi theo thường lệ về nội dung phần trình bầy của phái đoàn Việt Nam. Họ thắc mắc phần nào về chương trình xây dựng nông thôn nhưng tỏ vẻ vững tâm là phía Việt Nam đã bắt đầu hiểu rõ tầm quan trọng của dư luận Hoa Kỳ và quốc tế và họ cũng tin rằng những chủ trương tiến bộ mà phái đoàn Việt Nam sẽ tính đưa ra trước hội nghị, sẽ được báo chí quốc tế chú ý và đem lại cảm tình cho chính phủ Việt Nam. Về phương diện này thì ông Barry Zorthian, Giám Đốc Sở Thông Tin Hoa Kỳ ở Việt Nam có lưu ý chúng tôi là số phóng viên tới Honolulu có thể sẽ lên tới hàng trăm, và phái đoàn Việt Nam nên liệu trước để đáp ứng những câu hỏi soi mói của họ. Thực ra, tôi cũng lo ngại về chuyện này vì phái đoàn Việt Nam không có nhiều kinh nghiệm trên diễn đàn quốc tế, ngoài ra ông Kỳ, người được báo chí chú ý đến nhiều nhất, lại thường không giữ gìn lời nói. Vì nghĩ như vậy, và thế nào cũng sẽ phải họp báo, tôi đề nghị với ông; nếu gặp trường hợp muốn tránh né một số câu hỏi hoặc cảm thấy khó trả lời, ông có thể nói bằng tiếng Việt, rồi quay lại chúng tôi, những cộng sự viên ngồi phía sau ông, để chúng tôi tìm cách dịch lại ra tiếng Anh rồi chịu trách nhiệm; nếu có điều chi thất thố thì cứ bảo là tại dịch vụng. Nhưng giữ được ông khi ông đứng

https://tieulun.hopto.org

trước các nhà báo không phải là chuyện dễ, như chúng tôi thường nói đùa với nhau, ông hay "bốc đồng".

Phái đoàn Việt Nam rời Tân Sơn Nhứt ngày 6 tháng 2 bằng một chiếc phi cơ do Tổng Thống Johnson gửi sang và dành riêng cho phái đoàn. Đại Sứ Cabot Lodge và một số nhân viên khác cũng đi cùng với chúng tôi. Do sự sắp xếp khá chu đáo của phía Hoa Kỳ, vừa lên máy bay chúng tôi đã biết rõ về hai ngày họp, từ những chi tiết nhỏ về nơi ăn chốn ở đến chương trình nghị sự với giờ phút dành cho phần thảo luận chung cũng như phần tiếp xúc riêng giữa những thành phần cốt yếu của hai phái đoàn. Tôi thấy đủ mặt các nhân vật quan trọng, như Ngoại Trưởng Dean Rusk, Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara, và Walt Rostow, Harriman, hai anh em ông McGeorge và William Bundy cùng với một số đông các tướng lãnh của Ngũ Giác Đài. Có thể nói là gần cả chính phủ Hoa Kỳ đã chuyển từ Hoa Thịnh Đốn sang Honolulu, và tại đây đã có hầu hết những người mà ký giả David Halberstam của tờ Nữu Ước Thời Báo, trong một cuốn sách nổi tiếng "The Best and the Brightest", đã gọi là những người "ưu tú nhất" của xã hội Hoa Kỳ. Bậc đàn anh của tôi là Ngoại Trưởng Trần Văn Đỗ, ngồi cạnh tôi trên máy bay, nửa đùa nửa thật nói rằng "Tụi mình chẳng khác gì đám người tí hon Liliput đang phiêu lưu trên vùng đất của khổng lồ!" Cảm tưởng trên càng rõ rệt hơn khi máy bay đáp xuống phi trường quân sự Honolulu. Giữa sân bay mênh mông là một rừng cờ và một bục cao dành cho Tổng Thống Johnson và hai nhà lãnh đạo Việt Nam làm lễ chào cờ. Ông Johnson với khổ người cao lớn vượt hẳn hai ông Thiệu và Kỳ đứng hai bên: cảnh tượng này khiến tôi liên tưởng đến sự chênh lệch giữa vai trò của hai nước trong chiến cuộc Việt Nam.

Vô tình hay hữu ý, bài diễn văn chào mừng của Tổng Thống Johnson hôm đó cũng làm dịu đi một phần nào mặc cảm của tôi. Ông nhiệt tình muốn giúp đỡ Việt Nam. Ông nói đến "chiến thắng chống xâm lăng" nhưng đồng thời ông cũng nói đến "khắc phục đói kém, bệnh hoạn và thất vọng" và sự cần thiết cải tiến y tế, giáo dục, canh nông và kinh tế cho đời sống người nhân dân được tốt đẹp hơn. Dĩ nhiên đây là một diễn văn chính trị, nhưng lời lẽ có vẻ chân thành của bài diễn văn cũng có hiệu lực trấn an.

Sau phần nghi lễ và diễn văn, chúng tôi về ngay khu nhà dành riêng cho phái đoàn Việt Nam trong căn cứ không quân, để nghỉ ngơi và sửa soạn cho buổi họp hôm sau. Thực ra đối với tôi, vừa là phụ tá cho ông Kỳ và phối hợp viên trong phái đoàn Việt Nam,vừa giữ liên lạc với phái đoàn Hoa Kỳ, chưa kịp thu xếp hành trang, tôi đã bị gọi

https://tieulun.hopto.org

đi họp với ông William Bundy, Thứ Trưởng Ngoại Giao, để sửa soạn cho bản thông cáo chung của hai phái đoàn sau khi hội nghị thượng đỉnh kết thúc. Hội nghị chưa bắt đầu, nhưng theo thông lệ, thì bản thông cáo chung vẫn phải làm trước và đó là công việc của những kẻ "đầu sai" như hai chúng tôi. Phần hành văn thì không khó gì cho lắm tuy rằng tôi chưa nhiều kinh nghiệm, nhưng phần nội dung thì phức tạp, không tùy ý riêng của chúng tôi. Trong bản thông cáo, ngoài những đoạn có tính cách tổng quát như "chiến tranh chống xâm lăng" hay "cải cách xã hội để nâng cao đời sống của người dân", phái đoàn Hoa Kỳ còn đề nghị ghi rõ một số cam kết của chính phủ Việt Nam nhằm tiến tới việc thành lập trong tương lai một chính phủ dân chủ hợp hiến (trên máy bay đi Honolulu, phái đoàn Việt Nam đã đưa trước cho phái đoàn Hoa Kỳ bài diễn văn của ông Kỳ). Những cam kết này có tính cách cụ thể và gồm việc soạn bản dự thảo hiến pháp, đưa ra trưng cầu dân ý, rồi sau đó tổ chức một chính phủ dân cử.

Dĩ nhiên đó là những điều tôi vẫn thường mong mỏi, nhưng lúc này cần phải có một thái độ dứt khoát có ảnh hưởng đến tương lai của chế độ quân nhân, nên tôi không rõ hai ông Thiệu và Kỳ có còn can đảm để tiến tới không? Thật là vất vả cho tôi tối hôm đó vì phải đi đi về về để tham khảo ý kiến của hai ông, mãi đến khuya mới được hai ông đồng ý về những điểm chính của bản thảo mang tên là: "Tuyên Cáo Honolulu". Thực ra thì cả hai ông Thiệu và ông Kỳ đều không có đường lùi, không những thế, còn trông thấy đường tiến thân nên không bỏ lỡ cơ hội. Còn riêng tôi, mặc dầu bị ngập đầu vào việc và không còn thời giờ để suy nghĩ nhiều, tôi cũng cảm thấy nhẹ người vì thấy hai nhân vật lãnh đạo Việt Nam chịu nhận trên giấy trắng mực đen một văn kiện có tính cách quốc tế mà họ không thể nào chối bỏ.

Hội nghị chính thức khai mạc ngày hôm sau tại hội trường của Bộ Tư Lệnh Thái Bình Dương. Hai phái đoàn ngồi quanh một chiếc bàn lớn hình bầu dục, trên dưới hơn hai mươi người. Tổng Thống Johnson hoàn toàn chế ngự buổi họp. Ông nổi bật với khổ người to lớn. Ông vươn mình về phía phái đoàn Việt Nam như để nhấn mạnh những điều ông muốn nói. Mỗi tiếng của ông đều được mọi người chú ý lắng nghe. Quả là trường hợp "miệng kẻ sang có gang có thép". Ông chú ý theo dõi bài diễn văn của ông Kỳ và bài thuyết trình về bình định và xây dựng nông thôn của tướng Thắng. Thỉnh thoảng ông lại quay về phía những cộng sự viên ngồi ở phía sau để hỏi ý kiến, và trong lúc phát biểu, một đôi khi ông dùng cả những thành ngữ Hoa Kỳ mà chỉ những người rất am tường Anh ngữ mới hiểu. Như muốn nói là ông chờ đợi những thành quả tốt đẹp, thì

https://tieulun.hopto.org

ông nói: “Tôi muốn được thấy những bộ da chồn treo trên tường” (“I want to see the coonskins on the wall”). Lúc đó thì về phía Việt Nam, chẳng ai hiểu cả. Có người tưởng là tôi thông thạo tiếng Anh nên quay lại hỏi tôi: “Ông ấy nói gì thế?”. Khốn thay, chính tôi cũng chẳng hiểu mô tê gì và mãi đến sau buổi họp, hỏi lại mấy người Mỹ, tôi mới biết “coonskins on the wall” là một thành ngữ dùng để chỉ những thành quả cụ thể (nguyên người thợ săn Hoa Kỳ vẫn thường dùng da chồn làm mũ nên da chồn vẫn được coi là dấu hiệu của sự thành công). Nhưng dầu diễn tả tư tưởng thế nào, thì hôm ấy ai cũng hiểu là ông muốn và chờ đợi cả hai chính phủ Hoa Kỳ và Việt Nam làm việc một cách tích cực để chóng đạt kết quả. Về phía phái đoàn Việt Nam thì, với bản chất dè dặt, ông Thiệu ít nói, cũng như về phía phái đoàn Hoa Kỳ, Ngoại Trưởng Dean Rusk ngồi yên lặng, nghiêm trang như tượng Phật, trong khi đó thì ông McNamara theo thói quen vẫn ghi ghi chép chép trên tập giấy màu vàng của ông.

Phiên họp tạm ngưng vào giờ ăn trưa. Ai nấy đều có cảm tưởng là phiên họp buổi sáng êm đẹp, và bầu không khí thật nhẹ nhàng vào buổi chiều khi họp lại, hai phái đoàn chia thành những nhóm nhỏ để đi sâu vào những vấn đề cần phải thảo luận tiếp, và để cho Tổng Thống Johnson có thời giờ gặp riêng hai tướng Thiệu và Kỳ. Hòa khí hôm ấy thật là thuận lợi, nên sau gần hai giờ đàm đạo cả ba nhân vật đều tỏ vẻ hài lòng. Những cử chỉ bình dị và thân thiện của ông Johnson đã hoàn toàn chinh phục được cả ông Thiệu lẫn ông Kỳ và Tổng Thống Hoa Kỳ cũng có vẻ thoải mái với hai nhà lãnh đạo Việt Nam, đặc biệt là với ông Kỳ. Có những nhiếp ảnh gia đã thâu được hình ông Johnson và ông Kỳ, một già một trẻ, ngồi châu đầu vào nhau với hai tách cà phê cầm tay như hai người bạn thâm giao đang thân mật nhỏ to.

Mặc dầu trong một ngày họp không thể duyệt xét mọi vấn đề, nhưng cảm tưởng chung của cả hai phía Hoa Kỳ và Việt Nam là cuộc họp có thể coi như thành công. Tại Honolulu, Tổng Thống Johnson đã có dịp gặp các tư lệnh và cố vấn cao cấp để kiểm soát lại toàn diện tình hình Việt Nam và nhấn mạnh với họ về tầm quan trọng của những vấn đề ông cho là chủ yếu như cải tạo xã hội và xây dựng nông thôn. Ông cũng đã trao đổi ý kiến với chính phủ Việt Nam và đánh giá những nhân vật lãnh đạo Việt Nam. Ngoài ra ông cũng được cam kết của họ về việc soạn thảo một bản hiến pháp và tổ chức bầu cử để tiến tới sự thành lập một chính phủ dân cử hợp hiến. Hơn nữa, về phương diện chính trị nội bộ Hoa Kỳ, hội nghị Honolulu đã giúp ông gián tiếp trả lời những giới thiên tả trong dư luận Hoa Kỳ vẫn thường

https://tieulun.hopto.org

chỉ trích ông là chỉ nghĩ đến giải pháp quân sự cho vấn đề Việt Nam. Tại Honolulu, ông đã khôn khéo chuyển sự chú ý của mọi người vào những nỗ lực thu phục nhân tâm nhiều hơn là nỗ lực chiến tranh.

Ông Thiệu và ông Kỳ cũng mãn nguyện không kém về hội nghị Honolulu. Thực ra thì họ không thể chờ đợi những kết quả tốt hơn. Họ được sự hậu thuẫn của Hoa Kỳ về đủ mọi mặt chẳng những để đương đầu với Cộng Sản, mà còn để củng cố chế độ ở miền Nam. Riêng về phần ông Kỳ thì ngoài sự chú ý của giới truyền thông và báo chí quốc tế, qua bài diễn văn trình bầy những chủ trương tiến bộ của chính phủ Việt Nam, ông đã gây được nhiều cảm tình của phái đoàn Hoa Kỳ và đặc biệt của vị Tổng Thống nước bạn (Về điểm này thì ngay buổi chiều hôm đó, trong lúc gặp riêng ông Kỳ, ông Johnson đã yêu cầu ông Kỳ cho biết rõ những chi tiết về quan niệm "cách mạng xã hội" đã được đưa ra trong bài diễn văn buổi sáng). Có lẽ cũng vì vậy mà đến khi tôi hỏi, thì ông trả lời rằng: "Ông già tỏ vẻ hết sức thành tâm muốn giúp Việt Nam nên tôi không muốn đi sâu vào những vấn đề anh đã sửa soạn cho tôi".

Nếu nói tới vị trí cá nhân của ba nhân vật chủ chốt tại hội nghị Honolulu, thì về phía Hoa Kỳ, ông Johnson là Tổng Thống một cường quốc lớn với uy quyền tột đỉnh, còn về phía Việt Nam, hai tướng Thiệu và Kỳ là đại diện cho chính phủ của một nước nhỏ bé đang cần đến sự giúp đỡ của Hoa Kỳ. Họ ngồi chung với nhau tại bàn hội nghị vì lý do nhất thời: chính sách ngăn chặn Cộng Sản ở Đông Nam Á của Hoa Kỳ hòa nhập với ý chí chống Cộng của những người miền Nam.

Về tất cả diễn tiến tốt đẹp trên đây của hội nghị thượng đỉnh Honolulu, nếu có một chút đền bù cho cá nhân tôi, thì đó là một phần thưởng tinh thần. Từ ngày tôi nhận làm việc với bác sĩ Quát và sau đó với chính phủ quân nhân, tôi vẫn luôn luôn bị ám ảnh bởi ấn tượng của những sự xáo trộn liên tiếp và tình hình suy sụp về đủ mọi mặt ở miền Nam Việt Nam; do đó mà lúc nào tôi cũng nghĩ tới những phương cách để mang lại ổn định. Và tốt nhất, theo ý tôi, vẫn là trở về với thể chế hợp hiến với một chính phủ dân cử. Sau hội nghị Honolulu, nguyện vọng riêng đã ít ra thành một cam kết chính thức. Ngoài ra, về một phương diện khác, tôi nghĩ ông Kỳ cũng không phủ nhận là bài diễn văn sửa soạn cho ông đã đánh trúng vào tâm lý của người Hoa Kỳ và do đó đã góp phần vào việc nâng cao uy tín của phái đoàn Việt Nam cũng như của riêng ông.

Đời sống chính trị ở miền Nam bắt đầu chuyển sang một giai đoạn mới sau hội nghị Honolulu. Tình hình còn phức tạp, và sóng gió

https://tieulun.hopto.org

còn nổi lên với vụ nổi loạn miền Trung mấy tháng về sau này, nhưng ít nhất thì tiến trình dân chủ hóa đã bắt đầu.

---

(1) The Bundy Papers, chương 29.
(2) Trong cuốn sách "Vietnam: A History", tác giả cuốn sách đó, Stanley Karnow, có nói là bài diễn văn do những cố vấn Hoa Kỳ soạn thảo. Điều đó hoàn toàn sai. Trước sau chỉ có hai người cùng tôi soạn thảo bài diễn văn đó: thiếu tá Không Quân: Vũ Đức Vinh, cộng sự viên thân cận của ông Kỳ và anh Nguyễn Ngọc Linh, lúc đó làm Tổng Giám Đốc Việt Tấn Xã.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 20
Nổi Loạn Miền Trung, Quốc Hội Lập Hiến và Hội Nghị Các Nước Đồng Minh Ở Manila

Vì hội nghị Honolulu được coi là một thành công, ông Johnson muốn nhân cơ hội mở một cuộc tấn công ngoại giao, đặc biệt là vào các nước Đông Nam Á, nhằm biện minh cho chính sách can thiệp của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Ngay trước khi hội nghị chấm dứt, ông đã có quyết định nhanh chóng yêu cầu Phó Tổng Thống Hubert Humphrey bay thẳng từ Hoa Thịnh Đốn qua Honolulu để cùng với phái đoàn Việt Nam bay trở về Sài Gòn, rồi từ đó đi một vòng các nước lân cận Việt Nam và trình bầy về kết quả của hội nghị Mỹ-Việt. Vốn là một chính trị gia có tư tưởng cấp tiến, ông Humphrey ủng hộ hết mình chủ trương xây dựng dân chủ và thực hiện công bằng xã hội của chính phủ Việt Nam và tỏ vẻ hết sức hăng hái được dịp viếng thăm Việt Nam và quan sát tại chỗ những cố gắng của chính phủ quân nhân (1).

Về phương diện chính trị và ngoại giao, thì cuộc viếng thăm của Phó Tổng Thống Humphrey được coi là một cử chỉ ủng hộ và khuyến khích của Hoa Kỳ đối với những nhà cầm quyền Việt Nam. Tuy nhiên, có lẽ vì Việt Nam chưa dứt hẳn được cơn sốt khủng hoảng nội bộ kéo dài từ hai năm trước, sự ủng hộ đó xem ra không giúp được gì nhiều cho hai ông Thiệu và Kỳ. Mới chưa đầy vài tuần sau hội nghị Honolulu, chính phủ chưa kịp sửa soạn để thực hiện những chương trình mới, thì đã phải đương đầu với sự chống đối nguy hiểm được phát động từ miền Trung do sự tiếp tay (vô tình hay hữu ý) của Tư Lệnh Quân Sự Vùng I là tướng Nguyễn Chánh Thi và phong trào Phật Giáo ở Huế và Đà Nẵng.

Những sự bất hòa giữa tướng Thi và các tướng lãnh khác trong Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, cũng như sự chống đối của những phần tử Phật Giáo miền Trung, đã âm ỷ từ lâu. Tướng Thi trước kia đã cầm đầu vụ bao vây dinh Độc Lập năm 1960. Ông phải trốn lên Nam Vang và sau cuộc đảo chính năm 1963 mới trở về Sài Gòn. Vì không thuộc phe các tướng Dương Văn Minh và Trần Văn Đôn, ông không được trọng dụng và có lẽ vì thế mà ông đứng về phía những người dự cuộc chỉnh lý cùng với tướng Khánh. Ông được cử làm Tư Lệnh Vùng I, nhưng rồi ít lâu sau, ông lại cùng với nhóm các tướng trẻ chống lại tướng Khánh, và từ ngày có chính phủ quân nhân, ông là

https://tieulun.hopto.org

một thành phần hiếu động trong Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia. Với thành tích như vậy, và với thế lực của một tướng Vùng, hùng cứ một phương, ông thường tỏ vẻ coi thường cả ông Thiệu lẫn ông Kỳ, có lẽ vì cho rằng những người này cũng chẳng hơn gì ông. Hồi đó nhiều người trong nhóm của ông còn đồn rằng vì ông không nhận làm Thủ Tướng, chức vụ này mới về tay ông Kỳ. Nay nếu có sự kèn cựa hay va chạm với ông Kỳ, thì điều đó cũng không đáng ngạc nhiên. Còn về phía Phật Giáo thì các giới chính trị cũng rõ là thượng tọa Thích Trí Quang, người cầm đầu phong trào Phật Giáo miền Trung, không ưa gì chế độ quân nhân hay ông Thiệu (người Công Giáo), ông Kỳ, và chỉ chờ dịp để khuấy động phong trào chống đối.

Theo tin đồn, thì trong dịp ông Kỳ ra thăm miền Trung, đầu tháng 3, 1966, tướng Thi nói sau lưng ông những lời lẽ bất nhã; ngoài ra, ông Kỳ còn thấy tướng Thi cấu kết với Phật Giáo nhằm lật đổ chính phủ, nên ngay sau khi từ Huế trở về Sài Gòn, ngày 13 tháng 3, ông triệu tập một buổi họp của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia và Hội Đồng Tướng Lãnh. Tại buổi họp, ông đề nghị chấm dứt nhiệm vụ của tướng Thi, và đề nghị này đã được chấp thuận với 14 phiếu thuận và 4 phiếu trắng. Một tuần sau, nhiều cuộc đình công, bãi thị và biểu tình chống chính phủ được tổ chức ở Đà Nẵng và Huế, đồng thời một phong trào mới xuất hiện: "Lực Lượng Tranh Đấu" do những thành phần Phật Tử cựa đoan cầm đầu (phong trào còn có tên là "Ủy Ban Tranh Đấu" hay "Lực Lượng Tranh Thủ Cách Mạng"). Phong trào này đòi hai tướng Thiệu, Kỳ phải từ chức để nhường chỗ cho một chính phủ dân sự. Chỉ trong vòng một tuần, mười hôm mà cuộc nổi dậy đã thành một mối nguy đe dọa chính phủ. Không những các cuộc biểu tình càng ngày càng lan rộng tại những nơi chịu ảnh hưởng của Thượng Tọa Thích Trí Quang, vài nhà chức trách địa phương và một số quân nhân trung thành với tướng Thi cũng tỏ thái độ bất phục tòng chính quyền trung ương. Hai đài phát thanh Huế và Đà Nẵng bị những người biểu tình chiếm giữ và chợ búa cũng không họp, làm tê liệt cả hai thành phố. Vì cuộc khủng hoảng rõ rệt có tính cách chính trị nhiều hơn là tôn giáo, nên một cách kín đáo và qua nhiều trung gian, ông Kỳ có hứa hẹn với phe chống đối là chính phủ quân nhân sẽ tổ chức trước cuối năm Quốc Hội Lập Hiến để thảo Hiến Pháp và sau đó sẽ có chính phủ dân sự. Những hứa hẹn này chỉ phần nào làm dịu bớt tình hình, tình trạng bất ổn vẫn kéo dài.

Các vụ xáo trộn tuy giảm bớt tại Huế và Đà Nẵng, lại lan tràn ra nhiều nơi khác như Đà Lạt, Nha Trang và ngay Sài Gòn. Các giới chính trị và tôn giáo phản ứng thế nào? Nhiều người lên án báo động

https://tieulun.hopto.org

của những phần tử quá khích theo Thượng Tọa Trí Quang, vì cho rằng hỗn loạn chỉ có lợi cho Cộng Sản: chúng thừa cơ đục nước béo cò, xúi giục chống đối chia rẽ, và gia tăng phá hoại. Nếu muốn cứu vãn tình thế, phải xoa dịu bất mãn, đáp ứng nguyện vọng dân chủ tự do, và phải sớm tiến tới chính quyền dân sự, đó là quan điểm của những thành phần ôn hòa trong Công Giáo và những Phật tử theo Thượng Tọa Tâm Châu. Trong hoàn cảnh ấy, chính phủ không còn cách nào hơn để tái lập an ninh trật tự là xúc tiến dân chủ hóa; vì vậy mà một sắc lệnh được ban hành (ngày 14 tháng 4, 1966) để tổ chức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến trong vòng 3 đến 5 tháng.

Về phương diện chính trị, bằng quyết định mạnh dạn trên đây, chính phủ quân nhân đã chứng tỏ thiện chí tối đa, vì vậy mà trong suốt tháng 4 và sang đầu tháng 5, ngoại trừ sự chống đối của một số phần tử Phật Giáo miền Trung, tình hình chung đã bớt căng thẳng, các giới chính trị ở thủ đô hướng hoạt động vào việc sửa soạn bầu cử Quốc Hội Lập Hiến.

Song tình hình mới chỉ tạm lắng, vì động lực chính trị của sự chống đối ở miền Trung, tướng Thi và những thành phần cực đoan trong hàng ngũ Phật Giáo muốn lật đổ hai tướng Thiệu, Kỳ và chính phủ quân nhân bằng mọi giá. Họ bị đẩy vào thế thụ động bởi những sự nhượng bộ của chính phủ, nhưng không vì thế mà chịu thua, và còn chờ đợi cơ hội thuận tiện để khuấy động trở lại. Cơ hội đó, họ đã thấy vào đầu tháng 5 sau một lời tuyên bố thiếu cân nhắc của ông Kỳ. Trong một buổi gặp gỡ báo chí, ông Kỳ tuyên bố rằng chính phủ quân nhân sẽ còn ở lại chính quyền trong năm tới, vì còn phải đợi Quốc Hội Lập Hiến soạn thảo xong Hiến Pháp. Thực ra thì lời tuyên bố cũng không có gì quá đáng, vì trước hết còn phải bầu Quốc Hội Lập Hiến và sau đó thì Quốc Hội cũng cần có đủ thời gian để hoàn tất nhiệm vụ, ít nhất từ 6 đến 9 tháng. Nhưng trong bầu không khí sôi sục khi đó, người ta rất dễ dàng xuyên tạc mà gán cho tướng lãnh ý định cố bám vào chính quyền. Ông Kỳ bị các lãnh tụ Phật Giáo miền Trung lên án ngay là nuốt lời hứa, rồi những vụ biểu tình bạo động lại rầm rộ tại Đà Nẵng và Huế. Nghiêm trọng hơn cả là sự chống đối chính trị biến thành vụ nổi loạn của một số quân nhân bị lôi kéo theo những phần tử quá khích. Lần này thì chính phủ không thể còn đường lùi bước. Năm tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến được gửi tới Đà Nẵng. Tại đây trong nhiều cuộc đụng độ, quân đội đã phải nổ súng, nhiều người bị thiệt mạng, nhưng sau một tuần lễ, thái độ quyết liệt của chính phủ mang lại kết quả và vào những ngày cuối tháng 5 thì thành phố Đà Nẵng lại thuộc quyền kiểm soát của Trung Ương. Tại

https://tieulun.hopto.org

Huế, tình hình cũng nghiêm trọng không kém, vì ngoài những vụ biểu tình gần như hàng ngày, còn thấy xuất hiện phong trào chống Mỹ. (Quả thực, Hoa Kỳ không những đứng về phe chính phủ, lại còn giúp phương tiện chuyên chở những đơn vị Thủy Quân Lục Chiến và Dù từ Sài Gòn ra miền Trung). Ngày 26 tháng 5, một số Phật tử xuống đường đốt cháy thư viện của phòng Thông Tin Hoa Kỳ, và ngày 30 tháng 5, đốt cháy cả tòa Lãnh Sự Mỹ tại Huế. Và cũng như ở Đà Nẵng, quân đội phải can thiệp mạnh. Khủng hoảng này còn kéo dài sang cả tháng 6 với những vụ tuyệt thực của Thượng Tọa Thích Trí Quang, dân chúng mang bàn thờ xuống đường để làm chướng ngại vật ngăn cản lưu thông, v.v... nhưng sau khi Thượng Tọa Thích Trí Quang được mang về Sài Gòn và một số người quá khích bị bắt giữ, thì phong trào chống đối tan dần, và tướng Thi "được phép" xuất ngoại sang Hoa Kỳ "chữa bệnh".

Trong khi đó, vì tình thế bắt buộc, chính phủ phải mau thực hiện những điều đã hứa. Ngay trong những ngày đầu tháng 6, Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia được nới rộng với sự tham gia của một số nhân sĩ và chính khách dân sự, đồng thời một ủy ban gồm hơn 40 luật sư và đại diện các đoàn thể, cũng thảo xong luật bầu cử Quốc Hội Lập Hiến, mở đầu cho một giai đoạn mới trong lịch sử miền Nam. Thật là một kết quả không ngờ, vì vào thời điểm ấy không ai nghĩ rằng cuộc khủng hoảng lại là cơn sốt cuối cùng của một giai đoạn gần ba năm hỗn loạn, và kết quả lại là một giai đoạn ổn định kéo dài cho tới những ngày cuối của Đệ Nhị Cộng Hòa, tháng 4 năm 1975.

Dĩ nhiên là trong hồi xáo trộn tại thành thị, chiến tranh vẫn tiếp tục ở những vùng xa xôi hay do địch kiểm soát. Số quân của Hoa Kỳ tới Việt Nam mỗi ngày một nhiều hơn, và ngoài những phi vụ ném bom miền Bắc và đường mòn Hồ Chí Minh, Bộ Tư Lệnh Hoa Kỳ liên tiếp mở những cuộc hành quân được gọi là "lùng và diệt địch" (search and destroy operations). Lúc này thì người Việt Nam, dân cũng như quân, mới có dịp chứng kiến lối sống và cách hành quân của quân đội Mỹ. Người Việt quen sống trong thiếu thốn, sững sờ nhìn thấy quân nhân Hoa Kỳ ở ngoài mặt trận được cung cấp đủ mọi thứ tới mức thừa thãi. Còn về lối đánh giặc, thì sự phí phạm, đặc biệt về đạn dược, lại càng ngoài sự tưởng tượng hơn nữa. Có thể là người Mỹ quý trọng nhân mạng và có dư phương tiện, nên tiết kiệm quân và dùng đạn dược đến mức tối đa để giảm thiểu tổn thất về sinh mạng, như người ta dần dần nhận thấy, nhưng về nhiều phương tiện khác, cái giá phải trả không phải là rẻ. Tỉ dụ điển hình ở đây là một số cuộc hành quân "lùng và diệt địch" của tướng Westmoreland vào mùa

https://tieulun.hopto.org

xuân năm đó. Dầu là hành quân lớn hay nhỏ, quân đội Hoa Kỳ thường bắn phá dữ dội, hoặc bằng pháo binh hoặc bằng những máy bay oanh tạc khổng lồ B.52, một số địa điểm trong vùng tác chiến để dọn đường cho bộ binh. Chiến thuật này dĩ nhiên có thể làm giảm bớt số tử thương, nhưng cũng làm mất hẳn hiệu lực bất thần của cuộc tấn công, do đó mà nhiều khi chỉ có những cuộc đụng độ lẻ tẻ với một số địch quân còn sót lại, trong khi phần lớn đã chuyển đi nơi khác. Nhưng quan trọng hơn cả về phía Việt Nam, là những sự bắn phá đó gây tổn thất lớn lao cho dân làng. Đành rằng khó tránh tổn thất về phía dân sự, nhưng số thương vong vì hỏa lực bừa bãi của Hoa Kỳ là điều rất đáng lo ngại. Sự thực thì lúc đầu tướng Westmoreland chỉ nhằm những đơn vị chủ lực của địch tại những nơi ngoài khu dân cư đông đúc, và cùng với những nhà chức trách Việt Nam, thảo ra những tiêu chuẩn phải theo trong lúc hành quân để giảm thiệu thiệt hại (ROEs hay gọi là Rules of Engagement), nhưng lý thuyết là một chuyện và thực tế chiến trường lại là chuyện khác. Trước hết vì hỏa lực của quân đội Hoa Kỳ quá mạnh nên địch quân thường tránh né những trận đụng độ lớn, ngoài ra truy kích địch quân lẩn trốn trong các làng mạc không phải là việc dễ dàng. Quân du kích vẫn thường trà trộn với dân quê để ẩn nấp, rồi gây căm phẫn nếu làng mạc bị pháo kích. Riêng về vấn đề này, thì nhiều lần tôi đã phải gặp tướng Westmoreland để bầy tỏ mối lo âu của chính phủ. Nếu bắn phá bừa bãi, thì không những người dân thành nạn nhân, mà chính phủ phải hứng chịu sự chỉ trích của dư luận quốc tế. Và đây là cả một tình trạng trớ trêu mà hai chính phủ phải chịu đựng suốt cuộc chiến. Cộng Sản và Mặt Trận Giải Phóng vẫn thường nhân danh nhân dân Việt Nam để thúc đẩy chống Mỹ-Ngụy, nhưng họ không ngần ngại kéo dân đi để đỡ đạn cho họ, rút cuộc thì Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ vẫn bị mang tiếng.

Thật vậy, với số thương vong về phía quân đội Hoa Kỳ và về phía thường dân Việt Nam mỗi ngày một nhiều, và mức độ tàn phá tại những nơi bị oanh tạc hay pháo kích mỗi ngày một gia tăng, dư luận chống đối chiến tranh trên thế giới bắt đầu lan rộng, gây ảnh hưởng hết sức bất lợi cho cả Hoa Kỳ lẫn chính phủ Việt Nam. Phải kể đến những lời chỉ trích của Thủ Tướng Anh, ông Harold Wilson và Tổng Thống Pháp, tướng De Gaulle, sau vụ ném bom khu công nghiệp và kho dầu của Bắc Việt ở những vùng phụ cận Hà Nội và Hải Phòng vào tháng 6, 1966. Anh và Pháp được coi là những nước bạn của Hoa Kỳ ở Âu Châu và những lời chỉ trích gay gắt của hai lãnh tụ Wilson và De Gaulle được coi như là một sự rạn nứt công khai trong hàng

https://tieulun.hopto.org

ngũ những nước Tây Phương về vấn đề Việt Nam. Phong trào chống đối chiến tranh trong dư luận quốc tế cũng bắt đầu từ đó. Những giới chạy theo phong trào này không cần biết sự thật, đến đời sống trong xã hội Cộng Sản ra sao, hay lý thuyết đấu tranh hay chiến thuật gây căm phẫn của những người Cộng Sản như thế nào. Họ chỉ dựa vào những hình ảnh, những cảnh tàn bạo để lên án chiến tranh là vô nhân đạo theo quan điểm một chiều của họ.

Tới tháng 6, 1966, quân đội Hoa Kỳ đã tham chiến ở Việt Nam đã hơn một năm. Mặc dầu Hoa Kỳ chưa đạt kết quả mong muốn là loại địch quân ra khỏi vòng chiến và mặc dầu dư luận ở Hoa Kỳ và trên thế giới đã bắt đầu tỏ vẻ sốt ruột, tình hình quân sự ở miền Nam cũng được cải thiện rất nhiều, bởi vậy chính phủ Việt Nam thấy thời cơ tốt để tổ chức bầu cử Quốc Hội Lập Hiến. Trước ngày bầu cử, được ấn định vào 11 tháng 9, trong hai tháng liền, với sự cộng tác của một số đông văn nghệ sĩ trong nước, chính phủ phát động trên toàn quốc một chiến dịch rộng lớn nhằm mục đích vận động "toàn dân đi bầu". Những bài vè quen thuộc, những câu ca dao bình dân, những giọng hò miền quê, tất cả đều được biến cải để cổ võ cho bầu cử, và hết ngày này qua ngày khác trên đài truyền thanh cũng như truyền hình, những kịch vui hay bài hát được dùng làm cách chỉ dẫn về việc bỏ phiếu. Ngoài ra nhiều đoàn kịch lưu động cũng đi khắp nơi, và chỉ ít lâu sau từ thành thị đến thôn quê, không chỗ nào không biết là "mười một tháng chín rủ nhau đi bầu".

Tuy nhiên, cảnh nhộn nhịp này không thiếu phần gay go, vì tại Ủy Ban soạn thảo luật bầu cử cũng như trong dư luận, một vấn đề nan giải được đặt ra, là những người thân Cộng Sản hay chủ trương trung lập có được quyền ra ứng cử không? Trên nguyên tắc, nếu đã là tuyển cử tự do thì ai cũng có quyền ra ứng cử, nhưng Việt Nam Cộng Hòa đang phải chiến đấu chống Cộng, thì những hạn chế đối với Cộng Sản và những kẻ thân Cộng và đòi trung lập cũng không có gì là trái lý. Nhưng làm sao định nghĩa được một cách rõ ràng thế nào là thân Cộng hay Trung Lập. Cuộc tranh luận rất sôi nổi, nhưng rồi đa số cũng phải nhận rằng trong tình trạng chiến tranh, không thể có cuộc bầu cử hoàn hảo, ngoài ra Quốc Hội sẽ chỉ soạn thảo Hiến Pháp, và sau đó sẽ bị giải tán, nên một điều khoản được chấp thuận để không cho ra ứng cử "những người công khai chủ trương những giải pháp có lợi cho Cộng Sản". Và kết quả là vào đầu tháng 8, ra tranh cử 117 ghế là 716 ứng cử viên thuộc các giới: giáo sư, luật sư, bác sĩ hay thương gia, kỹ nghệ gia, nông gia, chính trị gia, quân nhân, công nhân hay công chức, v.v…

https://tieulun.hopto.org

11 tháng 9 là ngày bỏ phiếu. Mặc dầu phía Cộng Sản đe dọa bạo động, và phe Phật Giáo quá khích cảnh cáo là sẽ tẩy chay, ông già, bà lão, đàn ông, đàn bà, nam nữ thanh niên trên 18 tuổi, lũ lượt kéo nhau đi bầu như đi trẩy hội ngày Tết. Tại hơn 5000 thùng phiếu trên toàn quốc, sấp sỉ 5 triệu người đi bầu. Tổng số cử tri là gần 7 triệu, như vậy tỷ lệ đi bầu là 70%. Cũng có những vụ bỏ phiếu bất hợp lệ, nhất là tại những nơi hẻo lánh, nhưng hơn 400 nhà báo ngoại quốc đến Việt Nam quan sát cuộc bầu cử đều cho rằng trong tình trạng chiến tranh, một cuộc bầu cử tương đối sạch sẽ như vậy có thể được coi như một thành công, đáng mừng cho cả Việt Nam lẫn Hoa Kỳ. Riêng tôi rất phấn khởi. Tôi tin rằng một khi đã có bước đầu, tiến trình xây dựng dân chủ tự nó cũng tạo ra cái đà mà nhà cầm quyền dù muốn cũng không cản được, và tranh đấu chính trị sẽ là tranh luận công nhiên, không còn là bạo động hay đảo chính bằng võ lực. Cuộc bầu cử, dầu có thiếu sót, và dầu chỉ để bầu một Quốc Hội Lập Hiến, là một bước tiến cụ thể.

Lần đầu tiên sau ông Diệm, miền Nam có được một chính phủ hoạt động bình thường lo việc cai trị tuy phải đối phó với chiến cuộc. Đối với Hoa Kỳ, thì như thế, chính sách đang theo đã thành công. Tổng Thống Johnson cũng hy vọng tình trạng khả quan ở Việt Nam sẽ làm giảm bớt sự chống đối của phe phản chiến. Sau hội nghị Honolulu, Hoa Kỳ đã thuyết phục được Đại Hàn, Phi Luật Tân, Thái Lan, Tân Tây Lan và Úc gửi quân tham chiến cùng với quân đội Hoa Kỳ, nên lúc này thừa dịp miền Nam có bộ mặt sáng sủa hơn, ông quyết tổ chức một Hội Nghị Thượng Đỉnh 7 nước để chứng tỏ là Hoa Kỳ không đơn độc trong cuộc chiến và Hoa Kỳ có nhiều đồng minh cùng chia sẻ trách nhiệm giúp đỡ Việt Nam. Ông vận động để Tổng Thống Phi Luật Tân, lúc đó là ông Marcos, đứng lên triệu tập một hội nghị tại Manila vào cuối tháng 10, 1966. Thực ra thì ông Johnson đã dự định từ trước viếng thăm một số nước ở Á Châu, nay nếu tổ chức được hội nghị thượng đỉnh tại Manila, rồi sau đó ông đi thăm các nước khác như đã được dự định từ trước, thì thực là một công đôi việc.

Sáng kiến là của Hoa Kỳ, nhưng đây cũng là dịp rất quan trọng, một cơ hội rất tốt cho Việt Nam Cộng Hòa, để thắt chặt bang giao với nhiều nước Á Châu, và tăng cường tư thế trên thế giới: hội nghị này chứng tỏ rằng chính nghĩa của miền Nam được nhiều đồng minh ủng hộ cả bằng quân lực và trong cuộc chiến không phải chỉ có Hoa Kỳ.

https://tieulun.hopto.org

Về phần riêng, thì sau hội nghị Honolulu, một phần lớn trách nhiệm của tôi đã được chuyển sang lãnh vực ngoại giao. Vào cuối tháng 2, nhân một cuộc cải tổ nội các, tôi được bổ nhiệm làm Ủy Viên Ngoại Giao trong Nội Các Chiến Tranh, mặc dầu ông Kỳ vẫn giữ tôi làm Phụ Tá đặc nhiệm. Như vậy, tôi kiêm nhiệm hai việc, giúp ông Kỳ và giúp cả ông Tổng Ủy Viên Ngoại Giao là bác sĩ Trần Văn Đỗ. Sở dĩ có sự thay đổi này, cũng vì tôi đã nhiều lần đề nghị rằng chính phủ cần phải tăng cường hoạt động ngoại giao để dư luận quốc tế đỡ ngộ nhận Việt Nam quá tùy thuộc Hoa Kỳ. Ngoài ra, quyết định này cũng là giải pháp cho một vấn đề khó khăn. Ông Kỳ thì chịu áp lực của một thành phần trẻ có ảnh hưởng trong quân đội muốn tôi thay bác sĩ Đỗ, vì cho rằng cụ Đỗ quá thụ động và thiếu cương quyết, tuy lịch thiệp hòa nhã, và được các giới ngoại giao kính trọng. Còn về phần tôi thì không thể chiều ý họ. Tôi kính mến và coi bác sĩ Đỗ như bậc đàn anh. Đối với tôi, không thể có vấn đề thay thế ông, chỉ nên giúp ông mà thôi, nói một cách khác, tôi muốn dung hòa.

Trong bốn năm tháng liền, tháng nào tôi cũng có nhiệm vụ này hay nhiệm vụ khác ở ngoại quốc: tháng 3 sang Nhật để sửa soạn một cuộc viếng thăm của Hoa Kỳ; tháng 4 sang Đại Hàn để điều đình về quy chế quân đội của họ tại Việt Nam; tháng 5 sang Anh để chủ tọa buổi họp các trưởng nhiệm sở của Việt Nam tại Âu Châu và tiếp xúc với chính phủ và các giới chính trị Anh Quốc; tháng 6 thảo luận với chính phủ Gia Nã Đại về vai trò của quốc gia này trong Ủy Hội Quốc Tế tại Việt Nam; tháng 8 cùng với ông Kỳ viếng thăm Phi Luật Tân. Những cố gắng trên đây nhằm mục đích cải tiến bang giao với các nước trong khối tự do trên thế giới. Theo chiều hướng đó, và tới chức vụ mới của tôi, chuẩn bị cho hội nghị thượng đỉnh Manila, là sự tất nhiên.

Khác với hội nghị Honolulu hồi tháng 2, hội nghị Manila lần này ít chú trọng đến chiến trận đang tiếp diễn ở Việt Nam, nhưng đến thái độ của những nước đồng minh trong việc tìm kiếm hòa bình và bảo vệ an ninh chung, vì vậy mà việc chuẩn bị không đòi hỏi những phúc trình tỉ mỉ, trái lại chính phủ Việt Nam phải cho biết quan điểm của miền Nam; làm sao và trong điều kiện nào có thể kết thúc chiến tranh? Chương trình nghị sự gồm có 4 điểm chính; nhận xét tổng quát về tình hình chiến sự, duyệt lại những đề nghị hòa bình, thảo luận về những biện pháp có thể mang lại hòa bình và đưa ra một kế hoạch để bảo đảm an ninh chung cho cả vùng. Chương trình nghị sự khoáng đại như vậy, thế mà hội nghị chỉ họp trong hai ngày, lại còn những thông lệ của một hội nghị quốc tế quan trọng, như nghi lễ, tiệc tùng, hội họp

https://tieulun.hopto.org

tay đôi giữa các cường quốc Hoa Kỳ và từng nước một trong khối đồng minh, nên thời giờ thực sự dành cho hội nghị chẳng còn bao nhiêu để thảo luận sâu rộng. Dầu sao sự có mặt tại Manila của 7 vị nguyên thủ quốc gia cũng là một biến cố quan trọng và Hoa Kỳ hài lòng vì được dịp biện minh cho chính sách của mình trước dư luận quốc tế.

Dĩ nhiên là tiếng nói của một đại cường lúc nào cũng mạnh, và nhân vật nổi nhất vẫn là Tổng Thống Johnson. Ông hăng say trình bầy chính sách của Hoa Kỳ ở Á Châu, kêu gọi hòa bình nhưng cũng nhấn mạnh đến sự cần thiết chống lại xâm lăng của Cộng Sản. Ông tuyên bố: "Đối với những người yêu chuộng tự do, những người có ý thức trách nhiệm, những người có lương tri, ngoài cách đứng lên để chống lại những hành động xâm lược có lẽ chẳng còn cách nào khác". Tất cả những nhân vật tham dự hội nghị đều đồng ý với ông. Thống Chế Kittikachom của Thái Lan ít nói, Tổng Thống Đại Hàn Phác Chánh Hy với vẻ mặt lạnh lùng, nghiêm nghị, lại càng kín tiếng hơn nữa. Tổng Thống Phi Luật Tân Marcos thì chạy lăng xăng với vẻ săn đón niềm nở của người đóng vai chủ nhà. Mạnh dạn lên tiếng bênh vực cho lập trường của Hoa Kỳ chỉ có hai Thủ Tướng Úc Đại Lợi và Tân Tây Lan là Harold Holt và Keith Holyoake. Đến lượt Việt Nam, thì hai ông Thiệu và Kỳ chia nhau phần trình bầy, nhấn mạnh đến ba điểm; những tiến bộ mà Việt Nam đã thực hiện được về cả hai mặt quân sự lẫn chính trị, cảm ơn những nước đồng minh đã đến giúp Việt Nam và sự có mặt của quân đội ngoại quốc trên lãnh thổ Việt Nam chỉ có tính cách nhất thời. Điểm thứ ba này, Việt Nam đặc biệt cố ý đưa ra để nói lên với dư luận quốc tế và quốc nội là Việt Nam có chủ quyền toàn vẹn và quân đội ngoại quốc trên lãnh thổ Việt Nam sẽ rút về một khi xâm lăng chấm dứt.

Sau hai ngày họp, các nguyên thủ quốc gia tham dự hội nghị thượng đỉnh ký vào một văn kiện gọi là "Tuyên Ngôn Manila". Cũng như nhiều bản tuyên ngôn quốc tế khác, Tuyên Ngôn Manila có nhiều sáo ngữ và những người phản chiến có thể cho là thiếu thực chất vì không đưa ra được một giải pháp hòa bình, nhưng riêng đối với Việt Nam thì chúng tôi coi là đã đạt hai mục đích rõ rệt; sự ủng hộ của các nước đồng minh, và sự cam kết long trọng của các nước đó là sẽ rút hết quân về một khi hòa bình trở lại. Tiếp theo nghi lễ ký kết, là một cuộc diễn hành từ khách sạn Manila tới dinh Tổng Thống Phi Malacanang Palace. Dẫn đầu và cùng đi chung một hàng là các vị nguyên thủ rồi các Ngoại Trưởng và theo sau là các nhân viên tùy tùng. Dân chúng hai bên đường hoan hô và hàng trăm nhà báo, nhiếp

https://tieulun.hopto.org

ảnh viên, phóng viên các đài truyền hình lăng xăng xung quanh, quang cảnh tưng bừng nhộn nhịp chẳng khác gì một ngày hội.

Bầu không khí tối hôm đó tại dạ hội trong dinh Malacanang cũng rất thoải mái và hứng khởi, và ai cũng cho rằng hội nghị thượng đỉnh đã đạt kết quả tốt đẹp, mọi người được xả hơi. Riêng cá nhân tôi lại không được phần may mắn đó. Lý do chính là với vai trò "đầu sai", mặc dầu bị cảm cúm, vừa ho vừa sốt, tôi vẫn phải cùng với ông Bundy, Thứ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ, hoàn tất bản tuyên ngôn chung. Trong lúc hội nghị họp khoáng đại, thì y sĩ bắt tôi nằm nghỉ và uống thuốc, ông Bundy đã phải đến phòng tôi ở khách sạn để làm việc và đặc biệt để giải quyết mọi vấn đề gay go. Phía Hoa Kỳ thì chỉ muốn nói tới nguyên tắc quân đội ngoại quốc rút khỏi Việt Nam một khi có hòa bình, và không muốn đả động đến thời hạn triệt thoái. Về phía Việt Nam, tôi đòi phải nói rõ thời gian là sáu tháng sau khi ký kết một hòa ước. Tuy vấn đề không có ảnh hưởng trong hiện tại, nhưng tôi nghĩ đây là một nguyên tắc căn bản, vì vậy mà với sự đồng ý của cả hai ông Thiệu và Kỳ, tôi giữ vững quan điểm và sau chót được sự thỏa thuận của các nước khác (trong bản tuyên ngôn Manila, thời gian 6 tháng được ghi rõ).

Vừa quá mệt mỏi, tôi còn đầu óc nào nghĩ gì đến dạ hội? Ngoài ra lại còn vài chuyện bực mình khác. Phải kể đến quyết định vào phút chót của ông Johnson muốn sang thăm Việt Nam sau khi hội nghị thượng đỉnh chấm dứt. Buổi chiều hôm ấy, trong khi người khác còn đang vui vẻ tiệc tùng, thì ông Philip Habib, Sứ Thần Hoa Kỳ tại Sài Gòn và cũng là nhân viên trong phái đoàn Hoa Kỳ đến tìm tôi tại khách sạn, ngỏ ý muốn gặp riêng hai ông Thiệu và Kỳ để cho biết là Tổng Thống Johnson, trên đường đi Thái Lan, muốn ghé thăm một số đơn vị của Hoa Kỳ đóng tại Cam Ranh. Hoa Kỳ rất tiếc là vì lý do an ninh ông Johnson không tới Sài Gòn được. Quyết định đột ngột này đặt chính phủ Việt Nam vào một tình trạng hết sức khó xử, nhất là vì lý do an ninh được nêu ra để tránh né thủ đô. Những hành vi khủng bố từng xảy ra, nên sự lo lắng của Hoa Kỳ cũng dễ hiểu; nhưng đến Cam Ranh mà không đến Sài Gòn thì quả thực là coi thường khả năng của chính phủ Việt Nam trong việc bảo vệ một thượng khách ngoại quốc. Ngoài ra dư luận chung tất không khỏi thắc mắc; ông Johnson đi thăm tất cả 6 nước ở Á Châu, tại sao lại không đến thăm thủ đô của một nước đồng minh, nơi đang có hơn 300,000 quân tham chiến? (2) Đây thật là một trường hợp "ngậm bồ hòn làm ngọt", chính phủ Việt Nam bị bẽ mặt nhưng vẫn phải giữ thể diện. Sáng hôm sau, phái đoàn

https://tieulun.hopto.org

Việt Nam lên đường về nước thật sớm để sửa soạn những lễ nghi tối thiểu tiếp đón ông Johnson.

Tổng Thống Johnson đến Cam Ranh ngày 26 tháng 10, 1966. Ông chỉ ở lại vài giờ và cùng với ông Thiệu và ông Kỳ thăm một số đơn vị Hoa Kỳ và Việt Nam đang đóng tại chỗ. Lên tiếng trước những binh sĩ nghênh đón ông hôm đó, ông có một vài lời tuyên bố mà vài người về sau này còn nhắc lại: "Tôi hứa là Hoa Kỳ sẽ không bao giờ để các anh, các chiến hữu của các anh, 17 triệu dân Việt Nam và hàng trăm triệu dân khác ở Á Châu đang tin tưởng vào Hoa Kỳ phải thất vọng. Chúng ta phải chứng minh rằng, tại nơi này, miền Nam Việt Nam, ý đồ xâm lược của Cộng Sản chắc chắn không thể nào giành được phần thắng".

---

(1) Do sự giới thiệu của tướng Lansdale, tôi có gặp ông Humphrey nhiều lần, hồi ông còn làm Thượng Nghị Sĩ năm 1964. Trên chuyến máy bay từ Honolulu trở về Sài Gòn, ông ghé tai tôi hỏi: "Các anh làm gì mà lôi kéo được ông Johnson mạnh thế?"

(2) Sau này, ông Habib cho tôi biết rằng lúc đó nhân viên an ninh Hoa Kỳ hoàn toàn không muốn thông báo cho Việt Nam biết quyết định của Tổng Thống Johnson. Ông Habib đã phải can thiệp với cấp cao và trình bầy là không thể làm thế được.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 21
Chuyện Bất Ngờ, Làm Đại Sứ Tại Hoa Kỳ

Khi tôi trở về Sài Gòn sau hội nghị thượng đỉnh, thì cơn sốt đã hành hạ tôi trong những ngày ở thủ đô Phi Luật Tân, cũng theo tôi về nước và bắt tôi nằm liệt giường gần một tuần lễ. Thời gian phải nằm một chỗ tuy chỉ có ít ngày, cũng cho tôi cơ hội tạm thoát nhịp sống vội vã, vất vả hàng ngày kể từ lúc làm việc với bác sĩ Quát và sau đó với chính phủ quân nhân. Ngẫu nhiên tôi được hưởng một chút nghỉ ngơi, và có chút thời giờ suy nghĩ. Đây là một dịp may, vì nếu không có cơn cảm cúm bắt buộc bộ máy trong người tạm nghỉ, thì có lẽ, mải mê với công việc, tôi không nhận thức được là tôi đã gần kiệt sức chịu đựng. Tôi thấy thấm mệt, cả về thể xác lẫn tinh thần. Rồi, từ ý nghĩ này đến ý nghĩ khác, tôi tự hỏi phải chăng tôi đã không biết tự lượng và lao đầu vào những việc quá sức mình, hay là đã đến lúc cần ngẫm lại xem có thể tiếp tục nữa không?

Mặc dầu có đạt được vài thành quả và vượt qua được một số thử thách, chính phủ Nguyễn Cao Kỳ dường như lúc nào cũng bị đe dọa bởi hết nhóm này đến nhóm khác. Nhiều đoàn thể chính trị hay tôn giáo không chấp nhận sự lãnh đạo của ông vì cho rằng ông còn quá trẻ để cáng đáng trọng trách cầm đầu chính phủ. Ông Kỳ phải luôn luôn đương đầu với sự chống đối khác tích cực hơn, ngay trong hàng ngũ quân đội và từ phía một số chính khách và trí thức gốc miền Nam. Sự thực thì từ ngày chính phủ xúc tiến việc bầu cử Quốc Hội Lập Hiến và bài trừ tham nhũng, khá nhiều quân nhân, hoặc đã bị mất quyền lợi, hoặc lo ngại sẽ mất dần ảnh hưởng, tất nhiên bất mãn. Trong khi đó thì vấn đề Nam, Bắc, tiềm tàng, âm ỷ trong sinh hoạt chính trị miền Nam suốt thời này qua thời khác nay lại được khơi dậy do những nhân vật và phần tử hẹp hòi. Họ chỉ trích ông Kỳ là thiên vị người Bắc trong chính phủ không có đủ đại diện của miền Nam tại những chức vụ quan trọng. Những chỉ trích trên đây nhằm vào cá nhân ông Kỳ, nhưng có lẽ vì chưa đánh thắng được vào ông, nên họ tìm cách đổ dồn mọi điều chê trách lên đầu những người xung quanh ông, và dĩ nhiên trong số này tôi đứng hàng đầu. Theo họ thì tôi là người đàng sau đủ mọi chuyện, từ vụ tướng Thi phải rời miền Trung cho đến vụ tướng Quang phải đi khỏi Vùng 4, hay bất kỳ những vụ lớn nhỏ nào khác. Không phải là tôi không biết thế. Chính phủ Quát

https://tieulun.hopto.org

bị đánh đổ một phần lớn cũng vì thói kèn cựa phân biệt Nam, Bắc. Ở cạnh ông Quát, tôi đã từng phải hứng chịu những phê bình bất lợi của một số quân nhân và nhân sĩ miền Nam, thì ở cạnh ông Kỳ cũng vậy. Tôi thường thổ lộ với vài bạn thân, là dù có ngay thẳng đến đâu chăng nữa, cũng không khỏi va chạm.

Vấn đề cải tổ chính phủ (lần thứ hai) đã được đặt ra ngay sau khi có Quốc Hội Lập Hiến và để trì hoãn, ông Kỳ đã phải viện cớ đi dự hội nghị Manila. Dĩ nhiên là vấn đề lại được nêu ra khi ông từ Manila trở về. Cũng may cho tôi vì đúng lúc tôi phải nằm nhà, và có thời giờ suy nghĩ. Tôi không để ý hay lo ngại nhiều về trường hợp có thể bị thay thế trong chính phủ vì tôi vững tin là ông Kỳ cũng hiểu tôi. Trong lúc làm việc, ông ít khi bàn với tôi, cũng không cho biết những quyết định của ông hay chính phủ đối với các tướng lãnh vì ông cho đó là việc riêng của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia và của "các anh em trong quân đội"; còn về vấn đề Nam Bắc thì ông cũng biết rõ một số bạn thân của tôi là người Nam, hơn nữa tôi lại là người luôn luôn đề nghị nên mời thêm người Nam vào chính phủ. Người Hoa Kỳ thường có câu: "In politics, quite often, perceptions count more than facts" để mô tả những trường hợp trong chính trị, hoặc vì định kiến sẵn có hoặc vì cái nhìn lệch lạc, những "cảm thức" chủ quan được coi là đáng kể hơn những "sự kiện" khách quan. Tôi hiểu rõ điều đó, nhưng với một tâm trạng mệt mỏi, không còn hăng hái nữa, tôi lại nghĩ khác. Tôi nghĩ đến những chuyện bực mình rồi đây sẽ mỗi ngày một nhiều, tôi nghĩ đến trường hợp có thể bị đặt vào những trường hợp khó xử, rồi càng nghĩ tôi càng thấy đã đến lúc nên tự ý rút lui thì hơn. Dầu sao thì về phương diện chính trị, nếu không được tất cả, thì ít nhất tôi cũng đã được nhìn thấy một phần những kết quả mong muốn. Quốc Hội Lập Hiến được bầu ra hồi tháng 9 đã bắt đầu làm việc, và nếu không có sự gì bất thường xảy ra, thì sớm muộn chính phủ quân nhân cũng phải nhường bước cho một chính phủ dân cử, một khi hiến pháp được hoàn tất và chấp thuận. Còn về phương diện cá nhân, thì tôi lại còn cảm thấy nhẹ nhàng hơn, vì thực sự tôi muốn trở về trông nom tờ Saigon Post lúc này đã được hai năm và đang cần được chấn chỉnh lại. Và như thế để khỏi phải do dự trong quyết định rút lui, tôi nhớ lại những lời bàn bạc giữa bố tôi và cụ Kim lúc trước khi các cụ bàn luận với nhau thế nào gọi là "thức thời". Các cụ bảo rằng ở đời phải biết lúc nào nên ở, lúc nào nên đi. Vì vậy mà vài ngày sau khi trở lại làm việc, tôi tìm cách đặt vấn đề với ông Kỳ. Được dịp ở lại dùng bữa trưa một mình với ông, tôi thẳng thắn trình bày là đằng nào ông cũng phải cải tổ nội các, và ông đang gặp khó khăn về phía một số tướng lãnh

https://tieulun.hopto.org

và chính khách miền Nam, ông nên nghĩ đến việc để cho tôi rút lui. Tôi đưa ra lập luận là tương lai ông còn dài, và ở ngoài chính quyền, có thể tôi sẽ giúp ông được nhiều hơn. Có lẽ ông cũng đã nghĩ đến những điều đó, nên ông nín thinh không có chút phản ứng nào. Ông trầm ngâm nghĩ ngợi và chuyển sang chuyện khác. Vài ngày sau tôi lại nhắc ông. Lần này thì ông không tránh né nữa và trả lời rằng ông đã suy nghĩ kỹ về trường hợp của tôi. Ông nói tôi cần phải giúp chính phủ bằng cách nhận làm Đại Sứ tại một nhiệm sở ngoại giao quan trọng.

Tôi hết sức ngạc nhiên về đề nghị của ông Kỳ vì từ nhỏ đến lớn và trong cuộc đời chính trị, tôi chưa hề nghĩ đến làm việc ở nước ngoài. Hơn nữa ông Kỳ cũng không nói rõ cho tôi biết là chính phủ muốn tôi đi làm Đại Sứ ở đâu. Năm 1966 tôi nhiều lần qua lại Đông Kinh để điều đình hết việc này đến việc khác, trong giới ngoại giao ở Sài Gòn và ngay ở Đông Kinh đã có tin đồn là tôi được bổ nhiệm làm Đại Sứ ở Nhật Bản thậm chí có nhiều bạn Nhật Bản của tôi đánh điện mừng. Thật là "trong nhà chưa tỏ, ngoài ngõ đã tường".

Vì tôi chưa trả lời ông Kỳ, nên vấn đề tạm lắng gần một tuần lễ, ngoài ra ông Kỳ cũng bận rộn sắp xếp lại chính phủ, nên tôi có được chút thời gian để suy nghĩ. Thực ra đối với tôi nếu làm Đại Sứ mà lại ở Nhật Bản thì có lẽ không có gì vừa ý hơn vì tôi vẫn thường kính phục đức tính cần cù và tinh thần kỷ luật của dân tộc Phù Tang và mến chuộng phong cảnh cổ kính ở Nhật nhưng đề nghị của ông Kỳ đột ngột quá một chuyện mà tôi chưa nghĩ tới bao giờ nên tôi phân vân nghĩ ngợi chưa biết xử trí ra sao cho phải. Nhưng vài hôm sau, ông Kỳ lại gặp tôi và nói: "Chính Phủ đã quyết định cử anh đi làm Đại Sứ tại Hoa Kỳ". Tôi chưa kịp có phản ứng gì đối với quyết định này một quyết định vượt hẳn tưởng tượng của tôi thì ông Kỳ đã nói tiếp: "Đây không phải là trường hợp người ta thường nói đùa là được làm vua, thua làm Đại Sứ", mà là trường hợp chính phủ cần có một người hiểu rõ những vấn đề của xứ sở để nếu cần có thể nói chuyện thẳng tại Hoa Thịnh Đốn với chính phủ Mỹ (1).

Việc bổ nhiệm này tương đối dễ hiểu, vì ông đang sửa soạn cải tổ nội các, và sự ra đi của tôi sẽ làm nhẹ áp lực của những nhóm chống đối, nhưng tại sao đi Hoa Kỳ, đó là điều tôi không rõ. Tự đâu ông lại có ý kiến đó? Dầu sao, ông đã nói đến sự cần thiết có người nói chuyện được với chính phủ và dư luận Hoa Kỳ, thì tôi không còn lẽ từ chối nữa. Lúc đó, đang làm Đại Sứ tại Hoa Kỳ là kỹ sư Vũ Văn Thái, một người được kính trọng, đã từng làm Tổng Giám Đốc Ngân Sách và Ngoại Viện dưới thời ông Diệm. Tuy không phải là bạn,

https://tieulun.hopto.org

nhưng ông Thái cũng là chỗ quen biết, nên tôi cảm thấy không vui khi phải thay thế ông, vì vậy mà nhân dịp thay đổi trong chính phủ, tôi đề nghị với ông Kỳ mời ông Thái về làm Tổng Ủy Viên Kinh Tế. Ông Kỳ đồng ý và mời ông Thái về Sài Gòn hỏi ý kiến, nhưng có lẽ bực mình vì bị thay thế, mà không được thông báo trước, ông từ chối chức vụ mới. Tôi lại dàn xếp để chính phủ cử ông Thái làm Đại Sứ ở Á Căn Đình và Ba Tây, trong khi ông chờ đợi trở lại làm việc tại Liên Hợp Quốc.

Vì thủ tục ngoại giao đòi hỏi một thời gian, mãi tới sau lễ Giáng Sinh 1966, tôi mới cùng gia đình lên đường sang Hoa Kỳ nhậm chức. Tôi cố tình đi sớm để có thời gian ngừng lại một vài ngày ở Nhật Bản, trước khi tới Hoa Thịnh Đốn. Tôi chọn cố đô Kyoto để ngừng lại vì nghĩ rằng tại nơi yên tĩnh này, chỉ có đền đài cổ kính và xa hẳn cả chiến tranh lẫn thời sự quốc tế, thuận tiện cho tôi thảnh thơi suy nghĩ để sửa soạn vào nhiệm vụ mới, một bước đầu tiên trên chính trường quốc tế mà tôi còn phải dò dẫm, chưa rõ đường đi nước bước. Tôi tự lượng nhận thấy mình còn thiếu nhiều kinh nghiệm, nhưng cũng muốn thi gan, đón nhận những thử thách của một môi trường mới lạ. Và cũng vì chưa biết những thử thách đó như thế nào tôi quyết định sẽ lặng lẽ tới Hoa Thịnh Đốn, càng tránh gặp các nhà báo bao nhiêu càng hay bấy nhiêu, để có thời giờ tìm hiểu tình hình tại chỗ rồi mới tính toán mọi việc. Nhưng sự việc thường xảy ra không đúng như tiên liệu. Thời ấy, tin tức gì từ Việt Nam hầu như cũng quan trọng, nên trước ngày tôi đến Hoa Thịnh Đốn, cả hai tờ báo lớn của Hoa Kỳ là Washington Post và New York Times đều có đăng bài ở trang nhất nói về việc tôi tới nhậm chức. Tờ Washington Post thì cho tôi là "một trong những cố vấn có nhiều ảnh hưởng đối với Thủ Tướng Kỳ", còn tờ New York Times thì viết rằng tôi là "người đã từng có một vai trò quan trọng trong việc hoạch định đường lối đối nội và đối ngoại của Việt Nam". Những lời quá khen này khiến tôi không có cách gì lẩn tránh được sự chú ý của mọi người, và khiến tôi càng ngại ngùng về trách nhiệm quá lớn lao với đối với bản thân tôi.

Hai ngày sau khi tôi tới thủ đô Hoa Kỳ, thì được bộ Ngoại Giao mời tới tòa Bạch Ốc để trình Ủy Nhiệm. Về nghi lễ thì không có xe song mã đón đưa các Đại Sứ như ở Anh Quốc, nhưng những thường lệ đơn giản của Hoa Kỳ cũng không kém phần long trọng. Bên ngoài thì có Thủy Quân Lục Chiến dàn chào, còn bên trong văn phòng Tổng Thống, thì những thanh củi lách tách cháy trong lò sưởi làm cho không khí ấm áp tuy tiết trời lạnh lẽo, và làn tuyết trắng phủ ngoài vườn không khác nào trên một bức tranh nhìn qua khung cửa.

https://tieulun.hopto.org

Đảo mắt nhìn quanh, trong khoảnh khắc tôi nhớ lại hình ảnh xa xưa, ngày tôi đứng chờ gặp mặt thiếu tá Patti và thiếu tướng Gallagher ở Hà Nội hơn hai mươi năm trước tại Hội Thân Hữu Việt Mỹ khi chính phủ Việt Minh mới lên cầm quyền. Những tao ngộ và đưa đẩy của thời thế thật quả lạ lùng. Làm sao lúc ấy ở Hà Nội tôi tưởng tượng nổi là sẽ có dịp tới tòa Bạch Ốc trình Ủy Nhiệm Thư!

Tổng Thống Johnson tiếp đón tôi thật niềm nở. Ông hỏi tôi nhiều và khá lâu về tình hình Việt Nam. Rồi ông đưa tôi ra giới thiệu với đông đảo đại diện của báo chí Hoa Kỳ và quốc tế tại tòa Bạch Ốc.



Tháng 1 năm 1967, sau buổi lễ trình Ủy Nhiệm Thư tại tòa Bạch Ốc, Tổng Thống Johnson giới thiệu tác giả với báo chí quốc tế

Tiếp xúc với báo chí là nhiệm vụ thường xuyên của người đại diện chính phủ tại nước ngoài. Mới đến Hoa Kỳ và phải đối phó với những nhà báo nổi tiếng là tự do nhất trên thế giới, tôi còn đang cố làm quen với tôi việc khó khăn này thì cuộc thử lửa đã xảy ra ngay trong những ngày đầu. Vì vấn đề Việt Nam nóng bỏng và tôi lại là kẻ mới đến, nên chỉ được vài ngày sau buổi trình Ủy Nhiệm Thư, đài truyền hình NBC đã mời tôi lên chương trình "Meet The Press". Đây là một trong ba chương trình lớn có phạm vi toàn quốc của Hoa Kỳ và quy tụ những nhà báo kỳ cựu có nhiều ảnh hưởng trong chính giới, như Carl Rowan, Max Frankel, Peter Lisagore. Điều hợp viên của

https://tieulun.hopto.org

chương trình là ông Lawrence Spivak gặp tôi trước để thăm dò xem trình độ Anh ngữ của tôi ra sao, và để nếu cần, có sẵn thông dịch viên.

Tuy không đến nỗi như vậy, tôi vẫn muốn cẩn thận, nên mang theo anh Đặng Đức Khôi lúc đó làm việc tại tòa Đại Sứ, để nếu có sơ hở thì anh có thể nhắc tôi bằng tiếng Việt. Anh Khôi là người đã sống nhiều ở Hoa Kỳ, không những thông thạo Anh ngữ mà còn có nhiều nhận xét tinh tế về chính giới và báo chí Hoa Kỳ, nên trong mấy ngày sửa soạn cuộc phỏng vấn, anh đã thử đặt cho tôi đủ các loại câu hỏi mà các nhà báo có thể đưa ra, đặc biệt là những chuyện gai góc như tham nhũng, những lời tuyên bố quá đáng của ông Kỳ, hay cả những vấn đề tế nhị như hòa đàm và đối xử với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, v.v... Tuy trong thời gian gần hai năm làm việc với chính phủ ở Sài Gòn, tôi cũng đã có dịp tiếp xúc với báo chí, nhưng hoàn cảnh lúc đó khác hẳn và thuận tiện cho tôi nhiều hơn. Lúc này, với chương trình "Meet The Press" trong cảnh hoàn toàn xa lạ tôi cảm thấy như lâm vào trường hợp "một con cừu non sắp sửa được đưa lên lò sát sinh", như một người bạn Mỹ đã nói đùa. Các câu hỏi đều ít nhiều có liên quan đến những khó khăn mà tôi đã từng gặp dưới hình thức này hay hình thức khác trong khi làm việc với ông Quát và ông Kỳ. Nếu cần phải "thuộc bài" thì tôi cũng thuộc khá nhiều nên tôi quyết không tránh né và sẽ trả lời thẳng dù câu hỏi "hóc búa" đến đâu. Như khi bị cật vấn đề về tham nhũng, tôi nhận ngay là có nạn này nhưng đồng thời cũng tìm cách trình bày các nguyên nhân cùng những biện pháp đối phó của chính phủ. Ngoài ông Spivak là điều hợp viên, ba nhà báo kỳ cựu hôm đó là Carl Rowan, Max Frankel và Peter Lisagore, trong nửa tiếng đồng hồ thay phiên nhau nêu ra đủ mọi thắc mắc cùng những chỉ trích của phe phản chiến. Họ hỏi tại sao không nói chuyện với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, nếu không nói chuyện với những người đang cầm súng chống chính phủ thì làm sao chấm dứt được chiến tranh? Cái khó là phải trả lời ngắn gọn và đầy đủ trong vài phút. Dầu sao thì hôm đó, ít nhất tôi cũng không bị "đàn sói ăn thịt", ngoài ra tôi cũng gây được ít nhiều thiện cảm trong giới truyền thông bằng cách đối xử thẳng thắn với họ (một số đông trong bọn họ, sau nhiều năm làm việc về sau này đã trở thành bạn và giúp tôi nhiều với những nhận định trung thực của họ về tình hình).

Sự ra mắt của tôi trên đài NBC có thể coi như bước đầu trong thời gian "tập sự tại chỗ" của tôi tại thủ đô Hoa Kỳ. Hơn nữa lại có những bài của hai báo Washington Post và New York Times giới thiệu tôi với chính giới do đó mà những sự tiếp xúc cũng được nhiều dễ dàng. Tôi lần lượt liên lạc với ngoại giao đoàn, những nhân vật

https://tieulun.hopto.org

quan trọng trong chính phủ và tại Quốc Hội, thời đó thời tiết ở Hoa Thịnh Đốn rất giá lạnh và tuyết xuống nhiều. Tuyết trắng mà các con tôi nhìn thấy lần đầu đem lại cho gia đình tôi ánh sắc và hương vị mùa đông của vùng hàn đới.

Hoàn cảnh đổi thay thì nhận thức cũng vậy. Sống ở Sài Gòn vì quá quen với tình trạng chiến tranh đã kéo dài từ mấy chục năm và được sống tương đối yên ổn ở thành thị ngoài ra hằng ngày còn phải mải miết làm ăn nhiều khi người ta quên là chiến tranh vẫn còn đó ở những miền đồng ruộng hay rừng núi xa xôi.

Ngược lại tại Hoa Kỳ thì ngoài báo chí nhan nhản truyền thanh và truyền hình từ sớm đến khuya hết giờ này sang giờ khác, tung ra bao nhiêu tin tức cùng hình ảnh gây xúc động mạnh: tấn công, khủng bố, khói lửa, giết chóc, đổ vỡ... Những cảnh bi thương hay ác liệt như vậy đập vào thần kinh người Mỹ, và ám ảnh họ đến tận tiềm thức. Cho nên nhiều tầng lớp và nhiều giới càng ngày càng phản chiến, nhiều nhân vật không còn kiên tâm chịu đựng chính sách can thiệp mà họ không hề chống đối trước kia. Tôi hiểu dần dần vì sao có trào lưu đòi hỏi Mỹ triệt thoái khỏi miền Nam; ngoài ra tôi cũng đành phải nhận rằng vô tình hay cố ý, trực tiếp hay gián tiếp, guồng máy và lề lối truyền thông của Mỹ đã gây khó khăn và cản trở cho chính phủ và quân đội Hoa Kỳ; không để cho đánh thì làm sao thắng trận?



Cuối tháng 1 năm 1967, tác giả cùng với ông Lawrence Spivak trên chương trình "Meet The Press" ngay sau khi tới nhậm chức tại Hoa Thịnh Đốn

https://tieulun.hopto.org

Đối với riêng tôi, nhịp sống ở Hoa Thịnh Đốn cũng khác trước rất nhiều. Trước kia ở Sài Gòn khủng hoảng này theo khủng hoảng khác tưởng chừng như vô tận vấn đề nào cũng cấp bách đòi hỏi giải quyết ngay. Trái lại bây giờ ở Hoa Thịnh Đốn ngoại trừ vài trường hợp đặc biệt công việc không còn dồn dập hằng ngày tôi có thể sắp xếp để tuần tự tiến hành. Cảnh tuyết rơi nhẹ nhàng qua khung cửa lại giúp thêm cho tâm hồn tôi lắng dịu.

Vì nhu cầu, và được thuận tiện, tôi dành ngày giờ tìm hiểu kỹ hơn chính trường và xã hội Hoa Kỳ. Thoạt tiên thì hình như không mấy khó khăn lắm nhưng đi sâu vào việc mới thấy là chẳng dễ. Chỉ riêng về Quốc Hội cũng phức tạp rồi. Hạ Viện có 435 Dân Biểu, Thượng Viện có 100 Thượng Nghị Sĩ, ấy là chưa kể đến cả ngàn phụ tá và hàng chục Ủy Ban và Tiểu Ban. Tìm hiểu được ai vào với ai, ai giữ chức phận gì, ai là người có ảnh hưởng, cũng như lạc vào một khu rừng rậm. Cũng may là ngay từ buổi đầu, tôi đã được sự giúp đỡ tận tình của nhiều người có thiện cảm với Việt Nam, đáng kể nhất là Thượng Nghị Sĩ Cộng Hòa ông Everett Dirksen, lãnh tụ khối thiểu số ở Thượng Viện. Được người giới thiệu và tới thăm ông mấy ngày ngay sau khi tới Hoa Thịnh Đốn và chỉ cho đó là một thường lệ xã giao, không ngờ từ bữa ấy, ông cho biết là rất muốn giúp tôi. Rồi cho đến khi ông từ trần, lúc nào ông cũng ân cần và sẵn lòng giúp đỡ. Ông giới thiệu tôi với những Thượng Nghị Sĩ khác, chỉ dẫn cho tôi biết rõ lề lối làm việc cũng như thế lực của từng yếu nhân trong Quốc Hội. Ông cũng căn dặn cả những điều phải làm như theo dõi Ủy Ban Tiểu Ban nào ở Thượng Viện có thẩm quyền và ảnh hưởng về vấn đề Việt Nam, và giữ liên lạc với những Thượng Nghị Sĩ nào ở những Ủy Ban hay Tiểu Ban đó.

Những sự tiếp xúc đó chẳng những là cần thiết và hữu ích, còn tạo cho tôi mối giao hảo lâu bền, vượt khỏi phạm vi nghề nghiệp và còn lại mãi về sau khi tôi đã rời chức vụ. Tôi cũng phải kể đến một Thượng Nghị Sĩ khác ông George Aiken của tiểu bang Vermont. Ông cũng thuộc đảng Cộng Hòa và có uy tín trong Ủy Ban Ngoại Giao. Ông lại là bạn thân của Thượng Nghị Sĩ Mike Mansfield đảng Dân Chủ và lãnh tụ đa số. Với đầu tóc bạc phơ, dáng điệu hiền hòa bình dị, ông Aiken thường dành cho tôi rất nhiều thời giờ ngay tại văn phòng của ông hay tại Sứ Quán Việt Nam mỗi khi hai ông bà tới dùng cơm tối thân mật với vợ chồng tôi. Ông thường kín đáo chuyển đạt tới Thượng Nghị Sĩ Mansfield những điều tôi không tiện nói thẳng, đồng thời ông cũng mách rõ về từng người một trong Ủy Ban Ngoại Giao, kể cả Dân Chủ lẫn Cộng Hòa, để giúp tôi đo lường đúng mức thái độ

https://tieulun.hopto.org

của Ủy Ban đối với Việt Nam. Ông luôn luôn nhắc nhở tôi là không nên uổng phí thời giờ tìm cách thuyết phục những thành phần "bồ câu thiên tả", vì theo ông họ là "những người có định kiến đi đường một chiều". Ngoài ra, ông cũng khuyên tôi nên tìm hiểu rõ quan điểm và khuynh hướng của các Thượng Nghị Sĩ hay Dân Biểu trước khi đến gặp họ.

Đối với những ai đã biết rõ sinh hoạt chính trị của Hoa Kỳ thì những nhận xét trên đây chẳng có chi đáng chú trọng, nhưng đối với một người như tôi nhiều sự còn mới quá. Tôi đang được mục kích và làm quen với những tập tục dân chủ của một xã hội cởi mở, sống động, đồng thời cũng vô cùng phức tạp. Thượng Nghị Sĩ và Dân Biểu được bầu ra bởi những cử tri tại khu bầu cử địa phương, do đó mỗi người đều có những mối quan tâm riêng và thái độ của họ đối với vấn đề Việt Nam tùy thuộc rất nhiều vào dư luận của cử tri địa phương mà họ là người đại diện. Nơi thì đa số ngả theo phe phản chiến, nơi khác thì cũng nhiều người chống Cộng hăng hái, nhưng nói chung thì dân Mỹ thường chỉ quan tâm đến đời sống của họ, ít biết hoặc không thấy cần biết nhiều nước ngoài hay Việt Nam là xứ thế nào... nên rất đông người không hiểu vì sao con em họ phải hy sinh xương máu cho miền Nam của chúng ta. Chỉ đối với ta, tham chiến và viện trợ của Hoa Kỳ là vấn đề sinh tử.

Trong chính giới Hoa Kỳ, nhiều người nhìn xa thấy rộng, nhưng một số không nhỏ làm tôi thất vọng. Họ cũng có tên tuổi nên tôi chờ đợi ở họ những ý kiến sâu sắc trong lúc bàn luận, nhưng qua những câu hỏi, đôi khi ngớ ngẩn, tôi nhận thấy là sự hiểu biết của họ về các vấn đề quốc tế thiếu rộng rãi (vài người còn không biết rằng Việt Nam trước kia là một thuộc địa của Pháp). Đối với riêng tôi thì quả là sự bất hạnh cho Việt Nam, vì nhiều khi những lá phiếu của họ lại có ảnh hưởng đáng ngại, đáng tiếc đối với Việt Nam. Và đó là một thực tế đáng buồn mà tôi không muốn chấp nhận.

Một thực tế khác nữa của chính trị Hoa Kỳ lúc đó là sự chống đối của những thành phần thiên tả và phản chiến. Trong số này phải kể đến những người có tên tuổi như Thượng Nghị Sĩ Fulbright, McGovern và Church. Vì họ luôn luôn chỉ trích chính phủ Hoa Kỳ và chính phủ Việt Nam, và vì họ là những nhân vật có thế lực trong ngành Lập Pháp nên một số bạn Hoa Kỳ có cảm tình với Việt Nam khuyên tôi gặp họ để tìm cách giải thích, nhưng tôi không bao giờ chịu đàm thoại với họ, ngoại trừ những trường hợp phải giáp mặt trong một buổi tiếp tân ngoại giao nào đó. Tôi từ chối không phải vì ngại thiếu lý lẽ đối với họ, nhưng vì tôi không chấp nhận được sự cao

https://tieulun.hopto.org

ngạo và thiếu lịch sự của họ. Tôi nghĩ rằng họ hoàn toàn có quyền không đồng ý với chính phủ của họ về vấn đề Việt Nam, nhưng họ không có quyền khinh rẻ người Việt Nam khi Việt Nam đang là đồng minh của Hoa Kỳ. Họ có những lời lẽ hết sức bất nhã đối với ông Thiệu, ông Kỳ và giới lãnh đạo nói chung của Việt Nam. Có lẽ họ nghĩ rằng Việt Nam đang phải nhờ vả Hoa Kỳ nên họ có quyền miệt thị. Thái độ của họ là một thái độ tự cao tự đại vô lý. Mặc dầu cá nhân tôi nhiều khi không đồng ý với ông Thiệu và ông Kỳ, nhưng hai ông lúc đó dầu sao cũng là người cầm đầu chính phủ, nên với tư cách đại diện của Việt Nam, tôi không thể nhắm mắt bỏ qua, và mỗi lần họ có những lời lẽ quá đáng tôi đều lên tiếng công khai phản đối.

Thực ra thì không phải tất cả những người Hoa Kỳ chống chiến tranh đều có thái độ kẻ cả một chiều như những ông Fulbright, McGovern. Thượng Nghị Sĩ Mansfield trong những năm cuối cùng của chiến tranh chuyển từ ủng hộ sang chống đối đường lối của chính phủ, nhưng ông là người đứng đắn, hiểu rõ tính chất phức tạp của chiến cuộc, nên khi có những cuộc thảo luận quan trọng liên hệ với Việt Nam, tôi vẫn đến thăm ông và trong vòng tương kính trao đổi ý kiến với ông.

Trong khi làm quen với Quốc Hội, tôi cũng bắt đầu liên lạc với các nhân vật trong chính phủ, đặc biệt tại bộ Ngoại Giao và tòa Bạch Ốc, hai trung tâm quyền lực trong hệ thống chính quyền Hoa Kỳ. Tại bộ Ngoại Giao, tôi đã quen một số nhân viên từng làm việc ở Việt Nam như các ông Phillip Habib và William Sullivan, nhưng người mà tôi cần phải thường xuyên tiếp xúc là ông William Bundy, Thứ Trưởng đặc trách vùng Đông Á và Thái Bình Dương. Ông là một trong số bảy tám người giữ vai trò then chốt trong việc hoạch định và thực hiện chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam. Cũng do cơ duyên xếp đặt, tôi đã có dịp sát cánh với ông tại hai hội nghị thượng đỉnh Honolulu và Manila để cùng thảo luận những bản thông cáo chung, nên ngay những ngày tôi mới đến, ông đã dành cho tôi nhiều cảm tình. Ông là một nhà ngoại giao tế nhị. Ông quen trình bày thẳng thắn về quan điểm của Hoa Kỳ, lại hiểu nhanh và rõ lập trường của Việt Nam. Ông đã giúp tôi nhiều trong nhiệm vụ liên lạc giữa hai chính phủ (2).

Mối liên hệ giữa tôi với Ngoại Trưởng Dean Rusk không có tính cách thường xuyên như với ông Bundy, nhưng mỗi khi cần, tôi vẫn thường được dịp trực tiếp trao đổi ý kiến với ông. Theo ông, Hoa Kỳ cần phải chứng minh cho các nước đồng minh là một khi Hoa Kỳ đã đưa ra lời cam kết nào thì Hoa Kỳ sẽ giữ vững lời cam kết đó. Đối

https://tieulun.hopto.org

với ông, vấn đề Việt Nam là một thử thách trên trường quốc tế mà Hoa Kỳ bắt buộc phải đối phó, và trong suốt tám năm là Ngoại Trưởng, lập trường của ông không hề thay đổi, ngay trong những giai đoạn khó khăn nhất như khi ông bị tấn công dồn dập trước Quốc Hội bởi những Thượng Nghị Sĩ bồ câu và những nhóm phản chiến. Ông được nhiều người kính trọng, kể cả những ngươi không đồng ý với ông.

Với tòa Bạch Ốc thì liên lạc cũng dễ dàng vì tôi may mắn gặp hai bạn cũ nay làm việc tại đó: William Jorden và Robert Komer. Ông Jorden là phụ tá của Cố Vấn An Ninh Quốc Gia Walt Rostow, còn ông Komer thì làm Phụ Tá cho Tổng Thống đặc trách về những chương trình viện trợ kinh tế cho Việt Nam. Tiếp xúc với hai ông, tôi luôn luôn theo dõi được tình hình chung và nhiều khi còn rõ được cả những uẩn khúc trong nội bộ Hoa Kỳ về vấn đề Việt Nam. Từ chính trị đến quân sự và kinh tế, họ đều có tin tức từ Sứ Quán Hoa Kỳ ở Sài Gòn và chia sẻ thẳng thắn với tôi những ưu tư của chính phủ Hoa Kỳ mỗi khi có những biến chuyển bất lợi. Vì vậy, những điện tín hằng ngày và những bản phúc trình hằng tuần mà tôi gửi về Sài Gòn đều phản ảnh được sự thật mà chính phủ Việt Nam cần biết. Ông Komer giúp tôi thúc đẩy cơ quan hữu trách về những chương trình viện trợ kinh tế cho Việt Nam. Ông Jorden thì giúp tôi nhiều trong việc sửa soạn tài liệu giúp ông Rostow trình bày những nhu cầu và khó khăn của Việt Nam trước Hội Đồng An Ninh Quốc Gia (3).



Tháng 9 năm 1967, tác giả hội đàm với ông Walt Rostow,
Cố Vấn An Ninh Quốc Gia của Tổng Thống Johnson tại tòa Bạch Ốc

https://tieulun.hopto.org

Được ông Jorden giới thiệu, tôi đến gặp ông Rostow lần đầu tiên tại tòa Bạch Ốc. Với một vẻ hồn nhiên, ông Rostow đón tôi với một nụ cười niềm nở, như đối với một bạn cũ gặp lại để hàn huyên về những chuyện xưa tại học đường (ông vốn là giáo sư kinh tế tại một trường Đại Học lớn). Và từ đấy, bàn luận với ông về những vấn đề chính trị cũng thân mật như khi nhàn đàm về những chuyện không dính dáng gì đến chính trị hay ngoại giao. Những quan điểm của ông về phát triển chính trị và kinh tế tại những nước chậm tiến vừa thoát khỏi thống trị của thực dân rất phù hợp với Việt Nam. Ông Rostow là người hiểu rõ thế giới Cộng Sản nên một phần nào tôi cũng yên tâm vì ngay trung tâm chính quyền Hoa Kỳ mà có được một người như ông, phải được kể là một điều may cho những người chống Cộng. Nhiều người chống đối ông thì cho rằng ông thuộc phe "diều hâu cực hữu" vì ông đã từng chủ trương đổ bộ lên miền Bắc Việt Nam, nhưng ông còn chủ trương rằng Hoa Kỳ can thiệp vào Việt Nam để giúp một nước chậm tiến có cơ hội phát triển cả về chính trị lẫn kinh tế. Quan niệm này, đối với tôi, rộng rãi đầy đủ hơn chú ý của một số chiến lược gia chỉ nghĩ đến ngăn chặn Cộng Sản.

Vào cuối tháng 2, 1967, trong lúc tôi đang làm quen với Ngũ Giác Đài (4), chính phủ lại gọi về để tham khảo ý kiến. Lúc đó, Quốc Hội Lập Hiến vừa soạn thảo và biểu quyết xong bản dự thảo hiến pháp gọi là Hiến Pháp Đệ Nhị Cộng Hòa. Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc gia phải quyết định chấp thuận hay bác bỏ. Trong dịp này, "yếu tố Hoa Kỳ" dĩ nhiên là mối quan tâm hàng đầu của chính phủ quân nhân, nên gọi tôi về là để hỏi về quan điểm của Hoa Kỳ. Một mặt thì họ khó chối bỏ lời hứa công khai tại hội nghị Honolulu là một khi có hiến pháp mới thì sẽ phải nhường chỗ cho một chính phủ dân cử, nhưng mặt khác thì cũng rất có thể là trong hoàn cảnh mới, họ sẽ mất hết quyền hành nếu họ không được dân chúng bỏ phiếu tín nhiệm. Như vậy, ông Thiệu và ông Kỳ đều phải sớm liệu nếu họ còn có tham vọng chính trị. Để sửa soạn cho tương lai, hai ông cần biết thái độ của Hoa Kỳ đối với bản dự thảo hiến pháp, và nhất là với cá nhân mỗi vị, do đó mà tôi được triệu về để tham khảo ý kiến, mặc dầu mới nhậm chức chưa được hai tháng.

---

(1) Ông Kỳ ám chỉ đến trường hợp tướng Trần Thiện Khiêm được cử làm Đại Sứ ở Hoa Kỳ năm 1964 và trường hợp tướng Khánh cũng được cử làm Đại Sứ năm 1965.

https://tieulun.hopto.org

(2) Xuất thân từ một gia đình danh tiếng Hoa Kỳ ông từng làm làm Thứ Trưởng Quốc Phòng. Em ruột ông, McGeorge Bundy làm Cố Vấn An Ninh Quốc Gia tại tòa Bạch Ốc, và nhạc phụ của ông là cựu Ngoại Trưởng Dean Acheson.
(3) Ông Komer tính tình bộc trực ăn nói mạnh miệng, được các báo Hoa Kỳ gọi là "Blowtorch", trái lại ông Jorden thì tính tình điềm đạm từng làm cho tờ Time–Life, ông Jorden qua Việt Nam nhiều lần và hiểu rõ tính chất phức tạp của chiến tranh Việt Nam. Về sau với tư cách là Đại Sứ Hoa Kỳ tại Panama ông đã điều đình thành công thỏa ước Canal of Panama Treaty.
(4) Từ ngày được biết ông McNamara qua những cuộc viếng thăm Việt Nam của ông trong những năm 65 và 66 tôi luôn luôn có ấn tượng ông là người lạnh lùng vô tình nên khi mới tới Hoa Kỳ tôi chỉ giữ đủ lễ nghi với ông vì dầu sao ông cũng là Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng, nhưng không tìm cách làm thân.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 22
Một Hiến Pháp Cho Đệ Nhị Cộng Hòa

Tôi về đến Sài Gòn vào đầu tháng 3, đúng lúc Quốc Hội Lập Hiến, được bầu ra mùa thu năm trước, vừa hoàn tất nhiệm vụ. Một bản hiến pháp mới, kết quả của gần sáu tháng thảo luận sôi nổi, đã được mang ra biểu quyết và chấp thuận. Nếu cũng được Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia chấp thuận và ban hành thì bản này sẽ thay thế cho bản hiến pháp 1956 của Đệ Nhất Cộng Hòa thời ông Diệm. Đây là một thành quả đáng kể, không dễ đạt vì giới chính trị miền Nam phân hóa rất nhiều, và Quốc Hội Lập Hiến gồm đủ mọi người khuynh hướng đối nghịch.

Bản hiến pháp mới dự trù rõ rệt sự phân quyền giữa ba ngành lập pháp, hành pháp và tư pháp, một chế độ lưỡng viện cho ngành lập pháp, và một chế độ tổng thống cho ngành hành pháp. Người ta có cảm tưởng là lần này những nhà làm luật ở Việt Nam tìm đủ mọi cách để ngăn ngừa, không cho ai có cơ hội tập trung quá nhiều quyền hành trong tay như dưới thời ông Diệm, nên không những lập pháp có hai viện mà hành pháp, ngoài tổng thống và phó tổng thống, lại còn có cả thêm cả thủ tướng nữa. Nhưng vấn đề được đặt ra lúc đó là chính phủ quân nhân có chịu ban hành bản hiến pháp mới theo như lời đã hứa hay không? Ngoài ra, thái độ của Hoa Kỳ đối với bản hiến pháp này ra sao?

Như nhiều người đã biết, Hoa Kỳ rất ngại xáo trộn. Họ không muốn luôn luôn phải đối phó với những tình trạng bất ổn, như đã từng thấy sau cuộc đảo chính chống ông Diệm. Ngoài ra họ cũng không muốn luôn luôn phải chống đỡ mỗi khi báo chí hay dư luận Hoa Kỳ lên tiếng chỉ trích chính phủ Việt Nam là độc tài hay quân phiệt tham nhũng. Họ mong mỏi Việt Nam có một thể chế dân chủ trong đó pháp luật được tôn trọng để Việt Nam có được sự ổn định cần thiết theo đuổi chiến tranh và để cho họ dễ ăn nói với dư luận Hoa Kỳ và quốc tế.

Thái độ đó đã được tỏ rõ qua những lời tuyên bố của cấp lãnh đạo Hoa Kỳ tại Honolulu, và ngày sau khi Việt Nam đã bầu xong Quốc Hội Lập Hiến. Nhưng tôi muốn được tòa Bạch Ốc xác nhận, nên trước khi lên đường về Việt Nam, tôi yêu cầu được gặp ông Rostow, Cố Vấn An Ninh Quốc Gia của Tổng Thống Johnson. Có lẽ ông Rostow cũng hiểu vì sao chính phủ gọi tôi về, nên trong buổi hội

https://tieulun.hopto.org

kiến kéo dài hơn một tiếng đồng hồ, ông đã nhấn mạnh đến tầm quan trọng của bản hiến pháp đối với Hoa Kỳ và cả cá nhân Tổng Thống Johnson. Theo ông Rostow, thì ông Johnson coi trọng lời cam kết của hai tướng Thiệu, Kỳ tại hội nghị Honolulu và chờ đợi chính phủ quân nhân giữ đúng lời cam kết đó. Ông Rostow nói rằng đối với dư luận Hoa Kỳ và dư luận quốc tế, bản hiến pháp, một khi được ban hành, sẽ là một thành quả biện minh cho chính sách và nỗ lực chiến tranh của Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Vào đầu mùa xuân 1967, đã thấy có những triệu chứng là sự ủng hộ của dân chúng Hoa Kỳ đối với chiến tranh Việt Nam bắt đầu suy giảm. Gần nửa triệu binh sĩ Mỹ đã sang tham chiến nhưng chưa có ai quyết đoán được là chiến cuộc sẽ được kết thúc bằng cách nào, vì vậy khi chưa có những thắng lợi quân sự cho thấy là có "ánh sáng ở cuối đường hầm", thì Hoa Kỳ cần phải chứng tỏ là những lãnh vực khác, đã có những tiến bộ khả quan. Cho nên, bản hiến pháp mới có một tầm quan trọng đặc biệt, và chính phủ Hoa Kỳ không có đường lối nào khác là thúc đẩy việc ban hành.

Về đến Sài Gòn, tôi thấy một bầu không khí tương đối lạc quan hơn trước. Chiến tranh vẫn tiếp diễn và đời sống vẫn nhộn nhịp. Đi đâu người ta cũng chỉ nghe thấy bàn cãi về bản dự thảo hiến pháp mới, với những câu hỏi như: liệu nhà binh họ có chịu không? Ai sẽ ra ứng cử tổng thống? v.v...

Dưới mắt những người phản chiến hoặc những người quen chỉ trích một cách tiêu cực, thì những cố gắng xây dựng dân chủ ở Việt Nam đều do Hoa Kỳ bầy vẽ ra để cho Việt Nam có một bộ mặt hợp pháp đối với dư luận Hoa Kỳ và quốc tế. Nhưng nếu nhìn kỹ vào phong trào tranh đấu dưới thời ông Diệm và sau đó dưới thời những chính phủ quân nhân, thì ai cũng phải công nhận rằng đòi hỏi dân chủ ở Việt Nam không còn là của thiểu số những người làm chính trị, mà là của mọi giới, đặc biệt là hai giới thanh niên và sinh viên. Đối với những ai thuộc sử và theo dõi thời cuộc 1954-66 thì nỗ lực và thành quả kia không phải do Hoa Kỳ ngụy tạo; trái lại, bắt nguồn từ những đòi hỏi của nhiều tầng lớp về dân chủ, tự do, pháp trị, công bằng, mà ý niệm đã nẩy nở từ thời Pháp thuộc và Tây học, rồi thúc đẩy chống đối mọi thể chế độc tài chuyên chính của Thực Dân, Cộng Sản hay lãnh đạo không Cộng Sản. Nói một cách khác, Hiến Pháp 1967 không phải là lợi khí của Hoa Kỳ, mà phải được coi như kết quả đã đạt được sau nhiều cuộc đấu tranh liên tiếp của nhân dân miền Nam.

Nếu hiến pháp mới được ban hành thì giới quân nhân bị ảnh hưởng trực tiếp và nhiều nhất, vì thế mà những tướng lãnh cầm đầu

https://tieulun.hopto.org

quân đội là những người bàn cãi sôi nổi nhất về tình trạng mới. Một số, như vài tướng lãnh đang có quyền, sợ mất quyền, đưa ra lý lẽ: "trò chơi dân chủ" không phù hợp với tình trạng chiến tranh, hơn nữa, nhiều chính phủ dân sự từ trước đến nay đều tỏ ra bất lực.

Tôi vừa về đến Sài Gòn là bị nhiều người hỏi ngay: "Anh thấy thái độ của Hoa Kỳ ra sao?" Vì không còn chút nghi ngờ nào nữa về vấn đề này, tôi thẳng thắn trả lời là Hoa Kỳ hoan nghênh bản hiến pháp và nóng lòng mong đợi chính phủ quân nhân sớm ban hành văn kiện này. Nhưng tôi cũng thêm rằng: "Chúng ta cũng phải tự hỏi trước hết, bản hiến pháp có mang lợi gì cho đất nước không? Vì đó mới là điều hệ trọng hơn cả!" Vì hầu hết các đoàn thể và tổ chức chính trị ủng hộ bản hiến pháp, tôi dành một phần lớn thời giờ để thuyết phục các tướng lãnh. Tôi nói với họ là đối với dư luận trong ngoài, chính phủ quân nhân không thể nào chối bỏ lời cam kết hai năm trước tại Honolulu. Hai ông Thiệu và Kỳ đã tiếp xúc nhiều với Hoa Kỳ, thì càng phải thấy rõ tầm quan trọng của vấn đề đối với nước bạn, vả lại hai ông là những người đương quyền, nên sẽ gây được nhiều tín nhiệm hơn, nếu theo hiến pháp mới mà tổ chức tuyển cử.

Vài hôm sau khi tôi về, ngày 10 tháng 3, 1967, một buổi họp đặc biệt của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia được triệu tập với đầy đủ các thành phần dân sự và quân sự để duyệt xét một lần chót và quyết định về bản dự thảo hiến pháp. Cả hai ông Thiệu và Kỳ thay phiên nhau trình bầy những lý do phải chuẩn nhận và ban hành bản hiến pháp, công trình sáu tháng thảo luận của Quốc Hội Lập Hiến. Mặc dầu có vài tướng lãnh tỏ ý hoài nghi, một số đông nhìn nhận là một khi Quốc Hội Lập Hiến được bầu ra và đã làm xong nhiệm vụ, thì chỉ còn cách tiến tới chứ không thể lùi bước. Vì vậy mà toàn thể bản hiến pháp đã được chấp nhận. Năm hôm sau, chính phủ Hoa Kỳ cử ông Bundy, Thứ Trưởng Ngoại Giao sang Việt Nam để chuyển lời mừng của Tổng Thống Johnson và đề nghị một buổi họp thượng đỉnh Việt Mỹ tại đảo Guam, vào ngày 20 tháng 3.

Đây là hội nghị thượng đỉnh thứ ba giữa hai chính phủ Việt và Mỹ. Vì tôi đã đảm nhận trách nhiệm phối hợp phần trình bầy của phái đoàn Việt Nam tại hai hội nghị trước, ngoài ra tôi lại đang ở Sài Gòn, một lần nữa chính phủ lại ủy tôi phải sắp xếp mọi việc. Về phương diện này, tôi đã có đôi chút kinh nghiệm và hiểu rõ quan điểm của hai phía, nên việc sửa soạn không còn khó khăn như trước. Tuy nhiên vào phút chót, một chuyện bất ngờ làm cho tôi vất vả. Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc là ông U Thant, người Miến Điện có khuynh hướng chủ hòa. Quan điểm khá ngây thơ của ông là chỉ cần ngồi vào bàn họp với

https://tieulun.hopto.org

Cộng Sản, là có thể mang lại hòa bình cho Việt Nam, vì vậy mà sau một dịp gặp gỡ với một vài nhân vật Cộng Sản, ông đã viết thư cho ông Goldberg, Đại Sứ Hoa Kỳ tại Liên Hiệp Quốc, đề nghị hưu chiến và đàm phán hòa bình giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt. Tôi đã hiểu rõ thái độ dè dặt của chính phủ Hoa Kỳ đối với ông và không mấy tin tưởng vào khả năng của ông. Về đề nghị hòa đàm, thì Hoa Kỳ lại càng không tin nữa. Hoa Kỳ không những không hy vọng gì ở ông, mà còn bực mình và khó chịu về đề nghị ông đưa ra lúc hội nghị Guam sắp họp. Vốn đa nghi, các giới chính trị lúc đó gắn liền hai việc với nhau và đồn đại là Hoa Kỳ đã dàn xếp để dồn ép chính phủ Việt Nam phải chịu nói chuyện hòa bình với Cộng Sản. Thế là tôi lại phải cùng chính phủ tìm cách phối hợp với Hoa Kỳ để trả lời ông U Thant, đồng thời phải giải thích để trấn an dư luận. Và cũng vì vậy mà sẽ có thêm một vấn đề cho hội nghị Guam, tuy Tổng Thống Johnson chỉ muốn họp để nêu cao thành tích của chính phủ Việt Nam và biện minh cho chính sách của Hoa Kỳ.

Cũng như thường lệ, ông Johnson kéo cả "đại đội binh mã" Hoa Kỳ đến Guam, gồm có đủ cả: Ngoại Trưởng Dean Rusk, Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara, Cố Vấn An Ninh Quốc Gia Rostow, ông Bundy và một số đông các tướng lãnh của Ngũ Giác Đài. Hai ông Thiệu và Kỳ cầm đầu phái đoàn Việt Nam gồm những Bộ Trưởng quan trọng, và cũng đi với phái đoàn có Đại Sứ Cabot Lodge và tướng Westmoreland.

Ba vấn đề được ghi vào chương trình nghị sự của hội nghị Guam là: đề nghị đàm phán hòa bình của ông U Thant, diễn tiến chính trị ở Việt Nam và chương trình Bình Định Nông Thôn (về sau này đổi là Xây Dựng Nông Thôn), nhưng ngay lúc đầu, ông Johnson đã đột ngột giới thiệu Ellsworth Bunker vừa được cử thay thế ông Cabot Lodge làm Đại Sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam. Chính phủ Việt Nam đã được thông báo trước về việc này và cũng đã chuẩn bị nhân sự bổ nhiệm, nhưng chưa ai biết rõ ông là người thế nào, nên sự xuất hiện của ông tại hội nghị làm cho mọi người, nhất là phái đoàn Việt Nam, đều phải chú ý đặc biệt. Ai cũng hiểu rằng nội tình chính trị ở Việt Nam đang ở giai đoạn chuyển mạnh (theo hiến pháp mới vừa được ban hành thì một loạt những cuộc bầu cử tổng thống, phó tổng thống, thượng viện và hạ viện sẽ được tổ chức vào mùa thu 1967) và sự có mặt của một Đại Sứ mới chắc chắn sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến cục diện.

Ông Bunker ngồi tham dự, nhưng ít nói. Mảnh khảnh cao, ông có vẻ còn quắc thước của một ông già lanh lợi. Mỗi lần về phía Việt

https://tieulun.hopto.org

Nam có người phát biểu ý kiến, là ông ngồi thẳng người lên, chăm chú như muốn ghi nhận thật rõ những bộ mặt Việt Nam trước bàn hội nghị. Phong độ của ông thật nghiêm trang, gần như lạnh lùng (1).

Đề nghị đàm phán hòa bình của ông U Thant là vấn đề được hội nghị thông qua nhanh chóng, vì cả hai phái đoàn đều là cho là không thiết thực và chỉ là một trái bóng do đối phương thả ra để thăm dò dư luận. Tại hội nghị Guam, cũng như những lần trước ở Honolulu và Manila, ông Johnson lại vẫn giữ vai trò chủ động. Ông đặt rõ những vấn đề cần được thảo luận, hỏi ý kiến phái đoàn Việt Nam, quay lại hỏi thêm các cộng sự viên Hoa Kỳ, rồi đưa ra lời chúc đúc kết cho cả hội nghị và những chỉ thị cho phái đoàn Hoa Kỳ, đúng như cung cách một vị tư lệnh ngoài chiến trường. Trái lại, thái độ của ông McNamara thì có phần hơi khác thường. Lần này tôi thấy ông có vẻ tư lự, không theo thói cũ ghi ghi chép chép vào tập giấy màu vàng (2). Về phía Việt Nam thì cả hai ông Thiệu và ông Kỳ đều có vẻ tự nhiên và thoải mái hơn hai lần họp trước. Dầu sao thì hai người đã qua được nhiều sóng gió, ngồi vững được ở chính quyền gần hai năm và đã từng trải nhiều hơn.



Hội nghị thượng đỉnh Mỹ-Việt tại đảo Guam, 1967 (từ trái sang phải: tướng Kỳ và Thiệu, tướng Westmoreland và Wheeler, Đại Sứ Bunker, Tổng Thống Johnson, Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara)

https://tieulun.hopto.org

Tổng Thống Johnson hoan nghênh nồng nhiệt việc bầu cử sắp tới. Sự vui mừng của ông thành thật và thái độ thân thiện của ông khác hẳn thái độ dè dặt của nhiều cộng sự viên. Hai ông Dean Rusk và McNamara chú trọng đến chiến lược và chiến sự, nhưng Tổng Thống lại quan tâm đến yếu tố con người. Ông ân cần giới thiệu ông Bunker là một người bạn của Việt Nam, ông niềm nở nói chuyện với ông Thiệu, ông Kỳ và nhân viên phái đoàn Việt Nam, ông hỏi thăm về đời sống của người dân quê. Và đặc biệt, là ông dành cho tôi một sự bất ngờ. Vào bữa trưa, trong lúc mọi người đang ăn, ông đến gần tôi và hỏi tôi có phải là con cháu ông Bùi Viện không? Mới nghe, quả tôi không hiểu ông hỏi gì. Với giọng người Texas mà ông đọc tên Việt Nam, thì ai mà hiểu nổi, hơn nữa ai có thể tưởng tượng là ông có thời giờ và chịu khó tìm hiểu về mối liên hệ Việt Mỹ trong lịch sử? Tôi kinh ngạc đến nỗi ngẩn người ra cho đến lúc một cộng sự viên của ông ghé tai tôi nói rõ, tôi mới hiểu. Tôi trả lời là tôi không được may mắn là con cháu ông Bùi Viện, tuy nhiên cũng vào thời ông này được Vua Tự Đức gửi sang Hoa Kỳ 1873 tìm cơ hội gặp Tổng Thống Hoa Kỳ Ulysse Grant để yêu cầu giúp Việt Nam chống Pháp thì trong họ tôi cũng có ông Bùi Văn Dị tức Bùi Ân Niên được cử đi sứ sang Tàu (3). Ông Johnson tỏ vẻ ngạc nhiên: tại sao cũng họ Bùi mà tôi lại không phải là con cháu ông Bùi Viện? Nhưng ông nhanh trí tiếp luôn câu hỏi bằng một lời tuyên bố rất khéo: "Hoa Kỳ ủng hộ cuộc tranh đấu của Việt Nam chống xâm lăng, vì vậy mà tôi tin tưởng rằng Đại Sứ Bùi hiện nay sẽ may mắn hơn Đặc Sứ Bùi của thế kỷ trước". Ông như thế đó, nên mặc dầu ông bị chỉ trích rất nhiều vì xô đẩy Hoa Kỳ vào vòng chiến, tôi vẫn thấy chính sách của ông có lợi cho Việt Nam trên các lĩnh vực chính trị xã hội. Vì thế thiện cảm của tôi đối với ông đã sớm có từ hội nghị Honolulu và ngay cả khi ông đã về hưu, tôi vẫn lui tới vấn an.

Xây dựng nông thôn là vấn đề chính được mang ra thảo luận tại hội nghị Guam. Nhân dịp này, Tổng Thống Johnson giới thiệu ông Robert Komer, người mới được chỉ định sang Việt Nam để điều hợp chương trình yểm trợ xây dựng nông thôn, nhằm mở rộng vùng kiểm soát và củng cố chính quyền quốc gia tại xóm làng.

Chương trình xây dựng nông thôn, tuy có nhiều phương tiện để thực hiện, lại tiến triển không mấy khả quan. Về những nguyên nhân đưa đến tình trạng này, thì phải kể trước hết đến những sơ hở của bộ máy chính quyền Việt Nam, rồi đến bộ máy cồng kềnh của Hoa Kỳ và tình trạng thiếu phối hợp giữa hai bên. Quân đội của Việt Nam Cộng Hòa đã lớn mạnh quá nhanh, nên chưa đủ năng lực và

https://tieulun.hopto.org

kinh nghiệm để vừa giữ đất, giữ dân, vừa hợp tác với đồng minh; ngoài ra việc phân nhiệm giữa quân đội và những lực lượng địa phương lại không được rõ rệt. Những giới chức dân sự và quân sự tại các địa phương thường nhận được chỉ thị phải phối hợp hành động với phía Hoa Kỳ, nhưng không biết phải phối hợp với cơ quan nào của Hoa Kỳ: từ MACV (quân sự), USAID (kinh tế), JUSPAO (thông tin), đến CIA (tình báo), DIA (an ninh quân đội), v.v... và chính những cơ quan này vì tranh giành ảnh hưởng cũng dẫm chân lên nhau, tìm cách đi thẳng với các tỉnh trưởng hay quận trưởng ở các địa phương.

Tình trạng chung là thiếu phối hợp giữa các cấp trong bộ máy chính quyền Việt Nam cũng như trong bộ máy chính quyền Hoa Kỳ, và thiếu phối hợp giữa hai bên. Xây dựng nông thôn là nhiệm vụ chung của nhiều cấp Việt Mỹ, nhưng trong thực tế chẳng là bổn phận và trách nhiệm của ai cả. Bởi vậy, hội nghị Guam quyết định giao trách nhiệm cho hai người, ông Komer về phía Hoa Kỳ và tướng Nguyễn Đức Thắng về phía Việt Nam. Cố gắng ở cấp cao này nhằm mục đích đẩy mạnh chương trình, để một khi tình hình chính trị được ổn định sau những cuộc bầu cử tổng thống và quốc hội vào mùa thu, mức độ kiểm soát của chính phủ trung ương cũng sẽ được tăng cường, tạo cho miền Nam Việt Nam một thế đứng vững mạnh. Đối với Hoa Kỳ thì đây là một chính sách phòng hờ, nếu chưa kết liễu được chiến tranh trong một tương lai gần, thì những tiến triển ở Việt Nam cũng sẽ tạo cho Hòa Kỳ cơ hội rút quân về để giảm thiểu sự chống đối của phe phản chiến, dịu bớt dư luận của dân chúng Hoa Kỳ (4). Còn về phía Việt Nam, nếu chính quyền quốc gia đứng vững được bằng viện trợ quân sự và kinh tế, mà không cần đến sự có mặt của quân đội Hoa Kỳ, thì đó lại là điều đáng mong hơn cả.

Sau những buổi họp ở Guam, cả hai phái đoàn Hoa Kỳ và Việt Nam đều cho rằng hội nghị đã đem lại nhiều kết quả, mặc dầu nhận xét này đúng cho phái đoàn Việt Nam nhiều hơn là cho phái đoàn Hoa Kỳ. Hoa Kỳ hứa sẽ tiếp tục viện trợ đầy đủ và tham khảo ý kiến của Việt Nam về những biến chuyển liên quan đến đề nghị đàm phán hòa bình của ông U Thant, như vậy có nghĩa là trong nhất thời, mối quan tâm của Việt Nam chỉ còn là lo tổ chức tổng tuyển cử vào mùa thu. Riêng về phần ông Thiệu và ông Kỳ, thì tuy hai ông không nói ra, ai cũng hiểu rằng trong cuộc chạy đua bầu cử tổng thống, mỗi người đều có những mưu tính riêng để sửa soạn ứng cử.

Để trở về Hoa Thịnh Đốn, tôi được Tổng Thống Johnson mời lên chuyến phi cơ dành cho ông, chiếc phản lực cơ “Air Force One”.

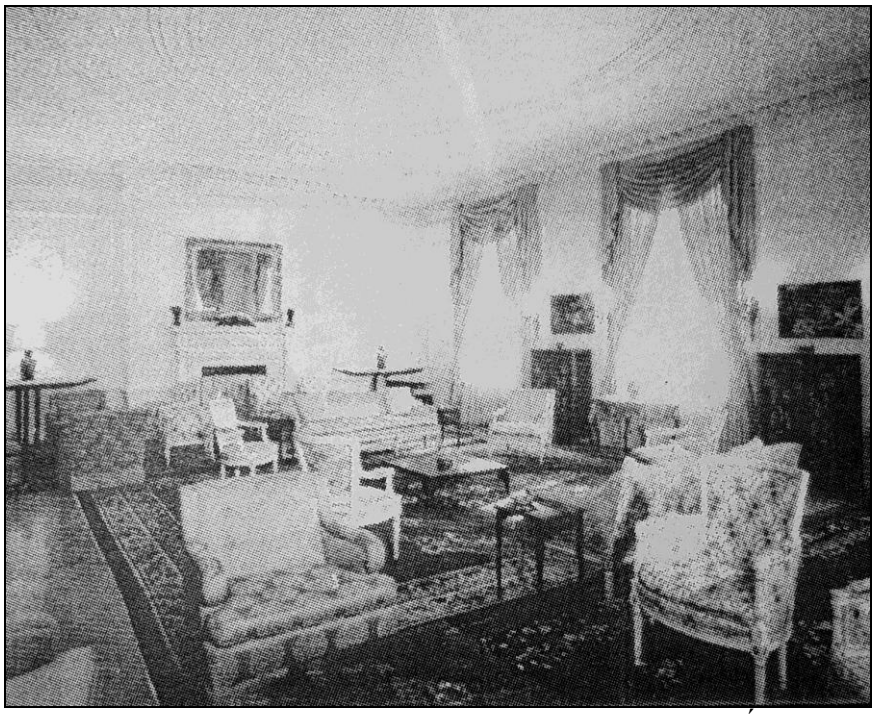
https://tieulun.hopto.org

Một phần chiếc máy bay rộng lớn được trang trí thành nơi ăn, ngủ, phòng làm việc và phòng tiếp khách cho vị nguyên thủ. Tất cả mọi đồ dùng đều mang huy hiệu của Tổng Thống, từ tách cà phê, chén uống nước cho đến những khăn tay lau mặt, gạt tàn thuốc lá, v.v... và những vật dụng thông thường khác. Và đặc biệt là phi cơ được trang bị đầy đủ các máy móc tối tân để nếu cần có thể liên lạc với bất kỳ nơi nào trên trái đất và trở thành trung tâm chỉ huy cho quân lực Hoa Kỳ ở khắp mọi nơi.

Máy bay vừa cất cánh được chừng một giờ thì cùng với phái đoàn Hoa Kỳ, tôi được mời dùng bữa tối. Tôi đinh ninh rằng sau đó, thì chắc mọi người sẽ được nghỉ ngơi đôi chút, trên chuyến bay dài trở về thủ đô, nào ngờ rằng chưa ăn xong đã thấy một sĩ quan hầu cận Tổng Thống đến mời tôi tới "cabin" của ông để cùng ông xem một cuốn phim. Tới nơi thì tôi thấy có Ngoại Trưởng Rusk, các ông McNamara, Rostow, Bundy và lúc đó ông Bundy mới cho biết là Tổng Thống Johnson có nhã ý mời tôi tới coi một cuốn phim tài liệu của những cơ quan tình báo Hoa Kỳ về trái bom nguyên tử mà Trung Cộng vừa hoàn thành và cho nổ mấy tháng trước. Trung Cộng làm được bom nguyên tử, đó là biến cố quốc tế quan trọng, nhưng trong khung cảnh đặc biệt hôm ấy, không hiểu tại sao tôi chú ý đến những nhân vật xung quanh tôi nhiều hơn là đến cuốn phim. Tôi cứ tự hỏi hoài: "Ông Johnson và những nhân vật đầu não của Hoa Kỳ nghĩ gì về dữ kiện Trung Cộng trong bài toán Việt Nam? Có phải họ e ngại Trung Cộng mà không dám chủ trương tấn công Bắc Việt không?" Tôi để ý thì thấy ông Johnson và những cộng sự viên thân cận của ông tỏ vẻ trầm tư, lặng lẽ. Tuy không ai phát biểu điều gì, nhưng tôi chắc mọi người lo ngại. Với thời gian qua, bây giờ tự hỏi vào thời điểm đó, những cơ quan tình báo Hoa Kỳ đã biết là giữa Liên Xô và Trung Cộng có sự lục đục và xung đột chưa?

Chín giờ sau khi cất cánh từ Honolulu, chiếc máy bay Air Force One đáp xuống căn cứ không quân Andrew Air Force Base ở vùng ngoại ô Hoa Thịnh Đốn, rồi từ đó máy bay trực thăng của Phủ Tổng Thống đưa chúng tôi về thẳng bãi cỏ sau tòa Bạch Ốc. Người Hoa Kỳ thường hay giữ những kỷ vật lưu niệm, nên ngày hôm sau, tòa Bạch Ốc cho đưa tới tòa Đại Sứ một tấm bằng, ghi rằng: ngày 21 tháng 3, 1967 Đại Sứ Bùi Diễm đã bay qua Thái Bình Dương trên chiếc máy bay Air Force One của Tổng Thống Hoa Kỳ Lyndon B. Johnson.

https://tieulun.hopto.org



Phòng khách tòa Đại Sứ Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn

---

(1) Về sau này, trong các giới chính trị ở Sài Gòn, người ta gọi ông là "ông già tủ lạnh".

(2) Tuy là Bộ Trưởng Quốc Phòng, ông McNamara là người không còn tin tưởng vào sự chiến thắng của quân đội Hoa Kỳ, ngay từ hồi có hội nghị Guam, điều đó mãi về sau, người ta mới biết.

(3) Nội tổ của tôi, ông Bùi Văn Quế, là em con chú con bác của cụ Bùi Văn Dị. Hai ông cùng ở làng Châu Cầu và cùng đỗ Phó Bảng một khoa, năm 1865, vì vậy người đương thời đã có đôi câu đối: Bùi thị đồng khoa, song Phó Bảng; Châu cầu nhất nhật, lưỡng vinh quy.

(4) Về phương diện này, người ta có thể nói rằng chính sách "Việt Nam Hóa" mà ông Nixon mang ra áp dụng năm 1969 thực ra đã bắt đầu tại Guam.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 23
Hai Ông Thiệu và Kỳ Chạy Đua Vào Dinh Độc Lập

Bầu không khí chính trị tại thủ đô Hoa Kỳ vào đầu mùa xuân năm 1967 tương đối yên tĩnh. Mặc dầu những phong trào chống đối chiến tranh đã bắt đầu lan rộng với sự ủng hộ của những Thượng Nghị Sĩ quen thuộc như Fulbright, McGovern, Church, Morse, v.v…, những quan sát viên tại thủ đô vẫn cho rằng đảng Dân Chủ, đảng của đương kim Tổng Thống, vẫn chiếm đa số, ngoài ra còn gần hai năm nữa mới đến hạn kỳ bầu lại Tổng Thống và cũng không ai có đủ uy tín để ra tranh cử với ông Johnson, vì vậy mà tuy mức ủng hộ chiến tranh Việt Nam có giảm xuống so với những năm về trước, ông vẫn còn thuyết phục được Quốc Hội để ông rảnh tay và tăng quân số ở Việt Nam lên tới 470 ngàn người.

Hồi đó, tôi mới làm quen với giới chính trị ở Hoa Thịnh Đốn chưa được đầy ba tháng, nhưng đã bắt đầu gửi về Sài Gòn những phúc trình về phần tình hình chung liên hệ tới Việt Nam. Những phúc trình đó tổng kết những nhận định mà tôi đã thâu lượm được qua sự tiếp xúc với những yếu nhân trong chính phủ và Quốc Hội và những ký giả báo chí hay truyền hình. Tôi đặc biệt chú trọng đến giới truyền thông vì họ có ảnh hưởng rất lớn đối với dư luận trong một nước dân chủ như Hoa Kỳ. Dẫu tôi có không đồng ý với họ, tôi cũng lượm lặt được những tin có ích cho sự tìm hiểu. Trong nhiều trường hợp, những câu hỏi của họ đã dẫn tôi đến những điều mà tôi không hề nghĩ tới. Một số không nhỏ trong hàng ngũ họ có khuynh hướng thiên tả, và phần đông vì thói quen nghề nghiệp, thường nghi ngờ những tin tức chính thức, nhưng nói chung thì họ là những người có học vấn cao, tinh thần tự trọng, hơn nữa lại có phương tiện săn đón đủ các nguồn tin. Hàng ngày, vào những buổi ăn sáng hay trưa, tôi thường tìm gặp những ký giả kỳ cựu như Murray Marder, Joseph Kraft, Hedric Smith, Neil Sheehan (báo New York Times), Crosby Noyes (báo Washington Star), hai anh em Marvin và Bernard Kalb (đài truyền hình CBS) và Peter Lisagore (báo Chicago Tribune). Lâu dần họ trở thành những người bạn khá thân giúp tôi nhiều. Dĩ nhiên, còn một hạng người khác mà tôi không muốn gặp, đó là những kẻ tự cao, tự đại, thiên tả một cách mù quáng nhưng cứ tưởng là hiểu biết hết

https://tieulun.hopto.org

mọi sự. Đối với họ, thì tất cả những gì về phía Cộng Sản đều tốt đẹp, như vậy thì còn có gì để hỏi họ nữa?

Ở Hoa Thịnh Đốn có đông đủ đại diện của hơn một trăm nước lớn nhỏ, không phải là Đại Sứ nào cũng dễ gặp Tổng Thống Hoa Kỳ. Ngoài trường hợp trình Ủy Nhiệm Thư, thì thường thường họ chỉ có một dịp là bữa tiệc hàng năm thết Ngoại Giao Đoàn tại tòa Bạch Ốc, và trong dịp này, cũng chỉ trao đổi những lời thăm hỏi xã giao. Riêng tôi được may mắn hơn, chắc vì Việt Nam là mối quan tâm ưu tiên của Hoa Kỳ nên tôi nhiều lần được ông Johnson mời tới để hỏi về bang giao Việt Mỹ.

Ngày 19 tháng 4, 1967, tại Hoa Thịnh Đốn có buổi họp thường lệ của các Ngoại Trưởng những nước trong Tổ Chức Liên Phòng Đông Nam Á. Việt Nam không phải là hội viên, nhưng được Tổ Chức bảo vệ nên vì mối quan hệ này, Ngoại Trưởng Trần Văn Đỗ cầm đầu một phái đoàn Việt Nam tham dự hội nghị và tôi cùng đi theo. Tổng Thống Johnson, nhân dịp này, muốn tiếp xúc với Ngoại Trưởng và Đại Sứ nên mời tất cả tới tòa Bạch Ốc. Tại phòng họp của nội các Hoa Kỳ (Cabinet Room) hôm ấy ông Johnson tươi tỉnh thoải mái. Ông vừa mới đi công du ở Châu Mỹ Latin và được tiếp đón niềm nở, có lẽ vì thế mà tinh thần phấn khởi, ông nhấn mạnh đến mối quan tâm đối với Đông Nam Á, như để gián tiếp bào chữa cho chính sách của Hoa Kỳ ở Việt Nam. Nhưng hôm ấy ông nói nhiều quá, tôi thì sốt ruột vì còn phải về Sứ Quán để sửa soạn buổi tiếp tân mời các Ngoại Trưởng. Rồi lúc tưởng được ra về, thì bỗng một tùy viên văn phòng của ông tới đưa cho tôi một mẩu giấy nhỏ nói rằng Tổng Thống muốn gặp riêng tôi và Ngoại Trưởng Đỗ ngay sau buổi họp tại văn phòng ông. Thật là bất ngờ! Tôi sao khỏi sửng sốt?

Từ phòng họp nội các đến văn phòng Tổng Thống (Oval Office) chỉ là một hành lang ngắn, nên tôi cố đi chậm lại để có thời giờ hỏi bác sĩ Đỗ xem ông có đoán ra tại sao hai người được mời bất thần như thế? Tôi chưa kịp thì bác sĩ Đỗ đã hỏi: "Hay là có đề nghị gì mới của Tổng Thư Ký Liên Hợp Quốc U Thant?" rồi tôi cũng hỏi tiếp: "Hay là ở bên nhà có chuyện lục đục gì? Trước khi đi, anh có thấy gì lạ không?" Chúng tôi bước vào văn phòng Tổng Thống thì thấy ông Johnson đã đứng sẵn đấy cùng với Ngoại Trưởng Dean Rusk. Không hiểu có sự sắp xếp nào trước không, nhưng Ngoại Trưởng Rusk kéo bác sĩ Đỗ ra một phía và ông Johnson sau đó liền kéo tôi về phía bàn giấy của ông. Ông lấy tay quàng vai tôi, cúi thấp người xuống và nói nhỏ như thì thầm. Giá có người nào lúc đó trông thấy cảnh tượng ấy thì chắc phải tưởng đó là hai người bạn đang to

https://tieulun.hopto.org

nhỏ trò chuyện. Bằng một giọng nhẹ nhàng, ông Johnson bảo tôi: "Ông Đại Sứ đã biết rõ là tôi hết sức quan tâm đến vấn đề Việt Nam. Tôi rất phấn khởi khi được biết tin là Việt Nam đang tích cực sửa soạn bầu cử. Quả thực thì tôi không có tư cách gì để nhận xét về việc những ai sẽ ra ứng cử Tổng Thống ở Việt Nam, nhưng tôi có nghe nói là cả hai tướng Thiệu và Kỳ đều có thể ra ứng cử. Theo tôi nghĩ thì cả hai người đều xứng đáng cả. Tuy nhiên, tôi có một điều muốn nhờ ông vui lòng chuyển tới các vị lãnh đạo ở Việt Nam. Dầu ai ra tranh cử chăng nữa thì Hoa Kỳ cũng mong rằng sẽ không có xáo trộn và tình trạng ổn định sẽ luôn luôn được giữ vững. Đó là điều tối quan trọng đối với Hoa Kỳ".

Đã từ lâu tôi có biết sự kèn cựa giữa ông Thiệu và ông Kỳ, nhưng tôi không ngờ là ở cương vị Tổng Thống, ông Johnson lại phải nêu vấn đề đó với tôi. Phải chăng là Sứ Quán Hoa Kỳ ở Sài Gòn và những cơ quan hữu trách của Hoa Kỳ đã báo tin là sẽ có một cuộc đảo chính nữa? Lời ông Johnson làm cho tôi hết sức ngượng ngùng. Chuyện lủng củng cá nhân ở trong nước mà cũng trở thành quốc sự giữa hai nước thì thật là quá đáng. Tôi không biết trả lời thế nào cho phải và đành phải hứa sẽ sớm tìm cách chuyển lời nhắn nhủ của ông về Sài Gòn. Rồi ngồi trong xe, trên đường về Sứ Quán, sau khi được biết không có gì đặc biệt trong câu chuyện giữa Ngoại Trưởng Rusk và Ngoại Trưởng Đỗ, tôi hỏi lại bác sĩ Đỗ: "Anh có thấy gì khác lạ trước khi anh rời Sài Gòn không? Tôi nghĩ là phải có chuyện gì đó thì ông già Johnson mới thấy cần phải có lời nhắn nhủ chứ!" Bác sĩ Đỗ trả lời rằng dĩ nhiên là ở Sài Gòn có đủ loại tin đồn về ông tướng này hay ông tướng khác ra tranh cử, có lẽ do đó mà người Hoa Kỳ lo ngại là sẽ có đảo chính, nhưng theo ông nghĩ thì cả hai ông Thiệu và ông Kỳ đều hiểu rõ trách nhiệm của mình. Kèn cựa hay tranh chấp thì có, chứ đảo chính thì không. Riêng tôi thì không yên tâm cho lắm về những nhận định lạc quan của bác sĩ Đỗ, nhưng tôi cũng không thấy có thể làm gì khác là liên lạc với Sài Gòn để tìm hiểu thêm. Tôi nhờ bác sĩ Đỗ nhắn tin trước, rồi đợi có dịp thuận tiện thì sẽ về để trực tiếp thưa chuyện với ông Thiệu và ông Kỳ.

Ngoại Trưởng Đỗ về Sài Gòn được vài hôm, thì tôi nhận được điện tín của Thủ Tướng Kỳ mời tôi về để tham khảo ý kiến. Tôi nghĩ là ông muốn biết rõ câu chuyện, nhưng vì đã làm việc với ông, hiểu tính ông và nghĩ rằng, ngoài những chuyện lủng củng mà tôi đã quá quen thuộc, tình hình chung cũng không có gì là khẩn cấp, tôi xin hoãn ngày về, lấy cớ là tướng Westmoreland trở về Hoa Kỳ tường

https://tieulun.hopto.org

trình với Quốc Hội và tôi cần phải ở lại để theo dõi phản ứng của Quốc Hội và dư luận.

Tôi trở về Sài Gòn giữa tháng 5. Lúc đó, các giới chính trị đều đã biết chắc hai ông Thiệu và ông Kỳ cũng muốn ra tranh cử Tổng Thống. Thời hạn để nộp đơn ứng cử và làm những thủ tục cần thiết chỉ còn một tháng. Một số chính khách cũng sửa soạn ra ứng cử, như ông Phan Khắc Sửu, cựu Chủ Tịch Thượng Hội Đồng Quốc Gia và ông Trần Văn Hương, cựu Thủ Tướng. Mọi người bàn tán, không hiểu rằng trong trường hợp cả ông Thiệu và ông Kỳ ra ứng cử thì liệu số phiếu bị chia ra sao để một ứng cử viên nhân sự có cơ được bầu lên? Những người vẫn từng chống chính phủ quân nhân, thì cho rằng các tướng tá chỉ có thể đi đánh giặc chứ không thể làm chính trị, trong khi đó thì nhiều người khác lại cho rằng những chính khách dân sự đã tỏ ra bất lực, không bảo được nhau sau bao nhiêu lần được trao nhiệm vụ điều khiển đất nước, này phải để cho các tướng Thiệu và Kỳ có cơ hội tiếp tục công việc họ đang làm, vì dầu sao họ cũng đã giữ vững được tình thế trong những năm vừa qua. Thực ra thì ngay trong giới quân nhân, dư luận cũng rất phân vân vì sự lục đục giữa ông Thiệu và ông Kỳ. Nếu cả hai cùng ra ứng cử, thì họ không biết bầu cho ai là phải.

Ông Kỳ được một nhóm tướng tá trẻ giữ những địa vị then chốt trong quân đội ủng hộ. Ngoài ra ông lại là Chủ Tịch Ủy ban Hành Pháp Trung Ương, tức là Thủ Tướng Chính Phủ, các cơ quan từ địa phương đến trung ương đều do ông điều khiển, nhất là Bộ Nội Vụ và Bộ Thông Tin, hai bộ liên hệ nhiều nhất đến việc tổ chức và kiểm soát bầu cử. Còn về phía ông Thiệu, tuy là Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, tức là Quốc Trưởng, ông không nắm được trực tiếp bộ máy chính quyền, mà chỉ có thể trông cậy vào ảnh hưởng cá nhân mà ông đã tạo được từ ngày có địa vị. Bản tính thâm trầm, ông không hay tuyên bố nhiều như ông Kỳ, bởi thế nhiều người cho là ông chín chắn hơn ông Kỳ, ngoài ra quê quán ở miền Trung (Phan Rang), ông tìm sự cộng tác nhiều của nhiều người miền Nam, và đó có lẽ cũng là lợi điểm của ông đối với cử tri lục tỉnh.

Đa số người Việt, đặc biệt là trong giới chính trị, không tin rằng Hoa Kỳ đứng ngoài cuộc trong vụ tranh cử Tổng Thống ở Việt Nam, họ chắc chắn Hoa Kỳ ngấm ngầm vận động ở hậu trường cho một ứng cử viên nào đó, và cho rằng cơ quan tình báo CIA (thường được gọi là "bàn tay lông lá") thế nào cũng tìm cách đưa đẩy theo chiều hướng thuận tiện cho chính sách của Hoa Kỳ. Vài người thuộc phe này phái kia thấy tôi trở lại Sài Gòn trong lúc này, cho là tôi được

https://tieulun.hopto.org

Mỹ xúi về tiếp tay với ứng cử viên họ muốn nâng đỡ, nhiều phần là ông Kỳ, người vẫn tín nhiệm tôi. Nhưng trong đời công xưa nay, tôi không kể gì đến những phỏng đoán vu vơ, nên cứ lặng thinh, vả lại cải chính thì chỉ khiến mình bị chú ý hay ngờ vực hơn. Nhiều người quen biết tôi cũng hiểu rằng tôi không có thói xiên vào những việc ngoài nhiệm vụ, mặc dầu cũng như ai, tôi cũng có ý kiến riêng về ông Kỳ và ông Thiệu.

Ông Kỳ còn trẻ, hăng say, do đó mà nhiều khi thiếu thận trọng. Nhưng ông là người bộc trực, ngay thẳng, hiểu việc nhanh và sẵn lòng chấp nhận những ý kiến mới. Những người chỉ trích ông thì cho rằng ông thích đóng vai "người hùng" và "điếc không sợ súng", song vì đã có dịp làm việc bên cạnh ông, tôi nghĩ rằng mặc dầu có vài khuyết điểm, ông không thiếu thiện chí và cũng không có ác ý với ai. Ông có thể chấp nhận thử thách mà không suy nghĩ nhiều đến hậu quả sau này đối với bản thân. Và ông cũng tin rằng phải xây dựng một chính phụ hợp hiến và cải cách xã hội, những điều mà ông đã mạnh dạn trình bầy ở hội nghị Honolulu.

Trái lại, ông Thiệu đa nghi và tính toán hơn. Nhẫn nại, biết nhường nhịn nếu cần và chịu đựng nhất thời, ông được thiên hạ gán cho một đặc tính gọi mỉa mai là đặc tính "lì". Ông chịu khó nghiên cứu tỉ mỉ mọi vấn đề lớn nhỏ và thói "lì" của ông có thể là một lợi khí chính trị, nhưng về khả năng lãnh đạo thì dường như ông không muốn nhìn xa trông rộng để vượt lên trên những mưu tính nhỏ nhặt và thủ đoạn tầm thường. Tóm lại, ông không phải là nhân vật mà đất nước đang cần.

Dẫu sao, với những ý nghĩ và nhận xét riêng tư trên đây, tôi có gặp nhiều giới, trong cũng như ngoài chính phủ, dân sự và quân sự, để tìm hiểu cuộc tranh cử này mà tôi coi là một biến chuyển quan trọng. Tôi gặp ông Kỳ trước và thuật lại đầy đủ những lời nhắn nhủ của ông Johnson. Nhưng đồng thời, vì ngại rằng ông, cũng như nhiều người khác, vì quyền lợi cá nhân mà quên mất đại cuộc, tôi trình bày rõ với ông là dân chúng Hoa Kỳ đã bắt đầu chán ghét chiến tranh và những cuộc biểu tình chống đối chính phủ đang lan tràn. Ngoài ra tôi cũng nhấn mạnh rằng dư luận Hoa Kỳ rất bén nhậy về tất cả những gì xẩy ra ở Việt Nam, vì vậy mà hậu quả sẽ rất tai hại nếu có những chuyện lủng củng trong nội bộ Việt Nam. Tối hôm đó ông Kỳ rủ tôi đi Biên Hòa để cùng ăn cơm với nhóm tướng lãnh trẻ ủng hộ ông, gồm có tướng Nguyễn Đức Thắng, Tổng Ủy Viên đặc trách Xây Dựng Nông Thôn, tướng Nguyễn Bảo Trị, Tổng Ủy Viên Thông Tin, và tướng Lê Nguyên Khang, Tư Lệnh Quân Khu Thủ Đô. Ông Kỳ

https://tieulun.hopto.org

cũng cho biết là ông đã nhất quyết đứng ra ứng cử và vấn đề chính là làm sao thuyết phục được ông Thiệu rút lui. Việc này, như tôi đã rõ từ mấy hôm trước, được giao cho tướng Thắng, người rất thân với tướng Lansdale và ông Komer. Tướng Thắng có tiếng là người trực ngôn, được Mỹ ủng hộ, các tướng khác giao việc cho ông vì những lẽ đó.

Theo một số người gần ông Kỳ kể lại cho tôi, thì tướng Thắng có nói thẳng với ông Thiệu là ông nên rút lui để nhường chỗ cho ông Kỳ, nhưng ông Thiệu nhất định từ chối. Từ đó sự liên lạc giữa hai phe đã bị cắt đứt và nhóm ông Kỳ chưa biết phải đối xử ra sao. Họ coi tôi là người của ông Kỳ, và họ cũng biết là với tư cách Đại Sứ ở Hoa Kỳ mới về thì thể nào tôi cũng phải gặp ông Thiệu, nên họ nghĩ là tôi có dịp thăm dò thêm về phía ông Thiệu. Vì vậy mà có buổi họp. Không ai nói trắng ra, nhưng qua chuyện thất bại của tướng Thắng, tôi hiểu rằng tình trạng giữa hai bên thật căng thẳng, bế tắc và chưa ai nhìn thấy lối ra.

Vài hôm sau, ngày 25 tháng 5, 1967, tôi đến gặp ông Thiệu. Lúc này ông đặt văn phòng ngay tại Bộ Tổng Tham Mưu. Nơi làm việc của ông trông rất sơ sài, ít người lui tới, và tôi có cảm tưởng là nhiều tướng tá còn bận rộn chạy theo về phía ông Kỳ. Tôi trình bầy với ông Thiệu tất cả những điều nói với ông Kỳ, trước hết là những lời nhắn nhủ của Tổng Thống Johnson rồi đến tình hình chung ở Hoa Kỳ. Ông cặn kẽ hỏi tôi mọi việc rồi không đợi tôi hỏi, ông đề cập ngay đến trường hợp cả ông và ông Kỳ cùng ra tranh cử. Ông nói là ông đã suy nghĩ kỹ về vấn đề này và cũng đã hỏi ý kiến bạn bè, vì vậy ông nhất quyết định ứng cử, không rút lui. Ông cũng nói là ông yêu nước và cũng như mọi người yêu nước, ông có quyền ứng cử để góp phần vào việc xây dựng đất nước, rồi ông kết luận: "Dầu tôi chỉ được hai phiếu (có nghĩa là hai phiếu của vợ chồng ông) chăng nữa, tôi cũng vẫn ra tranh cử!" Sự việc như vậy đã rõ ràng và không còn gì để nói nữa, tôi đứng dậy cáo lui. Ông tiễn tôi ra cửa, cảm ơn tôi và còn mỉa mai thêm rằng: "Ít nhất thì anh cũng không như th… Thắng, th... Trị!"

Tôi ở lại Sài Gòn thêm ít ngày nữa để tiếp xúc với giới chính trị bên ngoài chính phủ. Sự thật thì nếu các chính khách dân sự bảo được nhau và đưa ra được một ứng cử viên có đủ uy tín, thì họ cũng có hy vọng thắng, nhưng tình trạng về phía họ cũng không hơn gì về phía quân sự. Rút cục ngoài ông Thiệu và ông Kỳ, người ta đếm được cả thảy 7 ứng viên khác, ông Phan Khắc Sửu, ông Trần Văn Hương và một vài người khác mà tên tuổi chưa từng được công chúng biết bao giờ, hoặc còn mang tiếng như Trương Đình Dzu, một luật sư đã

https://tieulun.hopto.org

được dư luận cho là người xoay xở của chủ nghĩa "thời cơ". Ông Dzu chủ trương "hòa bình" và hy vọng hứng phiếu của phía thân Cộng.

Tôi trở về Hoa Kỳ đầu tháng 6. Cuộc vận động, theo luật bầu cử, phải để tới tháng 7 mới chính thức bắt đầu. Nhưng ngay từ tháng 6, phe ông Kỳ đã tung ra nhiều bích chương, khẩu hiệu như "Chính phủ Nguyễn Cao Kỳ là chính phủ của người nghèo" với sự góp sức của tướng Nguyễn Ngọc Loan, Tổng Giám Đốc Cảnh Sát. Còn phe ông Thiệu thì chỉ nhóm họp liên miên.

Trong khi đó nhiều giới xôn xao bàn tán về một sáng kiến mà chẳng ai biết từ đâu xuất phát: để tránh chia rẽ nguy hiểm trong quân đội giữa khi chiến sự leo thang, tướng Thiệu và tướng Kỳ phải tương nhượng và hợp tác, cùng đứng chung một liên danh. Tôi đến hỏi thẳng ông Kỳ thì ông nói phắt là không thể có trường hợp đó. Rồi như đoán được lo âu của tôi, ông nhờ tôi chuyển tới chính phủ Hoa Kỳ lời bảo đảm danh dự của cá nhân ông là sẽ không có xáo trộn vì sự đoàn kết của quân đội là mối quan tâm đầu tiên của ông, và sự chuyển tiếp từ chính phủ quân nhân sang một chính phủ hợp hiến sẽ được thực hiện trong vòng trật tự (1).

Tôi trở về Hoa Kỳ, tin vào sự thành thật của ông Kỳ, nhưng trong bụng vẫn lo ngại là không biết ông có giữ được lời hứa không, một khi sự căng thẳng giữa ông và ông Thiệu càng ngày càng đáng ngại. Thật sự tôi vẫn chưa quên được những kinh nghiệm trong thời kỳ hỗn loạn trước đây không lâu. Và đến lúc tôi chuyển những lời hứa của ông tới bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ và tòa Bạch Ốc, thì tôi cũng chỉ còn biết hy vọng, hay nói đúng hơn, cầu nguyện để mọi việc kết liễu êm đẹp.

---

(1) Về sau này, khi cả ông Bunker và tôi đã rời chức vụ, chúng tôi đã thành bạn thân, nên có lần tôi đã hỏi ông: trong cuộc bầu cử, Hoa Kỳ có ngấm ngầm vận động cho ai không? Ông Bunker trả lời là không, nhưng ông thú thực là lúc đó tuy ông cũng có cảm tình với ông Kỳ, nhưng ông thấy ông Kỳ nhiều lúc thay đổi khó lường "unpredictable", vì vậy mà ông thấy ông Thiệu dễ chịu hơn ("I am somewhat more comfortable with Thieu").

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 24
Liên Danh Thiệu-Kỳ và Quân Ủy Hội

Sau nhiều cuộc đụng độ lớn ở miền Trung gần biên giới Lào, chiến cuộc Việt Nam như tạm lắng trong những tháng hè năm 1967. Trong suốt hai tháng 6 và tháng 7, tin chiến sự lúc trước ở trang nhất các báo, nay nhường chỗ cho những tin tức về chiến tranh Trung Đông (Six Day War). Và cuộc hội kiến giữa Tổng Thống Johnson và Thủ Tướng Nga Alexei Kossygin tại thành phố Glassboro, tiểu bang New Jersey.

Gia đình tôi lúc này đã dọn về một căn nhà nhỏ ở một khu phố yên tĩnh, miền Rock Creek Park ngay tại trung tâm thành phố. Vì đã có chỗ ở tạm yên, nên tôi và nhà tôi bắt đầu mời khách dùng bữa trưa, bữa tối, hay tổ chức những buổi tiếp tân cần thiết cho hoạt động ngoại giao của một Đại Sứ. Tân khách thuộc mọi giới chính trị tại thủ đô, các Thượng Nghị Sĩ, Dân Biểu, nhân viên cao cấp trong chính phủ hay các nhà báo và Ngoại Giao Đoàn. Mặc dầu chiến tranh Việt Nam là đầu đề bàn tán sôi nổi trong các giới, tôi mời gần hết đại diện của các khuynh hướng, bảo thủ và tự do, Dân Chủ và Cộng Hòa và sự đồng tình, nếu có, họa chăng là ai cũng hết lòng thưởng thức món chả giò Việt Nam. Đến và đi thất thường nhất, trong số những khách mời, là các ông bà thành viên Quốc Hội. Nhiều khi họ phải ở lại để bỏ phiếu, nên lúc thì về sớm, lúc thì tới muộn, nhưng lâu dần mọi người cũng quen, chấp nhận ngoại lệ đó và chúng tôi cũng phải tìm cách thích ứng với hoàn cảnh. Tôi không quên được một bữa cơm tối tại Sứ Quán Việt Nam tháng 8, 1968. Hôm đó, vừa đúng lúc các thực khách bắt đầu tráng miệng, thì bỗng có tin về cuộc khủng hoảng ở Tiệp Khắc, chiến xa của Nga đang tiến vào thủ đô Prague. Thứ Trưởng Ngoại Giao Bundy, tướng Westmoreland (lúc bấy giờ đã từ Việt Nam về làm Tham Mưu Trưởng Lục Quân Hoa Kỳ) và một số đông khách khác đành phải ngừng ăn để về nhiệm sở của họ. Nhưng tuy nặng về tính cách giao tế hoặc nghi thức miễn cưỡng, các buổi khoản đãi đôi khi là dịp buông thả xả hơi cho những người phải bù đầu, nhức óc vì công vụ hàng ngày. Một tối, cũng tại Sứ Quán Việt Nam, hai thực khách của tôi, một người bạn vong niên, luật sư Tom Corcoran và Đại Sứ William Sullivan (1) trong lúc cao hứng sau bữa cơm đã rủ nhau ca những bài dân ca Ái Nhĩ Lan. Ông Corcoran ngồi

https://tieulun.hopto.org

đánh dương cầm rồi không đứng dậy nữa và Đại Sứ Sullivan thì quên mất là hôm sau phải có buổi họp sớm. Tối hôm đó, cả khách lẫn chủ trong ngót một giờ quên hẳn chiến tranh và chính trị.

Thường tình, thù tạc là thông lệ ngoại giao, nên tôi đã đóng vai gia chủ nhiều lần, thì cũng bị mời luôn, có tuần đến 6 buổi liền. Tôi phải cố chịu đựng, nhất là vì tửu lượng quá kém và chẳng ưa gì thói hời hợt lấy lòng. Có lúc tôi đã phải chép miệng và nói với nhà tôi: Đại Sứ là cái nghề gì mà suốt ngày chỉ có "cười cười" với "nói nói", mặc dầu vẫn biết giao thiệp là sự cần thiết không thể tránh.

Một nỗi khó khăn của ngành ngoại giao, là thường phải ứng phó một lúc hai mặt: chính quyền ở quê nhà với chính quyền nước ngoài, mà lắm khi chuyện và việc hai nơi khác nhau rất nhiều. Một tỉ dụ cụ thể: về hội nghị thượng đỉnh giữa Tổng Thống Hoa Kỳ Johnson và Thủ Tướng Nga Kossygin, tôi đã điện về nhà để tường trình đầy đủ nhưng không hiểu vì lẽ gì, liên tiếp trong mấy hôm liền, Sài Gòn điện sang hỏi tôi hết chi tiết này đến chi tiết khác về hội nghị đó. Thì ra tôi quên hẳn đi là lúc đó ở nhà đang có những cuộc vận động bầu cử Tổng Thống và Quốc Hội. Trong lúc hăng say đi vận động, nhiều ứng cử viên đưa ra giả thuyết là Hoa Kỳ và Nga bàn tính để tìm giải pháp cho vấn đề Việt Nam, do đó mà bộ Ngoại Giao bắt buộc phải hỏi cho rõ và tôi cũng phải tốn nhiều công phu để thuyết phục Sài Gòn là hai đại cường quốc chỉ bàn đến những vấn đề song phương giữa hai nước và đặc biệt về vấn đề hạn chế vũ khí nguyên tử, chứ không có gì về Việt Nam cả.

Vài ngày sau, tôi chưa kịp thỏa mãn Việt Nam, thì lại phải lo trả lời Hoa Kỳ về tình hình Sài Gòn. Chiều ngày 29 tháng 6, bốn ngày sau khi hội nghị thượng đỉnh Glassboro kết thúc, cùng một lúc với bộ Ngoại Giao, tòa Bạch Ốc cho tôi biết là ở Sài Gòn đang có một buổi họp quan trọng giữa các tướng lãnh, và nhiều nguồn tin cho hay rằng rất có thể sẽ có một cuộc đảo chính. Chính phủ Hoa Kỳ muốn tôi kiểm chứng lại xem những tin ấy có đúng không và đồng thời cũng yêu cầu tôi liên lạc với ông Kỳ để hỏi rõ mọi việc. Về buổi họp của các tướng lãnh, tôi đã được tin từ mấy ngày trước. Theo chỗ tôi biết thì cho đến phút chót, trước ngày hết hạn nộp đơn ứng cử, tranh chấp giữa ông Thiệu và ông Kỳ vẫn tiếp tục, do đó một số đông tướng lãnh yêu cầu tướng Cao Văn Viên, Tổng Tham Mưu Trưởng, triệu tập một buổi họp để tìm phương thức giải quyết. Họ không muốn quân đội có hai ứng cử viên đối nghịch. Buổi họp sẽ kéo dài hai hay ba ngày nếu cần. Tòa Bạch Ốc liên lạc với tôi vào lúc 6 giờ chiều ngày 29, tức là 6 giờ sáng ngày 30 ở Sài Gòn. Tôi bắt được liên lạc với ông Kỳ lúc 8

https://tieulun.hopto.org

giờ sáng khi ông sửa soạn đi họp (buổi họp đã sang ngày thứ hai). Tôi hỏi ông về tình trạng ở Sài Gòn và đồng thời cũng nói với ông là chính phủ Hoa Kỳ tỏ vẻ hết sức lo ngại về những tin đồn đảo chính. Ông Kỳ bảo đảm với tôi là không có đảo chính. Ông nói thêm là ông nắm vững tình hình vì ông được quân đội tín nhiệm, do đó ông vẫn xúc tiến việc ra tranh cử.

Tối hôm đó tôi mời ông Bill Jorden, Phụ Tá của ông Rostow, Cố Vấn An Ninh Quốc Gia tại tòa Bạch Ốc, đến dùng bữa cơm tối rồi chuyển cho ông ta lời bảo đảm của ông Kỳ về những tin đồn đảo chính. Còn về sự tranh chấp giữa ông Thiệu và ông Kỳ, tôi chỉ thuật lại giọng nói tự tin của ông Kỳ và nói là có hy vọng sẽ có sự thu xếp ổn thỏa. Tôi thành thật trả lời như vậy vì thực sự, như mọi người về sau này mới rõ, có lẽ chính những người trong cuộc lúc bấy giờ cũng không tính trước được sự thể sẽ biến chuyển ra sao.

Sáng hôm sau, tôi chưa kịp mở mắt thì anh Đặng Đức Khôi gọi bảo qua điện thoại: "Ông mở TV lên mà coi, có nhiều chuyện lạ lắm!" Tôi có một máy TV nhỏ để đầu giường, mở ra thì thấy là ông Thiệu và ông Kỳ cùng đứng chung một liên danh, ông Thiệu là ứng cử viên Tổng Thống còn ông Kỳ là ứng cử viên Phó Tổng Thống. Quả thực đây là một đột biến mà người Pháp thường gọi là "coup de théatre". Tôi không tin là mười giờ đồng hồ trước đó, trong lúc nói chuyện với tôi, ông Kỳ đã không nói thật. Vậy thì những gì đã xảy ra trong buổi họp của Hội Đồng Quân Lực và buộc ông phải thay đổi lập trường? Không những ông Thiệu không rút lui, mà ông Kỳ lại còn phải nhận làm Phó cho ông Thiệu. Lúc đó tôi chưa hiểu rõ tại sao, nhưng ít ra tôi cũng yên lòng vì như thế thì không có đảo chính.

Trong suốt mấy ngày liền, tôi tìm cách liên lạc với ông Kỳ bằng điện thoại mà không được, nhưng chỉ ít ngày sau, tôi nhận được điện yêu cầu tôi trở về Sài Gòn. Tôi sang Hoa Kỳ làm việc mới chưa được đầy bảy tháng, mà bị triệu về lần này là lần thứ ba, tức là trung bình hai tháng một lần, tôi lại phải ngồi hơn hai mươi giờ trên máy bay, mỗi lượt đi hay về. Người Hoa Kỳ bảo là đưa thoi "shuttle" và tôi vẫn thường gọi những chuyến bay đi về này là những chuyến bay "chợ".

Tại Sài Gòn lúc này, không còn ai nói đến xung đột hay đảo chính nữa. Các cuộc vận động bầu cử (Tổng Thống, Thượng Viện, Hạ Viện) đang tấp nập rộn ràng trong nhiều tầng lớp. Những người quen hoài nghi chỉ coi đó là những cố gắng để hợp pháp hóa chế độ quân nhân, vì làm sao mà thực hiện được dân chủ trong thời chiến? Song nhiều người khác lại tỏ ra hăng say tin tưởng. Tôi thì nghĩ rằng, dầu

https://tieulun.hopto.org

sao những vụ đầu phiếu cũng là thí nghiệm chính trị cần thiết để đưa tới một thể chế hợp với khát vọng tự do và ổn định của đa số đã quá chán ngán độc tài và hỗn loạn.

Ngay từ lúc đặt chân về đến nhà, tôi đã tò mò tìm hiểu tại sao lại có liên danh Thiệu-Kỳ và trong trường hợp nào ông Kỳ lại dễ dàng nhường ông Thiệu. Theo giới báo chí thì bầu không khí tại những buổi họp của Hội Đồng các tướng lãnh nhiều khi gây cấn, nghe nói có lúc đã có một ông tướng lột sao trên vai rồi đặt sao xuống bàn để tỏ sự bất bình về tranh chấp giữa ông Thiệu và ông Kỳ. Cả hai ông đều được cơ hội trình bầy quan điểm và lập trường của mình. Có lúc cả hai ông đều bị mời ra khỏi phòng họp để các tướng lãnh khác được tự do thảo luận về trường hợp của hai ông và có lúc ông Thiệu đã không nén được cảm xúc và không cầm được nước mắt. Tôi gặp ông Kỳ và những người ủng hộ ông, nhưng có lẽ vì một mặc cảm nào đó, không ai trả lời rõ rệt, nên tôi tìm tướng Cao Văn Viên, một người mà tôi cho là không có lý do giấu giếm tôi điều gì. Tướng Viên cho biết là đại đa số tướng lãnh và các anh em trong quân đội nói chung tin rằng nếu có hai ứng cử viên của quân đội thì số phiếu của các quân nhân sẽ bị chia đôi và như vậy sẽ giúp cho phe dân sự dễ thắng. Nếu trường hợp này xảy ra thì đất nước sẽ quay trở lại những ngày tê liệt, đen tối hồi trước. Vì vậy mà mọi người muốn ép buộc hai ông Thiệu và Kỳ ngồi lại với nhau. Chắc hai ông cũng nhận ra điều đó, nên phải chấp nhận liên danh duy nhất. Nhưng rồi ai sẽ là Tổng Thống, ai làm Phó? Vì trong quân đội mọi sự đều phải theo "hệ thống quân giai", ông Thiệu là Trung Tướng, ông Kỳ là Thiếu Tướng, ngoài ra ông Thiệu còn hơn ông Kỳ 7 tuổi, nên rút cục ông Kỳ đành chịu nhường. Và sau hết, như để đền bù ông Kỳ, và xoa dịu nhóm tướng trẻ, Hội Đồng đồng ý thành lập một cơ quan mới gọi là Quân Ủy Hội, đồng thời ông Thiệu cũng thuận để cho ông Kỳ có quyền lựa chọn Thủ Tướng mới, sau khi liên danh đắc cử, song sự dàn xếp này được giữ kín.

Sáng kiến lập Quân Ủy Hội chắc chắn là của ông Kỳ và các tướng trẻ: họ tìm cách giữ lại ảnh hưởng đã có được trong hai năm ông Kỳ làm Thủ Tướng và có lẽ đã quan niệm Quân Ủy Hội như một thứ "Chính Trị Bộ" (Polit Bureau) mà chính phủ phải tham khảo ý kiến trước khi có những quyết định quan trọng. Những chức vụ then chốt trong Quân Ủy Hội đều do họ nắm, do đó họ nghĩ rằng trong tương lai sẽ có thể kiềm chế được ông Thiệu. Nhưng họ quên rằng tất cả những sự sắp xếp đó không có một giá trị pháp lý nào. Hiến Pháp mới đã được ban hành, quyền hành của Tổng Thống đã được qui định rõ rệt. Nếu ông Thiệu được bầu thì về mặt pháp lý, dĩ nhiên ông sẽ

https://tieulun.hopto.org

không bị ràng buộc gì bởi Quân Ủy Hội, một tổ chức mà chỉ một số tướng biết với nhau (2).

Trở về nước lần này, tôi còn cố lợi dụng cơ hội để đi thăm một vài tỉnh xa vùng thủ đô. Tôi mong đo lường thái độ của người dân quê đối với chiến tranh và cuộc bầu cử. Trong gần hai tuần lễ, tôi thăm được tám tỉnh vùng Hậu Giang và miền Trung. Tôi cố tránh nhờ vả những phương tiện của chính quyền và nhiều khi tự giới thiệu như báo nhà báo. Dĩ nhiên, vì thời gian hạn hẹp và hoàn cảnh chiến tranh, tôi chẳng thể nhìn xa trông rộng, song cũng cố gặp nhiều tầng lớp, người trong giới trung lưu có học tại một vài thành thị đông đúc và cả những người buôn thúng bán mẹt tại vài quận lỵ xa xôi hẻo lánh.

Ngoài những vùng gọi là "sôi đậu" với cảnh "một cổ hai tròng", "ngày theo quốc gia, đêm theo Việt Cộng", phần lớn các địa phương do chính quyền Việt Nam Cộng Hòa kiểm soát, cũng tương đối yên ổn. Nông dân quá quen từ lâu với chiến tranh, chẳng còn luôn luôn sợ hãi lo âu; họ lại thấy quân Mỹ ở khắp nơi, phi cơ trực thăng Mỹ bay qua hàng ngày, nên yên lòng hơn; bằng chứng là họ vẫn cần cù hoặc vui vẻ làm ăn. Tại mấy tỉnh lỵ và quận lỵ tôi qua, thì quân nhân công chức phàn nàn nhiều, vì với đồng lương cố định, họ phải thắt lưng buộc bụng, nhưng cũng khó no đủ khi giá sinh hoạt cứ tăng hoài.

Đối với những cuộc bầu cử sắp tới, thì xem chừng đa số chẳng mấy quan tâm. Không phải là họ chống đối chính quyền, nhưng họ chưa hiểu Dân Chủ mà họ không thấy cân bằng Hòa Bình và An Ninh: tuyên truyền của bộ Thông Tin không có hiệu lực giải thích hay thuyết phục. Được hỏi thì nhiều người bảo cũng sẽ đi bỏ phiếu vì nhà chức trách địa phương thúc đẩy.

Dĩ nhiên là tất cả những nhận xét trên đây chỉ đứng ở những nơi đông dân cư và trong vòng kiểm soát chặt chẽ của chính quyền quốc gia, còn ở những vùng hẻo lánh xa xôi thì hoặc vì họ phải chịu sự kiểm soát gián tiếp của đối phương, hoặc vì họ ngần ngại không dám công khai tỏ thái độ, người dân thường dè dặt, kín đáo hơn.

Cuộc bầu cử năm 1967 không khỏi có nhiều thiếu sót. Mặc dầu mọi ứng cử viên hợp lệ đều được hưởng những điều kiện đồng đều, nhưng hầu hết hoạt động tùy thuộc ở chính quyền, từ vận động bầu cử, tổ chức phòng phiếu, đến kiểm soát đầu phiếu, nên những ứng cử viên độc lập phải chịu thiệt thòi. Phương tiện chuyển vận không có, người không đủ để canh giữ các hòm phiếu ở các nơi xa xôi, họ đành phải trông cậy vào những quan sát viên quốc tế mà chính phủ hứa sẽ mời đến để buộc chính phủ phải đối xử công bằng với mọi ứng

https://tieulun.hopto.org

cử viên. Tuy nhiên, những sự đáng tiếc này không làm giảm bầu không khí sôi nổi của cuộc bầu cử, nhất là vào Thượng Viện và Hạ Viện với hàng ngàn ứng cử viên tham dự. Tại nhiều thành thị, việc người ta đả kích chính phủ không còn là điều cấm kỵ nữa, ngoài ra các ứng cử viên lại dễ dàng tụ họp và tranh luận về đủ mọi vấn đề.

Trở về Sài Gòn sau hơn mười hôm vắng mặt, tôi nhận thấy sự căng thẳng giữa hai phe Thiệu, Kỳ đã lắng dịu hẳn. Không ai còn lo lắng có đảo chính hay xáo trộn, và người ta bắt đầu bàn tán, cân nhắc những liên danh dân sự so với liên danh Thiệu-Kỳ. Nhiều người bảo là: "Nhà binh họ đang nắm chính quyền, làm sao mà họ thua được?" Về phía Hoa Kỳ thì từ Đại Sứ Bunker cho đến các thuộc viên, ai cũng cho rằng liên danh Thiệu-Kỳ là giải pháp gọn gàng nhất để chấm dứt một tình trạng nguy hiểm. Thái độ chính thức của họ là Hoa Kỳ không xen vào chính trị nội bộ của Việt Nam, do đó không có lời bình phẩm nào về các ứng cử viên dân sự hay quân sự. Nhưng trong những cuộc gặp gỡ với các giới chính trị Việt Nam, họ cũng không giấu là trong hai năm liền họ đã quen làm việc với ông Thiệu và ông Kỳ, đã biết rõ hai ông, vì thế họ chú ý đến liên danh Thiệu-Kỳ nhiều hơn những liên danh khác. Ngoài ra, sự hợp tác giữa hai ông làm cho họ yên tâm hơn, vì họ tin rằng trong trường hợp liên danh đó đắc cử, tính thận trọng của ông Thiệu sẽ bổ khuyết cho tính bồng bột của ông Kỳ cùng những cộng sự viên của ông mà họ cho là quá trẻ và xốc nổi. Tôi gặp cả ông Thiệu và ông Kỳ, nhưng lần này không ai đả động tới chuyện cũ giữa hai người, chúng tôi chỉ bàn tính để làm sao tổ chức được một cuộc bầu cử đúng đắn và mời được thật nhiều phái đoàn quan sát quốc tế; có như vậy, mới mong nâng cao uy tín của miền Nam đối với dư luận quốc tế.

Tôi trở về Hoa Kỳ vào hạ tuần tháng 7, vừa đúng lúc chính phủ Hoa Kỳ cũng đang sửa soạn thành lập phái đoàn để gửi sang Việt Nam quan sát bầu cử vào cuối tháng 8 và đầu tháng 9. Tiếp xúc lại với bộ Ngoại Giao, tôi trình bầy với ông Bundy về ý kiến của tôi là nên để chính phủ Việt Nam đứng ra mời những nhân vật Hoa Kỳ tham dự phái đoàn sang Việt Nam. Tôi cũng hứa với ông Bundy là Sứ Quán Việt Nam sẽ cộng tác chặt chẽ với bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ về mọi khía cạnh của vấn đề này. Ông Bundy tỏ ý tán thành ý kiến, tuy nhiên ông cho rằng thời gian chưa cấp bách và hứa với tôi là hai bên sẽ phối hợp hoạt động. Tôi yên trí rằng mọi việc rồi sẽ ổn thỏa, không ngờ rằng, tôi gặp phải trường hợp "tay trái làm mà tay phải không biết". Chỉ vài ngày sau, trong khi tôi và các nhân viên Sứ Quán đang sửa soạn mọi việc thì báo chí đưa ra một bản danh sách với đầy đủ tên

https://tieulun.hopto.org

những nhân vật mà tòa Bạch Ốc đã mời tham dự phái đoàn sang thăm Việt Nam. Hóa ra nhân viên tòa Bạch Ốc, vì quá sốt sắng về việc này, đã tiếp xúc với một số người; và trong khi bộ Ngoại Giao nghĩ rằng còn thời giờ để phối hợp với Sứ Quán Việt Nam, thì báo chí đã lượm được tin và tung ra ngay. Tôi cảm thấy vô cùng khó chịu vì trong số Thượng Nghị Sĩ, Dân Biểu hay những vị lãnh đạo tinh thần được mời, cũng có người quen biết tôi và đang đợi giấy mời của Sứ Quán Việt Nam. Việc xảy ra không có hậu quả gì đáng tiếc, nhưng cũng cho thấy Hoa Kỳ nhiều khi thiếu tế nhị, lúc nào cũng muốn có kết quả nhanh chóng và trong lúc nôn nóng, muốn ôm đồm mọi việc.

Suốt tháng 8, tôi lo tổ chức những buổi thuyết trình về Việt Nam cho phái đoàn quan sát bầu cử, để họ hiểu rõ hoàn cảnh bầu cử, và phong tục, tập quán Việt Nam, vì thường ngày qua sự tiếp xúc với người Hoa Kỳ, tôi nhận thấy rằng mặc dầu họ có nhiều tin tức nhanh chóng, sự hiểu biết của họ về Việt Nam rất thiếu sót và hời hợt. Ngay tại Quốc Hội Mỹ cũng có người tưởng rằng dân tộc Việt Nam là một dân tộc man rợ nào ở đâu đó, hoặc ngược lại cho rằng nếu có bầu cử ở Việt Nam thì các điều kiện và thể thức phải giống như của Hoa Kỳ. Tôi ngại rằng với sự chủ quan của họ dựa vào truyền thống dân chủ hai trăm năm của Hoa Kỳ, họ chờ đợi dân chủ ở Việt Nam sẽ giống như dân chủ ở Hoa Kỳ, rồi khi thấy khác, họ sẽ thất vọng. Ngoài ra, vào lúc đó, phong trào phản chiến đang mạnh chỉ trích cuộc bầu cử, chế nhạo là một tấn tuồng với bàn tay đạo diễn của ông Bunker và sự đồng lõa của hai ông Thiệu và ông Kỳ, cho nên tôi càng phải lên tiếng chống lại những xuyên tạc đó.

Ngày bầu cử, mồng 3 tháng 9, mỗi ngày một gần (Đài Phát Thanh Sài Gòn lúc đó cả ngày nhắc đi nhắc lại hai câu: "Dù ai buôn đâu, bán đâu, mồng ba tháng chín rủ nhau đi bầu"). Tuy ở xa không theo sát được tình hình, nhưng cứ nhìn vào con số gần cả chục liên danh ứng cử Tổng Thống của phe dân sự, một phần lớn không có tên tuổi và cũng không có phương tiện tổ chức, so với liên danh Thiệu-Kỳ được mọi người đều biết, với đầy đủ phương tiện của chính quyền sẵn có trong tay, lúc đó cũng như nhiều người khác, tôi nghĩ là phe dân sự khó lòng mà thắng được. Vì vậy mà tôi nhắn về để nhắc lại ông Kỳ là các ông không cần phải có những hành động mờ ám mới thắng, vả lại làm như vậy cũng không giấu được ai và chỉ có hại cho đại cuộc. Sự thực thì trước khi rời Sài Gòn để trở sang Hoa Kỳ, mặc dầu hai ông cũng đồng ý với tôi, tôi vẫn không yên tâm vì biết đâu những đàn em quá sốt sắng không giở trò làm bậy!

https://tieulun.hopto.org

Báo chí và những đài truyền hình Hoa Kỳ theo sát tại chỗ cuộc bầu cử, vì vậy mà từ Hoa Thịnh Đốn, tôi cũng có thể tưởng tượng quang cảnh ngày đi bầu ở Sài Gòn và một vài nơi khác. Được ngày nghỉ, dân chúng mặc quần áo như ngày hội, và rủ nhau lũ lượt đi bầu, ở những vùng có an ninh. Trong số hơn 6 triệu cử tri thì 5 triệu người thực sự đi bỏ phiếu, tỷ lệ được coi là khá cao, sấp sỉ 80% (tỷ lệ ở Hoa Kỳ nhiều khi chỉ trên dưới 50%). Hai ngày sau, số phiếu được tổng kết và kết quả cuối cùng là một sự không ngờ. Liên danh Thiệu-Kỳ đắc cử, nhưng trái với mọi sự trông chờ, hai ông chỉ được có 35% tổng số phiếu, trong khi đó thì liên danh "hòa bình" của Trương Đình Dzu lại về nhì với 17% tổng số phiếu. Tâm lý chung cũng được thể hiện trong cuộc chạy đua vào Thượng Viện và Hạ Viện. Nhiều ứng cử viên thân chính phủ bị thất cử, và tỷ lệ ứng cử viên độc lập hay chống chính phủ đắc cử lên quá một phần ba. Ông Kỳ tỏ ra thất vọng về số phiếu quá thấp mà liên danh của ông và ông Thiệu đã đạt, nhưng đến khi được các nhà báo ngoại quốc hỏi thì ông đã nhanh trí trả lời: "Số phiếu mà chúng tôi đã nhận được chứng tỏ rằng người dân không bị áp lực nào trong lúc họ đi bầu. Thực sự nếu có sự gian lận thì số phiếu của chúng tôi chắc chắn phải hơn số 35% mà chúng tôi đã được".

Lời tuyên bố của ông Kỳ được sự tán đồng của nhiều quan sát viên quốc tế và Hoa Kỳ theo dõi cuộc bầu cử. Phần lớn những người này cho rằng mặc dầu còn nhiều trục trặc trong tổ chức, cuộc bầu cử có thể được coi là tương đối trong sạch và dĩ nhiên, chính phủ Hoa Kỳ tỏ ý hài lòng.

Tôi thở phào, nhẹ nhõm như vừa trút được một mối lo. Cuộc bầu cử tuy không thay đổi được chiều hướng của chiến cuộc, nhưng ít nhất cũng chứng tỏ rằng mặc dầu bao khó khăn thời chiến, miền Nam Việt Nam vẫn thực hiện được những tiến bộ để xây dựng một đời sống tương đối dễ thở hơn. Và tôi coi đó là một thành công đáng kể hơn cả của tất cả những người quốc gia. Trong khoảng thời gian hơn một phần tư thế kỷ, kể từ ngày Cựu Hoàng Bảo Đại về nước chấp chánh đến hết thời ông Diệm, và cả về sau này, người miền Nam đã đóng góp nhiều để củng cố miền Nam thành một quốc gia độc lập. Nếu so sánh với những nước Cộng Sản hay cả với những nước mới thoát khỏi vòng ngoại thuộc, thì miền Nam Việt Nam còn hơn về nhiều mặt nhiều mặt và đó là công lao của nhiều thế hệ những người quốc gia.

https://tieulun.hopto.org

---

(1) Ông Corcoran là cố vấn cho Tổng Thống Hoa Kỳ Franklin Roosevelt và được các giới chính trị gọi là Mr Democrat, còn Đại Sứ Sullivan là thành viên của phái đoàn Hoa Kỳ tại cuộc hòa đàm Ba Lê.
(2) Thực ra thì ông Thiệu đã tỏ ra hết sức khôn ngoan. Ông hứa đủ mọi điều, chấp nhận đủ mọi điều kiện của nhóm những tướng trẻ vì ông biết rằng một khi ông đã được bầu lên làm Tổng Thống thì chỉ trừ trường hợp những người chống đối ông, dám cả gan làm liều "xóa bài làm lại", ông đã có Hiến Pháp che chở và ông sẽ có thời gian và cơ hội để dần dần củng cố địa vị. Và ông cũng làm đúng như đã tính toán. Khi mới được bầu lên, vì địa vị chưa vững chắc, ông giữ lời hứa để cho ông Kỳ toàn quyền chọn Thủ Tướng mới và giữ nguyên những tướng trẻ ở những chức vụ cũ. Nhưng chỉ 9 tháng sau, một Thủ Tướng mới, ông Trần Văn Hương được chỉ định thay thế ông Nguyễn Văn Lộc, người do ông Kỳ chọn lúc trước. Còn về Quân Ủy Hội thì không còn ai nghe thấy nói đến nữa. Báo chí Hoa Kỳ về sau này có một danh từ để chỉ ông Thiệu, họ gọi ông là "sly fox" (con cáo quỷ quyệt).

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 25
Một Giai Đoạn Mới

Nếu chỉ nhìn bề mặt của miền Nam Việt Nam vào mùa thu 1967, thì quả thực về cả hai phương diện chính trị và quân sự, tình hình chung đã được cải thiện nhiều so với hai năm về trước, và cuộc bầu cử năm ấy có thể được coi như một cao điểm của cả một giai đoạn. Biểu tình, xáo trộn, đảo chính, tất cả đã nhường chỗ cho những hoạt động chính trị bình thường, một chính phủ hợp hiến, một tình trạng ổn định, ngoài ra cũng không còn mối đe dọa bị tràn ngập bởi một cuộc tấn công của đối phương. Thế nhưng chiến tranh cứ kéo dài, vì vậy mà dưới bề mặt phẳng lặng, người ta vẫn thấy ẩn hiện một số vấn đề phức tạp mà nhiều người cho rằng đã bắt nguồn ngay từ bản chất của cuộc chiến. Vì mặc dầu sự can thiệp của Hoa Kỳ có giúp nhiều cho Việt Nam, chính sự can thiệp đó cũng lại tạo nhiều khó khăn.

Chiến tranh càng kéo dài bao nhiêu, thì sự có mặt của gần nửa triệu quân đội Hoa Kỳ và hàng ngàn cố vấn đủ loại, càng làm cho nhiều người Việt Nam thắc mắc. Họ nhận thấy là người Mỹ có mặt gần như ở mọi lãnh vực trong đời sống hàng ngày của họ. Họ không mấy vui lòng vì Việt Nam phải lệ thuộc quá nhiều vào Hoa Kỳ. Tuy người Mỹ không hống hách như người Pháp thời Việt Nam còn là thuộc địa Pháp, nhưng họ vẫn tự hỏi làm thế nào giữ được chủ quyền, nếu người Mỹ lúc nào cũng đứng đằng sau nắm giữ mọi việc từ cách soạn thảo các chương trình phát triển kinh tế cho đến việc điều động chiến cuộc.

Họ cũng khó chịu về cách cư xử của người Mỹ. Vì thói quen cũng có, vì thiếu tế nhị cũng có, người Hoa Kỳ thường hay đứng ra cáng đáng lấy mọi việc. Cố vấn Hoa Kỳ trong nhiều trường hợp, vì muốn chóng được việc, chỉ thông báo qua loa các giới chức địa phương (Tỉnh Trưởng hay Quận Trưởng) rồi tự mình thúc đẩy thực hiện chương trình này hay chương trình khác. Ngay cả về những kế hoạch quân sự, phía Việt Nam cũng không được biết đầy đủ, và Bộ Tổng Tham Mưu Việt Nam không mấy khi rõ quân số Hoa Kỳ ở Việt Nam là bao nhiêu. Hơn thế nữa, vì sự chênh lệch giữa hai nước bạn đồng minh, một nước quá giầu mạnh, một nước quá nghèo yếu, người Mỹ có lẽ nghĩ là không cần phải thảo luận với Việt Nam về chiến lược hoặc phối hợp hành quân, và theo chỗ tôi biết thì trong suốt cuộc

https://tieulun.hopto.org

chiến, chưa bao giờ có cuộc trao đổi ý kiến đầy đủ ở cấp cao giữa hai chính phủ về vấn đề này. Dĩ nhiên, quan điểm của Hoa Kỳ khác nhiều của Việt Nam. Hoa Kỳ là một cường quốc lãnh trách nhiệm không chỉ riêng ở Việt Nam mà còn ở nhiều nơi khác trên thế giới. Hoa Kỳ không muốn tấn công lên trên vĩ tuyến 17 vì ngại sự can thiệp của Trung Cộng như đã xảy ra ở Đại Hàn năm 1950, điều đó cũng dễ hiểu, nhưng Việt Nam cho là vô cùng thất sách khi tuyên bố là sẽ không tấn công miền Bắc. Làm như vậy, Hoa Kỳ đã tự bó tay trong khi đối phương chủ trương một cuộc "chiến tranh toàn diện", muốn đánh vào đâu thì đánh, qua Ai Lao cũng được mà qua Cao Miên càng tốt. Hoa Kỳ luôn luôn bảo rằng cuộc chiến ở Việt Nam là của người Việt, nhưng đến khi quyết định, thì lại không muốn để ý tới quan điểm của Việt Nam.

Khoảng cách trên đây giữa hai lối nhìn chiến cuộc từ những góc độ khác nhau, càng ngày càng rộng hơn. Với bản tính trầm tĩnh của phần lớn người Á Đông, người Việt thường không muốn đối chọi với người Mỹ, đồng ý hay không đồng ý thì cũng chỉ gật gù, ậm ừ cho qua chuyện. Một bên thì gần như chịu đựng, còn một bên thì hay sốt ruột, muốn việc gì cũng phải được giải quyết ngay, ấy là chưa kể thành kiến của một số người Mỹ cho rằng người Việt hoặc không đủ khả năng, hoặc tham nhũng hay không tin tưởng vào chính phủ, trong khi đó thì người Việt trách người Mỹ là không hiểu gì về phong tục, tập quán Việt Nam. Sự cộng tác cần thiết giữa hai bên vì vậy mà ít khi đem lại kết quả mong muốn.

Bề sâu tình hình ở Việt Nam đã vậy, tình hình ở Hoa Kỳ cũng không hơn. Bộ mặt bề ngoài lắng dịu, số thương vong trong cuộc chiến kéo dài vẫn không giảm thiểu, nên phe phản chiến lại có cớ để khuấy động phong trào chống đối.

Vì đã biết rõ lập trường của họ là chấm dứt chiến tranh không kể gì đến hậu quả, tốt hay xấu, cho miền Nam Việt Nam, nên tôi không mất công tìm hiểu hơn nữa về phía họ. Trái lại, về phía những phần tử vẫn ủng hộ miền Nam Việt Nam từ trước đến nay, thái độ của họ đã có phần bị lung lay, nên nhân những ngày Quốc Hội họp trở lại đầu tháng 9, tôi đến gặp để thăm dò một số Thượng Nghị Sĩ có thế lực, trước hết là ba Thượng Nghị Sĩ, Henry Jackson (tiểu bang Washington), John Stennis (tiểu bang Missisipi) và Strom Thurmond (tiểu bang South Carolina). Ba ông là những khuôn mặt lớn trong cả hai đảng Dân Chủ và Cộng Hòa, sau nữa lại là những người có ảnh hưởng quyết định tại những Ủy Ban Thượng Viện, như Ủy Ban Quân Vụ (Armed Services Committee) có thẩm quyền về ngân sách chiến

https://tieulun.hopto.org

tranh. Cả ba vẫn tiếp tục chủ trương viện trợ ngân sách chiến tranh. Cả ba vẫn tiếp tục chủ trương viện trợ Việt Nam, nhưng than phiền về chiến lược mà chính phủ Hoa Kỳ đang áp dụng, một chiến lược thường được gọi là "no-win, limited strategy" (một chiến lược giới hạn không nhằm chiến thắng). Điều mà ba ông lo nhất là nếu thế, khi đối phương không chịu nói chuyện, chiến tranh tất phải kéo dài, nhưng kéo dài thì số thương vong sẽ lên cao, và gánh nặng về ngân sách chắc chắn sẽ làm xói mòn sức chịu đựng của dân chúng Hoa Kỳ (1). Tôi chia sẻ nhận định của ba ông và mối lo của tôi với những nhân viên Hoa Kỳ tại bộ Ngoại Giao và tòa Bạch Ốc phụ trách việc vận động Quốc Hội. Họ cho biết là những năm trước, vì Tổng Thống thuộc đảng Dân Chủ và đảng đa số ở Quốc Hội cũng là Dân Chủ, nên những đề nghị về ngân sách đều được chấp thuận dễ dàng, nhưng năm nay, có vẻ khó khăn hơn nhiều!

Tổng Thống Johnson và chính phủ Hoa Kỳ cũng thấy tình hình biến đổi một cách bất lợi. Báo chí đã bắt đầu có lời lẽ bi quan như "Hoa Kỳ đang bị sa lầy trong một chiến tranh kéo dài". Phong trào phản chiến đã bắt đầu lan tới hàng ngũ Dân Biểu và Thượng Nghị Sĩ của đảng Dân Chủ đang cầm quyền. Để trả lời những người đòi hỏi một giải pháp hòa bình và để chứng tỏ thiện chí tối đa của chính phủ Hoa Kỳ, ông Johnson tuyên bố trong một bài diễn văn quan trọng đọc tại thành phố San Antonio (Texas) ngày 29 tháng 9, 1967, "Hoa Kỳ sẵn sàng ngưng oanh tạc Bắc Việt nếu quyết định này có thể đưa tới đàm phán hòa bình". Qua bài diễn văn này, các giới ngoại giao nhận thấy ngay là thái độ của Hoa Kỳ có vẻ mềm dẻo hơn trước.

Không biết Hà Nội có hiểu qua ngôn ngữ ngoại giao sự mềm dẻo đó không, nhưng ít lâu sau thì Hà Nội bác bỏ đề nghị của Hoa Kỳ, và liền sau đó Hoa Kỳ oanh tạc Bắc Việt trở lại, mạnh hơn trước. Rồi như bị ảnh hưởng dây chuyền, phong trào phản chiến cũng vin vào đó để tổ chức những cuộc biểu tình chống chính phủ, lần này ngay trước Ngũ Giác Đài, đầu não của bộ máy chiến tranh. Cùng một lúc đó, như thông đồng với nhau từ trước, một tạp chí lớn, tờ Life, cho đến nay vẫn ủng hộ Tổng Thống Johnson về Việt Nam, lên tiếng trong một bài xã thuyết, lên án chính sách theo đuổi chiến tranh. Tất cả mọi việc xảy ra trong lúc Quốc Hội họp khóa mùa thu, nên bầu không khí chính trị, tương đối dễ thở suốt mùa hè, bỗng trở nên nặng nề, khó thở.

Sống hàng ngày trong bầu không khí đó, tôi lo lắng, không những thế lại còn khó chịu nữa vì có ngày, dầu không muốn mà vẫn phải từ sáng đến tối liếc mắt nhìn truyền hình, để xem những cuộc

https://tieulun.hopto.org

biểu tình đưa tới đâu. Tôi hỏi ý kiến mấy bạn Mỹ thì có lẽ muốn trấn an tôi, họ cho rằng Hoa Thịnh Đốn là một trung tâm chính trị, hơn nữa sự thiên kiến của giới truyền thông và phong trào chống đối không đại diện cho đại đa số dân chúng Hoa Kỳ, mà chỉ phản ảnh ý kiến của một thiểu số sống bên trong "vòng đai thủ đô" (giới chính trị Hoa Kỳ gọi là "inside the Beltway"). Tôi không biết những nhận xét đó đúng tới mức nào, nhưng từ đó, để cố giải thích và biện minh cho bang giao Việt Mỹ, tôi nhận lời mời nói chuyện ở những nơi xa thủ đô, ở miền Nam, miền Tây, và ngay tại một số trường Đại Học miền Đông Bắc được nổi tiếng là trung tâm của phe phản chiến.

Vào hồi đó, nói chuyện hay thuyết trình tại các trường Đại Học không phải là việc dễ dàng. Tôi còn nhớ vào một ngày cuối thu năm ấy, tôi được mời nói tại trường Đại Học nhỏ ở Worcester, phía tây thành phố Boston thuộc tiểu bang Massachusetts. Vị Khoa Trưởng vừa mới chấm dứt phần giới thiệu, thì ở cuối hội trường, đã nghe thấy những tiếng hò reo "Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh!" và sau đó là từng toán người hung hăng chạy ngang chạy dọc, ầm ĩ đến nỗi không còn ai nghe thầy gì ngoài tiếng la hết của đám đông. Rồi họ ném trứng lên khán đài và ban tổ chức phải đề nghị với tôi tạm ngưng buổi họp. Phần vì tự ái, phần lớn vì nghĩ rằng đã đến thì phải chấp nhận thử thách nên tôi quyết định cứ ở lại. Tôi lấy lại ngay được bình tĩnh, đứng im giữa hội trường đến gần 10 phút, chờ cho những tiếng ồn ào bớt dần mới lên tiếng: "Tôi nhận lời mời tới đây vì thành thực tin rằng theo truyền thống của Hoa Kỳ thì ai cũng có quyền được tự do phát biểu ý kiến của mình, các bạn đã phát biểu bằng cách reo hò, theo lẽ công bằng bây giờ phải đến lượt tôi và đó là lời yêu cầu duy nhất của tôi". Thật không ngờ, hội trường bỗng nhiên im lặng trở lại, và mặc dầu trong đám khán thính giả có một số người đang cố giơ cao lá cờ của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, tôi bắt đầu trình bầy quan điểm của tôi. Không ai chấp nhận dễ dàng những lời nhục mạ ở chốn đông người, nhất là khi những lời nhục mạ đó không chính đáng. Nhưng cũng may cho tôi, hôm đó tôi đã kiềm chế được sự nóng nẩy và tự chủ được trong một trường hợp khó khăn. Tình trạng này không trở lại với tôi nữa, vì những năm về sau phong trào phản chiến lên cao, không còn cho ai có cơ hội để lý luận phải trái nữa.

Vào cuối tháng 9, chính phủ lại gọi tôi về. Lúc này, ông Thiệu và ông Kỳ đã chính thức nhậm chức Tổng Thống và Phó Tổng Thống, và ông Thiệu đã giữ đúng lời hứa, nhường ông Kỳ chọn người đứng ra lập chính phủ mới. Ông Kỳ chọn luật sư Nguyễn Văn Lộc, một trí thức miền Nam (đáng lẽ đứng cùng liên danh với ông nếu

https://tieulun.hopto.org

không có liên danh Thiệu-Kỳ) và triệu tôi về để hỏi ý kiến. Thực ra, tôi không muốn dính dáng gì đến việc này và đang muốn kiếm cớ thoái thác, nhưng vì nghĩ đến những đợt "sóng ngầm" có thể xoay chuyển tình thế ở Hoa Kỳ, nên tôi về để đích thân và trực tiếp lưu ý hai ông về những biến chuyển mới tại Hoa Kỳ. Về đến Sài Gòn, tôi yêu cầu được gặp riêng mỗi người. Tôi kể lại tỉ mỉ những diễn biến ở Hoa Thịnh Đốn, từ những cuộc biểu tình của phong trào phản chiến, đến những dấu hiệu cho thấy dư luận Hoa Kỳ đã sốt ruột vì số thương vong cứ tăng mà chiến tranh vẫn tiếp tục, từ những sự thay đổi thái độ trong báo chí, đến những mối ưu tư và lời than phiền của chính những Thượng Nghị sĩ và Dân Biểu từ trước đến nay vẫn ủng hộ Việt Nam. Tôi phân tách những lý do khiến Tổng Thống Johnson lại phải đưa ra đề nghị tạm ngưng oanh tạc và đàm phán hòa bình trong bài diễn văn San Antonio (2).

Tôi cũng kể lại những cuộc gặp gỡ của tôi với một số tướng lãnh và chính khách Hoa Kỳ có cảm tình với Việt Nam, và những suy luận của họ về chính sách của Hoa Kỳ nếu chiến tranh cứ kéo dài.

Tôi cũng lưu ý hai ông về nhận xét của một số bạn Hoa Kỳ. Theo họ thì vì nội tình bắt buộc, thời gian tối đa mà quân đội Hoa Kỳ có thể ở lại Việt Nam sẽ không quá 5 năm, và Việt Nam cần phải sửa soạn để có thể đối phó được với trường hợp đó (3).

Tôi không được yên tâm cho lắm về phản ứng của hai ông sau phần trình bầy cặn kẽ của tôi. Có lẽ hai ông cho rằng không cần phải bận tâm quá đáng về những gì tôi nói, vì đó toàn là những chuyện trong tương lai xa xôi. Chuyện trước mắt đối với hai ông là tranh chấp nội bộ, vừa mới tạm yên sau ngày bầu cử, nay lại tái diễn dưới một hình thức khác với việc thành lập chính phủ mới. Dầu sao, lần nào trở về Việt Nam, tôi cũng cố gắng thuật đủ những điều "mắt thấy tai nghe" để làm giảm bớt sự cách biệt giữa "hai thế giới", Hoa Thịnh Đốn và Sài Gòn, nhưng chưa lần nào tôi có cảm tưởng là Sài Gòn chịu chia sẻ một phần lo âu của tôi.

Lần này tôi chỉ ở lại Sài Gòn chừng hơn một tuần, vì được tin là những nghị sĩ "bồ câu" tại Thượng Viện Hoa Kỳ đang rục rịch đưa ra mổ xẻ vấn đề Việt Nam. Tôi lên đường sang Hoa Kỳ đúng lúc, vì vừa về đến nơi đã nhận được của tòa Bạch Ốc giấy mời đến dùng bữa trưa ngày 2 tháng 11 cùng với Tổng Thống Johnson và một số Đại Sứ của những nước trong vùng Đông Nam Á. Nhân dịp này, ông Johnson sẽ cho biết rõ về những đề nghị đàm phán mà ông đã đưa ra tại San Antonio. Xem ra thì đây là bước đầu một kế hoạch của ông nhằm mục đích giành lại vai trò chủ động trong vấn đề Việt Nam và ngăn chặn

https://tieulun.hopto.org

những phong trào chống đối. Ông ra lệnh triệu về Hoa Thịnh Đốn cùng một lúc cả Đại Sứ Bunker lẫn tướng Westmoreland để chứng tỏ với dư luận Hoa Kỳ là tình hình ở Việt Nam vẫn yên ổn và ông vẫn làm chủ tình thế.

Cũng trong chiều hướng đó, và để tạo một bầu không khí lạc quan, trái ngược lại với những cảnh biểu tình phá phách của phe phản chiến, ông nhờ tôi mời tới tòa Bạch Ốc một phái đoàn Viện Trưởng Đại Học Việt Nam lúc đó đang viếng thăm Hoa Kỳ, để ông có dịp mạn đàm với họ và qua họ, nhắn nhủ những người chống đối chính sách của ông là ở Việt Nam không phải chỉ có chiến tranh và tàn phá, mà còn có cải tiến chính trị và kinh tế. Tôi vui vẻ hướng dẫn tới gặp Tổng Thống Johnson phái đoàn giáo dục, trong đó có một nhà sư choàng áo màu vàng chóe, nổi bật hẳn lên: Thượng Tọa Thích Minh Châu của Đại Học Vạn Hạnh, mà khi đó tôi không biết là đã đứng ở "phía bên kia", một sự thật mà về sau đương sự xác nhận là đúng.

Song đáng chú ý hơn cả trong những dịp trên, là chủ ý của Tổng Thống Johnson. Ông muốn trấn an dư luận bằng sự hiện diện của Đại Sứ Bunker và tướng Westmoreland. Vì nếu hai người có trọng trách trực tiếp về chiến cuộc rời Sài Gòn lúc này, thì hẳn là tình hình không có gì đáng ngại lắm. Ngoài ra, hai ông lại được công chúng coi như nắm vững nhất vấn đề Việt Nam, thì quan điểm cũng dễ được tiếp nhận. Chắc vì thế mà trong gần một tuần lễ, không ngày nào mà ngày không có mặt một trong hai người trên những đài truyền hình. Trên chương trình "Meet The Press" (gặp gỡ báo chí), tướng Westmoreland đã mạnh dạn tuyên bố là: "Chỉ trong vòng hai năm nữa các lực lượng của Bắc Việt sẽ suy yếu đến mức chúng ta có thể rút dần một số quân ở Việt Nam về".

Những cố gắng của Tổng Thống Johnson để gây lạc quan và tin tưởng, đều tan như mây khói cuối tháng 11 khi ông loan báo sự từ chức của Bộ Trưởng Quốc Phòng Robert McNamara. Thật là một sự bất ngờ! Từ trước tới nay ai cũng cho rằng không có gì giấu được giới báo chí ở Hoa Thịnh Đốn, thế mà không một nhà báo nào biết trước là ông McNamara phải ra đi và được chuyển sang làm Chủ Tịch Ngân Hàng Thế Giới. Trong mùa hè cũng có một vài bài báo nói về sự im lặng của ông, nhưng không ai nghĩ rằng ông phải rời Ngũ Giác Đài, vì vậy vụ này chấn động tất cả chính giới.

Đối với riêng tôi, thì giữa ông và tôi chỉ có quan hệ thông thường, giữa một Đại Sứ và một Bộ Trưởng trong chính phủ Hoa Kỳ. Tôi vẫn biết ông giữ vai trò quan trọng nhất trong việc điều khiển chiến cuộc ở Việt Nam, vì vậy mà nếu cần, tôi vẫn đến gặp ông.

https://tieulun.hopto.org

Nhưng ngay từ lúc là cộng sự viên của ông Kỳ, tôi đã được dịp dự những buổi họp giữa hai chính phủ. Khi ông sang thăm Việt Nam hồi tháng 7 năm 1965, tôi đã có ấn tượng ông là người lạnh lùng, nên ý tưởng làm thân với ông không bao giờ đến với tôi. Để tìm hiểu những gì xảy ra ở Ngũ Giác Đài, tôi thường tìm cách gần gũi một vài người làm việc với ông (như ông Cyrus Vance về sau này làm Ngoại Trưởng dưới thời Tổng Thống Carter) và một số tướng lãnh phụ trách những khu vực đặc biệt. Tôi có cảm tưởng là ông không muốn tìm hiểu quan điểm của người Việt Nam, và trong bài toán Việt Nam của ông, con người không đáng kể, tất cả chỉ là "thống kê" và "điều hành". Rồi tôi lại nhớ tới mẩu chuyện mà tướng Lê Văn Kim kể lại. Ông McNamara tới gặp một số tướng lãnh Việt Nam ngay sau vụ đảo chính lật đổ ông Diệm. Vừa tới nơi, chưa ai kịp nói gì, với cặp mắt lạnh lùng ông hỏi ngay "Ai là người cầm đầu ở đây?" ("Who is the boss here?") Tự ái dân tộc không cho phép tôi làm thân với con người vô tình, cao ngạo ấy.

Nhưng dầu tôi nghĩ thế nào chăng nữa về ông McNamara, thì ông vẫn được coi là yếu nhân chủ chốt trong quân đội Hoa Kỳ, nên Sài Gòn rất hoang mang khi nghe tin ông từ chức. Ở xa, ít khi biết đến nội bộ của Hoa Kỳ, ít ai để ý đến những sự thay đổi trong chính phủ Hoa Kỳ, nhưng trường hợp của ông McNamara thì khác hẳn. Ông được coi là hiện thân của những nỗ lực chiến tranh, nay ông từ chức thì câu hỏi đầu tiên của nhiều người Việt là liệu sự từ chức của ông có phản ảnh tâm trạng của giới lãnh đạo Hoa Kỳ đối với Việt Nam không? Hay nói một cách khác, phải chăng việc ông từ chức có nghĩa là chính sách của Hoa Kỳ đã đổi chiều?

Tôi tới tòa Bạch Ốc và bộ Ngoại Giao để tìm hiểu rõ hơn thì được trả lời rằng không có sự gì thay đổi trong chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam. Tôi cũng chuyển ngay những lời xác định chính thức đó về Sài Gòn, nhưng trong thâm tâm, tôi vẫn thắc mắc, tự hỏi, ngay những người như ông McNamara còn nghĩ đến bỏ cuộc, thì việc giúp đỡ Việt Nam còn tiếp tục được bao lâu nữa? Ngoài ra chỉ vài tháng nữa thì sẽ có cuộc chạy đua vào tòa Bạch Ốc, ứng cử viên nào dám chủ trương tiếp tục chiến tranh?

Cuối năm 1967, tình hình chiến sự ở Việt Nam không còn lắng dịu như trong mùa hè nữa. Tại nhiều nơi, người ta đã thấy dấu hiệu là đối phương đang sửa soạn tấn công trở lại. Trong một cuộc họp báo ở Hoa Thịnh Đốn, tướng Westmoreland có tuyên bố: "Tôi trông mong rằng đối phương sẽ tấn công ở một nơi nào đó vì chúng tôi đang sẵn sàng ứng chiến". Ông không phải chờ đợi lâu.

https://tieulun.hopto.org

Vì ngay từ cuối tháng 10, hoạt động du kích tăng cường ở nhiều nơi, và dường như được phối hợp với những cuộc tấn công ở một số đơn vị chính quy Bắc Việt vào một số mục tiêu chọn lựa kỹ lưỡng. Ngày 29 tháng 10, hai trung đoàn của sư đoàn 9 Bắc Việt tấn công vào thị xã Lộc Ninh cách biên giới Cao Miên có vài cây số. Lực lượng Việt Nam Cộng Hòa tại chỗ, thiếu trang bị và thiếu cả kinh nghiệm chiến trường, nhưng vẫn cầm cự được và đẩy lui địch quân sau khi được sự tiếp ứng của quân đội Việt Nam và sư đoàn 1 Hoa Kỳ. Rồi một tháng sau, 4 trung đoàn Bắc Việt tấn công vào Dakto, một thị trấn nhỏ ngay gần biên giới Lào, và đụng độ với sư đoàn dù 173 của Hoa Kỳ. Chạm trán với hỏa lực hùng hậu của Hoa Kỳ, địch quân thiệt hại nặng nề và phải rút về phía bên kia biên giới Lào. Quân đội Việt Nam và quân lực Hoa Kỳ lúc nào cũng làm chủ tình thế, nhưng khả năng và tinh thần chiến đấu của địch quân là những yếu tố bắt buộc mọi người phải chú ý.

Cũng vào thời gian ấy, tin tức tình báo cho biết rằng Bắc Việt đang chuyển quân trên đường mòn Hồ Chí Minh. Phối kiểm những tin đó với những trận đánh ở Lộc Ninh và Dakto, các chuyên viên phân tích tình hình quân sự ở Sài Gòn và Hoa Thịnh Đốn tiên đoán rằng Bắc Việt đang sửa soạn một cuộc tấn công đại quy mô và đưa ra nhiều dự đoán về kế hoạch của địch. Tướng Westmoreland thì cho rằng địch sẽ tấn công với số quân tập trung ở miền phi quân sự ngay trên vĩ tuyến 17 và xâm nhập trên đường mòn Hồ Chí Minh và thung lũng Khe Sanh, địch quân sẽ tấn công miền Trung. Để đề phòng, ông cho tăng cường lực lượng Hoa Kỳ đặc biệt ở Khe Sanh bằng những đơn vị thiện chiến của thủy quân lục chiến.

Song cấp hữu trách quân sự Hoa Kỳ và Việt Nam hầu như không để ý gì đến một số tài liệu tịch thu được sau một cuộc hành quân ở miền Trung. Những tài liệu này cho thấy địch quân sửa soạn một cuộc tấn công hoàn toàn khác hẳn những tiên liệu của phía Việt Mỹ, một cuộc tấn công đại quy mô vào tất cả những đô thị trên khắp lãnh thổ miền Nam, phối hợp với một cuộc tổng khởi nghĩa của dân chúng miền Nam. Chiến lược đó đã được trù hoạch táo bạo và liều lĩnh đến mức độ khó tin. Nhưng mãi đến Tết Mậu Thân, các nhà chức trách quân sự Việt Mỹ mới nhận là địch quân đã hành động đúng như các tài liệu bắt được cho thấy rõ.

https://tieulun.hopto.org

---

(1) Quả vậy, chỉ hai tháng sau, Quốc Hội Hoa Kỳ đã phải thảo luận về một đạo luật tăng thuế, vì ngân sách đã được chấp thuận không còn đủ để đối phó với chi phí chiến tranh gia tăng.

(2) Mãi sau này, lâu sau khi chiến tranh đã chấm dứt, tôi mới tìm lại được tài liệu mật của Hoa Kỳ về thời kỳ này. Những tài liệu này cho thấy rằng ông Johnson đưa ra đề nghị San Antonio, có lẽ cũng vì vào khoảng tháng 6, 1967, chính phủ Hoa Kỳ qua trung gian của ông Kissinger, lúc đó còn là giáo sư tại Đại Học Harvard, và hai người Pháp, Aubriac, và Marcovich, có bí mật thăm dò xem Hà Nội có sẵn lòng nói chuyện không và đã được trả lời một cách mập mờ rằng Hà Nội có thể sẽ tiếp nhận một đề nghị mới. Việt Nam Cộng Hòa hoàn toàn không biết gì về chuyện này được gọi là Operation Pensylvania. Mặc dầu tập tài liệu Pentagon Papers đã được báo New York Times tiết lộ từ năm 1971, phần The Secret Diplomacy of the Vietnam War của tập tài liệu vẫn được coi là tối mật cho đến 1983.

(3) Một ngày vào hạ tuần tháng 8 năm ấy, tôi được mời tới dự một buổi lễ của Sư Đoàn Bộ Binh Hoa Kỳ đóng tại Fort Braggs, tiểu bang North Carolina. Ngẫu nhiên tôi gặp hai bạn Hoa Kỳ, ông John Tower, một Thượng Nghị Sĩ Cộng Hòa có ảnh hưởng ở Ủy Ban Quốc Phòng và tướng William DePuy trước làm Phụ Tá cho tướng Westmoreland và được coi là một người hiểu biết rộng trong hàng tướng lãnh Hoa Kỳ. Vì hôm đó mưa to gió lớn, chúng tôi phải ngủ lại Fort Braggs và cũng vì vậy mà sau bữa cơm tối, chúng tôi có một buổi thảo luận tay ba thẳng thắn về chính sách của Hoa Kỳ ở Việt Nam cho tới gần 3 giờ sáng hôm sau. Buổi thảo luận này đã in sâu vào đầu óc tôi và đưa tôi đến kết luận là quân đội Hoa Kỳ sẽ không thể ở lâu ở Việt Nam. Thời gian được ước tính là 5 năm, vì 1986 và 1972 là những năm bầu cử Tổng Thống ở Hoa Kỳ và ở những năm đó, chính sách của Hoa Kỳ bắt buộc phải thay đổi. Trong một chương sau tôi sẽ thuật lại những lời nói của tướng DePuy khi tôi gặp lại ông vào đầu năm 1970.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 26
Tết Mậu Thân, Chính Sách Hoa Kỳ Bắt Đầu Đổi Chiều

Mặc dầu nhiều dấu hiệu cho thấy rằng sau một thời kỳ "luyện quân, rèn cán" phía địch đang sửa soạn một cuộc tấn công, tình hình sau cuộc bầu cử hồi tháng 9 và việc thành lập chính phủ mới, có thể được coi là tạm yên. Vì vậy mà tôi không còn bị gọi luôn về Sài Gòn như trước nữa. Từ cuối thu cho đến cuối đông, lần đầu tiên trong hơn ba tháng liền, tôi được ở Hoa Thịnh Đốn để theo dõi những biến chuyển trong nội tình Hoa Kỳ và ảnh hưởng của những biến chuyển đó đối với chính sách Mỹ tại Việt Nam. Trong suốt thời gian đó, Tổng Thống Johnson cố gắng gây tin tưởng vào chiến thắng để giữ vững sự ủng hộ của dân chúng. Kết quả chưa được bao nhiêu thì đã có sự từ chức của ông McNamara, Bộ Trưởng Quốc Phòng. Dư luận lại thắc mắc, đặt đủ loại câu hỏi. May mà ngay sau đó, để thay thế ông McNamara, Tổng Thống Johnson bổ nhiệm ông Clark Clifford, một nhân vật được coi là thuộc phe "diều hâu", nên dư luận cũng lắng dịu và các giới chính trị bắt đầu chú ý đến những cuộc bầu cử sơ khởi tại một số tiểu bang, mở màn cho cuộc bầu cử Tổng Thống năm 1968.

Chẳng mấy chốc đã đến ngày lễ Giáng Sinh, Tết Dương Lịch và Tết Mậu Thân. Đối với tất cả mọi người Việt, dầu là ở dưới bầu trời nào cũng vậy, Tết không những là nghỉ ngơi mà còn là hòa bình và hy vọng, vì vậy mà đối với cả hai miền Nam, Bắc thông lệ vẫn là ngưng chiến trong dịp này vì ai cũng muốn xả hơi ít ngày. Gia đình tôi cũng ở trong trường hợp này. Sau buổi lễ Tết hàng năm do kiều bào ở Hoa Thịnh Đốn tổ chức, tôi quyết xa thủ đô vài hôm để quên bớt ưu tư. Ngày ba mươi Tết, cùng với gia đình và một vài người bạn, chúng tôi rủ nhau lên một nơi trượt tuyết, Camelback, vùng Pennsylvania, chỉ cách thủ đô gần hai trăm cây số. Tôi còn nhớ hôm đó là ngày 31 tháng 1, 1968, mồng một Tết Nguyên Đán. Mới sáng dậy, già trẻ, lớn bé còn đang sửa soạn mặc áo ấm để đi trượt tuyết, thì có điện thoại từ Hoa Thịnh Đốn yêu cầu tôi trở về gấp. Hỏi ra thì nhân viên Sứ Quán cho biết là Sài Gòn trong đêm bị tấn công và chính phủ Hoa Kỳ muốn liên lạc ngay với tôi. Thế là chỉ trong vòng hơn nửa tiếng đồng hồ, cùng với gia đình tôi lại phải hối hả lên đường trở về Hoa Thịnh Đốn. Về đến nơi thì đã gần ba bốn giờ chiều và Sứ

https://tieulun.hopto.org

Quán đã nhận được một số tin tức qua Ngũ Giác Đài và bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ.

Ngay theo những tin tức đầu tiên đó, hiển nhiên là đối phương đã mở một trận tấn công lớn vào Sài Gòn. Nhiều trận đánh dữ dội đã xẩy ra ngay trong thành phố. Có lúc Việt Cộng đã chiếm được Đài Phát Thanh và tiến sát gần phủ Tổng Thống và bờ tường tòa Đại Sứ Mỹ ở trung tâm thủ đô. Đối với cả hai chính phủ, quả là một sự bất ngờ. Tòa Bạch Ốc sửng sốt vô cùng khi được tin có cuộc tấn công, và mãi đến khi biết là Đại Sứ Bunker được vô sự, chính phủ Hoa Kỳ mới tạm yên tâm, mặc dầu sau đó hai ông Rostow và Jorden còn lo lắng hỏi tôi: liệu quân đội Việt Nam có chống giữ được không?

Lúc cuộc tấn công bùng nổ, thì ông Thiệu đang về thăm quê ngoại ở miền lục tỉnh, nên ông Kỳ ở Sài Gòn phải đương đầu với tình thế. Tôi liên lạc được với ông bằng điện thoại vào buổi chiều ngày mồng một (tức là buổi sáng ngày mồng hai ở Sài Gòn), lúc đó thì tình hình đã đỡ nguy kịch. Những đặc công Việt Cộng lúc gần sáng xâm nhập vào bên trong tòa Đại Sứ Hoa Kỳ bị tiêu diệt và quân đội Việt Nam đã kịp chiếm lại Đài Phát Thanh, không để địch quân sử dụng đài để tuyên truyền. Ông Kỳ cho biết là còn phải một thời gian mới đẩy lui được địch ra khỏi thành phố, nhưng có thể tin rằng cuộc tấn công đã thất bại. Tuy bị đánh phá đột ngột, sau 48 tiếng đồng hồ, quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã nắm lại được ưu thế, và tổn thất của địch quân rất nặng.

Cộng quân còn đánh khắp mọi nơi, nhằm gây hoang mang ngay ở các đô thị đông đúc, thúc đẩy binh sĩ đào ngũ và xúi giục dân chúng nổi dậy lật đổ chính quyền quốc gia. Họ lợi dụng cơ hội ba ngày Tết để tạo sự bất ngờ. Những tiếng súng đầu tiên lẫn vào những tiếng pháo nổ trong đêm giao thừa nên ngoại trừ ở những nơi bị tấn công, dân chúng ở những nơi khác không ai biết là đã có cuộc giao tranh. Hơn nữa chủ trương của họ tấn công ngay vào những thành phố và đô thị dưới sự kiểm soát hoàn toàn của quân đội chính phủ và quân đội Hoa Kỳ, táo bạo đến độ không ai tin được, do đó mà lại càng có sự bất ngờ. Trước khi "tổng công kích" họ đã chuyển ngầm được nhiều vũ khí, kể cả vũ khí nặng, vào các thành phố lớn. Lợi dụng cảnh nhộn nhịp tấp nập gần Tết, đặc công của họ đã trà trộn vào quần chúng, đi theo cả những đám tang giả với áo quan chứa đầy vũ khí, như tù binh Cộng Sản về sau thú nhận.

Trong suốt ba ngày Tết, tin tức mà ở Hoa Thịnh Đốn Sứ Quán Việt Nam thâu thập được từ mọi phía, cùng những lời xác nhận của ông Kỳ qua điện đàm cho chúng tôi thấy là tình hình quân sự ở Việt

https://tieulun.hopto.org

Nam không còn nguy hiểm nữa, và ngoài Huế ra, ở khắp mọi nơi chỉ còn những trận đụng độ tẻ lẻ với những tàn quân của địch đang trên đường rút lui. Hàng ngày liên tiếp từ sáng đến tối, các đài truyền hình Hoa Kỳ đưa ra những hình ảnh rất sống động về cuộc tấn công. Ngay ngày đầu, dân chúng Hoa Kỳ đã trông thấy ông Bunker đang đứng nhìn xác chết của đặc công Việt Cộng nằm ngổn ngang bên trong hàng rào của tòa Đại Sứ Mỹ. Họ cũng nhìn thấy binh sĩ Hoa Kỳ và Việt Nam đang sáp lá cà với những toán địch quân còn sót lại trong thành phố, giữa những tiếng la hét của sĩ quan chỉ huy, những tiếng nổ inh tai của các ổ súng máy. Những cảnh chết chóc, đẫm máu, mà chỉ những quân nhân ở chiến trường mới thường nhìn thấy, thì nay người dân Hoa Kỳ mục kích hàng ngày ngay trong nhà họ. Chiến tranh Việt Nam đã hiển hiện trước mắt người dân Hoa Kỳ, không phải qua một hình thức kiểm duyệt nào.

Vì không cạnh tranh nổi với các cơ quan truyền thông Hoa Kỳ về mặt tin tức nhanh chóng, lúc bấy giờ tòa Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa chỉ đưa ra những bản phân tách tình hình, để chế hóa bớt phần nào thiên kiến thiển cận cùng dụng ý hấp dẫn khán thính giả và độc giả của họ. Báo chí và các đài truyền hình của Hoa Kỳ tung ra những tin tức hay hình ảnh vô cùng bất lợi cho Hoa Kỳ và Việt Nam. Đặc biệt nhất trong trường hợp này là bức hình của phóng viên Eddie Adams chụp tướng Nguyễn Ngọc Loan đang bắn một du kích Việt Cộng ở Chợ Lớn. Không ai biết trong trường hợp nào tướng Loan đã phải quyết liệt như thế, nhưng cảnh tượng kẻ bị bắn chết ngay trước mắt mọi người, làm cho ai cũng nghĩ ngay đến khía cạnh tàn bạo của cuộc chiến và muốn sớm chấm dứt chiến tranh.

Vào khoảng trung tuần tháng 2, 1968, mặc dầu giao tranh vẫn còn tiếp diễn ở Huế, tình hình chiến sự ở Việt Nam đã lắng xuống nhiều. Tôi không còn lo ngại như trong mấy ngày đầu, nhưng trái lại lo ngại nhiều về ảnh hưởng của mặt tấn công đối với dân chúng và chính giới Hoa Kỳ.

Về những chiến tranh trước, người dân chỉ được nghe thuật lại cùng với một vài hình ảnh. Trong trường hợp chiến tranh Việt Nam, họ được nhìn hàng ngày và tận mắt những cảnh bạo tàn chết chóc, nên họ có phản ứng tức khắc chống lại. Nhưng ngoài phản ứng tự nhiên đó, sau cơn hoảng hốt lúc đầu khi có cuộc tổng công kích, họ đặt ngay câu hỏi: "Tại sao với nửa triệu quân ở Việt Nam, khí giới tối tân đầy đủ, mà Hoa Kỳ không ngăn cản nổi cuộc tấn công vào ngay tòa Đại Sứ Hoa Kỳ?" Cuộc tấn công của địch quân làm cho họ nghi ngờ và mất niềm tin đối với chính phủ Hoa Kỳ vì mới cách đấy có vài

https://tieulun.hopto.org

tháng, qua lời tuyên bố của Tổng Thống Johnson, Đại Sứ Bunker hay tướng Westmoreland, mọi sự đều tương đối tốt đẹp. Họ thấy biến cố Tết Mậu Thân là một gáo nước lạnh dội lên đầu. Họ không cần biết ai thắng ai bại và chỉ muốn sớm chấm dứt bắn giết.

Về phía chính phủ Hoa Kỳ, thì trong những tuần lễ đầu không ai nhìn thấy triệu chứng gì là chính sách sẽ thay đổi. Tổng Thống Johnson tuyên bố rõ ràng là Hoa Kỳ tiếp tục ủng hộ và viện trợ Việt Nam. Tuy thế, tôi đã phong thanh nghe được nhiều lời đồn đại từ nhiều phía khác nhau. Một số bạn Mỹ cho tôi biết rằng ông Clark Clifford, người thay thế ông McNamara và người từ trước đến nay vẫn được coi là "diều hâu", được Tổng Thống tin cậy, nay đã bắt đầu thay đổi thái độ. Ngoài ra những cộng sự viên cũ của ông McNamara như Paul Warnke, Leslie Gelb, Morton Halperin vẫn còn ngồi lại ở Ngũ Giác Đài và đều là những người chủ hòa. Tôi áy náy không hiểu những lời đồn đại đó thực hư ra sao, nên tìm cách gặp thật nhiều người trong hai giới chính trị và báo chí ở thủ đô.

Vào cuối tháng 2, một phóng viên kỳ cựu của tờ New York Times, Hedrick Smith, đến kiếm tôi và cho biết là tướng Westmoreland đang yêu cầu Tổng Thống Johnson gửi thêm quân sang Việt Nam. Anh ta nhờ tôi phối kiểm tin này, và giúp anh ta tìm hiểu xem lời yêu cầu đó có thực không. Tôi thú thực với Hedrick Smith là phía Việt Nam được biết rất ít về những kế hoạch quân sự của Hoa Kỳ, nhất là về quân số, nhưng vì anh ta vừa là một người bạn vừa là một nguồn tin quan trọng, nên tôi hứa sẽ cố gắng dò hỏi thêm. Tuy nguồn tin của anh chỉ xác nhận vài lời đồn mà tôi đã nghe được từ phía Ngũ Giác Đài, tôi có linh cảm ngay là rồi đây nhiều chuyện sẽ xảy ra, vì nếu quả tướng Westmoreland yêu cầu tăng quân, thì rất không đúng lúc và sẽ lại gây nhiều phản ứng sôi nổi. Quả nhiên một vài ngày sau, tin này được tung ra, và cuộc tranh luận gay gắt bắt đầu, không những giữa Hành Pháp và những thành phần phản chiến tại Quốc Hội và các giới thiên tả, mà ngay cả trong nội bộ chính phủ. Ngoài ra, mùa bầu cử Tổng Thống năm 1968 cũng đã bắt đầu và chỉ còn có một vài tuần lễ nữa sẽ đến cuộc bầu cử sơ khởi quan trọng ở tiểu bang New Hampshire nên bầu không khí chính trị càng căng thẳng. Dĩ nhiên là hàng ngày tôi báo cáo đầy đủ để chính phủ Việt Nam hiểu rõ tình hình, nhưng đồng thời tôi cũng đánh điện yêu cầu Sài Gòn gọi tôi về để trình bầy ý kiến. Thực ra, tôi mượn cớ đi để có dịp được gặp trực tiếp những nhân vật then chốt của Chính Phủ và Quốc Hội Hoa Kỳ.

https://tieulun.hopto.org

Rồi cứ như thế, mọi chuyện dồn dập xảy ra như tôi vẫn lo ngại từ trước. Sáng ngày 10 tháng 3, với tít lớn, tám cột ở trang nhất, tờ New York Times đăng bài của Hedrick Smith: "Tướng Westmoreland yêu cầu gửi thêm 200,600 quân sang Việt Nam". Dư luận và Quốc Hội Hoa Kỳ phản ứng dữ dội. Những Thượng Nghị Sĩ có tiếng như Fulbright, Mansfield, Robert Kennedy (em ruột cố Tổng Thống John Kennedy) lên tiếng chống đối ngay và điều đáng chú ý nhất ở đây là chính đảng Dân Chủ, đảng của Tổng Thống, lại công kích mạnh nhất. Ủy Ban Ngoại Giao Thượng Viện yêu cầu ngay Ngoại Trưởng Dean Rusk ra điều trần. Các đài truyền hình lớn trên toàn quốc trực tiếp theo dõi buổi điều trần, cảnh tượng thật là nặng nề. Ngoại Trưởng Rusk phải nhẫn nhục trả lời từ sáng đến tối những câu hỏi và những lời chỉ trích gay gắt của các Thượng nghị Sĩ "bồ câu". Rõ ràng uy tín của chính phủ đã suy giảm nhiều, và rõ ràng đã có sự rạn nứt trong chính giới Hoa Kỳ, vì chiến cuộc Việt Nam.

Cùng vào thời điểm này, cuộc bầu cử sơ khởi của đảng Dân Chủ bắt đầu tại tiểu bang New Hampshire. Tuy chỉ là sơ khởi nhưng các giới chính trị Hoa Kỳ coi đây là một thử thách quan trọng, hơn nữa, ông Johnson, mặc dầu mới tại chức gần một nhiệm kỳ, đã phải ra đối đầu với một người ngay trong đảng Dân Chủ, Thượng Nghị Sĩ "bồ câu" Eugene McCarthy, nên mọi sự chú ý đều dồn vào New Hampshire. Kết quả cuộc bầu cử ngày 14 tháng 3 thật không ngờ. Ông Johnson, đương kim Tổng Thống, mà chỉ hơn ông McCarthy vẻn vẹn có 300 phiếu.

Tôi gặp hầu hết những nhân vật có ảnh hưởng trong cả hai ngành Lập Pháp và Hành Pháp. Trong những dịp này, tôi nhớ nhất một buổi tiếp xúc tại Thượng Viện với Thượng Nghị Sĩ Aiken, thuộc đảng Cộng Hòa, và là cựu Thống Đốc tiểu bang Vermont. Ông đã nhiều tuổi, tóc bạc phơ, tính tình điềm đạm và được cả hai phía Dân Chủ và Cộng Hòa kính trọng. Ông thường coi tôi như một người thân, nên bất kỳ lúc nào cần đến ông, là ông vui lòng đáp ứng. Buổi sớm hôm đó, ngày 16 tháng 3, mặc dầu thời tiết đã bắt đầu sang Xuân, khí trời thật giá lạnh, ông mời tôi lên Thượng Viện dùng điểm tâm với ông, và cho tôi biết nhận xét của ông. Theo ông thì: "Tổng Thống Johnson thành thực tin tưởng vào chính sách mà ông đang theo đuổi, nhưng chính những người trong đảng Dân Chủ lại chống đối. Nếu ba, bốn năm về trước người ta có thể nói là trong chính giới Hoa Kỳ có sự đồng thuận về chính sách đối với Việt Nam, thì lúc này sự đồng thuận đó đang bắt đầu tan rã và tan rã ngay trong hàng ngũ những người từ trước tới nay vẫn ủng hộ chính phủ. Tôi muốn nói đến một

https://tieulun.hopto.org

số bạn đồng viện của tôi như những Thượng Nghị Sĩ Mansfield, Jackson và Stennis". Rồi ông lại thêm rằng: "Nếu tôi đoán không nhầm, thì trong một tương lai rất gần đây, Thượng Nghị Sĩ Robert Kennedy cũng sẽ nhảy ra tranh cử Tổng Thống và lúc đó thì tình hình chính trị của xứ này sẽ bung ra" (1).

Sau nhận xét của ông Aiken, tôi không thấy cần tìm hiểu gì thêm về phía Quốc Hội, nên quay về tiếp xúc với ba trung tâm quyền lực chính là tòa Bạch Ốc, bộ Ngoại Giao và bộ Quốc Phòng. Chiều ngày 16 tháng 3, tôi tới gặp ông Walt Rostow, Cố Vấn An Ninh Quốc Gia tại tòa Bạch Ốc. Như thường lệ ông Rostow trấn an tôi và nói rằng Tổng Thống Johnson vẫn giữ vững lập trường ủng hộ và giúp đỡ Việt Nam, nhưng ông cũng không phủ nhận là chính phủ Hoa Kỳ đang gặp nhiều khó khăn vì sự chống đối của những phần tử chủ hòa. Ngay sau buổi họp với ông Rostow tôi ghé qua văn phòng của ông Jorden, Phụ Tá của ông Rostow, một người bạn đã từng giúp đỡ tôi nhiều trong quá khứ. Vì là chỗ thân tình, tôi nói thẳng với ông Johnson là tôi muốn được dịp gặp Tổng Thống Johnson trước khi trở về Việt Nam. Ông Jorden trả lời rằng ông không dám hứa chắc nhưng ông sẽ bàn với ông Rostow về lời yêu cầu của tôi và sẽ cố gắng thu xếp. Thực ra tôi không hề có ảo tưởng là có thể ảnh hưởng được Tổng Thống Hoa Kỳ, nhưng tôi nghĩ rằng nếu gặp được ông thì ít ra tôi cũng hiểu được phần nào tâm trạng của người lãnh đạo Hoa Kỳ. Tôi không chắc là hai ông Rostow và Jorden có thể thu xếp để tôi yết kiến Tổng Thống Johnson, nhưng cũng vẫn hy vọng. Sáng hôm 18 tháng 3, ông Jorden gọi điện thoại cho biết là chiều hôm đó tôi có thể tới tòa Bạch Ốc. Để đánh lạc hướng các nhà báo, vào khoảng 5 giờ chiều, tôi tới văn phòng của ông Jorden trước rồi một lúc sau mới từ đó đi bộ sang phía văn phòng của Tổng Thống. Khi tôi và ông Jorden đến nơi, thì ông Johnson tiếp tôi rất niềm nở chẳng khác gì những lần trước gặp trước. Lúc ngồi xuống, đối diện sát ông, tôi mới nhận thấy là mới cách đó vài tháng (lần trước tôi gặp ông là tháng 11, 1967) mà ông già hẳn đi. Trong ông có vẻ mệt mỏi, ưu tư hiện rõ trên mặt, dường như gánh nặng của chiến tranh Việt Nam đang thử thách sức chịu đựng của ông. Trong thâm tâm lúc này, tôi muốn chia sẻ với ông nhưng nỗi khó khăn đang đè nặng lên ông. Tôi thấy ái ngại cho ông.

Tôi trình bầy những tin tức mới nhất mà tôi nhận được từ Việt Nam, và sau đó những nhận định tổng quát của Việt Nam về cuộc tấn công Tết Mậu Thân, những tổn thất nặng nề của địch và những cố gắng của chính phủ Việt Nam tại nông thôn để ổn định tình hình và để dân chúng có thể trở lại đời sống bình thường, hàng ngày của họ.

https://tieulun.hopto.org

Tết Mậu Thân đã cho người dân Việt Nam thấy là quân đội Việt Nam Cộng Hòa đủ sức bảo vệ họ và cũng vì có niềm tin tưởng mới đó, mà chính phủ Việt Nam mới ban bố được lệnh tổng động viên những thanh niên vào lứa 18 tuổi, một việc từ trước tới nay chưa chính phủ nào thực hiện được. Riêng về vấn đề quân sự, thì tôi xác nhận với ông là quân đội Việt Nam sẵn sàng nhận thêm những trách nhiệm mới để bớt gánh nặng cho Hoa Kỳ và chỉ yêu cầu Hoa Kỳ trang bị cho Việt Nam loại súng M-16. Tôi lưu ý ông là cho đến nay rất ít đơn vị của Việt Nam có loại súng M-16 trong khi đó thì những đơn vị của Bắc Việt đều được trang bị đầy đủ bằng những khẩu AK-47 tối tân của Trung Cộng. Tổng Thống Johnson lấy làm ngạc nhiên khi tôi nêu vấn đề này và quay lại yêu cầu ông Jorden (người cộng sự viên duy nhất của ông có mặt trong buổi họp) ghi rõ lời yêu cầu của tôi. Ông hỏi lại một đôi điều về tinh thần của quân đội và dân chúng ở Việt Nam, nhưng nếu so sánh với những lần trước thì lần này ông nói rất ít. Trong suốt buổi họp ông ngồi yên, tay chống cằm, ngước mắt qua kính, chăm chú nhìn tôi. Song tôi có cảm tưởng là ông chỉ nghe tôi nói phần nào. Hình như ông đang theo đuổi những suy tư riêng biệt của ông, và những ý kiến trao đổi chỉ là để giúp ông đào sâu những suy tư đó.



Nét mặt lo âu của Tổng Thống Hoa Kỳ Lyndon B. Johnson sau vụ Tết Mậu Thân

https://tieulun.hopto.org

Trong phòng không một tiếng động. Bên ngoài trời đã sẩm tối. Đến khi tôi dứt lời thì Tổng Thống Johnson ngồi yên đến hai ba phút rồi mới chậm rãi phát biểu ý kiến. Ông nói: "Chúng ta không thắng thì rắc rối to. Tôi đã cố gắng hết mức nhưng một mình tôi không thể nào cầm cự mãi được". Với tự ái của một Tổng Thống đại cường quốc như Hoa Kỳ mà ông phải thốt ra lời đó, thì quả thực là một điều bất thường, nên tôi nghĩ rằng tuy ông không muốn nói thẳng ra, ông muốn nhắn về cho hai ông Thiệu và Kỳ biết rằng ông đang gặp quá nhiều khó khăn và chưa chắc ông có thể giữ được đầy đủ những lời cam kết với Việt Nam. Nhưng rồi ông chuyển câu chuyện sang việc trang bị súng M-16 cho quân đội Việt Nam và hứa sẽ chỉ thị cho bộ Quốc Phòng sớm lo liệu.

Tôi ngồi nói chuyện với ông hơn 50 phút. Trên đường ra về, cảm tưởng rõ rệt của tôi là chính sách của Hoa Kỳ đã chuyển hướng, và trong cuộc tranh chấp giữa hai phe "diều hâu" và "bồ câu", phe bồ câu đã thắng thế. Tôi rời văn phòng ông vào lúc trời bắt đầu tối. Các hành lang của tòa Bạch Ốc lúc này gần như không còn người qua lại. Cảnh tượng rất lạnh lẽo. Hai chân tôi bước đi mà lòng thì nặng trĩu vì lo lắng, không biết rồi đây tương lai của miền Nam sẽ ra sao!

Hai ngày sau, tôi đến thăm ông Clark Clifford, Bộ Trưởng Quốc Phòng. Tôi đã có dịp gặp ông nhiều lần ở Sài Gòn và Hoa Thịnh Đốn trước khi ông thay thế ong McNamara. Trong các buổi họp, ông thường mạch lạc và gọn ghẽ, lời lẽ chải chuốt nhưng chính xác, thật đúng là ngôn ngữ của một nhà luật sư quốc tế. Tôi có cảm tưởng là ngôn ngữ của ông còn khéo hơn của nhiều nhà ngoại giao chuyên nghiệp. Đó là những gì tôi đã biết về ông trong quá khứ, nhưng đến khi gặp ông ngày 20 tháng 3 tại Ngũ Giác Đài thì ông lại là một con người khác hẳn. Tôi vừa ngồi xuống, ông nói ngay là Tổng Thống Johnson có cho ông biết là tôi đã yêu cầu Hoa Kỳ trang bị M-16 cho các đơn vị Việt Nam, và ông sẽ cố gắng hết sức về việc này. Tôi chưa kịp cám ơn, ông đã quay sang những vấn đề chính trị. Thế rồi lời lẽ của ông từ lúc đó không còn khéo léo như tôi đã biết. Ông không ngần ngại, nói bốp chát, cộc lốc, đi thẳng vào vấn đề để nói toạc tâm trạng của những nhà cầm quyền Hoa Kỳ trước tình thế mới. Ông nói: "Lúc này không còn phải là lúc dùng những danh từ mỹ miều ngoại giao nữa!" ("We have run out of time for diplomatic niceties"). Rồi ông ám chỉ đến những chuyện kèn cựa giữa ông Thiệu và ông Kỳ: "Chúng tôi ngấy đến cổ về những chuyện xích mích của các ông. Dân chúng Hoa Kỳ đã mất hết tinh thần và sức ủng hộ của chúng tôi có giới hạn". Và để kết thúc buổi yết kiến nặng nề khó chịu,

https://tieulun.hopto.org

như Tổng Thống Johnson, ông nói: "Chúng ta bắt buộc phải tìm ra một giải pháp nào đó nếu không thì chắc chắn sẽ có tai họa" (2).

Nhân vật cuối cùng mà tôi gặp trước khi lên đường về lại Sài Gòn là Ngoại Trưởng Dean Rusk. Khi nói chuyện với ông, tôi có cảm tưởng rằng sau Tổng Thống Johnson, và Bộ Trưởng Quốc Phòng Clifford, Ngoại Trưởng Rusk cũng ngỏ ý cho tôi hiểu rõ là Hoa Kỳ đã chuyển hướng, tuy căn bản của chính sách vẫn còn là ủng hộ Việt Nam. Mới chỉ một năm trước đây ông Rusk có nói với tôi "Ông Đại Sứ nên hiểu rằng nếu Hoa Kỳ quyết tâm làm việc gì thì chắc chắn là sẽ làm được việc đó", thế mà giờ ông lại bảo tôi: " Chúng tôi không có sự chọn lựa nào khác, và mục tiêu của chúng tôi không còn là thắng lợi quân sự nữa, nhưng là hòa bình trong danh dự". Đây là lần đầu tiên tôi được nghe những lời như vậy từ miệng một nhân vật then chốt của Hoa Kỳ. Những lời lẽ đó còn văng vẳng bên tai tôi, suốt chặn đường bay dài dằng dặc về Sài Gòn, và tôi đã suy ngẫm nhiều về danh từ "hòa bình trong danh dự" của Ngoại Trưởng Rusk. Vào lúc đó, 1968, tôi không ngờ rằng sau này, cuối năm 1972, tôi lại được nghe lại danh từ đặc biệt này từ miệng ông Kissinger, người điều đình chủ chốt của Hiệp Định Ba Lê năm 1973.

---

(1) Tình hình xẩy ra đúng như lời ông Aiken dự đoán. Ông Robert Kennedy ra tranh cử Tổng Thống, và đến tháng 5 thì bị ám sát ở Los Angeles sau khi đã thắng cuộc bầu cử sơ khởi quan trọng tại tiểu bang California.

(2) Trên đây Clifford có ám chỉ đến những chuyện kèn cựa giữa ông Thiệu và ông Kỳ. Những chuyện đó bắt nguồn từ lúc có cuộc tấn công Tết Mậu Thân. Người Hoa Kỳ vì tình trạng khẩn cấp bắt buộc phải giao thiệp trực tiếp với ông Kỳ đang có mặt tại Sài Gòn, trong khi ông Thiệu đi thăm quê ngoại. Rồi quen đà, họ giao thiệp thẳng với ông Kỳ ngay cả khi ông Thiệu đã trở về. Ông Thiệu tỏ vẻ không bằng lòng, cho rằng người Hoa Kỳ lại ủng hộ ông Kỳ. Chuyện này dĩ nhiên được báo cáo về Hoa Thịnh Đốn, vì vậy mà ông Clifford mới đả động tới.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 27
Hòa Đàm Ba Lê 1968
và Chiến Thuật "Vừa Đánh Vừa Đàm" của Cộng Sản

Tôi vừa về đến Sài Gòn thì có tin địch quân đang sửa soạn một đợt tấn công thứ hai sau đợt đầu Tết Mậu Thân. Tuy nhiên, giới chức quân sự chỉ thấy một vài trận đánh lẻ tẻ ở miền Trung, cho nên tình hình cũng không có gì đáng phải lo ngại.

Tôi gặp ngay ông Thiệu và ông Kỳ, để trình bầy đầy đủ những nhận xét về chính sách của Hoa Kỳ. Tôi nói rõ là lập trường của Hoa Kỳ không còn vững nữa và Việt Nam phải sửa soạn để có thể đối phó với thực tế mới. Chưa có một lời tuyên bố chính thức nào chứng tỏ điều đó, nhưng qua những buổi hội đàm với Tổng Thống Johnson và hai ông Rusk và Clifford, tôi nghĩ rằng không còn điều gì nghi ngờ nữa. Hoa Kỳ không thể trong một thời gian ngắn rút hết quân về được (trên dưới nửa triệu người lúc đó ở tại Việt Nam) nhưng việc triệt thoái dần dần trong vài ba năm là điều không thể tránh. Còn về mặt chính trị và ngoại giao, thì phải chờ đợi Hoa Kỳ gia tăng những cố gắng dò dẫm để kiếm một giải pháp hòa bình nào đó cho chiến tranh.

Cả ông Thiệu lẫn ông Kỳ đều tỏ vẻ quan tâm đến những điều mà tôi trình bầy, nhưng tôi có cảm tưởng là hai ông chưa ý thức được đầy đủ những điều tôi lo ngại. Có lẽ hai ông vẫn cho rằng lo ngại thì cũng đáng lo ngại, nhưng đó còn là chuyện tương lai, hoặc đang phải đối phó với chuyện trước mắt là đợt tấn công mới của địch. Đây không phải là lần đầu và cũng không phải là lần chót tôi thất bại trong việc cố gắng làm cho Hoa Kỳ và Việt Nam hiểu nhau về quan điểm, nhận thức và thực trạng chính trị ở mỗi bên. Cùng một vấn đề, cùng một sự việc, mà vì cứ điểm, vị trí, tâm trạng và quyền lợi khác nhau, Hoa Thịnh Đốn và Sài Gòn có những ưu tiên và cảm thức nhiều khi khác hẳn nhau.

Ngay cả bầu không khí ở hai nơi cũng vậy. Lúc này tại Hoa Thịnh Đốn, trào lưu phản chiến và chủ hòa dồn dập, dư luận hoang mang, chính giới đầy lo âu. Nhưng tại Sài Gòn và nhiều thành thị Việt Nam, sau những đợt tấn công mới bị đẩy lùi, dân chúng sớm tiếp tục nhịp sống bình thường, đa số thản nhiên, chẳng còn sợ hãi Cộng Sản như trước đây không lâu, vì đã mục kích thảm bại nặng nề và mau lẹ

https://tieulun.hopto.org

của địch. Chính quyền Việt Nam vì thế mà cũng tự tin hơn, trong khi chính phủ Hoa Kỳ càng tỏ ra thoái chí.

Ngày 31 tháng 3, 1968, trong một bài diễn văn trên các đài truyền hình toàn quốc (và cả ở Việt Nam), Tổng Thống Johnson loan báo ông đã ra lệnh tạm ngưng oanh tạc tại Bắc Việt và yêu cầu Bắc Việt đáp lời đề nghị đàm phán của Hoa Kỳ. Đồng thời ông cũng tuyên bố sẽ không ra tranh cử Tổng Thống nữa để có thời giờ làm tròn nhiệm vụ trong thời gian còn lại của nhiệm kỳ. Tối hôm đó ở Sài Gòn, cùng với ông Kỳ và một số bạn, chúng tôi ngồi lặng yên theo dõi bài diễn văn. Ai cũng nhận thấy là một người bạn của Việt Nam đang sắp sửa ra khỏi chính trường Hoa Kỳ và rồi đây, không bao lâu nữa, sẽ lại có một Tổng Thống mới. Chưa ai biết người đó là ai, nhưng chắc chắn là chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam sẽ không còn như trước nữa. Bước đường tương lai của Việt Nam thật là bất trắc.

Trong quá khứ nhiều lần Hoa Kỳ đã đơn phương ngưng oanh tạc Bắc Việt để dụ dỗ đối phương vào bàn hội nghị, nhưng lần nào Hà Nội cũng bác bỏ những đề nghị của Hoa Kỳ. Riêng lần này thì chỉ ba ngày sau bài diễn văn của ông Johnson, đã có tin là Cộng Sản nhận lời đề nghị đàm phán của Hoa Kỳ. Quyết định này của Bắc Việt tất nhiên biến đổi cục diện. Đại Sứ Bunker và tướng Westmoreland được gọi về Hoa Thịnh Đốn. Mọi việc xảy ra dồn dập, và chính phủ Việt Nam phải đối phó với một tình thế mới, chưa từng được tiên đoán.



Tháng 7 năm 1968, hội đàm với tướng Westmoreland tại Ngũ Giác Đài khi ông trở về làm Tham Mưu Trưởng Lục Quân Hoa Kỳ

https://tieulun.hopto.org

Trong thời gian làn việc ở Hoa Kỳ tôi thường nghe được những lời chỉ trích của phe thiên tả cho rằng lẽ sống và lý do tồn tại của chính phủ Sài Gòn chỉ là cuộc chiến, bởi vậy Sài Gòn lúc nào cũng khước từ những đề nghị hòa đàm. Sự thực thì trong chiến cuộc cũng như trong việc mưu cầu hòa bình, chính phủ Việt Nam không lúc nào có một sự chọn lựa dễ dàng. Năm 1965, Hoa Kỳ lâm chiến, rồi áp dụng một chiến lược gọi là "chiến tranh giới hạn" ("limited war") dựa trên những tính toán của Hoa Kỳ nhiều hơn là vào thực tế của chiến trường và chiến lược "toàn diện" ("total war") của địch. Đến lúc thấy mệt mỏi thì Hoa Kỳ lại chủ trương đàm phán, gần như bằng bất cứ giá nào, để tìm kiếm một thỏa hiệp nào đó cho phép Hoa Kỳ rút lui. Chiến tranh hay hòa bình là vấn đề sinh tử của miền Nam Việt Nam, nhưng trong cả hai trường hợp, hòa hay chiến, Hoa Kỳ đều giữ vai chủ động.

Đối với những người Việt hiểu rõ sách lược của Cộng Sản thì vào giai đoạn đó, họ chỉ coi đàm phán là một lối đấu tranh mà họ gọi là "vừa đánh vừa đàm", đánh rồi đàm, đàm rồi lại đánh.

"Đánh và đàm" là chiến thuật mà Cộng Sản dùng để đối phó với một đối phương mạnh hơn họ. Họ chờ cho Mỹ mệt mỏi rồi mới chấp nhận đàm phán, tuy rằng mục đích của họ là để cho quân nhân Mỹ không còn tinh thần chiến đấu và cũng tạo mâu thuẫn giữa Hoa Kỳ và Việt Nam. Trong khi đàm phán, họ tiếp tục tấn công để gây áp lực buộc đối phương phải nhượng bộ điều này hay điều khác.

Cộng Sản vẫn thường công khai đề cập đến chiến thuật "vừa đánh vừa đàm" trong những tập san nghiên cứu của họ, tuy thế Hoa Kỳ vẫn tin rằng cứ có đàm phán là có thể đi tới thỏa hiệp với Cộng Sản. Người Hoa Kỳ vốn có tính sốt ruột, việc gì cũng muốn làm ngay, ngoài ra chính phủ Hoa Kỳ lại bị thôi thúc bởi dư luận trong nước muốn sớm chấm dứt chiến tranh, điều đó cũng dễ hiểu, nhưng quyết định vội vàng của Hoa Kỳ nhận gặp đại diện của Cộng Sản ở Ba Lê đã đặt chính phủ Việt Nam vào một trường hợp vô cùng khó xử. Tôi không rõ ông Thiệu và ông Kỳ có được Đại Sứ Bunker thông báo đầy đủ không, nhưng theo chỗ tôi nhận xét, nếu có thì cũng chỉ để cho biết một việc "đã rồi". Ngoài ra Hoa Kỳ gặp đại diện của Cộng Sản mà không có mặt đại diện của chính phủ Việt Nam cũng là một sự mất thể diện cho miền Nam. Chiến tranh Việt Nam không phải là việc riêng của Hà Nội hay Hoa Thịnh Đốn. Hơn nữa Hoa Kỳ cũng không nên gián tiếp giúp cho Cộng Sản chứng minh những lời tuyên truyền của họ, theo đó "chính quyền Sài Gòn chỉ là một chính quyền bù nhìn".

https://tieulun.hopto.org

Sự thực thì không phải chính phủ miền Nam không hiểu thế kẹt đó. Nhưng khi Hoa Kỳ tuyên bố sẵn sàng gặp gỡ đối phương, giá có phản đối chăng nữa thì càng khiến cho dư luận Hoa Kỳ chống đối thêm, và đổ tội là "hiếu chiến", "cản trở hòa bình", nên chính phủ đành phải chịu nhịn và đưa ra lời giải thích miễn cưỡng: đây chỉ là những sự tiếp xúc sơ khởi để thảo luận về thủ tục, chưa phải là đàm phán về thực chất. Âu cũng là một cảnh "ngậm bồ hòn", đắng miệng mà vẫn phải nói là ngọt.

Tình hình chính trị ở Hoa Kỳ càng ngày càng phức tạp. Cuộc chạy đua vào tòa Bạch Ốc đã vào giai đoạn quyết liệt. Về phía Dân Chủ, Tổng Thống Johnson đã khẳng định rõ rệt là ông không ra tranh cử nữa, vì vậy những ứng cử viên Dân Chủ khác như Phó Tổng Thống Humphrey và Thượng Nghị Sĩ Robert Kennedy đang vận động ráo riết. Còn về phía Cộng Hòa, người có hy vọng trở thành ứng cử viên của đảng, ông Nixon bắt đầu công kích chính sách của chính phủ. Và đối với cả hai phía, Dân Chủ cũng như Cộng Hòa, nóng bỏng nhất vẫn là vấn đề Việt Nam.

Trong hoàn cảnh đó, tôi nghĩ rằng giá có cả một bộ tham mưu ở Hoa Thịnh Đốn cũng chưa chắc đã theo dõi hết được những diễn biến của thời cuộc; thế mà ông Thiệu và ông Kỳ lại cử tôi kiêm nhiệm cả hai việc, vừa tiếp tục làm Đại Sứ ở Hoa Kỳ, vừa làm "Quan Sát Viên" theo dõi cuộc hòa đàm ở Ba Lê. Có lẽ hai ông quên rằng sức người có hạn và chỉ nghĩ rằng vì đã quen làm việc với những nhân vật Hoa Kỳ, tôi có thể theo dõi họ dễ dàng hơn người khác.

Dù sao, tôi vội trở lại Hoa Kỳ để kịp gặp hai nhà ngoại giao vừa được Tổng Thống Johnson cử ra lãnh đạo phái đoàn Hoa Kỳ: ông Averell Harriman và ông Cyus Vance. May mà vừa về đến Hoa Thịnh Đốn, tôi đã được tin là hai bạn lâu ngày của tôi là Wiliam Jorden và Philip Habib cũng sẽ tham gia phái đoàn.

Đối với tôi, ông Harriman, người có biệt danh là "con cá sấu già", không phải là xa lạ. Ông là một nhà ngoại giao kỳ cựu thuộc đảng Dân Chủ đã từng làm đại sứ ở Mạc Tư Khoa thời Thế Chiến II và Thống Đốc tiểu bang New York. Ngoài ra ông còn là một nhà triệu phú. Ngay lúc mới đến Hoa Thịnh Đốn, do sự giới thiệu của một vài người bạn, tôi đã tới thăm ông tại căn nhà đồ sộ của ông ở khu lịch sự Georgetown. Từ đó chúng tôi vẫn thường trao đổi ý kiến về vấn đề Việt Nam. Còn về ông Cyrus Vance thì tôi cũng có dịp gặp ông trong lúc ông còn làm Thứ Trưởng Quốc Phòng. Ông là người thông minh, lịch thiệp, một luật sư giàu kinh nghiệm, sinh ra dường như chỉ để tìm giải pháp cho những vấn đề khúc mắc trên trường quốc tế. Tôi mời

https://tieulun.hopto.org

ông đến dùng bữa trưa với tôi tại Sứ Quán Việt Nam trước khi ông lên đường đi Ba Lê. Ngày hôm đó, chúng tôi thỏa thuận về việc phối hợp hoạt động của hai chính phủ ở Ba Lê.

Vào đầu tháng 5 ở Ba Lê, tiết trời mùa xuân thật ấm áp và bầu trời cùng thật đẹp nhưng với một vai trò hết sức gượng gạo là "quan sát viên" chỉ được đặt ra với mục đích cho cảm tưởng là hai bên Mỹ Việt hợp tác chặt chẽ để có một lập trường chung. Khốn thay, sự giả tạo này chẳng che giấu nổi ai, và các giới quốc tế đều biết chỉ có Cộng Sản và Mỹ nói chuyện với nhau, không khác nào "cuộc chiến là của Hoa Kỳ" như các báo thường bảo.

Cũng may cho tôi, là đúng như dự đoán của những người hiểu biết Cộng Sản, phái đoàn Bắc Việt đến Ba Lê không phải là để tìm một giải pháp hòa bình, nhưng là để tuyên truyền, gây chia rẽ trong nội bộ Hoa Kỳ, và hoang mang cho người miền Nam, vì vậy lập trường của họ cứng nhắc một chiều, đòi hỏi những điều mà Hoa Kỳ không thể nào nhận được (như Hoa Kỳ phải nhận hết trách nhiệm, phải ngưng oanh tạc cả ở miền Bắc lẫn miền Nam, phải rút hết ngay quân về, v.v...). Chính thái độ và luận điệu tuyên truyền này đã vô tình giúp tôi có một cơ hội nói lên tiếng nói chính nghĩa của những người miền Nam tranh đấu cho tự do và dân chủ.



Tháng 7 năm 1968, tác giả cùng với phái đoàn Hoa Kỳ tại cuộc hòa đàm Ba Lê (Harriman và Vance) và Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ

https://tieulun.hopto.org

Trong những tuần lễ đầu của cuộc hòa đàm, về phía Bắc Việt thì tại những buổi họp ở khách sạn Majestic cũng như trong những buổi họp báo, những lời tuyên bố của họ chỉ là những cuộn băng tuyên truyền được phát thanh trở lại, mặc dầu Hoa Kỳ tỏ ra có một thái độ hết sức ôn hòa (Hoa Kỳ lúc nào cũng hy vọng có thể móc nối được với đối phương), vì vậy mà hai bên không đi đến một kết quả cụ thể nào. Tình trạng đó cho phép tôi có thời giờ thiết lập được văn phòng, vừa liên lạc với Sài Gòn để báo cáo về các diễn tiến, vừa làm việc với phái đoàn Hoa Kỳ. Mỗi tuần hai hoặc ba buổi (trước và sau buổi họp chính thức giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt) tôi họp với ông Harriman hay ông Vance để duyệt xét tình hình và trao đổi ý kiến. Nhưng chỉ ít lâu sau chúng tôi phải nhận rằng bàn hội đàm biến thành một trận tuyến để tranh thủ dư luận quốc tế. Luận điệu của Cộng Sản, nhắc đi nhắc lại như một chiếc máy hát cũ, trở nên nhàm tai đối với một số đông trong giới truyền thông. Họ cần có chuyện mới lạ, do đó mà tôi có dịp tốt nhảy vào chỗ trống. Thật là một "cơ hội bằng vàng", vì không dễ gì có được hàng trăm ký giả quốc tế tập trung tại một chỗ, cùng một lúc, nên tôi chuyển ngay những hoạt động của tôi sang mục tiêu giải thích cho họ, để làm sáng tỏ lập trường của miền Nam Việt Nam. Suốt ngày, từ sáng đến tối, ngoài những buổi họp với phái đoàn Hoa Kỳ và tiếp xúc với giới ngoại giao ở thủ đô Pháp, tôi dành thời giờ để trả lời những cuộc phỏng vấn của báo chí hay các đài truyền hình. Tôi đặc biệt để ý đến dư luận Pháp vốn chống Mỹ và thiên về phía đối phương. Cùng với giáo sư Nguyễn Quốc Định và luật sư Nguyễn Đắc Khê, chúng tôi tổ chức những buổi thảo luận với những cây viết kỳ cựu (như Roger Fontaine, Claude Julien của tờ báo thiên tả Le Monde, Roger Massif, Nicholas Chatelain và Max Clos, báo Le Figaro của giới bảo thủ Pháp). Về phần dư luận của những nước Âu Châu, thì tôi trả lời những phỏng vấn của tờ Times of London và một số tạp chí và đài truyền hình của Đức và Ý. Còn về phía dư luận Hoa Kỳ, mối quan tâm số một của tôi, thì ngày nào tôi cũng gặp những ký giả Hoa Kỳ như Stanley Karnow (sau là tác giả cuốn "Vietnam, A History"), Marvin Kalb, Peter Kalisher (của hai đài NBC và CBS), James Wilde, Jessie Cook (của hai tờ Time và Newsweek), và Takashi Oka (của tờ Christian Science Monitor).

Tuy gượng gạo như đã nói, vai trò quan sát viên của tôi vì thế lại lôi cuốn được sự chú ý của các cơ quan ngôn luận. Họ hỏi tôi: "Tại sao tôi lại chỉ là quan sát viên? Tại sao Hoa Kỳ lại thay mặt miền Nam Việt Nam ở bàn hội nghị?" Vì đã đoán trước được những câu hỏi này tôi trả lời ngay: "Mặc dù chúng tôi không tin là Bắc Việt thực

https://tieulun.hopto.org

sự muốn điều chỉnh để chấm dứt chiến tranh trong lúc này, chúng tôi không phản đối việc Hoa Kỳ tiếp xúc riêng với Bắc Việt vì đây chỉ là những tiếp xúc sơ khởi và chúng tôi không muốn cho dư luận quốc tế đổ tội cho chúng tôi là bức tường cản trở hòa bình. Vả lại chúng tôi cũng đã nói rõ với chính phủ Hoa Kỳ là chúng tôi dành toàn quyền quyết định về bất cứ một sự thỏa thuận nào liên quan đến tương lai của miền Nam Việt Nam và chúng tôi sẽ trực tiếp tham gia vào cuộc hòa đàm một khi những vấn đề thực chất được mang ra bàn cãi". Những nỗ lực của tôi tuy không thay đổi được tình trạng bế tắc của cuộc hòa đàm, nhưng cũng làm cho thế giới hiểu rõ hơn được vị trí và ý chí của miền Nam Việt Nam. Rồi vào đầu tháng 7, trong một cuộc họp báo ở Ba Lê, tôi đề nghị một cuộc hội đàm trực tiếp và tay đôi giữa Hà Nội và Sài Gòn. Lập luận của tôi hết sức đơn giản: cuộc chiến là giữa hai miền Nam, Bắc; nếu hai bên ngồi lại được với nhau thì sự có mặt của quân đội Hoa Kỳ ở Việt Nam sẽ không còn thành vấn đề nữa, vì chính phủ miền Nam cam đoan sẽ mời hết quân đội ngoại quốc rút khỏi Việt Nam, và vấn đề này chính phủ Việt Nam đã có sự thỏa thuận của Hoa Kỳ. Đây là một sáng kiến táo bạo mà có lẽ phái đoàn Hoa Kỳ cũng không mấy hoan nghênh (vì vậy tôi không thảo luận trước với phái đoàn Hoa Kỳ và chỉ thông báo). Tuy biết Hà Nội sẽ khước từ, tôi nghĩ rằng trong mọi trường hợp chính phủ miền Nam sẽ không mất mát gì, trái lại sẽ được thêm uy tín vì đã đóng vai chủ động để đẩy đối phương vào chỗ phải từ chối. Quả nhiên là họ từ chối. Một khi Hoa Kỳ đã bằng lòng ngồi nói chuyện tay đôi với họ, thì làm sao họ chịu nói chuyện thẳng với chính phủ miền Nam?



Họp báo tại Paris tháng 7 năm 1968
(giai đoạn đầu của cuộc hòa đàm Ba Lê)

https://tieulun.hopto.org

Vì Ba Lê là một địa bàn thuận tiện cho các hoạt động ngoại giao, tôi cũng dành một phần thời giờ vào làm việc tiếp xúc với Đại Sứ của những nước bạn, đặc biệt là những nước có quân tham chiến ở Việt Nam như Úc, Tân Tây Lan, Phi Luật Tân, Thái Lan và Nam Hàn. Ngoài ra, lại còn phải gây lại cảm tình với chính phủ sở tại, chính phủ Pháp. Từ nhiều năm, mối quan hệ bang giao giữa Pháp và Việt Nam Cộng Hòa không lấy gì làm tốt đẹp. Ba bốn năm về trước, dưới áp lực của những phong trào chống trung lập, các chính phủ quân nhân đã gần như cắt đứt quan hệ ngoại giao với Pháp vì Tổng Thống Pháp, tướng de Gaulle chủ trương trung lập hóa Đông Dương. Lúc tôi tới Ba Lê, thì đại diện của Việt Nam Cộng Hòa chỉ là một Xử Lý Thường Vụ tại tòa Tổng Lãnh Sự. Vấn đề gây lại cảm tình trong những điều kiện đó không phải là dễ vì ai cũng rõ bộ Ngoại Giao Pháp thiên hẳn về phía Hà Nội. Qua sự trung gian của một số bạn Pháp, tôi cũng phải đợi khá lâu mới gặp được ông Etienne Manach, Giám Đốc Á Châu Sự Vụ, một người nổi tiếng là chống Mỹ và thân với phái đoàn Bắc Việt. Trong những hoạt động này tôi được sự giúp đỡ tích cực của Đức Khâm Mạng, Đại Diện Tòa Thánh Vatican ở Ba Lê. Ông là người có liên lạc với khắp mọi phía và rất được kính trọng trong giới ngoại giao. Không hiểu có phải ông ưa sáng kiến nói chuyện trực tiếp với Hà Nội không, nhưng sau cuộc họp báo của tôi một vài hôm, thì ông nhắn tin muốn gặp tôi. Từ đó ông giúp tôi thật nhiều trong việc thăm dò dư luận của ngoại giao đoàn. Có lần ông đã hỏi tôi có muốn tiếp xúc với "phía bên kia" không, nhưng liền sau đó ông nói ngay là theo sự hiểu biết và những tin tức của ông thì Hà Nội đến Ba Lê chỉ để thử thách sự kiên nhẫn của Hoa Kỳ, do đó họ bác bỏ mọi đề nghị bất luận từ đâu đến và nhất là của Sài Gòn.

Một trong những sự bất ngờ (nhưng để lại cho tôi nhiều kỷ niệm khó quên nhất) là cuộc hòa đàm đã cho tôi dịp tiếp xúc với cộng đồng người Việt ở Pháp, và đặc biệt với các anh chị em sinh viên ở Ba Lê. Từ trước đến nay cộng đồng vẫn được tiếng là có ý thức chính trị cao và đã từng hậu thuẫn cho những phong trào tranh đấu giành độc lập cho Việt Nam, kể từ thời những nhà cách mạng Phan Chu Trinh, Nguyễn Thế Truyền vào đầu thế kỷ cho đến thời chiến tranh chống Pháp. Với tinh thần đó, dĩ nhiên là những hoạt động chính trị trong cộng đồng lúc nào cũng sôi nổi giữa nhiều khuynh hướng: Cộng Sản đệ tứ, đệ tam, Quốc Gia cực hữu, Bảo Hoàng, v.v... Khi có cuộc hòa đàm, nhiều người tỏ vẻ dè dặt đối với chính phủ Thiệu, Kỳ ở miền Nam. Điều đó tương đối cũng dễ hiểu, vì những thành phần trí thức trong cộng đồng cũng ít nhiều chịu ảnh hưởng của một số nhà

https://tieulun.hopto.org

văn thiên tả như André Gide, Jean Paul Sartre, v.v..., ngoài ra cũng phải kể đến ảnh hưởng của phong trào phản chiến đã lên án chế độ Thiệu, Kỳ là quân phiệt, bù nhìn của Mỹ.

Với tư cách đại diện của chính phủ Thiệu, Kỳ lúc đó ở Ba Lê, công việc của tôi thật không dễ dàng chút nào, tuy nhiên tôi vẫn nghĩ rằng ngoại trừ một số đoàn thể và phần tử đã thiên hẳn về phía Cộng Sản từ trước, phần đông Việt kiều là những người yêu nước, chỉ không hiểu rõ tình hình trong nước, vì vậy mà đối với họ, tôi có bổn phận phải trình bầy lập trường của chính phủ miền Nam và trả lời những thắc mắc của họ. Nhằm mục đích này, một số bạn của tôi ở Ba Lê tổ chức cho tôi một vài buổi họp để tôi có dịp gặp gỡ thân mật, và trao đổi ý kiến. Tôi nhớ nhất là buổi họp với các anh em trong Tổng Hội Sinh Viên Việt Nam ở Ba Lê. Tôi được biết là một số đông sinh viên, tuy có tinh thần quốc gia, nhưng có nhiều dè dặt đối với chính phủ miền Nam, nên sau khi trình bày quan điểm của chính phủ về cuộc hòa đàm, tôi nói rằng: "Tôi mời các anh em đến để có dịp trao đội ý kiến về một số vấn đề liên quan đến tương lai của đất nước. Tôi mong rằng các anh em hãy tạm thời quên tôi là một Đại Sứ của chính phủ Thiệu Kỳ, mà cũng coi tôi như là một sinh viên thuộc thế hệ trước, hôm nay ngồi nói chuyện với các anh em. Cách đây hơn hai mươi năm, tôi cũng ở trong tâm trạng của các anh em ngày hôm nay, nên có lẽ tôi cũng hiểu tại sao cac anh em có nhiều dè dặt đối với chính phủ. Người ta thường nói, ở trong chăn mới biết chăn có rận, tôi từng làm việc trong chính phủ nên tôi nhìn rõ thấy những vấn đề mà mọi người vẫn thường nói tới như tham nhũng, lệ thuộc Hoa Kỳ, v.v... Riêng cá nhân tôi, tôi cũng có nhiều điều không đồng ý với ông Thiệu hay ông Kỳ, nhưng vượt lên trên tất cả, là vấn đề tương lai của miền Nam, hay nói một cách cụ thể hơn, là tương lai của tất cả chúng ta. Tôi không mời các anh em đến để yêu cầu các anh em ký vào kiến nghị này hay kiến nghị khác, ủng hộ ông Thiệu hay ông Kỳ, nhưng để tìm một sự đoàn kết rộng rãi giữa những người quốc gia để có thể đối phó một cách hữu hiệu với Cộng Sản. Dầu rằng phía quốc gia có thiếu sót đến đâu chăng nữa, thì các anh cũng có cơ hội sửa sai, trong khi có thì về phía Cộng Sản các anh không có cơ hội nào cả. Ngoài ra nếu muốn sửa sai thì phải dấn thân, chấp nhận những sự khó khăn để dần tìm phương cách sửa đổi, chứ ngồi đợi để có được đầy đủ những điều kiện mong muốn rồi mới bắt tay vào làm việc, thì có lẽ cơ hội sẽ không bao giờ đến cả". Buổi họp hôm ấy với các anh em sinh viên kéo dài đến chiều, lúc đầu thì mọi người còn ngượng nghịu, nhưng dần dần trở nên cởi mở. Trong phần thảo luận, đủ mọi câu hỏi, đủ mọi

https://tieulun.hopto.org

ý kiến được đưa ra và đến lúc chia tay thì ai nấy đều thoải mái, có lẽ cũng vì những người có mặt hôm ấy cũng hiểu rõ được sự thành thật của tôi, khi tôi nhắc lại là tôi không yêu cầu các anh em phải ủng hộ chính phủ mà chỉ cần anh em dấn thân trên con đường tranh đấu và giữ được mối cảm thông giữa những người cũng đi chung một con đường. Riêng về phần tôi, tôi hứa với các anh em là trong phạm vi khả năng của tôi, tôi sẽ tìm kiếm phương tiện để giúp các anh em hoạt động trong tinh thần đó (2).

Trong suốt mùa hè năm 1968, ngày giờ, từ sáng đến tối, không còn là của tôi nữa. Một tuần lễ thì phải chia đôi, một nửa ở Hoa Thịnh Đốn, một nửa ở Ba Lê. Cứ đến chiều thứ hai thì bằng chuyến bay thường lệ của Air France tôi rời Hoa Thịnh Đốn để trở sang Pháp. Sau một vài giờ ngủ chập chờn trên máy bay, tôi tới Ba Lê vào buổi sáng thứ ba và bắt đầu làm việc ở trụ sở tạm thời: họp với phái đoàn Hoa Kỳ, trả lời những cuộc phỏng vấn tiếp xúc với các giới ngoại giao và tổ chức chính trị trong cộng đồng, liên lạc với Hoa Thịnh Đốn để theo dõi những biến chuyển ở Hoa Kỳ và sau đó thảo những mật điện để báo cáo về Sài Gòn. Rồi thời gian như vụt bay, thoáng một cái đã đến thứ sáu, tôi lại phải lấy chuyến bay thường lệ của TWA để trở về Hoa Thịnh Đốn làm việc với nhân viên Sứ Quán và tiếp xúc với chính giới Hoa Kỳ và theo kịp cuộc chạy đua vào tòa Bạch Ốc đang vào giai đoạn quyết định. Tôi đi về đều đặn như con thoi đến nỗi những chiêu đãi viên của hai hãng máy bay quen mặt, quen lệ, dành chỗ trước cho tôi. Thời sự sôi nổi khiến tôi quen cả mệt nhọc. Ở Hoa Kỳ thì những cuộc biểu tình chống chiến tranh ngày càng dữ dội, trong khi đó thì những ứng cử viên Tổng Thống lớn tiếng đả kích Tổng Thống Johnson, ấy là chưa kể những vụ ám sát làm chấn động dư luận, như vụ ám sát lãnh tụ da đen Martin Luther King và Thượng Nghị Sĩ Robert Kennedy, bào đệ của cố Tổng Thống John Kennedy. Còn ở Pháp thì ngay giữa Ba Lê, những vụ biểu tình và đốt phá của sinh viên Pháp đòi cải cách xã hội làm tê liệt của thủ đô. Vào những ngày cuối tháng năm 1968, sống ở Ba Lê, tôi có cảm tưởng như đang sống giữa một cuộc cách mạng. Giao thông luôn luôn bị ngưng trệ. Có lần máy bay của tôi từ Hoa Kỳ tới đã không đáp xuống được trường bay Orly và phải đậu xuống trường bay quân sự Brétigny, và trong một trường hợp khác muốn về Hoa Thịnh Đốn, tôi đã phải đi bằng đường bộ lên thủ đô Bỉ, Bruxelles rồi từ đó mới có máy bay về Hoa Kỳ. Tôi nhớ chuyến bay này vì ngày đó tôi phải trở về Hoa Kỳ dự đám tang Thượng Nghị Sĩ Robert Kennedy, rồi vài hôm sau, đi

https://tieulun.hopto.org

Nữu Ước để gặp ông Nixon, lúc này đã được đảng Cộng Hòa bầu ra tranh cử Tổng Thống.

---

(1) Chính những nhà văn này về sau đã thay đổi thái độ của họ đối với các chế độ Cộng Sản, trong đó phải kể nhà báo Jean Lacouture, người đã viết tiểu sử ông Hồ Chí Minh. Vào đầu thập niên 50 và 60, họ là những người có nhiều ảnh hưởng trong giới trí thức và người Pháp thường gọi là "les intellectucls de la rive Gauche".

(2) Nếu tôi không lầm thì trong số những người có mặt hôm đó các anh Lê Văn Đẳng (nay đã mất), Lê Văn Phúc, Nguyễn Xuân Nghĩa, Nguyễn Ngọc Danh, Huỳnh Hùng, Nguyễn Kim Cương, Bùi Ngọc Vũ, Nguyễn Gia Kiểng, Nguyễn Văn Lộc. Tất cả những người này đã thành danh không những trên địa hạt nghề nghiệp (gần như tất cả đều tốt nghiệp từ các trường lớn ở Pháp như Polytechnique, Ponts et Chaussées, Centrale, Hautes Etudes Commerciales, v.v...) mà còn là những thành phần rường cột của nhiều đoàn thể và khuynh hướng chính trị ở hải ngoại đang tranh đấu cho tự do và dân chủ. Đó là điều đáng mừng vì từ thế hệ này qua thế hệ khác, rõ rệt đã có sự liên tục trong chí hướng mặc dầu tang thương biến đổi, tình trạng lúc này (hơn một phần tư thế kỷ kể từ ngày có cuộc hòa đàm 1968) không còn như trước nữa.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 28
Đại Sứ Việt Nam Bị Cáo Buộc Là Xen Vào Chính Trị Nội Bộ Của Hoa Kỳ và Bị CIA và FBI Theo Dõi

Bầu không khí chính trị ở Hoa Kỳ trong mùa bầu cử Tổng Thống năm 1968 căng thẳng và nặng nề, khác hẳn với những kỳ bầu cử Tổng Thống trước. Tất cả những biến cố, dồn dập xảy ra từ đầu năm làm cho mọi người có cảm tưởng xã hội Hoa Kỳ đang trải qua một cuộc chuyển mình. Vào khoảng tháng 6 năm ấy, sau cái chết của ông Robert Kennedy, về phía Dân Chủ ai cũng tin rằng ứng cử viên Tổng Thống sẽ là đương kim Phó Tổng Thống Hubert Humphrey, còn về phía Cộng Hòa thì sẽ là cựu phó Tổng Thống Richard Nixon. Tôi được gặp ông Humphrey từ lúc ông còn làm Thượng Nghị Sĩ do sự giới thiệu của tướng Lansdale. Lúc đó tôi còn là một nhà báo viếng thăm Hoa Kỳ. Ông là một nhân vật có nhiều ảnh hưởng trong đảng Dân Chủ, có khuynh hướng cấp tiến nhưng tích cực ủng hộ lập trường của Việt Nam, vì vậy mà tôi luôn luôn giữ mối liên lạc với ông. Đến khi ông thành Phó Tổng Thống và tôi trở lại Hoa Kỳ làm Đại Sứ, thì mặc dầu trong chức vụ mới, ông thiếu thực quyền, ông vẫn tìm cách giúp đỡ những lúc tôi đến nhờ cậy ông. Nếu ông Johnson không bị hoàn cảnh buộc phải rút lui và ông Kennedy không bị ám sát, thì có lẽ cờ cũng không đến tay ông Humphrey và ông cũng không có được cơ hội trở thành ứng cử viên Tổng Thống. Nhưng ông lại bị đặt vào một trường hợp hết sức khó xử. Một mặt vì biết rõ là với phong trào phản chiến đang mạnh, ông không thể nào chủ trương theo đuổi chiến tranh, nhưng mặt khác vì đã là Phó Tổng Thống trong chính quyền Johnson, ông cũng không thể nào trắng trợn đi ngược hẳn lại chính sách của ông Johnson.

Ông Nixon thì tôi không quen biết nhiều. Lần đầu tiên tôi gặp ông là vào năm 1953. Năm ấy với tư cách là Phó Tổng Thống, ông tới thăm Việt Nam. Vì đang làm việc tại bộ Quốc Phòng, tôi phải theo ông khi ông đi thăm các tiểu đoàn khinh quân của Việt Nam. Về sau ở Hoa Thịnh Đốn, một đôi lần tôi cũng chạm trán với ông ở nhà một vài bạn Hoa Kỳ trong đảng Cộng Hòa. Ông là người có chủ trương chống Cộng rõ rệt, nhưng vào năm 1960 lúc ông ra tranh cử Tổng Thống với ông John F. Kennedy, tôi đã dành mối cảm tình của tôi cho ông Kennedy nhiều hơn là cho ông. Thái độ đó là của một người ngoài

https://tieulun.hopto.org

cuộc nay không còn phù hợp với tình thế khác của một người đã nhập cuộc như tôi, hơn nữa nhiều người trong đảng Dân Chủ đã bắt đầu thay đổi lập trường đối với vấn đề Việt Nam, do đó mà tôi cố tìm hiểu ông Nixon và nhìn ông với nhiều thiện cảm hơn trước. Đúng vào lúc đó một bạn tôi, bà Anna Chennault, gặp tôi và hỏi tại sao không gặp thẳng ông Nixon. Bà Chennault là quả phụ của một anh hùng trong không lực Hoa Kỳ, tướng Claire Chennault, người chỉ huy phi đoàn "Cọp Bay" (Flying Tigers") nổi tiếng ở Miến Điện trong thời Thế Chiến Thứ Hai. Sinh trưởng trong một gia đình Trung Hoa, sau khi lấy tướng Chennault, bà sang lập nghiệp ở Hoa Kỳ sau thời chiến và trở thành một người Mỹ gốc Á Châu được nhiều người trong chính giới Hoa Kỳ chú ý vì những hoạt động tích cực của bà, bênh vực lập trường của những người Trung Hoa chống Cộng (nhóm China Lobby). Bà có một người chị sống ở Việt Nam, ngoài ra hãng hàng không vận tải Flying Tigers cũng là hãng chuyên chở quân nhu và quân cụ cho quân đội Hoa Kỳ ở Việt Nam, vì vậy mà bà thường lui tới Sài Gòn. Tôi gặp bà lúc còn ở Sài Gòn do sự giới thiệu của ông Kỳ, và tôi thường hay hỏi bà về tình hình chính trị Hoa Kỳ. Sau này, khi tôi tới làm việc ở Hoa Thịnh Đốn, nối lại mối giao hảo đã có, bà giúp tôi trong việc tiếp xúc với những nhân vật Hoa Kỳ mà bà quen biết. Trong số những người bà giới thiệu cho tôi có hai yếu nhân trong giới chính trị ở Hoa Thịnh Đốn, ông Tom Corcoran và ông Everett Dirksen, lãnh tụ thiểu số thuộc đảng Cộng Hòa tại Thượng Viện. Về sau này hai ông giúp đỡ tôi rất nhiều trong việc liên lạc với cả hai đảng.

Vào cuối tháng 6 năm ấy, giữa lúc dư luận càng ngày càng sôi nổi vì thời gian tới ngày bầu cử chỉ còn có 5 tháng, một hôm nhân dịp một buổi cơm tối tại Câu Lạc Bộ Georgetown với bà Chennault và một số bạn trong giới chính trị ở Hoa Thịnh Đốn, trong số có ông Corcoran và Thượng Nghị Sĩ Cộng Hòa John Tower, bà Chennault lại nhắc câu hỏi mà bà đã đặt cho tôi từ mấy tuần trước, tại sao không tìm cách gặp ông Nixon. Bà cho biết là có thể dễ dàng thu xếp giúp tôi, vì bà vẫn thường làm việc với những người thân tín của ông Nixon. Bà Chennault cũng không nói rõ đấy là ý kiến riêng của bà hay của những người trong đảng Cộng Hòa, hoặc theo ý muốn của chính ông Nixon. Dầu sao, đề nghị ấy đối với tôi rất hấp dẫn. Trước khi có Đại Hội (Convention) vào cuối tháng 7 hay đầu tháng 8, cả hai đảng Dân Chủ và Cộng Hòa đều đang bàn luận và soạn thảo lập trường đối với Việt Nam, vì thế mà vào lúc này tôi luôn luôn cùng với các nhân viên Sứ Quán tiếp xúc với cả hai đảng để tìm cách hướng họ

https://tieulun.hopto.org

theo chiều có lợi cho Việt Nam, nay được dịp gặp ứng cử viên Tổng Thống Nixon, thì phải coi đó là dịp may mắn. Nhưng vấn đề không phải là không có những khía cạnh phức tạp và tế nhị, nên tôi phải cân nhắc lợi hại và không trả lời ngay bà Chennault. Tôi do dự vì cuộc tranh cử Tổng Thống đã bước vào giai đoạn gay go và vấn đề Việt Nam là đề tài chính của cuộc tranh luận về chính sách giữa hai đảng Cộng Hòa và Dân Chủ, hơn nữa tôi lại kiêm nhiệm cả chức vụ Quan Sát Viên tại hội nghị hòa đàm ở Ba Lê. Ở cương vị này, tôi biết rõ về cuộc điều đình, như vậy tất nhiên một cuộc gặp gỡ với ông Nixon có thể gây ra sự hiểu lầm. Người ta có thể nghi ngờ rằng tôi mưu toan vận động sau lưng đảng Dân Chủ, đưa tin cho ông Nixon để ông có thêm tài liệu chỉ trích chính phủ, làm lệch cán cân trong cuộc tranh cử. Và đó là điều tôi muốn tránh. Dầu sao chính phủ Johnson cho đến nay đã có một lập trường khá vững chắc về vấn đề Việt Nam, vả lại chắc đâu ông Nixon sẽ thắng cử? Nếu xử sự không khéo thì hại có thể nhiều hơn lợi và thiện cảm của những người trong đảng Dân Chủ đối với tôi sẽ không còn như trước nữa. Tôi suy nghĩ, đắn đo mãi nhưng sau cùng cũng không chống lại được sự cám dỗ. Tôi lập luận rằng tìm hiểu lập trường của hai ứng cử viên Tổng Thống Hoa Kỳ đối với vấn đề Việt Nam là bổn phận đương nhiên của một người ở vào địa vị tôi, một việc phải làm, do đó không cần phải thắc mắc. Vấn đề chỉ là phải xử sự làm sao cho khéo để tránh hiểu lầm. Tôi không thông báo cho chính phủ ở Sài Gòn biết ý định của tôi, để nếu cần thì chính phủ có thể phủ nhận việc tôi làm, rồi khiển trách hay triệu hồi. Và để tỏ vẻ không thiên lệch, tôi gặp ông Humphrey và nói chuyện trước với ông Bundy, vì sớm muộn thì đảng Dân Chủ và chính phủ Hoa Kỳ cũng biết. Sau đó tôi báo cho bà Chennault biết là tôi thuận nghe bà và yêu cầu bà thu xếp cho tôi gặp ông Nixon.

Vì bận rộn với công việc hàng ngày và vẫn phải đi về giữa Ba Lê và Hoa Thịnh Đốn, nên tôi cũng không nghĩ nhiều đến việc nhờ bà Chennault, nhưng đến đầu tháng 7, tôi vừa ở Pháp về thì được bà ta cho biết là ông Nixon mời tôi lên Nữu Ước gặp ông vào ngày 12 tháng 7. Cùng lúc đó, chính phủ Hoa Kỳ cũng sửa soạn một hội nghị thượng đỉnh Mỹ Việt vào hạ tuần tháng 7 tại Honolulu để duyệt lại tình hình chung. Hai ông Rostow và Bundy muốn gặp tôi gấp để cùng chuẩn bị cho buổi họp, đồng thời tôi cũng được tin là ông Thiệu muốn tôi trở về Sài Gòn để tham khảo ý kiến. Thời gian để sửa soạn mọi việc thật là ngắn ngủi, nên liền trong mấy ngày, tôi họp với hai ông Rostow và Bundy. Nhân dịp có cơ hội thuận tiện, tôi liền thông báo cho ông Bundy biết là tôi có dự định gặp ông Nixon trong một ngày

https://tieulun.hopto.org

gần tới. Ngoài tư cách Thứ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ, ông Bundy đối với tôi còn là một người bạn, do đó tôi thẳng thắn trình bầy với ông là tôi hiểu rõ khía cạnh tế nhị của vấn đề. Vì những diễn tiến tại cuộc hòa đàm có thể có ảnh hưởng đến cuộc tranh cử Tổng Thống, tôi sẽ tránh không đả động tới cuộc hòa đàm và nếu có trao đổi ý kiến với ông Nixon thì tôi chỉ nói về lập trường của Việt Nam đối với chiến cuộc. Ông Bundy tỏ ra thông cảm với tôi, và chỉ yêu cầu rằng nếu có gì đặc biệt thì cho ông biết.

Ngày 12 tháng 7, một ngày trước khi trở về Sài Gòn, tôi lên Nữu Ước gặp ông Nixon tại đại bản doanh Ủy Ban Vận Động Bầu Cử của ông, khách sạn Pierre (1). Tại phòng khánh tiết, tôi đã thấy bà Chennault đang chờ tôi. Chúng tôi cùng được đưa vào một phòng khách rộng lớn, tại đó đã có ông Nixon và một luật sư cố vấn của ông, ông John Mitchell. Từ trước tôi vẫn thường được nghe nói ông Nixon là người lạnh lùng, chỉ biết có chính trị, nhưng hôm ấy ông tỏ ra niềm nở. Sau những câu thăm hỏi thường lệ, ông yêu cầu tôi cho biết tình hình ở Việt Nam, đặc biệt là sau vụ tấn công vào dịp Tết Mậu Thân. Ông chăm chú nghe lời trình bày của tôi về tinh thần chiến đấu của quân đội Việt Nam và về nhu cầu trang bị các đơn vị Việt Nam đầy đủ hơn trước. Rồi từ tình hình quân sự, ông chuyển sang vấn đề chính trị. Ông hỏi cặn kẽ về sự tùy thuộc của Bắc Việt vào sự giúp đỡ của Liên Xô và Trung Quốc và về ảnh hưởng hay áp lực mà hai nước này có thể có được đối với Bắc Việt. Chúng tôi cũng đề cập đến những phong trào phản chiến. Về vấn đề này, vì ông có vẻ lo lắng về sự sốt ruột của dư luận Hoa Kỳ, tôi nói ngay là Việt Nam sẵn sàng gánh vác phần trách nhiệm của mình trong cuộc chiến, miễn là được huấn luyện và trang bị đầy đủ. Tôi nói thẳng với ông là theo chỗ tôi nhận xét thì quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam cũng không thể mãi mãi ở số nửa triệu người, do đó một chương trình huấn luyện cấp bách quân đội Việt Nam là một sự khẩn yếu. Ông Nixon trả lời ngay là ông đồng ý về điểm này (2).

Cuộc hội kiến kéo dài hơn một tiếng đồng hồ, sau đó ông nhờ tôi chuyển lời hỏi thăm ông Thiệu và cảm ơn tôi đã đáp lời mời của ông và đến gặp ông để trao đổi ý kiến. Trước khi chia tay, ông có nói thêm là văn phòng của ông sẽ giữ liên lạc với tôi qua sự trung gian của bà Chennault và ông Mitchell. Vì phải vội về Hoa Thịnh Đốn để ngày hôm sau trở về Việt Nam, tôi tạm xếp sang một bên vấn đề ông Nixon để nghĩ sang những chuyện khác cần hơn đang chờ tôi ở Sài Gòn.

https://tieulun.hopto.org

Tôi về tới Sài Gòn ngày 15 tháng 7, vừa kịp để cùng chính phủ thảo luận với hai ông Clifford và Bundy cũng từ Hoa Thịnh Đốn tới để sửa soạn cho buổi họp thượng đỉnh. Ở Sài Gòn, chưa thăm hỏi được ai, ngày 18 tôi lại phải lên đường cùng với ông Thiệu và phái đoàn Việt Nam đi Honolulu. Tuy vẫn là một buổi họp thượng đỉnh, nhưng lần họp này là lần thứ tư giữa hai nước, nên không còn tính cách đặc biệt như trước nữa, nếu còn thì chỉ bởi vì lần này là lần chót phía Việt Nam họp với ông Johnson trước khi ông rút lui khỏi chính trường. Ngoài ra về mọi mặt tình trạng không có gì thay đổi nhiều. Về phương diện quân sự, tình hình cũng tạm lắng, còn về những cuộc hòa đàm ở Ba Lê, tất cả đều là dậm chân tại chỗ như để chờ đợi kết quả của cuộc bầu cử sắp tới của Hoa Kỳ. Tuy nhiên buổi họp cũng có ích vì bản thông cáo chung sau buổi họp đã xác nhận lại sự ủng hộ của Hoa Kỳ đối với Việt Nam và sự quyết tâm của hai chính phủ trong việc mưu tìm một giải pháp hòa bình cho Việt Nam. Trong hai ngày họp, lần này tôi không thấy ông Johnson hăng hái như trước nữa và trên mặt ông hiện rõ vẻ buồn của một người đã vì vấn đề Việt Nam mà phải từ giã không những địa vị tột đỉnh của mình mà còn cả chính trường nữa.

Từ Hawaii trở về Hoa Thịnh Đốn sau hội nghị thượng đỉnh, tôi tưởng tượng rằng trong những ngày hè mọi sự sẽ đỡ dồn dập và tôi sẽ có được một vài ngày nghỉ ngơi. Nhưng không may cho tôi, một loạt tin đồn trong giới báo chí về cuộc hội đàm ở Ba Lê lại buộc tôi phải trở lại Pháp ngay để xem thực hư ra sao. Rồi nhịp đi đi về về giữa Ba Lê và Hoa Thịnh Đốn và một số thành phố lớn của Hoa Kỳ (những nơi mà tôi đã nhận đi nói chuyện) cứ như cũ mà tiếp tục trong suốt mùa hè cho tới lúc nhà tôi, vì sốt ruột, lo lắng cho sức khỏe của tôi, một hôm hỏi tôi rằng thực sự tôi có biết là tôi đang ở đâu và đang làm gì không? Lúc đó tôi mới sực tỉnh ra là tôi đã làm việc quá sức và không thể cứ chạy vòng nửa trái đất liên hồi thế được, cho nên tôi đành yêu cầu chính phủ cử người thay thế tôi ở Ba Lê, để tôi có thể dành ngày giờ theo dõi cuộc bầu cử ở Hoa Kỳ. May cho tôi, Sài Gòn chấp thuận và đến cuối tháng 8, thì chuyến bay cuối cùng của tôi tới Ba Lê mùa hè đó, chỉ là để giới thiệu Đại Sứ Phạm Đăng Lâm, người thay thế tôi, với ông Harriman và phái đoàn Hoa Kỳ.

Tôi trở về Hoa Kỳ vào đầu tháng 9. Lúc này cuộc tranh cử của hai ông Humphrey và Nixon đã bước vào giai đoạn quyết liệt. Hầu hết tất cả những tổ chức thăm dò dư luận đều cho rằng kết quả bầu cử sẽ rất ngang ngửa. Về phía đảng Cộng Hòa ông Nixon, có lợi thế hơn, vì ông đứng ở vị trí của một người đối lập với chính quyền, ngoài ra

https://tieulun.hopto.org

ông lại còn tuyên bố là ông có "một kế hoạch bí mật" để chấm dứt chiến tranh Việt Nam, một lời tuyên bố mập mờ nhưng cũng đủ sức hấp dẫn đối với những người muốn sớm có hòa bình. Còn về phía đảng Dân Chủ, Phó Tổng Thống Humphrey bị đặt vào một hoàn cảnh tương đối bất lợi, vì ông tỏ ra lúng túng, không dám đi ngược lại phong trào phản chiến đang lan rộng, lại không dám dứt khoát tách rời khỏi một quá khứ đã từng cùng với ông Johnson chủ trương can thiệp vào Việt Nam; ấy là chưa kể đến những vụ bạo động tại Đại Hội của đảng Dân Chủ ở Chicago hồi tháng 8 đã làm tổn thương nhiều uy tín của ông.

Càng vào những tuần cuối cùng trước ngày bầu cử đầu tháng 11, cuộc tranh luận đều xoay quanh vấn đề chiến cuộc. Vì vậy, tôi vẫn phải theo dõi và tìm cách bênh vực lập trường của Việt Nam. Tôi lại phải gặp nhiều người trong các giới chính trị, Thượng Nghị Sĩ, Dân Biểu, và các nhà báo. Ông Humphrey và những nhân vật trong đảng Dân Chủ khiến tôi thất vọng, vì chính những người này trước đây ủng hộ chính sách can thiệp vào Việt Nam bao nhiêu, thì nay lại tìm cách lảng ra bấy nhiêu. Bởi thế mà một phản ứng tự nhiên của tôi là bắt đầu ngả về phía đảng Cộng Hòa. Lúc này bà bạn Anna Chennault với tư cách là người đứng đầu Ủy Ban gây quỹ cho đảng Cộng Hòa, thường tổ chức những buổi tiếp tân trên căn lầu sang trọng của bà tại cao ốc Watergate, tôi chỉ cần tới đó là gặp đủ các khuôn mặt Cộng Hòa ở Hoa Thịnh Đốn, đặc biệt là những người trong giới thân cận với ông Nixon như Thượng Nghị Sĩ Tower, Dân Biểu George Bush, v.v…

Vào trung tuần tháng 10, nghĩa là chỉ độ hai tuần trước ngày bầu cử, nhiều cuộc thăm dò dư luận cho biết ông Humphrey đã gần bắt kịp ông Nixon và giữa hai ông chỉ là một chín một mười. Cũng vào khoảng thời gian này, ngày 16 tháng 10, ông Philip Habib, một thành viên chủ chốt của phái đoàn Hoa Kỳ tại cuộc hòa đàm Ba Lê trở về Hoa Thịnh Đốn và tới thăm tôi. Ông cho biết là Bắc Việt đang dò hỏi xem Hoa Kỳ có chịu ngưng oanh tạc Bắc Việt không, và tỏ ý sẵn lòng ưng thuận mở rộng hội nghị ở Ba Lê với sự tham gia của chính phủ Việt Nam ở Sài Gòn và của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Dĩ nhiên đây là một dấu hiệu tiến bộ, và chính phủ Hoa Kỳ đang cùng với chính phủ Việt Nam nghiên cứu vấn đề này. Vừa lúc đó tôi cũng được chính phủ Việt Nam cho biết là đang có cuộc thảo luận giữa ông Thiệu và Đại Sứ Bunker. Đây là một diễn tiến quan trọng, một hy vọng thoát khỏi bế tắc, với ảnh hưởng không ít vào cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ. Cả hai khía cạnh của vấn đề đều như bị ràng buộc và

https://tieulun.hopto.org

tạo ra một tình trạng phức tạp bao gồm cả chính trị nội bộ của Hoa Kỳ lẫn chính trị quốc tế. Đối với Hoa Kỳ thì điều đáng chú ý trước hết, là sự bất đồng ý kiến ngay giữa những người có trọng trách trong chính phủ. Tổng Thống Johnson và Ngoại Trưởng Rusk thì không muốn ngưng oanh tạc vô điều kiện, trái lại Bộ Trưởng Quốc Phòng Clifford thì cho rằng chấp nhận ngưng oanh tạc không thiệt hại gì, trong khi đó thì đại đa số trong đảng Dân Chủ chỉ nhìn vấn đề qua lăng kính của cuộc bầu cử, có lợi hay có hại cho ứng cử viên Humphrey. Về phương diện này, nhiều đảng viên Dân Chủ (kể cả ông Clifford) thường hay dị nghị rằng, có lẽ chính ông Johnson trong thâm tâm cũng không muốn thấy ông Humphrey thắng cử, cho nên tỏ ra do dự không muốn chấp nhận đề nghị ngưng oanh tạc của ông Harriman, trưởng phái đoàn hòa đàm tại Ba Lê, người vốn thù ghét cá nhân ông Nixon.

Về chính trị quốc tế, thì chắc chắn là cả Hà Nội và Mạc Tư Khoa đều cho rằng ông Nixon đã có một quá trình hoạt động chống Cộng rõ rệt, cho nên nếu họ có tìm cách gián tiếp giúp ông Humphrey thắng cử thì điều đó cũng chẳng có gì là lạ (3). Về phía đảng Cộng Hòa và Việt Nam, thì ông Nixon, người đang có ưu thế trong cuộc tranh cử, không muốn ngưng oanh tạc vì như thế có lợi cho đối thủ của ông là Humphrey; nhưng đồng thời ông cũng không thể ngăn cản những bước tiến có thể đưa tới hòa bình, vì đó là sự mong muốn của đại đa số cử tri Hoa Kỳ. Đối với chính phủ Việt Nam, sự có mặt của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam tại cuộc hòa đàm là một vấn đề nguyên tắc không dễ gì có thể nhượng bộ. Ngoài ra, còn phải cân nhắc xem trong hai ứng cử viên, Nixon và Humphrey, ai là người trong tương lai sẽ có thể giúp nhiều hơn cho cuộc chiến đấu của miền Nam.

Không khác gì một mê hồn trận! Và chính tôi lại là kẻ đang phải loay hoay giữa mê hồn trận này. Tôi xin lần lượt kể lại dưới đây diễn tiến của mọi việc trong ba tuần lễ, kể từ những ngày giữa tháng 10 cho đến ngày ông Nixon trở thành vị Tổng Thống đắc cử (President elect), ba tuần lễ đặc biệt gay cấn trong một giai đoạn hết sức xáo trộn của xã hội Hoa Kỳ.

Một ngày sau khi từ Ba Lê trở về Hoa Thịnh Đốn, ông Habib cho tôi biết về những diễn biến mới tại cuộc hòa đàm, tức là ngày 17 tháng 10, thì mật điện từ Sài Gòn cho tôi biết nội dung những cuộc thảo luận giữa ông Thiệu và đại sứ Bunker, đồng thời tôi cũng nhận được chỉ thị phải tới bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ và tòa Bạch Ốc để trình bầy với chính phủ Hoa Kỳ qua hai ông Bundy và Rostow những gì

https://tieulun.hopto.org

ông Thiệu đã nói với ông Bunker về những đề nghị mới của Bắc Việt. Quan điểm của Sài Gòn khá rõ rệt; sở dĩ Hà Nội hòa hoãn hơn trước, là vì họ cho rằng họ không mất mát gì, nếu chấp nhận đề nghị ngưng oanh tạc của Hoa Kỳ. Một mặt họ được một thời gian tạm yên, mặt khác họ được cơ hội đánh đòn tâm lý vào những phần tử chủ hòa tại Hoa Kỳ và trên thế giới, họ cũng có thể gián tiếp gây lợi thế cho ứng cử viên Humphrey, người mà họ cho là có lợi cho họ hơn ông Nixon; còn nếu họ ưng thuận sự có mặt của chính phủ Việt Nam, thì họ cũng được dịp đưa Mặt Trận Giải Phóng vào bàn hội nghị, và trong tương lai có nói chuyện thực chất không, lại là một vấn đề khác.

Thực ra, không phải Hoa Kỳ không thấy những điều đó, nhưng với một tâm trạng sốt ruột họ nghĩ rằng đã ngồi vào bàn hội nghị, thì trước sau cũng có cách đi đến thỏa hiệp. Riêng về điểm này, vì Hoa Kỳ hiểu rõ rằng không thể có thỏa hiệp nếu không có mặt của chính phủ Việt Nam, nên từ tháng 7, Hoa Kỳ đã liên lạc với Bắc Việt, và Bắc Việt đã đưa ra phản đề nghị là phải có thêm sự có mặt của Mặt Trận Giải Phóng. Phản đề nghị này dĩ nhiên gặp phải sự chống đối của chính phủ Việt Nam, do đó mà Hoa Kỳ đưa ra công thức "phe các anh, phe chúng tôi" ("your side, our side" formula) nghĩa là về phía các anh, các anh muốn đưa ai tới bàn hội nghị cũng được, và về phía chúng tôi cũng vậy.

Bị áp lực của Hoa Kỳ, ông Thiệu chấp nhận công thức đó vì ông tin rằng Bắc Việt chưa muốn thực sự điều đình, vả lại chấp nhận chỉ là trên nguyên tắc, còn thể thức và chi tiết thì phải bàn lại. Trước hết chính phủ Việt Nam không thể nào gián tiếp thừa nhận Mặt Trận Giải Phóng là một chính phủ hay một thực thể ngang hàng, và cũng không thể nào để Hoa Kỳ nhìn nhận Mặt Trận đó. Vì vậy mà trong những cuộc thảo luận giữa ông Thiệu và đại sứ Bunker cũng như trong những phần trình bầy của tôi với hai ông Bundy và Rostow ở Hoa Thịnh Đốn, vấn đề đã được đặt ra một cách rõ rệt. Chính phủ Việt Nam yêu cầu Hoa Kỳ cam kết là sẽ không coi sự có mặt của Mặt Trận tại bàn hội nghị, bất kỳ dưới một hình thức nào, như là một bước đầu để đưa tới sự thừa nhận Mặt Trận. Ngoài ra chính phủ Việt Nam cũng muốn có bảo đảm là rồi đây giữa Bắc Việt và miền Nam sẽ có cuộc điều đình trực tiếp về những vấn đề thực chất (direct and substantive talks).

Trong gần một tuần lễ, ngày nào cũng vậy, vừa thức giấc dậy là tôi đã nhận được những bức điện mật của chính phủ cho biết rõ những điều đã được thỏa thuận giữa ông Thiệu và ông Bunker, cùng với những chỉ thị phải thảo luận thêm về điều này hay điều khác với

https://tieulun.hopto.org

hai ông Bundy và Rostow. Lúc này, những tin tức về những biến chuyển mới tại cuộc hòa đàm đã lọt ra ngoài, và vì dư luận xôn xao bàn tán nhiều về ảnh hưởng của những biến chuyển đó đối với cuộc bầu cử Tổng Thống đang vào giai đoạn chót, nên từ sáng cho đến tối khuya, tôi bị báo chí và bạn bè trong cả hai đảng Dân Chủ và Cộng Hòa theo sát. Dĩ nhiên là tôi không thể nói với ai về những cuộc thảo luận đang tiếp tục ở cả Ba Lê, Sài Gòn và Hoa Thịnh Đốn. Nhưng vì theo dõi tình hình chung, tôi vẫn phải giữ liên lạc với mọi giới vì vậy mà ngoài một phần lớn thời giờ dành cho những cuộc thảo luận tại bộ Ngoại Giao và tòa Bạch Ốc, tôi vẫn thường phải tiếp xúc với các nhà báo và các giới chính trị vào buổi chiều, rồi ngồi tới tối khuya cùng với nhân viên Sứ Quán thảo những mật điện về Sài Gòn để báo cáo tổng kết về tình hình mỗi ngày. Quả thực thì trong giai đoạn này, mặc dầu tôi vẫn gặp những bạn Hoa Kỳ trong đảng Dân Chủ, nhưng vì càng ngày lập trường của họ càng xa lập trường của Việt Nam, nên qua trung gian bà Chennault tôi gặp những người trong đảng Cộng Hòa nhiều hơn. Số đông là những người gần gũi ông Nixon, như Thượng Nghị Sĩ Tower, người đứng đầu tiểu ban phụ trách những vấn đề chính trị của Ủy Ban Vận Động Bầu Cử.

Sau hơn 10 ngày điều đình vội vàng, liên tiếp và cùng một lúc ở cả ba nơi Ba Lê, Sài Gòn và Hoa Thịnh Đốn, tôi nhận được tin là giữa ông Thiệu và đại sứ Bunker đã có sự thỏa thuận trên nguyên tắc về một số điểm chính về việc ngưng oanh tạc. Ngày 29 tháng 10, chính phủ gửi cho tôi bản dự thảo thông cáo chung trong đó Hoa Kỳ cam kết sẽ không công nhận Mặt Trận Giải Phóng là một thực thể riêng biệt và bảo đảm Bắc Việt sẽ thảo luận trực tiếp với chính phủ Việt Nam. Bằng vào những lời cam kết và bảo đảm đó, ông Thiệu đồng ý cùng ký với Tổng Thống Johnson bản thông cáo chung đó loan báo ngưng oanh tạc để bắt đầu một giai đoạn mới trong cuộc hòa đàm. Bản thông cáo (qua bản thảo mà tôi nhận được) để trống ngày họp nhưng ghi rõ là cả hai phái đoàn Hoa Kỳ và Việt Nam sẽ tới dự buổi họp đầu tiên mở rộng.

Nhận được những tin tức trên đây, tôi thở phào nhẹ nhõm vì dẫu sao những cố gắng cực nhọc của hai chính phủ cũng mang lại kết quả khả quan. Ít nhất về bề ngoài, sự đoàn kết giữa Hoa Thịnh Đốn và Sài Gòn vẫn được giữ vững. Hôm ấy là ngày 29 tháng 10, vừa đúng một tuần lễ trước ngày bầu cử, và hầu hết những tổ chức thăm dò dư luận đều cho rằng từ ngày có tin về những diễn biến mới, càng ngày ông Humphrey càng bám sát ông Nixon trong cuộc chạy đua vào tòa Bạch Ốc. Tạm gác một bên mọi chuyện, tối hôm đó tôi đi ngủ sớm,

https://tieulun.hopto.org

yên trí sẽ được ngủ ngon, không ngờ rằng đến nửa đêm lại bị đánh thức.

Bốn giờ sáng ngày 30 tháng 10, nghe tiếng chuông điện thoại, tôi choàng dậy thì ở đầu dây, anh Hoàng Đức Nhã, bí thư của ông Thiệu, gọi từ Sài Gòn cho tôi biết là chính phủ đang xét lại việc ông Thiệu cùng ký với Tổng Thống Johnson vào bản thông cáo chung, như đã được thỏa thuận với ông Bunker. Lý do chính là từ Ba Lê, Đại Sứ Phạm Đăng Lâm cho biết là hai ông Harriman và Vance không bảo đảm được điều khoản Bắc Việt sẽ thực sự và trực tiếp đàm phán với Việt Nam vì "Hoa Kỳ không có cách nào bắt buộc được Bắc Việt làm việc đó". Được tin này, ông Thiệu đã triệu hồi ngay ông Lâm về nước để tham khảo ý kiến.

Sáng sớm hôm đó tôi còn đang băn khoăn suy nghĩ để tìm cách giải thích sự thay đổi thái độ đột ngột của ông Thiệu, thì Sài Gòn lại gửi cho tôi một bức điện vừa "thượng khẩn" vừa "tối mật" yêu cầu tôi tới bộ Ngoại Giao để hỏi lại về những điều ông Harriman đã nói với đại sứ Phạm Đăng Lâm. Vì hiểu rõ quyết định thay đổi thái độ vào giờ chót của ông Thiệu sẽ làm cho Hoa Kỳ bực bội, tôi tự nhủ trước khi đi gặp ông Bundy là phải chờ đợi những câu hỏi khó khăn và bầu không khí chắc chắn sẽ không dễ dàng, nhưng tới nơi thì tôi mới thấy là chuẩn bị tinh thần của tôi thực ra chưa đủ.

Trong số những nhân vật cao cấp của Hoa Kỳ có thẩm quyền về vấn đề Việt Nam, ông Bundy là người vẫn thường xuyên làm việc với tôi, ngoài ra chúng tôi còn coi nhau như bạn, thế mà sáng hôm đó khi tôi tới văn phòng ông, tôi có cảm tưởng như gặp một người chưa từng quen biết bao giờ. Ông không mời tôi ngồi như thường lệ, rồi từ bàn giấy ông đứng dậy và một cách cộc lốc, lạnh lùng nói với tôi rằng "giữa cuộc hòa đàm ở Ba Lê và cuộc bầu cử Tổng Thống, không có một liên hệ nào cả!" Ông quay hẳn mặt vào tường như để tránh không muốn đối diện với tôi, rồi nói một thôi một hồi những lời gì tôi cũng không hiểu rõ, ngoại trừ vài tiếng như "không thể chấp nhận được", "không thẳng thắn". Tôi còn đang ngạc nhiên, thì ông lại tiếp, nói gần nói xa, ám chỉ đến mối liên hệ của tôi với ứng cử viên Nixon. Vì ông nói một mình một lúc khá lâu, nên sau phút ngạc nhiên, tôi thấy có sự hiểu nhầm gì đây! Tôi chưa hiểu rõ là tại sao có sự hiểu nhầm, nhưng riêng về mối liên hệ của tôi với ông Nixon thì tôi nghĩ rằng, bạn hay không bạn, tôi cũng phải trả lời. Tôi nhắc rằng tôi đã báo ông trước khi đi gặp ông Nixon và trong câu chuyện với ông Nixon tôi đã giữ lời hứa không đả động gì đến cuộc hòa đàm ở Ba Lê. Tôi nhấn mạnh là không có gì ám muội trong việc tôi tới gặp ông Nixon và những

https://tieulun.hopto.org

liên lạc của tôi với hai đảng Cộng Hòa và Dân Chủ chỉ là những hoạt động bình thường của một Đại Sứ làm phận sự của mình, hơn nữa tôi tin là chưa hề làm điều gì có thể thương tổn đến mối giao hảo giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Bầu không khí thật nặng nề, nhưng rồi, nhờ sự bình tĩnh của chúng tôi, lại lắng dần, và chúng tôi trở về chuyện làm sao tìm cách gỡ rối được tình trạng gây ra bởi sự thay đổi thái độ vào phút chót của ông Thiệu.

Ở đây, trước khi tiếp tục kể lại về những diễn tiến những ngày đó, để độc giả có thể bắt đầu hiểu những khúc mắc của một tình trạng phức tạp mà chính người trong cuộc cũng không rõ, tôi phải nói ngay là mãi về sau này tôi mới được biết một phần câu chuyện. Lúc tôi gặp ông Bundy, tôi hoàn toàn không biết là sau ngày tôi gặp ông Nixon, Cơ Quan Tình Báo Trung Ương CIA và Cơ Quan Điều Tra Liên Bang FBI đã đặt máy nghe lén điện thoại của tôi tại Sứ Quán Việt Nam (họ tìm cách đặt máy từ tư thất của tôi nhưng không được) và ngay cả những mật điện của tôi gửi về Sài Gòn cũng bị những cơ quan an ninh Hoa Kỳ kiểm thị (những mật điện này được gửi bằng mật mã nhưng với kỹ thuật tân tiến của họ, việc đọc những điện mật bằng mật mã sơ sài của Việt Nam chắc không có gì khó khăn). Sở dĩ ông Bundy đã ám chỉ đến mối liên hệ của tôi với ông Nixon, là vì ông đã được những cơ quan tình báo cho biết về nội dung một số những mật điện của tôi. Ông không dám nói thẳng ra, vì không lẽ ông lại thú nhận rằng Hoa Kỳ đã làm những việc không đẹp đối với tòa Đại Sứ của một đồng minh. Những sự kiện trên đây đã được nhiều sách ghi rõ (coi phần chú thích).

Riêng tôi, vì muốn tìm hiểu sự thực và dựa vào một đạo luật của Hoa Kỳ (Freedom of Information Act) tôi đã yêu cầu xem hồ sơ của hai cơ quan CIA và FBI nhưng đã bị khước từ vì lý do "an ninh quốc gia". Thực ra thì chính phủ Hoa Kỳ không phủ nhận, nhưng cũng không muốn để cho người ngoài có chứng cớ là họ đã có thủ đoạn như trên.

Chính vì không hiểu rõ câu chuyện bắt nguồn từ đâu, tôi rất thắc mắc sau buổi họp với ông Bundy. Nhưng rồi mọi việc cứ dồn dập tràn tới, nên tôi không còn thời giờ để suy nghĩ. Suốt ngày hôm ấy, hết điện đàm với Sài Gòn thì lại đến những buổi họp vội vàng ở bộ Ngoại Giao và tòa Bạch Ốc. Rồi đến lúc những cố gắng vào phút cuối cùng không xong, ngày hôm sau 31 tháng 10, trong một bài diễn văn trên các đài truyền hình toàn quốc, ông Johnson một mình loan báo việc ngưng oanh tạc và việc mở rộng cuộc hòa đàm. Vì không có thông cáo chung nữa, ông chỉ nói rằng phái đoàn Việt Nam có toàn

https://tieulun.hopto.org

quyền đến dự cuộc hòa đàm và Mặt Trận Giải Phóng cũng được mời tham dự tuy rằng sự có mặt đó không có nghĩa là Hoa Kỳ nhìn nhận Mặt Trận. Về phía ông Thiệu, trong một bản tuyên bố riêng biệt, ông nói là Việt Nam không chống lại việc ngưng oanh tạc nhưng chưa dự định gửi phái đoàn tới bàn hội nghị. Đây là lần đầu tiên trong cuộc chiến, người ta thấy phơi bầy công khai sự rạn nứt, bất đồng ý kiến giữa Việt Nam và Hoa Kỳ.

Những việc kể trên xẩy ra trong khi Sứ Quán Việt Nam đang sửa soạn tiếp tân nhân dịp Quốc Khánh 1 tháng 11. Đây là dịp khoản đãi trọng thể nhất trong năm, nhưng đặc biệt hơn cả, buổi tiếp tân lại đến, đúng lúc giữa hai chính phủ Hoa Kỳ và Việt Nam đang có cuộc khủng hoảng. Hơn một ngàn quan khách được mời vào buổi chiều ngày mồng 1, gồm có Ngoại Giao Đoàn, các Thượng Nghị Sĩ và Dân Biểu của cả hai đảng Dân Chủ và Cộng Hòa, nhân viên cao cấp trong chính phủ, đại diện của giới truyền thông và những tổ chức chính trị tại Hoa Thịnh Đốn. Đáng chú ý tại buổi tiếp tân hôm ấy là sự hiện diện đông đảo của đại diện chính quyền: Ngoại Trưởng Rusk, Bộ Trưởng Quốc Phòng Clifford, hai ông Rostow, Bundy và hầu hết các tướng lãnh tại Ngũ Giác Đài, mọi người đều đến, như muốn chứng tỏ là sự rạn nứt Mỹ Việt chỉ là xích mích nhỏ trong gia đình. Còn về phía các nhà báo thì dĩ nhiên tình trạng càng gay cấn bao nhiêu, họ càng đến đông bấy nhiêu.

Ngày hôm đó là ngày cuối tuần của một tuần lễ đã quá đầy đủ với mọi chuyện dồn dập. Hết ngày này qua ngày khác, luôn luôn ở trong một tình trạng căng thẳng, lúc nào cũng như phải sẵn sàng để đối phó với những chuyện đột ngột, chưa bao giờ tôi thấy cần như lúc này một ngày thảnh thơi không phải nghĩ ngợi. Tuy nhiên những chuyện bất ngờ vẫn chưa chấm dứt.

Hôm sau, 2 tháng 11, một ngày thứ bẩy nắng ấm mặc dầu mùa đang lạnh. Chỉ còn ba hôm nữa đã đến ngày bầu cử Tổng Thống. Vừa mới sáng sớm nhân viên trực ở Sứ Quán đã gọi điện thoại cho tôi biết là có hai mật điện "thượng khẩn" của phủ Tổng Thống đang được chuyển từ mật mã sang. Tôi vội vàng lái xe đến Sứ Quán trên những con đường vắng vẻ của một thành phố vào ngày nghỉ, tự hỏi không biết có phải lại là một khủng hoảng mới nữa không? Cũng may là vừa đến, nhìn vào bức mật điện, tôi thấy ngay chỉ là một số chỉ thị cũ được nhắc lại. Tuy được giải thích cặn kẽ hơn, nhưng những chỉ thị này không giúp được gì hơn để dẹp bất đồng giữa hai chính phủ. Yên trí là không có gì quan trọng nữa, tôi ở lại văn phòng để giải quyết một số việc còn đọng, nhưng cũng không được ngồi yên vì hết điện

https://tieulun.hopto.org

thoại nơi này lại đến điện thoại nơi khác gọi. Một trong những người gọi là ký giả Saville Davis của tờ Christian Science Monitor. Ký giả này ngỏ ý muốn gặp tôi gấp về một việc "hết sức quan trọng" nhưng không tiện nói qua điện thoại. Sự thực thì hôm đó tôi không muốn gặp ai, nhưng vì Davis là một nhà báo đứng đắn tôi vẫn thường gặp, nên tôi đành phải nhận lời yêu cầu.

Ký giả Davis đến ngay Sứ Quán, chưa kịp nói năng gì nhiều đã đưa cho tôi coi một bản tin dài bằng Telex từ Sài Gòn của phóng viên Beverly Deepe gửi về tòa báo Christian Science Monitor. Theo nguồn tin của cô Deepe thì "Đại Sứ Bùi Diễm trong một bức điện mật gửi về Sài Gòn đã khuyến cáo Tổng Thống Thiệu không nên gửi phái đoàn đi dự cuộc hòa đàm ở Ba Lê". Trong bản tin, cô Deepe còn nói thêm rằng trong giới báo chí nhiều người đang bàn tán về một số tin đồn là đã có một sự thỏa thuận giữa ứng cử viên Nixon và chính phủ Sài Gòn, theo đó Sài Gòn sẽ tìm cách trì hoãn cuộc hòa đàm mở rộng, gây lợi thế cho ông Nixon trong cuộc bầu cử, để đổi lại lấy lời hứa của ông Nixon là sẽ ủng hộ lập trường của Việt Nam. Tất nhiên tôi hết sức sửng sốt khi đọc bản tin này, và nghĩ ngay đến những lời ám chỉ của ông Bundy khi tôi gặp ông mấy ngày trước. Tôi thắc mắc không hiểu những tin đồn đó từ đâu mà có, đặc biệt hơn nữa, tôi lại bị nêu đích danh là người trung gian trong cuộc. Tôi chưa kịp có phản ứng thì ký giả Davis đã hỏi ngay là tôi có thể xác nhận được những tin này không? Tôi suy nghĩ và nhận thấy ngay tính cách nghiêm trọng của vấn đề, vì xác nhận hay không xác nhận, một khi được tung ra, tin này dầu không có thật cũng sẽ là một vụ tai tiếng lớn khả dĩ ảnh hưởng mạnh đến cuộc bầu cử Tổng Thống. Và lúc đó người ta có thể đổ lỗi cho tôi là đã can thiệp vào việc nội bộ của Hoa Kỳ, hay là người ta có thể lên án ông Nixon đã có những hành động phá hoại hòa bình, một hành động "không thể chấp nhận được" như ông Bundy đã nói với tôi. Nhưng tôi trấn tĩnh lại được ngay, và trả lời ký giả Davis: "Tôi không thể xác nhận hoặc phủ nhận một điều gì. Tôi là đại diện của một quốc gia. Nhiệm vụ của tôi là tiếp xúc với mọi thành phần trong chính giới Hoa Kỳ, còn về những gì tôi trình bầy với ông Thiệu, thì điều đó hoàn toàn là giữa tôi và chính phủ Việt Nam và tôi thấy không cần phải có lời bình luận nào cả".

Ký giả Davis muốn hỏi thêm, nhưng có lẽ cũng hiểu là tôi không thể nói gì hơn, nên chần chừ một lát, rồi cám ơn và ra về, với vẻ phân vân không biết xử trí ra sao với trái bom nổ chậm còn cầm trong tay.

https://tieulun.hopto.org

Sau ngày hôm ấy, cả hai ngày liên tiếp, chủ nhật và thứ hai, mở mắt dậy, tôi đã tìm kiếm tờ Christian Science Monitor để xem có bài của Beverly Deepe không, nhưng không thấy. Là một tờ báo lớn đứng đắn, được tiếng là có tinh thần trách nhiệm, có lẽ họ không muốn mang trách nhiệm đăng những tin mà họ chưa chắc có đúng hay không, nhất là những tin đó có thể ảnh hưởng đến cuộc bầu cử.

Sau khi ký giả Davis ra về, vì bản tin của cô Beverly Deepe có nói rõ là tôi đã khuyến cáo ông Thiệu không nên gửi phái đoàn đi dự cuộc hòa đàm ở Ba Lê, tôi trở lại văn phòng và lục hồ sơ những bức điện mật mà tôi đã gửi hàng ngày về Sài Gòn hai tuần trước. Ngoài những bản báo cáo thông thường, tôi chỉ thấy có hai bức điện mật thực sự đáng để ý, một là bức điện mật ngày 23 tháng 10 trong đó tôi có viết: "Nhiều bạn trong đảng Cộng Hòa tiếp xúc với tôi và khuyến khích Việt Nam nên có thái độ vững chắc. Họ lo ngại vì có nhiều bản tin của các báo nói rằng Tổng Thống đã có thái độ mềm dẻo hơn trước" và hai là bức điện mật ngày 27 tháng 10 (2 ngày trước khi tôi nhận được tin từ Sài Gòn cho biết là đã có sự thỏa thuận giữa ông Thiệu và ông Bunker) trong đó tôi có nói là: "Tôi vẫn có liên lạc đều đặn với những giới thân cận ông Nixon" (tôi không cần ghi rõ tên, ông Thiệu cũng hiểu rõ là tôi vẫn giữ liên lạc với bà Chennault, ông John Mitchell và Thượng Nghị Sĩ Tower) (4).

Tôi vẫn thường cẩn thận, cân nhắc, ngay cả khi thảo những mật điện gửi về Việt Nam nhưng vẫn ngại rằng trong lúc vội vàng có thể viết những điều không nên viết trên giấy trắng mực đen. Lúc này tôi thấy cần coi lại, nhưng tuyệt nhiên không có đoạn nào nói là đã có một sự thỏa thuận nào đó với ông Nixon hay với người nào khác trong đảng Cộng Hòa, hơn nữa tôi không hề đả động đến việc gửi phái đoàn đi Ba Lê. Tuy nhiên tôi cũng phải nhìn nhận rằng những mật điện đó cho thấy rõ tôi thiên về phía đảng Cộng Hòa nhiều hơn, tiếp xúc nhiều hơn với những người trong đảng này, ngoài ra mật điện ngày 27 trong đó tôi có nói là vẫn liên lạc đều đặn với những giới thân cận ông Nixon có lẽ đã là nguồn gốc của sự hiểu nhầm. Trong bầu không khí căng thẳng trước ngày bầu cử, nếu có người đọc mật điện đó và suy luận tôi là người trung gian để tạo điều kiện thuận lợi cho ông Nixon thắng cử, thì điều đó cũng dễ hiểu.

Tôi nghĩ, ông Thiệu có nhiều lý do để từ chối gửi phái đoàn đi Ba Lê. Trước hết là những báo cáo của Đại Sứ Phạm Đăng Lâm về lập trường không rõ rệt của ông Harriman. Sau nữa, không lẽ ông Thiệu vui lòng thỏa thuận mọi chuyện với ông Bunker ngày 29 tháng 10, để ngày hôm sau chối bỏ sự thỏa thuận đó. Tuy nhiên vấn đề

https://tieulun.hopto.org

không đơn giản nữa, một khi quyết định của Việt Nam gửi hay không gửi phái đoàn đi Ba Lê đã trở thành một yếu tố có thể làm lệch cán cân trong cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ.

Riêng về cá nhân tôi, mặc dầu không tham dự vào một vụ "thỏa thuận" nào cả, tôi cũng hiểu rằng tôi ở trong một hoàn cảnh dễ gây hiểu lầm. Trường hợp của bà Chennault lại khác. Bà là một công dân Hoa Kỳ. Nếu bà không thận trọng thì những hoạt động của bà có thể bị coi là phạm pháp vì Hoa Kỳ có một đạo luật (Logan Neutrality Act) ngăn cấm công dân Hoa Kỳ không được toa rập với một chính phủ ngoại quốc trong những vụ tranh chấp giữa chính phủ đó và chính phủ Hoa Kỳ. Riêng về vấn đề này, thì một số người trong chính giới Hoa Kỳ rất thắc mắc về vai trò của bà, và ngay cả vai trò của ông Nixon nữa. Đâu là ranh giới giữa những nhận xét chính trị trao đổi một cách vô hại giữa những người bạn và những hoạt động không ngay thẳng hay phạm pháp có tính chất làm lợi cho ông Nixon trong cuộc tranh cử? (5)

Có một điều lúc đó ít được chú ý, là trong khi bà Chennault liên lạc với tôi ở Hoa Thịnh Đốn thì bà cũng luôn luôn đi về Đài Bắc và liên lạc với cả người anh của ông Thiệu, ông Nguyễn Văn Kiểu, làm Đại Sứ ở Đài Bắc. Dĩ nhiên đối với ông Thiệu thì chắc chắn ông Kiểu phải là người đáng tin cậy hơn tôi, và bà Chennault có nói gì với ông Kiểu thì cũng không ai được rõ. Trong giai đoạn phức tạp này, không ai khẳng định được một cách rõ rệt những tin tức nào đã chuyển cho những ai, có âm mưu thực sự không hay chỉ là những phản ứng tự nhiên của những người trong cuộc bị lôi cuốn vào cảnh tình ngay nhưng lý gian! Ông Nixon thực sự đã nói những gì với bà Chennault? Và ngoài những bức mật điện của tôi gửi về Sài Gòn, bà Chennault có qua ngả nào khác để chuyển tới ông Thiệu điều gì không?

Trong ba ngày liền trước cuộc bầu cử và sau bữa gặp ký giả Davis, tôi chăm chú theo dõi báo chí để xem nếu tờ Christian Science Monitor không đăng bản tin giật gân của cô Beverly Deepe thì có tờ nào khác đả động đến tin này không. Tôi mong cho thời gian qua nhanh để chóng đến ngày bầu cử vì một khi đã có kết quả cuộc bầu cử thì mọi chuyện cũng sẽ trở thành chuyện quá khứ. Sự thực thì điều làm tôi thắc mắc hơn cả là từ đâu mà phần nội dung của những mật điện của tôi bị thất thoát ra ngoài, nhưng thắc mắc bao nhiêu chăng nữa, thì cũng không thể nào ngờ được rằng cả hai cơ quan CIA và FBI đều được lệnh theo dõi những hoạt động của tôi. Ở một nước tự do dân chủ như Hoa Kỳ, không dễ gì có thể nghe lén được điện thoại

https://tieulun.hopto.org

của người khác, và chỉ trong trường hợp có liên hệ tới an ninh quốc gia, FBI mới có thể làm được việc đó, và ngay cả trong trường hợp này, cũng phải được Bộ Trưởng Tư Pháp (Attorney General) cho phép. Ngoài ra còn việc kiểm thính những mật điện, đối với Hoa Kỳ, Việt Nam là một quốc gia đồng minh chứ không phải là một nước thù địch, tại sao Hoa Kỳ lại cần phải làm một việc như vậy (Chính phủ Hoa Kỳ đem áp dụng những biện pháp này cho đến ngày 7 tháng 11, hai ngày sau cuộc bầu cử, mới bãi bỏ) (6).

Để độc giả có thể hiểu rõ thêm bối cảnh của vấn đề và đặc biệt hơn nữa, quan điểm của một người trong cuộc về phía chính phủ Hoa Kỳ và đảng Dân Chủ, tôi xin trích dịch thêm dưới đây một vài đoạn trong cuốn sách "Counsel To The President" của ông Clark Clifford, cựu Bộ Trưởng Quốc Phòng, xuất bản năm 1991 (Random House, New York).

Trang 581: "Vào khoảng thời gian ấy, cuối tháng 10, 1968, qua những cơ quan tình báo, chúng tôi khám phá được một âm mưu - quả thực không có danh từ nào khác - nhằm mục đích giúp Nixon thắng cử bằng cách can thiệp ngang xương vào cuộc hòa đàm. Trong lịch sự thường khi có những nhân vật nổi bật lên trong một giai đoạn, đóng vai trò quyết định của họ giữa những biến cố lịch sử, rồi lại lui về đời sống thường ngày của họ. Đó là trường hợp của hai người có vai trò then chốt đưa tới sự đắc cử của Nixon năm 1968: Bùi Diễm, Đại Sứ ở Hoa Thịnh Đốn của miền Nam Việt Nam và Anna Chennault, một người Hoa Kỳ gốc Hoa, quả phụ của tướng Claire Chennault thời Đệ Nhị Thế Chiến".

"Bà Chennault đưa Bùi Diễm lên gặp Nixon ở Nữu Ước và Bùi Diễm cũng có báo trước cho Bill Bundy ở Bộ Ngoại Giao về việc gặp gỡ này. Một Đại Sứ gặp một cựu Phó Tổng Thống thì điều đó không có gì là trái lẽ nên Bundy không đưa ra lời phản đối nào cả. Nhưng Bùi Diễm đã không nói cho Bundy biết là theo lời yêu cầu của Nixon, một đường dây bí mật đã được thiết lập để liên lạc với John Mitchell qua trung gian của Anna Chennault và John Tower. Ở Hoa Thịnh Đốn, có lẽ không người nào có được đầy đủ tin tức như Bùi Diễm, một người hòa nhã được cảm tình của nhiều giới. Ông ta được bộ Ngoại Giao cung cấp đầy đủ những tin tức về cuộc hòa đàm ở Ba Lê và chính phủ Sài Gòn cũng cho ta biết về những cuộc thảo luận giữa Thiệu và Bunker. Ngoài ra ông ta cũng có liên lạc mật thiết với nhiều nhân vật Hoa Kỳ như Thượng Nghị Sĩ, trưởng khối Cộng Hòa Everett Dirksen. Như vậy thì đối với Đại Sứ Diễm, đưa tin cho John Mitchell qua trung gian của Anna Chennault không phải là một điều

https://tieulun.hopto.org

khó khăn và quan trọng hơn cả, là ông lại có thể chuyển về Sài Gòn những lời khuyến cáo của phe Nixon…"

Dầu sao đi nữa, thì sau một ngày bỏ phiếu hồi hộp, kéo dài đến tảng sáng ngày hôm sau, tiểu bang IIIinois mới mang lại những phiếu cuối cùng định đoạt cuộc bầu cử. Ông Nixon được bầu làm Tổng Thống thứ 37 của Hoa Kỳ. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm như đã thoát được một giai đoạn chông gai và tự hỏi không biết trong trường hợp ông Humphrey đắc cử, thì có phải khăn gói về nước không?

Tôi cứ tưởng như thế là mọi chuyện sẽ tạm yên, không ngờ rằng những sự khó khăn vẫn còn đeo đuổi. Ngày 9 tháng 11, bốn ngày sau cuộc bầu cử, đang ngồi một mình làm việc ở văn phòng, tôi nghe có tiếng chuông tại cửa chính của Sứ Quán. Nghé cổ qua cửa sổ tôi thấy một ông già đứng co ro tránh gió đang nhận chuông. Vì là ngày thứ bẩy, ngày nghỉ của nhân viên, tôi chạy ra mở cửa để hỏi xem ông già muốn gì. Tôi giật mình khi nhận ra người nhận chuông không ai khác là Thượng Nghị Sĩ Everett Dirksen, lãnh tụ khối Cộng Hòa tại Thượng Viện. Tôi vội vàng mời ông vào. Ông xin lỗi ngay là đã đến một cách bất thần và nói rằng sở dĩ ông phải đích thân đến là có việc "tối quan trọng" cần phải cho tôi biết. Lên tới văn phòng của tôi ở trên lầu Sứ Quán, vừa an vị, bằng giọng khàn khàn quen thuộc, ông Dirksen nói ngay: "Tôi tới đây nhân danh hai vị Tổng Thống, Tổng Thống Johnson và Tổng Thống mới đắc cử Nixon". Tôi im lặng lắng nghe ông, kinh ngạc không hiểu chuyện gì mà quan trọng đến thế! Rồi ông Dirksen lại tiếp "Chính phủ Việt Nam phải gửi ngay một phái đoàn đi Ba Lê, nếu không thì quá trễ". Tôi chưa kịp hỏi ông tại sao thì ông đã cao giọng như để nhấn mạnh điều ông muốn nói: "Tôi có thể cam kết với ông rằng trong mọi trường hợp Hoa Kỳ sẽ không bao giờ nhìn nhận Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam là một thực thể riêng biệt (a separate entity) và Hoa Kỳ cũng không bao giờ dự trù một chính phủ liên hiệp giữa hai phe ở Việt Nam". Thượng Nghị Sĩ Dirksen là một người tôi rất kính nể vì đã giúp đỡ tôi nhiều trong quá khứ, ông lại đến thăm tôi vội vàng như vậy, nên tôi không còn nghi ngờ tính cách quan trọng của những lời ông nói. Tôi cảm tạ ông và hứa sẽ chuyển ngay chính phủ Việt Nam những gì ông vừa cho biết. Tôi tiễn ông ra về, trong bụng lo lắng không hiểu tại sao cả hai ông Johnson và Nixon lại cũng đặt nặng vấn đề như vậy, nhưng chưa kịp trở lại bàn giấy, thì chuông điện thoại lại reo. Ở đầu dây là ký giả Joseph Alsop muốn đến gặp tôi gấp. Ký giả Alsop là một người bạn tôi được biết từ thập niên 60, khi ông hay lui tới Sài Gòn và thường gặp bác sĩ Quát. Ông là một bình luận gia lão thành, nổi tiếng và từ

https://tieulun.hopto.org

ngày tôi tới Hoa Thịnh Đốn, ông là người khách rất quen của Sứ Quán Việt Nam. Ngoài ra, vì ông thích ăn thức ăn Việt Nam, nên tôi thành người cung cấp ớt và nước mắm cho ông. Vì nhà ông ở khu Georgetown ngay gần Sứ Quán, nên chỉ 10 phút sau ông đã tới và ngồi ngay vào ghế mà ông Dirksen vừa ngồi. Chưa hiểu ông tới thăm tôi với mục đích gì, tôi bắt đầu câu chuyện bằng cách hỏi cảm tưởng của ông về kết quả bầu cử. Ông ngắt ngang ngay lời tôi và nói: "Tổng Thống Thiệu của anh ở Sài Gòn đang chơi một trò chơi nguy hiểm (Your President, Mr Thieu, is playing a deadly game). Tối hôm qua tôi có gặp 'Ông Già' (the Old Man), ông ta hết sức tức giận". Mới đầu tôi không hiểu Ông Già là ai, nhưng định thần lại và nhớ đến những điều mà ông Dirksen vừa nói với tôi lúc trước, tôi hiểu ngay đó là Tổng Thống Johnson. Tôi hỏi thêm ông Alsop: "Có phải Ông Già yêu cầu anh đến gặp tôi không?". "Không hẳn là thế, nhưng tôi có gặp ông ta chiều hôm qua". Sự thể quá rõ ràng, tôi có hai người bạn mà ai cũng biết là ông Dirksen và ông Alsop, chính quyền đã chọn đúng hai sứ giả đó để đến nói với tôi những điều có lẽ không tiện nói thẳng với tôi (7).

Ông Alsop tỏ vẻ sốt ruột về những biến chuyển của tình thế, châm hết điếu thuốc lá này đến điếu thuốc lá khác và khuyên tôi nên trở về Sài Gòn ngay để nói chuyện với ông Thiệu. Buổi chiều hôm đó, bộ Ngoại Giao cũng gọi điện thoại đến để hỏi xem ông Dirksen đã tới thăm tôi chưa, và đề nghị đặt tại nhà riêng của tôi một đường dây điện thoại an toàn do Ngũ Giác Đài phụ trách, để nếu cần tôi có thể nói chuyện thẳng với phủ Tổng Thống ở Sài Gòn không phải qua Bưu Điện. Với tất cả những sự sắp xếp ấy tôi hiểu rõ là chính phủ Hoa Kỳ muốn làm áp lực để tôi đích thân trở về Việt Nam trình bầy mọi việc. Ngay tối hôm đó tôi nói chuyện (bằng máy điện thoại an toàn mới đặt) với ông Thiệu, kể rõ mọi việc và sáng chủ nhật, 10 tháng 11, tôi tới thăm ông Bundy để duyệt lại những vấn đề đang cần phải được giải quyết giữa hai chính phủ. Cả hai người, chúng tôi không đả động gì đến ông Nixon hay đến cuộc viếng thăm của ông Dirksen và chỉ bàn xem làm sao cho cuộc hòa đàm ở Ba Lê ra khỏi bế tắc.

Sáng sớm thứ hai, ngày 11 tháng 11, tôi lấy máy bay thẳng về Sài Gòn. Đây là lần đầu tiên trong bốn tuần lễ, tôi có được một chút thời giờ suy nghĩ và ôn lại những gì đã xẩy ra. Nhìn vào đại cuộc và tạm đặt sang một bên những chuyện Hoa Kỳ đổ lỗi cho Việt Nam, Việt Nam đổ lỗi cho Hoa Kỳ hay những dư luận gán cho tôi vai trò này, vai trò khác, tôi có linh tính, những chuyện lủng củng giữa hai chính phủ trong những tuần lễ trước cuộc bầu cử chính là những dấu

https://tieulun.hopto.org

hiệu báo trước, Việt Nam rồi đây sẽ còn gặp phải nhiều khó khăn. Một giai đoạn của cuộc chiến đã qua dưới thời chính phủ Johnson, và nay là một giai đoạn mới. Mặc dầu ông Nixon, người mới đắc cử Tổng Thống, tỏ ra chống Cộng và có thiện cảm với cuộc tranh đấu của những người chống Cộng ở miền Nam, nhưng với những bất trắc của thời cuộc, không phải là lúc nào quyền lợi của Việt Nam cũng đi đôi với quyền lợi của Hoa Kỳ. Và đó là điều mà tôi muốn nhấn mạnh với những người có trách nhiệm trong chính phủ.

---

(1) Về những gì đã xẩy ra trong giai đoạn này, cho đến nay đã có gần mười cuốn sách viết về vai trò của bà Chennault và cá nhân tôi trong việc tạo điều kiện cho ông Nixon đắc cử, trong số đó có thể kể những cuốn có nhiều chi tiết như "The Man Who Kept The Secrets" của Thomas Powers, "The Education of Anna Chennault" của Anna Chennault, "The Power Peddlers" của Warren Howe và Sarah Trutt, "Hoover's FBI" của DeLoach, và cuốn "Counsel To The President" của Bộ Trưởng Quốc Phòng Clark Clifford, người thay thế ông McNamara cuối năm 1967.

(2) Năm 1970, lúc chính sách của ông Nixon đã thành hình (Việt Nam hóa chiến tranh, và tìm một giải pháp điều đình cho chiến cuộc), ông Mitchell, Bộ Trưởng Tư Pháp và thân tín của ông Nixon kể lại cho tôi, là sau khi gặp tôi năm 1968, ông Nixon có nói với ông: "Nếu theo lời ông Đại Sứ, Việt Nam sẵn sàng đảm nhận thêm trách nhiệm, Hoa Kỳ nên sớm giúp họ để được rảnh tay hơn".

(3) Sau khi Lê Đức Thọ và Xuân Thủy gặp hai ông Harriman và Vance ở nhà một người trung gian ở ngoại ô Ba Lê vào cuối tháng 9 để ngỏ ý muốn Hoa Kỳ ngưng oanh tạc, thì Đại Sứ Nga ở Hoa Kỳ là Dobrynin tiếp xúc ngay với tòa Bạch Ốc để xác nhận với chính phủ Hoa Kỳ là Bắc Việt thực sự muốn thương quyết.

(4) Vì tiếng Việt có dấu, do đó chuyển sang mật mã mất nhiều thời giờ, nên tôi thường thảo những mật điện bằng tiếng Anh hay một đôi khi bằng tiếng Pháp. Tất cả những mật điện đó, hiện nay tôi còn giữ. Mật điện ngày 23 tháng 10, 1968, tôi viết nguyên văn như sau: "Many Republican friends have contacted me and encouraged us to stand firm. They were alarmed by press reports that you had already softened your position", còn mật điện ngày 27 tháng 10 thì nguyên văn như sau: "I am regularly in touch with the Nixon entourage".

(5) Vì cuộc hòa đàm ở Ba Lê có ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc bầu cử ở Hoa Kỳ, nên về sau này, nhiều người đặt câu hỏi: liệu ông Nixon có

https://tieulun.hopto.org

thể thắng cử được không, nếu ông bị tố giác là phá hoại hòa bình? Không ai trả lời được câu hỏi này, nhưng ai cũng rõ ông Nixon chỉ thắng ông Humphrey với một số phiếu chưa bằng một phần trăm tổng số phiếu trên toàn quốc, vì vậy mà một số người cho rằng trong một cuộc bầu cử ngang ngửa như vậy, thì chỉ cần "một chút thay đổi" cũng có thể đổi người thắng cuộc thành người thua cuộc hay ngược lại. Về vấn đề này, một bình luận gia nổi tiếng của Hoa Kỳ, William Safire (lúc trước đã viết diễn văn cho ông Nixon) đã có nhận định như sau trong cuốn sách của ông, "Before The Fall": "Nếu không có ông Thiệu thì có lẽ ông Nixon đã không trở thành Tổng Thống". Phải chăng quyết định của Việt Nam không cử phái đoàn đi dự cuộc hòa đàm tháng 11, 1968, đã là "một chút thay đổi" đó, giúp cho ông Nixon đắc cử?

(6) Trong cuốn sách "The Man Who Kept The Secrets" nói về cơ quan CIA, tác giả Thomas Powers viết về giai đoạn này như sau: "During the week which ended October 27, the National Security Agency intercepted a radio message from the South Vietnamese Embassy to Saigon explicitly urging Thieu to stand fast against an agreement until after the elections. As soon as Johnson learned of the cable, he ordered the FBI to place Madame Chennault under surveillance and to install a tap on the South Vietnamese Embassy".

(7) Ông Clifford còn viết thêm về giai đoạn này như sau: "Hoạt động của những người thuộc phe Nixon vượt quá giới hạn có thể chấp nhận. Đây là những hành động can thiệp trực tiếp vào quyền hạn của Tổng Thống, người độc nhất có quyền nhân danh Hoa Kỳ điều đình với một nước khác. Được biết về những hành động này, chúng tôi nghĩ rằng ông Thiệu chống lại những sự thỏa thuận ở Ba Lê vì đã được khuyến khích bởi những người trong đảng Cộng Hòa. Chúng tôi (Tổng Thống, Rusk, Rostow và tôi) không cho Humphrey biết, và bàn cãi với nhau xem phải đối phó thế nào với mưu mô ngăn trở cuộc điều đình này, nhưng chúng tôi ở vào một tình trạng thật khó xử; một mặt có chứng cớ là những người trong đảng Cộng Hòa xúi giục ông Thiệu trì hoãn cuộc điều đình, nhưng mặt khác những tin tức ấy lại do FBI, CIA và những cơ quan an ninh quốc gia khác lấy được bằng cách theo dõi Đại Sứ của một nước đồng minh, và một người công dân Hoa Kỳ, đó là những điều không tiện nói công khai. Rút cuộc, bằng một quyết định vừa có tính cách lịch sử vừa mang nhiều hậu quả đối với cuộc bầu cử, Tổng Thống Johnson không cho tiết lộ tin này".

https://tieulun.hopto.org

Chương 29
Tổng Thống Mới, Chính Sách Mới

Vừa về đến Sài Gòn, tôi được gặp ngay ông Thiệu và ông Kỳ. Để hai ông nhận thức được tầm quan trọng của những vấn đề cần được giải quyết, tôi thuật lại đầy đủ những việc đã xảy ra ở Hoa Thịnh Đốn trong những tuần lễ trước ngày bầu cử Tổng Thống, từ chuyện đụng độ với ông Bundy, bản tin của cô Beverly Deepe, cho đến cuộc viếng thăm khác thường của ông Dirksen "nhân danh hai ông Tổng Thống Johnson và Nixon" và những lời cảnh cáo của ông Alsop. Tôi nói rõ về những liên hệ phức tạp giữa cuộc hòa đàm ở Ba Lê và cuộc bầu cử ở Hoa Kỳ và những lý do khiến chính quyền Johnson và những người trong đảng Dân Chủ nghi ngờ là chính phủ Việt Nam đã cố tình kéo dài cuộc thảo luận về việc ngưng oanh tạc để làm lợi cho ông Nixon. Tôi cũng đặc biệt lưu ý hai ông là ngoài những chuyện lủng củng giữa hai chính phủ gây ra bởi hoàn cảnh đặc biệt của cuộc bầu cử, trên căn bản, giữa Hoa Kỳ và Việt Nam đã bắt đầu có những dị điểm về đường lối đối phó với Cộng Sản và chính những sự bất đồng ấy đáng phải lo ngại hơn cả.

Hôm sau, ông Thiệu triệu tập Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, và tại buổi họp yêu cầu tôi giải thích rõ về tình trạng bế tắc tại cuộc hòa đàm và bầu không khí chính trị ở Hoa Kỳ để Thủ Tướng Trần Văn Hương và Ngoại Trưởng Trần Chánh Thành cùng với những thành viên khác của Hội Đồng thấy rõ bối cảnh và tầm mức quan trọng của những vấn đề đòi hỏi giải quyết. Rồi theo lời mời của cụ Nguyễn Văn Huyền, Chủ Tịch Thượng Viện, hai hôm sau tôi tới điều trần tại Ủy Ban Ngoại Giao.

Làm xong bổn phận về phía Việt Nam, ngày 17 tháng 11, tôi tới thăm Đại Sứ Bunker để giúp nối lại cuộc thảo luận giữa hai chính phủ bị ngưng từ ba tuần trước. Rồi từ hôm đó, trong suốt 10 ngày cùng làm việc với bộ Ngoại Giao và tòa Đại Sứ Hoa Kỳ, chúng tôi đạt được thỏa thuận về một bản thông cáo chung được công bố ngày 27 tháng 11. Bản thông cáo này ghi nhận lời bảo đảm của Hoa Kỳ không nhìn nhận Mặt Trận Giải Phóng là một thực thể chính trị riêng biệt, đồng thời cũng loan tin Việt Nam sẽ gửi một phái đoàn tới cuộc hòa đàm Ba Lê. Trưởng phái đoàn sẽ là Đại Sứ Phạm Đăng Lâm và phái đoàn sẽ gồm có một số nhân sĩ miền Nam như luật sư Nguyễn Thị

https://tieulun.hopto.org

Vui, luật sư Vương Văn Bắc và cựu Bộ Trưởng Lao Động Nguyễn Xuân Phong. Và để tăng uy tín cho phái đoàn, Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ được giao phó trách nhiệm đi Ba Lê để theo dõi công việc của phái đoàn.

Với những kết quả trên đây, vụ bất hòa giữa hai chính phủ lắng dịu. Ai cũng hài lòng là Hoa Thịnh Đốn và Sài Gòn đã đạt được một thỏa hiệp để cuộc hòa đàm tiếp tục. Riêng tôi thì không lạc quan như vậy. Đã từng chịu đựng thử thách của những tuần trước ở Hoa Thịnh Đốn, tôi nhìn thấy rõ khoảng cách giữa quan điểm của Hoa Kỳ về cuộc chiến, và lập trường chống Cộng của chính phủ Việt Nam. Khoảng cách đó có thể mỗi ngày một rộng hơn nếu không mạnh dạn và thẳng thắn san bằng những mâu thuẫn đã chớm nở. Sự thay đổi lãnh đạo sau cuộc bầu cử ở Hoa Kỳ, chính là cơ hội thuận tiện để làm việc đó.

Tôi trình những ý kiến trên với ông Thiệu. Trong một buổi họp trước khi lên đường đi Ba Lê và trở về Hoa Kỳ, tôi thưa rằng: "Những lời tuyên bố của ông Nixon trong mùa bầu cử là ông có một kế hoạch để giải quyết vấn đề Việt Nam chỉ là để lấy phiếu của những người sốt ruột về trận chiến tranh Việt Nam. Lúc này mới chính là lúc ông và những người rồi đây sẽ tham gia vào chính phủ của ông, đang bàn soạn chính sách đối với Việt Nam. Vì vậy mà chúng ta phải trao đổi ý kiến với họ, và tìm cách ảnh hưởng vào việc hoạch định chính sách, nhược bằng để lỡ cơ hội thì một khi chính phủ Hoa Kỳ đã có quyết định, đi ngược lại không phải là một chuyện dễ". Ông Thiệu lắng nghe và tỏ vẻ đồng ý, nhưng cũng như bao nhiêu lần trước, tôi có cảm tưởng là ông nghĩ khác, cho rằng vấn đề còn xa xôi quá, chưa có gì phải vội, hãy để đó rồi sẽ tính sau…

Hôm sau, nhân một bữa cơm trưa chỉ có hai người, tôi nêu thẳng thắn vấn đề này với ông Bunker. Tôi muốn dò xét xem phía Hoa Kỳ có phản ứng gì không, nên nói với ông Bunker rằng để tránh những chuyện lủng củng giữa hai chính phủ chỉ làm lợi cho đối phương, thì phải thẳng thắn trao đổi ý kiến một cách sâu rộng về lập trường căn bản của mỗi bên và trù liệu ứng phó với những biến chuyển có thể xảy ra, chứ không thể đợi cho đến lúc nước đến chân mới tìm cách dung hợp quan điểm của hai bên. Là một nhà ngoại giao lão thành, có nhiều kinh nghiệm, ngoài ra lại là người có chân tình với dân tộc Việt Nam, ông Bunker hiểu ngay đề nghị của tôi. Cũng như tôi, nhiều khi ông bị đặt vào những hoàn cảnh khó xử, giữa những thái độ đối nghịch không thể dung hòa được. Ông khuyên tôi có thuyết phục ông Thiệu và hứa sẽ vận động về phía chính phủ Hoa Kỳ.

https://tieulun.hopto.org

Tôi ở lại Sài Gòn một ít ngày sau khi bản thông cáo của hai chính phủ được công bố. Lúc đó ông Kỳ sắp đi Ba Lê và muốn ở lại họp cùng với những nhân sĩ vừa mới nhận tham gia phái đoàn hoà đàm. Ngoài ra ông cũng nhờ tôi đi Ba Lê vài ngày trước để sửa soạn giúp ông những cuộc tiếp xúc đầu tiên với phái đoàn Hoa Kỳ Harriman-Vance và những giới chính trị ở Pháp. Tôi tới Ba Lê ngày 6 tháng 12, ba ngày trước ông Kỳ và phái đoàn Việt Nam.

Các phái đoàn hai phe đều đã tề tựu: một bên là chính phủ Hà Nội và Mặt Trận Giải Phóng, và một bên là Hoa Kỳ và chính phủ Việt Nam Cộng Hoà (theo công thức "phe của các anh và phe của chúng tôi"), thì lý ưng cuộc hoà đàm phải được bắt đầu ngay. Nhưng trên thực tế vấn đề không đơn giản. Trong số các phái đoàn, có lẽ chỉ có phái đoàn Hoa Kỳ sốt ruột muốn sớm có buổi họp, còn ba phái đoàn kia đều muốn chờ xem tình hình sẽ biến chuyển ra sao sau cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ. Do đó mà hội nghị dẫm chân tại chỗ từ những ngày đầu, và ngay cả những thủ tục với những chi tiết lặt vặt thông thường (như chỗ ngồi, bàn vuông, bàn dài hay bàn tròn, có trưng cờ hay không trưng cờ, ai nói trước, ai nói sau, v.v...) cũng không được giải quyết, làm cho phái đoàn Hoa Kỳ phải vất vả chạy ngược chạy xuôi, hết dàn xếp với bên này lại dàn xếp với bên kia. Hoa Kỳ cho rằng đó chỉ là những chuyện thứ yếu, trong khi đó thì đối với Hà Nội cũng như đối với Sài Gòn, tất cả là vấn đề nguyên tắc và nhượng bộ về nguyên tắc là những bộ tất cả. Tôi ở lại Ba Lê gần mười ngày mà cũng không giúp gì được vào việc khai thông bế tắc, nên đến ngày 16 tháng 12, lại trở về Hoa Thịnh Đốn.

Đối với đa số trong giới lãnh đạo miền Nam, sự đắc cử của ông Nixon là một biến cố có chiều hướng thuận lợi. Ngay từ lúc còn làm Phó Tổng Thống, ông đã nổi tiếng là người chống Cộng mạnh mẽ, vì vậy mà dư luận chung cho rằng nay ông thành Tổng Thống thì tương lai của miền Nam Việt Nam cũng được khá nhiều bảo đảm. Nhận định lạc quan sau này, tôi muốn có mà không thể. Hàng ngày phải va chạm với những thực tế chính trị Hoa Kỳ, tôi đã thấy dư luận đối với chiến tranh Việt Nam đã đổi chiều, và như vậy thì chính quyền nào, Dân Chủ hay Cộng Hoà, cũng phải liệu rút dần quân về và sớm chấm dứt chiến cuộc. Còn lại chỉ là vấn đề thể thức và thời gian. Trong mùa bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ, giữa ông Humphrey càng ngày càng chịu ảnh hưởng của phe chủ hoà, và ông Nixon với một quá khứ cổng Cộng khá tích cực, tôi không có sự lựa chọn và giả sử tôi có gián tiếp giúp ông Nixon thắng cử thì cũng là đương nhiên. Dẫu sao, tôi vẫn thấy là Hoa Kỳ sắp sửa "đi ra".

https://tieulun.hopto.org

Những cảm thức và nhận định trên đây, tôi gói ghém trong một bản phúc trình mật gửi về cho Tổng Thống Thiệu ngày 23 tháng 9, 1968 (hơn một tháng trước ngày bầu cử). Trong một vài đoạn của bản phúc trình tôi có viết nguyên văn như sau:

"... dư luận Hoa Kỳ mỗi ngày thêm sốt ruột về chiến tranh ở Việt Nam và muốn được thấy trận chiến tranh chấm dứt sớm ngày nào hay ngày ấy. Những nguyên nhân đưa đến tình trạng này rất phức tạp, nội tình Hoa Kỳ là một trong những nguyên nhân, lầm lỗi của Hoa Kỳ ở Việt Nam và thiếu sót của Việt Nam cũng là những nguyên nhân khác, nhưng dầu nguyên nhân nào chăng nữa thì dư luận Hoa Kỳ là một sự kiện rõ rệt cần phải được coi như một yếu tố chính chi phối chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam".

"... tình hình sau ngày bầu cử sẽ không đơn giản, và dầu là ông Nixon hay ông Humphrey thì ông nào cũng sẽ bị dư luận của dân chúng cũng như của Quốc Hội thôi thúc để sớm chấm dứt trận chiến ở Việt Nam. Chấm dứt bằng cách nào thì chưa ai biết nhưng chắc chắn là sẽ phải có cố gắng để chấm dứt và đồng thời với những cố gắng đó, chắc chắn sẽ phải có chương trình để dần dần rút quân về".

"... dầu là ông Nixon đắc cử hay ông Humphrey đắc cử, cục diện sẽ thay đổi nhiều và nếu không có biến chuyển gì đặc biệt trên trường quốc tế thì chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam chắc chắn sẽ chuyển sang chiều hướng sớm chấm dứt chiến tranh và dần dần rút bớt quân ở Việt Nam về".

Khi tôi từ Ba Lê trở về Hoa Thịnh Đốn, thì Tổng Thống đắc cử Nixon sắp đặt gần như xong chính phủ của ông. Một mặt tôi theo dõi xem trong số những nhân vật mới ai là người có ảnh hưởng và khuynh hướng đối với vấn đề Việt Nam ra sao; và mặt khác tôi cũng tìm hiểu xem có thật ông Nixon có một "kế hoạch bí mật" để chấm dứt chiến tranh không hay là như ông vẫn nói từ trước, đấy chỉ là những lời tuyên bố trong mùa bầu cử? Tôi nhờ bạn hữu trong các giới chính trị và ở các bộ, cơ quan như bộ Ngoại Giao, Ngũ Giác Đài dò hỏi thì ý kiến chung của mọi người là không có kế hoạch nào cả, và nếu có thì cũng chỉ là đường hướng của một chính sách đang còn ở giai đoạn nghiên cứu. Thực ra thì bằng trực giác tôi cũng đã nhận thức gần như vậy, cho nên khi trở về Sài Gòn hồi tháng 11, tôi đã cố gắng thuyết phục ông Thiệu phải tìm cách ảnh hưởng vào chính sách mới trong khi chính trị Hoa Kỳ còn đang ở giai đoạn chuyển tiếp từ ông Johnson sang ông Nixon. Việt Nam phải có sáng kiến để đóng góp vào việc hoạch định chính sách cũng như kế hoạch của chính phủ mới. Chưa chắc gì Hoa Kỳ đã nghe theo, nhưng ít nhất cũng không

https://tieulun.hopto.org

thể trách Việt Nam là không có ý kiến để đưa ra. Cứ phải thụ động nhắm mắt để tùy Hoa Kỳ tất cả, là tai hoạ phải cố tránh.

Mặc dầu vẫn ngại ngùng là những ý kiến của thôi chỉ là của một kẻ chịu ảnh hưởng của những biến chuyển ngay trước mắt, ngày 13 tháng 1, 1969, một tuần trước khi Tổng Thống Nixon bắt đầu nhiệm kỳ của ông, tôi lại gửi về cho Tổng Thống Thiệu một bản phúc trình đầy đủ về tình hình mới kèm theo với những đề nghị của tôi. Trong một vài đoạn của tờ phúc trình này tôi viết nguyên văn như sau (1):

"... như đã có dịp nhiều lần trước đây tường trình cùng Tổng Thống, chúng tôi thiển nghĩ rằng cho đến nay Hoa Kỳ đã có rất nhiều lầm lỗi trong chính sách ở Việt Nam, nhưng nếu thẳng thắn công nhận thì chúng ta cũng có nhiều lỗi lầm. Những năm trước đây, do tình trạng chính trị không được ổn định, xã hội phân hoá, do những vấn đề cấp bách của chiến tranh thúc đẩy, chúng ta đã để cho người Hoa Kỳ (vì sốt ruột, vì không hiểu tâm lý người Việt Nam) có những quyết định vội vàng ảnh hưởng không ít đến tình trạng ngày nay. Lúc này chính phủ Nixon sắp nhậm chức và lại chưa hoàn toàn quyết định một chính sách rõ rệt về vấn đề Việt Nam, chúng tôi thiển nghĩ không có dịp nào tốt hơn là dịp này để chúng ta có sáng kiến và thảo luận với chính phủ mới về một chính sách có lợi cho chúng ta. Nếu đặt giả thuyết là chúng ta chờ đợi chính phủ Hoa Kỳ có thái độ rõ rệt thì chúng tôi cho rằng bộ máy Hoa Kỳ là một bộ máy hết sức nặng nề, một khi bộ máy nó đã chuyển động và chuyển vào giai đoạn thực thi những quyết định thì e rằng nếu những quyết định đó không có lợi cho Việt Nam, sửa lại những quyết định đó không phải là chuyện dễ.

"...1) Trong khi chính sách Hoa Kỳ chưa hoàn toàn được định, Tổng Thống nên cho cứu xét toàn diện lại tình trạng quân sự, ngoại giao, chính trị và kinh tế để tiến tới một hệ thống đề nghị hợp lý, rõ rệt bao gồm tất cả những phần nói trên, nhằm giải quyết vấn đề chiến tranh.

"...2) Trong một thời gian ngắn (trung tuần tháng 2 là cùng) sau khi những đề nghị đã được hoàn thành và không chờ đợi người Hoa Kỳ, yêu cầu chính phủ Hoa Kỳ thảo luận với chính phủ ta về những đề nghị đó. Kinh nghiệm đã cho thấy rằng trong trận chiến tranh hiện tại và trong giai đoạn qua, vị trí của Hoa Kỳ và Việt Nam đã có nhiều điểm giống nhau, thế mà những sự sai lầm tai hại không phải là ít. Trong giai đoạn tới, quyền lợi hai nước chưa chắc đã đi đôi, nếu chúng ta không thẳng thắn nói rõ những quan điểm thiết yếu của dân tộc, e rằng sẽ có những khó khăn lớn về sau.

https://tieulun.hopto.org

"...3) Đồng thời với việc thảo luận cùng chính phủ Hoa Kỳ về những đề nghị của chúng ta, chính phủ nên sắp đặt một chương trình khéo léo nhằm vào dư luận Hoa Kỳ và thế giới để chứng tỏ là chúng ta có thiện chí tối đa tại cuộc hoà đàm ở Ba Lê cũng như trong phần vụ cáng đáng lấy trách nhiệm trong cuộc chiến".

Rồi tới vấn đề rút quân và ngoại giao tôi cũng viết:

"... về vấn đề rút quân của Hoa Kỳ hiện nay chúng tôi không biết rõ Hoa kỳ sẽ rút bao nhiêu, trong khoảng thời gian nào và trong những điều kiện nào, nhưng chắc chắn là không thể tránh né được vấn đề này và sớm hay muộn thì chính phủ Hoa Kỳ cũng phải có quyết định, vì vậy mà chúng ta nên có sáng kiến trước. Làm như vậy chúng ta có thể gây được ảnh hưởng tốt trong dư luận, một yếu tố đáng kể nhất trong một nước dân chủ như Hoa Kỳ. Sau khi đã nghiên cứu kỹ càng vấn đề và kết luận rằng có thể đồng ý để một số quân đội Hoa Kỳ rút theo một lịch trình nào đó, chính phủ ta nên công khai hoá vấn đề, đừng để cho Hoa Kỳ nói trước vì lúc đó dư luận Hoa Kỳ và thế giới sẽ có cảm tưởng là chúng ta bị dồn ép vào thế bắt buộc phải nhận. Chúng tôi nghĩ là với tình trạng dư luận Hoa Kỳ hiện tại (nghi ngờ thiện chí của Việt Nam) chỉ có những quyết định lớn như vậy mới dành lại được cảm tình.

"... về vấn đề điều đình tại Ba Lê cũng vậy, chúng tôi nghĩ rằng chỉ trừ một vài giới có những chủ trương cực đoan muốn chấm dứt chiến tranh bằng đủ mọi giá, mọi cách, phần đông dư luận vẫn còn có thể ủng hộ chúng ta nếu họ thấy rõ rằng về mặt quân sự Hoa Kỳ có hy vọng rút dần quân về và về mặt ngoại giao chúng ta có những đề nghị hợp lý".

Và để kết luận bản phúc trình, tôi viết:

"... những giới chính trị ở Hoa Kỳ lúc này cho rằng đối với vấn đề Việt Nam, ông Nixon cần phải có thời gian và kiên nhẫn. Từ lúc đắc cử, qua thái độ của ông trong việc bổ nhiệm những nhân vật rồi đây sẽ nhận trách nhiệm trong vấn đề này, các giới chính trị cho rằng ông đủ kiên nhẫn nhưng còn thời gian thì ông chỉ có một thời gian hết sức ngắn. Thời gian này tùy thuộc vào dư luận Hoa Kỳ và có ảnh hưởng được dư luận hay không điều đó cũng tùy thuộc một phần vào Việt Nam.

"Với tình trạng trên để kết luận, chúng tôi một lần nữa trân trọng đệ trình lên Tổng Thống và chính phủ ý kiến rằng hơn lúc nào hết, lúc này là lúc Việt Nam cần phải xiết chặt hàng ngũ, chỉnh đốn nội bộ để có thể có những sáng kiến và đề nghị đưa ra thảo luận với chính phủ Hoa Kỳ. Chưa chắc chúng ta có thể thuyết phục được Hoa

https://tieulun.hopto.org

Kỳ về mọi vấn đề nhưng ít nhất chúng ta cũng có thể làm giảm bớt được tình trạng lủng củng hiện tại và ngăn ngừa trường hợp bị xô đẩy vào những tình trạng khó khăn, bất lợi cho quyền lợi của đất nước".

Tôi gửi bản phúc trình trên đây hy vọng rằng sẽ được chỉ thị của chính phủ theo chiều hướng những đề nghị của tôi nhưng tuyệt nhiên không thấy Sài Gòn có phản ứng gì.

Tôi thắc mắc vì nghĩ rằng chính nghĩa của miền Nam trước đây đã phần nào bị lu mờ bởi sự can thiệp ồ ạt của Hoa Kỳ, nay là lúc làm sáng tỏ trở lại chính nghĩa đó. Tôi không tin là Việt Nam hoàn toàn bất lực không ảnh hưởng được người Hoa Kỳ. Trước sau thì họ cũng "đi ra", nếu những quan điểm chính đáng của Việt Nam có thể giúp cho họ "đi ra", một cách êm đẹp, gọn gàng, không mất mặt với thế giới, thì không có lý gì họ không nghe theo. Còn trong trường hợp họ không đồng ý với Việt Nam, thì ít nhất chúng ta cũng biết trước để đề phòng những sự bất trắc của tương lai. Làm được như vậy, chính phủ sẽ chứng tỏ là Việt Nam tranh đấu cho tự do với sự trợ giúp của Hoa Kỳ chứ không phải là bù nhìn của Hoa Kỳ. Đó là điều không thể chối cãi và đó cũng là căn bản chính nghĩa của tất cả những người quốc gia Việt Nam.

Nhưng hy vọng là một chuyện, còn phản ứng của chính phủ lại là chuyện khác. Chờ đợi gần một tuần không thấy có chỉ thị gì, tôi đành hiểu là chính phủ ngần ngại, tránh né, không muốn đặt thẳng những vấn đề khó khăn với Hoa Kỳ.

Tại Hoa Thịnh Đốn, trong lúc mọi người đang nhộn nhịp sửa soạn lễ nhậm chức của Thống Thống thứ 37, thì tôi nhận được tin từ Ba Lê là việc cần bàn cãi về những vấn đề thủ tục đã kết thúc và cuộc hoà đàm mở rộng sẽ bắt đầu lại với sự tham gia của Việt Nam Cộng Hoà và Mặt Trận Giải Phóng. Hai ông Harriman và Vance chắc chắn sẽ không còn ở lại với phái đoàn Hoa Kỳ, song ông Wiliam Rogers, người sắp thay thế Ngoại Trưởng Dean Rusk, yêu cầu tôi chuyển lời khuyên chính phủ Việt Nam đừng nên vì sự thay đổi lãnh đạo Hoa Kỳ mà tìm cách trì hoãn việc hoà đàm. Qua điện thoại, ông cho tôi biết là ông hoàn toàn đồng ý với Ngoại Trưởng Rusk về những chỉ thị đã gửi cho Đại Sứ Bunker về vấn đề này. Ông cũng ngỏ ý mong sẽ sớm gặp tôi ngay sau khi ông Nixon tuyên thệ, để có dịp hiểu biết thêm về quan điểm của Việt Nam.

Thực ra thì trong bầu không khí bận rộn và náo nhiệt của những ngày ấy, cuộc hoà đàm chỉ là mối quan tâm thứ yếu của chính giới. Những viên chức thuộc đảng Dân Chủ thất cử thì bùi ngùi sửa soạn ra đi, để nhường chỗ cho những người thắng cử trong đảng Cộng

https://tieulun.hopto.org

Hoà đang hăm hở chờ ngày lên thay. Thật là một cảnh tượng của buổi giao thời, buồn vui lẫn lộn, đánh dấu sự chuyển tiếp từ một chính quyền Dân Chủ sang một chính quyền Cộng Hoà.

Cứ bốn năm một lần, ngày 21 tháng 1 là ngày tuyên thệ nhậm chức của vị Tổng Thống mới được bầu lên (hoặc được bầu lại), một ngày trọng đại trong sinh hoạt chính trị của Hoa Kỳ. Trong gần một tuần lễ, cùng với những Đại Sứ khác trong ngoại giao đoàn, tôi đi từ dạ hội này đến tiếp tân khác, nhưng nếu bỏ ra ngoài hội hè với tiệc tùng, thì phải nhìn nhận là Hoa Kỳ quả có truyền thống dân chủ và việc chuyển giao quyền hành trong vòng trật tự từ những người cũ sang những người mới chứng tỏ sự trưởng thành của chế độ dân chủ và tính cách liên tục của chính quyền Hoa Kỳ.

Song tôi không khỏi bâng khuâng khi nghĩ đến những bạn ra đi. Mới hôm qua, ông Johnson còn là Tổng Thống một đại cường quốc, uy quyền tột đỉnh, thế mà hôm nay, trong ngày lễ náo nhiệt tưng bừng, ông lặng lẽ lên đường về trang trại của ông, không một người đưa tiễn.

Cảnh trước mắt lại khiến tôi lo lắng nghĩ đến lịch sử cận đại. Năm 1950, Hoa Kỳ tham chiến ở Cao Ly khi có một Tổng Thống thuộc đảng Dân Chủ (ông Truman), nhưng đến năm 1953 lại hoà với Cộng Sản Bắc Cao khi ông Eisenhower thuộc đảng Cộng Hoà lên cầm quyền. Trường hợp trên sẽ lại xảy ra chăng, nay ông Nixon (Cộng Hoà) thay thế ông Johnson (Dân Chủ)? Và nếu thế, thì hoà bình sẽ trở lại trong những điều kiện nào? Hết khỏi lửa thì Nam Hàn vẫn đứng vững để rồi phát triển, và Mỹ góp phần phòng thủ. Liệu Việt Nam Cộng Hoà có được như vậy không? Hay là Mỹ sẽ rút quân rồi bỏ mặc?

Để làm quen với chính quyền mới, ngay sau ngày khánh thành, tôi đã tiếp xúc với những nhân vật vừa mới được bổ nhiệm vào những chức vụ then chốt trong chính phủ. Luôn tiện tôi cũng muốn gây tín nhiệm cần thiết cho việc giao dịch sau này. Bốn ngày sau lễ tuyên thệ của ông Nixon, ngày 25 tháng 1, 1969, tôi có dịp hội kiến với ông Kissinger vừa lúc ông đến thay thế ông Walt Rostow, Cố Vấn An Ninh Quốc Gia tại toà Bạch Ốc.

Tôi từng gặp ông lần đầu ở Sài Gòn năm 1966, khi tôi là Phụ Tá Kế Hoạch của ông Kỳ và ông Kissinger còn là một giáo sư tại Đại Học Harvard. Ông đến Sài Gòn để tìm hiểu về tình hình Việt Nam qua lời mời của Đại Sứ Cabot Lodge. Nhân dịp này, và để cho ông có dịp tiếp xúc rộng rãi với những giới chính trị Việt Nam, tôi mời ông tới dùng cơm tại căn nhà lầu của tôi ở đường Nguyễn Huệ, cùng với

https://tieulun.hopto.org

một số nhân vật, trong và ngoài chính phủ. Không ai rõ ông tới thăm Việt Nam với mục đích gì, nhưng qua những câu hỏi soi mói của ông, ai cũng nhận thấy là ông cũng theo dõi khá sát vấn đề Việt Nam. Giọng nói của ông rất đặc biệt, khàn khàn từ cổ phát ra, nên đến lúc ông ra về, ai cũng hỏi tôi ông có phải là "người Mỹ" không? Ngày hôm sau, tôi gặp lại ông một lần nữa khi cùng với Đại Sứ Cabot Lodge, ông tới thăm ông Kỳ. Cũng như lần trước tôi nhận thấy ông là người thông minh khác thường, sâu sắc, và những câu hỏi của ông không phải của những nhà giáo chỉ biết có sách vở và học đường.

Lúc này thì ông không còn là giáo sư nữa, nhưng là một cộng sự viên quan trọng của Tổng Thống Nixon. Ông bắt đầu nhập cuộc mà không ai - có lẽ ngay chính ông - có thể ngờ rằng vai trò của ông sẽ nổi bật trên trường quốc tế. Ngay trong những phút đầu, chúng tôi đã nối lại dễ dàng mối giao hảo sẵn có. Tôi mừng ông về trọng trách mới của ông, tôi đề cập đến một lời tuyên bố mấy ngày trước của ông Clifford, Bộ Trưởng Quốc Phòng trong chính phủ Johnson. Vì sốt ruột về những cuộc điều đình kéo dài ở Ba Lê xung quanh những vấn đề thủ tục như "bàn tròn, bàn vuông hay bàn dài", ông Clifford đưa ra ý kiến là nếu cần thì Hoa Kỳ cứ việc nói chuyện với Bắc Việt không phải chờ đợi Việt Nam Cộng Hoà. Tôi nói với ông Kissinger là những lời của ông Clifford về những bất đồng ý kiến giữa hai chính phủ chỉ làm lợi cho đối phương. Việc phải làm là tìm cách thống nhất quan điểm của hai bên, nếu không thì sẽ có nhiều khó khăn, trong hiện tại và cả trong tương lai, khi cuộc hoà đàm đi sâu vào những vấn đề quan trọng hơn chuyện thủ tục.

Vì đây là cuộc hội kiến đầu tiên với ông, tôi chưa muốn đi sâu vào những vấn đề căn bản, tuy nhiên qua sự trao đổi ý kiến, tôi nhận thấy là mặc dầu chưa có chính sách rõ rệt, chính quyền mới cũng coi vấn đề Việt Nam có tầm quan trọng ưu tiên và cũng muốn hợp tác chặt chẽ với chính phủ Việt Nam để tránh những chuyện lủng củng giữa hai bên. Một phần nào tối hôm đó tôi gửi về cho ông Thiệu một bản mật điện, nguyên văn như sau:

"... Hôm nay trong buổi họp đầu tiên với ông Kissinger tôi có nhấn mạnh đến sự cần thiết phải có một sự hợp tác chặt chẽ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam không những để đối phó với những vấn đề trước mắt mà còn để phối hợp chiến lược đối với những vấn đề trong tương lai. Tôi cũng nhấn mạnh với ông là chính phủ Hoa Kỳ không nên công khai tỏ vẻ sốt ruột đối với chính phủ Việt Nam (như trường hợp những lời tuyên bố của ông Clifford). Ông Kissinger có bảo đảm với tôi là Tổng Thống Nixon đã ra nghiêm lệnh yêu cầu nhân viên trong

https://tieulun.hopto.org

chính phủ không được có những lời tuyên bố công khai về những vấn đề có liên quan đến Việt Nam. Ông cũng đề cập tới tình trạng lủng củng giữa hai chính phủ trong thời gian qua và yêu cầu tôi tới gặp ông thường xuyên hơn để tăng cường sự hợp tác giữa hai chính phủ. Ông có nói thêm là những mục tiêu căn bản của Hoa Kỳ và Việt Nam không có gì khác biệt, tuy nhiên ông cũng nghĩ rằng nếu được rộng tay một chút (danh từ bằng tiếng Anh mà ông dùng là "flexibility") thì rồi đây là những vận động ngoại giao có lẽ sẽ dễ dàng hơn" (2).

Sau khi gặp ông Kissinger, tôi tìm gặp những nhân vật có ảnh hưởng trong chính phủ mới. Tôi đã hiểu rõ thói tranh chấp giữa bộ này với bộ khác, và đôi khi ngay trong một bộ. Đặc biệt, người ta thường để ý đến sự kèn cựa giữa bộ Ngoại Giao và người được chỉ định giữ chức vụ Cố Vấn An Ninh Quốc Gia tại toà Bạch Ốc, vì vậy mà tôi yết kiến ngay Ngoại Trưởng Wiliam Roger để xem trong vấn đề Việt Nam, ảnh hưởng của ông đến mức nào. Ông là một luật sư có nhiều kinh nghiệm, đã từng làm Bộ Trưởng Bộ Tư Pháp dưới thời Tổng Thống Eisenhower, nhưng theo nhiều bạn của tôi trong giới báo chí, thì ông không phải là người nhìn rộng thấy xa. Ông niềm nở tiếp tôi với vẻ mặt dễ dàng, thân thiện nhưng không nghiêm nghị như Ngoại Trưởng Dean Rusk. Ông tỏ ra lịch thiệp nhưng tôi thì chưa có chuyện gì xích mích hay kèn cựa giữa ông và ông Kissinger, nhưng nếu có thì tôi sẽ lâm vào tình trạng khó xử. Với tư cách là Đại Sứ, tôi phải trực tiếp liên lạc với bộ Ngoại Giao và ông Ngoại Trưởng, nhưng cũng không thể không liên lạc với toà Bạch Ốc, trung tâm quyền lực của Hoa Kỳ.

Tôi còn nhớ một vụ tranh chấp điển hình. Vào dịp Giáng Sinh cuối năm 1969, tôi được gọi về Sài Gòn để tường trình về những diễn biến ở Hoa Kỳ, trước khi trở về tôi tới thăm ông Roger để trao đổi ý kiến. Thường thường mỗi khi có những lễ lớn như lễ Giáng Sinh hay Tết Nguyên Đán, thì cả hai phe trong cuộc chiến đều ưng thuận ngưng bắn chừng một vài ngày. Năm ấy, vì cuộc hoà đàm ở Ba Lê cứ lằng nhằng không tiến bộ chút nào, nên ông Rogers nhờ tôi chuyển về Sài Gòn đề nghị của ông là kéo dài cuộc ngưng bắn xem phía bên kia có phản ứng gì không. Hôm sau, trước khi lên đường, cũng như những lần khác, tôi tới thăm ông Kissinger. Dĩ nhiên là để dò hỏi ý kiến của ông tôi đề cập tới đề nghị của ông Rogers. Ông Kissinger không ngần ngừ một giây phút nào, phản đối ngay, cho là quá sớm. Rồi dằn từng miếng một, ông nói với tôi: "Ông Đại Sứ nên nhớ rằng chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ được quyết định ở đây, toà Bạch Ốc chứ không phải ở bộ Ngoại Giao".

https://tieulun.hopto.org

Sau khi gặp hai ông Kissinger và Rogers tôi tới thăm ông Bộ Trưởng Quốc Phòng mới, Melvin Laird. Tôi đã tiếp xúc với ông nhiều lần trong lúc ông còn là Dân Biểu, lãnh tụ Cộng Hoà tại Hạ Viện. Lập trường của ông đối với vấn đề Việt Nam khá vững, tuy nhiên tôi cũng được biết qua những người trong đảng Cộng Hoà là ông cũng như nhiều người khác, đã bắt đầu chủ trương rút dần quân từ Việt Nam về, vì vậy mà tôi muốn tìm hiểu là nay ngồi tại Ngũ Giác Đài với các tướng lĩnh Hoa Kỳ, quan điểm của ông có thay đổi không? Ông là một nhà chính trị có nhiều kinh nghiệm, dáng điệu ung dung, nói năng cũng khéo léo, nên đến khi tôi nêu những vấn đề khó khăn thì ông tránh né, chỉ trả lời một cách tổng quát, lấy cớ rằng chính sách của chính quyền mới còn đang chờ hoàn chỉnh.

Một nhân vật khác mà tôi tới thăm là ông John Mitchell, Bộ Trưởng Tư Pháp. Thực ra thì nhiệm vụ của bộ này không liên quan gì tới vấn đề Việt Nam, nhưng ông Mitchell ở một vị trí đặc biệt. Ông là bạn tâm phúc của ông Nixon, và tuy không có chân trong Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, do lệnh của ông Nixon, ông này vẫn được mời tham dự những buổi họp của hội đồng này. Tôi đã có dịp gặp ông lúc trước trong mùa bầu cử, và có lẽ ông coi tôi là bạn ngay từ hồi đó nên ông đón tiếp tôi thật niềm nở. Ông cũng mời tôi trở lại thăm ông luôn để trao đổi tin tức và ý kiến (3).

Sau hết, tôi bay qua Ba Lê để gặp hai ông Cabot Lodge và Lawrence Walsh vừa được Tổng Thống Nixon chỉ định thay thế hai ông Harriman và Vance cầm đầu phái đoàn Hoa Kỳ tại cuộc hòa đàm. Tại đây, giữ địa vị thường trực và cột trụ vẫn là người bạn lâu năm của tôi, ông Phillip Habib, nên qua ông tôi được biết là mọi sự đều trong vòng chờ đợi mặc dầu thủ tục đã được khai thông. Đại Sứ Phạm Đăng Lâm cũng một nhận xét với ông Habib, nên tôi cũng không cố gắng thăm dò nhiều về phía ông Cabot Lodge và yên tâm trở về Hoa Thịnh Đốn.

Tổng kết lại những cố gắng trong gần hai tuần lễ để tìm hiểu chính quyền mới, tôi kết luận là những dự đoán của tôi lúc trước không xa sự thực, nghĩa là chính quyền mới chưa có một kế hoạch nào hay một chính sách nào nhất định về vấn đề Việt Nam cả. Chỉ thấy một ý hướng có cơ thể hiện: Hoa Kỳ, với uy thế đại cường, sẽ cố thuyết phục Liên Xô buộc Hà Nội phải đàm phán đứng đắn; đồng thời với sự hợp tác của Việt Nam Cộng Hòa, hoạch định một chương trình rút quân về.

Trong suốt tháng 2, gần như hàng ngày tôi gửi về Sài Gòn những bản nhận định về tình hình ở Hoa Kỳ. Vai trò của ông

https://tieulun.hopto.org

Kissinger tại tòa Bạch Ốc càng ngày càng nổi bật, nên tôi thường tìm cách gặp ông. Tôi bắt đầu thấy rõ ông là người thấu đáo về vấn đề Việt Nam, có nhiều ý kiến. Nhưng đồng thời tôi cũng có cảm tưởng là ông không thẳng thắn, hay lẩn tránh, không nói rõ mọi điều. Tôi hỏi ông liệu Hoa Kỳ có tìm cách gặp riêng Bắc Việt không, thì ông trả lời khéo: "Ông Tổng Thống của ông biết rõ tất cả chuyện này" (4).

Sự thực thì ngay từ khi ông Nixon chưa chính thức nhậm chức, ông Kissinger đã liên lạc với Jean Sainteny, thuộc bộ Ngoại Giao Pháp, vẫn thường qua lại với phía Cộng Sản. Vào tòa Bạch Ốc được hơn một tháng, tháng 3,1969, ông đã nhờ ông Vance (Phó trưởng phái đoàn hòa đàm thời ông Johnson) qua Mạc Tư Khoa để một mặt điều đình về vũ khí nguyên tử chiến lược (SALT talks) và một mặt khác yêu cầu Liên Xô thúc đẩy Hà Nội để cuộc đàm phán ở Ba Lê đi tới kết quả, với ngụ ý rằng nếu Liên Xô muốn có tiến bộ trong việc hạn chế vũ khí nguyên tử thì phải giúp Hoa Kỳ giải quyết vấn đề Việt Nam (đây là một chủ thuyết thường vẫn được nói đến trên trường ngoại giao quốc tế gọi là "linkage" ràng buộc vấn đề này vào vấn đề khác). Song vì thái độ ngoan cố của khối Cộng Sản những nỗ lực của ông Kissinger không đưa tới đâu cả. Vào đầu năm 1969, vì không biết rõ ông Kissinger và những hành động xé lẻ của ông, nên đối với ông, tôi chỉ giữ một thái độ dè dặt.

Sở trường của ông Nixon là ngoại giao, nên chỉ hơn một tháng sau khi nhậm chức, ông đã quyết định chuyến công du đi thăm một số nước ở Châu Âu. Ông dự định ngừng lại ở Pháp trước để thăm Tổng Thống de Gaulle và nhân dịp này để thăm phái đoàn hoà đàm của Hoa Kỳ và hội kiến với ông Kỳ lúc đó đang có mặt tại Ba Lê. Được thông báo về những sự sắp xếp này, ông Kỳ liền mời tôi qua Ba Lê để cùng ông sửa soạn buổi hội kiến. Đây là một cơ hội qua tốt để thăm dò ông Nixon và trao đổi ý kiến, nhưng không may thay cơ hội đến đột ngột quá. Thời giờ chuẩn bị đã không có, lại thêm nỗi ông Thiệu một ý, ông Kỳ một ý, nếu chưa phối hợp được ý kiến giữa hai người thì cũng chỉ để ngồi nghe nhiều hơn là để bày tỏ điều gì. Tôi tới Ba Lê ngày 1 tháng 3, có đủ một ngày để nói chuyện với ông Kỳ và phái đoàn Việt Nam và ngày hôm sau thì phải họp với ông Nixon.

Về phía Hoa Kỳ, ngoài ông Nixon còn có các ông Kissinger, Lodge và Habib và về phía Việt Nam thì có ông Kỳ, Đại Sứ Phạm Đăng Lâm và tôi. Buổi họp kéo dài hơn một tiếng đồng hồ trong một bầu không khí tương đối thoải mái, nhưng về kết quả cụ thể thì không có gì đáng kể. Với nhận xét chung là những buổi họp công khai chỉ là dịp để đối phương đòi hỏi những điều vô lý (tỷ dụ như quân đội Hoa

https://tieulun.hopto.org

Kỳ phải rút hết khỏi Việt Nam, phải giải tán chính phủ Việt Nam Cộng Hoà, v.v...) hai bên đồng ý là nên để ông Lodge tiếp tục đề nghị những buổi họp không công khai với đối phương. Ngoài quyết định có tính cách chung trên đây, trong phần trao đổi ý kiến ông Nixon và ông Kissinger không đưa ra một giải pháp nào (dĩ nhiên là cả hai ông đều không đả động gì đến nhiệm vụ đã giao cho ông Vance) và ông Kỳ, vì không có sự phối hợp với ông Thiệu, cũng không góp thêm ý kiến gì.

Vì trong mấy ngày tôi đi vắng, có nhiều phái đoàn từ Việt Nam tới Hoa Thịnh Đốn, nên ngay sau buổi họp ở Ba Lê, tôi vội trở về Hoa Kỳ. Tôi làm bản phúc trình về buổi họp giữa ông Nixon và ông Kỳ để gửi về Sài Gòn và nhân dịp này thúc giục ông Thiệu nên sớm xét lại toàn diện tình hình để có thể sẵn sàng nói chuyện với chính phủ Hoa Kỳ.

Sở dĩ tôi lại trở lại những đề nghị của tôi lúc trước vì tôi tin chắc rằng ông Nixon không thể trì hoãn lâu ngày một chính sách hay kế hoạch rõ rệt về Việt Nam. Những tin tức mà tôi thâu lượm được qua những bạn trong giới truyền thông cho biết rằng bộ Ngoại Giao cũng như Ngũ Giác Đài, các cơ quan viện trợ về tình báo đều nhận chỉ thị duyệt lại toàn bộ vấn đề Việt Nam và gửi lên Hội Đồng An Ninh Quốc Gia những nhận định và đề nghị vào đầu tháng 3, như vậy có nghĩa là trong tháng 4 hay tháng 5 là cùng ông Nixon cũng sẽ phải có những quyết định rõ rệt về chính sách đối với chiến cuộc Việt Nam.

Tôi vừa sốt ruột vừa thất vọng vì không có được một chỉ thị nào của chính phủ và đành phải nhắm mắt tin tưởng là ông Thiệu và chính phủ có lẽ đang làm những việc mà tôi đề nghị nhưng không thấy cần phải cho tôi biết. Sự thực thì lúc này tôi cũng không được rảnh rang để lo nghĩ nhiều. Hết ngày này qua ngày khác, các phái đoàn từ Việt Nam tới làm cho tôi và nhân viên Sứ Quán, không những phải ra công thù tiếp mà còn phải sắp đặt chương trình cho từng phái đoàn một trong những ngày ở tại thủ đô Hoa Kỳ. Phái đoàn Thượng Viện, Hạ Viện, Tối Cao, Pháp Viện, phái đoàn chính phủ, phái đoàn các đoàn thể chính trị, tôn giáo, phái đoàn báo chí... tôi có cảm tưởng là ai cũng muốn tới thủ đô của đại cường quốc Hoa Kỳ để tìm hiểu xem văn minh và dân chủ ở xứ người ra sao. Càng nhiều trong giới hiểu biết tới thăm Hoa Kỳ, tôi càng mừng, vì tôi nghĩ rằng từ đó dư luận ở Việt Nam có thể sẽ nhìn thấy rõ hơn những thực tế chính trị ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn và mối liên hệ Việt Mỹ, nhưng hàng loạt phái đoàn tới, hết tuần này qua tuần khác, thì quả thực là vất

https://tieulun.hopto.org

vả cho anh em làm việc ở Sứ Quán. Ngoại trừ một vài trường hợp vì cơ quan Hoa Kỳ mời, thì có sẵn chương trình, Sứ Quán thường phải sắp đặt, tổ chức việc viếng thăm hai ngành hành pháp và lập pháp của Hoa Kỳ và những buổi thiết đãi những đại diện Quốc Hội, chính phủ và giới truyền thông để phái đoàn Việt Nam có cơ hội tiếp xúc với họ, ấy là chưa kể những bữa cơm trưa, cơm tối để mời những nhân vật mà phái đoàn muốn gặp, những nhu cầu ngoại lệ, và đôi khi kỳ quặc của một số muốn nhờ Sứ Quán đưa đi du ngoạn hoặc mua sắm.

Thủ đô Hoa Thịnh Đốn nổi tiếng đẹp vào dịp đầu xuân hoa đỗ quyên đỏ thắm nở đầy đường cùng với hoa anh đào. Phải chăng vì vậy mà những phái đoàn Việt Nam chọn mùa này mà thi nhau tới? Đầu tháng 3 thì có anh Trần Quốc Bửu cùng với một số anh em trong Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam, liền sau đó là hai phái đoàn Hạ Viện của những Dân Biểu Khiều Thiện Kế và Phan Huy Đức, rồi đến một phái đoàn khác nữa của Thượng Viện với Nghị Sĩ Trần Ngọc Nhuận và một phái đoàn của chính phủ do bác sĩ Nguyễn Lưu Viên cầm đầu. Đúng vào lúc bận rộn đó thì bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ cho tôi biết là Xuân Thủy, trưởng phái đoàn Cộng Sản ở Ba Lê đã thỏa thuận, ngoài buổi họp hàng tuần tại hội trường Majestic, họp riêng với trưởng phái đoàn Hoa Kỳ, ông Cabot Lodge. Thế là chính giới ở Sài Gòn lại xôn xao, khổ cho tôi vừa phải thù tiếp, vừa phải tìm xem Hoa Kỳ và Cộng Sản có đề nghị điều gì mới lạ không? Cũng may là trong buổi họp riêng với ông Lodge, Xuân Thủy không làm việc gì khác là nhai lại nguyên văn những gì đã tuyên bố ở nhiều nơi khác.

Cuối tháng 3, tôi vừa tiễn một số phái đoàn về nước, thì được tin cựu Tổng Thống Eisenhower từ trần, và liền sau đó có điện thoại từ Sài Gòn cho biết là Phó Tổng Thống Kỳ đã được chỉ định tới Hoa Thịnh Đốn để thay mặt chính phủ Việt Nam chia buồn với chính phủ Hoa Kỳ. Nhiều Quốc Trưởng và nguyên thủ các nước trên thế giới đến dự quốc tang trọng thể và trong gần một tuần lễ, chúng tôi phải đi dự hết lễ này tới lễ khác.

Mặc dầu chính phủ Hoa Kỳ đang bận rộn, tôi cũng có sắp xếp cho ông Kỳ gặp gỡ khá nhiều nhân vật. Ngay sau khi phần lễ nghi của đám tang, ngày 1 tháng 4, tôi đưa ông tới toà Bạch Ốc để hội kiến với Tổng Thống Nixon. Hôm ấy, có cả ông Kissinger và Đại Sứ Bunker vừa mới ở Sài Gòn về. Tuy buổi họp có tính cách xã giao, ông Nixon cũng đề cập tới những vấn đề thời sự như cuộc hoà đàm ở Ba Lê cùng sự họp tác giữa Hoa Kỳ và Việt Nam. Ông rất kín đáo, không nói nhiều đến chiến lược của Hoa Kỳ, nhưng cho biết rằng mục đích của cuộc hoà đàm phải là hoà bình vĩnh cửu chứ không phải là một ngưng

https://tieulun.hopto.org

bắn tạm thời. Ông cũng yêu cầu chúng tôi nên đặt tin tưởng vào Hoa Kỳ và tỏ ý hài lòng về sự hợp tác chặt chẽ giữa hai chính phủ.

Ông Kissinger hôm ấy chỉ ngồi ghi chép những lời của ông Nixon. Trong khi đó, hai ông Kỳ và Bunker thay phiên nhau nói về hoạt động gia tăng của địch trên địa hạt quân sự.

Trưa hôm sau, Phó Tổng Thống Agnew khoản đãi ông Kỳ cùng một số Thượng Nghị Sĩ ủng hộ Việt Nam như các ông Dirksen, Aiken (Cộng Hoà) Russell và Stennis (Dân Chủ) rồi đến tối thì tôi thiết tiệc một số tướng lãnh làm việc tại Ngũ Giác Đài. Đáng kể hơn cả, là bữa ăn trưa tại Sứ Quán, ba ngày trước khi ông Kỳ trở sang Ba Lê. Dịp này, ông gặp Ngoại Trưởng Rogers. Khi đó, tôi chưa rõ ông này có trọng lượng nhiều ít ra sao, và có chừng nào ảnh hưởng. Tôi cũng chưa rõ là đã có xung đột giữa ông và ông Kissinger. Dẫu sao, ông Kỳ và tôi không khỏi thắc mắc tự hỏi những ý kiến của ông có phải là của cả chính phủ Mỹ không? Theo ông, thì thế nào Hoa Kỳ cũng phải rút một số quân về. Ông lại hỏi là nếu Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam từ bỏ võ lực và bạo động thì có thể thừa nhận là một tổ chức chính trị hay không? Hôm đó, chúng tôi chỉ tạm ghi những điều ông nói.



Tháng 4 năm 1969, tác giả cùng với Tổng Thống Nixon, tướng Nguyễn Cao Kỳ và Đại Sứ Bunker sau cuộc hội đàm tại tòa Bạch Ốc

https://tieulun.hopto.org

Cuối tháng 4, tôi được tin là ông Kissinger đã ra chỉ thị cho Ngũ Giác Đài phải nghiên cứu gấp một chương trình rút quân. Rõ ràng là chính sách Hoa Kỳ đang thành hình, một mặt thì kín đáo móc nối với Hà Nội để tìm một giải pháp điều đình và một mặt thì rút dần quân về. Hai việc đó đi song song với nhau, nhưng kế hoạch rút quân ra sao, là những điều tôi chưa rõ. Vì vậy mà đồng thời với việc thúc giục chính phủ sửa soạn để đối phó với tình thế mới, tôi yêu cầu được gặp ông Kissinger để hỏi rõ hơn về chủ tâm của Hoa Kỳ. Ông Kissinger tiếp tôi tại văn phòng của ông ngày 6 tháng 5, 1969. Tôi hỏi thẳng ông về vấn đề rút quân thì ông trả lời rằng việc đó tùy thuộc khả năng chống chọi của quân đội Việt Nam nhiều hơn là áp lực của dư luận tại Hoa Kỳ. Ông nói thêm là ngay sau khi phần lớn quân đội của Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam, một lực lượng tối thiểu cần thiết sẽ ở lại. Theo ông, Hoa Kỳ coi trọng sự hợp tác với chính phủ Việt Nam, do đó sẽ không có quyết định nào của Hoa Kỳ nếu chưa được thông báo trước và được sự thoả thuận của chính phủ Việt Nam. Việt Nam nên hiểu việc rút quân không phải là một bình phong để che giấu sự bỏ cuộc của Hoa Kỳ. Sau cùng, như để gián tiếp nhấn mạnh về quyền hành và ảnh hưởng của ông, ông nói rằng mặc dầu Hoa Thịnh Đốn có nhiều trung tâm quyền lực, mọi quyết định quan trọng về phương diện chiến lược vẫn được tập trung tại toà Bạch Ốc. Cuộc trao đổi ý kiến hôm ấy cũng khá đầy đủ, và tôi ra về cũng tạm yên tâm (Lúc này mặc dầu có nhiều dè dặt về ông Kissinger, tôi vẫn chưa biết nhiều về ông cũng như về lề lối làm việc của ông).

Vài ngày sau khi tôi gặp ông Kissinger thì mọi sự bắt đầu chuyển động. Ngày 8 tháng 5 ở Ba Lê, Bắc Việt đề nghị một chương trình 10 điểm mà họ cho là sẽ đưa đến việc chấm dứt chiến cuộc một cách công bằng. Chương trình được đưa ra như một đề nghị mới (nhằm lũng đoạn dư luận Hoa Kỳ) nhưng thực sự vẫn là những đòi hỏi cũ, nghĩa là quân đội Hoa Kỳ phải rút về hết và chính phủ Việt Nam Cộng Hoà phải được thay thế bằng một chính phủ mà họ gọi là "liên hiệp". Mặc dầu như vậy, những tuyên bố của Cộng Sản cũng buộc ông Nixon phải sớm đưa ra kế hoạch của ông. Ngày 14 tháng 5, trong một bài diễn văn trên những đài truyền hình toàn quốc, ông công bố đề nghị của Hoa Kỳ: Hoa Kỳ và Bắc Việt rút quân cùng một lúc khỏi miền Nam Việt Nam (trước kia đề nghị của Hoa Kỳ là Bắc Việt rút quân trước, rồi 6 tháng sau Hoa Kỳ sẽ rút), Hoa Kỳ không chống đối việc Mặt Trận Giải Phóng tham gia vào đời sống chính trị ở miền Nam và sẵn sàng chấp nhận những kết quả của một cuộc bầu cử tự do dưới sự giám sát của một ủy ban quốc tế. Sau bài diễn văn của

https://tieulun.hopto.org

ông Nixon, để trình bầy cặn kẽ hơn đề nghị của Hoa Kỳ, ông Kissinger, trong một buổi họp báo, đã nhấn mạnh đến hai điểm: một là đề nghị có tính chất mềm dẻo (lại một lần nữa ông Kissinger dùng danh từ "flexibility") và hai là đề nghị đã được Sài Gòn "thông qua" ("cleared with Saigon"). Lối hợp tác này bắt đầu từ đây được theo như thế nào trong thực tế? Được tin ông Nixon sắp đọc diễn văn về Việt Nam vào ngày 14, ba ngày trước đó, tôi có hỏi thì ông Kissinger cho biết là ông Bunker sẽ tiếp xúc với ông Thiệu để thông báo trước bản diễn văn. Như vậy có nghĩa là thông báo về việc sắp làm thì có, nhưng tham khảo ý kiến của Việt Nam thì không, nhất là việc thực chất và chi tiết của những đề nghị với Bắc Việt. Vì chỉ thông báo có hai ngày trước, thì làm sao có thời giờ nghiên cứu và thảo luận?

---

(1) Ngoài những mật điện bằng tiếng Pháp hay tiếng Anh gửi về Sài Gòn hàng ngày qua mật mã, tôi thường gửi về hàng tháng (hay mỗi khi cần) một bản phúc trình bằng tiếng Việt để có thể trình bầy rành rẽ những nhận định của tôi ở Hoa Kỳ. Những tài liệu này, hiện tôi còn giữ.

(2) Bản mật điện ghi lại nguyên văn những gì ông Kissinger đã nói với tôi. Tuy nhiên vì gặp lần đầu, tôi không để ý đến đến danh từ "flexibility" mà ông đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần. Mãi về sau này, vào giai đoạn chót của cuộc hòa đàm, tôi mới hiểu hậu ý của ông. Theo ông, "flexibility" có lẽ có nghĩa là Hoa Kỳ được rảnh tay điều đình về tương lai của miền Nam Việt Nam mà không có ý kiến hay sự thỏa thuận của chính phủ miền Nam.

(3) Trong suốt nhiệm kỳ của ông Nixon, ông Mitchell là người bênh vực lập trường của Việt Nam và cho tôi được biết nhiều tin nhất từ phía bên trong chính phủ Hoa Kỳ.

(4) Tôi không biết rõ ở Sài Gòn, ông Bunker đã thông báo cho ông Thiệu những gì, nhưng sau mỗi buổi hội kiến với ông Kissinger, bằng mật điện tôi nhắc lại nguyên văn những câu hỏi của tôi và trả lời của ông Kissinger, để nếu cần, ông Thiệu có thể kiểm chứng với ông Bunker xem những lời nói của ông Kissinger có trung thực không hay chỉ là một sự tránh né để giấu giếm.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 30
Mua Thời Gian Bằng Việt Nam Hóa Chiến Tranh

Đúng một tuần lễ sau bài diễn văn của ông Nixon, cùng một lúc với tin của bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, tôi nhận được chỉ thị của ông Thiệu bảo liên lạc với phía Mỹ và chuẩn bị một hội nghị thượng đỉnh dự trù vào đầu tháng sau. Địa điểm họp lần này là đảo nhỏ Midway giữa Thái Bình Dương.

Ông Nixon đã nhậm chức được 5 tháng rồi. Như thế là trôi qua, "tuần trăng mật" giữa ông và Quốc Hội hay dư luận, tức thời gian tạm miễn công kích một Tổng Thống mới lên cầm quyền. Đã đến lúc ông phải cho biết dứt khoát về thái độ đối với Cộng Sản Bắc Việt và việc triệt thoái quân đội mà ông đã hứa trong khi tranh cử.

Cho nên, họp thượng đỉnh là để bàn về chuyện trên. Vả lại, qua trung gian của bà Chennault, ông đã cậy tôi nhắn về Sài Gòn rằng một khi đắc cử, ông sẽ sang thăm Việt Nam và gặp Tổng Thống Thiệu, và ông Thiệu cũng mấy lần nhắc nhở kín đáo về việc này. Tóm lại, ông Nixon muốn họp để làm một công đôi việc, và ông Thiệu cũng muốn có dịp quen biết lãnh đạo mới và tìm hiểu chính sách mới của Hoa Kỳ.

Vì hội nghị được định vào ngày 8 tháng 6 nên tôi có được một chút thời gian để chuẩn bị. Trong nhiều ngày liền vào cuối tháng 5, tôi tới họp nhiều lần với ông Kissinger ở tòa Bạch Ốc và ông Marshall Green tại bộ Ngoại Giao (ông Marshall Green là người vừa được bổ nhiệm làm Thứ Trưởng, Đặc Trách Đông Nam Á và Á Đông Sự Vụ thay thế ông William Bundy). Khó khăn nhất trong phần thảo luận với hai ông, là vấn đề thông cáo chung sau buổi họp thượng đỉnh. Lần này Hoa Kỳ không muốn có thông cáo chung như thường lệ vì cho rằng là không cần, còn ông Thiệu thì muốn có.

Theo chỗ tôi hiểu thì mục tiêu duy nhất của Hoa Kỳ là thúc đẩy ông Thiệu đồng ý về việc rút quân. Vấn đề này tuy đã được báo chí đề cập tới nhiều lần, và đã được các giới chính trị coi là đương nhiên, nhưng chưa bao giờ được thảo luận chính thức giữa hai chính phủ, vì vậy mà Hoa Kỳ cần sự thỏa thuận của Việt Nam. Với một mục đích giới hạn trong vấn đề rút quân, Hoa Kỳ chỉ dự trù một buổi họp ngắn (5 tiếng đồng hồ) tại một địa điểm hẻo lánh, đảo Midway ở giữa Thái Bình Dương. Dĩ nhiên, nếu đứng trên quan điểm của Hoa

https://tieulun.hopto.org

Kỳ, thì hai ông Kissinger và Green cũng có lý khi hai ông không thấy cần phải có thông cáo chung, không lợi gì cho Hoa Kỳ, vì phải bao gồm cả những vấn đề khác mà Việt Nam Cộng Hòa đòi đem ra thảo luận. Trái lại, đối với Việt Nam, thì lại là sự cần thiết. Trước hết Việt Nam muốn biết rõ kế hoạch dài hạn của Hoa Kỳ. Nếu rút quân là việc không thể tránh, thì Việt Nam muốn thấy được thực hiện song song với một chương trình nhằm tăng cường khả năng của quân đội Việt Nam. Ngoài ra Việt Nam cũng muốn biết rõ Hoa Kỳ đàm phán với Bắc Việt ra sao. Sau hết Việt Nam muốn Hoa Kỳ công khai xác nhận lời cam kết không chấp nhận một chính phủ liên hiệp với Cộng Sản như ông Johnson đã hứa hồi tháng 11 năm 1968, trước khi Việt Nam thuận gửi phái đoàn đi dự cuộc hòa đàm Ba Lê.

Tôi trình bầy đầy đủ những đòi hỏi như trên với hai ông Kissinger và Green. Tôi nhấn mạnh với ông Kissinger là chính phủ Việt Nam cần có những bảo đảm của Hoa Kỳ để trấn an dư luận đang hoang mang vì những tin đồn rút quân. Vì không có lý do chính đáng để khước từ, nên cả hai ông Kissinger và Green đành chấp nhận nguyên tắc là phải có thông cáo chung, và liền sau đó cùng với tôi làm một bản thảo ghi rõ những điều đã được thỏa thuận: hai chính phủ bác bỏ giải pháp chính phủ liên hiệp, chấn thuận kế hoạch thay thế một số đơn vị Hoa Kỳ bằng những lực lượng Việt Nam, mức độ và nhịp rút quân sẽ tùy thuộc tình trạng an ninh ở Việt Nam.

Có bản thảo thông cáo trong tay, 5 ngày trước buổi họp thượng đỉnh, tôi bay về Sài Gòn trình bầy để ông Thiệu rõ về tình hình chung ở Hoa Thịnh Đốn, rồi đến sáng ngày mồng 8 tháng 6, cùng với ông Thiệu và phái đoàn Việt Nam bay sang đảo Midway.

Chúng tôi đến nơi lúc 10 giờ sáng. Vì Midway chỉ là một hải đảo nhỏ, nơi trú chân cho loại chim hải âu giữa đại dương mênh mông và không có dân cư, nay được dùng làm trạm truyền tin cho Hải Quân Việt Nam, nên phần lễ nghi ở đây rất đơn giản. Ngay sau đó, ông Nixon hội đàm riêng với ông Thiệu chừng 45 phút, rồi tới buổi họp khoáng đại giữa hai phái đoàn. Tiếp theo một bữa trưa nhẹ, hai ông họp riêng một lần nữa, rồi sau chót cả hai phái đoàn họp lại để chấp thuận bản thông cáo chung.

Trong suốt buổi họp, ông Thiệu tỏ ra nhẫn nại, chấp nhận chương trình rút quân của Hoa Kỳ, đề nghị nên dùng danh từ "tái phối trí" thay vì triệt thoái, đồng ý để Hoa Kỳ nói chuyện thẳng với Bắc Việt với điều kiện là ông phải được thông báo.

Ngoài mặt, ông tránh né không muốn tỏ vẻ đương đầu với Hoa Kỳ, nhưng tôi nghĩ thầm rằng ông bất mãn, nhất là vì phải họp

https://tieulun.hopto.org

với ông Nixon trên một hòn đảo hẻo lánh, với thời gian dành cho buổi họp vẻn vẹn có vài giờ. Ngoài ra cũng vì thời giờ quá ngắn ngủi (và có lẽ cũng vì Hoa Kỳ chưa muốn đi sâu vào những vấn đề ngoài việc rút quân), nên phần thảo luận hay trao đổi ý kiến gần như không có.

Sự thực thì không phải mình ông Thiệu bất mãn, tất cả chúng tôi trong phái đoàn đều không hài lòng. Chúng tôi được biết qua báo chí là Cộng Sản ở Mạc Tư Khoa thường có những danh từ không đẹp đẽ để nói về các đồng chí của họ ở Hà Nội, nhưng ít nhất họ cũng giữ cho thể diện, trải thảm đỏ để tiếp đón "những người anh em". Trái lại đối với chúng tôi, thì những bạn "đồng minh" lại đối xử như với những người bệnh hoạn, cần phải tránh xa. Chẳng qua, hoàn cảnh buộc chúng tôi phải chịu đựng, nhưng quên thì cũng khó.

Buổi họp ở Midway chấm dứt vào lúc 5 giờ chiều. So với những hội nghị thượng đỉnh mà tôi đã dự, đây quả thật là một buổi họp ngắn ngủi. Ông Thiệu yêu cầu tôi trở về Sài Gòn cùng với ông. Máy bay cất cánh vào lúc mặt trời bắt đầu lặn, nên tối hôm đó chúng tôi nghỉ lại ở Đài Bắc và sáng ngày hôm sau mới trở về Sài Gòn. Trên đường về, ông Thiệu giúp tôi dịch bản thông cáo chung ra tiếng Việt và chúng tôi cùng sửa soạn buổi họp báo được dự trù ngay sau khi đáp xuống trường bay.

Trước hết, cần trấn an dư luận, nên ông Thiệu tường thuật về buổi họp ở Midway và nhấn mạnh đến những khía cạnh tốt đẹp của hội nghị, tỷ dụ như hai chính phủ bác bỏ giải pháp chính phủ liên hiệp, việc rút quân của Hoa Kỳ sẽ tùy thuộc vào tình hình an ninh và khả năng của quân đội Việt Nam, v.v… Về phần tôi, để trả lời một số câu hỏi của các nhà báo, tôi có nói là dĩ nhiên nếu quân đội Hoa Kỳ rút dần về, thì Việt Nam phải cáng đáng thêm trách nhiệm, nhưng nếu chúng ta có thể càng ngày càng ít tùy thuộc vào Hoa Kỳ, thì đó là điều đáng mừng.

Tôi ở lại Sài Gòn hơn một tuần lễ. Nhân dịp này, và do lời yêu cầu của một vài đoàn thể chính trị, tôi có trình bầy nhiều lần về chính sách mới của Hoa Kỳ, một vấn đề mà ai cũng muốn hiểu. Và cũng trong thời gian này, tôi tiếp xúc với một số quân nhân và được dịp tiên liệu về những hậu quả của việc rút bớt quân Mỹ.

Tôi trở về Hoa Kỳ vào ngày 20 tháng 6 sau một ngày ngừng lại ở Ba Lê để gặp Đại Sứ Phạm Đăng Lâm và phái đoàn hòa đàm ở đây. Ngay ba hôm sau, Ngoại Trưởng William Rogers mời tôi tới dùng bữa trưa tại bộ Ngoại Giao để hỏi về tình hình Việt Nam. Có lẽ vì bầu không khí của một bữa trưa tương đối cũng thoải mái hơn là một cuộc hội đàm trong văn phòng, nên hôm ấy Ngoại Trưởng

https://tieulun.hopto.org

Rogers nói thật nhiều và nhân dịp này tôi cũng trình bầy quan niệm của Việt Nam mà ông Thiệu vẫn thường gọi là "long haul, low cost", có nghĩa là chiến tranh sẽ có thể kéo dài nhưng tổn thất về nhân mạng và tổn phí chiến tranh cũng sẽ giảm thiểu. Ông Rogers cho rằng dĩ nhiên ý kiến của ông Thiệu đáng được nghiên cứu, song cũng chưa đủ để bảo đảm sự viện trợ của Hoa Kỳ. Theo ông, không ai có thể biết được cần phải giảm thiểu số thương vong và chiến phí tới mức nào thì mới duy trì được sự ủng hộ của dân chúng Hoa Kỳ. Ông đưa ra ý kiến là Việt Nam cần phải có một chính phủ đoàn kết, có sự tham gia đông đủ của mọi khuynh hướng chính trị. Ông còn nói thêm rằng Hoa Kỳ không muốn gây trở ngại cho Việt Nam hay làm áp lực để Việt Nam phải hợp tác với những phần tử chống đối, nhưng "các ông phải cố tìm cách để chứng tỏ với thế giới rằng chính thể ở Việt Nam không phải là một chính thể độc tài và chính phủ Việt Nam không phải là của riêng của một đoàn thể nào". Và ông cũng nhấn mạnh rằng "chắc ông Đại Sứ đã hiểu rõ những điều tôi muốn nói". Lúc này, tuy tôi đã nhìn thấy ảnh hưởng của ông Kissinger càng ngày càng rõ rệt trong lãnh vực ngoại giao nhưng tôi chưa đo lường được đúng mức ảnh hưởng của Ngoại Trưởng Rogers, vì vậy mà những lời lẽ của ông buổi trưa hôm ấy làm tôi suy nghĩ rất nhiều. Phải chăng chính quyền Nixon đang có mưu tính gì và muốn dò hỏi phản ứng của Việt Nam?

Ngày hôm sau, tôi trở lại bộ Ngoại Giao và gặp Đại Sứ William Sullivan, vừa được giao phó trách nhiệm đứng đầu một ủy ban đặc cách về vấn đề Việt Nam. Ông cho tôi biết là ông Rogers có chỉ thị để duyệt lại cùng với tôi tất cả những ý kiến đã được đưa ra từ trước đến nay, để tiến tới một kế hoạch chung cho hai chính phủ. Ông Sullivan cũng nhắc đến những vấn đề đã được mang ra thảo luận tại Midway giữa ông Nixon và ông Thiệu. Nguyên tắc rút quân dần đã được chấp thuận, nay cần có một chương trình phù hợp với thực tế chiến trường, nhưng về phương diện chính trị, thì có kế hoạch nào để đẩy mạnh cuộc hòa đàm Ba Lê? Rồi ông Sullivan nói rằng trong tất cả các hội nghị, có lẽ hấp dẫn nhất là tổ chức một cuộc tổng tuyển cử. Về điều này, tôi trả lời ông ông Sullivan là nếu vậy, Việt Nam coi sự rút quân Cộng Sản về là một vấn đề tiên quyết. Chính phủ Việt Nam trên nguyên tắc không chống đối tổng tuyển cử, nhưng giải pháp này không thể áp dụng, chừng nào Cộng quân còn có mặt trên lãnh thổ miền Nam. Ông Sullivan hỏi lại: "Thế ông Thiệu có giải pháp nào khác không?" Và cũng như để nhắc nhở tôi là cuộc hòa đàm Ba Lê vẫn còn bế tắc, ông nói tiếp là ông Cabot Lodge đang chờ đợi "những sáng kiến mới" để thúc đẩy đối phương đàm phán đúng đắn.

https://tieulun.hopto.org

Qua sự trao đổi ý kiến trên đây trong hai ngày với Ngoại Trưởng Rogers và ông Sullivan, tôi hiểu rằng chính phủ Hoa Kỳ đang thăm dò phản ứng của Việt Nam về một số đề nghị trong đó có đề nghị tổng tuyển cử, để mò đường tiến tới hòa bình bằng một giải pháp điều đình. Với lề lối làm việc vừa giấu kín vừa tập quyền vào tòa Bạch Ốc, người chủ chốt trong việc tìm kiếm đó lại không phải là Ngoại Trưởng Rogers.

Vào thời điểm này, tuy đã biết là giữa Ngoại Trưởng Rogers và ông Kissinger có những chuyện lục đục, xích mích nhưng tôi không ngờ được rằng có những chuyện mà ông Rogers tuyệt nhiên không biết. Đối với ông, ông vẫn là một nhân vật quan trọng, vì vậy mà tôi không dám coi nhẹ những gì ông đã nói với tôi và ba ngày sau, khi tới gặp ông Kissinger, tôi cũng chỉ có ý định tìm hiểu thêm xem hai người có suy nghĩ khác nhau không, chứ không biết là giữa hai người có cả một bức tường ngăn cách. Ông Kissinger nói với tôi rằng ông hiểu rõ những sự khó khăn của Việt Nam và Tổng Thống Nixon cũng như ông đều không hài lòng về cuộc hòa đàm ở Ba Lê. Ông nói tiếp là thế nào thì cũng phải tìm ra một lối thoát khỏi bế tắc, tuy rằng ông chưa có một kế sách nào rõ rệt. Điều chắc chắn mà ông có thể nói, là ông Nixon không muốn thành vị Tổng Thống đầu tiên chịu để cho Hoa Kỳ thua trận. Rồi cũng như ông Rogers, ông quay lại hỏi tôi "Việt Nam có sáng kiến gì không?" Vì chưa có chỉ thị rõ rệt của chính phủ, nên tôi trả lời bằng cách trình bầy quan niệm "long haul, low cost" của ông Thiệu, và lái câu chuyện vào vấn đề tổng tuyển cử mà hai ông Rogers và Sullivan vừa đề cập tới mấy ngày trước, để xem phải chăng thực sự Hoa Kỳ muốn đưa ra những đề nghị theo chiều hướng đó. Ông Kissinger nhìn nhận giải pháp tổng tuyển cử cũng đáng chú ý, nhưng cũng hỏi ngay việc rút quân của Bắc Việt ra khỏi lãnh thổ miền Nam có phải là điều kiện tiên quyết không? Tôi trả lời là quả như vậy. Ông liền nói ngay là nếu đưa ra đề nghị bị buộc vào những điều kiện tiên quyết thì còn gì là hấp dẫn nữa? Rồi ông lại hỏi tiếp là có cách nào tổ chức được tổng tuyển cử trong khi quân đội Bắc Việt còn ở lại miền Nam không? Dĩ nhiên tôi trả lời là không thể có trường hợp đó được. Phần trao đổi ý kiến còn kéo dài thêm, khi ông Kissinger đề cập đến chính trị nội bộ của Việt Nam và nói cần phải tạo điều kiện để tất cả những người quốc gia có thể ngồi lại với nhau. Sau hết ông cho biết là ông hiểu rằng tôi vẫn thường xuyên tiếp xúc với hai ông Rogers và Sullivan, nhưng nếu tôi muốn gặp riêng Tổng Thống Nixon hay ông, thì vẫn có thể cứ "tự nhiên gõ cửa" tòa Bạch Ốc.

https://tieulun.hopto.org

Ngay hôm đó, bằng mật điện gửi về Sài Gòn, tôi tường trình đầy đủ về những gì đã được thảo luận tại bộ Ngoại Giao và tòa Bạch Ốc với các ông Rogers, Sullivan và Kissinger. Tôi cũng lưu ý ông Thiệu là vì có nhiều tin đồn trong giới ngoại giao và chính trị ở Hoa Thịnh Đốn là có sự bất đồng giữa hai ông Rogers và Kissinger, tôi cần phải có thêm thời gian để tìm hiểu chắc chắn hơn về những dự tính của chính phủ Hoa Kỳ. Nhằm mục tiêu này, tôi lần lượt mời những cộng sự viên làm việc với ông Kissinger tại Hội Đồng An Ninh Quốc Gia (trong số này có các ông John Negroponte và John Holdridge về sau này trở thành những Đại Sứ có tiếng của ngành ngoại giao Hoa Kỳ) tới dùng bữa trưa với tôi tại Sứ Quán, viện cớ là tôi không muốn làm mất nhiều thời giờ của ông Kissinger và chỉ yêu cầu gặp ông khi cần thiết. Lề lối này lâu dần trở thành một thói quen rất lợi cho tôi trong nhiều công việc. Mặc dầu họ là những người thận trọng và kín đáo, qua câu chuyện lúc ăn, tôi cũng lượm lặt được khá nhiều tin tức về những điều tôi cần biết, đặc biệt là về ưu tiên mà tòa Bạch Ốc dành cho từng vấn đề.

Lúc này vì chính sách của ông Nixon đã được thành hình một cách rõ rệt theo hai chiều hướng song song, vừa thăm dò đường đất để xem có thể có một giải pháp điều đình nào hầu chấm dứt chiến tranh, vừa rút quân và quan niệm của Hoa Kỳ về việc tăng cường quân đội Việt Nam. Trên lãnh vực chính trị và ngoại giao, thì tôi cũng xoay xở được với các giới chức Hoa Kỳ trong những buổi thảo luận với họ. Nhưng trên địa hạt quân sự thì tôi gần như mù mịt, vì vậy mà trong một bản tường trình dài gửi về cho ông Thiệu ngày 28 tháng 6, tôi khẩn khoản yêu cầu chính phủ cho tôi chỉ thị rõ rệt để việc làm của tôi có hiệu quả hơn. Nếu tôi hiểu nhiệm vụ của tôi chỉ là thu thập tin tức và phân tích tình hình, thì tương đối việc làm của tôi cũng không đến nỗi khó khăn, nhưng thực tế không đơn giản, vì mỗi lần gặp những giới chức Hoa Kỳ không phải chỉ có tôi đưa ra những câu hỏi, họ cũng chất vấn và lúc đó tôi phải trình bầy quan điểm của Việt Nam. Dĩ nhiên họ có Đại Sứ của họ ở Sài Gòn và ở Việt Nam ông Bunker có thể gặp ông Thiệu bất cứ lúc nào. Nhưng tôi nghĩ không nên để cho tòa Đại Sứ của họ có độc quyền diễn tả quan điểm của Việt Nam, ngoài ra nếu khéo vận dụng Quốc Hội và báo chí Hoa Kỳ ở ngay Hoa Thịnh Đốn thì việc bênh vực quan điểm của Việt Nam cũng rất thuận tiện, vì vậy mà tôi mong muốn có được càng nhiều chỉ thị càng hay. Tôi hiểu không phải lúc nào ông Thiệu hay chính phủ cũng phải cho tôi biết rõ mọi chuyện, hơn nữa lại còn vấn đề tín nhiệm, và về phương tiện này thì tôi có cảm tưởng là mức độ tín nhiệm mà ông

https://tieulun.hopto.org

Thiệu dành cho tôi, không thể gọi là cao được. Thực ra, tôi không có điều gì phải phàn nàn về cung cách đối xử với tôi trong cương vị một Tổng Thống đối với một Đại Sứ, nhưng theo dư luận chung ở Sài Gòn thì ông vẫn coi tôi như là người của ông Kỳ, một người mà ông không ưa thích, ngoài ra rất có thể ông còn nghĩ rằng vì sống xa Việt Nam hơn 10 ngàn dặm và quá gần những trung tâm quyền lực của Hoa Kỳ, tôi đã chịu phần nào ảnh hưởng Mỹ trong lối nhìn, lối nghĩ. Dầu sao thì vào những ngày cuối tháng 6, hơn bao giờ hết cần phải có chỉ thị của chính phủ. Trong nhiều tuần lễ liền sau hội nghị Midway, tôi yêu cầu bộ Ngoại Giao và bộ Quốc Phòng cho tôi biết về chương trình đang được sửa soạn để tăng cường quân đội Việt Nam. Đáp lại lời yêu cầu của tôi và đồng thời muốn chứng tỏ là Hoa Kỳ mời tôi tham dự những buổi họp hàng tuần của một ủy ban chuyên trách mới được thành lập (ủy ban này có tên là ad-hoc committee, một thứ ủy ban liên bộ cấp cao gồm có đầy đủ các đại diện của ông Kissinger, ông Sneider, của Bộ Trưởng Quốc Phòng, Đô Đốc Lomos và Đô Đốc Epes, của Tổng Tham Mưu Trưởng Đại Tướng Wheeler, Đô Đốc Shepard, của Cơ Quan Tình Báo Trung Ương, ông George Carver, và của bộ Ngoại Giao, ông Sullivan). Tại những buổi họp của ủy ban này, các ủy viên luôn luôn yêu cầu tôi trình bầy quan điểm của Việt Nam. Vì vậy, để tránh trường hợp "trống đánh xuôi, kèn thổi ngược", ngược lại với những gì có lẽ đang được thảo luận giữa Đại Sứ Bunker, tướng Abrams và Bộ Tổng Tham Mưu Việt Nam, tôi phải gửi đại tá Chiêu, Tùy Viên Quân Sự tại Sứ Quán về Sài Gòn để xin chỉ thị của ông Thiệu và tài liệu của bộ Quốc Phòng Việt Nam về những nhu cầu quân sự của Việt Nam. Mười ngày sau đại tá Chiêu mang sang cho tôi một bức thư viết tay của ông Thiệu, nguyên văn như sau:

"Anh Diễm,

1. Đại tá Chiêu có mang qua cho anh 4 hồ sơ về tăng cường quân đội và nhu cầu giúp đỡ khác cho quân đội.
2. Initiative, chúng tôi đang làm việc với Đại Sứ Mỹ. Anh cứ tiếp tục và hạn chế làm việc trong vấn đề quân sự. Khi nào thuận tiện và đến lúc tôi sẽ cho anh biết sau về initiative đó và những việc anh cần làm tại Mỹ.
3. Nói với ông Rogers đừng nói nhiều về initiative. Đừng devancer việc làm của tôi. Tránh ấn tượng pression từ họ đến ça m'énerve, dites-le lui, qu'il me respecte au moins, qu'il respecte Việt Nam. Ở đây tôi cũng cho Bunker biết.

…

https://tieulun.hopto.org

Thân ái, Thiệu”

Trong bức thư, ông Thiệu gạch đen dưới những chữ “hạn chế làm việc trong vấn đề quân sự”, do đó tôi hiểu là đúng như tôi đã dự đoán, ông không muốn tôi đi sâu vào những vấn đề chính trị với hai ông Kissinger và Rogers. Vì bức thư là thủ bút, không có tính cách chính thức, nên ông dùng lộn xộn tiếng Việt và tiếng Pháp. Ông dùng chữ “initiative” để nói về những sáng kiến hay đề nghị mới mà Hoa Kỳ và Việt Nam có thể đưa ra tại cuộc hòa đàm ở Ba Lê. Ông cũng không muốn cho dư luận bên ngoài hiểu rằng ông chịu áp lực của Hoa Kỳ vì vậy mà bằng mấy chữ tiếng Pháp ông tỏ vẻ khó chịu về những lời bàn của Ngoại Trưởng Rogers (mà tôi đã thuật lại trong bản tường trình gửi về cho ông). Sự thực thì với tính chần chừ, quá tính toán của ông, ông không bao giờ muốn có “initiative”.

Đúng một tháng sau hội nghị Midway, để chứng tỏ với dư luận Hoa Kỳ là chương trình rút quân đã thực sự bắt đầu, chính phủ Hoa Kỳ tổ chức một buổi lễ long trọng ngày 8 tháng 7 tại Seattle, một thành phố ở bờ biển miền Tây Bắc, tiếp đón một số đơn vị chiến đấu của Hoa Kỳ mới từ Việt Nam trở về. Cùng đi với đại tướng Westmoreland để thay mặt chính phủ Việt Nam cảm ơn những quân nhân đã sang giúp Việt Nam, hôm ấy tôi mới nhận thấy rõ rằng, ít ra trong nhất thời, ông Nixon đã đánh trúng được vào tâm lý người dân Hoa Kỳ. Hình ảnh của những người lính trở về, qua các máy truyền hình khắp nước, cho mọi người cảm tưởng là vũng lầy chiến tranh đã bắt đầu có lối thoát và đó chính là điều ông Nixon đang mong muốn để có thời giờ tìm một giải pháp mang lại hòa bình.

Ông Nixon còn gặp nhiều may mắn khác. Vào giữa tháng 7, tất cả ngoại giao đoàn được mời xuống Cape Kennedy, tiểu bang Florida để chứng kiến việc phóng phi thuyền lên cung trăng và từ đó cho đến cuối tháng 7, dân chúng Hoa Kỳ chỉ còn chú ý đến một chuyện, là các phi hành gia Mỹ đã đáp được xuống mặt trăng và trở về trái đất an toàn. Hình ảnh phi hành gia Armstrong bước xuống thang để đặt chân lên nguyệt cầu, quả là hình ảnh kỳ diệu chưa từng thấy trong lịch sử loài người. Dĩ nhiên ông Nixon là Tổng Thống đầu tiên được hưởng tiếng thơm, nhờ thành công vĩ đại của khoa học Hoa Kỳ. Ông bay sang tận bờ biển Hawaii để chờ lúc các phi hành gia bằng dù đáp xuống Thái Bình Dương. Rồi vài hôm sau, với vinh quang và thắng lợi của một đại cường, ông bắt đầu một cuộc công du sang mấy nước Á Châu. Ông thăm Việt Nam ngày 30 tháng 7, và trên đường đi Sài Gòn, ông dừng tại đảo Guam để đọc diễn văn quan trọng, công bố một quan niệm mới về viện trợ Mỹ; Hoa Kỳ vẫn hết

https://tieulun.hopto.org

sức giúp đỡ những quốc gia chống Cộng, nhưng phần vụ chính phải là của những nước đó. Đây là lập luận đưa tới việc Việt Nam hóa chiến tranh, và một chính sách toàn cầu của Mỹ, mà báo giới quốc tế gọi là chủ thuyết Nixon.

Đối với tôi, mùa hè năm ấy trôi qua nhẹ nhàng, tuy rằng cũng trong thời gian này, tôi mất một người bạn vong niên đã từng giúp đỡ tôi nhiều: Thượng Nghị Sĩ Everett Dirksen, Lãnh Tụ Thiểu Số, thuộc đảng Cộng Hòa. Ông từ trần đột ngột và tôi mất hẳn một người hướng dẫn thân tín mà tôi có thể nhờ mỗi khi phải tới Thượng Viện để vận động viện trợ cho Việt Nam. Tôi tới nghiêng mình trước linh cữu ông và nhớ lại buổi sáng mùa thu năm trước, ông đi một mình đến gõ cửa Sứ Quán để chuyển cho tôi lời nhắn của hai Tổng Thống. Rồi dường như những việc hiếu hỷ thường đi liền với nhau, bỗng dưng không hiểu do sáng kiến từ đâu, một buổi sáng chủ nhật, sau khi đi Việt Nam về, Tổng Thống Nixon mời cả gia đình tôi tới dự một buổi lễ giảng kinh tại tòa Bạch Ốc. Gia đình tôi là một gia đình Phật tử, nên không có lệ đi lễ ngày chủ nhật, nhưng ở vào một tình trạng bất khả kháng, hôm đó vợ chồng tôi cùng hai cháu gái, xúng xính trong bộ áo dài như ngày Tết, tới tòa Bạch Ốc, đáp lại một lời mời mà mọi người cho là một cử chỉ thân thiện của ông Tổng Thống. Người chủ lễ hôm đó là mục sư nổi tiếng Billy Graham. Vì là một buổi lễ ngay tại tòa Bạch Ốc, nên tất cả số người tham lễ chỉ có khoảng gần ba chục người gồm có gia đình ông Nixon, gia đình Bộ Trưởng Tư Pháp John Mitchell và một số bạn thân của Tổng Thống. Mục sư Billy Graham là một người thuyết pháp giỏi, nhưng hôm đó tôi mãi lo về hai con gái còn nhỏ, không biết có tránh được thất thố không, nên đến lúc ra về, không còn nhớ ông mục sư nói gì. Cũng may là buổi lễ cũng không quá lâu. Chúng tôi vui mừng ra về, cảm ơn ông bà Nixon đã dành cho gia đình chúng tôi một danh dự đặc biệt.

Trong suốt hai tháng 8 và tháng 9, cũng vì tình hình chính trị lắng dịu nên tôi được cơ hội đi thăm viếng một số kiều bào và các anh em sinh viên (lúc đó còn vắng) ở San Diego và San Jose, miền Tây Hoa Kỳ, cũng như ở trên Montréal, Gia Nã Đại, và đồng thời thù tiếp những phái đoàn từ Việt Nam tới "tham quan" Hoa Kỳ mỗi ngày một đông. Riêng từ giữa tháng 8 tới cuối tháng 9, có ba phái đoàn khác nhau của Thượng Viện Việt Nam tới thăm Hoa Thịnh Đốn, trước hết là phái đoàn của Nghị Sĩ Trần Văn Quá, rồi đến phái đoàn của các Nghị Sĩ Trần Trung Dung, Trần Ngọc Oánh, Lê Phát Đạt và sau hết là phái đoàn của Nghị Sĩ Trần Văn Đôn. Xen kẽ vào những phái đoàn trên đây là phái đoàn của những ông tòa Nguyễn Mộng Bích và Trần

https://tieulun.hopto.org

Văn Biện của Tối Cao Pháp Viện và phái đoàn của Tổng Liên Đoàn Lao Động Trần Quốc Bửu. Ấy là chưa kể một phái đoàn chính phủ do Ngoại Trưởng Trần Văn Lắm dẫn đầu tới dự hội nghị của những nước trong Liên Phòng Đông Nam Á (SEATO). Nhân dịp này tôi có đưa ông Lắm tới gặp Ngoại Trưởng Rogers và ông Kissinger. Phần trao đổi ý kiến với hai nhân vật Hoa Kỳ cũng không có gì đặc biệt tuy nhiên tôi có ghi lại một số ý kiến của ông Kissinger mà tôi vẫn nhớ mãi. Hôm ấy chúng tôi duyệt lại tình hình chung. Về phong trào phản chiến và những bài xã thuyết có tính cách chủ hòa trong giới báo chí Hoa Kỳ, ông Kissinger nói với chúng tôi là: "Hoa Kỳ không bao giờ tìm cách đâm sau lưng các ông và chúng tôi sẽ không thay đổi ý kiến. Tổng Thống Nixon và Tổng Thống Thiệu đã có sự thỏa thuận với nhau. Chúng tôi sẽ giữ đúng như sự thỏa thuận với nhau. Chúng tôi sẽ giữ đúng như sự thỏa thuận đó (We never try to stab you in the back and we are not going to change our mind. The two Presidents have an understanding among them and we are going to stick to that) (1)".

Thời gian lắng dịu của những tháng hè chẳng mấy chốc đã thoáng vụt qua. Vào cuối tháng 9 và đầu tháng 10, không những các sinh viên trở lại tựu trường mà Quốc Hội cũng họp trở lại, vì vậy bầu không khí chính trị ở thủ đô lại bắt đầu sôi động. Những tổ chức phản chiến để yên cho ông Nixon từ đầu năm, nay lại hoạt động. Họ lập một ủy ban phối hợp tất cả những hoạt động của nhiều nhóm và dự trù tổ chức một cuộc biểu tình lớn ở Hoa Thịnh Đốn vào ngày 15 tháng 10 gọi là Moratorium. Mười ngày trước cuộc biểu tình tôi gửi cho ông Thiệu một bức mật điện để tường trình về tình hình mới nguyên văn như sau:

"Những tổ chức phản chiến đã bắt đầu phối hợp hoạt động với những thành phần chủ hòa ở Quốc Hội Hoa Kỳ. Trong những ngày sắp tới chúng ta phải chờ đợi:

1/ Một cuộc biểu tình lớn sẽ được tổ chức tại thủ đô, học sinh và sinh viên trên toàn quốc sẽ nghỉ học để chống chiến tranh.

2/ Thượng Nghị Sĩ Goddell sẽ lại đưa ra thảo luận tại Thượng Viện kế hoạch rút hết quân trong năm 1970 (trong tình trạng hiện tại kế hoạch này khó có thể được chấp thuận, tuy nhiên đây là một cơ hội Ủy Ban Ngoại Giao mang vấn đề Việt Nam ra để chỉ trích chính phủ).

3/ Một số Thượng Nghị Sĩ khác sẽ đòi hỏi phải duyệt lại bản Quyết Nghị Vịnh Bắc Việt (Gulf of Tonkin Resolution) do Quốc Hội chấp thuận hồi tháng 8 năm 1964.

https://tieulun.hopto.org

4/ Thượng Nghị Sĩ Mansfield sẽ đưa ra thảo luận đề nghị của ông gồm có những điểm: rút quân, ngưng bắn và tổng tuyển cử với sự tham gia của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

5/ Sau cuộc biểu tình ngày 15 tháng 10 sẽ còn một cuộc biểu tình khác gọi là 'Biểu tình chống tử thần', March Against Death".

Tôi đã từng chứng kiến phong trào phản chiến dưới thời ông Johnson, nay mới chưa hết năm đầu trong nhiệm kỳ 4 năm của ông Nixon, mà phong trào đó đã rầm rộ trở lại, nên tôi lo ngại. Tôi nghĩ rằng có lẽ đa số trong hàng trăm ngàn người biểu tình, không hiểu rõ tính chất phức tạp của cuộc chiến mà họ đang chống đối. Nhưng làm thế nào để họ nhận ra rằng những kiến thức của họ nông cạn, phiến diện, và thỏa mãn những điều họ đòi hỏi chỉ có nghĩa là buộc miền Nam Việt Nam phải đầu hàng trước một chế độ độc tài tàn nhẫn?

Thực ra tôi có cảm tưởng như tất cả những cuộc biểu tình phản chiến, hay nói chung, hiện tượng chống đối vào thời ấy, một phần lớn phản ảnh những ấm ức trong tiềm thức của những cá nhân bất mãn đối với chính xã hội của họ. Tôi đã mục kích ở Pháp và ở Đức những vụ phá phách của hàng trăm ngàn sinh viên ở những nước ấy. Sự báo động của họ rõ ràng là không phải do chiến tranh Việt Nam. Tôi tự hỏi nếu không có chiến tranh Việt Nam, thì những sinh viên Hoa Kỳ có xuống đường không? Phải chăng chính xã hội Phương Tây đang trải qua một cuộc khủng hoảng tinh thần mà những nhà xã hội học chưa nhìn thấy? Không phải là tôi không hiểu những nỗi lo âu của những bà mẹ Hoa Kỳ đang có con chiến đấu ở Việt Nam, nhưng trong trường hợp xã hội Hoa Kỳ đang gặp khủng hoảng thì quả là bất công, nếu bắt người Việt Nam phải chịu đựng gián tiếp hậu quả tai hại của khủng hoảng đó.

Đúng như đã được loan báo, ngày 15 tháng 10 cuộc biểu tình Moratorium được tổ chức rầm rộ ở ngay Hoa Thịnh Đốn và đặc biệt hơn nữa, một ngày trước cuộc biểu tình "March Against Death" (15 tháng 11), tức là ngày 14 tháng 11, một cuộc biểu tình lớn đã được tổ chức ngay trước mặt Sứ Quán Việt Nam ở trung tâm thủ đô. Cảnh tượng những người la ó, bao vây tòa Đại Sứ chẳng khác nào một đoàn quân xung phong đang cố bao vây một tiền đồn. Vì được báo trước, hàng trăm nhân viên cảnh sát được huy động để ngăn chặn không cho đoàn biểu tình đến quá gần Sứ Quán. Qua cửa sổ, tôi và các nhân viên Sứ Quán nhìn xuống đường chỉ thấy toàn những mũ sắt và đám người biểu tình đang hung hăng hò hét trong ánh đèn chớp nhoáng của những xe cứu thương và của lựu đạn cay. Mãi đến khuya, họ mới giải tán.

https://tieulun.hopto.org

Về những cuộc biểu tình này, một hôm ông John Mitchell, Bộ Trưởng Tư Pháp và cánh tay phải của ông Nixon, có nói với tôi: "Tổng Thống Nixon không hề bị ảnh hưởng bởi những vụ chống đối". Chính tôi cũng hiểu ông Nixon là người gan dạ, nhưng tôi ngại rằng áp lực sẽ càng ngày càng tăng, và sớm hay muộn thì cũng sẽ đè nặng và lay chuyển thái độ của Hoa Kỳ đối với Việt Nam. Ông Nixon chỉ có thể cầm cự để có ngày giờ triệt thoái yên ổn quân Mỹ về nước, và rồi đây Việt Nam sẽ phải trông chờ vào chính mình mà thôi.

---

(1) Về sau này, trong giai đoạn có những sự khó khăn tại cuộc hòa đàm Ba Lê cuối năm 1972 và đầu năm 1973, tôi nhớ lại những lời nói ấy của ông và lúc ấy mới thấy tất cả sự mỉa mai trong đó.

https://tieulun.hopto.org

Chương 31
Phong Trào Phản Chiến Bùng Nổ Trở Lại

Mùa thu 1969, một số lớn các phong trào phản chiến của Hoa Kỳ thành lập một ủy ban phối hợp hoạt động và dự định tổ chức một loạt biểu tình, khởi đầu ngày 15 tháng 10 để đạt tới cao độ bằng một cuộc biểu tình thật lớn mà họ gọi là Biểu Tình Chống Tử Thần (March Against Death) ngày 15 tháng 11. Để ngăn chặn không cho phong trào lan rộng, ngày 3 tháng 11, Tổng Thống Nixon lên tiếng phản công. Trong một bài diễn văn đọc trên các đài truyền hình toàn quốc, ông trình bầy rõ ràng chính sách của chính phủ do ông lãnh đạo: Việt Nam hóa chiến tranh và đồng thời tìm một giải pháp chấm dứt chiến tranh qua cuộc hòa đàm. Ông kêu gọi những người mà ông cho là thuộc thành phần đa số ủng hộ chính sách của ông, và gọi họ là "đa số thầm lặng". Ông Nixon đạt được kết quả không ngờ. Không những ông trấn an được dư luận đang bị hoang mang mà ông còn thuyết phục được một số những Thượng Nghị Sĩ và Dân Biểu Hoa Kỳ vẫn thường chống đối chính sách của ông. Vì vậy mà mặc dầu ngày 15 tháng 11 có tới hơn 250 ngàn người xuống đường, vừa hung hăng phá phách vừa tung cờ Việt Cộng, ngay sau đó phong trào bỗng dưng lắng xuống và những tổ chức thăm dò dư luận cho biết là số người ủng hộ ông Nixon tăng vọt hẳn lên. Rồi có lẽ cũng vì "đa số thầm lặng" đã đứng về phía ông và vì sắp tới mùa lễ Giáng Sinh, nên tình hình chính trị ở Hoa Thịnh Đốn trở nên yên tĩnh khác thường. Tiện dịp này, tôi xin phép trở về Việt Nam để tường trình công việc. Rời Hoa Kỳ đầu tháng 12, tôi bay qua Nhật Bản và nghỉ hai ngày ở vùng núi tuyết Hakone cùng với một số bạn Nhật và sau đó về tới Sài Gòn ngày 6 tháng 12.

Chủ ý của tôi lần này là chia sẻ với và những người có trách nhiệm trong chính phủ mối lo âu của tôi về những phong trào phản chiến ở Hoa Kỳ và tìm hiểu thêm về những nhu cầu của quân đội Việt Nam. Theo tôi nghĩ thì mặc dầu tình hình có tạm lắng nhưng cũng chỉ là nhất thời, vì vậy mà tôi muốn lưu ý ông Thiệu và chính phủ là không nên lạc quan quá sớm. Ngoài ra, việc tăng cường gấp quân đội Việt Nam là một bảo đảm tối thiểu và tối cần trong tương lai rất gần, nên tôi càng muốn biết rõ các điều kiện, và có nhiều hơn tài liệu để

https://tieulun.hopto.org

còn họp bàn với các tướng lãnh và những cấp hữu trách tại Hoa Thịnh Đốn.

Trong gần hai tuần lễ ở nhà, tôi may mắn được dịp đi thăm vài đơn vị đang hành quân và một số trại gia binh ở vùng Biên Hòa. Tại đây tôi mới thấy rõ đời sống khó khăn của gia đình những người chiến đấu. Những điều mắt thấy tai nghe trong dịp này về những nhu cầu của quân đội (ngoài những nhu cầu thuần túy quân sự) như: giúp đỡ gạo và xây cất trại gia cư cho gia đình quân nhân, giúp đỡ thêm lương khô và mở mang quân tiếp vụ, v.v… chính là điều cần đưa ra trong dịp thảo luận với chính phủ Hoa Kỳ về chương trình Việt Nam hóa bắt đầu từ 1970. Ông Kỳ cũng giúp tôi gặp một số tướng lãnh bạn ông như các tướng Nguyễn Đức Thắng và Lê Nguyên Khang. Tôi có họp riêng ngày 11 tháng 12 với ông Thiệu về tình hình chính trị ở Hoa Kỳ. Vài hôm sau, ông Thiệu triệu tập một phiên họp đặc biệt để bàn xét và cho tôi chỉ thị về chương trình rút quân quân đội Mỹ và việc tăng cường quân đội Việt Nam. Có mặt hôm đó là Phó Tổng Thống Kỳ, Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm, Tổng Trưởng Quốc Phòng Nguyễn Văn Vỹ, Tổng Tham Mưu Cao Văn Viên. Tôi trở sang Hoa Kỳ với chiếc cặp đầy tài liệu cần thiết, hy vọng làm được chút gì để thúc đẩy giới hữu quyền Hoa Kỳ cấp tốc và tích cực giúp đỡ quân lực Việt Nam.

Vào những ngày đầu năm 1970 ở Hoa Thịnh Đốn tiết trời giá lạnh, tuyết xuống nhiều. Một phần vì vậy, nhưng một phần lớn cũng vì quân đội Hoa Kỳ đã được rút dần về và do đó số thương vong cũng xuống nhiều, nên bầu không khí chính trị thật lắng dịu so với những ngày sôi động của mùa thu. Được cơ hội thuận tiện và hơn nữa lại có đủ chỉ thị của chính phủ cùng với những tài liệu mới thâu thập được trong chuyến về Việt Nam, tôi dành một phần lớn thời giờ của tôi vào việc thảo luận với những giới chức Hoa Kỳ về vấn đề tăng cường quân lực Việt Nam. Lúc này ủy ban "ad-hoc committee" thành lập năm trước đã được đổi thành một ủy ban đặc nhiệm (Vietnam Task Force) dưới sự điều khiển của tướng Blanchard, đại diện cho Bộ Trưởng Quốc Phòng Melvin Laird. Tại những buổi họp của ủy ban này, tôi nêu lên tất cả những nhu cầu cấp thiết của quân đội Việt Nam như tăng quân số, thêm hỏa lực, trang bị cho nhân dân tự vệ và cải thiện đời sống cho gia đình những binh sĩ Việt Nam. Rồi sau đó cùng với ông Sullivan, đại diện bộ Ngoại Giao đến gặp thẳng ông Bộ Trưởng Quốc Phòng Laird để thúc đẩy việc thực hiện những điều đã được thỏa thuận ở cấp ủy ban.

https://tieulun.hopto.org

Trong suốt hai tháng còn lại của mùa đông năm ấy, tình hình chính trị vẫn tiếp tục ở trong tình trạng lắng dịu, vì vậy mà tôi có được một chút thảnh thơi nhận lời mời đi nói chuyện của một số tổ chức và trường Đại Học, như San Diego World Council, Long Beach University ở Califonia, University of South Carolina và đi dự lễ mãn khóa của những khóa sinh Việt Nam tại một số những trường huấn luyện quân sự như trường huấn luyện phi công trực thăng ở Fort Hunter tại tiểu bang Georgia và một số cơ sở quân sự khác như Fort Walters tại tiểu bang Texas (1). Nhưng tất cả cũng chỉ được một thời gian ngắn ngủi vì một số biến chuyển quốc tế bất ngờ làm đảo lộn cả tình thế và gây ra những ảnh hưởng dây chuyền đến tình hình chiến cuộc ở Việt Nam.

Ngày 17 tháng 3, ở xứ Chùa Tháp, một cuộc đảo chính chớp nhoáng do tướng Lon Nol cầm đầu lật đổ chế độ của ông Hoàng Sihanouk lúc đó còn đang chữa bệnh ở Âu Châu. Nếu cuộc đảo chính xẩy ra ở một nước xa xôi nào đó thì vấn đề có lẽ chỉ là một vấn đề nội bộ của nước ấy. Trường hợp ở đây lại khác hẳn. Cuộc đảo chính xẩy ra ở một nước láng giềng, ngay sát cạnh Việt Nam. Hơn nữa không ai không biết là những đơn vị của Cộng Sản Bắc Việt đóng quân và hoạt động ngay ở trên lãnh thổ Cao Miên giáp giới với Việt Nam. Ông Hoàng Sihanouk từ trước đến nay vẫn làm ngơ trước tình trạng này vì không làm gì hơn được (cũng như ông đã làm ngơ trong trường hợp một đôi khi những phi cơ B.52 của Hoa Kỳ dội bom vào vùng biên giới này) nhưng nay những người mới lên cầm quyền thì thái độ sẽ ra sao? Chiến cuộc ở Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng tới mức nào? Trong những tuần lễ đầu sau cuộc đảo chính thì tất cả chỉ là một tình trạng hỗn loạn gồm có cả những vụ tàn sát kiều dân người Việt buộc chính phủ Việt Nam phải lên tiếng phản đối và cảnh cáo, nhưng đến cuối tháng 3 thì tình trạng bỗng nhiên trở thành một tình trạng chiến tranh lan rộng. Không hiểu vì không biết tự lượng sức mình hay có một lý do nào khác thúc đẩy, chính phủ Lon Nol từ bỏ thái độ trung lập làm ngơ của ông Sihanouk lúc trước và ra lệnh cho quân đội tấn công vào những vùng biên giới phía Đông, sát với Việt Nam, nơi đồn trú của những lực lượng Cộng Sản được ước lượng vào khoảng từ 35 ngàn cho đến 40 ngàn quân. Quyết định này của chính phủ Lon Nol có hậu quả là phá vỡ cả thế quân bình giữa các lực lượng quân sự ở miền biên giới giữa Cam Bốt và Việt Nam và gây ra một loạt những ảnh hưởng dây chuyền liên hệ đến chiến cuộc ở Việt Nam và tình hình chính trị ở Hoa Kỳ.

https://tieulun.hopto.org

Một trong những ảnh hưởng trực tiếp nhất của tình trạng mới trên đây là cuộc hành quân của những lực lượng đồng minh, Việt và Mỹ, nhắm vào những căn cứ của Cộng Sản ở miền biên giới, được khởi sự ngay sau khi quân đội của tướng Lon Nol tấn công cũng vào những căn cứ đó. Nếu chỉ nói về mặt lý thuyết thì quả thực những đơn vị Cộng Sản bị lâm vào tình trạng bị tấn công từ hai phía nhưng trên thực tế thì tình trạng lại khác hẳn. Vì biết rõ quân đội Cam Bốt còn yếu kém làm cho tình hình trở nên sôi sục. Tôi điện về cho ông Thiệu ngày 7 tháng 5 như sau:

"Bầu không khí ở Hoa Thịnh Đốn lúc này thật nặng nề vì những cuộc tranh luận sôi nổi tại Quốc Hội, vì những lời kêu gọi biểu tình của sinh viên và các nhóm phản chiến. Tin tức trên các báo và đài truyền hình toàn là về chiến sự Cam Bốt và những cuộc biểu tình. Sống ở Hoa Kỳ lúc này khó ai có thể tránh khỏi bị lôi kéo vào bầu không khí sôi sục của tình hình".

Hai ngày hôm sau, thứ bẩy 5 tháng 9, hơn 100 ngàn người biểu tình tụ họp ngay phía sau tòa Bạch Ốc và cảnh sát phải dùng xe buýt để dàn thành hàng rào ngăn chặn đám biểu tình. Cảnh tượng trông chẳng khác gì chính Tổng Thống Nixon đang bị bao vây. Nhân viên Sứ Quán được cử đi theo dõi cuộc biểu tình đều lấy làm lạ về sự phẫn nộ của đám đông. Nếu cứ nhìn vào bề ngoài thì xã hội Hoa Kỳ như đang bị xé nát ra thành từng mảng, chống đối nhau kịch liệt về vấn đề Việt Nam.

Cũng trong những ngày này, Đại Sứ Bunker từ Sài Gòn trở về Hoa Thịnh Đốn. Cùng với hai ông Habib và Sullivan, ông Bunker đến thăm tôi và cho biết chi tiết cuộc hành quân và tỏ vẻ lạc quan là quân đội Hoa Kỳ sẽ có thể sớm rút về Việt Nam, sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ phá vỡ những cơ sở của đối phương trên lãnh thổ Cam Bốt. Tuy mọi người đều vững tâm vì những tin tức lạc quan này, nhưng riêng tôi thì chẳng thế nào quên được cảnh tượng những cuộc biểu tình nhìn thấy qua khung cửa Sứ Quán hoặc hàng ngày trên các đài truyền hình. Tôi có cảm tưởng tất cả những cố gắng của ông Nixon để mua thời gian, như loan báo tin rút từng đợt quân về, Việt Nam hóa chiến tranh và kêu gọi "đa số trầm lặng", đều bị lãng phí cả. Dĩ nhiên khi ra lệnh cho quân đội Hoa Kỳ tấn công vào những căn cứ Cộng Sản, ông Nixon cũng đạt được nhiều thắng lợi quân sự (đối phương rồi đây sẽ phải mất cả năm mới thiết lập lại được những căn cứ cũ). Nhưng nhiều người cho rằng vì đã quá tự tin, ông đã khơi động trở lại phong trào chống đối chiến tranh và do đó ăn vào số vốn ít ỏi mà ông đã tạo được. Số vốn đó là sự kiên nhẫn của dân chúng Hoa Kỳ và thời

https://tieulun.hopto.org

gian dành cho ông để chấm dứt chiến tranh. Trong những bản mật điện hàng ngày gửi về Sài Gòn tôi đều ghi rõ những nhận xét đó và luôn tiện lúc đó có nhiều phái đoàn từ Việt Nam qua, tôi cũng tìm cách trình bầy sự thực như tôi đã nhìn thấy để mọi người thấy rõ (2).

Ít lâu sau tình hình tạm lắng, tôi yêu cầu được trở về tường trình công việc và luôn tiện để sửa soạn cuộc viếng thăm của Ngoại Trưởng Rogers được dự định vào đầu tháng 7.

Tôi về đến Sài Gòn ngày 1 tháng 7. Cũng như nhiều lần trước và nhiều lần về sau này, mỗi lần trở về tôi đều nhận thấy ngay sự cách biệt giữa hai bầu không khí chính trị ở Hoa Thịnh Đốn và Sài Gòn. Trái ngược hẳn với bầu không khí sốt ruột ở Hoa Kỳ gây ra bởi cuộc tấn công qua biên giới Cam Bốt, bầu không khí ở Việt Nam có vẻ như thản nhiên, để ý đến hiện tại nhiều hơn là tương lai. Người ta không bàn nhiều đến hậu quả của cuộc tấn công đối với dư luận Hoa Kỳ, mà chỉ nói đến những chiến lợi phẩm thâu thập được bởi những đơn vị của Việt Nam, coi đó như là những chiến công của tướng Đỗ Cao Trí, người chỉ huy cuộc hành quân.

Ngoại Trưởng Rogers đến Việt Nam ba ngày ngay sau khi tôi về tới Sài Gòn. Theo tôi hiểu thì cuộc viếng thăm của ông lần này không có mục đích gì rõ rệt. Một mặc chính phủ Hoa Kỳ lúc nào cũng sốt ruột muốn kiếm một lối thoát tại cuộc hòa đàm, và mặt khác đằng nào trong chuyến đi một vòng các nước ở Á Đông ông cũng phải ghé Việt Nam nên ông muốn nhân dịp đó thảo luận với chính phủ Việt Nam về một loạt vấn đề như ngưng oanh tạc, ngưng bắn, sáng kiến hòa bình, v.v… Cùng đi với ông có ông Sullivan và trong hai ngày liền, ngày 3 và 4 tháng 7, ông Thiệu yêu cầu tôi tới cùng ông họp với hai ông Rogers, Sullivan và Đại Sứ Bunker.

Buổi họp hôm ấy chỉ có tính cách trao đổi ý kiến và không mang lại kết quả cụ thể nào, tuy nhiên tiệc tùng cũng mất vài ngày, nên mãi cả đến gần một tuần sau tôi mới được gặp riêng ông Thiệu và có dịp tường trình một cách đầy đủ về những phong trào phản chiến đang bùng nổ trở lại và ảnh hưởng của tình trạng mới đó đối với chính sách Hoa Kỳ trong tương lai. Lần này tôi trở về Việt Nam, ông Thiệu có nhã ý dành cho tôi nhiều thời giờ. Ngoài những buổi họp chung với những Tổng Trưởng liên hệ như tướng Nguyễn Văn Vỹ về vấn đề tăng cường quân đội và ông Phạm Kim Ngọc về vấn đề kinh tế và viện trợ Hoa Kỳ, ông họp riêng với tôi nhiều lần. Thực ra tôi không có cách nào làm khác hơn. Tôi nhấn mạnh đến dư luận Hoa Kỳ, một yếu tố mà tôi cho là đặc biệt quan trọng trong bài toán đo lường chính sách của Hoa Kỳ. Trong một nước dân chủ như Hoa Kỳ,

https://tieulun.hopto.org

Tổng Thống không phải là người đơn phương muốn làm gì thì làm, ngoài ra Quốc Hội là cơ quan nắm giữ quyền quyết định về ngân sách, nếu Quốc Hội chạy theo dư luận không biểu quyết ngân khoản để dùng vào chiến tranh thì Tổng Thống cũng đành chịu (đó chính là trường hợp đã xảy ra năm 1973 và 1974). Tôi trình bầy với ông Thiệu là những phong trào phản chiến công kích chính sách của chính phủ Hoa Kỳ nhưng đồng thời cũng chĩa mũi dùi vào chính phủ Việt Nam, nêu ra nào là tình trạng tham nhũng, nào là sự chia rẽ trong hàng ngũ những người quốc gia Việt Nam, vì vậy chính phủ Việt Nam cần phải chứng tỏ quyết tâm bài trừ tham nhũng và xây dựng đoàn kết giữa những người quốc gia. Quyết tâm đó không những sẽ gây ấn tượng tốt trong dư luận Hoa Kỳ mà còn có thể củng cố thêm nội bộ Việt Nam.

Về những vấn đề nội bộ này, vì ở xa nên tôi không được rõ lắm nhưng mỗi lần về nước đều được nghe đủ mọi chuyện, "hạm" lớn, "hạm" nhỏ, rồi đến bè phái, nhóm này nhóm khác. Tất cả những chuyện đó, không nhiều thì ít, chắc chắn là có, nên trong những dịp gặp ông Thiệu tôi vẫn thường lưu ý ông, là nếu còn muốn giữ một phần nào dư luận của Hoa Kỳ về phía mình, thì việc lành mạnh hóa bộ máy chính quyền và mở rộng chính phủ là những việc phải làm. Tôi không đo lường được phản ứng của ông Thiệu nhưng nghĩ rằng đó là điều cần thiết, nên không những tôi trình bầy với ông Thiệu mà còn chia sẻ cả với một số bạn quan tâm đến vấn đề. Ngoài ra, vì nghĩ rằng trong số những người có thể ảnh hưởng ông Thiệu có lẽ không ai bằng Đại Sứ Bunker, nên tôi không ngần ngại trao đổi ý kiến với ông như tôi vẫn thường làm mỗi khi tôi trở về Việt Nam hay ông trở về Hoa Kỳ. Cũng giống như tôi, ông phải đối phó với thực tế chính trị ở cả hai nơi, Hoa Thịnh Đốn và Sài Gòn, nên cái nhìn của ông trong một vài trường hợp cũng không khác tôi nhiều. Ông bảo tôi: "Anh nên tìm cách trực tiếp đặt vấn đề với ông Thiệu và nói rõ cho ông ấy rằng cần phải có những biện pháp cải thiện tình hình, đặc biệt là để gây ấn tượng tốt đối với dư luận Hoa Kỳ. Có như vậy thì mới dễ dàng tranh đấu để viện trợ được tiếp tục". Rồi như để chứng tỏ là ông biết nhiều về những vụ tham nhũng ông đưa ra cho tôi xem một tập hồ sơ dầy cộm mà người Hoa Kỳ đã thâu nhập được về một số nhân viên trong chính phủ Việt Nam có hành vi tham nhũng. Ông nói: "Tôi có đề cập vấn đề với ông Thiệu nhưng anh cũng nên nói thẳng với ông ấy". Thực sự tôi chưa lúc nào nổi nóng với ông Bunker bằng lúc này nên trả lời ngay: "Tôi không ngần ngại trình bày sự thực, nhưng đại sứ Hoa Kỳ với tất cả ảnh hưởng của một cường quốc ở sau lưng mà

https://tieulun.hopto.org

không thuyết phục được ông Thiệu, thì một đại sứ quèn như tôi còn nói gì được!"

Sau nhiều năm làm việc cùng với ông Bunker và hiểu sự chân thật của ông, tôi có nhiều cảm tình với ông nhưng không đồng ý về cách xử sự của ông với ông Thiệu. Theo tôi hiểu thì trong tất cả những đại sứ Hoa Kỳ ở Việt Nam, ông là người đại sứ được ông Thiệu kính nể hơn cả. Đối với ông Cabot Lodge, ông Thiệu còn nhiều nghi ngờ, còn đối với ông Martin, ông Thiệu chưa được biết rõ lắm nhưng đối với ông Bunker thì không những ông Thiệu có thiện cảm và kính nể mà còn có vẻ như biết ơn nữa, vì chính ông Bunker là người đã ủng hộ ông Thiệu trong những ngày khó khăn, bắt đầu từ năm 1967 khi có sự tranh chấp giữa hai người, ông Thiệu và ông Kỳ. Vừa là đại diện của một cường quốc lớn mà thái độ có giá trị quyết định đối với cuộc chiến ở Việt Nam, vừa có một tư thế đặc biệt, ông Bunker chắc chắn phải là người có nhiều ảnh hưởng đối với ông Thiệu. Với dáng dấp của một nhà ngoại giao lão thành, lúc nào cũng nghiêm trang, lịch sự, hoà nhã, ông xử sự với ông Thiệu như không muốn làm phật lòng người mình đang che chở, vì vậy mà đối với vấn đề gì ông cũng chỉ nói phớt qua một lượt và chỉ trở lại trong trường hợp thật bất đắc dĩ. Có lẽ ông cho thế là đủ vì đó là tập quán nói rất ít và nửa chừng (understatement) của những người sinh trưởng trong những gia đình cổ ở miền Đông Bắc Hoa Kỳ (New England) như ông. Nếu tôi không nhầm thì cách cư xử này đối với ông Thiệu không mang lại nhiều kết quả. Thực ra, ông Thiệu chẳng bao giờ từ chối việc gì, nhưng với tính đa nghi sẵn có, ông ít khi giải quyết ngay một việc gì. Ông chờ đợi, và nếu thấy không có áp lực nào mạnh từ phía Hoa Kỳ thì ông để cho vấn đề trôi đi với thời gian hay bị vùi lấp bởi những vấn đề khác khẩn thiết hơn. Phương pháp này của ông Thiệu quả là một phương pháp hữu hiệu đối với lề lối nhẹ nhàng và cả nể của ông Bunker. Đã có lần bực mình vì những sự trì hoãn không muốn giải quyết cho vấn đề của chính phủ ở Sài Gòn, tôi nghĩ đến những câu nói của Bộ Trưởng Quốc Phòng Clark Clifford với tôi hồi hè sau Tết Mậu Thân. Ông dằn từng tiếng một: "Chúng tôi ngán đến tận cổ rồi… Nhân dân hoa Kỳ quá mệt mỏi và sự ủng hộ của chúng tôi chỉ có giới hạn!" Lúc đó tôi cảm thấy nhục nhã, khó chịu nhưng về sau này đã hơn một lần tôi tự hỏi nếu ông Bunker thẳng thừng nói với ông Thiệu những điều cần nói thì tình hình sẽ ra sao?

Nói cho cùng, nếu luận về chính trị nội bộ của Việt Nam mà đổ lỗi cho ông Bunker thì cũng quá đáng. Ông là một nhà ngoại giao có thừa khả năng để trình bày một cách trung thực chính sách của

https://tieulun.hopto.org

chính phủ Hoa Kỳ, nhưng ngoài ưu tiên số một là giữ được miền Nam Việt Nam luôn luôn trong tình trạng ổn định (trong giai đoạn đầu là để theo đuổi mục đích chiến tranh và trong giai đoạn cuối là để có thể rút ra trong vòng trật tự) chính phủ Hoa Kỳ chưa bao giờ thực sự để ý đến tình trạng nội bộ của Việt Nam. Mục đích sự can thiệp của Hoa Kỳ không phải là xây dựng dân chủ hay lành mạnh hoá xã hội Việt Nam. Nếu có chăng đi nữa trong nhất thời, thì cũng chỉ nhằm làm dịu dư luận của dân chúng Hoa Kỳ để chính phủ Hoa Kỳ tiếp tục theo đuổi chính sách ngăn chặn Cộng Sản ở Đông Nam Á. Nhiều khi sự ổn định mà họ cố giữ chỉ là giả tạo hay mỏng manh, thiếu hẳn cội rễ trong dân chúng. Đây không phải là điều trách cứ họ được, nhưng nhà cầm quyền ở Việt Nam đáng lẽ ra đã phải để ý để đánh giá được đúng mức chính sách của họ.

Tôi ở Sài Gòn được hơn hai tuần, đã sắp sửa lên đường trở về Hoa Kỳ thì lại có tin Đại Sứ David Bruce đến Sài Gòn. Ông David Bruce là người vừa được Tổng Thống Nixon chỉ định để thay thế ông Cabot Lodge làm trưởng phái đoàn tại cuộc hoà đàm ở Ba Lê. Do lời yêu cầu của Ngoại Trưởng Trần Văn Lắm, tôi ở lại thêm ít bữa.

Cứ mỗi lần có chuyện thay đổi nhân sự ở những chức vụ quan trọng thì người ta đồn đại. Người ta đồn rằng đại sứ Bruce là người đã nhiều tuổi và được kính trọng trong các giới ngoại giao quốc tế, nếu ông nhận làm trưởng phái đoàn thì chắc phải có điều mới lạ. Được gặp ông trong hai buổi họp, ngày 24 và 25 tháng 7, một buổi cùng với Ngoại Trưởng Lắm và một buổi trong bữa cơm trưa với Cụ Chủ Tịch Thượng Viện Nguyễn Văn Huyền và ông Bunker, tôi hỏi ông về những lời đồn đại đó và được ông trả lời là tinh thần trách nhiệm buộc ông phải nhận lời mời của Tổng Thống Nixon, nhưng ông không tin tưởng là sẽ có điều gì mới lạ tại cuộc hoà đàm trong một tương lai ngắn hạn, vì sau những cuộc biểu tình rầm rộ chống chiến tranh ở Hoa Thịnh Đốn, Cộng Sản có lẽ còn đang chờ đợi xem ông Nixon có thay đổi thái độ không. Vào thời điểm này, tôi hoàn toàn mù tịt không biết gì về những vụ tiếp xúc bí mật giữa ông, Kissinger và Xuân Thủy hay Lê Đức Thọ và như về sau này được tiết lộ, trong giai đoạn đầu của những sự tiếp xúc đó, chính Ngoại Trưởng Rogers cũng không được thông báo, còn về ông Thiệu thì tôi nghĩ là có lẽ ông cũng chỉ biết là có sự tiếp xúc, nhưng không được biết nội dung ra sao. Trong chính trị và trên trường ngoại giao quốc tế không ai chờ đợi sự chân thật, nhưng lề lối làm việc giấu giếm giữa hai người cộng sự viên gần nhất của Tổng Thống Hoa Kỳ là ông Kissinger và Ngoại Trưởng Rogers, cũng như thái độ không cần thiết, thiếu xứng đáng của một

https://tieulun.hopto.org

cường quốc lớn như Hoa Kỳ đối với một nước nhỏ bé như miền Nam Việt Nam, quả thực là những điều không mấy ai nghĩ tới.

Tôi rời Việt Nam lên đường về Hoa Kỳ vào cuối tháng 8. Cũng may là trong mấy tháng hè phần lớn những sinh viên ở các trường Đại Học trở về với gia đình và Quốc Hội nghỉ họp để cho các Dân Biểu và một số Thượng Nghị Sĩ về các tiểu bang sửa soạn cuộc bầu cử Hạ Viện và bán phần Thượng Viện, ngoài ra quân đội Hoa Kỳ và quân đội Việt Nam sau cuộc hành quân chớp nhoáng ở Cam Bốt cũng đã rút về Việt Nam, nên sau mấy tháng căng thẳng, chẳng khác nào như nước thuỷ triều lên xuống, tình hình nay lại tạm yên.

Vào đầu tháng 9 trong lúc tôi đang còn đang lo lắng sửa soạn đối phó với một mùa thu mà tôi nghĩ có thể sóng gió, thì một chuyện rắc rối bất ngờ lại từ đâu đến. Ông Kỳ, lúc đó ở Ba Lê gọi dây nói và yêu cầu tôi sửa soạn thu xếp cho ông một cuộc viếng thăm Hoa Kỳ. Ông đã nhận lời tới dự một cuộc biểu tình ở Hoa Thịnh Đốn do một mục sư tên là McIntire tổ chức vào đầu tháng 10. Trước hết tôi thật sự không biết rõ mục sư McIntire là ai, khuynh hướng ra sao, sau nữa là tôi biết chắc ông Kỳ cũng không biết gì về McIntire và đã nhận ầu lời mới chỉ vì lâu ngày ở Pháp không có việc gì làm, muốn thay đổi không khí. Từ ngày có một cuộc hoà đàm bốn bên ở Ba Lê năm 1969, ông vẫn là người được giao trách nhiệm theo dõi cuộc hoà đàm và vài tháng một lần ông lại bay qua Ba Lê. Ông Thiệu cử ông giữ trách nhiệm này có lẽ cũng chỉ vì muốn đẩy ông đi xa khỏi chính trường Việt Nam, còn ông thì vì bản tính đã sẵn vô tâm lại thêm ở vào địa vị Phó Tổng Thống, không có trách nhiệm đặc biệt, nên nhận đi Ba Lê cũng không phải là một sự thiệt hại gì.

Ngay từ lúc có điện thoại của ông Kỳ, tôi đã hết sức ngại ngùng nhưng cũng cố tìm hiểu xem ông McIntire thuộc thành phần nào. Thì ra ông là một mục sư thuộc một tổ chức cực hữu và ông dự định tổ chức một cuộc biểu tình gọi là "Diễn Hành cho Chiến Thắng" (March for Victory) và ngày 3 tháng 10. Có người tổ chức biểu tình ủng hộ Việt Nam, là người Việt ai mà không mừng, nhưng tình hình thực sự không đơn giản. Trong một bầu không khí chính trị lúc nào cũng tiềm tàng những phong trào phản chiến, thì một cuộc biểu tình do phía cực hữu tổ chức làm sao tránh khỏi được những phản ứng của phía cực tả? Một McIntire đã đủ gây sự chống đối của phe phản chiến, nay lại thêm một ông Kỳ với những tuyên bố thường không mấy khi được cân nhắc cẩn thận, thì quả là một ngòi thuốc súng khơi động trở lại sự chống đối? Cùng một lúc với những cố gắng của tôi để tìm hiểu về nhân vật McIntire thì chính phủ Hoa Kỳ cũng được tin về

https://tieulun.hopto.org

dự định của ông Kỳ và bắt đầu có phản ứng. Ai cũng ngại là phong trào phản chiến nhân dịp đó sẽ bùng nổ trở lại, nên trong mấy ngày liền tôi nhận được điện thoại từ mọi phía, hết ông Kissinger gọi thì lại đến Ngoại Trưởng Rogers và các ông Marshall Green và Sullivan gọi, năn nỉ yêu cầu tôi khéo léo khuyên can ông Kỳ. Tôi suy nghĩ mãi nhưng rồi cũng gửi mật điện sang Ba Lê thuyết phục ông nên tìm cách từ chối lời mời của McIntire. Ông tỏ vẻ không bằng lòng về những lời khuyên can của tôi, trả lời tôi là ông vẫn giữ ý định sang thăm Hoa Kỳ và trong cả một tuần lễ không liên lạc gì với tôi nữa. Lúc này thì cái lo của tôi về phong trào phản chiến thì ít, mà cái lo về thái độ của chính phủ Hoa Kỳ thì nhiều. Tôi lo rằng nếu ông cứ nhất định làm theo ý muốn của ông, chính phủ Hoa Kỳ có thể sẽ không dành cho ông một sự đón tiếp xứng đáng và lúc đó thì sẽ là một sự bẽ mặt chung cho mọi người. Dầu sao ông cũng là Phó Tổng Thống của một nước mà tôi đang là người đại diện.

May cho tôi là vài ngày sau, cũng do những chuyện từ đâu tới, giúp tôi ra khỏi một tình trạng khó xử. Trung tuần tháng 9, trong lúc tôi đang thù tiếp một loạt khách từ bên nhà qua (phái đoàn của các Nghị Sĩ Đỗ Quang Giai, Trần Văn Đôn và bà Nguyễn Văn Thơ rồi đến phái đoàn của Ngoại Trưởng Trần Văn Lắm) thì nhận được điện của ông Kỳ mời tôi qua Ba Lê. Ngày 26 tháng 9, ông Kissinger sẽ có một buổi họp ở Ba Lê với trưởng phái đoàn mới của Hoa Kỳ tại cuộc hoà đàm là Đại Sứ Bruce và nhân dịp này muốn đến thăm phái đoàn Việt Nam, nên ông cần có sự có mặt của tôi. Được cơ hội làm một công đôi việc, ngày 24 tôi lấy ngay máy bay qua Pháp, hy vọng sẽ có thời giờ giáp mặt thuyết phục ông bỏ ý định sang Hoa Kỳ.

Tới Ba Lê sáng ngày 25, tôi có cả một ngày để nói chuyện với ông Kỳ và đến ngày hôm sau thì có buổi họp cùng với ông Kissinger và hai ông Bruce và Habib ở ngay nơi tạm trú của phái đoàn Việt Nam gần rừng Boulogne. Về phía Việt Nam hôm ấy, ngoài ông Kỳ còn có Đại Sứ Phạm Đăng Lâm, anh Đặng Đức Khôi, phụ tá của ông Kỳ và tôi. Buổi họp kéo dài gần hai tiếng đồng hồ, tuy nhiên về phần thực chất thì không có gì đặc biệt. Ông Kissinger hỏi nhiều về tình hình quân sự ở Việt Nam, yêu cầu phía Việt Nam cho ông những nhận xét và lượng định về thái độ của đối phương sau vụ hành quân qua Cam Bốt và sau hết nhấn mạnh đến sự phái có "sáng kiến hoà bình" ("peace initiative") để đẩy mạnh cuộc đàm phán và trấn an dư luận Hoa Kỳ. Phía Việt Nam thấy ông nói đến "sáng kiến hoà bình" liền hỏi ngay là Hoa Kỳ có dự định đưa ra sáng kiến nào không thì ông trả lời một cách tổng quát là chính phủ Hoa Kỳ sẽ tham khảo

https://tieulun.hopto.org

nhiều hơn với chính phủ Việt Nam về vấn đề này. Ngày hôm sau, bất kỳ ai theo dõi tin tức đều biết rằng ông Kissinger đã tới thăm Phó Tổng Thống Kỳ và phái đoàn Việt Nam, vài người cho rằng đó là một cử chỉ xã giao của ông Kissinger khi ông có mặt ở Ba Lê. Không ngờ rằng (quả thật là hoàn toàn không ngờ và mãi về sau mọi người mới biết) sau khi công khai gặp ông Kỳ ngày 26, hôm sau ngày 27, ông Kissinger đã bí mật gặp đại diện Bắc Việt Xuân Thủy và giấu kín không báo cho chúng tôi biết. Hoá ra ông Kissinger đến Ba Lê với nhiều mục đích: gián tiếp nói với ông Kỳ là vì đã có buổi gặp gỡ ở Ba Lê thì ông Kỳ khỏi cần phải tới Hoa Thịnh Đốn, và luôn tiện dùng chúng tôi như một chiếc bình phong để che đậy những hoạt động bí mật khác của ông. Ông có tài diễn xuất che giấu mọi người, và người ta có thể coi đó như một tấn tuồng mà người Pháp thường gọi là "théatre de fantômes". Tôi trở về Hoa Kỳ ngay buổi trưa ngày 27 và ngoài những chuyện không biết về ông Kissinger, cũng đạt được một kết quả làm cho tôi nhẹ hẳn người là thuyết phục được ông Kỳ thôi không dự cuộc biểu tình của McIntire.

Thực ra những chuyện lủng củng của tôi với ông Kỳ về vụ biểu tình này mãi đến cả một tuần lễ sau mới chấm dứt. Khi tôi ở Ba Lê về, ông đã thoả thuận tìm cách từ chối lời mời của McIntire. Vài ngày sau, không hiểu nghe lời ai, ông Kỳ lại gọi dây và nói bảo tôi là bà Kỳ sẽ thay mặt ông tới dự cuộc diễn hành. Tôi chưa bao giờ giận ông bằng lúc này. Tôi nổi nóng, to tiếng nói với ông trong điện thoại: "Ông đến đã không tiện mà bà ấy đến càng không tiện nữa!" rồi đặt máy xuống. Một ngày trước cuộc biểu tình, những hãng thông tấn ngoại quốc đưa tin là vì lý do trục trặc trong sự sắp xếp chương trình, bà Kỳ không tới Hoa Thịnh Đốn được. Tôi thở phào, nhẹ nhõm. Rút cuộc, McIntire chỉ thu hút được vài ngàn người, một con số quá nhỏ so với con số hàng trăm ngàn người của những nhóm phản chiến.

Mùa thu 1970, có hai cuộc bầu cử: bán phần thượng viện Việt Nam, Hạ Viện và một phần Thượng Viện Hoa Kỳ. Tôi phải theo dõi tiến trình và kết quả ở cả hai phía, để xem ảnh hưởng ra sao vào cục diện chung và chiến cuộc nói riêng.

Điều đáng chú ý, là tại Việt Nam lần này người ta thấy xuất hiện cả những ứng cử viên thuộc các phe chống chính quyền, như nhóm Phật tử trước đây chủ trương bạo động hoặc những thành phần thuộc các đảng phái bí mật. Họ được tự do vận động, theo Hiến Pháp và luật lệ. Như là chế độ dân chủ Việt Nam đã có tiến bộ và các quan sát viên quốc tế cũng nhận rằng cuộc bầu cử tương đối "sạch sẽ".

https://tieulun.hopto.org

Tại Hoa Kỳ, thì chiến cuộc Việt Nam không phải là đề tài chính trong cuộc tranh cử, và tạm thời nhường chỗ cho những vấn đề địa phương hay nội bộ liên quan trực tiếp đến đời sống hàng ngày, như lạm phát bắt đầu gia tăng, qua nhiều những vụ phạm pháp cướp bóc hay giết người, bầu không khí dơ bẩn, v.v… Tổng Thống Nixon cũng cẩn thận chặn trước những sự chỉ trích của đảng Dân Chủ về chính sách đối với Việt Nam. Trong một bài diễn văn trên các đài truyền hình toàn quốc ngày 7 tháng 10, ông đưa ra một đề nghị hoà bình mới: ngưng bắn trên toàn cõi Đông Dương, một hội nghị để bàn về hoà bình trong vùng Đông Nam Á, Hoa Kỳ rút hết quân về một giải pháp chính trị phản ảnh "thực trạng những lực lượng chính trị ở Việt Nam".

Tôi không rõ ông Thiệu đã tham khảo tới mức nào về bài diễn văn này. Riêng về phần tôi thì được ông Marshall Green, Thứ Trưởng Ngoại Giao, cho biết về nội dung bài đó ngày 6 tháng 10. Đây rõ rệt là một sự thông báo lấy lệ vào ngày chót. Mới nghe qua thì lời lẽ của bài diễn văn có vẻ ôn hoà hơn so với mấy tháng trước khi có cuộc hành quân qua Cam Bốt, và những đề nghị của ông Nixon cũng không có điều gì mới lạ, tuy nhiên ông Nixon có nói tới "thực trạng những lực lượng chính trị ở Việt Nam". Phải chăng ông muốn nói tới một giải pháp sống chung với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam? Thế nào gọi là "phản ảnh thực trạng"? Ngôn từ không rõ nghĩa này làm tôi thắc mắc. Ngoài ra, ông còn nói là Hoa Kỳ sẵn sáng điều đình và thoả thuận với đối phương về một lịch trình rút quân khỏi Việt Nam. Về điểm trọng yếu này thì Hoa Kỳ tỏ ra đã thay đổi lập trường, và đây cũng không phải là lần đầu. Tại Manila, tháng 10, 1966, Hoa Kỳ đã đòi Bắc Việt rút quân 6 tháng trước Mỹ, tại Ba Lê, trong cuộc hòa đàm, Hoa Kỳ đề nghị hai bên cùng rút quân về (mutual withdrawal) và nay ám chỉ là có thể đơn phương rút quân về (unilateral withdrawal), trong khi đó thì không đả động gì đến việc Bắc Việt cũng phải rút quân khỏi miền Nam. Như vậy có nghĩa rằng mặc nhiên Hoa Kỳ đã từng bước nhượng bộ Cộng Sản, dưới áp lực của tình thế kéo dài và sự sốt ruột của dư luận Hoa Kỳ. Điều này, chính quyền Hoa Kỳ không nhìn nhận nhưng cũng không chối cãi. Và để lưu ý chính phủ, trong những bức điện mật và tờ trình gửi về Sài Gòn, tôi có viết: "Rất có thể là trong những giai đoạn tới, quyền lợi của Việt Nam sẽ không còn phù hợp với chính quyền lợi của Hoa Kỳ nữa".

Bài diễn văn của ông Nixon được các giới chính trị và ngoại giao ở Hoa Thịnh Đốn đón nhận với nhiều thiện cảm và hầu hết các báo, kể cả các báo có khuynh hướng thiên tả vẫn thường chỉ trích

https://tieulun.hopto.org

chính sách của chính phủ, cho rằng những đề nghị hòa bình của ông Nixon có thể là căn bản cho một cuộc điều đình đứng đắn giữa hai bên. Tôi theo dõi vấn đề để xem phản ứng của đối phương ra sao, nhưng không phải chờ lâu, vì ngay ngày hôm sau đại diện của Bắc Việt tại cuộc hòa đàm, Xuân Thủy, đã lên tiếng bác bỏ đề nghị của ông Nixon. Thế là đâu lại vào đó, tình thế không thay đổi, chiến tranh vẫn tiếp diễn, nhưng ít nhất trong một giai đoạn những đề nghị hòa bình của ông Nixon cũng giúp được ông thêm một ít thời gian hòa hoãn đối với dư luận Hoa Kỳ.

Độ chừng hơn mười ngày sau bài diễn văn của ông Nixon, đúng vào lúc tôi bắt đầu hy vọng sẽ có được một vài tuần thư thả trước những ngày cuối năm, thì từ Ba Lê ông Kỳ lại gọi dây nói nhờ tôi dàn xếp cho ông một cuộc viếng thăm Hoa Kỳ vào trung tuần tháng 11. Tôi hết sức ngạc nhiên không hiểu tại sao mới mấy tuần trước, theo lời đề nghị của tôi, ông đã bỏ ý định tới Hoa Kỳ mà nay ông lại muốn sang. Ông cho biết là ông vừa nhận lời mời của một số tổ chức trong đó có Hội Cựu Chiến Binh và trường sĩ quan nổi tiếng West Point. Tôi không gạn hỏi thêm vì thấy rằng những tổ chức đứng ra mời ông là những tổ chức đứng đắn, hơn nữa nếu ông có đến thì cũng vào hạ tuần tháng 11, khi sinh hoạt chính trị ở thủ đô gần như đình chỉ: Quốc Hội mới thì chưa họp còn dân chúng thì bận đi mua sắm để sửa soạn cho những ngày lễ lớn như Tạ Ơn và Giáng Sinh. Tôi trả lời ông Kỳ là tôi sẽ dò hỏi ý kiến của chính phủ Hoa Kỳ và sau đó sẽ liên lạc lại với ông.

Đây không phải là lần đầu tiên tôi phải đối phó với những vấn đề tế nhị như loại này. Vả lại cũng không phải chỉ có một mình ông Kỳ muốn viếng thăm Hoa Kỳ. Dưới thời Tổng Thống Johnson, ông Thiệu đã nhiều lần bắn tiếng muốn gặp giới lãnh đạo Hoa Kỳ tại Hoa Thịnh Đốn, nhưng rồi vì bất tiện này hay trở ngại khác, nơi gần lục địa Hoa Kỳ nhất mà ông Thiệu được đặt chân lên là Honolulu, trên đảo Hawaii. Rồi nay cũng thế. Tuy ông Thiệu không nói thẳng với tôi là ông muốn viếng thăm Hoa Kỳ, nhưng anh Hoàng Đức Nhã bí thư của ông đã có nhiều lần nhờ tôi dò hỏi ý kiến của chính giới Mỹ xem có dịp nào thuận tiện không (trong những mật điện chúng tôi đặt một tên riêng cho vấn đề này và gọi là "fishing expedition") và phải đợi đến 1973, sau khi hiệp định Ba Lê được ký kết, mới thấy ông Nixon tiếp đón ông Thiệu ở San Clemente tại nhà nghỉ mát của ông ở tiểu bang California (cuộc viếng thăm này không được coi là chính thức, "state visit", nên không có sự đón tiếp tại tòa Bạch Ốc). Trường hợp của ông Kỳ thì tương đối dễ dàng hơn. Ông không phải là một vị

https://tieulun.hopto.org

nguyên thủ nên phần nghi lễ, nếu có, thì cũng đơn giản. Hồi tháng 4 năm 1969, ông có tới Hoa Thịnh Đốn nhưng là để dự đám tang Tổng Thống Eisenhower, do đó không có gì khó khăn.

Dầu sao thì sau khi nói chuyện với ông Kỳ ở Ba Lê tôi cũng đến bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ để nếu thấy tiện, sửa soạn cho ông. Lần này, khác hẳn với sự dè dặt mà họ đã bầy tỏ với tôi hồi tháng 9 khi ông tính sang dự cuộc biểu tình của McIntire, bộ Ngoại Giao cho biết là chính phủ Hoa Kỳ không thấy gì trở ngại nếu có chuẩn bị trước, do đó mà sau vài ngày cùng làm việc với họ, Sứ Quán Việt Nam đã sắp xếp được một chương trình tương đối đầy đủ cho Phó Tổng Thống Việt Nam: hội kiến và điểm tâm với Tổng Thống Nixon tại toà Bạch Ốc, dạ tiệc do Phó Tổng Thống Agnew khoản đãi, ăn trưa tại bộ Ngoại Giao với Ngoại Trưởng Rogers và Bộ Trưởng Quốc Phòng Melvin Laird, thuyết trình tại Uỷ Ban Ngoại Giao Thượng Viện. Ngoài ra, còn có những buổi tiếp xúc với giới truyền thông Hoa Kỳ và ngoại quốc, dạ tiệc và tiếp tân do Sứ Quán Việt Nam tổ chức để mời những tướng lãnh và nhân vật trong chính giới.

So với những sinh hoạt thường có trong giới ngoại giao ở Hoa Thịnh Đốn thì chương trình này cũng không có gì đặc biệt. Tuy nhiên, ông Kỳ lại thuộc hạng nhân vật hay bị giới truyền thông chú ý, vả lại vấn đề Việt Nam luôn luôn gây xúc động trong dư luận quần chúng, nên không dễ gì tránh hết được những phản ứng bất lợi, khi ông xuất hiện giữa Hoa Thịnh Đốn. Cũng may là suốt thời gian ông ở đây, không xẩy ra sự gì đáng tiếc.

Ông Kỳ hội kiến với ông Nixon trong bữa điểm tâm tại toà Bạch Ốc ngày 24 tháng 11. Có mặt hôm đó về phía Hoa Kỳ, các ông Kissinger, Irwin, quyền Ngoại Trưởng, Holdridge, nhân viên Hội Đồng An Ninh Quốc Gia và Sullivan, Phụ Tá Thứ Trưởng Ngoại Giao. Ngay sau những câu chào hỏi xã giao, ông Nixon đã yêu cầu ông Kỳ cho ông biết rõ về tình hình chung ở Việt Nam. Vì cũng đã chịu khó sửa soạn trước, hôm ấy ông Kỳ trình bày khá đầy đủ về hiện trạng quân sự, chính trị và kinh tế. Ông nhấn mạnh đến những khó khăn trên lãnh vực kinh tế và hậu quả không lợi cho tinh thần chiến đấu của quân đội và công chức Việt Nam. Ông mong mỏi chính phủ Hoa Kỳ sẽ tiếp tục viện trợ và thảo luận với chính phủ Việt Nam để giúp đỡ Việt Nam một cách thiết thực. Mỗi khi ông Kỳ nói đến một vấn đề nào, thì ông Nixon và những cộng sự viên của ông cũng nêu ra những câu hỏi và liền đó có trao đổi ý kiến. Về quân sự, hai câu hỏi đáng chú ý nhất của ông Nixon là: "Trong những tháng tới, Cộng Sản có thể làm những gì?" và "Liệu với chương trình rút quân của Hoa

https://tieulun.hopto.org

Kỳ, quân đội Việt Nam có đủ sức chống đỡ một cuộc tấn công của đối phương vào mùa khô sắp tới không?" Về kinh tế, ông hứa là Hoa Kỳ sẽ cố gắng chia sẻ gánh nặng của dân chúng Việt Nam, và sau đó dành nhiều thời giờ để thảo luận về ngoại giao và chính trị. Về cuộc hoà đàm Ba Lê, ông không đả động gì đến cuộc tiếp xúc bí mật của ông Kissinger với Xuân Thủy nhưng xác nhận là chưa có triệu chứng cho thấy Hà Nội muốn thực sự điều đình. Sau đó, ông hỏi ông Kỳ: "Chính phủ Việt Nam có dự tính đưa ra một sáng kiến hòa bình nào không?" Ông Kỳ trả lời là trước khi rời Việt Nam, ông đã bàn nhiều với ông Thiệu về vấn đề này cả về hai phương diện chính trị và ngoại giao và cũng xét cả đề nghị của một số người muốn Quốc Hội sửa đổi Hiến Pháp. Tôi không biết những ý kiến được trao đổi giữa hai ông Thiệu và Kỳ ra sao, nhưng tôi biết rõ lối trả lời "tùy hứng" của ông Kỳ, nên tôi bắt đầu lo. Tôi không phải chờ lâu, vì nhìn mặt ông Nixon và ông Kissinger gần như đứng hẳn người lên để nghe rõ những lời nói của ông Kỳ. Ngay lúc đó ông Nixon tỏ ra thật khéo léo. Ông không nói là ông không đồng ý với ông Kỳ nhưng nói rằng: "Hiện nay phía đồng minh đang thắng thế trên trường ngoại giao, bất cứ một sáng kiến nào nhằm mục đích đẩy mạnh đối phương vào chân tường đều đáng được nghiên cứu, nhưng phải hết sức thận trọng để đừng làm tổn thương đến tình trạng ổn định (luôn luôn vẫn là danh từ "ổn định") ở Việt Nam". Rồi ông lại hỏi thêm: "Thế còn những cuộc bầu cử Tổng Thống và Hạ Viện ở Việt Nam vào mùa thu năm 1971 thì sao?" Đến đây, ông lại càng tế nhị hơn nữa. Chọn từng tiếng một như để cố tránh những sự hiểu lầm, ông nói: "Tôi là người làm chính trị nên tôi hiểu rằng rất có thể người này ra tranh cử chống người khác, đó là chuyện thường. Nhưng tôi mong mỏi rằng những nhà chính trị ở Việt Nam sẽ tránh không để cho dư luận Hoa Kỳ phải nản lòng về Việt Nam như hiện tại được". Ông nhìn vào ông Kỳ rồi quay sang nói tiếp: "Đại Sứ Diễm đây là người hiểu rõ tình hình chính trị ở đây, chắc ông cũng đồng ý với tôi rằng nếu Việt Nam lại bị xáo trộn như mấy năm trước đây thì thật là khó cho những người như tôi muốn tiếp tục ủng hộ Việt Nam". Dĩ nhiên là tôi không có gì để nói, nhưng ông Kỳ có lẽ đã nhận ra ngay đây là những lời nhắn khéo của ông Nixon, nên liền trả lời (theo kiểu "người hùng" của ông): "Tổng Thống cứ yên tâm, nếu cần, tôi sẵn sàng hy sinh cả địa vị lẫn quyền lợi cá nhân của tôi để giữ cho Việt Nam được ổn định".

Bữa điểm tâm kéo dài gần hai tiếng đồng hồ. Ông Nixon nhờ ông Kỳ chuyển lời thăm ông Thiệu, rồi sau đó ông Kissinger lại mời chúng tôi về văn phòng của ông để tiếp tục đàm luận. Lúc này, ông

https://tieulun.hopto.org

Kissinger có vẻ thắc mắc nhiều về chuyện sửa đổi Hiến Pháp mà ông Kỳ vừa trình bày, nên mọi người chưa yên chỗ ông đã trở lại vấn đề. Cũng như ông Nixon, ông hết sức dè dặt về ý kiến này, vì làm như vậy có thể làm cho nhiều người nghi ngờ rằng Việt Nam Cộng Hòa kiếm cớ để trì hoãn cuộc bầu cử Tổng Thống năm 1971. Ông cũng thêm rằng dân chúng sẽ hoang mang và Cộng Sản hay các phe đối lập lại có cơ hội gây rối loạn. Ông hỏi: "Nếu sửa đổi Hiến Pháp thì sao không nghĩ tới sửa điều 4, để cho đối phương tranh cử năm tới?" Ông Kỳ thấy câu chuyện đã đi quá xa, nên tiếp lời ngay là về "sáng kiến hòa bình" thì cả ông lẫn ông Thiệu đều chưa đi đến một kết luận nào. Theo ông Kissinger thì có lẽ nên chờ đợi một thời gian xem Bắc Việt phản ứng ra sao sau bài diễn văn của ông Nixon ngày 7 tháng 10, vả lại thế nên để chậm lại sáng kiến hòa bình đến đầu mùa xuân 1971 để chặn trước ảnh hưởng của cuộc tấn công đối với dư luận quốc tế. Riêng về thái độ của chính phủ Hoa Kỳ, ông đưa ra lời bảo đảm: "Phản ứng của Hoa Kỳ lúc đó sẽ hết sức mạnh vì lối hành động của chính phủ này khác với chính phủ trước và người Nga cũng biết rõ điều này!" Cuộc hội đàm với ông Kissinger kéo dài gần một giờ rưỡi. Trước khi chia tay, ông Kissinger cám ơn ông Kỳ nhưng cũng không quên nhắc lại là Việt Nam không nên có những quyết định có thể đưa đến những xáo trộn có lợi cho đối phương. Rồi với thói quen nói bông đùa để làm vui câu chuyện, ông nói với ông Kỳ: "Nếu nói chuyện với những người Cộng Sản mà được dễ dàng như với ông, thì có lẽ tôi cũng đỡ khổ?" Câu nói nửa đùa nửa thật này của ông Kissinger tuy có làm nhẹ bầu không khí của buổi họp hôm ấy nhưng ra về tôi vẫn không quên được vẻ sửng sốt của hai ông Nixon và Kissinger khi ông Kỳ sơ ý và vô tình đưa ra ý kiến sửa đổi Hiến Pháp. Phản ứng của hai ông cho thấy rõ: Hoa Kỳ dù sắp rút khỏi Việt Nam, còn ngại rằng những nhà lãnh đạo ở Sài Gòn có thể có quyết định riêng biệt, trái với chính sách của Hoa Thịnh Đốn. Nói một cách khác, Hoa Kỳ trước sau vẫn không muốn miền Nam đi "trật đường rầy" của họ.

Trong những ngày kế tiếp, sau buổi hội kiến với Tổng Thống Nixon, là những buổi gặp gỡ với Ngoại Trưởng Rogers, ông Bộ Trưởng Quốc Phòng Melvin Laird và Phó Tổng Thống Agnew (3). Những buổi gặp gỡ này phần lớn có tính cách hình thức, xã giao, do đó những nhân vật trên cũng như ông Kỳ chỉ trao đổi ý kiến một cách tổng quát về tình hình quân sự ở Việt Nam và tình trạng bế tắc tại cuộc hòa đàm Ba Lê. Bầu không khí cũng vì vậy mà rất nhẹ nhàng và thân thiện. Thực ra thì trong những chương trình viếng thăm của ông Kỳ, tôi chẳng lo ngại về một cuộc hội kiến với những nhân vật trong

https://tieulun.hopto.org

chính phủ Hoa Kỳ vì một phần nào, họ cũng đã biết ông Kỳ từ trước. Điều tôi lo ngại là những buổi tiếp xúc với phía Lập Pháp Hoa Kỳ vì những thành phần chống đối chiến tranh có thể nhân dịp này, mang vấn đề Việt Nam ra để chỉ trích chính sách của chính phủ hay công kích ông Kỳ (một số người phản chiến vẫn thường gọi ông là "quân phiệt") ngoài ra tôi cũng muốn tránh những sự tranh luận mà một đôi khi những lời tuyên bố "tùy hứng" của ông có thể vô tình gây ra.

Lo ngại thì lo ngại, nhưng việc cần làm vẫn phải làm. Vì biết chắc là khó lòng có thể trông cậy vào được Thượng Nghị Sĩ Fulbright (Chủ Tịch Ủy Ban Ngoại Giao Thượng Viện và nhân vật hàng đầu trong số những Thượng Nghị Sĩ chống chiến tranh) để có được một lời chính thức mời ông Kỳ, tôi đành nhờ ông bạn vong niên của tôi, Thượng Nghị Sĩ Aiken (cũng là thành viên trong ủy ban) đứng lên tổ chức buổi tiếp xúc cho ông Kỳ. Thượng Nghị Sĩ Aiken lớn tuổi và được cả hai phía Cộng Hòa và Dân Chủ kính trọng, nên tuy không phải là một buổi họp chính thức của Ủy Ban Ngoại Giao, hầu hết các thành viên của Ủy Ban đều có mặt hôm ấy, kể cả những nhân vật Cộng Hòa như Dole, Scott, Griffin, Gravel và một số đông trong đảng Dân Chủ vẫn thường đòi sớm chấm dứt chiến tranh như Mansfield, Fulbright, Church và Kennedy. Trong chính trường và những buổi họp công khai, người Hoa Kỳ cũng tương đối lịch sự. Tuy có lần đã từng công kích cá nhân ông Kỳ, hôm ấy họ tỏ ra rất ôn tồn (theo tôi thì những câu hỏi đặt ra cho ông Kỳ không lấy gì làm "hóc búa" cho lắm) và ông Kỳ không những "thuộc bài" mà còn tỏ ra nhã nhặn và khôn khéo, cho nên mọi chuyện được êm ả.

Sau ngày lễ Tạ Ơn (Thanksgiving) chúng tôi xuống thăm cựu Tổng Thống Johnson tại nông trại của ông ở Austin, tiểu bang Texas. Cuộc viếng thăm tuyệt nhiên không có tính cách chính trị. Cựu Tổng Thống tự lái chiếc Jeep đưa chúng tôi đi thăm nông trại của ông và ân cần giữ chúng tôi ở lại dùng bữa trưa cùng với hai cộng sự viên cũ của ông nay làm giáo sư tại trường Đại Học Austin là Walt Rostow và William Jorden mà tôi từng biết khá lâu. Ông hỏi ông Kỳ về những chuyển biến mới ở Việt Nam và hứa là trong cương vị của ông nếu làm được việc gì giúp Việt Nam, thì ông sẽ cố gắng. Đây là lần cuối cùng tôi gặp ông trước khi ông từ trần hơn hai năm sau.

Ngay buổi trưa hôm ấy nhờ có chiếc máy bay 707 của Không Lực Hoa Kỳ dành cho ông Kỳ, chúng tôi bay thẳng sang San Francisco để ông Kỳ nói chuyện tại Commonwealth Club và dùng bữa tối với ông bà Reagan (lúc bấy giờ ông Reagan là Thống Đốc của tiểu bang California). Sáng hôm sau, tôi đã định chia tay với ông Kỳ

https://tieulun.hopto.org

để trở về Hoa Thịnh Đốn thì nhận được điện thoại của Đô Đốc McCain, Tư Lệnh Hạm Đội thứ 7 của Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương (thân sinh ra Thượng Nghị Sĩ McCain, người đã từng bị cầm tù ở nhà pha Hỏa Lò Hà Nội). Trong nhiều buổi họp lúc trước ở Honolulu và Hoa Thịnh Đốn, tôi có dịp cùng làm việc với Đô Đốc McCain, ông dành cho tôi nhiều cảm tình và nhân tiện có ông Kỳ ghé qua Honolulu trên đường về Việt Nam, ông mời tôi qua để đi câu cá (deep sea fishing)! Mấy khi mà lại có được một cơ hội đặc biệt như vậy nên tôi nhận lời. Tôi ở lại Hawaii một ngày và như lời đã hứa, Đô Đốc McCain tổ chức một cuộc đi câu ngoài biển khơi. Biển cả, sóng to, cá đâu không thấy nhưng bị nhồi sóng muốn chết, một lần nữa tôi lại thề không đi tàu biển nữa (lần đầu tiên thề là khi bị say sóng trong ba ngày liền trên đường đi từ Hải Phòng đến Hương Cảng năm 1946). Tôi cám ơn ông bà McCain rồi từ giã ông Kỳ ngay hôm sau và trở về Hoa Thịnh Đốn, mệt nhọc, nhưng cũng vui mừng, vì trong suốt thời gian ông Kỳ ở Mỹ, không xảy ra sự gì đáng tiếc. Thực ra thì cuộc viếng thăm cũng chẳng có tính cách quan trọng lớn lao gì nhưng trong hoàn cảnh lúc bấy giờ, đối với tôi, giữ được mọi chuyện trong vòng bình thường là một điều may mắn.

---

(1) Cũng như trong chuyến đi Fort Bragg đã được kể ở chương 25, tôi đi thăm Fort Walters cùng với tướng DePuy, một người bạn trung thành của Việt Nam. Ông lo lắng về tình hình chung của cuộc chiến và nói với tôi: "Tôi không phải là đại diện của chính phủ Hoa Kỳ, nhưng tôi tin rằng tôi hiểu rõ hoàn cảnh và chính sách của nước tôi. Vì nhiều lý do, nội bộ cũng như quốc tế, chúng tôi phải cố gắng giải quyết vấn đề Việt Nam trong một thời hạn tối đa là từ 3 đến 5 năm. Chúng tôi sẽ hết sức giúp Việt Nam trong phạm vi những phương tiện có thể được, nhưng Việt Nam nên hiểu là chúng tôi không thể làm hơn được… Nếu Việt Nam đứng vững được, thì đó là điều chúng tôi chân thành mong muốn, nhưng nếu vì lý do nội bộ, Việt Nam không tự mình đứng vững được trong thời gian đã ước lượng, thì chúng tôi cũng đành chịu". Những lời nhắn nhủ thành thực này, tôi có ghi lại trong một bản tường trình gửi về Tổng Thống Thiệu ngày 12 tháng 3, 1970.

(2) Mặc dầu ở Hoa Thịnh Đốn có nhiều cuộc biểu tình, nhờ tiết trời ấm áp, Sứ Quán Việt Nam được dịp thù tiếp 5 phái đoàn khác nhau của Thượng Viện, gồm lần lượt hầu hết các Nghị Sĩ như Trần Chánh Thành, Tôn Thất Uẩn, Lê Tấn Bửu, Võ Văn Truyện, Huỳnh Văn Cao,

https://tieulun.hopto.org

Trịnh Quang Quỹ, Nguyễn Huy Chiểu, Trần Hữu Phương, Phạm Văn Triển, Nguyễn Hữu Tiến, Lâm Văn Ôn, Trần Trung Dung. Xen kẽ và nhiều khi trùng hợp với các phái đoàn Thượng Viện có 4 phái đoàn Hạ Viện, phái đoàn Y Tế Mã Xái, Huỳnh Ngọc Anh, phái đoàn Canh Nông, Lao Động Trần Sanh Bửu, Nguyễn Văn Lễ và phái đoàn Ngô Công Đức. Ấy là chưa kể phái đoàn của những ông tòa, và một số phái đoàn chính phủ như Ngân Sách, Ngoại Viện, Cảnh Sát, v.v…
(3) Mỗi lần nghĩ lại về buổi hội kiến với ông Agnew và buổi dạ tiệc ông khoản đãi ông Kỳ tại Constitution Hall những ngày ấy, tôi lại nhớ đến hai mẩu chuyện bên lề khó quên. Tôi vẫn thường quen với lối phát biểu tùy hứng của ông Phó Tổng Thống Việt Nam nhưng không biết rằng ông Phó Tổng Thống Hoa Kỳ cũng tùy hứng không kém. Trong buổi hội kiến, ông ngẫu nhiên hỏi ông Kỳ "có thể làm gì để xâm nhập vào Bắc Việt được không? Không thể nào để Cộng Sản ở trên phần đất mình mà không làm gì cả ở trên đất họ". Ông quên rằng chính sách của Hoa Kỳ lúc nào cũng là hạn chế những cuộc hành quân trong phạm vi lãnh thổ của miền Nam Việt Nam. Tôi đang ngẩn người ra không biết câu chuyện sẽ đưa tới đâu và ông Kỳ cũng chưa kịp trả lời thì đã có người phụ tá của ông Agnew tìm cách đánh lạc câu chuyện sang vấn đề khác. Còn về buổi dạ tiệc thì tôi không hiểu phía Hoa Kỳ muốn làm vui lòng ông Kỳ tới mức nào mà dàn nhạc vĩ cầm của Thủy Quân Lục Chiến Hòa Kỳ đã kiếm được bản nhạc "Nhìn những mùa thu đi" của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn, người được coi là phản chiến thời bấy giờ, và trong suốt bữa cơm đã réo rắt bên tai mọi người bản nhạc du dương đó. Thật là một câu chuyện bất ngờ!

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 32
Đầu Năm, Hành Quân Lam Sơn 719
Cuối Năm, Độc Diễn

Cho tới đầu 1971, tức là quá nửa nhiệm kỳ Tổng Thống, ông Nixon đã làm được gì để giải quyết vấn đề chiến tranh? Ông đã rút về được quá nửa số quân tại Việt Nam, do đó đàm Ba Lê vẫn dẫm chân tại chỗ, và viện trợ cho quân đội Việt Nam tăng cường để thay thế quân đội Hoa Kỳ, cũng chưa mang lại kết quả rõ rệt. Dẫu sao, chính phủ Việt Nam cũng cho mở cuộc hành quân Lam Sơn 719 qua miền Hạ Lào. Đây là một thí nghiệm để đo lường xem chương trình Việt Nam hóa chiến tranh thành công hay thất bại. Khác với cuộc hành quân Mỹ Việt qua Cam Bốt tháng 4, 1969, lần này quân đội Việt Nam giữ quyền chủ động hoàn toàn, và Hoa Kỳ chỉ yểm trợ bằng không lực.

Chính phủ Việt Nam ít khi cho tôi rõ về tình hình chiến sự, vì vậy mà vào đầu tháng 2, tôi ngạc nhiên khi nhận được chỉ thị ngưng đưa ra những tin tức có tính cách quân sự, cho đến khi có lệnh mới. Tôi chưa kịp hiểu tại sao thì ngày hôm sau, 7 tháng 2, anh Hoàng Đức Nhã, bí thư của ông Thiệu đã gọi dây nói cho biết là quân đội Việt Nam đang bắt đầu một cuộc hành quân tấn công vào đường mòn Hồ Chí Minh, miền Hạ Lào, và yêu cầu tôi liệu trình bầy cho giới truyền thông Hoa Kỳ những tin tức mà anh sẽ điện sang cho tôi.

Tôi không khỏi lo ngại, vì nghĩ rằng dư luận Hoa Kỳ sẽ rất chú ý đến biến chuyển mới này và sẽ đánh giá khả năng của quân đội Việt Nam qua cuộc hành quân. Mấy tháng trước, nhân dịp về nước, tôi đã thăm một số đơn vị đang hành quân và đã nhận thấy là ngoại trừ những vấn đề do tình hình kinh tế khó khăn gây ra, tinh thần chiến đấu khá vững, và tôi tin rằng, nếu được huấn luyện và trang bị đầy đủ, quân đội Việt Nam chắc chắn sẽ dần dần thay thế được quân đội Mỹ. Vì vậy mà trong những buổi họp của Ủy Ban đặc trách về Việt Nam, tôi đã cố gắng thúc đẩy chính phủ Hoa Kỳ sớm thực hiện chương trình Việt Nam Hóa như đã hứa sau hội nghị Midway. Khốn thay, Ủy Ban này không hoạt động tích cực, không theo sát tình hình, lại thiếu sót về mặt lãnh đạo. Đứng đầu một cơ quan liên bộ phức tạp, tướng Blanchard lại không có khả năng phối hợp, không có quyền quyết định, nên sau những buổi họp chỉ có những khuyến cáo mà chẳng có phần thi hành. Trong thực tế mọi việc đều do tướng Abrams ở Sài

https://tieulun.hopto.org

Gòn liệu lý, nên tôi không biết chương trình Việt Nam Hóa thực hiện được chừng nào. Đó là những lý do khiến tôi lo ngại.

Cuộc hành quân Lam Sơn bắt đầu ngày 8 tháng 2, 1971. Tuy đã nhận được một phần tin tức từ Sài Gòn gửi qua, sáng hôm sau tôi đến Ngũ Giác Đài gặp các tướng lãnh Hoa Kỳ để được biết rõ hơn về tình hình chung và xem họ nhận xét ra sao. Họ cũng dè dặt vì quân đội Việt Nam chưa gặp sự chống cự nào đáng kể. Rồi tin tức càng ngày càng thưa thớt. Ngũ Giác Đài cũng không rõ lắm và tôi chỉ được biết là quân đội Việt Nam đang gặp khó khăn gần Tchépone. Dần dà qua báo chí ngoại quốc và những bản thông báo của chính phủ Việt Nam, tôi mới biết rằng quân đội Việt Nam đụng độ với những đơn vị chính quy và chủ lực của Bắc Việt, tuy chiếm được Tchépone ngày 8 tháng 3, nhưng dưới áp lực của đối phương từ nhiều phía, đã phải bắt đầu rút về phía biên giới.

Lùi bước như thế chưa hẳn là thua trận. Các đơn vị Việt Nam Cộng Hòa không nhằm chiếm đất, nhưng chỉ được lịnh phá đường xâm lăng và tiếp viện của địch. Khốn thay, mục tiêu này, mấy ai để ý tới? Sự thực không đơn giản lại chỉ hiện ra dưới vài trạng thái bất lợi, như những bài tường thuật vội vàng hay "giật gân" trên báo chí, và nhất là vài thảm cảnh nhìn thấy trên đài truyền hình trong những ngày liền: hình ảnh một số binh sĩ Việt Nam Cộng Hòa bám vào trực thăng đang bay lên như để chạy trốn. Chẳng ai chịu hỏi số tổn thất của địch, hoặc số quân nhân miền Nam đã dũng cảm chiến đấu. Dẫu sao, dư luận đã coi cuộc hành quân là một thất bại, và các nhóm phản chiến càng được thể lên án ông Nixon.

Tổn thất thật sự của cả hai phía không ai rõ, và cũng không có ảnh hưởng trực tiếp nào đến cuộc chiến. Tuy nhiên, vì đã được coi là một thử thách đối với quân đội Việt Nam, cuộc hành quân được mang ra phân tách về mọi phương diện. Có người cho rằng quân đội Việt Nam có đủ tự tin nên mới tấn công vào một vùng gần căn cứ của những sư đoàn chủ lực Bắc Việt, người khác tiếc rằng quân đội Việt Nam chậm quá nên để cho địch có đủ thời giờ tập trung lực lượng và phản công. Và cũng có người về phía Việt Nam trách là Không Lực Hoa Kỳ không yểm trợ tận tình.

Những nhận xét và khen chê trên đây của những quan sát viên quân sự dầu sao cũng không quan trọng bằng phản ứng của dân chúng Hoa Kỳ. Ngay sau khi có tin về một cuộc hành quân qua biên giới Lào, những phong trào phản chiến đã lên tiếng chỉ trích chính quyền miền Nam là hiếu chiến, mở rộng chiến trường, nên họ sửa soạn chống đối. Rồi mặc dầu cuộc hành quân đã chấm dứt từ tháng 3, một

https://tieulun.hopto.org

cuộc biểu tình lớn được tổ chức ngày 24 tháng 4, ở ngay giữa thủ đô Hoa Thịnh Đốn với gần 200 ngàn người tham dự, rồi trong suốt một tuần lễ, nhiều cuộc biểu tình khác tiếp diễn trên nhiều đường phố. Trong thời gian này tôi có hai người khách, Chủ Tịch Thượng Viện Nguyễn Văn Huyền và Ngoại Trưởng Trần Văn Lắm. Tôi thừa dịp mượn một chiếc xe du lịch không có bảng số Ngoại Giao, đưa cả hai vị đi một vòng thủ đô để nhìn rõ cảnh tượng những người xuống đường với những bộ mặt như căm phẫn đi ngang qua những hàng lính lạnh lùng đứng giữ trật tự. Tuy đã được nghe tôi kể nhiều về phong trào phản chiến, đây là lần đầu tiên hai vị được thấy tận mắt, và mới nhìn nhận với tôi rằng: đó là một thực tế chi phối đời sống chính trị của Hoa Kỳ mà những người có trách nhiệm ở Việt Nam phải ghi nhận để liệu tính đường đi nước bước trong tương lai.

Những cuộc biểu tình kéo dài đến đầu tháng 5, nhưng cũng may cho chính phủ Hoa Kỳ, càng về sau, càng có những vụ bạo động như ngăn chặn không cho công chức đi làm, cản trở giao thông, đập phá, v.v… làm mất thiện cảm của công chúng, nên phong trào lại dần dần xẹp xuống. Trong những ngày ấy, hàng ngày, số quân đội và cảnh binh giữ trật tự ở thủ đô lên tới hơn 10 ngàn người và có lúc (ngày 6 tháng 5) trước cửa Sứ Quán Việt Nam, có đến hơn 300 cảnh binh tìm cách đẩy lui những người biểu tình không cho họ đến gần Sứ Quán.

Tôi đợi cho trào lưu sôi nổi lắng động, rồi ngày 14 tháng 5 gửi về Sài Gòn một bản tường trình dài với những nhận xét của tôi về hoạt động của những nhóm phản chiến, có đoạn nguyên văn như sau:

"… Hình ảnh nổi bật lúc này ở Hoa Thịnh Đốn là hàng ngàn thanh niên mang theo cờ Việt Cộng trên các đường phố cùng với hơn 10 ngàn quân đội và cảnh binh Hoa Kỳ tìm cách ngăn chặn những sự rối loạn. Sáng chiều, ngày này qua ngày khác, tất cả được chiếu trên các đài truyền hình ở khắp mọi nơi, không khỏi in sâu vào tiềm thức của người dân Hoa Kỳ vốn đã muốn chấm dứt chiến tranh nhưng còn mơ hồ chưa biết bằng cách nào và bao giờ. Trong khi đó thì những phần tử bồ câu và phản chiến đưa ra ý niệm là đã đến lúc không còn phải là rút quân với mức độ nào, hoặc là làm cách nào để chấm dứt chiến tranh nữa mà là bao giờ chấm dứt chiến tranh. Hai chữ bao giờ đó, bao hàm ý nghĩa là phải chấm dứt chiến tranh bằng mọi giá, không cần biết hậu quả ra sao…"

Thực ra thì những phong trào phản chiến không những tìm cách tạo áp lực đối với ông Nixon, mà còn với Quốc Hội Hoa Kỳ. Lâu dần chiến thuật của họ tỏ ra lợi hại. Trong một chế độ dân chủ như của Hoa Kỳ, mặc dầu Tổng Thống là người đứng đầu Hành Pháp,

https://tieulun.hopto.org

nhưng không phải là có toàn quyền quyết định mọi việc. Nếu Quốc Hội không chấp thuận ngân sách, chẳng hạn, thì Tổng Thống cũng đành bó tay. Trong suốt cả mùa xuân 1971, Quốc Hội đưa ra một loạt những đạo luật nhằm giảm viện trợ cho Việt Nam. Trước hết là giới hạn chi tiêu cho những cuộc hành quân ngoài biên giới của miền Nam Việt Nam, sau đó là cắt hẳn những khoản chi tiêu đó, rồi tới quyết nghị do đảng Dân Chủ đưa ra nhằm ấn định hạn cuối cùng cho việc rút quân là cuối năm 1972. Để chống lại khuynh hướng tai hại này, Sứ Quán Việt Nam đã phải cùng với những tổ chức có thiện cảm với Việt Nam, vận động bằng đủ mọi cách những Thượng Nghị Sĩ và Dân Biểu thân hữu để họ giữ vững lập trường, bỏ phiếu bênh vực Việt Nam, chống lại phe chủ hòa mà mọi sáng kiến hay dự án đưa ra tới tấp chỉ nhằm ép buộc chính phủ phải sớm chấm dứt chiến tranh.

Tuy những cuộc biểu tình đầu tháng 5 chưa chấm dứt hẳn, nhưng tôi lại phải quan tâm đến một vấn đề khác: cuộc bầu cử Tổng Thống ở Việt Nam đang bước vào giai đoạn gay cấn (vì chỉ còn có 4 tháng). Nếu lý luận một cách đơn giản, thì bầu cử ở Việt Nam có liên quan gì đến Hoa Kỳ mà phải lo lắng? Sự thực, từ ngày Hoa Kỳ can thiệp vào Việt Nam và chiến tranh trở thành mối lo hàng đầu đối với dư luận, tất cả những gì xảy ra ở Việt Nam đều có ảnh hưởng đến chính sách của Hoa Kỳ. Phong trào phản chiến càng lên cao bao nhiêu thì tôi lại càng lo lắng về hình ảnh của Việt Nam nhìn theo con mắt của dân chúng Mỹ. Những người chống đối miền Nam Việt Nam ở Hoa Kỳ thường nêu ra những chuyện như tham nhũng, chế độ đàn áp, v.v… Những lời chỉ trích không phải là hoàn toàn vô căn cứ, nhưng không ai có thể nói miền Nam là một địa ngục được. Sự kiện này, những người chống đối không chịu nhìn nhận, cái xấu thì họ đưa ra, cái tốt thì họ không nói tới, và chỉ chờ đợi có sự thiếu sót nào là lên tiếng chê bai, rồi đòi chính phủ Hoa Kỳ phải bỏ miền Nam mà họ coi là không đáng giúp. Cuộc bầu cử Tổng Thống ở Việt Nam rồi đây sẽ là cơ hội và cái đích để cho dư luận Hoa Kỳ và quốc tế nhòm ngó và sẵn sàng công kích.

Nhiều người chỉ nhìn một chiều theo định kiến của họ, nên chỉ thấy phần tiêu cực trong thực trạng miền Nam và bỏ qua phần tích cực, dù ít nhưng cũng đã có: như nỗ lực tiến tới một chế độ dân chủ với một chính quyền hợp pháp, những vụ bầu cử tự do năm 1967 và 1970. Tệ nạn xã hội thì xứ nào chẳng có? Nhưng chính phủ miền Nam đã cố gắng cải thiện đời sống nông dân, bổ túc và kiện toàn cải cách điền địa, giúp đỡ nạn nhân chiến cuộc, v.v…

https://tieulun.hopto.org

Tuy nhiên, xét khách quan, thì tuy ở nước ngoài, tôi cũng biết khá rõ như bà con ở nhà, là còn rất nhiều thiếu sót hay sai lầm, chẳng hạn như ông Thiệu bị dư luận lên án là thiếu khả năng lãnh đạo, không thực hiện đại đoàn kết, không bài trừ tham nhũng, mà còn tín nhiệm những phần tử tham ô và chỉ trọng dụng những ai trung thành hay xu nịnh.

Theo Hiến Pháp của nền Đệ Nhị Cộng Hòa, thì cứ 4 năm một lần, có cuộc bầu cử Tổng Thống và thể thức bầu cử sẽ do Quốc Hội ấn định. Vì thế mà đến đầu tháng 7, hai viện mang vấn đề ra thảo luận và một số nhân vật có tên tuổi sửa soạn ra tranh cử, như các tướng Dương Văn Minh và Nguyễn Cao Kỳ. Tướng Minh, người đã cầm đầu cuộc đảo chính lật đổ ông Diệm, vẫn được thiện cảm của nhiều giới miền Nam. Còn tướng Kỳ, Phó Tổng Thống, thì nhiều người biết là đã miễn cưỡng đứng chung một liên danh với tướng Thiệu năm 1967.

Bầu không khí của cuộc tranh cử sôi nổi ngay từ những ngày đầu. Trong một bức thư ngỏ gửi ông Thiệu ngày 13 tháng 7, 1971, tướng Kỳ viết:

"Kính thưa Tổng Thống,

Bốn năm trước, đứng chung liên danh với Tổng Thống, tôi muốn nêu cao tinh thần đoàn kết nhất trí của giới lãnh đạo trước quốc dân và quân đội. Tôi cũng không mong gì hơn là được thấy Tổng Thống theo đuổi các mục tiêu quốc gia mà chính Tổng Thống đã minh định. Nhưng trong bốn năm qua chưa một mục tiêu quốc gia nào được hoàn tất. Tổng Thống nói giải quyết chiến tranh thì chiến tranh càng lâm vào chỗ không lối thoát. Tổng Thống nói cải tổ xã hội thì xã hội càng ngày càng thêm bất công, càng thêm tham nhũng. Và đời sống của nhân dân, nhất là chiến sĩ, công chức và các tầng lớp đồng bào nghèo càng lâm vào cảnh điêu đứng khổ sở. Tổng Thống nói xây dựng dân chủ thì các cơ sở dân chủ bị lũng đoạn, các nguyên tắc dân chủ bị vi phạm và các quyền dân chủ căn bản bị đe dọa nặng nề. Tình trạng thụ động, yếu kém, suy sụp trong cái thế đấu tranh chống cộng hiện nay chính là kết quả của sự thất hứa đó…

… Trước tình cảnh đó, lương tâm không cho phép tôi tiếp tục một sự cộng tác chỉ có trên hình thức, càng không cho phép tôi nhắm mắt bước theo những sai lầm nguy hại cho quốc gia. Tôi đã quyết định ra ứng cử vào nhiệm kỳ tới với ý thức trách nhiệm thực hiện bằng được các mục tiêu quốc gia theo đúng sự trông đợi của nhân dân và chiến sĩ…"

https://tieulun.hopto.org

Bức thư này được tung ra sau khi ông Thiệu vận động với những thành phần thân chính phủ trong Quốc Hội đưa ra một đạo luật bầu cử trong đó có khoản (Khoản 7, Điều 10) bắt buộc những ứng cử viên Tổng Thống phải có sự giới thiệu của 40 người trong Quốc Hội hoặc 100 người trong các Hội Đồng địa phương. Đạo luật này hiển nhiên nhằm ngăn chặn hay ít nhất cũng hạn chế số người ra tranh cử. Trong thực tế, không những ông Thiệu có nhiều ảnh hưởng và làm áp lực được với khối đa số ở Quốc Hội, ông lại còn có nhiều phương tiện để mua chuộc những người lừng chừng đứng giữa; ngoài ra, qua những Tỉnh Trưởng mà ông nắm vững trong tay, ông cũng kiểm soát được những Hội Đồng địa phương. Vì vậy mà ông tin các đối thủ khó lòng hội đủ được điều kiện ứng cử. Về phương diện này, có lẽ vì đã sửa soạn trước, tướng Minh tương đối không gặp nhiều khó khăn, nhưng ông Kỳ vì thời gian cấp bách không hội đủ được chữ ký và bị gạt ra ngoài. Ông đưa đơn kiện tại Tối Cao Pháp Viện với lý do đạo luật bầu cử của Quốc Hội đã vi phạm nguyên tắc bầu cử trực tiếp được quy định trong hiến pháp. Tất cả những biến chuyển này được báo chí trong nước và ngoài nước thuật lại đầy đủ (báo chí Hoa Kỳ trích đăng cả bức thư ngỏ của ông Kỳ lên án ông Thiệu) và tình hình chính trị ở Sài Gòn được mô tả là sôi nổi và căng thẳng. Thực ra, những bất công, gian lận hay mánh lới xảo quyệt trong các vụ bầu cử tại các nước hậu tiến, là những chuyện vẫn thường thấy và được coi như tất nhiên khi dân chủ còn chập chững. Song thường tình đó lại bị phê phán gay gắt ở trường hợp Việt Nam, vì có thể gây xáo trộn phương hại đến ổn định mà Hoa Kỳ luôn luôn đòi hỏi để rảnh tay đối phó với chiến cuộc. Và cũng vì vậy mà dư luận Hoa Kỳ không thuận lợi cho ông Thiệu và cho cả chế độ miền Nam.

Trong giai đoạn này, đối với riêng tôi, tôi không còn nghĩ nhiều đến cá nhân ông Thiệu, ông Kỳ hay ông Minh. Với nhiệm vụ bênh vực quyền lợi của xứ sở, tôi chỉ mong sao duy trì được sự ủng hộ của thế giới bên ngoài đối với cuộc tranh đấu của miền Nam. Tôi còn đang băn khoăn chưa biết trình bày bằng cách nào những biến chuyển mới với báo chí Hoa Kỳ thì ngày 12 tháng 7, anh Hoàng Đức Nhã, bí thư của ông Thiệu bay qua Hoa Thịnh Đốn để nhận định tình hình tại chỗ. Là người thân tín của ông Thiệu, thông minh, tốt nghiệp Đại Học Hoa Kỳ, nói tiếng Anh lưu loát, Nhã thường hay bị chỉ trích là "còn trẻ mà đã kiêu", nhưng riêng tôi thì thấy anh là người thông thạo công việc, dễ nói chuyện, hơn nữa trong số những người thân cận của ông Thiệu, anh là người hiểu biết về chính trị Hoa Kỳ hơn cả. Trong gần một tuần lễ ở Hoa Thịnh Đốn, tôi sắp đặt để cho anh gặp

https://tieulun.hopto.org

đủ mọi giới, từ tòa Bạch Ốc, bộ Ngoại Giao, Quốc Hội cho đến báo giới và tin rằng qua những cuộc tiếp xúc đó, anh sẽ nhận định trực tiếp về tình hình và sau đó trình bầy đúng với ông Thiệu những gì anh đã nhìn thấy. Vì vậy mà khi anh Nhã trở về Sài Gòn, tôi không làm một tờ trình riêng biệt nào. Và tạm quên mọi chuyện, hai tuần lễ sau, vào đầu tháng 8, giữa mùa nóng, tôi mang cả gia đình bay qua hòn đảo Haiti nghỉ một tuần trong lúc ông Kỳ còn đang có vụ kiện ở Tối Cao Pháp Viện.

Lúc tôi ở đảo quay về, thì được tin đơn kiện của ông Kỳ bị bác và Đại Sứ Bunker trở về Hoa Thịnh Đốn để tham khảo ý kiến. Như thường lệ, ngày 13 tháng 8, ông đến Sứ Quán dùng bữa trưa để nói chuyện riêng với tôi, mặc dầu ngày hôm trước tôi đã hội đàm với ông ở bộ Ngoại Giao cùng với ông Sullivan. Ông coi những buổi gặp gỡ đó là giữa hai bạn thân, không có tính cách chính thức, nên nói đủ mọi chuyện, không dè dặt chút nào. Ông tỏ vẻ lo ngại về những biến chuyển liên hệ tới cuộc bầu cử ở Sài Gòn mà nhiều người đã bắt đầu gọi là "độc diễn" và những ảnh hưởng không tốt đối với Quốc Hội Hoa Kỳ. Ông cho rằng ông Thiệu không cần phải có những thủ đoạn thao túng, gạt ông Kỳ hay ông Minh ra ngoài vì "theo tôi đằng nào ông Thiệu cũng thắng, vả lại nếu ông Thiệu thắng trong một cuộc bầu cử công bằng thì uy tín của ông sẽ tăng lên". Sau hết ông cho rằng những vận động bất hợp pháp không giấu được ai và sẽ có hại cho cả ông Thiệu lẫn miền Nam Việt Nam. Phải chăng ông không muốn nói thẳng với ông Thiệu những lời "nghịch nhĩ" đó, và gián tiếp nhờ tôi chuyển lời lại cho ông Thiệu? Dầu sao, ngày hôm sau, 14 tháng 8, trong một bức mật điện gửi về cho ông Thiệu, tôi viết nguyên văn như sau:

"Tôi vừa nói chuyện với hai ông Sullivan và Bunker trong mấy ngày qua. Cả hai ông đều lo rằng trong cuộc bầu cử sắp tới chỉ sẽ chỉ có một ứng cử viên và suy luận rằng nếu trường hợp này xẩy ra thì dư luận và Quốc Hội Hoa Kỳ sẽ có cơ hội chỉ trích Việt Nam và chương trình viện trợ cho Việt Nam sẽ gặp nhiều khó khăn. Họ cũng nhấn mạnh rằng thật sự ngân sách của Hoa Kỳ hoàn toàn nằm trong tay Quốc Hội và trong tình trạng hiện thời thì không ai đoán trước được thái độ của Quốc Hội. Mới đây Hạ Viện vừa đồng ý với Thượng Viện không viện trợ quân sự cho Pakistan và Hy Lạp. Một năm trước không ai nghĩ rằng những quyết định này có thể xẩy ra được…" (1)

Ngày 19 tháng 8, tôi được tin là tướng Minh đã tự động rút lui không ra ứng cử nữa, và hai ngày hôm sau thì lại được tin là Tối Cao Pháp Viện đã xét trường hợp của ông Kỳ và kết luận rằng ông hội đủ

https://tieulun.hopto.org

điều kiện ứng cử, nhưng ông Kỳ cũng quyết định không tranh cử nữa. Như vậy có nghĩa là ngoài ông Minh và ông Kỳ, thì ông Thiệu sẽ không có đối thủ nào đáng ngại. Ngày 2 tháng 9, ông Thiệu tuyên bố là mặc dầu ông là ứng cử viên độc nhất, cuộc bầu cử sẽ tiến hành như đã được dư liệu trong Hiến Pháp.

Độc diễn hay tranh cử một mình, thực ra chẳng riêng gì cho miền Nam Việt Nam. Không kể những nước Cộng Sản, ngay ở nhiều nước khác, những lãnh đạo độc tài vẫn thường tìm cách gạt bỏ hết đối thủ, rồi tổ chức những cuộc bầu cử, gọi là có hình thức dân chủ, để hợp thức hóa địa vị của mình. Tuy nhiên trong tình trạng đất nước lúc bấy giờ, Việt Nam Cộng Hòa đang ở trong một hoàn cảnh khó khăn nên quan điểm đơn giản của tôi thật rõ rệt: độc diễn hay độc cử chắc chắn không phải là thượng sách. Trước hết chế độ dân chủ phôi thai mới thành hình được 4 năm, ngoài ra trong cuộc tranh đấu một mất một còn với Cộng Sản, nếu không làm gì được chút gì để thực hiện đoàn kết quốc gia, thì nhà cầm quyền cũng không nên dùng những thủ đoạn không ngay thẳng, không cần thiết.

Những thủ đoạn ấy không những gây chia rẽ mà còn tạo ra những luồng dư luận quốc tế, không mấy thuận lợi, trong khi hơn lúc nào hết miền Nam Việt Nam cần sự ủng hộ và giúp đỡ của thế giới bên ngoài và nhất là của Hoa Kỳ.

Vì những lý do trên đây, và tuy cũng nhận ổn định là cần thiết, tôi vẫn cảm thấy một nỗi buồn khó tả, như tiếc nuối, mất mát một cái gì. Tôi cho rằng đại cuộc có lẽ cũng chẳng vì độc diễn hay độc cử mà thay đổi nhiều, nhưng trong lịch sử ngắn ngủi của chế độ dân chủ ở miền Nam, cuộc bầu cử năm 1971 là một bước thụt lùi.

Mùa thu năm ấy, tôi mệt mỏi và thất vọng. Ngày 2 tháng 10 tôi được tin chính thức ông Thiệu tái đắc cử Tổng Thống. Bỗng nhiên tôi nhận ra là tôi đang ở trong một tình trạng khó xử. Là đại sứ, thì lý ưng tôi phải gửi điện mừng Tổng Thống tái đắc cử. Nhưng tôi lại không muốn chúc tụng giả dối, một cử chỉ mà tôi cho là quá tầm thường. Sau một ngày suy nghĩ, tôi đi đến kết luận: một là gửi về một bức điện văn chúc mừng và chấp nhận sự giả dối, hai là không gửi gì về cả để khỏi trái với lý tưởng bình sinh là thành thực với người, với mình. Cuối cùng tôi họp với một số nhân viên Sứ Quán, trình bầy trường hợp riêng biệt của tôi, và nói với họ là nếu các anh em muốn có lời chúc mừng thì tôi sẵn sàng chuyển hộ về. Về phần cá nhân, tôi đã quyết định không gửi gì về cả, ngoài một bản tường trình ngắn ngủi và khách quan về phản ứng của các giới Hoa Kỳ đối với kết quả bầu cử.

https://tieulun.hopto.org

Vài hôm sau, lấy lại được tỉnh táo trong đầu óc và thảnh thơi trong tâm hồn, tôi nghĩ ngay đến việc xin từ chức. Một phần nào tôi cũng hiểu được tính tình của ông Thiệu. Tôi nghĩ rằng dầu nói ra hay không nói ra, ông sẽ không quên được sự kiện tôi không gửi điện văn về chúc mừng ông, ngoài ra ông cũng có thể nghi tội về hùa với ông Bunker và những người Hoa Kỳ để chỉ trích ông. Trong hoàn cảnh ấy, thì dầu có được tiếp tục, tôi nghĩ rằng sự hợp tác với ông cũng sẽ không được lâu bền. Rồi càng suy nghĩ tôi càng thấy quyết định xin từ chức của tôi không những là phải lẽ mà còn có thể giúp tôi ra đi một cách gọn gàng. Tôi đã tại chức được 5 năm. Thời gian phục vụ có lẽ đã quá đủ, vả lại tôi cũng còn những dự định trong những lĩnh vực khác. Trong những chuyến về Sài Gòn, tôi thường có dịp gặp một số các nhà văn nhà báo và đưa ra ý kiến là nên cho ra một tờ tuần báo chính trị và văn học đứng đắn. Ý kiến này được mọi người tán thành và tôi chỉ còn chờ dịp thực hiện. Tôi đã sẵn có cơ sở của tờ Saigon Post, nên tổ chức và ấn loát không thành vấn đề. Bởi vậy, tôi nhờ anh Vũ Đức Vinh nghiên cứu và sửa soạn dùm việc thành lập một ban biên tập. Anh là một người trong giới các nhà văn, nhà báo và đã từng cộng tác với tôi hồi tôi làm việc với ông Kỳ. Về mọi mặt, rút lui như vậy thật là đúng lúc.



Cuối năm 1971, tác giả hội đàm với Tổng Thống Nixon, người ngồi kế bên là tướng Alexander Haig (về sau trở thành Ngoại Trưởng dưới thời Tổng Thống Reagan)

https://tieulun.hopto.org

Tôi đánh điện xin phép trở về Sài Gòn để trình việc. Tôi không có ý muốn làm to câu chuyện và dự định nếu được về, sẽ hòa nhã cám ơn ông Thiệu rồi xin từ chức, lấy cớ là để ông tiện sắp xếp lại nhân sự trong nhiệm kỳ thứ hai của ông; rồi sau đó, tôi sẽ xúc tiến việc làm báo. Trước kia, việc xin phép trở về đối với tôi chỉ là một vấn đề hình thức, cứ việc đánh điện xin về là có điện trả lời chấp nhận. Lần này thì khác, tôi đợi mãi không thấy hồi âm, ngoại trừ vài lời ngắn ngủi của Hoàng Đức Nhã qua điện thoại: "Tôi sẽ bàn chuyện này với anh sau". Sự úp mở này càng làm cho tôi quyết tâm thôi việc. Tôi tự nhủ trường hợp tự mình ra đi bao giờ cũng gọn gàng hơn trường hợp bị người ta bó buộc mình phải ra đi. Tôi nghĩ đến bố tôi. Cả đời, ông đã sống cuộc đời phóng khoáng của một nhà Nho coi thường thế sự. Tôi nhớ lại những lời nói của cụ Kim: "Người ta ở đời làm việc gì cũng phải xử sự cho chững!" Có lẽ tôi chưa theo được các cụ nhưng chắc chắn là tôi cũng thừa hưởng được một phần nào quan niệm "xuất xứ hành tàng" của các cụ và không muốn bị lâm vào những trường hợp khó chịu (2).

Vào đầu tháng 12 tôi vẫn chưa nhận được tin gì từ Sài Gòn nhưng vì đã có quyết định dứt khoát trong đầu, tôi không còn sốt ruột nữa. Tôi ngồi liền mấy ngày thảo một bản tường trình cuối cùng (18 trang đánh máy) về tình hình ở Hoa Kỳ để gửi về cho ông Thiệu. Vì đây là lần cuối cùng với tư cách đại sứ, tôi đưa ra nhận định để những người có trách nhiệm trong chính phủ có một cái nhìn đúng mức về chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam, và cố trình bầy đầy đủ về mọi khía cạnh của vấn đề, từ quân sự, kinh tế đến chính trị, ngoại giao. Trong phần kết luận, tôi viết nguyên văn như sau:

"… Thời kỳ tạm lắng và chịu đựng hiện nay chỉ là giai đoạn cuối cùng của sự can thiệp trực tiếp của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Đứng trên quan điểm quyền lợi của dân tộc Việt Nam, những vấn đề cần phải được ưu tiên lưu ý là:

1) Trên phương diện ngoại giao và quốc tế, với những biến chuyển bất trắc của thời cuộc, phải làm thế nào để tránh được những sự dàn xếp trong đó quyền lợi của Việt Nam bị hy sinh.

2) Trên phương diện liên hệ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ, phải làm thế nào để thuyết phục Hoa Kỳ giúp Việt Nam theo quan điểm của người Việt Nam (chứ không phải theo quan điểm máy móc và một đôi khi thiển cận của người Hoa Kỳ) và hơn thế nữa phải làm thế nào để duy trì được trong chính quyền cũng như trong dư luận và chính giới Hoa Kỳ mối cảm tình cần thiết để viện trợ được tiếp tục

https://tieulun.hopto.org

cho đến lúc Việt Nam có thể tự mình đảm nhận được hoàn toàn trách nhiệm trên cả hai lãnh vực quân sự và kinh tế.

"Trong những năm qua, vì nhiều lý do phức tạp trong đó lỗi của người Việt Nam cũng có mà lỗi của người Hoa Kỳ cũng nhiều, mối cảm tình đó đã dần dần giảm thiểu xuống tới mức độ chỉ còn lại được một chút ít trong dư luận và chính giới Hoa Kỳ. Nếu chúng ta lý luận rằng ngày nay Hoa Kỳ đang trên con đường đi ra, do đó Việt Nam không cần đến Hoa Kỳ nữa thì khỏi cần phải đặt vấn đề mối cảm tình đó. Nhưng nếu Việt Nam nghĩ rằng vẫn còn cần đến sự trợ giúp của Hoa Kỳ trong một thời gian nữa thì mối cảm tình đó còn quan trọng. Vấn đề được đặt ra không phải là Việt Nam đồng ý hay không đồng ý với những nhận xét của dư luận hay chính phủ Hoa Kỳ về vấn đề Việt Nam mà là Việt Nam phải làm thế nào để, trong phạm vi những quyền lợi căn bản của người Việt Nam, Việt Nam có thể đối phó được một cách hữu hiệu với những thực tế chính trị mà cả Tổng Thống Hoa Kỳ cũng không thể bỏ qua được.

Việt Nam cần phải có một chính sách thực tế, tích cực những kiên nhẫn để:

1. Một mặt, tạo cơ hội cho một cuộc gặp gỡ trên cấp bậc cao nhất giữa những nhà lãnh đạo Việt Nam và Hoa Kỳ để thảo luận trong chi tiết về viễn tượng của những biến chuyển quốc tế và hòa đàm ở Ba Lê cũng như để thảo luận về cách thức mà Việt Nam cho là hiệu quả nhất để Hoa Kỳ có thể giúp Việt Nam trong tương lai.

2. Mặt khác, khởi sự trên một căn bản mới những cố gắng nhằm vào dư luận và chính giới Hoa Kỳ để chứng tỏ rằng ngày nay Việt Nam không cần đến sự giúp đỡ bằng xương máu của người Hoa Kỳ và chỉ còn cần đến sự giúp đỡ về quân sự trong một thời gian ngắn nữa, và mặc dầu những sự thiếu sót không thể tránh được trong một tình trạng chiến tranh và một xã hội chậm tiến, dân tộc Việt Nam là một dân tộc đáng được giúp đỡ. Để đạt được mục đích này, yếu tố quyết định chắc chắn là hình ảnh của một nước Việt Nam đoàn kết, trong sạch, sẵn sàng nhận lấy trách nhiệm của mình trong cuộc chiến".

Làm xong và thư thả đọc lại, tôi ngạc nhiên nhận ra rằng, mặc dầu không cố ý, tôi đã để lộ tâm sự của tôi, nói lên những điều tôi vẫn hằng mong mỏi mà không thấy được thực hiện. Tôi không chỉ trích "độc diễn" của ông Thiệu, nhưng tôi nói lên sự cần thiết phải có đoàn kết trong hàng ngũ những người quốc gia. Tôi không đề cập đến những tệ nạn như tham nhũng, bè phái, nhưng đến hình ảnh của một xã hội Việt Nam trong sạch. Tôi không nặng lời lên án thói quen ỷ lại

https://tieulun.hopto.org

vào Hoa Kỳ, nhưng tôi nhắc tới bổn phận của Việt Nam, là phải đảm nhận lấy trách nhiệm của mình trong cuộc chiến. Dầu sao thì cũng là bản tường trình chót, nên tôi cũng muốn chia sẻ chút kinh nghiệm mà tôi đã lượm được trong thực tế chính trị tại Hoa Kỳ: Tổng Thống Hoa Kỳ không phải là người có quyền quyết định tối hậu về mọi chuyện, trong nhiều trường hợp Quốc Hội có thể bó tay ông, ngoài ra lúc nào ông cũng phải nhìn trước nhìn sau, theo dõi dư luận mà báo chí và Quốc Hội là phản ảnh. Mạnh nhất và phải kể đến trước hết, không phải là tòa Bạch Ốc, hay bộ Ngoại Giao, nhưng là dân chúng và những đại diện của họ tại Quốc Hội. Khổ tâm của tôi là không biết làm thế nào để các nhà lãnh đạo Việt Nam để ý đến những điều tôi tường trình.

Trong những tuần lễ kế tiếp, tôi phải sửa soạn cho mùa lễ Giáng Sinh, từ quà cáp cho đến thiệp chúc mừng gửi tới hàng trăm người các giới. Tôi lại phải tiếp một số nhân vật chính trị từ Việt Nam qua, trong đó có hai người thân là bác sĩ Trần Văn Đỗ, cựu Ngoại Trưởng, và giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, nên tôi tạm gác mọi chuyện. Tuy nhiên, ngay sau những ngày nghỉ đầu năm 1972, tôi nhận thấy là không nên kéo dài tình trạng nửa ở nửa đi, và viết ngay một bức thư gửi thẳng về cho ông Thiệu để xin "giải nhiệm". Mặc dầu thư có tính cách chính thức, ông Thiệu cũng không trả lời và tôi phải đợi đến hơn mười hôm sau mới được biết gián tiếp là ông có nhận được lời yêu cầu của tôi. Trong một bức thư riêng ngày 3 tháng 2 do người cầm tay đưa sang, Hoàng Đức Nhã viết cho tôi như sau: "… về việc anh xin giải nhiệm Tổng Thống rất tiếc nhưng hy vọng rằng một dịp sau anh sẽ cộng tác để phục vụ xứ sở…". Vài hôm sau không biết thư xin giải nhiệm của tôi có được chuyển sang bộ Ngoại Giao không, nhưng Ngoại Trưởng Trần Văn Lắm gọi dây nói cho tôi, bảo rằng chính phủ đang sắp xếp lại một số nhân sự và hỏi ý kiến tôi về việc này, với ngụ ý rằng nếu tôi thấy là đã ở Hoa Thịnh Đốn quá lâu và muốn thay đổi thì cũng có chỗ trống ở một vài nhiệm sở quan trọng khác. Tôi hiểu ngay, và trả lời rằng tôi rất tiếc vì đã "đệ đơn lên Tổng Thống xin giải nhiệm" từ hơn hai tuần rồi.

Đầu năm 1972, ông Nixon tiết lộ là ông Kissinger đã nhiều lần tiếp xúc bí mật với đại diện Bắc Việt. Một tuần ngay sau Tết Nguyên Đán năm ấy (ngày 23 tháng 2, 1972), anh Hoàng Đức Nhã lại được gửi sang Hoa Thịnh Đốn để làm việc cùng với tôi và nhận định tình hình. Nhân dịp này anh cũng nhắc lại lời ông Thiệu, ông rất tiếc rằng tôi đã tự ý xin từ chức, nhưng nếu tôi muốn thay đổi không khí thì một số nhiệm sở khác vẫn còn là chỗ trống. Tôi làm việc tích cực

https://tieulun.hopto.org

với Nhã như thường lệ trong hơn một tuần lễ, tổ chức đầy đủ những cuộc gặp gỡ với các nhân vật Hoa Kỳ, nhưng sau đó nhờ anh ta đưa về cho ông Thiệu một bức thư. Trong thư tôi cảm tạ ông về sự tín nhiệm mà ông đã dành cho tôi trong nhiều năm liên tiếp, cảm tạ ông đã có nhã ý cho tôi cơ hội phục vụ ở những nơi khác, cơ hội mà tôi rất tiếc là không thể nhận được. Sau cùng tôi chỉ xin ông có một "ân huệ" độc nhất là phóng thích cho tôi trở về Việt Nam.

---

(1) Quan điểm trên đây có hơi khác, nếu đem so sánh với quan điểm của ông Kissinger. Ngày 18 tháng 8, ông Holdridge, phụ tá của ông Kissinger cho tôi biết là theo ông Kissinger thì ông Thiệu "thiếu sáng suốt và khôn khéo", nhưng nếu nhìn vào đại cuộc thì việc cần nhất là dầu sao vẫn phải là giữ vững tình trạng "ổn định" ở Việt Nam. Điều này chứng tỏ ông Kissinger không mảy may quan tâm gì đến vấn đề dân chủ ở Việt Nam.
(2) Quan niệm xuất xứ: biết tiến thì phải biết thoái, tin dùng thì làm, muốn bỏ thì ta về ẩn: "dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng". Đó là lời của thầy Mạnh Tử.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 33
1972, Một Năm Quyết Định, Cộng Sản Lại Tổng Tấn Công, Kissinger "Đi Đêm" Với Bắc Việt

Cuối tháng giêng 1972. Trong khi Sứ Quán sửa soạn tổ chức Tết Nguyên Đán Nhâm Tý và tôi còn đang hưởng cái vui được giải thoát nhẹ nhàng và sắp sửa trút được gánh nặng, thì ngày 25 tháng 1, trong một bài diễn văn trên các đài truyền hình toàn quốc, Tổng Thống Nixon tiết lộ rằng từ tháng 8 năm 1969 ông Kissinger đã bí mật tiếp xúc nhiều lần với những đại diện của Bắc Việt. Tất cả có 12 buổi họp và lần cuối là vào ngày 13 tháng 9, 1971. Sau đó Hoa Kỳ đã đưa ra đề nghị hòa bình: quân đội Mỹ sẽ rút khỏi Việt Nam trong vòng 6 tháng, sẽ có một cuộc bầu cử Tổng Thống mở rộng do một ủy ban gồm có đủ mọi khuynh hướng chính trị ở Việt Nam, kể cả Cộng Sản, tổ chức, và bầu cử sẽ do quốc tế kiểm soát. Cũng theo đề nghị này, ông Thiệu sẽ từ chức một tháng trước đó. Ông Nixon cho biết là Bắc Việt cho đến nay chưa trả lời, vì vậy ông bó buộc phải công khai hóa những cuộc tiếp xúc bí mật và đề nghị hòa bình của Hoa Kỳ để công chúng biết rõ sự thực.

1972 lại là một năm bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ. Những phe chống đối ông Nixon, từ những ứng cử viên trong đảng Dân Chủ cho đến những phần tử chủ hòa hay phản chiến đều sắp công kích ông là đã quá cứng rắn, không chịu nhượng bộ trong vấn đề Việt Nam, do đó đã kéo dài chiến tranh một cách vô ích. Bài diễn văn của ông Nixon ngày 25 tháng 1 rõ ràng nhằm mục đích chặn đứng những lời chỉ trích này và các quan sát viên ở Hoa Thịnh Đốn đều cho rằng, đây là một đòn chính trị ngoạn mục không kém gì vụ tiết lộ ông Kissinger bí mật sang gặp các lãnh tụ Trung Hoa đỏ năm trước. Hơn nữa ông đã làm cho tất cả những phong trào hay phần tử phản chiến bị chưng hửng vì những đòi hỏi nhượng bộ của họ đều đã được chính phủ Hoa Kỳ đồng ý và cho Bắc Việt biết từ lâu, nhưng Bắc Việt vẫn ngoảnh mặt lắc đầu.

Các giới chính trị ở Hoa Kỳ đều ngạc nhiên vì hai ông Nixon và Kissinger đã giữ kín được lâu những vụ ngấm ngầm đi lại ở Bắc Việt. Riêng tôi đôi khi đã có được một số tin tức, từ phía những bạn trong giới báo chí Hoa Kỳ và ngoại quốc, theo đó qua trung gian này hay trung gian khác, Hoa Kỳ vẫn tìm đường móc nối với Bắc Việt.

https://tieulun.hopto.org

Mỗi khi có những tin tức đó, tôi đã không ngần ngại hỏi thẳng cả ông Kissinger hay bộ Ngoại Giao. Để trả lời, phía Hoa Kỳ thường bảo "làm gì có chuyện đó" và để tránh né vấn đề, "chúng tôi đã trình bầy với Tổng Thống Thiệu rồi". Bởi vậy, tôi không còn cách nào hơn là gửi mật điện về Sài Gòn để nói rõ sự tình này với ông Thiệu. Qua mật điện, tôi muốn nhắc ông Thiệu, phòng khi, trái với điều đã nói với tôi, họ không "trình bầy" gì cả với ông, lúc đó nếu thấy cần, ông có thể hỏi thẳng ông Bunker ở Sài Gòn. Còn nếu người Hoa Kỳ có nói với ông điều gì thuộc "bí mật quốc gia" mà ông không thấy cần cho tôi biết, thì đó là quyền của ông.

Chính vì tình trạng mập mờ này mà tôi lo ngại nhiều hơn là ngạc nhiên, khi vào lúc 3 giờ chiều ngày 25 tháng 1, 1972, tôi được mời tới bộ Ngoại Giao và được Thứ Trưởng Marshall Green thông báo cho biết trước về nội dung bài nói chuyện của ông Nixon tối hôm đó. Tôi lo ngại vì nhận ra là trong cuộc hòa đàm, tuy bề ngoài vẫn chối cãi, họ đã mặc nhiên coi việc đàm phán với Bắc Việt như việc riêng của Hoa Kỳ nhiều hơn là việc chung của Hoa Kỳ và miền Nam Việt Nam. Tôi lo ngại vì càng ngày tôi càng thấy rõ là quyền lợi của Hoa Kỳ dần dần không còn đi đôi với quyền lợi của miền Nam Việt Nam nữa và như vậy thì chắc chắn là nhân dân miền Nam sẽ phải chịu rất nhiều thiệt thòi.

Đầu năm 1969, vào lúc ông Nixon còn đang chờ ngày nhậm chức và chính phủ vừa được thành lập sắp sửa bắt tay vào việc, chưa có một chính sách rõ rệt về vấn đề Việt Nam, tôi đã lưu ý ông Thiệu (bản tường trình ngày 13 tháng 1, 1969) là nhân cơ hội đó Việt Nam nên tích cực đòi hỏi chính phủ Hoa Kỳ phải hội ý với chính phủ Việt Nam về một đường lối chung trong cuộc chiến và không nên quá thụ động để mặc cho người Hoa Kỳ đưa ra sáng kiến và quyết định mọi việc. Tôi viết: "…Trong giai đoạn tới, quyền lợi hai nước chưa chắc đã hoàn toàn đi đôi. Nếu chúng ta không thẳng thắn nói rõ những quan điểm thiết yếu của dân tộc, e rằng sẽ có những khó khăn lớn về sau…" Vì bản tính chần chừ hay vì một lý do riêng biệt nào đó mà tôi không rõ, ông Thiệu bỏ qua cơ hội và từ đó Hoa Kỳ, đặc biệt là ông Kissinger, người được ông Nixon giao phó trách nhiệm chủ chốt trong vấn đề Việt Nam, cứ theo đà cũ sẵn có, nhiều khi quyết định trước rồi sau mới thông báo cho Việt Nam. Một trong những trường hợp điển hình nhất chính là những cuộc tiếp xúc bí mật với Bắc Việt mà ông Nixon đã tiết lộ (1).

Về phía Hoa Kỳ thì qua một số bạn trong giới truyền thông ở Hoa Thịnh Đốn, một phần nào tôi đã biết về lề lối làm việc bưng bít

https://tieulun.hopto.org

và giấu giếm của ông Kissinger cũng như cung cách đối xử của ông nhiều khi không lấy gì làm đẹp mắt ngay cả với Ngoại Trưởng Rogers. Còn về phía Việt Nam thì ông Thiệu là người có tính hay trì hoãn, không muốn trực diện đối đầu với Hoa Kỳ và thường chỉ ậm ừ, không nói không mà cũng không nói có. Bởi thế, tôi không tin là giữa Hoa Kỳ và Việt Nam đã có những cuộc bàn bạc đầy đủ trước khi có sự tiếp xúc với đối phương, và tôi lại càng không tin là sau đó, ông Kissinger đã kể rõ mọi chuyện cho ông Thiệu. Tuy nhiên, vì không nhận được chỉ thị nào của chính phủ về vấn đề này, tôi cũng như người đi mò trong đêm tối. Tôi đã định đánh điện về nhà hỏi nhưng nghĩ lại thì thấy rằng nếu ông Thiệu đã không muốn cho biết, thì hỏi cũng vô ích, nên lại thôi. Tôi phải đợi gần hai tuần lễ sau mới hiểu thêm được đôi chút nhân dịp ông Bunker trở về Hoa Thịnh Đốn để chính phủ Hoa Kỳ tham khảo ý kiến. Như thường lệ, ông đến dùng bữa trưa với tôi (ngày 7 tháng 2) tại Sứ Quán và nhờ ông, tôi được biết một phần về cuộc mật đàm. Với tư cách là đại diện của chính phủ Hoa Kỳ ở Sài Gòn, ông là người trung gian giữa ông Kissinger và ông Thiệu, nên tôi nghĩ rằng ít nhất ông cũng có thể cho tôi biết phản ứng của ông Thiệu ra sao. Về điểm này ông trả lời tôi khá thẳng thắn. Ông nói với tôi rằng: "Những gì ông Kissinger nhờ tôi chuyển đến ông Thiệu, tôi chuyển ngay nhưng, như anh cũng đã biết, thăm dò được đúng mức phản ứng của ông ấy không phải là chuyện dễ". Rồi cũng cho biết là những điểm chính trong đề nghị của Hoa Kỳ đưa cho Bắc Việt hồi tháng 9, 1971, đã được ông Thiệu đồng ý sau một cuộc viếng thăm Sài Gòn của tướng Haig, phụ tá của ông Kissinger (2).

Năm ấy (Nhâm Tý), gia đình chúng tôi được hưởng trọn vẹn một cái Tết Nguyên Đán yên ổn. Tuyết xuống nhiều quá, làm cho sinh hoạt của thủ đô Hoa Kỳ bị ngưng trệ, nhưng dư luận Hoa Kỳ và quốc tế trong những ngày ấy, đều đổ dồn vào cuộc viếng thăm Trung Hoa đỏ của ông Nixon (một cuộc viếng thăm mà ông cho là có tính cách lịch sử và thay đổi hoàn toàn cục diện thế giới). Ngoài những buổi họp mặt với gia đình và một số bạn thân, cũng như mọi người, chúng tôi ngồi nhà dán mắt vào máy truyền hình để theo dõi những cuộc gặp gỡ giữa ông Nixon, Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai.

Đứng trên một quan điểm chiến lược thì ai cũng phải nhìn nhận rằng, trong khi chiến tranh lạnh còn đó và Hoa Kỳ đang phải đối đầu với những nước trong khối Cộng Sản, quyết định có tính cách địa dư, chính trị (geo-politic) của ông Nixon, một người nổi tiếng là chống cộng, mở đường cho việc bình thường hóa bang giao Mỹ Hoa bị gián đoạn từ hai thập niên trước, quả thực là một quyết định táo

https://tieulun.hopto.org

bạo và lợi hại. Thế quân bình giữa những nước Cộng Sản và Tư Bản không còn như trước nữa. Và câu hỏi đầu tiên mà những quan sát viên quốc tế đặt ra là liên hệ mới giữa Hoa Kỳ và Trung Hoa có ảnh hưởng gì đến trận chiến tranh ở Việt Nam không? Đối với những người ngoài cuộc, thì chỉ là một thắc mắc, nhưng đối với những người trong cuộc, Hoa Kỳ và Việt Nam, Cộng Sản hay không Cộng Sản, câu hỏi có tính cách quan trọng hàng đầu. Cũng vì vậy mà sau Tết vài ngày, có lẽ vì muốn có thêm tin tức về chuyến đi của ông Nixon, ông Thiệu lại cử Hoàng Đức Nhã sang Hoa Thịnh Đốn để cùng với tôi dò xét thêm. Nhân dịp này, tôi có hỏi Nhã xem có phải thực sự ông Thiệu đã được cho biết đầy đủ về cuộc mật đàm không, thì câu trả lời của anh ta là: thông báo thì có nhưng rất sơ sài. Thường khi ông Bunker chỉ chuyển đến ông Thiệu những bản tin ngắn ngủi của ông Kissinger và ông Thiệu cũng chỉ đóng góp ý kiến một cách tổng quát mỗi khi được hỏi về vấn đề này hay vấn đề khác. Và ngay cả trong trường hợp ông Thiệu đồng ý với Hoa Kỳ, ông cũng cho cảm tưởng là dè dặt gượng gạo.

Nói đúng ra là kể từ ngày có quân tham chiến ở Việt Nam, Hoa Kỳ luôn luôn có thái độ kẻ cả của một người anh lớn, trong nhiều trường hợp quyết định đơn phương mọi việc, không kể gì đến ý kiến của nước đàn em nhỏ bé, và nếu một đôi khi có tham khảo ý kiến, thì cũng chỉ là chiếu lệ hay về hình thức nhiều hơn là về thực chất. Mối liên hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam vốn không bình đẳng, nay lại thêm lối làm việc mưu mẹo, giấu giếm của ông Kissinger và thái độ vừa chịu đựng vừa quanh co, nửa có nửa không của ông Thiệu, nên kết quả là mặc dầu không có thẩm quyền, ông Kissinger vẫn tự tiện điều đình với Bắc Việt như là người đại diện cho cả Việt Nam Cộng Hòa.

Đối với tôi, tình trạng này không phải là mới lạ. Trong nhiều năm làm việc, luôn luôn tôi đã phải giữ vai trò trung gian và do đó đã nhìn thấy khoảng cách giữa Hoa Thịnh Đốn và Sài Gòn. Tuy nhiên với thời cuộc biến đổi và quyền lợi của hai nước không còn đi đôi như trước nữa, khoảng cách này dần dần rộng lớn ra nên càng ngày tôi càng cảm thấy bất lực. Khi quyết định xin từ chức, tôi đã tưởng sẽ sớm được cơ hội ra khỏi một hoàn cảnh khó khăn, hàng ngày phải đối phó với những chuyện không vừa ý, trông thấy việc phải làm mà không làm được. Nhưng lạ thay, cho đến đầu tháng 3 mà chính phủ vẫn chưa cử người thay tôi, thậm chí cũng không chính thức cho biết là bao giờ tôi được giải nhiệm.

Trong khi tôi chờ đợi, thời cuộc cứ biến chuyển dồn dập và lôi cuốn tôi trở về với công việc. Nhiều luồng dư luận cho rằng Trung

https://tieulun.hopto.org

Quốc sẽ có thể giúp Hoa Kỳ tìm kiếm một giải pháp điều đình cho chiến tranh Việt Nam, do đó mà tôi phải phối kiểm các tin tức. Trong hai tuần lễ liền ngay sau khi ông Nixon từ Bắc Kinh trở về Hoa Thịnh Đốn (ngày 28 tháng 2) tôi gõ cửa đủ mọi nơi, từ tòa Bạch Ốc cho đến bộ Ngoại Giao và mời đến dùng bữa trưa tại tòa Đại Sứ hầu hết những nhà báo đã đi theo ông Nixon trong chuyến công du lịch sử của ông. Rồi đến ngày 21 tháng 3, trong một tờ trình sơ khởi, tôi viết về cho ông Thiệu như sau: "Lúc này, các giới chính trị ở Hoa Thịnh Đốn, trong cũng như ngoài chính quyền, đều cho rằng mặc dầu giữa Hoa Kỳ và Trung Hoa không, hay chưa có sự thỏa thuận nào về vấn đề Việt Nam, Hoa Kỳ cũng đã đạt được hai kết quả, một là đo lường được mối liên hệ (không lấy gì làm mặn nồng cho lắm) giữa Trung Hoa và Bắc Việt, và hai là gây được sự nghi ngờ trong hàng ngũ những người Cộng Sản ở Hà Nội về mức độ ủng hộ hay trung thành của Trung Hoa đối với đường lối cứng rắn của Bắc Việt".

Nhưng việc này chưa hết việc kia đã tới. Vào khoảng trung tuần tháng 3, những tướng lãnh bạn ở Ngũ Giác Đài cho tôi biết là tướng Abrams, Tư Lệnh Quân Đội Hoa Kỳ ở Việt Nam đang chờ đợi một cuộc tấn công của Cộng Sản, vì những cơ quan tình báo đã thâu lượm được khá đầy đủ tin tức về những sự sửa soạn của đối phương.

Vào thời điểm này, số quân của Hoa Kỳ ở Việt Nam chỉ còn đầy 70 ngàn người (so với hơn nửa triệu ba năm về trước) vì vậy mà chính phủ Hoa Kỳ rất lo ngại. Trong những buổi họp mà tôi được mời tới dự tại bộ Ngoại Giao cùng với ông Sullivan và tại Ngũ Giác Đài cùng với tướng Westmoreland, tôi nhận thấy rằng họ không còn nghi ngờ gì nữa về ý đồ của đối phương và gần như chắc chắn là sẽ có đụng độ lớn nhưng không đoán được bao giờ và ở những nơi nào. Họ đồng ý với ông Robert Thompson, một cố vấn quân sự người Anh có nhiều kinh nghiệm về chiến tranh du kích, là cuộc tấn công sẽ phải bắt đầu vào mùa xuân vì hai lý do: một là Cộng Sản nghĩ rằng như thế sẽ có ảnh hưởng lớn vào cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ, và hai là mùa khô thì hành quân thuận lợi hơn. Chính phủ Hoa Kỳ lo ngại không biết quân đội Việt Nam có đủ sức đương đầu hay không, một thử thách lớn đối với họ và cả chương trình Việt Nam Hóa. Hoa Kỳ rất khó xử: phải trợ chiến cho quân đội Việt Nam, nhưng không thể ngưng việc rút quân về nước (đợt rút quân cuối cùng 70 ngàn người vừa được ông Nixon loan báo ngày 13 tháng 1, 1972), vì vậy mà họ chỉ còn cách duy nhất là tăng cường tối đa hỏa lực yểm trợ của Không Quân Hoa Kỳ.

https://tieulun.hopto.org

Quân đội Bắc Việt tấn công ngày 30 tháng 3. Họ vượt qua vùng phi quân sự và đánh vào thành phố Quảng Trị. Họ tràn qua biên giới Cao Miên tiến vào An Lộc, một thị trấn nhỏ ở phía Tây Bắc Sài Gòn.

Cuộc chiến lan rộng và leo thang mau lẹ với nhiều trận đụng độ dữ dội ở nhiều nơi. Cường độ cũng vượt quá mọi tiên đoán. Theo tin của Ngũ Giác Đài thì 12 sư đoàn Bắc Việt đã xung trận.

Tôi rất tin tưởng vào những đơn vị thiện chiến của Việt Nam như Nhẩy Dù, Thủy Quân Lục Chiến hay Biệt Động Quân, nhưng tôi vẫn không khỏi lo ngại vì Việt Nam chẳng còn trông cậy được vào sự trợ lực của bộ binh Hoa Kỳ nữa. Trong hai tuần lễ đầu, Không Lực Hoa Kỳ oanh tạc những căn cứ tiếp vận của Bắc Việt phía trên vùng phi quân sự, nhưng đến khi Bắc Việt mang toàn lực tấn công vào Quảng Trị, thì ngày 15 tháng 4 ông Nixon ra lệnh cho những phi cơ khổng lồ B.52 dội bom xuống Hà Nội và Hải Phòng. Đây là lần đầu tiên trong 4 năm, hai thành phố lớn này của Bắc Việt bị oanh tạc nặng nề. Quyết định này chứng tỏ sự quyết tâm của ông Nixon, song những tổ chức phản chiến lại cho là ông mở rộng chiến tranh và phát động trở lại phong trào chống đối. Nhiều cuộc biểu tình được tổ chức ngay ở thủ đô và những thành phố lớn cùng một lúc với những vụ bãi khóa trong khuôn viên các trường Đại Học. Hàng trăm người bạo động bị bắt giữ.

Vào trung tuần tháng 4, tình hình chiến sự vẫn giằng co, chưa phân thắng bại. Tướng Alexander Haig được cử đi quan sát mặt trận vừa từ Việt Nam về, nên tôi tới thăm ông ở tòa Bạch Ốc để có thêm tin tức. Theo ông thì tinh thần quân đội Việt Nam khá vững, và ngoại trừ một vài trường hợp lẻ tẻ, quân đội Việt Nam nói chung chiến đấu rất hữu hiệu. Điều duy nhất khiến ông lo ngại là những tổn thất của những đơn vị Việt Nam, vì lâu dần những tổn thất đó sẽ có thể làm suy giảm tinh thần chiến đấu của binh sĩ, nhưng ông cho rằng nếu được hỗ trợ và tiếp tế đầy đủ, quân đội Việt Nam sẽ cầm cự và chống trả được.

Có lẽ cũng vì những nhận định này của tướng Haig, mà Tổng Thống Nixon loan báo ngày 26 tháng 4, 20 ngàn quân sẽ được rút về kể từ cuối tháng 5, mặc dầu những trận đụng độ ở khắp các mặt trận vẫn gia tăng. Một tuần sau, như để thách thức Hoa Kỳ, Bắc Việt dồn cả 2 sư đoàn thiện chiến của họ 304 và 308, cùng với thiết giáp tấn công thẳng vào thành phố Quảng Trị. Sư đoàn 3 của Việt Nam Cộng Hòa không đương nổi, phải rút về phía Nam cùng với dân chúng tản cư theo Quốc Lộ 1 dưới làn đạn của pháo binh địch.

https://tieulun.hopto.org

Ngay sau khi Quảng Trị bị địch quân chiếm đóng, cố đô Huế và Kontum cũng bị đe dọa và An Lộc bị bao vậy. Tình trạng mới này không những gây lo ngại cho Ngũ Giác Đài mà còn đặt ông Nixon vào một trường hợp khó xử. Không lẽ ông không làm gì trước thái độ ngang ngược của đối phương bất chấp mọi lời cảnh cáo của ông? Nhưng nếu ông phản ứng mạnh thì liệu có phương hại gì đến buổi họp thượng đỉnh sắp tới với lãnh tụ Brezhnev của Liên Xô không, hay có thể cản trở chiến lược toàn cầu của ông không (dùng Trung Hoa để chế ngự Liên Xô hay ngược lại)?

Đối với miền Nam Việt Nam vào lúc này, thái độ của ông Nixon mang một tính cách quan trọng đặc biệt. Thái độ đó có thể kích thích hay suy giảm tinh thần chiến đấu của quân đội Việt Nam đang một mất một còn với những sư đoàn Bắc Việt. Vì vậy, mà theo dõi những buổi họp liên tiếp của Hội Đồng An Ninh tại tòa Bạch Ốc, tôi sốt ruột không biết là ông ngả về phía nào, theo ý kiến hòa hoãn, chờ đợi của một số cộng sự viên (như Ngoại Trưởng Rogers và Bộ Trưởng Quốc Phòng Melvin Laird) hay theo lập trường cương quyết của một số tướng lãnh? Trong khi đó, thì những tin đồn đủ loại về một thỏa hiệp đình chiến được một số người trong giới truyền thông tung ra. Nhưng ngày 8 tháng 5, đúng một tuần lễ sau khi Quảng Trị thất thủ, ông Nixon loan báo trên các đài truyền hình toàn quốc là ông đã ra lệnh cho Hải Quân Hoa Kỳ phong tỏa Hải Phòng và tất cả các hải cảng Bắc Việt. Đối với phe đối lập thì ông liều lĩnh, bất chấp dư luận Hoa Kỳ và cả phản ứng có thể đáng ngại của Trung Cộng và Liên Xô. Cộng Sản Bắc Việt lớn tiếng la làng, tố cáo Hoa Kỳ là "hiếu chiến", nhưng trái với sự trông chờ của họ, từ Mạc Tư Khoa và Bắc Kinh người ta chỉ thấy những lời phản đối yếu ớt, lấy lệ. Không những thế, lãnh tụ Brezhnev lại còn tỏ ra vẫn muốn họp thượng đỉnh với ông Nixon như không có chuyện gì xẩy ra cả. Ông Nixon muốn chứng tỏ với Hà Nội rằng họ bị cô lập và một phần nào ông đã đạt mục đích. Còn về phía Việt Nam thì khỏi nói, thái độ cứng rắn của ông, ai cũng phấn khởi, đặc biệt nhất là binh sĩ đang chiến đấu ngoài mặt trận. Và đó là trường hợp của những địa phương quân và một phần sư đoàn 5 đang tử thủ tại An Lộc, chống lại những đợt tấn công liên tiếp của đối phương.

An Lộc là một thị trấn nhỏ nằm trên Quốc Lộ 13, gần biên giới Cam Bốt về phía Tây Bắc và chỉ cách Sài Gòn chưa đầy 100 cây số. Tại đó, tướng Lê Văn Hưng có dưới quyền ông một phần sư đoàn 5 và một số địa phương quân, tất cả được chừng 5 ngàn quân; trong khi đó, đối phương tập trung xung quanh thị trấn gần 30 ngàn quân

https://tieulun.hopto.org

gồm có 3 sư đoàn 5, 7, 9 của họ xuất phát từ những căn cứ phía bên kia biên giới với một số tiểu đoàn thiết giáp và pháo binh. Địch quân khởi cuộc tấn công ngày 7 tháng 4, và 5 ngày sau đã nắm được ưu thế và bao vây thị trấn An Lộc. Đến ngày thứ 6, sau một trận pháo kích dữ dội, địch tấn công thẳng vào hàng phòng thủ bên trong của An Lộc. Được sự yểm trợ của các phi cơ Mỹ và Việt, quân đội Việt Nam chặn đứng và đẩy lui được cuộc tấn công tuy đã mất một phần ba thị trấn, và sau những trận đánh giáp lá cà, tranh thủ từng khu phố và từng nhà một. Địch quân không chiếm được thị trấn nhưng sau trận này, binh sĩ và thường dân ở An Lộc bị cô lập. Đạn dược, thực phẩm, thuốc men, tất cả đều tùy thuộc khả năng tiếp tế bằng dù của những máy bay vận tải C.130 (vì được thả gần quá, nên hai phần ba những dù này rớt vào tay địch). Tình trạng hiểm nghèo, thiếu thốn này cùng với những đợt pháo kích gần như suốt ngày đêm kéo dài trong nhiều tuần lễ làm cho số thương vong lên tới quá nửa quân số, nhưng tướng Lê Văn Hưng và binh sĩ của ông vẫn nhất quyết tử thủ. Sau khi đã chiếm được Quảng Trị, ngày 12 tháng 5, hai sư đoàn 5 và 9 của địch cùng với một trung đoàn độc lập 272 từ bốn phía ập lại, đồng loạt tấn công lần thứ hai vào An Lộc. Chúng lại bị đẩy lùi, mặc dầu chiến xa của chúng có lúc đã tiến gần đến bộ chỉ huy của tướng Hưng chỉ còn cách hơn 100 thước. Không thắng nổi, chúng dần dần phải nới lỏng vòng vây, nên sư đoàn 21 của miền Nam vài tuần lễ sau ngày 9 tháng 6, chọc thủng được vòng vây và liên lạc được với những chiến sĩ còn lại ở An Lộc. Kể từ ngày có đợt tấn công đầu tiên cho đến lúc được giải vây, quân đội Việt Nam tử thủ ở An Lộc trong gần hai tháng đã phải hy sinh hơn 4 ngàn binh sĩ (tổn thất về phía địch ước lượng khoảng 6 ngàn).

Không hạ nổi An Lộc, địch quân còn bị chặn đứng trên khắp các mặt trận, từ Huế cho đến Kontum trên miền Cao Nguyên đến giữa tháng 5, thì giới quân sự Mỹ cùng các quan sát viên đều cho rằng cuộc tấn công lớn nhất của đối phương, gọi là tấn công mùa Xuân, có thể được coi như đã thất bại.

Như một sự trùng hợp may mắn, không những tôi không còn lo lắng về tình hình chiến sự mà lại còn nhận được tin vui: Ngoại Trưởng Lắm ở Sài Gòn cho biết người sẽ thay thế tôi ở Hoa Kỳ đã được chỉ định, anh Trần Kim Phượng, một người bạn trong ngạch ngoại giao lúc đó đang làm Thứ Trưởng ở bộ. Tin này làm tôi nhẹ hẳn người vì sau những tháng ngày chờ đợi, bây giờ mới là lúc tôi thực sự được phép sửa soạn mọi việc để rời Hoa Thịnh Đốn.

https://tieulun.hopto.org



Mùa hè đỏ lửa tháng 5 năm 1972, tác giả hội đàm cùng với Tổng Thống Nixon tại tòa Bạch Ốc

Mải mê với công việc hết năm này qua năm khác, rồi thời gian trôi qua cũng không biết, lúc này dừng chân ngoảnh lại, tôi mới nhận thấy rằng dầu có không để ý chăng nữa thì chặng đường nào cũng để lại những kỷ niệm khó quên. Mới ngày nào tới xứ lạ này, còn đang tìm đường học hỏi, thế mà nay tôi đã có cảm tưởng như sống ở đây từ thuở nào rồi. Con người, bầu trời, cảnh vật, tất cả đều như những sợi dây vô hình vấn vương ràng buộc. Từ những cuộc viếng thăm từ giã chính thức các cơ quan, cho đến những bữa cơm tiễn biệt của những đồng nghiệp trong giới ngoại giao, những bạn bè trong các giới chính trị và báo chí hay trong cộng đồng người Việt, hơn một tháng chia tay chấm dứt bằng một cuộc hội kiến cùng với ông Nixon vào ngày 12 tháng 6.

Ngoài vòng cương tỏa, cùng với gia đình tôi ra đi ngày 16 tháng 6, bay thẳng qua Ba Lê trên đường về nước. Rồi cũng vì không có gì bó buộc phải trở về ngay Việt Nam, chúng tôi ở lại Ba Lê một tuần và sau đó thuê một chiếc xe Peugeot để bắt đầu một chương trình du ngoạn. Chất cả vợ chồng con cái lên xe, chúng tôi đi xuống miền Nam nước Pháp, cứ tối đến đâu thì tìm nơi ngủ trọ ở đó. Chúng tôi tới thăm trước hết St. Gervais, một làng nhỏ bên sườn núi gần thủ đô Thụy Sĩ, Genève, nơi nhà tôi tới nghỉ dưỡng bệnh 20 năm trước. Vẫn khung cảnh cũ, một nhà dưỡng đường Sanatorium nhìn ra dãy núi Alp với đỉnh đầy tuyết, vẫn những thầy thuốc cũ đã săn sóc cho nhà tôi.

https://tieulun.hopto.org

Thời gian ở đây như đọng lại, nhưng đối với những người như chúng tôi đã xa vắng lâu năm, thì như một quãng đường dài đã qua. Từ St. Gervais chúng tôi qua Genève và vượt núi Alpes để xuống miền đồng bằng của Ý Đại Lợi. Chúng tôi tới thăm thành phố thơ mộng Venise trên bờ biển Adriatique, nghỉ đó vài ngày rồi lại lên đường đi xuống miền Nam. Bập bẹ vài câu tiếng Ý, chúng tôi cũng như hàng ngàn du khách, thăm hết thắng cảnh này đến thắng cảnh khác, và thành phố cuối cùng chúng tôi tới thăm trước khi quay về Pháp là thành phố cổ kính Florence.

Đi lang thang gần hai tháng lắm lúc không còn biết là đang ở đâu, đến lúc chúng tôi lên máy bay từ Ba Lê về Việt Nam, thì đã là đầu tháng 8. Lúc này, nếu nói đến thời cuộc Việt Nam thì như người xa lạ, tôi hoàn toàn không biết gì về những vụ tiếp xúc bí mật giữa ông Kissinger và Bắc Việt.

Về Sài Gòn lần này, tôi không còn phải bận rộn như trước nữa. Vì còn phải lo chuyện nhà cửa để ổn định sinh hoạt hàng ngày, huống chi bây giờ tôi chỉ là người ngoại cuộc nên tất cả những cố gắng của tôi chỉ là để hòa mình với đời sống ồn ào, bụi bậm của thành phố và làm quen với một việc mà nhiều lần tôi đã muốn nhưng chưa thể làm: cải tiến cho tờ báo Saigon Post của tôi phong phú hơn trước, đồng thời bắt tay vào việc, mở tuần báo văn học nghệ thuật như đã được dự định.

Vì cũng không có gì thôi thúc đặc biệt, mãi đến trung tuần tháng 9 tôi mới tới dinh Độc Lập để thăm xã giao ông Thiệu. Gặp lại ông trong tình huống và vị trí mới, tôi không đả động gì đến những vấn đề chính trị và chỉ cám ơn ông về những sự dễ dãi mà ông đã dành cho tôi trong những năm làm việc. Ông cũng tỏ ra khéo léo, tươi cười hỏi chuyện, như để xua tan ngượng nghịu giữa hai người đã miễn cưỡng hợp tác và bắt buộc chia tay. Rồi sau đó, một đôi lần nhân dịp khoản đãi khách ngoại quốc, ông lại mời vợ chồng chúng tôi tới dự.

Hồi này, tuy không còn làm việc chính quyền, nhưng vừa làm báo vừa quen thuộc nhiều với những ký giả ngoại quốc ở Sài Gòn, tôi vẫn theo sát được tình hình. Vào giữa tháng 9, quân đội Việt Nam đã lấy lại được Quảng Trị, trên hầu hết các mặt trận không còn mối đe dọa nào lớn cả, cuộc tấn công mùa Xuân của Cộng Sản không xô đổ được miền Nam như họ chờ đợi, nhưng vì vậy và cũng vì sắp tới ngày bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ mà những tin đồn về cuộc hòa đàm mỗi ngày một nhiều. Ông Kissinger qua Sài Gòn giữa tháng 8, hội đàm với ông Thiệu trong hai ngày liền; và trung tuần tháng 10, lại có tin

https://tieulun.hopto.org

ông sắp trở sang Sài Gòn. Đại Sứ Trần Kim Phượng vừa từ Hoa Thịnh Đốn về, đến thăm tôi và xác nhận tin này. Anh cũng cho tôi biết là tuy anh chưa rõ sự thực ra sao, dư luận chung ở Hoa Thịnh Đốn cho rằng giữa Kissinger và Lê Đức Thọ đã có một thỏa hiệp để tiến tới chấm dứt chiến tranh, và ông Kissinger sẽ tới Sài Gòn ngày 18 tháng 10 để thuyết phục ông Thiệu chấp nhận bản dự thảo thỏa hiệp. Chúng tôi cùng có một nhận định rằng Hoa Kỳ đang tìm cách để rút khỏi Việt Nam và nếu Bắc Việt đáp ứng những đòi hỏi chính yếu và tối thiểu của Hoa Kỳ là trao trả tù binh và không buộc Hoa Kỳ phải tự tay đánh đổ chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, thì Hoa Kỳ sẽ rút hết quân về trong vòng 4 tháng (và không để lại một số quân như trước đây ở Đại Hàn). Một thỏa hiệp ngưng bắn sẽ được ký kết, còn về phương diện chính trị, nếu có thỏa hiệp thì có lẽ sẽ chỉ về đại cương, rồi Bắc Việt và miền Nam phải nói chuyện với nhau để đi tới một giải pháp.

Trên đây là những ước đoán của anh Phượng và tôi. Nhưng sau khi ông Kissinger tới Sài Gòn và họp hai ngày với ông Thiệu thì chúng tôi biết rõ hơn là hai bên có sự bất đồng quan trọng. Ông Thiệu cho là ông Kissinger đã tự ý điều đình với Bắc Việt và nay tới đặt chính phủ Việt Nam trước sự đã rồi. ông không chịu bản dự thảo thỏa hiệp, cả về hình thức lẫn nội dung, nhất là khi có những điều khoản không thể chấp nhận. Theo ông Kissinger thì trái lại, ông Thiệu đã được thông báo trước và đã đồng ý về những điểm chính, còn nếu có những thiếu sót về chi tiết thì Hoa Kỳ sẽ nêu trở lại với Bắc Việt.

Theo chỗ tôi hiểu sau khi nói chuyện với hai người trong cuộc là Trần Kim Phượng và Hoàng Đức Nhã thì trước hết, cho đến khi buổi họp bắt đầu ngày 19 tháng 10, phía Việt Nam chưa bao giờ nhìn vào bản dự thảo thỏa hiệp, và ông Kissinger chỉ đưa ra bản bằng tiếng Việt sau khi phía Việt Nam đòi hỏi. Bản dự thảo bằng tiếng Việt này chứa đựng những danh từ khác xa những điều ông Kissinger trình bày. Một tỉ dụ cụ thể: bản Việt ngữ đề cập tới Hội Đồng Hòa Hợp Hòa Giải Quốc Gia và gọi Hội Đồng này là một "Cơ Cấu Hành Chính" (Administrative Structure), nhưng theo lời trình bầy của ông Kissinger đây chỉ là một hội đồng chứ không phải là một cơ cấu chính quyền. Phải chăng đây chỉ là một thiếu sót về hình thức, vì những nhân viên trong phái đoàn hòa đàm với Hoa Kỳ không hiểu rõ nghĩa của những danh từ Việt, hay là một hậu ý của Bắc Việt, cố tình đặt những danh từ đó vào để ám chỉ một chính phủ liên hiệp? Còn về phần nội dung thì bản dự thảo chỉ nói đến ngưng bắn, mà không đả động đến sự có mặt của quân đội miền Bắc trên lãnh thổ miền Nam,

https://tieulun.hopto.org

một vấn đề liên hệ mật thiết đến sự sống còn của Việt Nam Cộng Hòa. Ngoài ra, bản dự thảo cũng không đề cập tới Vùng Phi Quân Sự, một thực thể chia rõ hai miền Nam Bắc đã được ghi trong bản Hiệp Định Genève năm 1954, trong khi đó lại nêu đích danh Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam mà ai cũng biết chỉ là công cụ của chính phủ miền Bắc. Và sau hai ngày họp, phía Việt Nam tìm ra được hơn 60 điều khoản cần phải bổ túc hay sửa đổi lại cho rõ.

Ngược lại, ông Kissinger đưa ra quan điểm của Hoa Kỳ như sau: ông ghi nhận là bản dự thảo có một số thiếu sót và hứa là sẽ mang ra thảo luận lại với Bắc Việt. Nhưng theo ông, mặc dầu phía Việt Nam chưa được biết về bản dự thảo, trên nguyên tắc ông Thiệu đã đồng ý về những điểm chính của bản này. Ông nói thêm là mỗi lần Hoa Kỳ đưa ra một đề nghị quan trọng nào trong cuộc hòa đàm với Bắc Việt, thì ông Thiệu đều được tham khảo (dĩ nhiên ông không nói rõ là ông Thiệu đã được tham khảo tới mức độ nào). Tỉ dụ như khi Hoa Kỳ đưa đề nghị sẽ rút quân về mà không đòi hỏi Bắc Việt phải rút cùng lúc (cho đến năm 1971, Hoa Kỳ luôn luôn đòi hỏi hai bên cùng phải rút quân, mutual withdrawal) thì ông Thiệu cũng hiểu rõ là quân đội miền Bắc sẽ còn có mặt trên lãnh thổ miền Nam. Ngoài ra ông Thiệu cũng đã chấp nhận nguyên tắc một cuộc "ngưng bắn tại chỗ" (stand-still cease fire), nghĩa là quân đội của hai phía ở nguyên tại những vị trí trước khi có ngưng bắn. Những đề nghị này đã được công khai hóa qua những bài diễn văn của Tổng Thống Nixon, vì vậy Hoa Kỳ khó lòng có thể điều đình trở lại với Bắc Việt được. Ông nói Hoa Kỳ đã đạt được một thắng lợi căn bản vì Bắc Việt đã phải từ bỏ ý định áp đặt một chính phủ liên hiệp ở miền Nam, và đã phải chấp nhận đề nghị thành lập một Hội Đồng Hòa Hợp Hòa Giải, tại đó chính phủ Sài Gòn có quyền phủ quyết quyết định nào không hợp ý mình. Và một lý do thực tế và quan trọng khác nữa là nếu không sớm đạt được một thỏa hiệp chấm dứt chiến tranh thì trong hiện tình chính trị Hoa Kỳ, chắc chắn Quốc Hội vào đầu năm 1973 sẽ cắt đứt hết ngân khoản tài trợ chiến tranh.

Sự có mặt của ông Kissinger ở Sài Gòn những ngày ấy, tháng 10, 1972, cùng với những lời đồn đại là ông đã thỏa hiệp với Bắc Việt, làm cho dư luận ở Việt Nam hết sức xôn xao. Không ai biết nội dung của bản thỏa hiệp đó ra sao nhưng rất nhiều người tin rằng ông đến để thuyết phục hay ép buộc ông Thiệu, và cuộc hòa đàm đã bước vào giai đoạn chót. Rồi hàng ngày những mẩu tin lọt ra từ dinh Độc Lập hay bộ Ngoại Giao Việt Nam về bầu không khí căng thẳng của những buổi họp liên tiếp từ ngày 19 đến ngày 22 lại càng gây thắc

https://tieulun.hopto.org

mắc: không biết những sự bất đồng quan điểm giữa Hoa Thịnh Đốn và Sài Gòn có được giải quyết không? Ông Kissinger rời khỏi Sài Gòn ngày 23 tháng 10, thì ngày hôm sau, ông Thiệu trả lời câu hỏi này, ông chính thức tuyên bố Việt Nam bác bỏ toàn diện bản dự thảo thỏa hiệp. Ông nói rằng Việt Nam không chấp nhận một hình thức liên hiệp nào cả, và không đồng ý về việc Hoa Kỳ để cho quân đội của Bắc Việt ở lại trên lãnh thổ miền Nam. Ông đề nghị đàm phán trực tiếp giữa Hà Nội và Sài Gòn cũng như giữa Sài Gòn và Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam.

Những lời tuyên bố cứng rắn của ông Thiệu gây được cảm tình trong nhiều giới vì ông tỏ ra can đảm chống lại áp lực của hoa Kỳ. Nhưng vài hôm sau đó, nhiều người lại hỏi nhau: liệu ông Thiệu có vượt qua được những sự khó khăn gây ra bởi sự phản đối của ông không? Liệu ông có thể tiếp tục chống đối đến cùng bản dự thảo thỏa hiệp không?

Ông Thiệu dầu sao cũng phá ngang các dự định của ông Kissinger. Vì nghĩ rằng đã có từ trước sự đồng ý của ông Thiệu về những nét chính của bản dự thảo thỏa hiệp, nên ông Kissinger tin rằng có thể thuyết phục được ông Thiệu chấp nhận bản dự thảo, do đó ông dự định sau khi viếng thăm Sài Gòn ngày 18 tháng 10 và được sự đồng ý của ông Thiệu, sẽ bay ra Hà Nội vào ngày 22 để thu xếp hết mọi chuyện với Lê Đức Thọ. Sau đó ông sẽ trở về Hoa Thịnh Đốn để loan báo và ký kết bản dự thảo thỏa hiệp vào ngày 31 tháng 10. Ông không ngờ gặp phải sự chống đối của ông Thiệu. Vào phút chót, ông phải thay đổi chương trình, thay vì bay ra Hà Nội, ông phải bay thẳng về Hoa Thịnh Đốn để tường trình với Tổng Thống Nixon. Về đến nơi ngày 26, vì thấy cả Sài Gòn lẫn Hà Nội đều tung ra bản dự thảo, nên trong một cuộc họp báo ông phải trình bày về cuộc mật đàm và tuyên bố một điều mà những người chỉ trích ông cho là quá lạc quan và quá sớm. Ông nói tuy còn vài vấn đề cần được giải quyết, "Hòa bình đang ở trong tầm tay (Peace is at hand)".

Thực ra, trong hơn ba năm đi lại ngầm với Bắc Việt, ông Kissinger cố tình chỉ hỏi qua ông Thiệu, hỏi ít chừng nào hay chừng ấy, vì nghĩ rằng thỏa hiệp được với Hà Nội mới là điều quan trọng. Trong khi đó thì về phía Việt Nam, vì không muốn đối đầu với Hoa Kỳ và tin rằng Bắc Việt sẽ không chấp nhận những đề nghị của Mỹ, ông Thiệu đồng ý, hay nói đúng hơn, tỏ vẻ đồng ý, đóng trọn vai trò thụ động mà chính ông Kissinger trông chờ ở ông. Đến lúc có được bản dự thảo thỏa hiệp trong tay, ông Kissinger không ngờ là ông Thiệu có thể phản ứng đi ngược hẳn những gì đã ưng thuận. Riêng đối

https://tieulun.hopto.org

với ông Thiệu thì sau những năm tránh né và đồng ý một cách gượng gạo với những gì Hoa Kỳ đưa ra, ông cũng phải đối phó với một sự bất ngờ là Bắc Việt thay đổi thái độ, chịu thỏa hiệp với Hoa Kỳ.

Chỉ còn chưa đầy hai tuần nữa là đã đến ngày bầu Tổng Thống Hoa Kỳ, nên mọi chuyện khác đều như bị tạm gác lại. Hà Nội lên tiếng công kích Hoa Kỳ là không giữ lời cam kết, Sài Gòn đòi sửa lại bản dự thảo, trong khi đó thì Hoa Thịnh Đốn kiếm cách "cầm chân" cả Hà Nội lẫn Sài Gòn để chờ cho qua ngày bầu cử. Năm 1968, tuy đắc cử nhưng về số phiếu ông Nixon chỉ hơn Phó Tổng Thống Humphrey có một phần trăm số cử tri. Lần này, ngày 7 tháng 11, 1972, ông thắng cử một cách vẻ vang. Đối thủ của ông là Thượng Nghị Sĩ McGovern, ứng cử viên chủ hòa gần như không điều kiện của đảng Dân Chủ, chỉ hơn được ông một vài tiểu bang trong số 50 tiểu bang của Hoa Kỳ.

Cuộc bầu cử vừa xong, ngày 20 tháng 11, Hoa Kỳ gặp lại Bắc Việt ở Ba Lê. Ông Kissinger mang theo làm quà cho Lê Đức Thọ một cuốn sách về trường Đại Học Harvard, cho Xuân Thủy một cái đầu ngựa bằng pha lê, và sau đó đưa ra lời yêu cầu của chính phủ Việt Nam Cộng Hòa sửa đổi lại bản dự thảo thỏa hiệp gồm có 69 điểm. Không hiểu Hà Nội nhận định về "tương quan lực lượng" mới sau ngày bầu cử ra sao, nhưng sau 6 ngày họp lại với ông Kissinger, Lê Đức Thọ không những bác bỏ những yêu cầu sửa đổi của Sài Gòn, mà còn đòi sửa lại cả một vài điều mà Bắc Việt đã ưng thuận từ đầu tháng 10, như trả về ngay không điều kiện các tù binh Mỹ. Ông Kissinger đành tạm hoãn họp, quay về Hoa Thịnh Đốn ngày 25 và hẹn sẽ gặp lại Lê Đức Thọ vào ngày 5 tháng 12. Thừa dịp này, ông Thiệu có cử Phụ Tá An Ninh của ông là Nguyễn Phú Đức sang Hoa Thịnh Đốn để trình bày thẳng với ông Nixon về quan điểm của Việt Nam nhưng lập trường của Sài Gòn vẫn cứng rắn như trước, vì vậy mà khi trở lại Ba Lê để gặp Lê Đức Thọ, ông Kissinger lại một lần nữa bị đặt vào giữa hai thái cực, hai yêu sách đối nghịch, không sao hóa giải được, của cả hai phía, Hà Nội và Sài Gòn. Đợt hòa đàm tháng 12 này sau một tuần lễ cũng không đưa đến kết quả cụ thể nào. Nay nhận điều này, mai lại bác khoản khác, phái đoàn Bắc Việt luôn luôn tìm cách kéo dài, hầu như để có thời gian mưu tính điều gì, rút cục ngày 13 tháng 12 ông Kissinger lại đành phải trở về Hoa Thịnh Đốn tay không.

Cực chẳng đã, lần này cuộc hòa đàm bị gián đoạn thật, vì giữa hai bên không có ước hẹn ngày nào gặp lại. Năm ngày sau, ông Nixon, bất chấp cả dư luận lẫn ý kiến của nhiều nhân vật trong chính phủ (như Bộ Trưởng Quốc Phòng Melvin Laird), ra lệnh cho các phi

https://tieulun.hopto.org

cơ khổng lồ B.52 dội bom trong nhiều ngày liên tiếp (bắt đầu từ ngày 18 tháng 12) xuống Hà Nội và Hải Phòng. Quyết định của ông Nixon quả là đột ngột làm cho dư luận Hoa Kỳ và cả thế giới sửng sốt, thật xứng với biệt danh mà nhiều người đã đặt cho ông, "con người không thể lường" (the unpredictable Nixon). Báo chí ở nhiều nơi lên án trận mưa bom ngày Giáng Sinh này (Christmas bombing) cho là "dã man", "điên cuồng". Trong khi đó thì những quan sát viên quốc tế lại cho rằng, ông Nixon muốn chứng tỏ mạnh mẽ cho cả Hà Nội lẫn Sài Gòn quyết tâm đanh thép của ông: Bắc Việt nên biết là ông dám hành động táo bạo, không đếm xỉa gì đến phản ứng; và Việt Nam Cộng Hòa có thể tin vào trợ lực mãnh liệt của ông nếu miền Bắc vẫn muốn chiếm đoạt miền Nam. Mặc dầu bị chỉ trích và chống đối kịch liệt, quyết định của ông đã mang lại kết quả: chỉ vài ngày sau trận oanh tạc ồ ạt của các pháo đài B.52, Hà Nội đã đưa tin sẵn sàng gặp lại ông Kissinger.

Trong hai tháng liền sau khi ông Thiệu bác bỏ dự thảo thỏa hiệp do ông Kissinger đưa tới hồi cuối tháng 10, Hoa Kỳ luôn luôn làm áp lực, dưới hình thức này hay hình thức khác, để Sài Gòn thay đổi thái độ. Một mặt, để đề phòng trường hợp sau khi ký kết bản thỏa hiệp Hoa Kỳ không còn giúp Việt Nam được nữa, một chương trình đặc biệt được thực hiện, nhằm chuyển nhượng quân cụ cho quân đội Việt Nam (chương trình này được gọi là Enhance Plus và trị giá hơn một tỷ Mỹ kim) được thực hiện, và một mặt khác, tướng Haig được phái sang Sài Gòn để thuyết phục ông Thiệu, và sau đó cứ vài ngày ông Thiệu lại nhận được một bức thư của ông Nixon, nhắn nhủ cũng có mà dọa dẫm cũng có. Vào đầu tháng 12, trong giai đoạn khó khăn này, ông Thiệu có mời tôi tới để hỏi ý kiến về tình hình chung. Đến khi Hà Nội và Hải Phòng bị dội bom, ông lại mời tôi và cho biết về các diễn tiến trong cuộc hòa đàm, rồi đưa cho tôi coi những bức thư của ông Nixon. Lần này ông yêu cầu tôi đi Hoa Thịnh Đốn để trình bày một lần chót quan điểm của Việt Nam. Ông nói: "Có lẽ bây giờ đã quá trễ, nhưng chúng ta bắt buộc phải cố gắng làm những gì còn có thể làm. Tôi nhờ anh đi một chuyến giải thích hộ với chính phủ Hoa Kỳ: sự có mặt của quân đội Bắc Việt trên lãnh thổ miền Nam là một vấn đề sinh tử đối với chúng ta. Có thể giờ phút này đã quá trễ nhưng theo tôi nghĩ, còn nước thì còn phải tát".

Trong những năm làm việc, tôi đã nhiều lần không đồng ý với ông Thiệu, ngoài ra, với bản tính nghi kỵ, chần chừ của ông, làm việc với ông không phải dễ. Tuy nhiên sau khi nghe ông nói về tình hình lúc đó, tôi không khỏi ái ngại về hoàn cảnh của ông. Tôi đồng ý với

https://tieulun.hopto.org

ông là nếu còn cơ hội thì phải vẫn cố gắng. Có lẽ trong thâm tâm, cũng như tôi, ông hiểu rõ rồi đây sẽ khó lòng có thể tránh né mãi được áp lực của Hoa Kỳ, nhưng biết đâu những tổn thất nặng nề của Bắc Việt sau trận dội bom ác liệt của Không Quân Hoa Kỳ trong mùa Giáng Sinh không mở cho miền Nam một cơ hội mới?

---

(1) Về những cuộc tiếp xúc bí mật với đại diện của Bắc Việt, về sau này ông Kissinger có viết trong cuốn hồi ký của ông là ông Thiệu đều biết rõ cả. Riêng về phần tôi, vì không được ông Thiệu cho biết, nên lúc đó, ngoài những lời đồn đại mà tôi lượm lặt được và những nghi ngờ sẵn có, tôi hoàn toàn không biết là quả thực Hoa Kỳ đã có "đi đêm" với Bắc Việt.

(2) Nếu vào thời đại những vua chúa ngày xưa, thì dĩ nhiên đây là những chuyện có tính cách "cơ mật đại sự" mà ông Thiệu không cần phải cho tôi biết. Cũng những chuyện ấy, ông Bunker lại là người mang ra chia sẻ với tôi. Thật là trớ trêu!

https://tieulun.hopto.org

Chương 34
Hiệp Định Ba Lê 1973

Tôi nhận lời yêu cầu của ông Thiệu đi Hoa Thịnh Đốn, không phải vì có ảo tưởng xoay chuyển được tình thế vào những ngày muộn màng ấy, nhưng vì nghĩ rằng trong lúc ông đang phải đơn độc đối phó với áp lực của Hoa Kỳ để bênh vực lập trường của Việt Nam, thì dầu sao cũng vẫn phải giúp ông, một khi ông đã ngỏ ý muốn nhờ cậy. Quyền lợi chung của tất cả những người miền Nam tranh đấu cho tự do tùy thuộc vào bản thỏa hiệp đang được điều đình, và lập trường cứng rắn của ông Thiệu đáng được ủng hộ.

Vì muốn được tiếp tay hữu hiệu trong sứ mạng đặc biệt này, tôi đề nghị mời thêm bác sĩ Trần Văn Đỗ, cựu Ngoại Trưởng, cùng đi với tôi. Cựu Ngoại Trưởng là một người có uy tín trong các giới ngoại giao quốc tế kể từ ngày ông làm Trưởng Phái Đoàn Việt Nam tại Hội Nghị Genevè năm 1954 và sự có mặt của ông cùng với tôi sẽ giúp cho việc thuyết phục những nhân vật thân Việt Nam. Ông Thiệu đồng ý và ngày 3 tháng 1, 1973, bác sĩ Đỗ và tôi lên đường. Tới Hoa Thịnh Đốn sáng ngày 5, ngay buổi chiều hôm ấy, cùng với Đại Sứ Trần Kim Phượng chúng tôi tới gặp ông Kissinger ở tòa Bạch Ốc. Ông đang sửa soạn đi Ba Lê để nói tiếp cuộc hòa đàm với Lê Đức Thọ và dĩ nhiên ông biết chúng tôi tới gặp ông với mục đích gì.

Trong những năm tôi được biết ông Kissinger, lúc nào ông cũng cố tạo ra một bầu không khí thân thiện mỗi khi hội kiến. Ông thường mở đầu bằng một vài câu bông đùa rồi sau đó mới vào đề, nhưng lần này, trái với thông lệ, ông nghiêm nghị chờ chúng tôi khơi mào câu chuyện. Tôi trình bầy ngay lý do chuyến đi của chúng tôi và để dò dẫm xem lập trường của Hoa Kỳ có thay đổi chút nào không, tôi đề cập ngay đến sự có mặt của quân đội Bắc Việt trên lãnh thổ miền Nam. Như đã sẵn câu trả lời sửa soạn từ trước, ông Kissinger đáp lại ngay: "Ông Thiệu đã chấp thuận điều này khi ông đồng ý với nguyên tắc ngưng bắn tại chỗ hồi tháng 5, 1971, bây giờ trở lại vấn đề thì quá trễ. Dầu sao tôi sẽ hết sức cố gắng". Ông Kissinger quả quyết rằng ông không có ảo tưởng gì về sự thành thực hay những tham vọng của Bắc Việt trong tương lai, nhưng theo ông thì: "Về phương diện chiến lược toàn cầu (global strategy)", vấn đề Việt Nam lúc này là then chốt quyết định sự thành bại cho chính sách đối ngoại của Hoa

https://tieulun.hopto.org

Kỳ trong bốn năm qua cũng như trong bốn năm tới, vì vậy mà Tổng Thống Nixon đã quyết tâm chấm dứt chiến tranh Việt Nam. Hơn nữa Tổng Thống Nixon còn nhiều việc nội bộ phải làm, nếu bị vướng vào vấn đề Việt Nam thì Quốc Hội Hoa Kỳ sẽ không để cho ông thực hiện những điều ông mong muốn. Ông Kissinger cũng nói thêm rằng từ trước đến nay Tổng Thống Nixon và ông chưa bao giờ chấp nhận những ý kiến thiển cận của phe chủ hòa, chứng cớ là Lê Đức Thọ đã nhiều lần đề nghị với ông trong những buổi mật đàm là chỉ cần đánh đổ chế độ miền Nam, thì Bắc Việt sẽ chịu hết mọi điều kiện khác, nhưng ông đã bác bỏ tất cả. Giải pháp mà Hoa Kỳ đang tìm kiếm lúc này, không phải chỉ nhằm mục đích gỡ rối cho Hoa Kỳ và bỏ mặc Việt Nam. Rồi ông kết luận: "Trong hoàn cảnh hiện tại, Tổng Thống Nixon và riêng tôi đã phải lạnh lùng suy nghĩ để kết luận phải có một thỏa hiệp với Bắc Việt thì mới có thể tạo được một thế mới để duy trì và tiếp tục giúp đỡ Việt Nam. (We come to this conclusion, in cold blood, because we need a new basis for the continuation of U.S. support). Vả lại nếu Hà Nội vi phạm hiệp định thì Hoa Kỳ sẽ sẵn sàng trả đũa".



Tác giả và ông Henry Kissinger, Cố Vấn An Ninh của Tổng Thống Nixon

https://tieulun.hopto.org

Khi trình bầy quan điểm của Hoa kỳ hôm ấy, ông Kissinger lý luận rất sắc bén. Ông luôn luôn tìm cách tự bào chữa cho vai trò của chính ông trong việc điều đình với Bắc Việt. Ông tỏ vẻ bất bình về những lời đồn đại theo đó ông đã nhẫn tâm hy sinh miền Nam Việt Nam để theo đuổi những mục đích chiến lược, tạo thế đối nghịch giữa Nga Sô và Trung Hoa. Ông cũng lên tiếng trách những giới ngoại giao ở Ba Lê đã đưa ra "những tin đồn nhảm" gán cho ông những lời lẽ có tính cách bất nhã và miệt thị đối với những nhà lãnh đạo miền Nam. Thực ra thì chúng tôi không đưa ra hỏi ông về những lời đồn đại này, mà chỉ muốn nhấn mạnh với ông về tính cách cực kỳ quan trọng đối với miền Nam Việt Nam của vấn đề quân đội Bắc Việt lưu lại trên lãnh thổ miền Nam. Tôi nói với ông: "Đối với Hoa Kỳ, có lẽ vấn đề này chỉ là thứ yếu, nhưng đối với chúng tôi, thì quả là chuyện sống còn". Ông trả lời là ông hiểu lắm, rồi hứa sẽ bàn lại vấn đề với Bắc Việt. Chúng tôi hôm ấy không ai thấy một chút thành thực nào trong câu trả lời của ông, và ra về thất vọng. Chúng tôi nhận định rằng rõ ràng Hoa Kỳ không muốn thảo luận trở lại những nét chính của bản dự thảo thỏa hiệp đã được thỏa thuận giữa Hoa Kỳ và Bắc Việt hồi tháng 10, mặc dầu chúng tôi tin rằng sau những tổn thất nặng nề vì trận mưa bom tháng 12, lúc này là lúc có thể buộc Bắc Việt thay đổi thái độ. Ông Kissinger cho chúng tôi biết là ông sẽ trở sang Ba Lê vào ngày 8 tháng 1 để gặp lại Lê Đức Thọ; nhưng khi được biết là chúng tôi cũng sẽ nối gót ông đi Ba Lê để theo dõi cuộc hòa đàm, thì ông có vẻ gượng gạo đón nhận tin này. Tuy nhiên ông hẹn sẽ tái ngộ.

Tiếp tục việc vận động chính quyền Hoa Kỳ, và do lời mời của ông Alexis Johnson, ngày hôm sau chúng tôi tới bộ Ngoại Giao để dùng bữa trưa cùng với một số nhân vật khác. Lúc này ông Johnson là nhân vật cao cấp số hai tại bộ Ngoại Giao (ông đã làm Phó Đại Sứ ở Sài Gòn trong những năm 1964 và 65), và những người ông mời tới hôm đó gồm có Thứ Trưởng Ngoại Giao, ông Marshall Green, Đại Sứ Samuel Berger, ông John Holdridge, một thành viên của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, và ông Nooter, phụ trách chương trình viện trợ Việt Nam. Lại một lần nữa, anh Phượng và tôi thay phiên nhau trình bầy quan điểm của Việt Nam. Chúng tôi lập luận rằng bản dự thảo tháng 10 đã tránh né vấn đề quân đội Bắc Việt ở trên lãnh thổ miền Nam, nhưng chừng nào chuyện này chưa được giải quyết ổn thỏa thì chưa thể có hòa bình thực sự ở Việt nam được. Ông Johnson không những không tranh luận với chúng tôi, mà trái lại còn nhận là trên nguyên tắc chúng tôi có lý, nhưng ông đặt câu hỏi: đối với tình hình trước mắt, dư luận càng ngày càng chống đối chiến

https://tieulun.hopto.org

tranh, Quốc Hội càng ngày càng làm áp lực bằng những quyết nghị cắt giảm viện trợ cho Việt Nam, chính phủ Sài Gòn có giải pháp thực tế nào không? Rồi trong khi mọi người còn đang tiếp tục đàm đạo và uống cà phê, ông kéo tôi ra một góc phòng và nói: "Trong mấy tuần vừa qua, ông Thiệu đã chứng tỏ là ông không phải là bù nhìn của ai cả. Nếu tôi không nhầm thì đây là một cao điểm trong đời chính trị của ông ấy, vì vậy mà ông ấy nên nhìn thẳng vào sự thực để nhận định rằng trên căn bản Hoa Kỳ không hề thay đổi chính sách. Nếu bây giờ có thay đổi chiến thuật, thì cũng chỉ để giữ vững chính sách đã từng theo đuổi. Nếu ông Thiệu không chịu ký vào một bản thỏa hiệp mà sau khi cân nhắc kỹ lưỡng Tổng Thống Nixon đã chấp thuận thì hậu quả sẽ tai hại vô cùng. Hoa Kỳ sẽ bị bó buộc phải cắt đứt mọi liên hệ với Việt Nam và lúc đó thì chính tôi, một người bạn lâu ngày của Việt Nam, cũng như nhiều người khác, sẽ không còn cơ hội để ủng hộ Việt Nam nữa. Đây là những lời hết sức chân thật của tôi".

Ông Johnson quả thực là một người bạn của Việt Nam. Lúc ông còn làm Phó Đại Sứ cùng thời với Đại Sứ Maxwell Taylor, ông đã tìm cách ngăn cản sự can thiệp ồ ạt của Hoa Kỳ vào Việt Nam, ông thất vọng về sự sụp đổ của chính phủ dân sự do bác sĩ Quát cầm đầu, và cũng hết lòng ủng hộ tiến trình dân chủ ở Việt Nam trong những năm về sau. Riêng tôi đã từng có nhiều dịp cộng tác với ông, thế mà bây giờ, đứng vào những lập trường khác nhau, chúng tôi như hai người điếc nói chuyện với nhau. Hố sâu ngăn cách quá rộng, chúng tôi chẳng còn tìm thấy phương thức nào để dung hòa chính sách của Hoa Kỳ và Việt Nam nữa.

Sau bữa trưa, ông Johnson đưa ba người chúng tôi lên từng lầu trên thứ 7 để gặp Ngoại Trưởng William Rogers. Cựu Ngoại Trưởng Đỗ lần này thay mặt chúng tôi trình bầy quan điểm của Việt Nam. Ông nói chính vì Hiệp Định Genève được ký kết năm 1954 đã để lại một số vấn đề không giải quyết, nên sau đó chiến tranh mới trở lại. Miền Nam từ trước đến nay không hề cản trở hòa bình, mà chỉ đòi hỏi một số điều kiện tối thiểu để sống yên ổn. Đối với Hoa Kỳ thì cuộc chiến ở Việt Nam dù được kết thúc cách nào chăng nữa, tất cả cũng sẽ chỉ là một trang sử được lật qua một cách dễ dàng, nhưng đối với mấy chục triệu người sống ở miền Nam Việt Nam, rồi đây họ có được sống trong tự do không, câu hỏi phải được đặt ra. Ông Rogers trả lời và quả quyết rằng Tổng Thống Nixon chưa bao giờ coi Việt Nam là một vấn đề thứ yếu. Ông nói là những gì chúng tôi trình bầy, trên lý thuyết đều đúng cả, tuy nhiên lý thuyết đúng mà không có những điều kiện khách quan, thực tế kèm theo thì cũng vô dụng.

https://tieulun.hopto.org

“Thực tế lúc này cho thấy rõ là với áp lực quốc tế, cũng như với áp lực của dân chúng và Quốc Hội Hoa Kỳ, sự chọn lựa những giải pháp còn lại hết sức giới hạn. Tổng Thống Nixon đã quá liều lĩnh trong vấn đề Việt Nam và bây giờ ông không thể đi xa hơn được nữa”.

Cả hai buổi họp với Ngoại Trưởng Rogers và ông Johnson tuy thân thiện nhưng cho chúng tôi thấy là về phía chính phủ Hoa Kỳ, lập trường đã rõ rệt và chỉ trừ trường hợp Bắc Việt hoàn toàn chối bỏ những điều căn bản đã được thỏa thuận hồi tháng 10, bản dự thảo, với một vài điều khoản tương đối không quan trọng được sửa đổi lại, sẽ được chấp nhận và ký kết.

Lập trường của chính phủ đã vậy, nhưng thái độ của Quốc Hội, của những giới chính trị và báo chí thì sao? Còn có cách gì thay đổi được lập trường của chính phủ không? Tôi như người đã nhìn thấy sự thực nhưng chưa muốn chấp nhận đấy là sự thực, vì vậy mà trước khi đi Ba Lê như đã được dự định từ trước để theo sát ông Kissinger, tôi tìm cách gặp tất cả những bạn cũ ở Thượng Viện và trong giới truyền thông. Từ Dân Chủ đến Cộng Hòa, từ tả sang hữu, tôi tiếp xúc với hầu hết những người có uy tín, đặc biệt là những bạn thâm giao như Thượng Nghị Sĩ Aiken và Thượng Nghị Sĩ Tower. Tất cả đều có nhận xét là Quốc Hội vừa mới được bầu ra tháng 11 có thêm nhiều thành phần chống đối chiến tranh, do đó bắt đầu từ 1973, nếu không có thỏa hiệp mang lại hòa bình thì khó lòng có ngân khoản để tiếp tục viện trợ cho Việt Nam. Ngoài ra vụ oanh tạc bằng B.52 trong mùa Giáng Sinh đã gây nhiều công phẫn, nên ngay cả những người trong đảng Cộng Hòa của ông Nixon cũng lên tiếng phản đối. Tuy nhiên họ cũng nói với tôi là mặc dầu lúc này bầu không khí rất bất lợi (“the atmosphere is real bad”), tình hình có thể thay đổi nếu chính phủ Việt Nam chấp nhận bản thỏa hiệp. Lúc đó tâm lý chung sẽ cởi mở hơn, và ngay cả những Thượng Nghị Sĩ Dân Chủ chống đối chiến tranh cũng quả quyết với tôi rằng họ sẽ bỏ phiếu chấp thuận viện trợ quân sự cho Việt Nam nếu sau đây Bắc Việt vi phạm trắng trợn thỏa hiệp hòa bình. Riêng hai ông Aiken và Tower thì khuyên tôi rằng: “Việt Nam phải nên thiết thực và nhìn nhận Hoa Kỳ không thể đi xa hơn được nữa. Nếu phải chọn giữa nguyên tắc và thực tế dưới nhiều khía cạnh, quân sự, kinh tế, chính trị và ngoại giao, thì chúng tôi nghĩ là Việt Nam nên chọn thực tế, mặc dầu bề ngoài có thể mất mát đôi chút về nguyên tắc”.

Về phía những bạn bè trong giới truyền thông, tôi gặp lại một số người có ảnh hưởng như Joseph Kraft, Marvin Kalb, Murrey Marder và Chalmer Roberts. Họ là những nhà báo kỳ cựu có nhiều

https://tieulun.hopto.org

kinh nghiệm, hơn nữa họ lại liên lạc thường xuyên với ông Kissinger. Ý kiến chung của họ là thật quả lúc này không còn gì để bàn luận nữa, vì đã có sự mặc nhiên đồng ý ("tacit understanding") giữa các cường quốc là chiến tranh Việt Nam phải chấm dứt. Liên Xô và Trung Hoa không tán thành yêu sách của Bắc Việt là phải đánh đổ chế độ miền Nam, và cũng không có phản ứng đối với vụ oanh tạc tháng 12; nhưng Hoa Kỳ cũng không đòi hỏi Bắc Việt phải rút quân khỏi miền Nam được. Họ đã thỏa thuận ngầm với nhau để giữ nguyên tình trạng ("freeze") mọi sự ở Việt Nam từ quân sự đến chính trị.

Nhân vật sau cùng mà tôi gặp trước khi lên đường đi Ba Lê, là tướng Alexander Haig. Tướng Haig là người hiểu biết nhiều Việt Nam, về cả hai phương diện quân sự lẫn chính trị, vì ông đã từng làm tiểu đoàn trưởng của một đơn vị chiến đấu ở Việt Nam và trong 4 năm liền ông làm Phụ Tá cho ông Kissinger. Ông cũng đã nhiều lần được Tổng Thống Nixon ủy nhiệm sang gặp ông Thiệu để thảo luận về những diễn tiến trong cuộc hòa đàm. Trong lúc còn làm việc ở Hoa Thịnh Đốn, tôi vẫn thường có dịp nói chuyện với ông. Lúc này ông vừa được thăng Trung Tướng và chuyển sang làm Phụ Tá Tham Mưu Trưởng Lục Quân Hoa Kỳ. Khi tôi tới văn phòng của ông ở Ngũ Giác Đài ngày 11 tháng 1, ông tỏ vẻ vui mừng có cơ hội "nói thật hết mọi sự" về tình trạng căng thẳng giữa hai chính phủ. Ông nói là vừa tối hôm trước ông còn họp với Tổng Thống Nixon mãi đến gần 12 giờ khuya. Ông tỏ vẻ rất lo ngại về sự rạn nứt giữa Hoa Kỳ và Việt Nam và điều mà ông gọi là sự thiếu tin cậy giữa ông Nixon và ông Thiệu. Ông cho biết là ông Nixon hết sức bực mình ("upset") về thái độ của ông Thiệu và có cảm tưởng là ông Thiệu đi ngược lại những điều đã được thỏa thuận từ trước, làm cho ông khó lòng có thể giúp được ông Thiệu. ("President Thieu has deprived him from his ability to help President Thieu"). Rồi ông nói chiến lược của Hoa Kỳ sẽ đem lại thắng lợi vì có tính cách toàn cầu đối với toàn khối Cộng Sản. Tới đây, tôi nói với tướng Haig là nếu có sự trục trặc giữa hai chính phủ thì một phần lớn cũng vì hồi tháng 8 và tháng 10 khi ông và ông Kissinger mang đến Sài Gòn bản dự thảo thỏa hiệp với Bắc Việt, hai ông đã không hỏi trước ý kiến của chính phủ Việt Nam. Về điểm này tướng Haig nhìn nhận là Hoa Kỳ có lỗi lầm lớn ("It was a bad error, a bad mistake"). Tôi tiếp lời ngay và nói với ông rằng trong lúc còn ở Hoa Thịnh Đốn, tôi đã nhắc nhở ông nhiều lần về sự đáng tiếc này. Đặc biệt là từ khoảng tháng 9, 1971, khi ông qua Sài Gòn để nói chuyện với Tổng Thống Thiệu cho đến gần ngày tuyên bố 8 điểm tháng 1, 1972, gần như không có sự tiếp xúc liên tục giữa hai chính

https://tieulun.hopto.org

phủ. Một lần nữa ông lại nhìn nhận đây là một sự thiếu sót và nói thêm là phía Việt Nam đã hiểu nhầm ông Kissinger nhưng đó một phần cũng tại lỗi của ông ta. Chuyển câu chuyện sang những vấn đề khác, tôi hỏi ông là liệu lần này Bắc Việt có chịu dứt khoát không? Ông trả lời ngay là theo ông thì họ sẽ giải quyết mau chóng ("They will settle soon"). Được hỏi tại sao thì ông nói là oanh tạc đã làm hại Bắc Việt rất nhiều và thái độ của Liên Xô và Trung Cộng không cho phép Hà Nội kéo dài tình thế nữa.

Trở về trường hợp của chính phủ Việt Nam, tôi nói với tướng Haig là với tư cách một người bạn đã cùng với ông trải qua nhiều bước khó khăn, tôi phải nói thẳng rằng Hoa Kỳ đã đặt ông Thiệu vào một hoàn cảnh vô cùng khó xử và vì quyền lợi của cả hai nước, Hoa Kỳ nên tìm cách giúp đỡ ông. Tướng Haig trả lời ngay là ông biết chắc rằng Tổng Thống Nixon sẽ làm đủ mọi cách có thể làm được để ủng hộ Việt Nam và để tiếp tục giúp đỡ Việt Nam về mọi mặt nếu Việt Nam và Hoa Kỳ cùng chấp nhận bản thỏa hiệp sắp được hoàn tất. Ông nói: "Nếu có được một bản thỏa hiệp, và bản đó được Tổng Thống Nixon chấp nhận mà Tổng Thống Thiệu lại bác bỏ, thì lúc đó sẽ là đường cùng của mọi chuyện, hay nói một cách khác Việt Nam sẽ bị bỏ rơi. Tôi không còn nghi ngờ gì về quyết tâm của Tổng Thống Nixon, một khi đã có bản thỏa hiệp. Ông sẽ tiến tới, dầu có nặng lòng đến đâu chăng nữa, vì đã hết chỗ xoay xở và không còn đường lùi nữa (If there is an agreement accepted by our President and if your President decides to reject it, it will be the end of everything, or in other words, it will be the abandon of Vietnam. I have no doubt about the determination of our President to proceed in case there is an acceptable agreement. He will proceed, how painful it may be, because he has no more flexibility)".

Buổi họp với tướng Haig kéo dài hơn một tiếng đồng hồ. Trước khi đứng dậy, tôi có nói thêm là Hoa Kỳ cũng không nên hiểu nhầm thái độ của chính phủ Việt Nam. Việt Nam không bao giờ muốn cản trở hòa bình và ông Thiệu chỉ làm bổn phận của ông là bảo vệ sự sống còn của miền Nam Việt Nam. Tướng Haig sau chót cho biết là trong một tương lai rất gần, ông sẽ lại phải sang Việt Nam, và lúc đó là lúc mọi người sẽ phải đối diện với sự thực ("It will be a moment of truth"). Tôi từ giã tướng Haig, mối ưu tư nặng chĩu trong lòng, trở về Sứ Quán để thảo vội một bức mật điện gửi về Sài Gòn rồi cùng với bác sĩ Đỗ ra trường bay để đi Ba Lê.

Chúng tôi tới Ba Lê sáng ngày 12 tháng 1. Vừa tới nơi chúng tôi đã được Đại Sứ Phạm Đăng Lâm cho biết là sau ba ngày họp trở

https://tieulun.hopto.org

lại, vì Lê Đức Thọ không còn đòi hỏi những điều quá đáng nữa, nên Hoa Kỳ và Bắc Việt đã đi đến chỗ gần xong việc sửa đổi lại một vài điều khoản của bản dự thảo thỏa hiệp. Ngay trưa hôm đó, phái đoàn Việt Nam nhận được điện thoại của phái đoàn Hoa Kỳ báo trước là chiều hôm đó ông Kissinger sẽ đích thân trình bầy với phái đoàn Việt Nam và yêu cầu bác sĩ Đỗ và tôi tới dự. Buổi họp hôm đó được tổ chức tại tư thất của Đại Sứ Hoa Kỳ ở Ba Lê, đường Faubourg St. Honoré, và gồm có về phía Hoa Kỳ ông Kissinger, Đại Sứ Sullivan, về phía Việt Nam Đại Sứ Phạm Đăng Lâm, Trưởng Phái Đoàn Việt Nam, Đại Sứ Việt Nam tại Anh Quốc Vương Văn Bắc, Phó Trưởng Phái Đoàn Việt Nam Nguyễn Xuân Phong, bác sĩ Đỗ và tôi. Ông Kissinger nói ngay là lúc còn ở Hoa Thịnh Đốn ông đã hứa là sẽ gặp lại bác sĩ Đỗ và tôi, nên hôm nay ông mời cả hai người cùng tới với phái đoàn Việt Nam. Ông gợi ý là có lẽ sau đó, chúng tôi nên trở về Việt Nam ngay để trình bầy với Tổng Thống Thiệu tất cả mọi khía cạnh của tình hình, kể cả lập trường của Chính Phủ và Quốc Hội Hoa Kỳ cũng như về những diễn tiến mới nhất trong cuộc hòa đàm. Rồi cùng với ông Sullivan, hai người thay nhau nói về những điểm dị biệt giữa bản dự thảo thỏa hiệp tháng 10 và bản dự thảo đang được hoàn tất, những điểm mà hai ông gọi là những "tiến bộ đáng kể" ("considerable improvements"). Ông Kissinger nhấn mạnh là bản dự thảo mới không nói đến Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời, những danh từ như "cơ cấu hành chính" nay không còn nữa, và những điều khoản về Vùng Phi Quân Sự cũng được sửa đổi lại để nói rõ là có hai miền và hai chính phủ Nam, Bắc, ngoài ra thành phần và thủ tục làm việc của Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát cũng được tăng cường để có thể kiểm soát những vụ vi phạm một cách hữu hiệu hơn. Nói tóm lại bản thỏa hiệp đã gần xong và còn lại chỉ là thể thức để dàn xếp việc Việt Nam Cộng Hòa không chịu công nhận và không ký vào cùng một bản với Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam. Phần trình bầy tỉ mỉ của ông Kissinger vừa xong thì phòng họp bỗng nhiên trở nên im lặng. Một phút sau, bác sĩ Đỗ lên tiếng hỏi: "Thưa ông Kissinger, những tiến triển ông vừa trình bầy quả thật quan trọng, nhưng điều quan trọng nhất vẫn là sự hiện diện của quân đội miền Bắc trên lãnh thổ miền Nam, chúng tôi muốn biết vấn đề này đã được thảo luận ra sao?"

Một cách gượng gạo, ông Kissinger trả lời: "Trong tuần qua tôi đã đưa vấn đề ngày ra để thảo luận, nhưng trong gần ba tiếng đồng hồ tôi không đạt được kết quả nào. Tuy nhiên nếu những điều khoản liên quan đến Vùng Phi Quân Sự, Ai Lao và Căm Bốt được tôn trọng

https://tieulun.hopto.org

đúng như đã được ghi trong bản thỏa hiệp thì về mặt pháp lý Bắc Việt không có lý do gì để đóng quân ở miền Nam. Theo tôi hiểu thì Bắc Việt chưa hề đòi hỏi chúng ta điều đó, và trong bản thỏa hiệp cũng không có điều khoản nào cho phép họ đóng quân ở miền Nam".

Bắc Việt đang có quân ở miền Nam. Họ không mong muốn gì hơn là bản thỏa hiệp đừng đả động hay nhắc nhở đến sự có mặt của họ, còn trên giấy tờ cho phép hay không cho phép, họ không cần biết. Với thực tế rõ ràng như vậy, câu trả lời của ông Kissinger dĩ nhiên không thuyết phục được ai, nhưng chúng tôi nhận thấy lúc bấy giờ mọi chuyện đã đi quá xa rồi, vì vậy không muốn cãi lý với ông nữa. Buổi họp tối hôm đó kéo dài đến nửa đêm. Trước khi chia tay, một lần nữa ông Kissinger nhắc lại với chúng tôi lập trường của chính phủ Hoa Kỳ. Ông nói rằng một khi đã có một bản thỏa hiệp và bản đó được chính phủ Việt Nam chấp nhận, thì trên một căn bản mới, Hoa Kỳ sẽ có thể tiếp tục giúp đỡ Việt Nam về mọi mặt. Ông cũng nói thêm rằng nếu Việt Nam có một thái độ "tự tin", coi bản thỏa hiệp là một thắng lợi chứ không phải một sự thua thiệt, thì ông tin rằng Việt Nam sẽ có nhiều phần thắng. Chúng tôi trả lời ông rằng chính phủ Việt Nam hiểu rất rõ điều đó, nhưng vì sự sống còn của miền Nam tự do, chúng tôi bắt buộc phải cố gắng để có một bản thỏa hiệp tốt đẹp hơn. Chúng tôi yêu cầu ông hiểu rằng chúng tôi cố gắng không phải là để cản trở hay trì hoãn hòa bình mà để có được những điều kiện căn bản cho sự tồn tại của một chế độ tự do ở miền Nam. Ông Kissinger liền dựa vào câu nói của chúng tôi để đặt ngược lại vấn đề: "Điều kiện lớn lao và cấp thiết nhất của các ông trong lúc này là sự ủng hộ của Hoa Kỳ (Your overwhelming and urgent requirement for the time being is the continued U.S. support)". Buổi họp tưởng đã được chấm dứt với những lời đó, không ngờ rằng ông còn cố nói thêm rằng ông Thiệu đã đạt được nhiều kết quả vì nhiều điều khoản quan trọng được sửa đổi lại, hơn một tỷ Mỹ kim quân trang được chuyển sang cho quân đội Việt Nam, ba tháng để sửa soạn ngưng bắn và một tình hình tương đối khả quan hơn trước, nhưng: "Giờ phút sự thật sẽ tới trong những ngày gần đây. Một là các ông cùng chúng tôi ký kết bản thỏa hiệp và hai là viện trợ của Hoa Kỳ cho Việt Nam sẽ bị cắt đứt (We will come soon to the moment of truth. You will either conclude the agreement with us or be cut off from U.S. assistance)".

Sau buổi họp tối hôm ấy với ông Kissinger, bác sĩ Đỗ và tôi không trở về Việt Nam theo như đề nghị của phía Hoa Kỳ. Một phần vì qua sự trao đổi tin tức với Sài Gòn, ông Thiệu cho chúng tôi biết về nội dung những bức thư của ông Nixon gửi thẳng cho ông, làm áp lực

https://tieulun.hopto.org

trực tiếp để ông phải chấp nhận bản thỏa hiệp, một phần khác vì chúng tôi đồng ý với ông Thiệu là phải tranh đấu đến cùng để làm cho bản thỏa hiệp mang lại nhiều bảo đảm hơn cho miền Nam bị cô lập trên trường quốc tế. Những ngày hôm sau, ngoài việc tiếp tục giữ liên lạc với phái đoàn Hoa Kỳ, chúng tôi lợi dụng thời gian ở lại, tiếp xúc với những giới ngoại giao ở Ba Lê để trình bầy quan điểm của Việt Nam và bác bỏ những luận điệu cho rằng Việt Nam cản trở hòa bình.

Chúng tôi gặp tất cả những đại sứ của những nước có quân tham chiến ở Việt Nam như Thái Lan, Phi Luật Tân, Nam Hàn, Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan. Những nước này đã sẵn có cảm tình với Việt Nam Cộng Hòa và trong những hoàn cảnh mới Việt Nam cần phải nuôi dưỡng mối cảm tình của những nước láng giềng đó. Chúng tôi đặc biệt viếng thăm Ngoại Trưởng Pháp, ông Robert Schumann. Mặc dầu qua những năm có cuộc hòa đàm ở Ba Lê Pháp lúc nào cũng có vẻ thiên về phía Bắc Việt, Ngoại Trưởng Schumann tỏ ra hiểu biết khi bác sĩ Đỗ và tôi cùng với Đại Sứ Phạm Đăng Lâm, chúng tôi bênh vực lập trường của Việt Nam. Ông cho biết là lãnh tụ Brezhnev có lẽ đã được tin của Hà Nội nên xác nhận với ông rằng bản thỏa hiệp đang được hoàn tất. Ông không thúc đẩy Việt Nam phải chấp nhận bản thỏa hiệp, tuy nhiên ông nói rằng chiến tranh đã kéo dài quá lâu và dư luận quốc tế không còn đủ kiên nhẫn để phân biệt ai phải ai trái, ai hơn ai thiệt, và chỉ muốn cuộc chiến chấm dứt. Ông nhấn mạnh là Pháp sẽ không tham gia Ủy Ban Kiểm Soát Đình Chiến nhưng sẽ tham dự Hội Nghị Quốc Tế về Việt Nam một khi thỏa hiệp được ký kết, và sau đó sẽ giúp Việt Nam Cộng Hòa về mặt kinh tế và văn hóa. Cũng trong chiều hướng vận động ngoại giao này, ngày 16 tháng 1, do sự sắp xếp của Đại Sứ Vương Văn Bắc, tôi bay qua Luân Đôn để gặp Ngoại Trưởng Anh, ông Alec Douglas-Home. Ngoại Trưởng Anh đã tiếp chúng tôi một cách niềm nở và nói rằng chính phủ Anh sẽ làm mọi điều có thể làm được để giúp đỡ Việt Nam trong giai đoạn hiện tại cũng như trong tương lai. Được hỏi về quan niệm của chính phủ Anh đối với một hội nghị quốc tế về Việt Nam sau khi thỏa hiệp được ký kết, ông trả lời rằng chính phủ Anh chưa được rõ chi tiết về hội nghị này, tuy nhiên nếu đi dự thì với tính cách hội viên hay chủ tịch, chính phủ Anh cũng sẽ đứng về phía Việt Nam Cộng Hòa vì hiểu rõ hơn những nước khác các khó khăn của Việt Nam. Ông nói thêm là Việt Nam đừng nên ngần ngại cho ông rõ những gì Việt Nam nghĩ rằng chính phủ Anh có thể làm được để giúp đỡ. Ngoài ra vì vừa đi Bắc Kinh về, ông chia sẻ với chúng tôi nhận xét của ông là Trung Cộng hòa toàn không muốn dính dáng vào vấn đề Việt Nam và chỉ lo

https://tieulun.hopto.org

về vấn đề Liên Bang Xô Viết. Sau khi gặp Ngoại Trưởng Anh và cũng qua sự giới thiệu của ông, chúng tôi gặp những Nghị Sĩ của cả hai đảng Bảo Thủ và Lao Động Anh, đặc biệt là lãnh tụ đảng Lao Động đối lập, ông Callaghan, về sau này trở thành Thủ Tướng Anh Quốc. Tất cả những Nghị Sĩ này đều tỏ vẻ thông cảm với những nông nỗi của Việt Nam sau khi chúng tôi trình bầy rõ là Việt Nam không có ý muốn trì hoãn hòa bình. Bầu không khí ở bên Anh thật là thuận lợi cho chuyến đi của chúng tôi và chúng tôi cũng rất vui mừng là đã giúp được vào việc gây thiện cảm với chính giới Anh.

Từ Luân Đôn trở về Ba Lê ngày 17, chúng tôi được Đại Sứ Sullivan cho biết là theo ông thì bản thỏa hiệp có thể sẽ được hoàn tất trong vòng 4 hay 5 ngày nữa và hứa sẽ gặp lại chúng tôi ngày 19. Mọi việc như vậy đã đến hồi kết thúc, nhưng cho đến ngày giờ đó chúng tôi vẫn chưa có tin tức gì cả từ Sài Gòn vì vậy mà trong một vài ngày ngắn ngủi còn lại trước khi ông Thiệu phải có quyết định cuối cùng, chúng tôi cố viết và gửi ngay về Sài Gòn một bản tường trình đầy đủ nhận xét. Để có thêm cả ý kiến của những người ngoài chính phủ (có lẽ họ đỡ chủ quan hơn người trong cuộc), vào buổi chiều ngày 17 và cả ngày 18, chúng tôi tiếp xúc với một số kiều bào thuộc mọi giới ở Ba Lê. Ngoại trừ những phần tử thân cộng, chúng tôi gặp một số người vẫn thường theo dõi vấn đề, đặc biệt là trong giới trí thức và chính trị. Chúng tôi nhận thấy là họ nhìn vào thời cuộc với con mắt tương đối lạc quan hơn chúng tôi. Giáo sư Nguyễn Quốc Định, Ngoại Trưởng dưới thời chính phủ Bảo Đại, và luật sư Nguyễn Đắc Khê, cựu Tổng Trưởng, thì cho rằng bản thỏa hiệp cũng không đến nỗi nào ("Ce n'est pas si mal que ca"). Theo giáo sư Nguyễn Văn Thoại, Tổng Trưởng dưới thời ông Diệm, thì dầu sao thái độ của chính phủ miền Nam đã một phần nào đánh tan được ngộ nhận đè nặng lên chúng ta từ nhiều năm nay ("On a dans une certaine mesure levé l'hypothèque qui pesait sur nous depuis plusieures années"); còn theo nhận định của một số đông thì với những thực tế chính trị lúc đó không thể nào có một thỏa hiệp hoàn hảo được. Nếu những người trong nước biết đồng lòng đoàn kết thì dầu bản thỏa hiệp có thiếu bảo đảm chăng nữa, tình hình cũng không phải là vô vọng.

"Còn nước còn tát" đó là lời ông Thiệu căn dặn trước khi chúng tôi lên đường đi Hoa Kỳ. Nhưng sau hai tuần lễ ngược xuôi tiếp xúc ở cả ba nơi Hoa Thịnh Đốn, Ba Lê và Luân Đôn, chúng tôi thấy là càng ngày nước càng cạn và đã đến lúc nước cạn gần hết. Và ông Thiệu, dưới áp lực trực tiếp và liên tục của Hoa Kỳ, chắc cũng nhận là như vậy. Chiều ngày 17, bằng mật điện ông yêu cầu chúng tôi

https://tieulun.hopto.org

gửi người mang tay về Sài Gòn những nhận định tổng quát về tình hình sau hai tuần lễ vận động. Tôi ngồi đến 5 giờ sáng làm bản tường trình này để kịp gửi người về, thì được tin là ngày 16, ông Nixon đã cử tướng Haig sang Sài Gòn để đưa cho ông Thiệu một bức thông điệp trong đó bằng những lời lẽ khá nặng nề ông Nixon thúc giục ông Thiệu phải sớm quyết định chấp nhận hay không chấp nhận bản thỏa hiệp. Ngày 17 ông Thiệu trả lời bức thông điệp, song vẫn chưa chịu dứt khoát, và gửi chỉ thị cho chúng tôi và phái đoàn Việt Nam tiếp tục làm việc với phái đoàn Hoa Kỳ. Kể từ ngày ấy, tình hình trở nên dồn dập và nếu nói đến tát nước thì sự thực đã rõ rệt là lúc đó nước cũng không còn để tát nữa. Ngày 18, ông Nixon lại gửi một bức thông điệp khác cho ông Thiệu. Với lời lẽ gay gắt hơn trước, ông không thúc giục nữa, chỉ thông báo rõ ngày giờ ông Kissinger sẽ phó thự vào bản thỏa hiệp và Ngoại Trưởng Rogers sẽ ký vào bản thỏa hiệp, dù ông Thiệu có chấp nhận hay không chấp nhận. Ngày 19, Đại Sứ Sullivan gặp lại chúng tôi và cho biết là bản thỏa hiệp đã được hoàn tất. Ngày 20, ông Thiệu cử Ngoại Trưởng Trần Văn Lắm bay qua Ba Lê, và ngày 21 ông nhận được bức thông điệp cuối cùng, được coi như tối hậu thư, của ông Nixon.

Đúng như ông Nixon đã thông báo trước, ngày 23 ông Kissinger phó thự vào bản thỏa hiệp cùng với Lê Đức Thọ, và ngày 27, tuy trên những văn kiện riêng rẽ, cả bốn phái đoàn, Hoa Kỳ, Việt Nam Cộng Hòa, Bắc Việt và Chính Phủ Cách Mạng Lâm Thời, cùng ký vào bản thỏa hiệp nay được gọi là Hiệp Định Ba Lê 1973. Bản Hiệp Định này đánh dấu một khúc quanh trong lịch sử chiến tranh Việt Nam. Ôn lại lịch sử và nếu chỉ giới hạn phần nhận định vào những yếu tố đưa đến việc ký kết bản hiệp định, thì vào thời điểm ấy, giữa một hoàn cảnh éo le, công bằng mà nói, quả thực ông Thiệu không có sự lựa chọn và những cố gắng khá kiên nhẫn của ông trong một giai đoạn gay cấn đã buộc Hoa Kỳ phải điều đình lại với Bắc Việt một số điều khoản bất lợi cho Việt Nam Cộng Hòa. Rồi đến giờ phút của sự thật, giữa hai thái độ, hoặc từ chối bản hiệp định với hậu quả là bị Hoa Kỳ bỏ rơi, hoặc chấp nhận với hy vọng Hoa Kỳ sẽ giữ lời hứa sẽ tiếp tục viện trợ cho Việt Nam và có biện pháp mạnh nếu Bắc Việt vi phạm những điều đã ký kết: dĩ nhiên ông phải chọn thái độ thứ hai.

Cùng với Ngoại Trưởng Trần Văn Lắm, bác sĩ Đỗ và tôi, chúng tôi gặp ông Kissinger một lần chót ngày 23, trước khi cùng với Lê Đức Thọ, ông đặt bút phó thự bản thỏa hiệp, rồi tối hôm đó, chúng tôi trở về Việt Nam. Bốn ngày sau, Hiệp Định Ba Lê được chính thức ký kết.

https://tieulun.hopto.org

Chúng tôi về đến nhà đúng vào dịp Sài Gòn đang nhộn nhịp sửa soạn Tết (Quý Sửu). Có hiệp định hay không có hiệp định, người dân Sài Gòn bao giờ cũng thế, nghĩa là nếu không có mối nguy nào ngay trước mắt, thì hãy gác lại đó mọi chuyện để ăn Tết mừng Xuân đã. Tết năm ấy, cũng như mọi gia đình, chúng tôi được vui vẻ với anh em, con cháu, họ hàng, bạn bè đông đủ, và không còn phải nghe tiếng súng nữa. Cảnh ấm cúng và tưng bừng xua hết lo âu khỏi đầu óc mọi người. Chẳng còn ai nghĩ đến những bất trắc của Hiệp Định Ba Lê...

* * *

Trong ba tháng liền kể từ ngày ông Kissinger mang bản dự thảo thỏa hiệp đến Sài Gòn hồi tháng 10, 1972, đối với cả hai miền Bắc Nam, Hoa Kỳ áp dụng một chính sách vẫn thường được gọi là "cây gậy và củ cà rốt". Đối với miền Bắc thì cây gậy là những oanh tạc cơ khổng lồ B.52, và củ cà rốt là lời hứa 4 tỷ Mỹ kim để tái thiết Bắc Việt một khi chiến tranh chấm dứt. Còn đối với miền Nam thì cây gậy là lời hăm dọa sẽ chấm dứt viện trợ, và củ cà rốt là hơn một tỷ Mỹ kim quân trang chuyển sang cho quân đội Việt Nam (chương trình Enhance Plus) cùng với lời hứa sẽ tiếp tục viện trợ và phản ứng mạnh nếu Bắc Việt vi phạm thỏa hiệp. Riêng đối với cá nhân ông Thiệu thì Hoa Kỳ còn thêm lời dụ dỗ, hứa sẽ mời sang Mỹ để nhân dịp đó công khai xác nhận sự ủng hộ.

Lời mời này, ông Thiệu vẫn chờ đợi từ lâu. Trong suốt 4 năm nhiệm kỳ đầu của ông Nixon, qua trung gian nhiều người, ông Thiệu đã ngỏ ý muốn viếng thăm Hoa Kỳ, nhưng chính phủ Mỹ luôn luôn mượn cớ này cớ khác để thoái thác. Ngoài vấn đề uy tín chính trị mà một cuộc đón tiếp ở Hoa Thịnh Đốn có thể mang lại cho ông, ông Thiệu còn muốn giáp mặt với những nhà lãnh đạo Hoa Kỳ để trực tiếp tìm hiểu thái độ của họ. Trong suốt thời chấp chính, lúc nào ông cũng đặt câu hỏi: "Người Mỹ muốn gì?" Nay Hiệp Định Ba Lê đã được ký kết, ông lại càng muốn biết rõ Hoa Kỳ có thể ủng hộ Việt Nam hay trước hết, ủng hộ cá nhân ông tới mức nào.

Sau chuyến tôi cùng đi với bác sĩ Đỗ để vận động ở Hoa Kỳ và Pháp hồi tháng 1, ông có vẻ cởi mở với tôi nhiều hơn trước. Cuối tháng 2, ông mời tôi vào dinh Độc Lập hỏi ý kiến về tình hình chung và nhờ tôi đi sửa soạn trước cho cuộc viếng thăm Hoa Kỳ được ấn định vào ngày 4 tháng 4, 1973, theo lời mời của ông Nixon.

Tôi bèn trở sang Hoa Kỳ vào trung tuần tháng 3. Lần này chuyến đi của tôi không còn phải để "tát nước" như lần trước nữa, mà chỉ là để dọn đường cho ông Thiệu, nên công việc cũng không lấy gì

https://tieulun.hopto.org

làm nặng nhọc. Tôi chỉ cần tiếp xúc lại với các giới chính trị ở Hoa Thịnh Đốn để trình bầy trước với họ những nhu cầu và lo âu của Việt Nam sau Hiệp Định Ba Lê, hầu ông Thiệu hiểu được dễ hơn khi chính ông sẽ thảo luận thẳng với ông Nixon và chính phủ Hoa Kỳ.

Mới tới Hoa Thịnh Đốn có vài ngày tôi đã nhận thấy là bầu không khí chính trị ở thủ đô Hoa Kỳ khác hẳn so với hai tháng trước. Quân đội Hoa Kỳ đã được rút hết và những tù binh Mỹ cũng được thả về hoặc đang trên đường về, vì vậy mà áp lực nặng nề của những phong trào phản chiến cũng đã tiêu tan. Mọi người hầu như muốn quên nhanh chiến tranh Việt Nam và các giới chính trị chỉ còn chú ý đến tình trạng căng thẳng ở Trung Đông giữa Do Thái và những nước Ả Rập và những vấn đề nội bộ để xem Tổng Thống tái đắc cử Nixon sẽ làm gì trong nhiệm kỳ thứ hai.

Tôi gặp lại tất cả những nhân vật trong chính phủ cũng như những Thượng Nghị Sĩ, Dân Biểu quen biết và những bạn bè cũ trong giới truyền thông. Ý kiến chung của mọi người là viện trợ cho Việt Nam sẽ được duy trì, nhưng chắc chắn sẽ không còn được ở mức cao của những năm trước khi còn quân đội Mỹ ở Việt Nam. Tôi vừa đi đủ một vòng gặp những người cần gặp, thì đã đến đầu tháng 4. Ngày 2 tháng 4, tôi bay từ Hoa Thịnh Đốn đến Honolulu. Ở đó tôi đợi ông Thiệu từ Việt Nam chúng tôi bay thẳng tới Los Angeles, nghỉ đó một đêm để ngày hôm sau, ngày 4 tháng 4, bay xuống San Clemente ở phía Nam Los Angeles, nơi có biệt thự riêng của Tổng Thống Nixon và cũng là địa điểm đã được chọn cho buổi họp thượng đỉnh của hai phái đoàn, Hoa Kỳ và Việt Nam. Nếu đem so sánh với Honolulu, Guam hay Midway thì quả thực San Clemente có điểm hơn về thể diện bang giao vì ở ngay trên đất liền của Hoa Kỳ. Nhưng San Clemente vẫn không phải là Hoa Thịnh Đốn, mà thủ đô mới thường là nơi chính thức đón tiếp các Quốc Trưởng. Về sự lựa chọn địa điểm này và cách đối xử của người Hoa Kỳ, thì cũng như chúng tôi trong phái đoàn Việt Nam, ông Thiệu không lấy gì làm vui lòng lắm. Nhưng ông là người có khả năng chịu đựng nên trong suốt buổi họp hôm đó ông tỏ ra rất điềm tĩnh.

Ông Thiệu họp riêng với ông Nixon chừng 45 phút sau phần lễ nghi tương đối đơn giản ở ngay tại San Clemente. Tôi không được rõ hai người nói với nhau những gì, nhưng đến lúc có buổi họp khoáng đại giữa hai phái đoàn, thì ông Nixon có những lời lẽ rõ ràng và khá cứng rắn làm cho phía Việt Nam thật yên tâm. Ông nói là Hoa Kỳ đã chuẩn bị để đối phó với trường hợp Hiệp Định Ba Lê bị vi phạm một cách trầm trọng và thêm rằng: “Việt Nam có thể tin cậy ở

https://tieulun.hopto.org

nơi chúng tôi". Còn về vấn đề viện trợ cho Việt Nam, thì ông hứa sẽ cố gắng thuyết phục Quốc Hội Hoa Kỳ giữ nguyên mức viện trợ, mặc dầu ông cho rằng việc đó không phải là dễ. Bầu không khí của buổi họp hôm ấy có thể được gọi là nhẹ nhàng, không ai nhắc lại thời kỳ khó khăn giữa hai chính phủ trước Hiệp Định Ba Lê, và cũng không ai muốn nhìn quá xa vào một tương lai mà nhiều người, đặc biệt về phía Việt Nam, nghĩ rằng sẽ còn nhiều bất trắc. Dầu sao thì ông Nixon đã giữ lời hứa mời ông Thiệu qua thăm Hoa Kỳ và nói lên những lời ông Thiệu muốn nghe, như thế tưởng cũng là đủ rồi. Buổi họp kéo dài tới quá trưa rồi trong lúc hai phái đoàn còn đang trao đổi nhận xét về tình hình quân sự ở Việt Nam, tôi bị kéo đi làm một thứ công việc bạc bẽo mà chẳng ai ưa thích cả, đó là việc soạn thảo bản thông cáo chung cho cuộc họp thượng đỉnh. Về phía Hoa Kỳ thì có ông Holdridge, Phụ Tá của ông Kissinger, còn về phía Việt Nam thì có tôi và anh Hoàng Đức Nhã (anh Nhã phải chạy đi chạy về luôn với ông Thiệu nên rút cục còn lại chỉ có một mình tôi). Dĩ nhiên về phía Việt Nam, chúng tôi muốn cột chặt lại những lời tuyên bố cứng rắn mà ông Nixon đã đưa ra trong buổi họp, nhưng về phía Hoa Kỳ thì ông Holdridge trái lại chỉ muốn ghi lại một cách đại cương những cam kết của Tổng Thống Hoa Kỳ. Giằng co trong suốt buổi trưa cũng chỉ ở một điểm này, và mãi đến giờ tiếp tân lúc chiều, sau khi ông Holdridge hỏi lại ý kiến của ông Kissinger, chúng tôi mới thỏa thuận được về bản thông cáo.

Tối hôm đó, trong một bữa tiệc khoản đãi ông Thiệu và phái đoàn Việt Nam ngay tại biệt thự của ông Nixon, tình cờ tôi được xếp chỗ ngồi cạnh ông Graham Martin, người vừa được chỉ định thay thế Đại Sứ Bunker ở Sài Gòn. Ông Graham Martin đã từng làm Đại Sứ Hoa Kỳ ở Thái Lan và được tiếng là người có một quan niệm vững chắc về vai trò của Hoa Kỳ ở Viễn Đông. Dĩ nhiên là tôi muốn tìm hiểu quan niệm hay những nhận xét của ông về mối quan hệ Mỹ-Việt trong giai đoạn đang tới nhưng ông tỏ ra hết sức dè dặt. Ông nói tuy chưa gặp tôi, nhưng đã được bộ Ngoại Giao cho biết về những hoạt động của tôi và do đó mong sẽ có dịp gặp lại tôi ở Sài Gòn.

Sau bữa tiệc, tất cả phái đoàn Việt Nam trở về Los Angeles để ngày hôm sau bay về Hoa Thịnh Đốn, chặng thứ hai của cuộc viếng thăm Hoa Kỳ. Chặng đầu ở San Clemente như vậy có thể được coi là thành công và ông Thiệu tỏ ra hài lòng vì ông đã được ông Nixon hứa hẹn những điều rõ rệt về viện trợ kinh tế và quân sự cho Việt Nam cũng như về thái độ của Hoa Kỳ đối với Bắc Việt. Cởi mở và vui đùa,

https://tieulun.hopto.org

ông Thiệu tỏ ra tin tưởng và lạc quan trên chuyến máy bay rời Los Angeles (1).

Mặc dầu người tiếp đón ông Thiệu ở Hoa Thịnh Đốn chỉ là Phó Tổng Thống Agnew, nhưng chính phủ Hoa Kỳ cũng đối xử với ông rất chu đáo. Trong những ngày ở thủ đô Hoa Kỳ, ông được bộ Ngoại Giao mời ở tại tòa nhà Blair House, ngay trước mặt tòa Bạch Ốc, nơi vẫn dành cho những quốc khách của Hoa Kỳ. Ông Agnew cũng tổ chức một bữa tiệc lớn để khoản đãi ông cùng với những nhân vật thuộc cả hai ngành hành pháp và lập pháp. Về phần Việt Nam, theo lời căn dặn của ông Nixon, và để mở đường cho những cuộc vận động viện trợ về sau này, ông Thiệu đến thăm một số Thượng Nghị Sĩ có ảnh hưởng trong Quốc Hội, ngoài ra ông cũng tiếp xúc với giới truyền thông Hoa Kỳ và đọc một bài diễn văn tại Câu Lạc Bộ Báo Chí Quốc Gia. Vì đã có sửa soạn kỹ lưỡng, bài diễn văn cũng như phần trả lời những câu hỏi của các nhà báo hôm ấy thật là trôi chảy, mặc dầu từ trước tới nay đối với ông, họ vẫn thường chỉ trích và hoài nghi.

Chương trình viếng thăm của ông Thiệu được kết thúc bằng một buổi tiếp tân tổ chức tại Sứ Quán Việt Nam và một buổi lễ trao tặng Bảo Quốc Huân Chương cho tướng Alexander Haig (2) và đến ngày 10 tháng 4 thì tất cả phái đoàn Việt Nam cùng với ông Thiệu lên đường đi La Mã. Trên chuyến máy bay vượt qua Đại Tây Dương tối hôm đó, bầu không khí thật là vui vẻ. Ông Thiệu yêu cầu phi hành đoàn mở champagne để mừng chuyến đi thành công. Ông đã bắt tay từng người một trong phái đoàn và lần đầu tiên ông nói với tôi một câu mà hôm đó tôi cho là thành thật: "Tôi cảm ơn anh về những sự giúp đỡ của anh". Có lẽ đây là một trong những cao điểm của mối liên hệ phức tạp giữa ông Thiệu và tôi trong gần một thập niên. Nếu từ trước ông vẫn nghi ngờ rằng tôi không thật lòng với ông, thì lúc đó trong cảnh vui mừng của một chuyến đi mà ông cho là thành công, ông cũng tạm quên những chuyện trước.

Phái đoàn Việt Nam chỉ ở La Mã có ba ngày. Ông Thiệu được Đức Giáo Hoàng tiếp kiến tại Tòa Thánh Vatican. Ngày hôm sau Đại Sứ Phạm Đăng Lâm từ Ba Lê bay qua để trình bầy về những buổi họp ba bề bốn bên, bàn việc thực thi Hiệp Định Ba Lê. Dĩ nhiên là không ai mấy ngạc nhiên khi Đại Sứ Lâm cho biết là cho đến ngày ông rời Ba Lê, sau gần hai tháng, những buổi họp đó không đưa đến một kết quả cụ thể nào.

Trên đường về Việt Nam, ông Thiệu cũng có ghé thăm Luân Đôn để tiếp xúc với chính phủ Anh, nhưng sau trạm nghỉ chân ở đây, tôi xin từ giã để trở về Hoa Thịnh Đốn vì lúc đó nhà tôi đang sửa soạn

https://tieulun.hopto.org

làm lễ cưới cho con gái lớn của chúng tôi là Ngọc Lưu đang học tại trường Đại Học Georgetown. Hai vợ chồng chúng tôi ở lại Hoa Kỳ hơn hai tuần và đến cuối tháng 4 mới trở về Sài Gòn.

---

(1) Thực ra lúc đó không ai ngờ rằng ông Nixon đã bắt đầu ngập vào vũng lầy Watergate. Nhìn từ bên ngoài thì ông là vị Tổng Thống vừa tái đắc cử với đại đa số phiếu của 50 tiểu bang Hoa Kỳ, ông lại là người vừa giải quyết xong vấn đề Việt Nam. Ông ở vào địa vị của một người có quyền uy tột đỉnh, vì vậy mà lúc gặp ông ở San Clemente, không ai trong chúng tôi có thể nghĩ được rằng phong ba bão táp sẽ đến với ông và rồi đây ông giữ ghế của ông còn chưa nổi thì làm sao nói đến ủng hộ hay giúp đỡ Việt Nam?

(2) Sau buổi lễ hôm đó, tướng Haig có cho tôi biết là ông được Tổng Thống Nixon cử sang Việt Nam để nhận định về tình hình quân sự, vì Hoa Kỳ được tin là ngay sau khi ký Hiệp Định Ba Lê, Bắc Việt đã sửa soạn gửi thêm quân vào miền Nam. Tướng Haig cũng cho biết là theo ông thì Tổng Thống Nixon, nếu cần, sẽ không ngần ngại ra lệnh oanh tạc Bắc Việt trở lại, mặc dầu sẽ có sự chống đối của Quốc Hội và dư luận. Không may cho miền Nam, ngay sau khi tướng Haig từ Việt Nam trở về, vụ Watergate bùng nổ lớn và ông Nixon không còn làm gì được nữa.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 35
Những Ngày Cuối Cùng

Thời gian trôi nhanh. Vừa mới hôm nào, cuối năm 1972, mọi người còn đang lo lắng về cuộc hòa đàm, tưởng chừng như trời sắp sụp đổ. Nhưng Hiệp Định Ba Lê (tháng 1, 1973) vẫn được ký kết và trời cũng không sụp đổ. Rồi sau đó là cuộc viếng thăm Hoa Kỳ của ông Thiệu (tháng 4, 1973) và những lời hứa hẹn, cam kết của ông Nixon ở San Clemente. Dư luận lại tạm yên, Sài Gòn lại nhởn nhơ bước vào mùa hè nóng bức.

Lúc này, không phải là tôi không trông thấy những biến chuyển phức tạp trên trường quốc tế như tình trạng căng thẳng và nguy hiểm ở Trung Đông hay những biến chuyển ngay ở trong nước như những chuyện cãi vã không đi đến đâu với những phái đoàn Cộng Sản, đời sống đắt đỏ, khó khăn của quân nhân công chức, những vụ tham nhũng bị phanh phui… Cũng như đại đa số bà con Việt Nam, vì đã quá quen với những mối đe dọa đủ loại trong mấy chục năm liền, tôi không nghĩ là chuyện sống còn của miền Nam Việt Nam sắp đến ngay trước mắt. Ở Hoa Kỳ, vụ Watergate đã bắt đầu bùng nổ nhưng vào lúc ấy, mấy ai là người đoán được ông Nixon sẽ phải từ chức? Còn những khó khăn về nội bộ, thì lúc nào là lúc Việt Nam không có? Ngay cả đến Tết Mậu Thân 68, Mùa Hè Đỏ Lửa 72, mất cả Huế và Quảng Trị mà còn lấy lại được, thì việc gì phải quá lo?

Nếu tạm đặt sang một bên mối lo chung của mọi người về tình trạng bấp bênh của đất nước, thì cuộc sống của tôi từ ngày trở về Việt Nam thật là tự do, thoải mái. Về vật chất, tôi đã có những lợi tức đều đặn của tờ Saigon Post, còn về tinh thần thì tôi không bị ràng buộc bởi một trách nhiệm đặc biệt nào. Ngoài gia đình và bạn bè, một phần lớn thời giờ của tôi đều dành cho tờ báo. Khốn thay, sau ngày đi San Clemente về, ông Thiệu trở nên quen thuộc với sự có mặt và đóng góp của tôi, dần dà coi tôi như một thứ cán bộ ngoại giao làm việc bán chính thức sẵn có ngay bên cạnh để ông có thể tùy tiện sử dụng mỗi khi cần đến. Từ việc đi cầu thân ở những nước láng giềng cho đến việc đi cầu viện, hễ có nhu cầu ở nơi nào thì ông lại mời tôi đến thảo luận, rồi nhờ tôi đi nơi đó. Để cầu thân thì với tính cách Đại Sứ của ông (Special Envoy), tôi lần lượt đi thăm Ấn Độ, Mã Lai Á, và cầm đầu một phái đoàn thân thiện đến thăm Tổng Thống Nam Dương

https://tieulun.hopto.org

Suharto, còn để cầu viện thì những chuyến đi vài tháng một lần lại đưa tôi trở lại Nhật Bản, Pháp và Hoa Kỳ. Thành thực mà nói, tôi không có gì phải phàn nàn về tình trạng đặc biệt nửa công nửa tư này, vì một mặt tôi vẫn giữ được tư thế độc lập và tự do cá nhân, nhưng mặt khác tôi vẫn được cơ hội đóng góp vào những việc có ý nghĩa, mà tôi nghĩ là khả năng của tôi có thể mang lại được phần nào lợi ích.

Vả lại, cứ mỗi lần ông Thiệu nhờ việc là tôi lại có dịp trình bầy và đẩy mạnh những ý kiến của tôi về đường lối chung và những vấn đề mà tôi nghĩ miền Nam Việt Nam cần phải đối phó, trong hoàn cảnh mới sau khi Hoa Kỳ rút quân. Lúc đầu tôi hết sức ngần ngại, không biết ông Thiệu có sẵn lòng tiếp nhận ý kiến của những người ngoài như tôi không, hay là ông lại giữ thái độ khép kín của những người cầm quyền lâu ngày rồi tưởng rằng đã biết đủ, biết hơn và không cần ý kiến của ai nữa. Nhưng đến lúc tôi bàn với anh Hoàng Đức Nhã, người giữ liên lạc giữa tôi và ông Thiệu, thì chính anh lại là người thúc giục tôi nói thẳng với ông.

Về phương diện quân sự, việc quân đội Hoa Kỳ rút hết là một điều bất lợi cho miền Nam Việt Nam. Nhưng nếu nghĩ rằng đằng nào thì cũng là việc đã rồi, để từ đó có một cái nhìn tương đối tích cực hơn vào thực tế mới, thì về một phương diện khác, rất có thể đây là một cơ hội tốt. Mặc dầu có tác dụng ngăn chặn xâm lăng của Bắc Việt, sự can thiệp trực tiếp và ồ ạt của Hoa Kỳ đã trở thành một lợi khí chính trị cho đối phương. Chính họ là kẻ xâm lăng nhưng vì sự có mặt của quân đội Hoa Kỳ mà họ có thể tuyên truyền là họ chiến đấu để chống ngoại xâm, trong khi đó thì miền Nam lại mang tiếng là nhờ vả quân đội ngoại quốc, cõng rắn cắn gà nhà. Đó là điều tôi luôn luôn lo ngại, ngay từ lúc còn làm việc với bác sĩ Quát và phải chứng kiến việc Hoa Kỳ đổ bộ ba tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến lên Đà Nẵng năm 1965, và sau này trong lúc làm việc với chính phủ quân nhân, khi quân số của Hoa Kỳ lên gần tới nửa triệu người. Chính nghĩa của những người quốc gia đã bị xói mòn bởi ảnh hưởng quá lớn của người Hoa Kỳ trong cuộc chiến. Nay Hiệp Định Ba Lê chấm dứt tình trạng đó. Vì vậy mà tôi nghĩ rằng dầu miền Nam có phải chịu thiệt thòi chăng nữa thì đây cũng là một dịp may mắn để những người tranh đấu ở miền Nam có điều kiện làm sáng tỏ trở lại chính nghĩa mà những hoàn cảnh ác nghiệt của cuộc chiến đã một phần nào làm lu mờ đi. Với những ý nghĩ đó trong đầu, tôi đề nghị với ông Thiệu một kế hoạch ngoại giao gồm hai phần: thể hiện cho rõ ràng độc lập của quốc gia, bằng cách chứng tỏ trong thực tế một chủ quyền toàn vẹn, và

https://tieulun.hopto.org

chuyển hướng ngoại giao về phía Đông Nam Á, tạo liên hệ tốt đẹp với các nước láng giềng.

Có lẽ ông Thiệu cũng nhận thấy những điều tôi đề nghị là hợp lý, nên luôn luôn ông nhờ tôi đi nơi này nơi khác, hoặc với tư cách Đặc Sứ của ông hoặc với tư cách Đại Sứ Lưu Động của Việt Nam Cộng Hòa. Trong khoảng thời gian từ giữa 1973 đến giữa 1974, ngoài những cuộc viếng thăm Nhật Bản, Pháp, Anh và Hoa Kỳ để cầu viện, tôi viếng thăm Ấn Độ, Mã Lai, Tân Gia Ba và Nam Dương. Ở những nước này, tôi được dịp gặp những lãnh tụ như bà Indira Gandhi, Thủ Tướng Ấn Độ, ông Abdul Rahman, Thủ Tướng Mã Lai, Tổng Thống Nam Dương Suharto và trao đổi ý kiến với họ về những vấn đề trong vùng Đông Nam Á vào lúc Hoa Kỳ bắt đầu rút dần khỏi Việt Nam.



Tháng 8 năm 1973, với tư cách là Đặc Sứ của Việt Nam, tác giả viếng thăm và hội đàm với Tổng Thống Indonesia, tướng Suharto

Tôi cũng được cơ hội làm quen nhiều với một số nhân vật có kinh nghiệm ngoại giao lâu năm như ông Thanat Khoman, Ngoại Trưởng lão thành của Thái Lan và ông Adam Malik, Ngoại Trưởng của Nam Dương. Một phần lớn những cuộc đàm luận với những lãnh đạo và nhân vật này đều xoay quanh mối ưu tư của họ về sự rút lui của Hoa Kỳ khỏi Việt Nam và khả năng chống trả của những nước trong miền. "Liệu sau khi rút quân khỏi Việt Nam, Hoa Kỳ có còn giúp đỡ Việt Nam không? Tổ Chức Liên Phòng Đông Nam Á (SEATO) có còn hiệu lực không?" Đó là những điều mà Tổng Thống

https://tieulun.hopto.org

Suharto đem hỏi tôi. Rõ ràng là những nước ở trong vùng này lo ngại về hiểm họa Cộng Sản, mong muốn Hoa Kỳ ở lại giúp đỡ một cách không chính thức, còn chính thức và công khai, thì lại khác. Về điểm này Ngoại Trưởng Malik chẳng giấu giếm gì, và nói thẳng với tôi rằng: "Chúng tôi muốn tìm hiểu thái độ của Hoa Kỳ. Thực sự chúng tôi chẳng ai ưa thích gì Cộng Sản cả, nhưng Nam Dương đứng đầu trong khối những nước không liên kết, nên trong những lời tuyên bố chính thức chúng tôi vẫn phải thận trọng". Với những lời bộc lộ như vậy, càng ngày tôi càng hiểu về mặt trái của chính trường quốc tế, điều mà những năm về trước tôi chưa có dịp thực nghiệm. Về trường hợp của Ấn Độ, thì thái độ của họ rõ rệt hơn. Mặc dầu cũng là một nước không liên kết như Nam Dương, Ấn Độ nhận nhiều viện trợ của Liên Xô, thường hay công kích chính sách của Hoa Kỳ và công khai tỏ ra thiên về Bắc Việt. Vì vậy mà Việt Nam Cộng hòa chỉ có một tòa Tổng Lãnh Sự ở thủ đô New Delhi, và mỗi lần tôi đi công cán qua Ấn Độ, là cả một sự khó khăn và ngại ngùng. Gặp được bà Thủ Tướng cao ngạo và lạnh nhạt Indira Gandhi không phải là chuyện dễ, ngoài ra còn cảnh tượng hàng triệu người chen chúc nhau ngoài đường phố, nóng bức, oi ả, bụi bậm, tất cả làm cho tôi nghĩ ngay đến những vấn đề mênh mông của những nước chậm tiến. Rồi tưởng tượng đến những đồng lúa xanh tươi của miền đồng bằng sông Cửu Long, tôi thầm nghĩ, giá không có chiến tranh và tàn phá, thì vấn đề phát triển ở Việt Nam có lẽ còn trong tầm tay con người hơn là vấn đề đáp ứng với những nhu cầu xã hội gần như vượt sức người, của Ấn Độ đông đúc và nghèo nàn.

Tôi bàn với ông Thiệu về các vấn đề ngoại giao, và ông đã cử tôi đi nơi này nơi khác, như vậy có nghĩa là một phần nào ông đã đồng ý với tôi về sự cần thiết chuyển hướng ngoại giao của Việt Nam. Và tôi cũng vui lòng nhận những việc mà ông nhờ cậy trong lãnh vực này. Tuy nhiên, về nội bộ thì tình trạng lại trái ngược hẳn, và tôi không còn cái may được ông để ý đến những đề nghị của tôi. Sau Hiệp Định Ba Lê, tôi quan niệm là với những bất trắc của tình hình, kể từ tham vọng của Cộng Sản miền Bắc muốn chiếm đoạt miền Nam cho đến nội tình luôn luôn thay đổi của Hoa Kỳ, hơn lúc nào hết miền Nam Việt Nam cần có một sự động viên tối đa của tất cả những khả năng để tạo một thế đứng vững mạnh có thể đối phó được với những mưu đồ thôn tính của miền Bắc. Để đạt mục đích ấy, phải có một chính sách đoàn kết rộng rãi, mở rộng cửa để đón nhận sự đóng góp của mọi khuynh hướng chính trị trong nước. Việc này dĩ nhiên chỉ có chính phủ mới làm được, vì những đoàn thể hay nhân vật chính trị

https://tieulun.hopto.org

bên ngoài chính phủ không đủ tư thế để đảm nhận trách nhiệm. Những ý kiến này có thể thiếu thực tế nhưng tôi thành thực nghĩ là cần thiết trong hoàn cảnh của Việt Nam lúc ấy. Hơn hai mươi năm trước, tôi đã chứng kiến những cố gắng của cụ Kim khi cụ thành lập chính phủ năm 1945. Những cố gắng này đã bị tràn ngập bởi thời cuộc và cuộc cách mạng tháng 8 của Cộng Sản. Kinh nghiệm này in sâu vào đầu óc tôi từ ngày đó và về sau này, hoặc trong lúc làm việc với bác sĩ Quát hay với chính phủ quân nhân, lúc nào quan niệm đoàn kết, dầu không thực tế, cũng luôn luôn trở lại với tôi.

Cuối năm 1973, mỗi lần trước khi lên đường ra ngoại quốc, tôi đều phải gặp ông Thiệu và mỗi lần ông thường có nhã ý dành cho tôi nhiều thời giờ. Ngoài những vấn đề liên quan trực tiếp đến những chuyến đi của tôi, một đôi khi ông còn đề cập cả đến tình hình chung ở trong nước và ngoài nước. Trong lúc chuyện trò, ông tỏ ra khá cởi mở, nên một đôi lần tôi có đưa ra chủ trương đoàn kết, thì tôi có cảm tưởng là ông không bác bỏ nhưng cũng không chấp nhận. Có lần vì thấy tôi thúc đẩy quá nhiều, ông phản ứng lại: "Anh thừa biết có những người chống đối chỉ mong tôi không còn ngồi ở chỗ này nữa!" Tôi không biết ông ám chỉ ai, nhưng tôi trả lời ông là theo chỗ tôi nhận xét, nếu chính phủ có sáng kiến tiếp xúc với những giới chính trị đối lập để họ có dịp đóng góp, thì cũng chẳng mất mát, thiệt hại gì, trái lại, một bầu không khí mới sẽ được tạo ra và đó sẽ là bước đầu thuận tiện cho sự kết hợp những khuynh hướng quốc gia chống Cộng. Tôi cũng nói thêm với ông rằng nếu ông đã có kiên nhẫn nghe tôi chỉ trích thì nghe thêm những lời chỉ trích của người khác cũng chẳng sao. Hơn nữa, đất nước đang trải qua một giai đoạn cực kỳ khó khăn về đủ mọi mặt và người lãnh đạo nên có tầm mắt nhìn xa và khả năng quên địa vị cá nhân của mình để thu phục lòng người. Nghĩ lại thì những ngày ấy quả thực tôi đòi hỏi quá nhiều nơi ông Thiệu. Ông không phải là người suy luận theo chiều hướng tôi trông chờ.

Về mọi mặt, gần một năm sau Hiệp Định Ba Lê, tình hình chung ở miền Nam Việt Nam suy sụp trông thấy. Về phía Hoa Kỳ, ông Nixon càng ngày càng ngập sâu vào vụ Watergate. Quốc Hội Hoa Kỳ vào giữa năm 73 cắt đứt hết mọi ngân khoản để ngăn cản những cuộc hành quân ở Đông Dương và đến cuối năm, bằng một Quyết Nghị về Quyền Hạn Chiến Tranh của Tổng Thống (War Powers Resolution), Quốc Hội ngăn cấm Tổng Thống không được sử dụng quân đội ở ngoại quốc nếu không có sự ưng thuận của Quốc Hội. Chiến tranh Trung Đông và Do Thái và những nước Ả Rập không những thu hút hết sự chú ý của dư luận Hoa Kỳ mà còn gây lo âu lớn

https://tieulun.hopto.org

lao về kinh tế cho hầu hết thế giới. Nạn khan hiếm dầu và chính sách phong tỏa dầu ở Trung Đông (oil embargo) lại càng làm cho tình hình phức tạp. Ngay tại Việt Nam, về phương diện quân sự, những tin tình báo cho biết là Bắc Việt đang chuyển quân vào miền Nam (tổng số sư đoàn của Bắc Việt ở miền Nam lúc ấy là 12 sư đoàn). Như để thăm dò phản ứng của Hoa Kỳ, địch mở những cuộc hành quân cấp tiểu đoàn, rồi ở cấp trung đoàn, với cường độ leo thang khi thấy Mỹ án binh bất động. Nguy hiểm hơn nữa, viện trợ Hoa Kỳ giảm sút và nạn lạm phát làm cho đời sống hàng ngày của các gia đình quân nhân và công chức hết sức chật vật, ảnh hưởng xấu đến tinh thần chiến đấu. Trong khi đó, dư luận quần chúng còn rất bất mãn về những vụ tham nhũng lớn nhỏ, ở nơi này hay nơi khác...

Những mối đe dọa về mọi mặt đó, không lẽ ông Thiệu lại không biết? Phải chăng ông nghĩ rằng Hoa Kỳ đã đóng góp quá nhiều xương máu và tiền bạc ở Việt Nam, nên không thể bỏ rơi được Việt Nam, hoặc cho rằng cứ ù lì rồi mọi chuyện cũng xong? Ông không có sáng kiến nào cả để cải thiện tình thế. Mỗi lần tôi trình bầy với ông về những điều mắt thấy tai nghe và đề cập tới sự cần thiết thay đổi, ông đều tỏ vẻ đồng ý nhưng rồi sau đó ông lại làm ngơ. Tôi còn nhớ một buổi họp Hội Đồng Chính Phủ thu hẹp do ông triệu tập để những bộ liên hệ như Kinh Tế, Tài Chính và Quốc Phòng cho biết về nhu cầu ngoại viện. Buổi họp kéo dài cả buổi sáng nhưng không đưa tới được kết luận rõ rệt về những nhu cầu của Việt Nam, vì phần trình bầy của các bộ có lúc trái ngược hẳn nhau. Thủ Tướng Trần Thiện Khiêm hôm đó cũng có mặt nhưng không tuyên bố điều gì. Rút cục ông Thiệu bằng một giọng bực mình chấm dứt buổi họp và giữ tôi lại để cho thêm chỉ thị. Đợi lúc mọi người ra về, ông giơ hai tay lên rồi bảo tôi rằng: "Đấy anh xem, tôi phải làm việc trong những điều kiện nào!" Tôi trả lời ông ngay rằng ông là người có quyền và trách nhiệm, thì lối làm việc mâu thuẫn và tiêu cực kia, phải tùy ông chấm dứt. Ông chần chừ, dường như muốn chờ cho nước đến chân rồi mới nhảy. Nhưng lúc đó, thời cơ đã bắt đầu vượt khỏi tay ông.

Từ giữa năm 1973 cho đến 1974, cứ ba hay bốn tháng một lần, tôi lại trở sang Hoa Kỳ để theo dõi những diễn biến ở Hoa Thịnh Đốn và để góp phần vận động giữ vững viện trợ cho Việt Nam. Tôi theo dõi vụ Watergate, thấy tình trạng càng ngày càng bất lợi cho ông Nixon, nhưng vẫn nghĩ rằng mặc dầu mất nhiều uy tín, ông vẫn có thể thu xếp cho mọi sự ổn thỏa. Khốn thay, tôi đã lầm to. "Họa vô đơn chí", Phó Tổng Thống Agnew vì dính dáng đến một vụ tham nhũng trong những năm về trước bị bắt buộc phải từ chức, rồi tiếp đến vụ

https://tieulun.hopto.org

Watergate, những cộng sự viên thân cận của ông Nixon phải từ chức, và sau hết đến lượt ông Richardson, Tổng Trưởng Tư Pháp cũng từ chức để phản đối việc cất chức Công Tố Viên đặc biệt Archibald Cox. Tất cả xảy ra liên tiếp trong mấy tháng liền như những tiếng sét liên hồi rung chuyển bầu trời Hoa Thịnh Đốn. Có mặt tại thủ đô Hoa Kỳ những ngày đó, tôi theo dõi hàng ngày những biến chuyển để đo lường hậu quả đối với Việt Nam. Đến tháng 3, 1974, để hợp thức hóa tình trạng làm "sứ giả không công" của tôi cho chính phủ từ cuối năm 1972, ông Thiệu chính thức bổ nhiệm tôi làm Đại Sứ Lưu Động của Việt Nam Cộng Hòa (1), một chức vụ mới mà ông đặt ra cho trường hợp của tôi. Với tư cách ấy, cùng với tướng Trần Văn Đôn (lúc đó làm Phó Thủ Tướng trong chính phủ Trần Thiện Khiêm) tôi đi vận động ngoại viện ở Nhật Bản và Pháp. Trên đường về, tôi ghé thăm Hoa Kỳ và tới yết kiến ông Gerald Ford (vừa được cử làm Phó Tổng Thống thay thế ông Agnew) để dò hỏi về viện trợ, nhưng không nói thì ai cũng biết rằng trong bầu không khí ngột ngạt lúc đó, ai còn nghĩ đến giúp Việt Nam hay đến những cuộc tấn công của quân đội Bắc Việt! Chính phủ Nixon lúc ấy tự bảo vệ cho mình còn chưa xong, làm sao còn bảo vệ cho Việt Nam như đã hứa tại hội nghị San Clemente! Tôi lo lắng, trở về Việt Nam trình bầy mọi việc với ông Thiệu.

Ông Thiệu vẫn được nổi tiếng là gan lì, nhưng tôi có cảm tưởng là ông đã bắt đầu lo ngại khi tôi thuật lại vụ Watergate và những hậu quả bất lợi phải tiên liệu cho miền Nam. Ông có vẻ đăm chiêu hơn trước và ít nói. Ông cho tôi biết qua về tình hình quân sự, những tin tức tình báo về chuẩn bị của địch, những cuộc tấn công dò đường mỗi ngày một nhiều, rồi ông yêu cầu tôi tới gặp tướng Cao Văn Viên để được biết thêm về tình hình ngoài mặt trận.

Vào giữa năm 1974, mặc dầu ở Việt Nam chiến tranh vẫn tiếp tục, trong các giới tại Hoa Kỳ, chẳng còn ai nghĩ đến Việt Nam vì mọi sự chú ý đều đổ dồn vào vụ Watergate. Sau hơn một năm trời chống trả, vì không còn chịu đựng nổi áp lực từ tứ phía dồn tới (ngay cả những nhân vật trong đảng Cộng Hòa cũng dọa truất phế ông) Tổng Thống Nixon phải từ chức và nhường quyền lại cho Phó Tổng Thống Gerald Ford. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ một vị Tổng Thống bị bó buộc phải từ chức. Tin này làm chấn động dư luận quốc tế, nhưng ảnh hưởng trực tiếp và quan trọng nhất của diễn biến này, vẫn là đối với Việt Nam.

Tôi không gặp ông Thiệu trong những ngày này, nhưng theo lời của một số cộng sự viên thân cận của ông, thì ông lo lắng khi nghe tin ông Nixon từ chức. Nhưng chỉ vài ngày sau ông lại lên tinh thần

https://tieulun.hopto.org

khi nhận được một bức thư của vị Tổng Thống mới, ông Ford. Bức thư có câu: "Tôi nghĩ rằng có lẽ cũng không cần phải viết để thông báo với Ngài rằng một trong những nét chính trong chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ là tính cách liên tục từ Tổng Thống này qua Tổng Thống khác". Ông Ford viết như vậy ngay sau khi ông Nixon rời chức. Ông Ford còn nói rõ hơn: "Hơn bao giờ hết, điều này đúng với trường hợp hiện tại. Những lời cam kết của Hoa Kỳ trong quá khứ vẫn còn có giá trị và sẽ được giữ đúng như trước". Quá vui mừng, ông Thiệu đưa cho mọi người xem bức thư của ông Ford như thể ông đang nắm trong tay tờ bảo đảm tồn tại của Việt Nam hay lá bùa hộ mệnh cho Việt Nam. Tôi phân vân không hiểu trong thâm tâm ông Thiệu có nhận ra được không, đây là một điều mong manh nhất trong các điều cam kết! Hay là quả thực ông chưa hiểu đời sống chính trị ở Hoa Kỳ luôn luôn thay đổi?

Một trong những dự luật cuối cùng mà ông Nixon ký là về viện trợ cho Việt Nam. Quốc Hội Hoa Kỳ thông qua dự luật này, chấp thuận mức viện trợ là 1,1 tỷ Mỹ kim cho tài khóa 74-75 (Authorization Bill), nhưng theo thủ tục thì ngân khoản đó còn phải qua Quốc Hội một lần thứ hai để cứu xét từng mục chi tiêu một (gọi là Appropriation Bill), lúc đó ngân khoản mới được coi là chắc chắn. Ông Ford vừa lên làm Tổng Thống được ít lâu thì trong lần cứu xét và biểu quyết thứ hai, Quốc Hội giảm ngân khoản đã được chấp thuận xuống còn có 700 triệu Mỹ kim. Trong số này, bộ Quốc Phòng lại cắt đi 300 triệu vì cho rằng tài khóa trước đã tiêu trội ra 300 triệu, thành ra rút cục viện trợ chỉ còn có 400 triệu. Khi giá dầu trên thị trường quốc tế tăng vụt vì chiến tranh Trung Đông, và khi lạm phát ở Việt Nam cũng leo thang theo chiến sự, thì viện trợ năm ấy trong thực tế chẳng còn là bao.

Việc ông Nixon từ chức còn có một ảnh hưởng khác nữa đối với chiến cuộc ở Việt Nam. Mặc dầu đã đặt bút ký vào Hiệp Định Ba Lê, Bắc Việt vẫn quyết thôn tính miền Nam, điều đó ai cũng rõ. Nhưng cho đến ngày ông Nixon còn tại chức, Cộng Sản Bắc Việt vẫn tỏ ra e dè, không dám trắng trợn vi phạm bản hiệp định vì ngại phản ứng của ông, một con người cả quyết khó lường. Năm 1973, quân đội Bắc Việt ở miền Nam chỉ đánh cầm chừng để dò đường. Việc ông Nixon từ chức và liền sau đó việc Quốc Hội Hoa Kỳ cắt xén chương trình viện trợ cho miền Nam rõ rệt đã là những yếu tố quyết định đưa những nhà cầm quyền Cộng Sản ở miền Bắc đến kết luận là họ có thể sửa soạn một cuộc tổng tấn công ở miền Nam mà không còn phải lo gì về giả thuyết Hoa Kỳ quay trở lại Việt Nam nữa (2).

https://tieulun.hopto.org

Chính quyền Nixon sụp đổ vào đầu tháng 8. Đúng vào lúc khó khăn như vậy, ông Thiệu lại phải đối phó với một cuộc khủng hoảng đáng ngại: sự chống đối ầm ĩ của một nhà tu hành từng giúp ông Diệm, Linh Mục Trần Hữu Thanh và Phong Trào Chống Tham Nhũng của ông cầm đầu. Ùa theo ông, một số khá đông thuộc mọi tầng lớp đang bị chật vật vì lạm phát và đời sống đắt đỏ, trong khi những "hạm bự" trong chính quyền vơ vét làm giầu. Các phe đối lập cũng thừa dịp nhao nhao đả kích ông Thiệu, gia đình ông và những tướng tá, tỉnh, quận trưởng là vụ lợi tham ô, dung túng lẫn nhau mà làm bậy. Họ liên tiếp biểu tình chống chính phủ tại Sài Gòn và các tỉnh.

Từ tháng 9, 1974 cho đến đầu năm 1975, tình trạng rối ren lủng củng ở miền Nam vẫn tiếp diễn, làm kiệt quệ một chế độ luôn luôn phải đối phó với những khó khăn càng ngày càng lớn về mọi mặt. Chính phủ đứng ỳ tại chỗ, không có được một sáng kiến nào để huy động công chúng, còn về phía đối lập thì dường như ai cũng ngoảnh mặt đi, không muốn nhìn đến mối nguy từ phương Bắc đang kéo tới, trong khi đó thì chật vật, bận rộn với đời sống hàng ngày, người dân đành buông trôi theo định mệnh.

Ngay trong giai đoạn lúng túng này của miền Nam, vào trung tuần tháng 12, địch quân tấn công vào Phước Bình, một thị xã gần Sông Bé, thuộc tỉnh Phước Long cách Sài Gòn độ chừng hơn 100 cây số về Đông Bắc. Lần này, địch điều động cả hai sư đoàn chính quy (3 và 7) cùng với một số chiến xa cỡ nặng T.54 của Nga và đại pháo 130 ly của Trung Cộng. Sau hơn ba tuần lễ chống trả lại hỏa lực quá mạnh của địch, quân đội Việt Nam Cộng Hòa đã phải bỏ Phước Bình tuy đã phá được gần hai chục chiến xa. Trong số hơn năm ngàn binh sĩ phòng thủ Phước Bình, thoát khỏi được vòng vây của địch, chỉ còn được gần một ngàn.

Trận đánh quy mô cấp sư đoàn, vi phạm trắng trợn Hiệp Định Ba Lê mà không mấy ai để ý tới. Chính quyền Ford không lên tiếng gì mà cũng không tỏ ý muốn giúp đỡ gì thêm, trong khi đó thì ở Sài Gòn người ta mải mê kèn cựa với nhau nhiều hơn là lo lắng về mối nguy gần kề. Riêng về phần tôi lúc ấy, tôi cảm thấy như bị giằng co giữa hai tâm trạng trái ngược. Một mặt thì mối nguy trước mắt đã khá rõ rệt, và mặt khác thì cứ như mù quáng, muốn bám vào một ngụy biện để tự dối mình: trước kia đã bao nhiêu lần mất mát, cả Huế lẫn Quảng Trị, rồi vẫn lấy lại được, có việc gì đâu! Chiến tranh kéo dài cả hàng chục năm có lẽ đã làm lu mờ nhận xét của tôi, nên trông thấy mà không tin vì vốn không muốn tin.

https://tieulun.hopto.org

Tết Nguyên Đán năm 1975 rơi trúng vào những ngày cuối tháng giêng dương lịch. Gần mấy ngày Tết, không hiểu vì nhu cầu hàn gắn một chuyện gì đó, bộ Ngoại Giao lại nhờ tôi qua Ấn Độ. Tôi chần chừ không muốn đi, vả lại thấy không có chuyện gì cấp bách nên hoãn ngày khởi hành và mãi tới cuối tháng 2 mới đi. Tôi trở về đầu tháng 3, chưa được ít ngày thì có tin là địch quân bắt đầu tấn công vào thị trấn Ban Mê Thuột, trên miền Cao Nguyên, đợt tấn công lớn thứ hai sau trận Phước Bình, mở màn cho cuộc tổng tấn công mùa Xuân, 1975. Ban Mê Thuột thất thủ ngày 10 tháng 3, thì ngày 15 tháng 3, ông Thiệu yêu cầu tôi tới gặp ông, rồi ông nhờ tôi đi Hoa Kỳ để vận động ngoại viện, chuyến đi cuối cùng trong đời Đại Sứ của tôi.

* * *

Trong chuyến đi Hoa Kỳ lần cuối cùng, tôi có nhiệm vụ trình bầy với chính phủ và dư luận Hoa Kỳ nhu cầu cấp bách của Việt Nam Cộng Hòa về cả hai phương diện kinh tế và quân sự. Nhưng đến khi Quốc Hội Hoa Kỳ khước từ viện trợ khẩn cấp cho Việt Nam (ngày 11 tháng 4, 1975) thì mọi cố gắng trở nên vô ích, và nhiệm vụ của tôi cũng được coi như chấm dứt. Ba ngày sau, trong lúc còn bàng hoàng vì những biến cố dồn dập ở Việt Nam, và mệt mỏi vì bị cảm cúm, tôi nhận được điện thoại của ký giả Robert Shaplen gọi tôi từ Hương Cảng, chuyển lời của một số bạn ở Việt Nam yêu cầu tôi trở về.

Tôi bay qua Hương Cảng trước để nói chuyện với Shaplen, và về đến Sài Gòn chiều ngày 17 tháng 4. Tôi nghĩ rằng sứ mạng dẫu bất thành, thì tôi cũng có bổn phận gặp ông Thiệu để nói rõ về thái độ của Quốc Hội và chính phủ Hoa Kỳ trước những biến chuyển nhanh chóng của thời cuộc. Về đến nơi tôi liên lạc ngay với phủ Tổng Thống để xin gặp ông. Vài phút sau thì đại tá Cầm, Chánh Văn Phòng của ông trả lời tôi: "Tổng Thống đang bị phân tâm vì không giữ được Phan Rang, quê của ông, và yêu cầu ông Đại Sứ gặp ông Thủ Tướng trước rồi Tổng Thống sẽ tiếp ông Đại Sứ sau". Ngay sau đó, văn phòng Thủ Tướng gọi dây nói mời tôi tới họp sáng hôm sau, Thủ Tướng lúc này không còn là tướng Trần Thiện Khiêm nữa, nhưng là ông Nguyễn Bá Cẩn, một người mà tất cả Sài Gòn biết rằng chẳng có quyền hành gì. Đi từ xa về, nóng lòng muốn được biết tình hình từ miệng người có trách nhiệm (và cũng là người gửi tôi đi), nay lại phải gặp ông Nguyễn Bá Cẩn nên tôi thất vọng và bực mình. Tôi đã định từ chối thì tướng Trần Văn Đôn (lúc bấy giờ làm Phó Thủ Tướng, Tổng Trưởng Quốc Phòng) đến gặp tôi, nài nỉ yêu cầu tôi nhận lời mời. Ông đưa ra lý do: tôi cần phải cho mọi người trong chính phủ

https://tieulun.hopto.org

biết về thái độ của Hoa Kỳ vì ở Sài Gòn không ai biết thái độ đó ra sao.

Ngay tối hôm ấy, tôi tìm gặp được tất cả các bạn thân của tôi. Họ sốt ruột nghe tôi cho biết về tình hình vì tin rằng ở ngay Hoa Thịnh Đốn, tôi biết mọi việc rõ hơn, nên đã nhờ ký giả Shaplen yêu cầu tôi sớm trở về. Ngồi với họ cho tới nửa đêm, tôi nói với họ là nhận định của tôi rất rõ rệt: Hoa Kỳ coi cuộc chiến như đã chấm dứt. Ai nấy đều lặng thinh, tưởng chừng như không còn gì để nói nữa. Mỗi người một hoàn cảnh nhưng ngay lúc đó, trong đầu óc mọi người chắc đã hiện ra câu hỏi: ở hay đi và đi thì đi đâu?

Sáng hôm sau tướng Trần Văn Đôn đến đón tôi để cùng đi dự một buổi họp thu hẹp của Hội Đồng Chính Phủ. Ngoài ông Nguyễn Bá Cẩn và tướng Đôn tôi chỉ thấy có ông Nguyễn Văn Hảo, Phó Thủ Tướng, đặc trách Kinh Tế. Buổi họp rất ngắn ngủi. Cả ba người đều không có gì cho tôi biết thêm về chiến sự, còn riêng về phía tôi thì phần trình bầy cũng không khác những gì tôi đã nói với các bạn của tôi tối hôm trước, nghĩa là Hoa Kỳ đang phủi tay, ra khỏi Việt Nam. Đặc biệt về trường hợp ông Nguyễn Văn Hảo thì không hiểu lúc ấy ông có thành thật nghĩ như vậy không hay là ông muốn che giấu những ẩn ý gì, ông lớn tiếng hỏi: "Tại sao lại không rút về miền Tây rồi tiếp tục chiến đấu?" Không ai trả lời câu hỏi của ông Hảo, mọi người đều im lặng, chìm đắm trong những suy tư riêng biệt và buổi họp chấm dứt trong một bầu không khí thật nặng nề.

Tôi về đến nhà chưa được vài phút, thì đã có chuông điện thoại. Ở đầu dây là Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn, ông Graham Martin. Ông ngỏ ý muốn gặp tôi ngay và mời tôi ra tòa Đại Sứ trên đường Thống Nhất. Từ nhà tôi ở đường Nguyễn Huệ ra đường Thống Nhất thì chưa đầy mươi phút, nhưng trên đường đi tôi tự đặt câu hỏi: không hiểu trong tình trạng khẩn trương lúc này, ông Martin, một người vẫn thường lạc quan, sẽ nói gì? Trong suốt hai năm ông làm Đại Sứ ở Việt Nam, ông luôn luôn tin tưởng vào sứ mạng của ông là giữ được Việt Nam khỏi rơi vào tay Cộng Sản. Không những thế, ông còn nghĩ rằng ông có thể thuyết phục được Quốc Hội Hoa Kỳ tiếp tục giúp đỡ Việt Nam. Về điểm này thì thường ông vẫn xung khắc với bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, cho rằng cấp hữu trách tại bộ không tích cực trong việc vận động Quốc Hội. Riêng đối với ông Thiệu thì đã có lần ông Martin thổ lộ với tôi rằng mối liên hệ của ông Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa không lạnh nhạt nhưng thiếu thân mật, có tính cách chính thức nhiều quá, nên ông không có dịp hiểu nhiều về ông Thiệu. Ông kể lại là ngoài việc công, chỉ có một lần ông Thiệu nhờ ông một chuyện riêng

https://tieulun.hopto.org

là thu xếp để cho Phó Tổng Thống Trần Văn Hương sang Hoa Kỳ chữa bệnh tại nhà thương Walter Reed. Tôi hiểu rằng có lẽ ông không tiện nói thẳng với ông Thiệu điều đó, và nhờ tôi chuyển lời, nên vài hôm sau, khi gặp ông Thiệu tôi kể lại rõ câu chuyện.

Tới Sứ Quán Hoa Kỳ, vừa ra khỏi thang máy, tôi đã thấy ông Martin đứng chờ. Thấy ông xanh xao, phờ phạc, tôi biết ngay là ông thiếu ngủ và lo âu. Chúng tôi còn đang đi ở ngoài hành lang và chưa kịp vào phòng, ông đã hỏi: "Anh đã gặp ông Thiệu chưa?" Dĩ nhiên tôi trả lời là chưa. Nghe tôi trả lời, ông tỏ vẻ sốt ruột và vào đến phòng ông liền cho tôi biết nhận định của ông về tình hình quân sự. Theo ông thì tình hình hết sức trầm trọng và không ai biết rõ là địch quân đã tiến tới đâu mặc dầu ở mặt trận Xuân Lộc quân đội Việt Nam vẫn còn cầm cự được. Tôi chưa kịp hỏi thêm thì ông đã yêu cầu tôi sớm gặp ông Thiệu để cho ông ta biết "sự thực". Tôi nói rằng sự thực ở Hoa Kỳ thì có lẽ tôi cũng biết đôi phần, nhưng sự thực ở Việt Nam thì quả tôi mù tịt. Ông ngắt lời tôi và bảo rằng: "Tôi chắc rằng rồi đây anh sẽ gặp nhiều người, anh sẽ thấy rằng ai cũng đồng ý là ông Thiệu không còn đứng được nữa và điều đó anh phải cho ông ta biết. Nếu cần tôi sẽ nói thẳng với ông ta, nhưng nếu anh gặp được ông ta trước tôi, thì anh cho tôi biết phản ứng của ông ta ra sao!" Tôi còn đang băn khoăn không hiểu Hoa Kỳ có chủ trương gì để cứu vãn tình thế và tình hình sẽ biến chuyển ra sao nếu ông Thiệu phải đi, thì một số tướng tá Hoa Kỳ đến họp với ông Martin, nên ông xin lỗi và hẹn tôi sẽ gặp lại hôm sau.

Tôi ra về mà không hiểu hậu ý của ông Martin ra sao. Ông nhắc đi nhắc lại là cần phải cho ông Thiệu biết rõ "sự thực", nhưng để làm gì? Phải chăng để thúc giục ông Thiệu đưa ra những biện pháp đặc biệt? Hay là để thuyết phục ông Thiệu từ chức? Rồi trong cả hai trường hợp, ông Thiệu từ chức hay ông Thiệu không từ chức, ảnh hưởng đối với cục diện sẽ ra sao? Những câu hỏi đó quay cuồng trong đầu óc tôi. Tôi chỉ biết chắc chắn là Hoa Kỳ tuyệt nhiên không muốn can thiệp trở lại bằng quân sự nữa. Về những điều khác, tôi cũng hoang mang như mọi người miền Nam đang sống trong cơn bão tố. Tối hôm ấy, để hiểu rõ thêm, tôi gọi dây nói cho ông Kỳ rồi lên thẳng nhà ông ở trại Phi Long, Tân Sơn Nhất. Vừa tới nơi, tôi đã thấy nhà ông Kỳ đầy người, họ hàng, bạn bè, kể cả một số tướng lãnh trẻ, bạn của ông. Mọi người xúm lại hỏi tôi hết điều này đến điều nọ, nhưng tôi không có gì để nói để cho họ yên tâm, vì chính tôi cũng như bị tràn ngập, vô vọng, bất lực. Để nói chuyện được dễ dàng hơn, tôi kéo một số anh em Không Quân và tướng lãnh sang một phòng bên. Tôi

https://tieulun.hopto.org

thấy tinh thần chiến đấu không có sự sút giảm, nhưng nếu nói đến đại cuộc thì tôi thấy ai nấy đều hoang mang vì ông Thiệu vẫn im lặng như tờ, trong khi đó thì giữa những tin đồn đủ loại về giải pháp này hay giải pháp khác, những tin về địch quân càng đến gần Sài Gòn làm cho mọi người lo lắng. Tôi trình bầy những gì tôi biết về phía Hoa Kỳ nhưng đến lúc bị hỏi lại về tương lai trước mắt cũng như về trường hợp của từng người, thì tôi đành phải thú thực là tôi không có câu trả lời. Trong đời tôi, tôi chưa bao giờ dự một buổi họp buồn thảm như vậy.

Ra về, đêm nằm không ngủ được, tôi nghĩ ra là lúc này, cái phao mà tất cả mọi người ở Sài Gòn, kể cả ông Martin, đang cố bám vào là giải pháp điều đình. Nếu tỉnh táo một chút thì ai cũng phải nhận thấy đây là một ảo vọng vì đối với Cộng Sản, cỗ ăn đã dọn sẵn rồi, còn gì mà phải điều đình hay dàn xếp? Nhưng về phía những người ở miền Nam, vào những ngày giờ ấy, ai còn đủ tỉnh táo? Một số tưởng có lẽ phù thủy Kissinger còn đang ngỏ ý, qua trung gian của Liên Xô và Trung Cộng, nhường thêm cho Bắc Việt một vài tỉnh ở miền Trung; một số quân nhân thì mong rằng những phi cơ B.52 sẽ quay lại để tiêu diệt những đơn vị của Bắc Việt đang ngang nhiên tiến trên các xa lộ. Về phía những người vẫn thường được gọi là "lực lượng thứ ba" thì hoặc họ thực sự ngây thơ tin tưởng rằng họ có thể là nhịp cầu hòa giải giữa hai đối thủ trong cuộc chiến, hoặc họ còn mê muội theo đuổi một thứ hư danh nào đó trên bàn cờ chính trị. Giới ngoại giao cũng trông chờ vào giải pháp điều đình, rõ rệt hơn cả là Đại Sứ Pháp, ông Jean Marie Merillon, người gần như công khai đứng ra làm trung gian để hòa giải. Kể ra thì thái độ của người Pháp cũng là một thái độ dễ hiểu. Bị hất cẳng bởi người Mỹ từ lúc ông Diệm lên nắm chính quyền năm 1954, lúc này là cơ hội thuận tiện để họ trở lại đóng một vai trò đáng kể và để giữ chỗ đứng cho họ trong tương lai ở Việt Nam và Viễn Đông. Nhưng còn về ông Martin, thì thái độ của ông thật khó hiểu. Phải chăng cũng như ông Jean Marie Merillon, ông tin rằng có thể có một giải pháp điều đình với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam qua mặt Hà Nội? Hay là ông trông chờ vào những vận động ngoại giao của ông Kissinger và tìm cách trì hoãn đà tiến của địch để giành thời gian cho quân đội miền Nam tổ chức lại chiến tuyến phòng thủ? Thực ra thì dầu ông có bị ảnh hưởng bởi Đại Sứ Pháp chăng nữa hay mưu toan gì khác, thì cũng không lại được với một tình hình biến chuyển quá nhanh, ấy là chưa kể rằng chính đối phương đã lợi dụng ngay những cố gắng làm trung gian thiếu thực tế của người Pháp, để tung thêm ra những tin điều đình đủ loại nhằm

https://tieulun.hopto.org

mục đích làm tê liệt tinh thần chiến đấu của những người ở miền Nam.

Trong gần cả một ngày hôm sau, ngày 19, tôi không ra khỏi được nhà. Họ hàng, bà con, bạn bè được tin tôi về, lần lượt kéo đến để hỏi thăm tin tức. Ai cũng hỏi thái độ của Mỹ ra sao và câu trả lời của tôi cũng vẫn chỉ là câu đã được nhắc đi nhắc lại nhiều lần là không nên trông chờ gì vào người Mỹ nữa. Ai nấy đều sững sờ như thể không tin được vào sự tàn nhẫn của sự thật, rồi buồn bã ra về, chìm đắm trong những suy tư riêng biệt về tương lai của gia đình hay bản thân. Mãi đến chiều hôm ấy tôi mới có được một chút thời giờ chạy xuống bàn giấy của tôi ở tòa báo Saigon Post. Ở đây, một sự không ngờ đã chờ đợi tôi. Vừa vay mượn, vừa dành dụm gần hai năm trời, nhà tôi đã xây lại cả tòa báo ở đường Trần Hưng Đạo; không những thế, một giàn chữ mới cùng với một hệ thống sắp chữ mới của hãng IBM mà tôi đã đặt mua từ một năm trước, nay cũng đã về tới. Tôi bước vào căn phòng đặt bàn giấy thì thấy cả đến bàn ghế lẫn điện thoại cũng mới tinh. Tôi ngẩn người ngắm nhìn mọi thứ, rồi chợt buồn vì sắp mất cả. Thoáng một giây phút luyến tiếc, nhưng nghĩ ra là thấm vào đâu so với sự mất mát quá lớn lao của cả một dân tộc trong cơn bão tố, nên tôi lấy lại ngay được thản nhiên, ở lại tòa báo mươi phút hỏi thăm anh em rồi lặng lẽ ra về.

Chiều tối hôm ấy ông Martin lại gọi dây nói và muốn gặp lại tôi. Cũng như hôm trước, ông hỏi ngay đã gặp ông Thiệu chưa. Dường như bị ám ảnh bởi một chủ định nào đó về vấn đề ông Thiệu, ông nhờ tôi sớm tìm cách gặp ông Thiệu để tìm hiểu xem ông Thiệu có những dự tính gì để đối phó với tình thế. Tôi ngạc nhiên về tình trạng thiếu liên lạc giữa hai người và hỏi lại tại sao chính ông không đến gặp thẳng hay gọi điện thoại nói chuyện với ông Thiệu? Ông Martin im lặng không trả lời và mãi một lúc sau mới lên tiếng: "Có lẽ tôi không chờ được lâu nữa, nếu cần, ngày mai tôi sẽ tìm cách gặp ông ta". Rồi ông chuyển sang chuyện khác và những tin đồn đảo chính do một số tướng lãnh mưu tính, và hỏi tôi có gặp ông Kỳ không. Tôi trả lời là tôi có gặp cả ông Kỳ và một số anh em của ông ấy nhưng, ngoại trừ trường hợp họ không muốn cho tôi biết, tôi không thấy có triệu chứng gì là họ có ý định đảo chính. Và vấn đề sau chót mà ông nêu với tôi là những tin đồn về điều đình. Ông hỏi tôi về trường hợp của anh Nguyễn Xuân Phong, nhân vật số hai của phái đoàn Việt Nam ở Ba Lê vừa trở về Sài Gòn và về những tin đồn là tướng Đôn có gặp Đại Sứ Pháp Merillon nhiều lần. Tôi trả lời là từ hôm về, tôi có gặp tướng Đôn hai lần, nhưng không thấy ông ta đả

https://tieulun.hopto.org

động gì đến việc này, còn về những cố gắng dàn xếp này khác của ông Merillon, thì tôi cho ông biết nhận định rõ rệt của tôi: hoàn toàn thiếu thực tế, chỉ là không tưởng. Một lần nữa, ông lại im lặng và buổi họp muộn màng chiều tối hôm đó chấm dứt. Hai người đều mệt mỏi, tuy nhiên trước khi tôi ra về, ông có nhã ý nói với tôi rằng trong bất kỳ trường hợp nào, nếu tôi muốn rời khỏi Việt Nam hay muốn đưa gia đình đi, thì chỉ cần báo cho ông nửa ngày trước là ông có thể thu xếp được mọi việc. Dĩ nhiên, tôi cám ơn ông nhưng không hiểu vì lý do gì, quả thực lúc ấy tôi chưa nghĩ đến chuyện đi.

Sống ở trong cuộc mà thật ra như người mê ngủ. Ngày chủ nhật 20, tôi đang định dành thời giờ để thu xếp việc nhà và soạn lại giấy tờ tài liệu, thì những việc bên ngoài lại dồn đến như để nhắc nhở tôi là tất cả sắp đến hồi kết thúc. Sáng ngày dậy sớm, nghe đài BBC tôi mới biết là mặt trận Xuân Lộc có lẽ không còn giữ vững được nữa, và về phía ven biển, địch quân đã xuống quá Phan Thiết. Rồi tiếp đến, qua điện thoại ông Martin lại hỏi về chuyện ông Thiệu và báo tin cho biết là chiều hôm đó ông sẽ gặp ông Thiệu.

Mặc dầu thời gian trôi nhanh và tình hình càng ngày càng nguy hiểm, tôi nằm nhà suốt ngày thứ hai 21 vì bị cảm cúm trở lại. Chiều hôm đó, ông Thiệu từ chức. Tôi không ngạc nhiên vì được biết ông Martin đã đến gặp ông Thiệu chiều ngày chủ nhật 20, nhưng đến khi nhìn thấy ông trên đài truyền hình, đổ lỗi hết cho Hiệp Định Ba Lê, Kissinger rồi đến sự thất ước của Hoa Kỳ, thì thật là một cảnh tượng nửa khóc nửa cười. Đang cảm thấy kiệt quệ, cả về thể xác lẫn tinh thần, tôi cố gắng nghe lời phân trần của ông Thiệu, nhưng không hiểu tại sao lúc đó tôi như người có tâm trạng thẹn thùng, bẽ bàng khó tả. Tôi lặng lẽ tắt TV rồi cố ngóc dậy, ra đường không biết đi đâu.

Đi lang thang dọc theo đường Nguyễn Huệ ra tới bến Bạch Đằng, nhìn tàu bè trên sông, lúc bấy giờ tôi mới nhận thức thấm thía là đã tới hồi tàn cuộc. Về đến nhà, trời đã tối, một số anh em lại kéo đến, bàn tán mãi đến khuya nhưng tôi thành thực nói rõ là ít nhất về phương diện cá nhân, tôi không còn ý kiến nào hữu ích để nói về những biến chuyển quá nhanh của thời cuộc, ngoại trừ lo ngại là hỗn loạn rất có thể sẽ đảo lộn tính toán của mọi người. Bữa đó, hai bạn thân của tôi là bác sĩ Trần Văn Đỗ và tướng Lê Văn Kim cho biết là đã có quyết định tìm cách cho gia đình đi ngoại quốc.

Ngày 22, đài BBC loan tin là tuyến phòng thủ của quân đội Việt Nam ở Xuân Lộc đã bị địch quân tràn ngập và hơn 10 sư đoàn Bắc Việt đang xiết chặt vòng vây xung quanh Sài Gòn. Thật là khẩn trương, thế mà trong các giới chính trị ở Sài Gòn, người ta vẫn còn

https://tieulun.hopto.org

bàn tán xôn xao, ai là người đứng ra thành lập chính phủ mới, ai giữ chức gì... Rồi những tin đồn đủ loại từ mọi phía vẫn được tung ra. Người Pháp thì nửa kín nửa hở nói rằng tướng Minh, tướng Đôn đã được đối phương coi là chấp nhận được, vì vậy mà họ chủ trương và ủng hộ giải pháp "Big Minh". Đặc biệt nhiều người nhận là mình đã liên lạc với Bắc Việt và ngay cả trùm CIA ở Sài Gòn là Polgar cũng tin tưởng là qua trung gian của những người Hung Gia Lợi trong Ủy Ban Quốc Tế kiểm soát đình chiến, Hoa Kỳ có thể nói chuyện thẳng với Hà Nội.

Một cái may cho tôi trong những ngày ấy là mặc dầu mệt mỏi cùng cực và nhìn vào tương lai cũng chẳng thấy gì sáng sủa, tôi vẫn còn đôi chút tỉnh táo để đi đến kết luận là nếu muốn đi khỏi Việt Nam thì phải sửa soạn ngay, vì đưa được mẹ tôi, 90 tuổi, và chị tôi đi, không phải là chuyện dễ. Cho đến những giờ phút cuối cùng, tôi vẫn chẳng muốn ra đi, một tâm lý ngược hẳn lại với tất cả thực tế trước mắt là địch quân sẽ tràn tới, và số phận sống hay chết sẽ ở trong tay họ. Chính vào lúc đó, không hiểu tại sao tôi còn chần chừ trong khi trên các đài truyền hình ở Hoa Kỳ chỉ có những tin về hỗn loạn ở Việt Nam, nhà tôi ở Hoa Thịnh Đốn gọi dây nói và giục tôi phải đi ngay.

Tôi phải mất hai ngày mới thuyết phục được mẹ tôi bỏ lại tất cả để lên đường đi sống ở nơi xa lạ, tứ cố vô thân. Tôi cũng xem lại những văn kiện tài liệu gom góp trong bao năm, đốt đi những thứ không cần thiết và lọc lại những gì cần và có thể mang đi được. Ngày 25, tôi gọi dây nói cho ông Martin, nhắc lại lời hứa của ông hôm trước, và nói với ông rằng sự có mặt của tôi ở Sài Gòn không còn giúp ích gì được nữa và yêu cầu ông lo liệu giúp tôi để tôi đưa được mẹ và chị tôi đi Hoa Kỳ. Tôi được ông giúp đỡ tận tình và tôi vẫn ghi nhớ lòng tốt của ông.

Ông Martin hứa là trưa ngày 26 tháng 4, ông sẽ cho người đến đón gia đình tôi đi. Sáng hôm ấy, tôi thong thả ra đường Nguyễn Huệ, đi dạo một lượt quanh đường Tự Do, qua mấy nhà hàng quen thuộc như Givral, Brodard, La Pagode như để ghi vào đầu óc một lần chót hình ảnh của những nơi đã đánh dấu cả một quãng đường dài trong cuộc đời. Khi đi qua những quầy bán hoa dọc đường Nguyễn Huệ, tôi vẫn thấy người mua những bó hoa hồng đỏ thắm. Tôi tự hỏi không hiểu làm sao họ còn bình thản như vậy để mua hoa vào lúc này.

Trưa ngày 26, ông Martin cho ông Joe Bennet, Cố Vấn Chính Trị tại tòa Đại Sứ Hoa Kỳ đến đón gia đình tôi để ra Tân Sơn Nhất. Tôi từ giã căn nhà tại đó đại gia đình chúng tôi đã sinh sống trong hơn 20 năm từ ngày di cư từ ngoài Bắc vào. Căn nhà đã được sửa sang

https://tieulun.hopto.org

gọn gàng, tôi trao lại nguyên vẹn cho chị người nhà. Chị ta hỏi lúc tôi ra đi, chiếc xe hơi thì đưa cho ai, rồi nhắc tôi đừng quên mang theo chiếc áo ngoài và máy ảnh để sẵn trên bàn. Tôi trả lời ngắn gọn, thôi, khỏi cần, rồi lặng lẽ, tay không, bước ra khỏi nhà. Đã mất tất cả thì còn luyến tiếc gì những thứ ngoại vật đó? Tôi ra đi, để lại không phải là căn nhà mà là cả một quá khứ với bao nhiêu kỷ niệm buồn vui.

Tới phi trường Tân Sơn Nhất cùng với ông Bennet, tôi thấy ở đó đã có một chiếc phi cơ nhỏ của Hải Quân Hoa Kỳ (7 chỗ) chờ sẵn để đưa chúng tôi đi Bangkok, để từ đó Sứ Quán Hoa Kỳ giữ chỗ cho chúng tôi đi thẳng Nữu Ước bằng máy bay của hãng hàng không dân sự PANAM. Không hiểu vì lẽ gì chiếc máy bay nhỏ phải đợi hơn một giờ mới được phép cất cánh. Cuối cùng vào khoảng 3 giờ trưa, máy bay chuyển bánh trên phi đạo và chỉ ít phút sau tôi đã nhìn được ở trên không xuống những cánh đồng xanh, bao la của miền đồng bằng sông Cửu Long. Thế là hết. Trong giây phút, tôi cố bình tâm ngắm nhìn qua cửa sổ máy bay những hình ảnh thân yêu của đất nước đang lướt xa ở dưới, nhưng tự nhiên từ đâu tới, buồn thương tràn ngập, nước mắt trào dâng, làm nhòa mờ tất cả. Tôi gần như không còn nhìn thấy gì nữa cho đến khi, một giờ sau, máy bay đậu xuống khu vực quân sự của phi trường Bangkok.

---

(1) Trong suốt năm 1973, mỗi khi nhận công tác của chính phủ, đi nơi này nơi khác, tôi không ăn lương và cứ như thế sau khi được bổ nhiệm làm Đại Sứ Lưu Động, tháng 3, 1974. Việc bổ nhiệm này là một sự bất ngờ, vì ông Thiệu không cho biết và cũng không hỏi ý kiến trước. Một hôm, tôi đi vắng, đại tá Võ Văn Cầm, Chánh Văn Phòng của ông đến nhà tôi và đưa cho gia đình tôi bản Sắc Lệnh bổ nhiệm tôi vào chức vụ mới.

(2) Điều này, sau khi chiến tranh đã chấm dứt, chính những nguồn tin Cộng Sản cho biết rằng, trong một buổi họp của Bộ Chính Trị Hà Nội, Lê Duẩn, lúc đó làm Tổng Bí Thư, đã có kết luận như vậy, và ra lệnh sửa soạn cho cuộc tổng tấn công năm 1975.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 36
Một Trang Sử Khép Lại

Nhiều hoàn cảnh đặc biệt đã đưa đẩy tôi tới gần một số yếu nhân ở những trung tâm quyền lực giữ vai trò quyết định trong cuộc chiến ở Việt Nam, và nhờ phúc phận may mắn, tôi tránh được những thống khổ mà bao người phải gánh chịu trong thời chiến. Nhưng nếu nói đến ý nguyện, ước vọng, bất mãn hay thất vọng, thì tôi cũng chẳng khác gì người cùng thế hệ.

Những người thuộc thế hệ tôi lớn lên vào những năm đầu thập niên 40 với hy vọng, sau gần một thế kỷ phải làm "công dân hạng nhì" ngay trong nước mình, chúng tôi sẽ có cơ hội phục hồi được nhân cách và giành lại được chủ quyền quốc gia do người Pháp nắm giữ. Người Việt thời nào cũng mơ ước hòa bình và một cuộc sống an lành cho chính mình và con cháu. Điều bất hạnh là thay vì độc lập và thanh bình, họ lại gặp cách mạng, chiến tranh và tàn phá. Và ngay cả bây giờ, khi Việt Nam không còn phải đối phó với ngoại xâm nữa, họ vẫn phải tiếp tục sống trong nghèo đói, áp bức. Đó là một thảm kịch ít thấy trong lịch sử.

Năm 1963, trả lời ký giả kỳ cựu Walter Cronkite trong một cuộc phỏng vấn về chiến tranh Việt Nam, Tổng Thống Hoa Kỳ John F. Kennedy có nói: "Xét cho cùng thì chiến tranh này là chiến tranh của người Việt, thắng hay bại là tùy ở họ". Dù muốn dù không, chúng ta không thoát khỏi được nhận xét này của ông Kennedy. Những người dân miền Nam, và nhất là những cấp hữu trách ở miền Nam, trong số đó có cả tôi, phải nhận tất cả trách nhiệm về số phận của xứ sở. Thành thật mà nói thì có nhiều điều để hối tiếc cũng như có nhiều điều phải hổ thẹn, nhưng nếu nhìn rộng ra thì quả thực những nguyên nhân và yếu tố phức tạp của cuộc chiến, không mấy liên quan đến những thiếu sót hay lầm lỗi của con người, đã tạo ra những hoàn cảnh ngặt nghèo vượt qua khỏi khả năng đối phó của những người trong cuộc.

Trong số những nguyên nhân sâu xa, trước hết phải kể đến sự ngoan cố của người Pháp sau trận đại chiến thứ hai. Họ khăng khăng cố giữ chặt quyền hành ở một thuộc địa cũ, thay vì trao trả chủ quyền cho một dân tộc đang khao khát độc lập. Nguyên nhân thứ hai là ảo tưởng về ý thức hệ của những người Cộng Sản Việt Nam. Tranh đấu để xô đổ một nền đô hộ đã mục nát đối với họ chưa đủ, họ còn muốn áp đặt lên dân tộc Việt Nam những chủ thuyết của họ như giai cấp đấu tranh và chuyên chính vô sản. Và sau hết là sự can thiệp ồ ạt của

https://tieulun.hopto.org

người Hoa Kỳ. Sự can thiệp này, dầu không có ác ý chăng nữa, cũng mang vào cuộc chiến những yếu tố mới, làm biến chất một cuộc tranh đấu lúc đầu chỉ nhằm giành độc lập cho một dân tộc bị trị muốn vươn mình lên tự chủ, tự do. Nguyên nhân này, yếu tố khác, tất cả đã làm cho cuộc tranh đấu trở nên phức tạp, dai dẳng và đẫm máu hơn những cuộc nổi dậy của bao nhiêu dân tộc bị trị khác, đồng cảnh với Việt Nam. Nhưng trái với Việt Nam, họ đã được độc lập ngay vào hồi giữa thế kỷ mà không phải hứng chịu quá nhiều tan hoang và tang tóc.

Bị kẹt vào giữa những thế lực mà mục tiêu đấu tranh không phù hợp với những lý tưởng cố hữu của mình, những người quốc gia luôn luôn bị đặt vào những hoàn cảnh éo le. Trong đa số trường hợp đã phải chọn lựa giữa những giải pháp khó nuốt và nhiều lúc họ không còn cả quyền chọn lựa nữa. Vì nhu cầu tồn tại, họ đành phải chịu những sự nhân nhượng, dung hòa, gắng gượng làm cho chính nghĩa của họ bị lu mờ. Đi với Cộng Sản thì không được, nhưng đi với ông Bảo Đại thì cũng chẳng đặng đừng. Ủng hộ ông Diệm là hợp lý, nhưng ông ấy không muốn hợp tác mà chỉ đòi sự phục tòng, rồi đến chế độ quân nhân và người Mỹ. Người quốc gia phải cố tìm cho mình một thế đứng, nhưng họ đã luôn luôn bị gạt sang bên lề và ảnh hưởng mà họ tạo được không bao giờ là đủ mạnh để chuyển biến được thời cuộc theo chiều hướng mong muốn. Đã có lúc, ngay trong thời chiến, tôi và một số những người khác đã tưởng rằng, nếu được cơ hội thuận tiện, đất nước có thể phát triển kinh tế và xây dựng dân chủ. Nhưng rồi thời cơ đóng góp cũng bị trở ngại rồi mất dần đi. Và cuối cùng, khi miền Nam Việt Nam phải đương đầu với những cuộc tấn công quy mô của Bắc Việt, thì vấn đề còn lại chỉ là chiến đấu để sống sót trong một môi trường bế tắc, không lối thoát. Mọi người, ai nấy đều bị cuốn vào định mệnh, tai biến đến ngay trước mắt mà phải bó tay chịu khổ.

Giữa những thế lực ngoại lai và yếu tố phức tạp trong cuộc chiến, sự can thiệp của Hoa Kỳ nổi bật hơn cả, với nhưng hậu quả chưa đo lường hết. Nền đô hộ Pháp thì đã đổ tan, và đế quốc thực dân Pháp chỉ còn là đề tài nghiên cứu cho các sử gia. Về Cộng Sản Việt Nam, thì chỉ những người ngoan cố hay cuồng tín mới còn bênh vực cho một chế độ không đem lại gì, ngoài chiến tranh, lừa dối và áp bức. Nhưng yếu tố Hoa Kỳ vẫn còn sống động. Tại Hoa Kỳ và nhiều nước khác, nhiều giới quan tâm vẫn thường đặt câu hỏi: sự can thiệp trước đây của Hoa Kỳ vào Việt Nam có hợp với quyền lợi của Hoa Kỳ hay với đạo lý của nhân loại không? Người Mỹ còn bàn luận rất nhiều để tìm hiểu và rút kinh nghiệm, và cả những quốc gia hậu tiến

https://tieulun.hopto.org

cũng vậy, họ cần phải đề phòng trường hợp không may họ lâm vào hoàn cảnh khó khăn như ở Việt Nam. Đối với những phe phản chiến rồi phe chủ hòa, thì quyết định tiên khởi can thiệp quân sự vào Việt Nam của Hoa Kỳ, ngay trên nguyên tắc, là một quyết định sai lầm. Sai lầm, vì những người có trách nhiệm hoạch định chính sách của Hoa Kỳ đã không nhận định được đúng mức những quyền lợi cơ bản của Hoa Kỳ ngay về mặt an ninh quốc gia. Họ còn gán cho Việt Nam một tầm quan trọng quá mức, về mặt chống cộng trên thế giới. Ngoài ra, họ còn có ảo tưởng quá kiêu về sức mạnh của Hoa Kỳ.

Tôi không có thẩm quyền hoặc tư cách gì để phê phán những ý kiến của các phe nhóm Mỹ về nội tình Mỹ. Tôi chỉ ghi nhận rằng những lý luận tóm tắt trên đây có tính cách hậu nghiệm, tức là đã chỉ được đưa ra nhiều năm sau khi Hoa Kỳ mang quân vào Việt Nam. Tôi còn nhớ những gì đã xảy ra mùa hè năm 1964, khi tôi viếng thăm Hoa Kỳ lần đầu tiên. Lúc đó sắp có cuộc bầu Tổng Thống (Thượng Nghị Sĩ Barry Goldwater là ứng viên của đảng Cộng Hòa) và cũng là lúc "Quyết Nghị Vịnh Bắc Việt" được mang ra thảo luận tại Quốc Hội. Quyết nghị này, do chính phủ Johnson đề nghị để thể hiện chính sách bảo vệ Việt Nam đã được gần như toàn thể Quốc Hội chấp thuận (98 phiếu thuận và 2 phiếu chống ở Thượng Viện, còn ở Hạ Viện thì toàn thể 416 phiếu điều là phiếu thuận). Đặc biệt hơn cả là quyết nghị này được hầu hết báo giới ủng hộ.

Ủng hộ và viện trợ Việt Nam hồi đó, đối với Hoa Kỳ, là sự cần thiết để giúp miền Nam duy trì độc lập và tự do, và hơn nữa hay trước hết, để ngăn cản sự bành trướng của khối Cộng Sản trên khắp thế giới. Hoa Kỳ đã phải chống Bắc Hàn và Trung Cộng trong chiến tranh Cao Ly 1950-53, thì sao có thể ngồi yên nhìn Cộng Sản Bắc Việt thôn tính miền Nam, nhất là khi Bắc Việt lại là đàn em và tay sai của Trung Cộng? Lúc ấy, ý đồ bành trướng của Trung Cộng thật quá rõ rệt và cả vùng Đông Nam Á cảm thấy bị đe dọa một khi Trung Cộng mở rộng ảnh hưởng xuống miền Nam bằng cách liên minh với Thống Đốc Nam Dương Soekarno, một người đã sẵn có khuynh hướng thân Cộng. Tóm lại, chủ trương giúp đỡ Việt Nam chỉ là một bộ phận của chiến lược toàn cầu của hoa Kỳ nhằm ngăn chặn sự lan tràn của Cộng Sản (containment policy) mà người ta đã thấy ở Âu Châu qua chương trình Marshall, cầu không vận tiếp tế Bá Linh, hay chương trình viện trợ cho Hy Lạp, hay ở Á Đông trong chiến tranh Cao Ly. Chính sách này về sau thất bại ở Việt Nam, nhưng điều đó không hẳn chứng tỏ sự sai lầm. Thực ra việc áp dụng chính sách một cách thô bạo, vụng về ở Việt Nam đã mang lại những kết quả tai hại

https://tieulun.hopto.org

và làm cho người ta quên mất ảnh hưởng rộng lớn của một chủ trương đã từng mang lại kết quả khả quan ở những nơi khác. Nếu chỉ nói về bản chất chính sách ngăn chặn, thì người dân Hoa Kỳ cũng có thể tự hào là đã góp phần hữu ích vào việc giúp đỡ một số dân tộc trên thế giới.

Trong hai thập niên 60 và 70, những kẻ chỉ trích chiến tranh lớn tiếng cho rằng không những sự can thiệp của Mỹ sai lầm mà còn vô luân nữa. Theo họ, cuộc chiến ở Việt Nam là một nội chiến, vì vậy sự can thiệp của Mỹ là một hành động gây hấn đối với những người đang tranh đấu để tự giải thoát khỏi một chế độ áp bức và để thống nhất xứ sở theo nguyện vọng của đại đa số người Việt. Tôi tin rằng sở dĩ lập luận này đứng vững được trong một thời gian, là vì đã hấp dẫn được những tầng lớp đang bất mãn với chính phủ và ngay cả với xã hội của họ. Họ lợi dụng vấn đề Việt Nam để có lý do tiếp tục bày tỏ sự phẫn nộ của họ. Thực ra, đối với những người hiểu biết kỹ thuật của Cộng Sản khi họ dùng những tổ chức bù nhìn làm bình phong, thì rõ ràng Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam là con đẻ và công cụ của đảng Cộng Sản Bắc Việt. Nếu không có sự yểm trợ, tiếp tế, lãnh đạo của Bắc Việt và từ năm 1964 trở đi, nếu không có bộ đội chính quy Bắc Việt, thì đã không có cách mạng và cũng không có cả chiến tranh quy mô nữa. Một trong những thất vọng lớn nhất của tôi mặc dầu có đủ những chứng cớ hiển nhiên, khó có thể chối cãi, miền Nam Việt Nam đã không soi sáng cho đa số người Tây Phương để họ nhìn rõ sự thật. Thường tình, con người chỉ dễ thấy những điều muốn thấy mà thôi!

Sau khi chiến tranh chấm dứt, khi không cần phải tuyên truyền nữa, thì đảng Cộng Sản Hà Nội đã tự lột mặt nạ của họ. Trong bài diễn văn chiến thắng năm 1975, Lê Duẩn tuyên bố: "Đảng chúng ta là cơ quan lãnh đạo, độc nhất, duy nhất đã tổ chức, kiểm soát và điều động toàn bộ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam từ ngày đầu cuộc cách mạng". Trước 1975, Hà Nội không bao giờ nhìn nhận đã gửi quân vào miền Nam và ngay cuộc hòa đàm Ba Lê, đối với Kissinger, Lê Đức Thọ cũng vẫn lấy vải thưa che mắt thánh, không đả động gì đến vấn đề, nhưng về sau đảng Cộng Sản Hà Nội lại coi sự che đậy này là một mưu cao và tỏ ra tự đắc về sự thành công của họ trong việc phỉnh lừa dư luận quốc tế. Trong một cuộc phỏng vấn do đài truyền hình Pháp thực hiện năm 1983, một tướng Bắc Việt là Võ Bân có nói: "Tháng 5 năm 1959, tôi có vinh dự được đảng Cộng Sản Việt Nam chỉ định sửa soạn một cuộc tấn công quân sự vào miền Nam để giải phóng miền Nam và thống nhất tổ quốc". Vào thời kỳ sôi

https://tieulun.hopto.org

nổi nhất của phong trào phản chiến, tôi lấy làm lạ về sự ngây thơ của đa số bị lôi cuốn theo và bây giờ tôi vẫn còn thắc mắc không biết có lúc nào họ ngượng ngùng về sự nông nỗi, dễ tin, hay sự đồng lõa của họ với Cộng Sản không? Nhưng bây giờ thì họ không còn lên tiếng nữa. Dầu sao, thời kỳ ấy cũng chỉ là một đoạn đường ngắn trong đời sống của họ, cũng như chiến tranh ở Việt Nam chỉ là một trang sách trong lịch sử của Hoa Kỳ mà thôi.

Những người chống chiến tranh còn trách rằng: Hoa Kỳ đã sai lầm khi ủng hộ một chế độ miền Nam vừa tham nhũng vừa thiếu dân chủ. Công bằng mà nói, thì khi đem so sánh hai miền Nam Bắc, quan sát viên vô tư nào cũng phải công nhận là chế độ miền Nam có tệ đến đâu chăng nữa thì cũng không phải địa ngục. Thực trạng miền Bắc đã chứng tỏ điều đó, cả chục năm sau khi Cộng Sản thắng trận. Các chính quyền miền Nam không phải là trong sạch và xã hội miền Nam không thiếu tệ nạn, nhưng quảng đại quần chúng không đến nỗi đói rách như ở miền Bắc suốt mấy chục năm, và cũng chẳng có những thảm cảnh chà đạp nhân quyền và tàn hại nhiều tầng lớp như trong vụ Nhân Văn Giai Phẩm và Cải Cách Ruộng Đất.

Nếu xét khách quan và thiết thực, thì sự sai lầm không nằm trong chủ trương hay nguyên tắc can thiệp mà ở đường lối hay cách thức can thiệp, nhưng là hành động thế nào để can thiệp hữu hiệu.

Trong cuốn sách này, trên đây tôi đã trình bầy trong chi tiết diễn tiến đưa tới việc đổ quân vào Việt Nam. Điểm đáng tiếc nhất về diễn tiến này (mà chính ông Bundy gọi là hỗn độn và mập mờ, không rõ rệt) là thái độ thiếu hiểu biết của những nhân vật hữu trách Hoa Kỳ đối với đồng minh của họ. Ngay ở những cấp cao nhất của chính quyền Hoa Kỳ, dường như ai cũng coi nhẹ vấn đề tham khảo ý kiến của chính phủ Việt Nam. Với một tâm trạng có lẽ ngay thẳng nhưng ngây thơ, lại vừa quá tự tin vừa thiếu kiên nhẫn, người Mỹ nghiễm nhiên nhập cuộc và nắm quyền chủ động. Từ khi can thiệp trực tiếp bằng quân sự cho đến lúc chót, hầu như người Mỹ muốn coi cuộc chiến là của họ, và muốn người Việt cứ để mặc họ làm theo ý họ.

Nếu từ 1965, Hoa Kỳ chịu hỏi ý kiến và lấy thỏa hiệp của Việt Nam trước khi có những quyết định quan trọng, thì cục diện có thể đã khác. Chính phủ Việt nam có thể yêu cầu hạn chế quân số Mỹ và thời gian đồn trú, rồi chỉ yểm trợ Việt Nam bằng không lực hoặc tiếp cứu ở trường hợp nguy cấp, và nhất là xúc tiến huấn luyện và canh tân trang bị. Tóm lại là sớm Việt Nam hóa thay vì tham chiến ồ ạt. Ngoài ra, một thỏa hiệp giữa Hoa Kỳ, Lào và Việt Nam cho phép

https://tieulun.hopto.org

Hoa Kỳ trú đóng làm hàng rào chạy băng qua Lào và Việt Nam theo vĩ tuyến 17 rất có thể thực hiện vào thời đó.

Một kế hoạch đơn giản như vậy có thể thành công được chăng? Đó là một trong vô số những câu hỏi về chiến tranh Việt Nam mà không ai trả lời được. Nhưng một chiến lược gia Hoa Kỳ, đại tá Harry Summers trong cuốn "Bàn về chiến lược" (On Strategy) cho rằng kế hoạch có thể đưa tới thành công vì mục tiêu hợp lý duy nhất của quân đội Hoa Kỳ ở Việt Nam chỉ có thể là cô lập chiến trường, không để Bắc Việt tiếp viện cho những đơn vị của họ ở miền Nam. Dầu có những biến chuyển bất ngờ, kế hoạch này ít nhất cũng có ưu điểm là cho thấy rõ: Hoa Kỳ hạn chế sự can thiệp, chỉ nhằm mục đích bảo vệ miền Nam bằng cách ngăn chặn sự xâm nhập của quân đội Bắc Việt. Biết đâu Hoa Kỳ chẳng giảm được số thương vong của mình trong cuộc chiến và tránh được việc xử dụng hỏa lực một cách bừa bãi, khiến dư luận quốc tế chống đối mãnh liệt?

Trên bình diện chính trị cũng thế. Chính sách can thiệp nửa chừng của Hoa Kỳ vào chính trị nội bộ của Việt Nam, nay có mai không, tiền hậu bất nhất, nhiều khi làm cho người Việt Nam không hiểu Hoa Kỳ muốn gì, cổ võ dân chủ hay duy trì ổn định? Hoa Kỳ không bao giờ theo đuổi một chính sách liên tục nhằm khuyến khích việc xây dựng chế độ dân chủ ở miền Nam Việt Nam, điều đó không phải là không thực hiện được. Trong những năm 1966 và 1967, mặc dầu chiến tranh vẫn tiếp diễn và mặc dầu những bước đầu vẫn còn chập chững và thiếu sót về đủ mọi mặt, miền Nam cũng đã bầu được một Quốc Hội Lập Hiến để đưa ra một Hiến Pháp, bầu được Thượng Viện, Hạ Viện và Tổng Thống, Phó Tổng Thống cùng những cuộc bầu cử địa phương. Đó là những thành quả đáng kể. Thực ra, bị chỉ trích bởi dư luận Hoa Kỳ, chính phủ Johnson lúc đó muốn tô điểm cho bộ mặt của miền Nam nhiều hơn là thực sự đeo đuổi mục đích cổ võ cho dân chủ.

Chiến tranh kéo dài, thời cuộc biến đổi, rồi với sự chuyển quyền từ chính phủ Johnson sang chính phủ Nixon, chính sách của Hoa Kỳ cũng dần dần thay chiều, bắt đầu tìm cách rút khỏi bãi lầy ở Việt Nam. Và cũng từ những ngày đó Hoa Kỳ theo đuổi một giải pháp điều đình cho cuộc chiến. Hai ông Nixon và Kissinger bầy ra một ván cờ rộng lớn trên chính trường quốc tế và vận dụng đủ mọi phương thức, từ tiếp xúc bí mật cho đến vận động ngoại giao, từ áp lực quân sự cho đến tăng cường đồng minh. Trong bối cảnh đó, miền Nam dân chủ hay không dân chủ không còn là vấn đề đối với Hoa Kỳ nữa. Tham nhũng, chèn ép đối lập, hay đời sống hàng ngày khó khăn,

https://tieulun.hopto.org

cũng không phải là mối quan tâm của Hoa Kỳ, miền sao có được ổn định chính trị để người Mỹ rảnh tay điều đình là đủ.

Mang tiếng là tham nhũng và thiếu dân chủ, miền Nam Việt Nam càng ngày càng bị lên án là không xứng đáng được Hoa Kỳ ủng hộ, trong khi đó thì ngay ở Việt Nam nhân tâm cũng trở thành thờ ơ với cuộc chiến đấu sống còn. Dĩ nhiên làm áp lực đối với một nước bạn để thực hiện cải cách là việc không dễ, đòi hỏi nhiều tế nhị, nhưng một cường quốc lớn như Hoa Kỳ với tất cả thế lực khuynh đảo mà không làm được việc đó, thì thật uổng và rất đáng tiếc. Một nhà báo Hoa Kỳ, ký giả kỳ cựu của tờ New York Times, ông Charles Mohr, trong một cuộc hội thảo về Việt Nam có đưa ra một nhận xét về vấn đề này: "Chúng ta thất bại ở Việt Nam, không phải vì chúng ta không vận dụng đầy đủ áp lực đối với kẻ thù mà chính vì không gây đủ áp lực đối với đồng minh của chúng ta".

Chính sách của Hoa Kỳ không những thiếu tính cách liên tục mà còn thiếu cả tế nhị đối với nước bạn, vì vậy nên nhiều người có cảm tưởng như Hoa Kỳ chỉ cần đồng minh về bề ngoài, rồi cứ tự mình quyết định mọi việc. Hoa Kỳ ít có đầu óc thực dân và cũng không có ác ý. Nhưng vì quá mạnh, quá cồng kềnh, nên bộ máy của họ có thể ví như một chiếc xe ủi đất khổng lồ. Một khi xe đã chuyển bánh thì những chướng ngại vật lớn hay nhỏ đều bị gạt ra bên lề. Ở đây tôi không có ý ám chỉ đến hàng ngàn những người Hoa Kỳ đã tận tình giúp Việt Nam, nhưng tôi muốn nói đến chính sách Hoa Kỳ mà nhiều người cho là quá trừu tượng, chỉ nghĩ đến những khía cạnh địa dư chính trị (geo-politic) của cuộc chiến mà không nghĩ đến những hậu quả đối với người Việt. Điều này người Việt nhìn thấy qua lối họ đổ quân vào miền Nam cũng như qua lối họ rút ra khỏi cuộc chiến. Trong tất cả các giai đoạn tham chiến của Hoa Kỳ, từ trực tiếp can thiệp đầu năm 1965, cho đến Mỹ hóa chiến tranh, Việt Nam hóa chiến tranh và kết liễu chiến tranh, thì giai đoạn chót được ghi một cách sâu đậm nhất vào tâm khảm người dân miền Nam.

Rút ra khỏi cuộc chiến tự nó không phải là một điều đáng phải thắc mắc. Hoa Kỳ cũng đã chiến đấu cam go và nhiều năm ở Việt Nam, nếu hoàn cảnh buộc rút lui, thì quyết định ấy chỉ là một thảm kịch, chứ chưa phải là điều khiến người Mỹ phải hổ thẹn. Nhưng người ta không cảm nghĩ như vậy khi nhìn vào thái độ lươn lẹo và cách đối xử nhẫn tâm của chính phủ và Quốc Hội Hoa Kỳ trong mấy năm sau cùng của cuộc chiến. Và đây chắc chắn không phải là những giờ phút vinh quang của Hoa Kỳ. Đây cũng là một bài học cho những nước nhỏ cần phải trông cậy vào Hoa Kỳ.

https://tieulun.hopto.org

Riêng về trường hợp của ông Kissinger, người đóng vai chủ chốt trong cuộc hòa đàm đưa tới Hiệp Định Ba Lê, người ta có thể thông cảm cho ông. Trong một hoàn cảnh vô cùng phức tạp, ông đã phải xoay xở để đối phó với đủ mọi đối tượng: những người Cộng Sản miền Bắc, những người Quốc Gia miền Nam, Liên Bang Xô Viết, Trung Cộng và ngay cả với Tổng Thống của ông là ông Nixon. Nhưng người ta cũng không thể quên được là ông đã tự giao cho mình một trọng trách quá nặng là thương thuyết để bênh vực không những cho quyền lợi Hoa Kỳ, mà còn cho cả sự sống còn của miền Nam. Tuy nhiên, ông đã không nói chuyện thẳng thắn với Việt Nam Cộng Hòa. Ông và ông Nixon thừa biết rằng ông Thiệu không làm được gì nếu không có sự ủng hộ của Hoa Kỳ, nhưng hai ông đã chọn một phương thức không cần thiết, giữ kín mọi chuyện đến giờ phút chót, để rồi dùng thủ đoạn ép buộc, vừa bằng những lời đe dọa tàn nhẫn vừa bằng những lời hứa hẹn mà rồi đây Hoa Kỳ không giữ nữa.

Rất có thể cả hai ông Nixon và Kissinger đều tin tưởng đã đạt được một thỏa hiệp có khả năng tồn tại hoặc tối thiểu cũng đạt được những điều kiện tốt nhất trong tình thế khó khăn lúc ấy, nhưng dầu có thật như vậy, thì cách xử sự của Hoa Kỳ cũng không phải là của một đại cường quốc. Tôi có thể ngây thơ, mong mỏi những điều không thực tế trên chính trường quốc tế, nhưng tôi vẫn nghĩ rằng, về sau này khi người ta lên tiếng ca ngợi tính độc đáo của chính sách ngoại giao do hai ông Nixon và Kissinger chủ trương, nhằm mục đích tạo thế quân bình giữa các cường quốc trên thế giới, người ta cũng phải nhận thấy là hai ông đã quên hẳn yếu tố con người trong mọi việc. Chính sách nào chăng nữa thì rút cuộc người dân ở mọi nơi vẫn là những người phải hứng chịu hậu quả.

Chính sách của Hoa Kỳ là do chính phủ hoạch định nhưng có phương tiện để thi hành không, điều đó còn tùy thuộc vào Quốc Hội Hoa Kỳ. Vì vậy mà hai ông Nixon, Kissinger và một số người khác đã biện luận là nếu chính phủ Hoa Kỳ không bị Quốc Hội Hoa Kỳ bó chân bó tay, thì Hiệp Định Ba Lê cũng có cơ đứng vững. Đúng hay sai, không ai chứng thực được, nhưng trên thực tế thì thái độ của Quốc Hội Hoa Kỳ vào những năm 1973, 74 và 75 quả đã đóng góp một phần không nhỏ vào việc rút lui của Hoa Kỳ và sự thất trận của miền Nam Việt Nam. Mặc dầu họ đã nói nhiều đến tinh thần trách nhiệm và sự cần thiết phải giữ chữ tín trong lời hứa, trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến, những Thượng Nghị Sĩ và Dân Biểu Hoa Kỳ đã nhẫn tâm quyết định, không đếm xỉa gì đến sự sống chết của gần hai chục triệu dân ở miền Nam Việt Nam. Đặc biệt là họ đã quyết

https://tieulun.hopto.org

định như vậy vào lúc vấn đề không còn liên quan đến sinh mạng của người Mỹ nữa mà là chỉ giúp thêm miền Nam vài trăm triệu Mỹ kim nữa thôi.

"Có thể một quốc gia hùng mạnh như Hoa Kỳ hành động được như vậy không?" Một bạn tôi hỏi tôi câu này vào hồi cuối năm 1974 khi có tin là Quốc Hội Hoa Kỳ đã biểu quyết cắt giảm viện trợ cho Việt Nam. Anh ta là một chủ tiệm buôn, bạn từ thuở thiếu thời ở miền Bắc, một người hoàn toàn không liên quan gì đến chính trị. Anh ta nói: "Anh đã đi làm Đại Sứ, có lẽ anh hiểu rõ những việc đó hơn tôi, anh có thể giải thích cho tôi hiểu thái độ của người Mỹ không? Khi họ muốn đến thì họ cứ đến, khi họ muốn ra đi thì họ ra đi. Chẳng khác gì một người láng giềng đến nhà mình, gây tan hoang rồi bỗng nhiên nhận ra đó là một lỗi lầm rồi thản nhiên bỏ ra về. Tại sao một cường quốc có thể làm như vậy được?" Đó là câu hỏi thật thà của một người chất phác, nhưng tôi không làm sao trả lời được và tôi nghĩ rằng những ông Fulbright, McGovern và tất cả những người phản chiến khác cũng không ai trả lời được.

Nói cho cùng thì không phải chỉ có họ là người có lỗi, khi họ cho rằng họ biết tất cả sự thật về chiến tranh Việt Nam. Đặc biệt là những người cầm quyền có trách nhiệm trực tiếp trong cuộc chiến hay ngay cả những nhà báo theo dõi cuộc chiến, ai cũng tưởng là mình biết rõ sự thật theo con mắt chủ quan một chiều của mình. Muốn biết sự thật, người ta phải hỏi hàng triệu gia đình đã phải gánh chịu những thống khổ khủng khiếp do cuộc chiến gây ra. Những gia đình không may này chỉ hiểu một cách mơ hồ những tai họa xảy ra cho họ. Sự thật về trận chiến tranh ở Việt Nam đã được chôn vùi cùng với các nạn nhân của cuộc chiến, với những người đã chết và với cả những người vẫn phải còn phải sống dưới một chế độ hứa hẹn thiên đường nhưng chỉ mang lại nghèo đói, lừa dối và áp bức.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Chương 37
Thay Lời Kết, Lịch Sử Còn Dài

Trong cuốn sách bằng Anh ngữ *In The Jaw of History* được viết từ năm 1985, tôi đã dùng chương 36 trên đây, chính yếu là để trả lời một số lập luận sai lầm của các nhóm thiên tả hay phản chiến trong dư luận Hoa Kỳ về cuộc chiến tại Việt Nam. Tôi xin nhắc lại bối cảnh đó ở đây, trước khi đi sâu hơn vào hoàn cảnh của Việt Nam, khi trang sử thời 45-75 đã được giở qua.

Tiếng súng đã chấm dứt từ 1975, nhưng trong các cuộc hội thảo về chiến tranh Việt Nam từ đầu thập niên 80 mà tôi có dịp tham dự, nhiều người, đặc biệt trong giới giảng dạy tại các Đại Học Mỹ, vẫn tiếp tục duy trì và bào chữa cho lập trường của họ, mặc dầu nhiều chứng cớ cụ thể sau cuộc chiến đã chứng tỏ họ sai lầm. Vì danh dự chung của người Việt, tôi nghĩ rằng cần phải trả lời những luận điệu này, và đó là lý do thúc đẩy tôi viết cuốn *In the Jaws of History*. Chương 36 của cuốn đó đã một phần nào tóm lược quan điểm của tôi khi nhìn lại sự can thiệp của Hoa Kỳ vào Việt Nam trong ba thập niên từ 1945 đến 1975.

Vì mục tiêu chủ yếu là nêu ra một số sự thực trong quá khứ, để trả lời nhiều lập luận sai lầm, cuốn sách bằng Anh ngữ thực ra thiếu phần nhận xét hay suy tư về một số vấn đề vẫn thường là mối ưu tư chung của mọi người trong chúng ta, mỗi khi nói đến tương lai của đất nước. Cuốn sách chỉ gồm có một số cảm nghĩ và trình bầy cái nhìn có giới hạn và rất sơ lược của tôi về những gì đã được nhìn thấy từ lúc mới lớn lên, và đặc biệt về chính sách của Hoa Kỳ trong thời kỳ can thiệp vào Việt Nam. Từ ngày chiến tranh chấm dứt cho tới nay đã hơn 20 năm, một khoảng thời gian khá dài để cả một thế hệ người Việt ra đời, trong khi đó, cục diện thế giới đã thay đổi và tại Việt Nam, tình hình cũng khác trước.

Trên bình diện quốc tế, sự sụp đổ của hầu hết các chế độ Cộng Sản ở Đông Âu, và bất ngờ hơn nữa, sự tan rã của Liên Bang Xô Viết, thành trì của cả khối Cộng Sản Quốc Tế từ hơn 70 năm, đã thay đổi hoàn toàn cán cân lực lượng giữa hai khối Đông Tây. Chiến tranh lạnh đã kết thúc, thế lưỡng cực đã tan biến, và còn lại chỉ có Hoa Kỳ, nay được xếp vào hạng siêu cường quốc về cả phương diện quân sự và kinh tế.

https://tieulun.hopto.org

Đồng thời với, và có thể là một phần động lực của những biến chuyển lịch sử trên đây, những tiến bộ về kỹ thuật điện tử từ hai thập niên trở lại đây, đã đưa một phần rất lớn nhân loại vào thời đại thông tin nhanh chóng chưa từng thấy. Sự việc đó cũng đã khiến các chế độ độc tài không còn ngăn cấm được người dân trong nước đón nhận những tin tức hay trào lưu tư tưởng tiến bộ của thế giới bên ngoài như tự do, nhân quyền và dân chủ. Và cũng vì những tiến bộ này mà ngày nay hầu hết mọi vấn đề đều có tính cách toàn cầu, và không ai còn nói tới nền kinh tế của một nước (dầu lớn như Hoa Kỳ) hay một khối (như khối Liên Hiệp các nước Âu Châu), mà phải nói đến kinh tế toàn cầu.

Chế độ Cộng Sản ở Việt nam cũng không thoát khỏi ảnh hưởng của những thay đổi mọi mặt ở thế giới bên ngoài, để sống còn, từ cuối thập niên 80, họ đã phải từ bỏ những chủ trương lỗi thời của quá khứ để ngả theo khuynh hướng kinh tế thị trường, mặc dầu đây mới chỉ là những bước nửa chừng, chưa dứt khoát vì vẫn sợ mất độc quyền chính trị đang có trong tay.

Vốn đã bi quan về tình hình đất nước vì biết rõ bản chất của chế độ Cộng Sản, và hiểu rõ việc xoay đổi lại thời cuộc chống lại chế độ độc tài chuyên chính này không phải là dễ sau khi họ chiếm lĩnh miền Nam, tôi lại còn buồn hơn nữa vì những sự thật được phát giác về sau. Người dân không những bị nhồi sọ, kìm kẹp, một nguyên nhân chính khiến miền Bắc đã bị đoàn ngũ hóa và động viên cho cuộc chiến xâm lược miền Nam, họ còn phải sống rất cơ cực trong những năm chinh chiến. Sau 1975, cuộc sống của toàn thể mọi người đã không được cải tiến, mà hàng trăm ngàn người miền Nam lại còn bị cầm tù, ngược đãi tàn tệ hay bị chế độ Cộng Sản cố tình hạ nhục trong các trại cải tạo. Tâm trạng đau buồn đó của tôi đã phần nào được ghi lại trong cuốn *In the Jaws of History*. Từ thời điểm đó đến nay, những đổi thay cũng cần được ghi nhận thêm, vì có thể báo hiệu cho nhiều chuyển động khác trong tương lai.

Trong những năm 1989 đến 1991, khi bức tường Bá Linh sụp đổ, thành trì của khối Cộng Sản Quốc Tế bắt đầu vỡ vụn: trước hết là các chế độ Cộng Sản ở Đông Âu theo nhau sụp đổ, rồi đến lượt Liên Bang Xô Viết bị tan rã. Cuối năm 1991, tôi có dịp viếng thăm Tiệp Khắc, Hung Gia Lợi và Ba Lan, tìm hiểu về những lý do đưa đến sự sụp đổ nhanh chóng của chế độ Cộng Sản ở những nước này, trong nhiều tuần lễ tôi tiếp xúc với nhiều giới khác nhau, nhất là với thế hệ các thanh niên đã sinh ra dưới chế độ Cộng Sản, do đó từ trước tới

https://tieulun.hopto.org

nay ít biết về thế giới bên ngoài, trong số có cả những sinh viên Việt Nam được Hà Nội gửi đi học ở ngoại quốc.

Qua những buổi tiếp xúc này, nhận xét đầu tiên của tôi là có lẽ trước đây tôi đã quá bi quan, nghĩ rằng những dân tộc đã bị Cộng Sản thống trị sẽ khó lòng thoát khỏi vòng kìm kẹp vì bị bưng bít, nhồi sọ với những hiểu biết sai trái và lại bị kiểm soát quá chặt chẽ, từ trong mỗi gia đình cho đến xóm làng, khu phố. Kinh nghiệm của chính lớp người trẻ này, theo như lời thuật lại của họ, cho tôi thấy rằng con người vẫn là còn người. Nếu được thấy những chân trời khác vòm trời Cộng Sản, ước muốn của con người vẫn là tự do, vẫn là dân chủ. Dân chủ đến mức nào, trong điều kiện cụ thể ra sao thì chưa ai rõ, nhưng ước vọng tự do thì rõ rệt là một nhu cầu tự nhiên. Nhờ vào thông tin nhanh chóng của thời đại tin học, không một dân tộc nào có thể bị bưng bít như thời trước nữa. Ngoài ra, một khi đã tỉnh ngộ thì người dân hết sợ hãi, và công an, mật vụ có tổ chức chặt chẽ đến mấy chăng nữa thì cũng có thể bị tràn ngập và phải bó tay thúc thủ. Trong trường hợp "cách mạng nhung" như ở thủ đô Tiệp Khắc, mọi việc xảy ra chỉ nội trong vài ngày, mặc dầu quân đội và công an của chế độ Cộng Sản Tiệp Khắc vẫn còn đó và ở các nước Cộng Sản Đông Âu khác, người ta cũng thấy những diễn biến tương tự kéo sụp đổ nhà cầm quyền.

Đột biến lịch sử là chuyện không ai ngờ tới. Ai là người có thể đoán trước được, rằng chỉ trong vòng thời gian chưa tới hai năm, cả một khối những nước Cộng Sản Đông Âu và Liên Xô lại sụp đổ? Trong lịch sử, người ta thấy nhiều biến động xảy ra từ những chuyện không đâu. Tại Việt Nam cũng vậy, vì cái "nhân" của sự sụp đổ đã sẵn có, nếu có thêm được cái "duyên" thì chuyện bất ngờ rất có thể xảy ra. Nhưng ngay cả trong trường hợp không có chuyện gì bất ngờ, thì chỉ nhìn vào những biến chuyển tự nhiên của con người từ thế hệ này qua thế hệ khác để thích ứng với thực tế khách quan của thế giới bên ngoài, chúng ta cũng có thể tin tưởng hơn vào tương lai của dân tộc. Dầu có muốn cưỡng lại, nhà cầm quyền Cộng Sản cũng không thể cản nổi đà tiến hóa tự nhiên đó.

Thành thực mà nói, thì sau chuyến viếng thăm Đông Âu và được nhìn tận mắt những gì đả xảy ra ở những nước trong vùng ấy, những cảm nghĩ của riêng tôi có phần lạc quan hơn trước. Ngay sau khi chiến tranh chấm dứt, nhất là vào lúc hàng triệu người Việt phải bỏ nước ra đi, trong khi đó hàng trăm ngàn người khác phải chịu cảnh lao tù, khổ nhục trong các trại cải tạo, quả tôi có trải qua một thời kỳ bi quan và ngờ vực. Nhưng lúc này, có lẽ bớt bị ám ảnh bởi quá khứ

https://tieulun.hopto.org

và hướng về tương lai nhiều hơn, ngoài ra lại còn thêm được nhiều bài học mới, nên tâm trạng tôi cũng thay đổi, nhìn thấy ánh sáng nhiều hơn là bóng tối và nghĩ rằng những thay đổi theo chiều hướng tốt đưa tới tự do và dân chủ ở Việt Nam chỉ còn là vấn đề thời gian.

Sau khi thất trận ở miền Nam, nếu vì lý do thất trận mà người Việt quốc gia có thể nghi ngờ về chính nghĩa của mình, thì ngày nay nhờ vào những gì đang xẩy ra ở Việt Nam, và đã xẩy ra trên thế giới, chính nghĩa đó càng ngày càng sáng tỏ. Trong đời sống của một dân tộc, và đặt vào chiều dài lịch sử, thời gian vài ba chục năm thực ra chỉ là một khoảnh khắc: "Đất có tuần, dân có vận", các cụ mình xưa đã dạy như vậy. Chỉ tiếc rằng, khi theo đuổi một chủ thuyết không tưởng, những người Cộng Sản đã đẩy cả dân tộc vào một cuộc chiến không cần thiết về nhiều phương diện, làm tiêu hao tiềm lực của nhiều thế hệ người Việt ở trên cả hai miền.

Ngoài ra, nếu có suy ngược về những mục tiêu đã khiến người Việt Nam tranh đấu trong cả thế kỷ nay, thì độc lập là một khát vọng chung của mọi người. Và giải pháp của người Cộng Sản cuối cùng cũng được coi như đã thành hình. Nhưng điều đó có là độc lập thật sự chăng, khi mà ngày nay nhiều kế sách hay dự án, dù là do Hà Nội thi hành, cũng nằm ngoài phạm vi quyết định của người Việt Nam hay của chính những người lãnh đạo ở Hà Nội? Thứ nữa, liệu có phải chỉ có người Cộng Sản mới đem lại độc lập cho quốc gia không? Sau Thế Chiến II, nhiều quốc gia trên thế giới từng bị thực dân cai trị đã giành lại được độc lập sớm hơn Việt Nam hàng chục năm mà cũng không phải theo đường lối Cộng Sản, và khi so sánh với các quốc gia đó thì tình trạng đói khổ và thua kém của Việt Nam chứng tỏ rằng dân tộc Việt Nam đã phải trả một giá quá đắt khi bị đẩy vào đường lối của những người Cộng Sản. Hơn nữa, và nói cho cùng thì hạnh phúc con người cũng là mục tiêu, và phải là mục tiêu tối hậu. Nền độc lập của Cộng Sản không đem lại hạnh phúc, vì người dân vẫn phải sống trong bần cùng đói khổ. Họ không những không có tự do mà còn bị áp bức nghiệt ngã hơn cả dưới thời ngoại thuộc. Nền độc lập đó chỉ có giá trị hình thức, mà nỗi đau và sự lụn bại của dân tộc thì là một thực tế bi đát.

Trong mấy chục chương của cuốn sách này, tôi nghiệm thấy một điều chua xót, đó là người Việt quốc gia luôn luôn bị đặt vào những trường hợp éo le khó xử. Hợp tác với Cộng Sản thì không xong, ở với Cộng Sản cũng không được, mà tạm thỏa hiệp với Pháp thì khổ tâm và mang tiếng, đến khi nhờ cậy Hoa Kỳ thì cũng chẳng thành. Viết như vậy, tôi không có ý bào chữa cho lỗi lầm của những

https://tieulun.hopto.org

người từng lãnh đạo miền Nam. Nhưng dựa vào những lỗi lầm đó để nói rằng xã hội miền Nam thối nát và lên án tất cả những người sống ở miền Nam là tay sai cho ngoại bang, hay tham nhũng, thì là điều bất công và không đúng. Khi miền Nam thất trận thì những người ở vị trí càng cao càng có trách nhiệm nặng. Nhưng không phải chỉ có họ mới là người có trách nhiệm. Khi "quốc gia hưng vong" thì đến người "thất phu cũng hữu trách", cho nên chúng ta không nên đơn giản trút hết trách nhiệm cho cá nhân người này hay người khác. Trách móc hay công kích nặng nề bằng những lời lẽ quá đáng không mang lại lợi ích gì, mà chỉ làm giảm thiểu công lao của đại đa số những người miền Nam đã tuần tự và kiên nhẫn trong 30 năm, để xây dựng được một quốc gia có quy củ và nề nếp không thua kém gì những nước đã từng ở vào cùng cảnh ngộ ngay sau Thế Chiến II, hay làm lu mờ những sự hy sinh anh dũng của hàng trăm ngàn chiến sĩ trong Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa. Trên thế giới, trong số các quân đội thua trận, có được bao nhiêu tướng tá hay binh nhì đã tuẫn tiết để khỏi bị rơi vào tay địch. Tôi nghĩ đến trường hợp của các tướng Nguyễn Khoa Nam, Trần Văn Hai, Lê Văn Hưng, Phạm Văn Phú, Lê Nguyễn Vỹ, của đại tá Hồ Ngọc Cẩn, Tỉnh Trưởng Chương Thiện, nhưng còn biết bao trường hợp của những quân nhân không tên khác?

Ngay cả đối với Hoa Kỳ cũng vậy, chúng ta nên có thái độ bình tĩnh và công bằng hơn. Trong suốt thời gian can thiệp vào Việt Nam, các chính quyền kế tiếp của Hoa Kỳ đã có nhiều lỗi lầm. Đây là những lỗi lầm tai hại cho cả Hoa Kỳ lẫn Việt Nam, và chính người Mỹ ngày nay cũng không phủ nhận. Tuy nhiên, không nên vì những lỗi lầm đó đó mà kết luận rằng dân tộc Hoa Kỳ đã cố tình bắt tay với Cộng Sản, phản bội miền Nam Việt nam. Thất bại của Hoa Kỳ nằm trong phần thực hành nhiều hơn là trong mục tiêu hay bản chất của chính sách can thiệp. Ngoài ra, những mâu thuẫn trong chính sách Hoa Kỳ không phải chỉ có trong thời kỳ chiến tranh Việt Nam. Ngay cả thời nay, trong rất nhiều trường hợp, chính sách Hoa Kỳ cũng đầy những mâu thuẫn, và hàng ngày theo dõi đời sống của "xã hội cởi mở" Hoa Kỳ, chúng ta cũng có thể thấy rõ điều đó.

Nhìn một cách khác, thì trong cái may cũng có cái rủi, và ngược lại... Trong quá khứ, miền Nam may mắn được Hoa Kỳ, một nước giàu mạnh và có truyền thống tự do dân chủ, hỗ trợ cho cuộc chiến vì tự do của mình, nhưng điều không may là lại gặp phải một đồng minh quá lớn, thiếu tinh tế. Sau khi chủ quan ôm lấy mọi việc để giải quyết theo phương cách của mình, và thấy làm không xong, đồng minh đó chán nản bỏ cuộc. Công bằng mà nói, nếu không kể đến

https://tieulun.hopto.org

những ảnh hưởng xấu của sự can thiệp, kể cả tính chất quá đáng của một nền văn minh vật chất không phù hợp với phong tục tập quán của người Việt Nam, thì trong hơn hai thập niên, mức sống của người dân miền Nam cũng phần nào được cải thiện nhờ nguyên tắc tự do kinh tế, và cả những khoản viện trợ của Hoa Kỳ khi chiến cuộc lan rộng và gây cản trở cho việc sản xuất. Chính không khí sinh hoạt cởi mở và thoải mái của miền Nam trong hơn 20 năm từ đó đã khiến miền Nam lúc này đang là đầu máy kinh tế tạo ra nhiều đổi thay ở trong nước.

Dầu sao thì sự can thiệp của Hoa Kỳ phải được coi là một bài học cho dân tộc và các nhà cầm quyền Việt Nam về sau này... Tiếc thay người mình không mấy ai chịu khó nhìn vào những lỗi lầm của mình trước khi nhìn vào lỗi lầm của người. Ngoài ra, một số người lại còn thêm một tật xấu khác. Khi nguyền rủa người Mỹ thì không hết lời, và bất kể sự thật hay công bằng, nhưng khi chạy theo người Mỹ thì cũng hết mình, không cần biết bản chất bất trắc của chính trị Hoa Kỳ ra sao. Hoa Kỳ là một siêu cường quốc giàu mạnh, có nhiều ảnh hưởng trên bàn cờ quốc tế, một xã hội cởi mở, có truyền thống dân chủ, tôn trọng nhân quyền. Nếu nhờ vả được họ để nâng cao đời sống người dân và thực thi dân chủ thì không nên bỏ qua cơ hội. Nhưng đồng thời cũng phải hiểu rõ tính chất phức tạp và thường xuyên thay đổi của xã hội và chính trị Hoa Kỳ. Nên nhớ rằng kèm theo với bất cứ một sự trợ giúp nào cũng có những ràng buộc, vả lại không phải bất cứ thứ gì của Hoa Kỳ cũng là hoàn hảo tốt đẹp hay phù hợp với xã hội mình. Từ thể chế chính trị cho đến lối sống, Hoa Kỳ không nhất thiết đã là mẫu mực để người Việt Nam nhắm mắt bắt chước. Những bài học đó, giờ đây hẳn đã phải rõ ràng hơn cho mọi người trong chúng ta, sau khi cả triệu người đã có cơ hội sinh sống tại đây.

"Hết cơn bĩ cực, đến hồi thái lai". Từ đầu thập niên 40 đến nay, trong hơn nửa thế kỷ, Việt Nam đã phải chịu quá nhiều cơ cực, và khi bóng đêm đang trở thành đen đặc nhất, có lẽ trời cũng bắt đầu bừng sáng. Trong những năm gần đây, dầu cho nhà cầm quyền Cộng Sản buộc lòng phải "đổi mới", thì chính việc "đổi mới" đó cũng đưa đến nhiều đổi thay ngoài ý muốn của họ. Nói chung, người dân có đời sống dễ thở hơn trước, nên cũng có nhiều giải pháp ứng phó trước đây khó có thể mường tượng được. Nói một cách cụ thể hơn, người dân không còn sợ hãi chế độ như trước nữa, một khi họ trông thấy những biện pháp hòa giải nửa vời của chế độ đưa dẫn tới những bất công, họ chống đối để công khai bầy tỏ sự bất mãn. Những vụ biểu tình phản kháng như ở Thái Bình, Đồng Nai trong thời gian gần đây chính là hậu quả tự nhiên của một xã hội đang chuyển mình.

https://tieulun.hopto.org

Theo định nghĩa, đột biến là biến cố đột ngột xẩy ra ngoài sự tiên liệu của mọi người, như hiện tượng "cái xẩy nẩy cái ung" đã từng thấy trong lịch sử. Nhưng, ngoài biến cố bất ngờ đó, có một số yếu tố bất khả kháng cũng như đáng để chúng ta để ý. Nhà cầm quyền Cộng Sản sẽ khó có thể cưỡng lại khuynh hướng tự nhiên là phải nới lỏng sự kiểm soát người dân. Vì đã chót ngả theo kinh tế thị trường, chế độ chỉ có thể gặp hai ngả đường: hoặc là rơi vào khủng hoảng nếu thoái lui về tình trạng tập trung quản lý như trước, hoặc sẽ phải tiếp tục việc đổi mới và thu hẹp dần phạm vi kiểm soát người dân. Trong trường hợp thứ nhất, khủng hoảng kinh tế hay xã hội đều dẫn tới khủng hoảng chính trị vượt khỏi khả năng chống đỡ của nhà cầm quyền. Trong trường hợp thứ hai thì khi chế độ thu hẹp dần phạm vi kiểm soát, sức năng động của xã hội và lòng khao khát tự do của con người sẽ mở rộng ảnh hưởng của người dân trên hai phương diện kinh tế và chính trị, với hậu quả tất nhiên là quyền lực sẽ tuột dần khỏi tay nhà cầm quyền. Tất cả chỉ là vấn đề thời gian, mà cũng chẳng cần tới sự xâm nhập từ bên ngoài của những "thế lực thù địch" hay một âm mưu "diễn biến hòa bình" nào đó như nhà cầm quyền vẫn ưa tố cáo.

Đặt vấn đề của đất nước vào khung cảnh của những đổi thay nhất định như vậy, vấn đề dân chủ mà nhiều người ở trong và ngoài nước vẫn đang khát khao trông đợi thực ra là vấn đề lâu dài. Dân chủ phải là kết quả của cuộc đấu tranh và xây dựng liên tục, bền bỉ, và đòi hỏi sự kiên nhẫn lẫn tinh thần dung hợp của mọi người. Từ chỗ mong muốn và đòi hỏi đến chỗ thực thi dân chủ, người ta phải trải qua một chặng đường dài, và sẽ gặp nhiều chông gai trắc trở. Trước hết là phải có tinh thần tương nhượng và thực tập dân chủ ngay cả với những người theo đuổi cùng mục đích chung trên những ngả đường khác nhau. Ngoài ra, mọi người cũng cần hiểu, như cựu Thủ Tướng Anh Quốc Churchill đã nhận định: "Dân chủ chỉ là một thể chế ít tệ hại nhất trong số vài ba thể chế mà nhân loại đã thử nghiệm". Dân chủ không phải là chế độ hoàn hảo, lý tưởng, mà chỉ có thể hình thành sau nhiều giai đoạn thử nghiệm để dung hợp với tình trạng cụ thể của từng xã hội.

Trong suốt giai đoạn thử thách đó, Việt Nam cần có sự cởi mở về tâm lý để chấp nhận những dị biệt của một thế giới đa dạng và một xã hội đa nguyên, đồng thời cũng cần sự khai phóng kiến thức để tìm ra những phương pháp tốt đẹp nhất, hay nói một cách khiêm tốn hơn, ít tệ hại nhất, cho quốc gia và xã hội. Trong một thời gian quá lâu, người Việt Nam chỉ biết có đấu tranh, do đó dễ trở thành cực đoan, điều đó là một trở ngại lớn cho tinh thần dân chủ. "Tôi muốn có dân

https://tieulun.hopto.org

chủ, nhưng phải là dân chủ theo ý của tôi" là một phản ứng phá vỡ tinh thần cởi mở cần thiết cho dân chủ.

Về nhu cầu khai phóng trí tuệ, chúng ta cũng cần phải đồng ý với nhau rằng, muốn canh tân đất nước để theo kịp đà tiến hóa của nhân loại vào thế kỷ tới, Việt Nam cần nhiều "chất xám". Đào tạo chất xám cho xã hội phải là trọng tâm cố gắng của bất kỳ nhà cầm quyền nào trong tương lai trước mắt. Do những biến cố đau lòng mà cũng là ngẫu nhiên của thời cuộc, một số thanh thiếu niên theo cha mẹ ra ngoại quốc tị nạn từ hơn hai chục năm trở lại đây, nay đã thành tài và có cơ hội thực tập cũng như trưởng thành trong những xã hội tân tiến. Đó là chất xám quý báu cho tương lai xứ sở, nếu thế hệ trẻ này muốn trở về và có điều kiện để phục vụ một cách hữu hiệu.

Về ý muốn trở về thì tôi thấy có, vì trong những năm gần đây, qua những cuộc tiếp xúc với các thế hệ trẻ ở hải ngoại, tôi nghiệm thấy một điều rất phổ biến là, ngoại trừ một thiểu số thiếu sự hướng dẫn của cha mẹ quá bận rộn vì công việc làm ăn sinh sống, đa số tuổi trẻ Việt Nam đều tự nhiên khao khát làm một cái gì tốt đẹp cho Việt Nam. Thiện chí muốn đóng góp vào việc xây dựng quê cha đất tổ là một nguồn vốn tinh thần đáng mừng và đáng cổ võ. Nhưng còn điều kiện để cho thế hệ trẻ đó có thể đóng góp một cách thực sự hữu ích thì điều đáng buồn, là cho tới nay nhà cầm quyền trong nước chưa bao giờ đánh giá đúng mức nguồn vốn quý giá này của dân tộc đang sống ở hải ngoại. Họ chỉ nghĩ đến những biện pháp lợi dụng nhất thời, và còn có thái độ thiếu đạo đức, thiếu sáng suốt, đòi hỏi những người Việt ở hải ngoại phải chui qua cánh cửa chính trị của chế độ Cộng Sản. Họ chưa thoát khỏi được lý luận "yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa" nên chưa thể nào thuyết phục được mọi người góp phần vào công cuộc tái thiết và phát triển xứ sở.

Tuy nhiên, nếu nghĩ xa một chút thì những vấn đề trên đây cũng chỉ là những trở ngại giai đoạn mà thôi... Sự đổi thay tại Việt Nam cũng là một điều tất nhiên và sự đào thải của chế độ Cộng Sản cũng vậy. Trong khi đó thì vấn đề chấn hưng và canh tân đất nước vẫn còn nguyên vẹn ở đó. Qua những dịp đi nói chuyện tại các Đại Học Mỹ, tôi đã có nhiều cơ hội gặp gỡ lớp người trẻ Việt Nam và vui mừng nhận thấy họ rất quan tâm đến quê hương; họ thường mong muốn tìm hiểu về hiện tình đất nước, và điều có thể làm được mà cũng hết sức cần thiết, là giúp họ mở rộng phạm vi giao tiếp và cung cấp cho họ những tin tức chính xác và trung thực về tình hình Việt Nam. Rồi sau đó, cùng họ tổ chức những sinh hoạt nghiên cứu để sửa soạn cho tương lai. Hô hào chống cộng là một chuyện, nhưng sửa

https://tieulun.hopto.org

soạn cho tương lai lại là một chuyện cần hơn nữa, vì Việt Nam thời hậu Cộng Sản chắc chắn sẽ còn nhiều vấn đề cần được giải quyết.

Khi những trang sách này được khép lại, tôi cũng xin có lời tâm sự. Nếu trước đây hơn 20 năm, lúc phải bỏ nước ra đi tôi bi quan bao nhiêu thì giờ đây tôi lạc quan bấy nhiêu.

Tôi tin tưởng rằng trong một tương lai không xa, cơ hội sẽ đến với những người muốn đóng góp để xây dựng một nước Việt Nam thật sự tiến bộ và dân chủ, một xã hội công bằng và thịnh vượng cho mọi người dân Việt. Trang sử của thời 1945-1975 đã khép lại, nhưng đồng thời cũng mở ra một trang sử mới, mà tôi thành thật tin rằng sẽ không còn đen tối u buồn như trang sử mà thế hệ tôi đã nhìn thấy...

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Một vài nhận định của độc giả
GỌNG KÌM LỊCH SỬ

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Cuộc chiến Việt Nam dưới con mắt của một người trong cuộc

Gọng Kìm Lịch Sử là một cuốn hồi ký viết theo kiểu Mỹ dành cho độc giả người Việt. Nói vậy có nghĩa là cuốn *Gọng Kìm Lịch Sử* không phải chỉ ghi lại lời kể chuyện nhớ đến đâu ghi đến đấy, mà còn là một cố gắng tìm tòi dữ kiện, tra cứu sách vở, viện dẫn tư liệu để bổ túc thêm cho những điều mà chính tác giả chứng kiến. Cho độc giả ngoại quốc thì ông Bùi Diễm đã xuất bản cuốn *In the Jaws of History* viết chung với David Chanoff từ năm 1987. *Gọng Kìm Lịch Sử* là cuốn sách viết cho độc giả người Việt. Tuy có lập lại những điểm chính trong cuốn sách Anh ngữ, nhưng *Gọng Kìm Lịch Sử* không phải là bản dịch của cuốn sách ấy. Đây là cuốn sách được viết hẳn lại, khai triển và đưa ra nhiều chi tiết hơn, những chi tiết mà độc giả người Việt quan tâm. Đây là một cuốn hồi ký, qua câu chuyện cá nhân, tóm gọn đầy đủ một giai đoạn lịch sử sôi động và gần nhất của nước ta, từ Đệ Nhị Thế Chiến cho đến ngày cuối của Việt Nam Cộng Hòa. Giai đoạn lịch sử này được thuật lại theo cái nhìn của một người trong cuộc, một nạn nhân của "Gọng Kìm Lịch Sử".

Trong nhiều lần nói chuyện cũng như ngay trong lời tựa của cuốn sách, cựu đại sứ Bùi Diễm cho rằng cuốn hồi ký của ông không phải chỉ là chuyện cá nhân mà còn phản ảnh kinh nhiệm chung của những người quốc gia thuộc thế hệ ông. Nói vậy chỉ đúng một phần. Ông Diễm là một người, vì liên hệ gia đình và biệt tài cá nhân, đã được lịch sử đặt vào vị thế đặt biệt để hành động và chứng kiến nhiều điều mà những người khác cùng thế hệ ông không có được. Tác giả hoặc làm việc mật thiết với hoặc ở gần nhiều nhân vật lịch sử và văn học của Việt Nam, vì thế cho ta biết được một số chi tiết đặc biệt và những kỷ niệm cá nhân của tác giả đối với các nhân vật như Trần Trọng Kim, Bùi Kỷ, Trương Tử Anh, Võ Nguyên Giáp, Nghiêm Kế Tổ, Bảo Đại, Ngô Đình Diệm, Phan Huy Quát, Phan Khắc Sửu, Trần Văn Văn, Trần Văn Tuyên, Nghiêm Xuân Hồng, Trần Văn Đỗ, Lê Văn Kim,… Trong số những người kể trên, ông nói nhiều nhất đến sáu người: Trương Tử Anh, Trần Trọng Kim, Phan Huy Quát, Bảo Đại, Ngô Đình Diệm, và Nguyễn Văn Thiệu. Ông tỏ ra mến trọng ba nhân vật đầu và không phục ba nhân vật sau.

https://tieulun.hopto.org

Hồi ký là loại sách lịch sử chính trị vừa kể lại chuyện đã qua, vừa biện minh cho tác giả. Trong sách, ông Diễm được dịp giải thích ba việc: việc ông tiếp tục làm việc với tướng Kỳ sau khi Thủ Tướng Quát từ chức là do chính ông Quát khuyên, chứ không phải ông phản ông Quát; việc Tổng Thống Thiệu trì hoãn không chịu tham gia hội đàm Ba Lê trước cuộc bầu cử Tổng Thống Hoa Kỳ năm 1968 không phải vì ông đi đêm với phe Cộng Hòa khuyến cáo để làm lợi cho ứng cử viên Nixon như những người trong chính quyền dân chủ và báo chí Mỹ buộc tội ông; việc ông Thiệu nghi ông là người của ông Kỳ là không đúng, ông là người yêu nước độc lập chứ không phải là người của ông Kỳ chống lại ông Thiệu.

Ngoài ra, tác giả cũng có dịp đính chính một vài sai lầm và tiết lộ một số chi tiết lịch sử khác. Ông chỉ trích Stanley Karnow "hoàn toàn sai" khi nói rằng bài diễn văn ông Kỳ đọc tại Hội Nghị Honolulu năm 1966 là do các cố vấn Hoa Kỳ soạn thảo. Ông xác nhận chỉ có ông, ông Vũ Đức Vinh và ông Nguyễn Ngọc Linh là ba tác giả duy nhất của bài diễn văn đó (trang 267). Ông tiết lộ bí mật hậu trường của đảo chính năm 1963 liên quan đến việc bổ nhiệm ông Nguyễn Ngọc Thơ, cựu Phó Tổng Thống của ông Diệm, là Thủ Tướng trong chính quyền quân nhân đầu tiên sau cuộc đảo chính (trang 180).

Gọng Kìm Lịch Sử cung cấp cho độc giả một số chi tiết đặc biệt không thấy trong những cuốn sách khác - cả tiếng Việt lẫn ngoại ngữ - viết về cùng một giai đoạn lịch sử, nhất là về những uẩn khúc trong mối liên hệ Việt-Mỹ.

Khi viết về những biến cố quan trọng năm 1945, người ta thường hay nhắc đến cuộc biểu tình của công chức ngày 17 tháng 8 và cuộc "cướp chính quyền của Việt Minh" ngày 19 tháng 8 (còn gọi là "cách mạng tháng 8"). Ông Diễm cũng đề cập đến hai biến cố đó nhưng đồng thời còn kể thêm ngày giỗ tổ Hùng Vương tại Đông Dương Học Xá do các sinh viên Việt Nam tổ chức vào tháng 3 năm 1945 như một diễn biến quan trọng nói lên tinh thần yêu nước và khí thế đấu tranh của thanh niên thời đó (trang 46, 47, 188). Ông thuật lại sự can thiệp từ rất sớm của Hoa Kỳ vào nội tình chính trị Việt Nam qua cuộc vận động năm 1953 của Đại Sứ Donald Heath để cho Hội Nghị Toàn Quốc chấp thuận một quyết nghị chống gia nhập Liên Hiệp Pháp "tương đối nhẹ nhàng hơn bản dự thảo lúc đầu" (trang 132-136). Ông tiết lộ những vận động bên cạnh Quốc Trưởng Bảo Đại năm 1954 của ông để ủng hộ ông Phan Huy Quát và của ông Ngô Đình Luyện để ủng hộ ông Ngô Đình Diệm, và thỏa thuận hợp tác

https://tieulun.hopto.org

giữa ông và ông Ngô Đình Luyện về việc thành lập một chính phủ đoàn kết trước khi ông Diệm được bổ nhiệm làm Thủ Tướng (trang 142-149). Ông cũng viết về những cố gắng không thành năm 1956 của tướng Lawton Colins và đại tá Lansdale nhằm hàn gắn giữa ông Diệm lúc bấy giờ đã là Thủ Tướng và ông Quát lúc bấy giờ đứng ngoài chính quyền (trang 150).

Nói về trách nhiệm của cuộc bại trận năm 1975, ông Diễm là một trong những người Việt hiếm có không những chỉ quy trách sự thất bại của miền Nam cho chính sách sai lầm của Hoa Kỳ và sự bất lực của các nhà lãnh đạo tối cao của Việt Nam Cộng Hòa mà còn cho rằng chính những người như ông cũng phải chịu một phần trách nhiệm.

Về phía Mỹ, ông phàn nàn rằng cuộc đổ bộ của Thủy Quân Lục Chiến Mỹ lên Đà Nẵng ngày 8 tháng 3 năm 1965 đặt tại Việt Nam trước một sự đã rồi (trang 220-225). Quyết định quan trọng làm thay đổi bản chất của cuộc chiến ấy đã được quyết định giữa tướng Westmoreland ở Việt Nam và bộ Tham Mưu Liên Quân Hoa Kỳ. Chính bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ cũng không được hỏi ý kiến và Đại Sứ Taylor cũng "sửng sốt". Bác sĩ Quát yêu cầu phải "đồng ý về một biện pháp đã được chính phủ Hoa Kỳ đơn phương tuyên quyết và đang được thi hành" (trang 226).

Ông chỉ trích cách thức Hoa Kỳ đối xử với Việt Nam. Ông viết: "Chúng tôi được biết qua báo chí là cộng sản ở Mạc Tư Khoa thường có những danh từ không đẹp đẽ để nói về các đồng chí của họ ở Hà Nội, những ít nhất họ cũng giữ cho thể diện, trải thảm đỏ để tiếp đón 'những người anh em'. Trái lại đối với chúng tôi thì những bạn 'đồng minh' lại đối xử như những người bệnh hoạn, cần phải tránh xa" (trang 438). Ông phê bình nặng nề "lề lối làm việc giấu giếm" của ông Kissinger và Ngoại Trưởng Rogers, và cho đó là "thái độ không cần thiết, thiếu xứng đáng của một cường quốc lớn như Hoa Kỳ đối với một nước nhỏ bé như miền Nam Việt Nam" (trang 467).

Ông nhận xét một cách chua chát rằng "Mục đích sự can thiệp của Hoa Kỳ không phải là xây dựng dân chủ hay lành mạnh hóa xã hội Việt Nam" mà "ưu tiên số một là giữ được miền Nam Việt Nam luôn luôn ổn định (trong giai đoạn đầu là để theo đuổi mục đích chiến tranh và trong giai đoạn cuối là để có thể rút ra trong vọng trật tự)" (trang 465).

Về phía Việt Nam, ông Diễm phàn nàn về sự "thiếu hiểu biết của Việt Nam về chính sách, chủ định và lề lối làm việc của Hoa Kỳ" (trang 231). Ông thú nhận "thực sự chúng tôi [ông và ông Quát]

https://tieulun.hopto.org

không biết chút gì về chủ ý của Hoa Kỳ… Lúc đó, chúng tôi có cảm tưởng là đi trong sương mù" (trang 228-229). Thú nhận của ông Diễm buộc người ta làm một so sánh: Hoa Kỳ có nhiều cơ quan nghiên cứu như thế mà vẫn bị trách là không hiểu biết về Việt Nam, thế mà khi phải đối đầu với một đồng minh lớn mạnh và vụng về như Hoa Kỳ, chính quyền Việt Nam không hề nghĩ đến việc lập các cơ quan nghiên cứu độc lập, những bộ phận tham mưu có kiến thức chuyên môn về Hoa Kỳ (khác với Sở Nghiên Cứu Chính Trị của bác sĩ Trần Kim Tuyến và Nha R của Cục Trung Ương Tình Báo thời ông Thiệu) để giúp chính phủ đối phó với Hoa Kỳ, mà lại chỉ dựa vào những thăm dò cá nhân, và một trong nguồn tin quan trọng của những cuộc thăm dò này lại là các ký giả Mỹ! Ông Diễm, qua tự học và thực tập mà thành chuyên viên duy nhất. Ông trở thành người "trung gian thích hợp" giữa Hoa Kỳ và Việt Nam (trang 249).

Ngoài những nhận xét sâu sắc của một người hiểu biết về chính trị nội bộ của cả hai nước, ông Diễm còn đưa ra một số kết luận khiến người đọc thắc mắc muốn tìm hiểu thêm để rút ra những bài học lịch sử. Ông Diễm kể lại những biến cố quan trọng trong tháng 8 năm 1945. Ông nói đến ngày giỗ tổ Hùng Vương của sinh viên Hà Nội, đến cuộc biểu tình của các công chức ngày 17/8, và Việt Minh cướp chính quyền ngày 19/8. Trong thời gian này, ông Hoàng Văn Đào còn đề cập đến một sự việc quan trọng khác. Đó là việc ông Trương Tử Anh ngăn cản dự tính cướp chính quyền ngày 17 tháng 8 của ông Nguyễn Xuân Tiếu, lãnh tụ Đại Việt Quốc Xã, và việc "các đồng chí ĐVQDĐ" chống đề nghị cướp chính quyền trong phiên họp đêm 18 tháng 8 của Liên Minh Quốc Dân Đảng về tránh cảnh "nồi da sáo thịt" có lợi cho Pháp (1). Là một đảng viên Đại Việt Quốc Dân Đảng và là người thân với ông Trương Tử Anh, ông Diễm biết gì và nghĩ sao về lời buộc tội của ông Hoàng Văn Đào?

Về cuộc hành quân Lam Sơn sang Lào vào mùa xuân năm 1971, ông Diễm viết "Chính phủ Việt Nam cũng cho mở cuộc hành quân Lam Sơn 719 qua miền Hạ Lào. Đây là một thí nghiệm để đo lường xem chương trình Việt Nam hóa chiến tranh thành công hay thất bại" (trang 483). Câu này cho người đọc có cảm tưởng cuộc hành quân Lam Sơn là một sáng kiến của Việt Nam Cộng Hòa. Rồi ông nói đến phản ứng chính trị bất lợi mà cuộc hành quân Lam Sơn gây ra tại Hoa Kỳ vì nó đã tạo cớ để phe phản chiến biểu tình liên tục chống hành động hiếu chiến của Việt Nam Cộng Hòa. Tuy nhiên, qua các "tin tức từ Sài Gòn gửi qua" và sự dò hỏi nơi "các tướng lãnh Hoa Kỳ" ông Diễm không cho rằng cuộc hành quân ấy là một thất bại

https://tieulun.hopto.org

quận sự. Ông kết luận "Tổn thất thật sự của cả hai phía không ai rõ, và cũng không có ảnh hưởng trực tiếp nào đến chiến cuộc" (trang 484-485).

Kết luận này dường như không được tướng Nguyễn Duy Hinh, cựu tư lệnh sư đoàn 3 chia xẻ. Trong cuốn *Lam Son 719* do Trung Tâm Quân Sử Hoa Kỳ bảo trợ và xuất bản, qua những lời mô tả khéo léo của tướng Hinh, người đọc thấy nhiều yếu tố để hiểu rằng đó cũng là một thất bại quân sự. Trước hết, cuộc hành quân không đạt được yếu tố bất ngờ như mong muốn. Địch quân đã tiên liệu và chuẩn bị "từ 5 tháng trước, một số lớn các kho đạn đã được di tản khỏi" vùng tấn công (2). Như vậy khi tiến quân sang Lào, quân đội Việt Nam đã lọt vào trận địa của cộng sản. Thứ hai, cuộc hành quân dự tính được thực hiện qua bốn giai đoạn "trong một thời gian vô hạn định" (3). Thế mà chỉ trong vòng 45 ngày cuộc hành quân đã bị "chấm dứt một cách bất ngờ và vội vã" với nhiều tổn thất (4). Theo tướng Hinh, Lam Sơn 719 là "một kinh nghiệm chiến trường đẫm máu cho quân lực Việt Nam Cộng Hòa dưới sự chỉ huy của Quân Khu I. Gần 8.000 binh sĩ mạng vong và hàng triệu Mỹ kim quân cụ đã bị hy sinh" (5). Đặc biệt hơn nữa, cuộc hành quân đó tuy được tướng Cao Văn Viên, Tham Mưu Trưởng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa và Tổng Thống Thiệu đồng ý, nhưng lại khởi đầu từ lời "khuyến cáo" của tướng Creighton Abrams vào đầu tháng giêng năm 1971. Và, tuy chính tướng Viên trước đó cũng nghĩ đến việc hành quân sang Lào để triệt hạ đường tiếp tế của cộng quân, ông chỉ muốn tổ chức một cuộc "đột kích" nghĩa là một "cuộc hành quân ngắn hạn" (6).

Sự phân tích của ông Diễm nhắm nêu ra hai điểm chính: sự sai lầm trong chính sách của Hoa Kỳ và thế kẹt của những người "quốc gia" yêu nước.

Về sự can thiệp của Hoa Kỳ, ông đã cẩn thận nói ngay từ đầu rằng sự suy luận của ông chỉ có tính cách "hậu nghiệm", rồi ông nhận xét: "Can thiệp cũng như thai nghén. Nếu đã không có thai nghén nửa chừng, thì cũng không có can thiệp nửa chừng… Thay vì tiếp tay với các tướng lãnh để tạo một tình thế tốt đẹp hơn trước, thì họ lại khoanh tay ngồi nhìn" (trang 191). Một đoạn khác, ông viết "những khó khăn mà họ đã gặp phải chính là do chính sách can thiệp nửa vời của họ" (trang 204). Câu hỏi đặt ra là có phải ông Diễm muốn Hoa Kỳ can thiệp sâu đậm vào nội bộ của Việt Nam đòi hỏi các tướng lãnh làm dân chủ hay buộc họ phải nhường quyền lại cho một chính quyền dân sự? Điều này liệu có thực hiện được không vào thời điểm ấy? Và một sự can thiệp sâu đậm của Hoa Kỳ vào chính trị nội bộ Việt Nam có

https://tieulun.hopto.org

phải lúc nào cũng là một điều đáng mong muốn? Có cách nào để phân biệt được trong trường hợp nào sự can thiệp sâu đậm của Hoa Kỳ vào nội tình Việt Nam là đúng còn trong trường hợp nào một sự can thiệp sâu đậm như vậy lại sai?

Ở một đoạn khác, ông Diễm viết: "Chính sách của Hoa Kỳ không những thiếu tính cách liên tục mà còn thiếu cả tế nhị đối với nước bạn" (trang 580). "Ngay ở những cấp cao nhất của chính quyền Hoa Kỳ, dường như ai cũng coi nhẹ vấn đề tham khảo ý kiến của chính phủ Việt Nam" (trang 577). Rồi ông kết luận:

"Nếu từ 1965, Hoa Kỳ chịu hỏi ý kiến và lấy thỏa hiệp của Việt Nam trước khi có những quyết định quan trọng, thì cục diện có thể đã khác. Chính phủ Việt Nam có thể yêu cầu hạn chế quân số Mỹ và thời gian đồn trú, rồi chỉ yểm trợ Việt Nam bằng không lực hoặc tiếp cứu ở trường hợp bị nguy cấp, và nhất là xúc tiến huấn luyện và canh tân trang bị. Tóm lại là sớm Việt Nam hóa thay vì tham chiến ồ ạt. Ngoài ra một thỏa hiệp giữa Hoa Kỳ, Lào và Việt Nam cho phép Hoa Kỳ trú đóng làm hàng rào chạy băng qua Lào và Việt Nam theo vĩ tuyến 17 rất có thể thực hiện vào thời đó" (trang 578). Đây là một đề nghị có vẻ hợp lý. Nhưng thử hỏi nếu Mỹ tham khảo ý kiến Việt Nam thì lúc đó, năm 1965, có bằng chứng gì cho thấy phía Việt Nam có khả năng đưa ra những đề nghị chiến lược táo bạo như trên? Đó là chưa kể nếu Hoa Kỳ nới rộng chiến tranh sang Lào thì liệu Cộng Sản Việt Nam có thể, với sự yểm trợ của Trung Quốc và sự hợp tác của Pathet Lào và Cộng Sản Thái, nới rộng chiến tranh sang Thái Lan làm xáo trộn nước này và làm cho Hoa Kỳ sa lầy hơn nữa? Ngoài ra, thời ông Quát, làm Thủ Tướng, ở thành phố thì chính trị bất ổn vì phe chống chính phủ xuống đường và biểu tình liên miên. Còn ở nông thôn, theo kết luận của nhiều nhà nghiên cứu Mỹ, quân đội Việt Nam đã bị đánh lui ở nhiều nơi và mất tinh thần. Đê đã vỡ. Miền Nam Việt Nam lúc đó, theo tướng Westmoreland, "đang trên đà có thể bị Việt Cộng chiếm hết trong vòng một năm" (7). Trong trường hợp cần phải gấp rút chặn đứng đà thất trận ("stop losing") như vậy, liệu một sự can thiệp quân sự nhỏ giọt, nửa vời của Mỹ có đạt được mục tiêu trên hay không?

Vì thế kẹt của người "quốc gia" yêu nước, ông Diễm cho rằng người quốc gia "Bị kẹt vào giữa những thế lực mà mục tiêu tranh đấu không phù hợp với những lý tưởng cố hữu của mình, những người quốc gia luôn luôn bị đặt vào những hoàn cảnh éo le. Trong đa số trường hợp họ đã phải chọn lựa giữa những giải pháp khó nuốt và nhiều lúc họ không còn cả quyền chọn lựa nữa" (trang 572-573).

https://tieulun.hopto.org

Theo ông Diễm, đó là lý do họ thất bại. Người ta có thể hỏi có phải bị lâm vào thế kẹt mà người quốc gia thất bại hay vì thiếu lãnh đạo tài giỏi và khôn khéo hoặc có thủ đoạn hơn đối phương mà người quốc gia bị lâm vào thế kẹt? Tại sao cùng thời gian đó, trong thập niên 40 và 50, phe quốc gia thắng phe cộng sản ở Nam Dương và ở Phi Luật Tân mà lại thua ở Việt Nam và Trung Quốc? Ông Diễm là người lý tưởng. Ông luôn luôn cổ võ cho giải pháp chính phủ đoàn kết giữa những người quốc gia chống cộng. Ngoài tình trạng phân hóa giữa các đảng phái và giáo phái trong giai đoạn 1954, kinh nghiệm làm việc giữa ông Quát và ông Sửu, giữa ông Thiệu và ông Kỳ cho ta nghĩ gì về khả năng thực tiễn của giải pháp đó?

Như thế, qua cuốn *Gọng Kìm Lịch Sử*, ông Diễm đưa ra một số kết luận và nêu ra một số giả thuyết kích thích chúng ta phải suy nghĩ thêm. Ngoài ra, cuốn sách còn có nhiều ưu điểm khác. Nó đã tóm gọn đầy đủ được những tiêu mốc và những biến cố của một giai đoạn lịch sử quan trọng của Việt Nam, nhất là nó giúp người đọc thông cảm được cái thế "trên đe dưới búa" của những người "quốc gia" yêu nước, sự tranh đấu dũng cảm và những hy sinh lớn lao của người lính Việt Nam Cộng Hòa, đồng thời hiểu rõ hơn về tương quan giữa Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa cũng như ảnh hưởng của chính trị nội bộ của Mỹ đối với chính sách của Hoa Kỳ tại Việt Nam và do đó đối với tình hình quân sự cũng như chính trị tại Việt Nam.

Cuốn sách được viết với một giọng văn trong sáng, bình thản, không cường điệu, với những lời khen chê đứng đắn, chừng mực. Tác giả bảo mình không phải là nhà văn nên bút pháp còn khô khan vụng về. Điều này hẳn không đúng. Một người có bút pháp vụng về thì không thể tả được những ngày lái xe qua những cánh đồng bát ngát của miền Trung Tây Hoa Kỳ bằng lời lẽ sau đây: "Những tia nắng ngày hè lấp loáng trên cỏ cây tạo nên những ảo ảnh chẳng khác gì nhìn vào mặt nước trên những con đường trải nhựa" (trang 199). Rồi, chỉ vỏn vẹn trong 15 chữ tác giả tóm gọn đầy đủ được bầu không khí thân mật giả tạo trong buổi chia tay ở dinh Độc Lập giữa ông và ông Thiệu, và luôn cả mối liên hệ phức tạp giữa hai người trong những năm tháng làm việc chung. Ông nói đến cái thế "ngượng nghịu giữa hai người đã miễn cưỡng hợp tác và bắt buộc chia tay" (trang 514).

Gọng Kìm Lịch Sử là một đóng góp có giá trị cho việc nghiên cứu và phân tích về cuộc chiến tranh Việt Nam. Nó làm sáng tỏ một cái nhìn của người Việt "quốc gia" trong thị trường sách về cuộc chiến Việt Nam vốn bị chế ngự bởi quan điểm của người Mỹ và của phe thắng trận. Theo thiển ý, đây là một trong những cuốn sách, nếu

https://tieulun.hopto.org

không muốn nói nó là một cuốn sách tiếng Việt súc tích nhất, xuất sắc nhất mà tôi đã được đọc trong số những hồi ký chính trị về cuộc chiến tranh Việt Nam, về vai trò của người Mỹ, về thế kẹt và sự hy sinh lớn lao của cả một thế hệ những người "quốc gia" yêu nước. Đây là một cuốn sách phải đọc của những người muốn biết thêm về một giai đoạn lịch sử quan trọng của dân tộc ta, nhất là những bạn trẻ muốn có cái nhìn khách quan và công bằng về quá khứ của cha anh họ.

NGUYỄN MẠNH HÙNG

---

(1) Hoàng Văn Đào, Việt Nam Quốc Dân Đảng, Tái bản kỳ 2. Westminster, CA: Cơ Sở Xuất Bản Yên Bái, (không ghi năm tái bản), trang 244-245 và 249.
(2) Nguyễn Duy Hinh , Lam Sơn 719, Washington, D.C.: U.S. Army Center of Military History, 1979. Trang 168
(3) Sách đã dẫn, trang 35.
(4) Sách đã dẫn, trang 140
(5) Sách đã dẫn, trang 163
(6) Sách đã dẫn, trang 33-34
(7) William C. Westmoreland, A Soldier Reports, Garden City, New York: Double Day & Company, 1976. Trang 122.

Tài liệu tham khảo

- SAMUEL BERGER "Building on the Clinton Record" in Foreign Affairs Nov-Dec.2000, pp. 22-39; "Think again: Clinton's Foreign Policy" in Foreign Policy, Nov-Dec 2000, pp. 29; L.DIAMOND "Has the Democratic Wave Crested?" in Current History, Dec. 2000, pp. 413-418
- Theo tin Reuters Hanoi, năm 1998, sau khi thất cử Tổng Thống, George Bush cha có viếng Việt Nam với tư cách riêng.
- ANDREW PIERRE "Viet Nam's contradiction" in Foreign Affairs Nov-Dec. 2000, pp. 69-88
- PAUL TAYLOR, "The World looks at Bush", Reuters, The Los Angeles Times, Dec. 19, 2000
- JESSE HELMS "American Sovereignty and the UN" in The National Interest, Winter 2000/1, pp. 34; ELIOT COHEN "A Twenty-first Century Milirary" in Foreign Affairs Nov-Dec.2000. pp. 40-56; STEWART PATRICK "America's Retreat from Multilaterism" in Current History, Dec. 2000, pp. 430-440

https://tieulun.hopto.org

Đọc Gọng Kìm Lịch Sử của Bùi Diễm

Nếu *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên là một cuốn hồi ký chính trị của một người không làm chính trị từng sống trong lòng chế độ cộng sản, thì *Gọng Kìm Lịch Sử* đích thực là hồi ký của một chính trị gia, đứng trong phía quốc gia. Năm 1987 ông đã cho xuất bản cuốn *In the Jaws of History* viết bằng tiếng Anh, và *Gọng Kìm Lịch Sử*, viết xong vào đầu năm 1999, là hậu thân của cuốn này, hoàn toàn viết lại bằng tiếng Việt với các tình tiết Việt Nam và thêm một số tài liệu mới tìm thấy.

Ông Bùi Diễm, sinh năm 1923, con trai thứ của học giả Bùi Kỷ, cháu của học giả Trần Trọng Kim, từ tuổi thanh niên, vào đầu thập niên 40, đã tham gia vào phong trào dành độc lập cho Việt Nam. Từ đó ông đi vào cuộc đời hoạt động chính trị, chứng kiến các trôi nổi của lịch sử từ nhiều vị trí đặc biệt: có mặt tại Huế khi nội các Trần Trọng Kim thành lập, yết kiến Quốc Trưởng Bảo Đại năm 1949 tại Đà Lạt, theo dõi Hội Nghị Genève 1954, Bộ Trưởng Phủ Thủ tướng 1965, Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Hoa Kỳ từ 1967 đến 1972, Quan Sát Viên Đặc Biệt tại Hòa Đàm Paris 1968, Đại Sứ Lưu Động 1973-1975.

Tác giả bắt đầu các hồi ức về đời mình ở Chương 2, lúc còn là một học sinh tiểu học nhưng đã mơ tưởng đến những chuyện đi xa, đến những nơi mới lạ để tìm hiểu thế giới rộng lớn, và kết thúc ở Chương 37 với nhan đề "Thay lời kết, Lịch sử còn dài..." Ngay ở Chương 2, ông đã cho thấy ảnh hưởng chính trị đã đến với ông rất sớm khi ông vào học trường trung học tư thục Thăng Long, nơi mà ban giáo sư gồm những tên tuổi như Phan Thanh, Đặng Thái Mai, Hoàng Minh Giám, Trần Văn Tuyên, Võ Nguyên Giáp... và "tôi lớn lên trong bầu không khí đó, và dần dần ý thức được rằng dưới bộ mặt phẳng lặng của đời sống học đường là những đợt sóng ngầm đang chuyển động mạnh". Lúc bấy giờ là cuối thập niên 30 của thế kỷ 20, những người yêu nước Việt Nam, dưới nhiều khuynh hướng khác nhau, đang vận động để thoát khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp. Và từ đó, ông đã từ từ được dắt dẫn tham gia vào một đảng phái quốc gia, đối lập với khuynh hướng cộng sản vào thời đó cũng đang phát triển mạnh.

https://tieulun.hopto.org

Lịch sử cuộc đấu tranh cho độc lập nước nhà của người quốc gia Việt Nam trong thế kỷ 20 là lịch sử của sự thất bại. Từ các cuộc khởi nghĩa võ trang và các vận động duy tân hay Đông du của các cụ hồi đầu thế kỷ, đến Việt Nam Quốc Dân đảng của Nguyễn Thái Học, rồi đến các đảng phái quốc gia trong trận thế vừa chống thực dân vừa chống phong trào cộng sản quốc tế quãng giữa thế kỷ, và sau cùng, khi người quốc gia đã có được nửa nước Việt Nam phía Nam lại cũng thất bại khi chống đỡ với cuộc xâm lăng của phe Cộng Sản từ phía Bắc tràn xuống. Từ thập niên 40 trở đi thế trận đấu tranh giành độc lập trở nên phức tạp vì sự có mặt của đảng Cộng Sản, một đảng cách mạng dày dạn chuyên nghiệp có hậu thuẫn quốc tế và nhất quyết đoạt sự độc tôn, trong khi người quốc gia chỉ tiếp tục các phương thức đấu tranh truyền thống, luôn luôn tỏ ra lép vế trong phương thức và đòn phép, mặc dù tinh thần yêu nước và hy sinh không thiếu.

Gọng Kìm Lịch Sử chính là lịch sử của một người quốc gia trưởng thành vào đúng thời điểm gay go nhất mở màn cho sự đụng độ quốc gia - cộng sản, và bị cuốn theo suốt ba mươi năm, luôn luôn ở những vị thế thuận lợi để có thể tham gia vào những hoạt động cao cấp và từ đó có thể có một cái nhìn tổng thể.

Đó là một con người ưu tú và cũng rất nhiều may mắn để có thể sống trọn vẹn trong từng giai đoạn, hoạt động hết mình, gìn giữ đầy đủ tài liệu, để khi kể lại các hoạt động chính trị của đời mình thì những trang hồi ký ấy có thể xem là đặc trưng cho cuộc đời tranh đấu của một con người quốc gia, hoặc một phần của "phe quốc gia". Tác giả dẫn chúng ta đi từ những năm đầu thập niên 40 với quân Nhật và máy bay Mỹ, các biến cố lớn lao năm 1945, đi tản cư và về lại Hà Nội, giải pháp Bảo Đại, hiệp định Genève, miền Nam với Đệ Nhất và Đệ Nhị Cộng Hòa, và đặc biệt, hào hứng và căng thẳng nhất là giai đoạn tác giả làm Đại Sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ với các liên hệ phức tạp, đa phương với chính giới Hoa Kỳ, cho mãi tới ngày miền Nam sụp đổ. Vì là hồi ký của một cá nhân, tác giả luôn luôn là một "nhân vật" trong đó, nhưng không phải là một nhân vật trung tâm, đó là điều dễ chịu nhất cho người đọc khi theo dõi một cuốn hồi ký loại này. Qua chuyện kể của mình tác giả giúp chúng ta hiểu rõ về tình hình một giai đoạn, về những biến cố hay nhân vật, với một lối trình bày thấu đáo và một văn phong thành thực, trong sáng.

Năm 1949, 26 tuổi, ông đã hai lần được tiếp xúc với Quốc Trưởng Bảo Đại, và đã có những nhận xét: "... sau chuyến đi Đà Lạt, tôi không còn nhiều ảo tưởng về ông như trước nữa. Thực ra về phương diện cá nhân, cũng như nhiều người khác có dịp gần ông tôi

https://tieulun.hopto.org

có rất nhiều cảm tình đối với ông. Ông là một ông Vua, nhưng cách cư xử của ông đối với mọi người thật là giản dị, bình dân (...) Nhưng về phương diện chính trị thì mặc dầu ông không phải là người khờ khạo hay thiếu hiểu biết, ông không có đức tính của một người lãnh đạo tạo được thời thế thuận lợi cho quốc gia dân tộc, mà chỉ là người chịu đựng cho thời thế xoay vần". Cả cuộc đời chính trị của cựu hoàng Bảo Đại cho đến khi đóng nắp áo quan có lẽ không ra ngoài nhận xét trên đây từ mấy mươi năm trước của chàng thanh niên Bùi Diễm.

Trong chế độ Ngô Đình Diệm, ngay từ đầu, giống như bao người khác đã từng hoạt động trong các đảng phái quốc gia, Bùi Diễm nhận thấy mình bị loại ra khỏi sinh hoạt chính trị. Chỉ sự mô tả sự kiện ấy, tác giả đã cho thấy một đặc điểm của chế độ nàv, mà người ta thường gọi là gia đình trị. Chế độ Ngô Đình Diệm dần dần được củng cố, thì bên ngoài chính quyền, "các phần tử quốc gia có tinh thần độc lập như chúng tôi, bị dồn vào một thế càng ngày càng khó cựa. Mặc dầu có thiện cảm với ông Diệm ngay lúc ông trở về nước, nhiều người nhận thấy khó mà giúp ông vì chính ông cũng không muốn sự hợp tác đó. (...) Ông Diệm vẫn theo chính sách đóng cửa, và giữ thái độ nghi kỵ nếu không nói là khinh rẻ đối với các giới chính trị, trong khi đó thì ông Nhu lặng lẽ xây dựng một bộ máy để củng cố chế độ. Cũng như nhiều người khác, sau bao nhiêu năm hoạt động tôi thành một người ngoài cuộc, bị loại ra khỏi chính trường".

Đệ Nhất Cộng Hòa là một cơ hội hiếm có và may mắn cho người quốc gia, nhưng tiếc thay, chế độ không những đã không có lòng đoàn kết mọi người mà lại còn tiến hành chính sách cục bộ nhiều màu sắc gia đình và tôn giáo, loại trừ nhiều thành phần ưu tú đã từng dày dạn đấu tranh, nên khi chế độ đó chấm dứt thì phe quốc gia cũng đã bị phân rã, thương tích khá nhiều. Một tiết lộ ít ai ngờ tới, là phim Chúng Tôi Muốn Sống, một phim chống cộng có giá trị trong thời kỳ đầu của chế độ này, lại do chính tác giả và bạn bè, trong đó có bác sĩ Phan Huy Quát, thực hiện. "Dù có sự giúp đỡ về phương diện kỹ thuật của Sở Thông Tin Hoa Kỳ và sự yểm trợ một số phương tiện của quân đội, phim này hoàn toàn là một phim thương mại có chủ đề chính trị, mà vốn thực hiện thì do tôi xoay xở, rủ người này người khác, vay mượn nơi này nơi khác".

Sau chế độ Ngô Đình Diệm là giai đoạn sôi nổi nhất của tác giả. Chủ trương một tờ báo tiếng Anh, Saigon Post, rồi tham chính, làm bộ trưởng trong chính phủ Phan Huy Quát, rồi Đại Sứ Việt Nam tại Hoa Kỳ. Năm 1963 ông vừa bốn mươi, tuổi vừa chín chắn vừa

https://tieulun.hopto.org

sung sức cho một người nắm giữ những vị trí then chốt trong chính trị. Thời sự trong những năm sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ thật vô cùng phức tạp, các phe quân nhân đảo chính với chỉnh lý liên tục, xung đột Phật giáo Công giáo, vụ Phật giáo miền Trung, Hoa Kỳ đổ quân vào Việt Nam, rồi Tết Mậu Thân, rồi hòa đàm Paris... một người trưởng thành có để ý đến tình hình vào thời đó đến nay chưa chắc có thể nhớ rõ từng biến cố, cái nào trước cái nào sau, chưa nói đến nguyên nhân và hậu quả mà chỉ có giới am tường chính trị mới có thể nắm được. Có lẽ chưa có một cuốn sách nào trình bày về giai đoạn này rõ ràng hơn, khúc chiết hơn là *Gọng Kìm Lịch Sử*. Từ vụ đảo chính tháng 11/1963 trở về sau, biến cố nào xảy ra trên chính trường Việt Nam cũng đều được tác giả kể lại rất đầy đủ chi tiết cùng nguyên ủy. Nếu thời Ngô Đình Diệm tác giả là người "đứng ngoài" thì thời kỳ sau đó ông là người "đứng trong," với các liên hệ quen biết chằng chịt với mọi giới. Chúng ta sẽ bắt gặp những chuyện mà ta không thể ngờ được, ví dụ những đơn vị quân đội Mỹ đầu tiên đổ bộ Đà Nẵng vào ngày 8 tháng 3, 1965, thì chính quyền trung ương Việt Nam không hay biết gì cả, và ngay Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn cũng bị động, lúng túng.

Cũng với cái nhìn đầy đủ và nhạy bén ấy, tác giả đi vào chính giới Hoa Thịnh Đốn, khi được cử làm Đại Sứ tại đây vào năm 1966. So với các vị "được làm vua, thua làm đại sứ" tiền nhiệm thì đại sứ Bùi Diễm mới đích thực là một sứ thần đại diện xứng đáng cho Việt Nam nơi một quốc gia đồng minh đang có liên hệ sống chết với nước mình. Qua các hoạt động được mô tả lại, người ta thấy sự quen biết rộng rãi của ông trong chính giới và giới báo chí Hoa Kỳ, sự nhạy bén, sáng suốt và tinh thần trách nhiệm của ông khi phải đối phó liên tục với tình thế biến đổi không ngừng trên chính trường Hoa Kỳ cũng như chiến trường và chính trường Việt Nam. Là một nhà chính trị, ông còn là một học giả, về cuộc chiến Việt Nam, ngoài việc thường xuyên cọ xát trực tiếp với những nhân vật đầu não trong chính quyền Hoa Kỳ thời bây giờ, ông đã sưu tầm rất nhiều tài liệu liên quan, để mong có thể hiểu được cuộc chiến tranh mà cho đến giờ phút này nhiều người vẫn thấy là còn nhiều bí ẩn.

Cuốn *In the Jaws of History* gồm 36 chương, khi viết lại bằng tiếng Việt để thành cuốn *Gọng Kìm Lịch Sử* này, tác giả thêm một chương chót, 37, có tựa đề "Thay lời kết, lịch sử còn dài..." Tác giả cho biết đã viết cuốn trên là để trả lời một số lập luận sai lầm của các nhóm thiên tả hay phản chiến trong dư luận Hoa Kỳ về cuộc chiến tại Việt Nam. Chương viết thêm này là những lời tâm sự của một người

https://tieulun.hopto.org

Việt Nam quốc gia đã trải qua lịch sử 30 năm từ 1945-1975. Ước vọng của người quốc gia nào cũng là mưu tìm độc lập cho Việt Nam, và rồi xây dựng một đất nước văn minh dân chủ, mà qua hai mươi năm chế độ Cộng Hòa ở miền Nam coi như các tiền đề đã tạm đặt xong. Dù phe quốc gia đã thua trong cuộc chiến, lý tưởng của phe quốc gia vẫn đứng vững đến tận ngày nay, và ngày càng trở nên là ước vọng của mọi người Việt Nam chân chính, ngay cả những người một thời đã theo chủ nghĩa cộng sản. Người quốc gia đã tiếp tục giữ gìn truyền thống của dân tộc, nhờ đó mà những giá trị tinh thần còn lưu giữ được đến ngày nay qua cơn hồng thủy điên cuồng của tinh thần vô sản quốc tế mà người cộng sản đã du nhập một cách điên cuồng vào đất nước ta. Phe cộng sản thắng cuộc chiến vì đã đánh thức được cái phần bản năng cướp giật của một khối người bị trị nghèo đói lâu ngày (bao nhiêu lợi quyền tất qua tay mình - Quốc Tế Ca), đồng thời cũng che phủ lên cái mặt thú vật ấy một cái khăn choàng lý tưởng rất cao đẹp và cũng rất không tưởng.

Phe quốc gia thấy trước được tất cả nguy cơ làm sa đọa con người và cuộc sông ấy, đã chiến đấu, với tất cả hy sinh cao đẹp cũng như sự yếu kém của mình. Cuộc chiến đấu ấy đã giương cao mãi mãi những ước mơ phải đạt tới của dân tộc, cũng là ước mơ bình thường của cả loài người, đã bị chủ nghĩa cộng sản làm vẹo vọ đi trong gần suốt thế kỷ 20. Dù là sau chiến thắng 1975, Cộng Sản Việt Nam tiếp tục dìm đất nước trong lạc hậu, nghèo đói và thiếu tự do, nhưng với tình hình thế giới biến chuyển vào thập niên cuối của thế kỷ 20, tác giả lại lạc quan, thấy Việt Nam đã dần dần hội đủ nhân tố để những "đột biến" có thể xảy ra. Lúc bây giờ lý tưởng của bao thế hệ người quốc gia sẽ được thực hiện trên mảnh đất mà chỉ vì mấy chữ "độc lập, tự do, dân chủ" đã có không biết bao đau thương và xương máu đổ xuống suốt nửa thế kỷ qua.

Gọng Kìm Lịch Sử đã tổng hợp được cái nhìn cho một phía, phe quốc gia, phơi bày khá chi tiết các ngóc ngách lịch sử về một giai đoạn gay go nhất. Tác giả hình như đã tự kềm chế rất nhiều tính chất chủ quan thường là có quyền có của thể loại hồi ký, để gắng đem lại sự khách quan cho cuốn sách mà như tên gọi, chính là một phần lịch sử được tái hiện. Phẩm cách của ngòi bút, sự chân thành và uyên bác của tác giả thuyết phục người đọc. Đó là một nhà chính trị có văn tài, bút pháp của ông già dặn mà tươi tắn, khoa học mà tình cảm, phô bày một cái tâm suốt đời thiết tha với nền độc lập của đất nước, đời sống tự do sung sướng cho dân tộc. Hồi ký của ông cho thấy sự dấn thân tận nhân lực của một trí thức ưu tú trong quá khứ, và tiếp tục là một

https://tieulun.hopto.org

lời kêu gọi và biểu dương cho lý tưởng không bao giờ lỗi thời của người quốc gia.

PHẠM XUÂN ĐÀI
Trích đăng từ báo Thế Kỷ 21 số 140, tháng 12 năm 2000

https://tieulun.hopto.org

Điện thư gửi ông Bùi Diễm
từ một độc giả không quen biết

Paris, ngày 26/11/2001

Kính gửi ông Bùi Diễm,

Trước hết xin lỗi ông về sự đường đột này. Tôi là một độc giả vừa đọc xong cuốn "Gọng Kìm Lịch Sử" với niềm thích thú rất lớn lao nên vội có mấy dòng bày tỏ với ông sự hoan nghênh cuốn sách.

Tôi là một người ở trong nước sang Paris thăm gia đình, vô tình mượn được cuốn "Gọng Kìm Lịch Sử" ở nhà một người bạn. Tôi thích cuốn sách vì nó mang đến cho người đọc (nhất là người đọc ở miền Bắc) một số tài liệu lịch sử về thực chất chính sách của Mỹ ở miền Nam Việt Nam và những vấn đề nội bộ của những chính quyền liên tiếp và con người ở miền Nam trước đây. Hiểu lịch sử một cách khách quan qua "hai tiếng chuông" không phải chỉ là phương châm của các nhà nghiên cứu mà còn là mong muốn của tất cả những ai có nhiều suy nghĩ đến lịch sử và vận mệnh nước nhà.

Tất nhiên là thể loại hồi ký dầu muốn hay không cũng mang nhiều nét chủ quan của tác giả nhưng về cơ bản cuốn sách của ông đã lôi cuốn độc giả vì tính chân thực của các tài liệu lịch sử. Hành văn cũng có nhiều chỗ điêu luyện, truyền cảm. Khi gấp cuốn sách lại, người ta thấy được tấm lòng của tác giả.

Cũng qua bức thư này, tôi bầy tỏ lòng kính trọng với cụ Bùi Kỷ, một nhân sĩ, một học giả rất được kính trọng ở Hà Nội. Tôi thật thích thú khi được biết tác giả là con trai cụ.

Nếu trong thời gian tới, tôi có dịp qua Washington thăm gia đình, xin được phép đến thăm ông. Tôi bầy tỏ sự chia sẻ với ông về những điều ông viết trong hai chương 36, 37 nhưng không phải không còn nhiều điều cần có sự luận đàm với tính khách quan và khoa học hơn nữa.

Chỉ còn vài ngày nữa tôi trở về Việt Nam, tôi may mắn nhờ được ordinateur của một người bạn để gửi bức thư này tới ông. Kính chúc ông bà cùng toàn thể gia đình nhiều sức khỏe và hạnh phúc.

Kính,

NGUYỄN THỊ LOAN

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Bài phát biểu nhân dịp ra mắt sách Gọng Kìm Lịch Sử của cựu Đại Sứ Bùi Diễm

Kính thưa ông Bùi Diễm,
Kính thưa quý vị,

Thật là một vinh dự bất ngờ cho tôi được gặp gỡ và thưa chuyện với quý vị trong ngày ra mắt sách của một người thuộc thế hệ trước tôi, một người tôi chưa từng quen biết cho đến khi có cơ duyên nhận được quyển sách của ông.

Lần cuối cùng ông Bùi Diễm rời Việt Nam vào ngày 26 tháng Tư năm 1975, tôi còn chưa chào đời. Nhưng vận mệnh đất nước và thời cuộc quốc tế đẩy đưa thế nào mà bây giờ tôi được hân hạnh đứng đây, được ôn lại một phần của lịch sử Việt Nam qua cuốn hồi ký chính trị *Gọng Kìm Lịch Sử* của tác giả Bùi Diễm.

Đọc xong cuốn sách, tôi hiểu thêm một phần tại sao mình lại có mặt ở đây. Và có lẽ cuốn sách sẽ mãi mãi nằm trong cái "backpack" chứa đựng những cuốn sách dầy cộm nói về chiến tranh Việt Nam. Tập vác lịch sử như thế năm này qua năm khác thì chắc là tôi sẽ không phải đi tập thể dục ở các mấy cái "gym" nữa!

Nhưng tại sao tôi lại phải vác cuốn sách của ông Bùi Diễm? Thưa quí vị, đó là vì một số những vấn nạn ông nêu ra trong sách cũng chính là những điều tôi băn khoăn về giới trẻ hiện nay. Thứ nhất là chuyện học vấn. Thứ nhì là mô thức làm việc.

Một trong những chương đầu cuốn sách, ông kể lại chuyện đi sinh hoạt ở Tổng Hội Sinh Viên, viếng thăm các di tích lịch sử, ôn lại hào khí của các vị anh hùng dân tộc để hun đúc lòng tranh đấu cho độc lập tự do ở Việt Nam. Thanh niên thời nào cũng là nhóm người có nhiều nhiệt huyết, hăng say hoạt động. Như vậy, làm cách nào để có những hướng đi phù hợp với hiện tình thế giới và Việt Nam để lớp người trẻ có thể phát huy hết tiềm năng của họ?

Tôi cũng tin tưởng như ông là chúng ta không thể bị kẹp mãi giữa hai gọng kìm lịch sử. Người trẻ hôm nay, tôi nghĩ, phải tìm ra được một lối làm việc có hiệu quả và khoa học hơn. Dù trong cái rủi sống tha hương, những người trẻ chúng tôi có cái may mắn được tản mác khắp nơi trên thế giới để học hỏi và đào sâu mọi lãnh vực, từ các ngành khoa học tự nhiên cho đến khoa học xã hội và nhân văn. Và có

https://tieulun.hopto.org

lẽ người trẻ hải ngoại hôm nay may mắn hơn người trẻ hôm qua vì được sống trong một thế giới giàu thông tin, lại có nhiều điều kiện thuận lợi cho việc học hỏi.

Nhưng còn những thanh niên trong nước thì sao? Tôi mong rằng trong một tương lai không xa họ cũng sẽ có dịp đón nhận một nền giáo dục toàn diện và chuyên môn, được thoải mái đến gần hơn với cộng đồng thế giới qua những nguồn thông tin đa dạng.

Một nền giáo dục toàn diện giúp người ta hiểu rằng một vấn đề có thể có nhiều khía cạnh. Một chuyên ngành giúp người ta tìm hiểu cặn kẽ một vấn đề. Cả hai phải đi song song với nhau. Thí dụ, một người muốn làm chính trị phải chuyên ngành chính trị nhưng không thể bỏ qua các môn kinh tế, lịch sử, vật lý, sinh học, triết học, v.v. Các khoa học gia lại càng phải hiểu guồng máy chính trị và các giá trị nhân văn, tâm lý con người hơn bao giờ hết vì những sáng chế khoa học của họ sẽ có những ảnh hưởng gián tiếp hoặc trực tiếp lên cuộc sống con người.

Sau khi học xong rồi, sinh viên phải vận dụng được kiến thức của mình vào những hoàn cảnh thực tiễn. Và hoàn cảnh thực tế nhất là quê hương chúng ta vẫn còn đói, còn nghèo, còn dốt nát, còn bất công. Không những chỉ chờ điều kiện cho phép để trở về mang tài sức của mình phục vụ xứ sở, những người trẻ hải ngoại có tấm lòng với quê hương vẫn có thể dấn thân để tạo cho những điều kiện đó hình thành trên quê hương khổ đau của mình.

Lúc ấy, tôi nghĩ sẽ cần một mô thức làm việc đa nguyên và dân chủ để không lãng phí khả năng của người trẻ. Có nhiệt huyết không chưa đủ. Có kiến thức không chưa đủ. Phải có những hướng đi và mục đích rõ ràng để tận dụng bầu nhiệt huyết đó.

Mục đích thì dễ thấy; đó là xây dựng quê hương. Còn hướng đi thì sao? Ai chịu trách nhiệm? Ai lãnh đạo? Ai là người vạch ra phương hướng? Đó là những câu hỏi được đặt ra rải rác trong cuốn sách của tác giả Bùi Diễm. Và phần lớn cuốn sách mô tả về những nhân vật lãnh đạo và sự chi phối của họ trong chính trường. Điều này làm tôi suy nghĩ nhiều và đưa đến nhận định cho tương lai như sau.

Trong mô thức làm việc đa nguyên và dân chủ, những hướng đi sẽ không có những lãnh tụ và không có người áp đặt phương hướng. Chỉ có những người cùng làm việc, và chịu trách nhiệm cá nhân cho việc mình làm, để hướng đến mục tiêu chung. Những người này đã được huấn luyện chuyên môn trong mọi ngành nghề. Như vậy, họ chỉ cần tin tưởng lẫn nhau và vào mục tiêu chung là có thể hợp tác lâu dài.

https://tieulun.hopto.org

Tại sao từ bấy lâu nay chúng ta cứ đi tìm lãnh tụ? Đó cũng như hình ảnh cái bánh xe đạp, có những cây căm nối vào trục chính, một mô thức độc nguyên. Tại sao chúng ta không phát triển tự nhiên theo khả năng và ý thích của mình, tự hợp và tan thuận theo lý trời đất, như những mặt pha lê nối kết để thành một quả cầu pha lê óng ánh, không có điểm nào là điểm giữa" Đó là mô thức đa nguyên.

Nếu thực hiện được mô thức làm việc đa nguyên và dân chủ, tôi tin tưởng không gọng kìm lịch sử nào còn có thể kìm kẹp thế hệ của chúng tôi.

Đọc đến trang 570 trong cuốn sách của tác giả Bùi Diễm, tôi nhớ lại cái buồn man mác hồi máy bay chở gia đình tôi cất cánh rời phi trường Tân Sơn Nhất.

Tác giả viết: "Vào khoảng 3 giờ trưa, máy bay chuyển bánh trên phi đạo và chỉ ít phút sau tôi đã nhìn được ở trên không xuống những cánh đồng xanh, bao la của miền đồng bằng sông Cửu Long. Thế là hết. Trong giây phút, tôi cố bình tâm ngắm nhìn qua cửa sổ máy bay những hình ảnh thân yêu của đất nước đang lướt xa ở dưới, nhưng tự nhiên từ đâu tới, buồn thương tràn ngập, nước mắt trào dâng, làm nhòa mờ tất cả" (trang 570).

Một buổi sáng nào đó, tôi hy vọng được đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất để chào đón bình minh trở lại trên đất nước Việt Nam.

ÔNG THỤY NHƯ NGỌC
Ngày 9 tháng 12 năm 2000

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Dự Án Lịch Sử Truyền Khẩu Về Cuộc Chiến Việt Nam

Con Người và Lịch Sử: Sự Can Thiệp Của Hoa Kỳ Tại Việt Nam Qua Cái Nhìn Của Một Nhà Ngoại Giao, 1965-1975

Lời Giới Thiệu

Dự Án Lịch Sử Truyền Khẩu về cuộc chiến Việt Nam là dự án nghiên cứu học thuật nhằm mục đích thu thập, lưu trữ, khai thác, và phổ biến dữ liệu, ký ức, và suy nghĩ liên quan đến những trải nghiệm trong lịch sử, đặc biệt là lịch sử chiến tranh tại Việt Nam.

Chiến tranh tại Việt Nam, từ giai đoạn 1946 đến 1975, đặc biệt Cuộc Chiến Đông Dương Lần II, là sự kiện lịch sử phức tạp đã được tường thuật, nghiên cứu, và phân tích theo nhiều chiều hướng và quan điểm khác nhau. Tuy nhiên, đến nay thì cuộc chiến vẫn chưa được hiểu tường tận và do đó vẫn là một trong những sự kiện gây nhiều tranh cãi. Vì vậy, mục đích của dự án này là để góp phần trong việc tìm hiểu và làm rõ hơn những khía cạnh và yếu tố ảnh hưởng đến cuộc chiến và con người.

Với chủ đề "Con Người và Lịch Sử: Sự Can Thiệp Của Hoa Kỳ Tại Việt Nam Qua Cái Nhìn Của Một Nhà Ngoại Giao, 1965-1975," dự án phỏng vấn ông Bùi Diễm, cựu Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Hoa Kỳ. Mục tiêu là để ông bối cảnh hóa những tư liệu văn bản mà ông vẫn còn đang lưu giữ, ngõ hầu hiểu rõ thêm về sự can thiệp của Hoa Kỳ trong cuộc chiến tại Việt Nam. Cuộc phỏng vấn tập trung vào những chủ đề sau: mối quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam Cộng Hòa và Hoa Kỳ; những biến chuyển về xã hội, kinh tế, và chính trị ở Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa trong giai đoạn từ năm 1954 đến 1975; sự ảnh hưởng của các yếu tố trên đối với cuộc chiến và kết quả của nó; và cuối cùng là một vài bài học có thể rút ra từ cuộc chiến.

Cựu Đại sứ Bùi Diễm sinh năm 1923, tại tỉnh Hà Nam, miền bắc Việt Nam. Thân phụ ông là nhà nho học Bùi Kỷ. Ông gọi Trần Trọng Kim, học giả và Thủ Tướng Việt Nam dưới thời vua Bảo Đại, là dượng. Lúc nhỏ ông học sử tại Trường Tư Thục Thăng Long (tại đây, một trong số giáo sư sử học có ông Võ Nguyên Giáp) và Trường Bưởi (sau này gọi là Chu Văn An). Sau đó ông tốt nghiệp ngành toán học tại trường Đại Học Khoa Học Hà Nội.

https://tieulun.hopto.org

Ông lớn lên trong bối cảnh của một Việt Nam còn nằm dưới sự cai trị của chính quyền thực dân Pháp cũng như trải nghiệm sự chiếm đóng của người Nhật trong thời Đệ Nhị Thế Chiến. Năm 1944 ông trở thành thành viên của đảng Đại Việt và là người tích cực hoạt động dưới thời chính phủ Trần Trọng Kim. Ông cùng gia đình di cư vào Nam trước khi Hiệp Định Geneva năm 1954 chia đôi Việt Nam thành hai thực thể chính trị -- Việt Nam Dân Chủ Công Hòa (Bắc Việt Nam) và Việt Nam Cộng Hòa (Nam Việt Nam).

Trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa, dưới chính quyền của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ông tạm ngưng hoạt động chính trị. Năm 1963 ông thành lập tờ Saigon Post, một trong những tờ báo tiếng Anh đầu tiên của nền Công Hòa Việt Nam. Ngoài ra ông còn thành lập công ty Tân Việt Điện Ảnh và đã sản xuất bộ phim Chúng Tôi Muốn Sống, nói về vấn đề cải cách ruộng đất tại miền Bắc Việt Nam.

Sau sự sụp đổ của chính quyền Ngô Đình Diệm vào tháng 11 năm 1963, Bùi Diễm trở lại chính trường và năm 1965 làm Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng dưới thời chính phủ Phan Huy Quát. Trong thời kỳ Đệ Nhị Cộng Hòa dưới thời Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, Bùi Diễm được bổ nhiệm làm Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Hoa Kỳ từ năm 1967 đến năm 1972, và Đại Sứ Lưu Động từ năm 1973 cho tới khi kết thúc cuộc chiến vào tháng 4 năm 1975.

Là đại sứ tại Hoa Kỳ, ông đã có cơ hội làm việc với những chính khách Việt Nam và Hoa Kỳ như Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ, Lyndon B. Johnson, Richard Nixon, William Westmoreland, Robert McNamara, Henry Kissinger, Clark Clifford, Maxwell Taylor, Ellsworth Bunker, Walt Rostow, Alexander Haig, Jr., Dean Rusk, và nhiều nhân vật khác. Ông cũng chứng kiến sự nổi dậy của phong trào phản chiến tại Hoa Kỳ, cuộc đàm phán hòa bình tại Paris, và góp phần vào việc vận động cuối cùng để tìm 700 triệu đô viện trợ quân sự để miền Nam Việt Nam có phương tiện chống lại cuộc xâm lăng của quân đội Bắc Việt.

Sau 30 tháng 4 năm 1975, Bùi Diễm cùng gia đình tị nạn và định cư tại Hoa Kỳ. Ở Hoa Kỳ, ông đã từng làm việc tại Trung Tâm Nghiên Cứu Học Thuật Quốc Tế Woodrow Wilson, Viện Doanh Nghiệp Hoa Kỳ (American Enterprise Institute), cũng như Viện Nghiên Cứu Đông Dương tại Đại Học George Mason. Ông là tác giả cuốn tự truyện lịch sử về chiến tranh Việt Nam có tựa "Gọng Kìm Lịch Sử" [In the Jaws of History] cùng với một số bài nghiên cứu khác.

https://tieulun.hopto.org

Vì đã tham gia và chứng kiến nhiều sự thay đổi và thăng trầm của lịch sử, đặc biệt trong giai đoạn Hoa Kỳ trực tiếp can thiệp vào cuộc chiến tại Việt Nam, nên ông Bùi Diễm có những dữ liệu, ký ức, và suy nghĩ rất đáng kể về lịch sử Việt Nam. Dự án này phỏng vấn ông Bùi Diễm với mục đích góp phần bổ sung thêm một khía cạnh cần thiết để hiểu thêm về cuộc chiến, con người, và lịch sử Việt Nam.

Dự án này được thực hiện trong thời gian gần tròn sáu năm, từ năm 2013 đến 2019, với các cuộc phỏng vấn được thực hiện trong nhiều đợt khác nhau. Kết quả từ dự án là một bộ phim tài liệu 17 tiếng, chia thành 15 chủ đề. Các chủ đề gồm có:

Phần 1: Nguồn Gốc Sự Can Thiệp Của Hoa Kỳ Tại Việt Nam, 1945-1965
Phần 2: Hoa Kỳ Đưa Quân Vào Việt Nam
Phần 3: Sự Hiện Diện Của Người Mỹ và Các Ảnh Hưởng về Kinh Tế, Xã Hội, Chính Trị, và Quân Sự
Phần 4: 1968: Mậu Thân, Bầu Cử và Những Ảnh Hưởng Đưa Đến Paris
Phần 5: Hiệp Định Paris và Những Hậu Quả
Phần 6: Phong Trào Phản Chiến và Ảnh Hưởng Đối Với Chính Sách Việt Nam Của Hoa Kỳ
Phần 7: Những Diễn Biến Đưa Đến Paris
Phần 8: Hội Đàm Sơ Bộ Tại Paris
Phần 9: Richard Nixon, Anna Chennault và Cuộc Bầu Cử Năm 1968
Phần 10: Mật Đàm Paris
Phần 11: Sự Vận Hành Của Nền Chính Trị Hoa Kỳ và Việt Nam Hóa Chiến Tranh
Phần 12: Phản Chiến Bùng Nổ, Hồ Sơ Pentagon, và Lo Ngại Của Hoa Kỳ về Cuộc Bầu Cử Tổng Thống Năm 1971 ở Nam Việt Nam
Phần 13: 'Vừa Đánh Vừa Đàm', 'Xích Lại Gần Nhau', và 'Hòa Bình Trong Danh Dự'
Phần 14: Bài Học Lịch Sử và Những Vấn Đề Đại Cương
Phần 15: Để Hiểu Thêm về Con Người và Nền Chính Trị Hoa Kỳ

Ngoài ra, đính kèm với bộ phim tài liệu này là hơn 350 trang chuyển ngữ của các cuộc phỏng vấn và trên 150 văn bản đã được số hóa.

https://tieulun.hopto.org

Dự án được thực hiện trên tinh thần nghiên cứu học thuật dưới sự điều phối của Alex-Thái Đình Võ và tư vấn của tiến sĩ Keith W. Taylor, Giáo Sư Sử Học tại Đại Học Cornell, New York, Hoa Kỳ. Ngoài ra, dự án còn có sự cộng tác và giúp đỡ của Bùi Thị Thúy Hồng, Mai Thanh Nguyễn-Võ, Nguyễn Thị Minh Thúy, Võ Thành Nhân, Võ Thiện Toàn, Trần Anh Hào, Lã Quang Bình, Phạm Ngọc Minh, Phạm Ngọc Hiển, Yến Vũ, và Tú Trần.

Để biết thêm chi tiết về
Dự Án Lịch Sử Truyền Khẩu Về Cuộc Chiến Việt Nam,
xin vào trang mạng: **vietnamwarohp.com**
Bộ phim tài liệu dài 17 tiếng phỏng vấn
cựu Đại Sứ Bùi Diễm cùng tất cả văn bản tài liệu
được gom vào một USB.
Giá bán là 25 Mỹ kim
(thêm 3 Mỹ kim bưu phí).
Quý độc giả có thể đặt mua qua email:
vietnamwaroralhistoryproject@gmail.com
hoặc **vnlichsutruyenkhau@gmail.com**

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

MỤC LỤC

Lời Giới Thiệu (Đỗ Văn).....i
Thay Lời Tựa.....v

Chương 1
Gọng Kìm Lịch Sử.....1
Chương 2
Lúc Còn Nhỏ, Đi Học.....15
Chương 3
Hội Kín và Đảng Phái Chính Trị Thời Nhật Chiếm Đóng.....21
Chương 4
Đảo Chính Nhật 9 Tháng 3, 1945 Mở Đường Cho Một Vận Hội Mới.....29
Chương 5
Việt Minh Cướp Chính Quyền, Cách Mạng Tháng Tám.....37
Chương 6
Nhật Đi, Anh, Tầu và Pháp Đến.....47
Chương 7
Tránh Né Khủng Bố và Đưa Cụ Kim Sang Tầu.....57
Chương 8
Trong Vòng Trốn Tránh.....67
Chương 9
Giải Pháp Bảo Đại.....79
Chương 10
Một Năm Dưới Chân Rặng Núi Alp.....89
Chương 11
Những Ngày Cuối Cùng Của Pháp Tại Việt Nam.....97
Chương 12
Sự Lựa Chọn Của Quốc Trưởng Bảo Đại.....103
Chương 13
Ông Diệm và Những Thành Phần Đối Lập.....113
Chương 14
Đảo Chính Tháng 11, 1963 Cộng Hòa I Sụp Đổ.....123
Chương 15
Cách Mạng Hay Đảo Chính?
Chính Sách Can Thiệp Nửa Chừng Của Hoa Kỳ.....131
Chương 16
1964, Một Năm Hỗn Loạn.....143
Chương 17
Hoa Kỳ Can Thiệp Trực Tiếp và Đổ Bộ Quân Vào Việt Nam.....155
Chương 18
Từ Chính Phủ Phan Huy Quát Đến Chế Độ Quân Nhân.....177
Chương 19
Hội Nghị Thượng Đỉnh Honolulu và Những Bước Đường
Đưa Tới Hiến Pháp Đệ Nhị Cộng Hòa.....189
Chương 20
Nổi Loạn Miền Trung, Quốc Hội Lập Hiến
và Hội Nghị Các Nước Đồng Minh Ở Manila.....203
Chương 21
Chuyện Bất Ngờ, Làm Đại Sứ Tại Hoa Kỳ.....215

https://tieulun.hopto.org

Chương 22
Một Hiến Pháp Cho Đệ Nhị Cộng Hòa.....229
Chương 23
Hai Ông Thiệu và Kỳ Chạy Đua Vào Dinh Độc Lập.....239
Chương 24
Liên Danh Thiệu-Kỳ và Quân Ủy Hội.....247
Chương 25
Một Giai Đoạn Mới.....257
Chương 26
Tết Mậu Thân, Chính Sách Hoa Kỳ Bắt Đầu Đổi Chiều.....267
Chương 27
Hòa Đàm Ba Lê 1968 và Chiến Thuật
"Vừa Đánh Vừa Đàm" của Cộng Sản.....277
Chương 28
Đại Sứ Việt Nam Bị Cáo Buộc Là Xen Vào Chính Trị Nội Bộ
Của Hoa Kỳ và Bị CIA và FBI Theo Dõi.....289
Chương 29
Tổng Thống Mới, Chính Sách Mới.....309
Chương 30
Mua Thời Gian Bằng Việt Nam Hóa Chiến Tranh.....327
Chương 31
Phong Trào Phản Chiến Bùng Nổ Trở Lại.....339
Chương 32
Đầu Năm, Hành Quân Lam Sơn 719
Cuối Năm, Độc Diễn.....359
Chương 33
1972, Một Năm Quyết Định, Cộng Sản Lại Tổng Tấn Công,
Kissinger "Đi Đêm" Với Bắc Việt.....373
Chương 34
Hiệp Định Ba Lê 1973.....389
Chương 35
Những Ngày Cuối Cùng.....407
Chương 36
Một Trang Sử Khép Lại.....425
Chương 37
Thay Lời Kết, Lịch Sử Còn Dài.....435

Một vài nhận định của độc giả Gọng Kìm Lịch Sử

Cuộc chiến Việt Nam dưới con mắt
của một người trong cuộc (Nguyễn Mạnh Hùng).....447
Đọc Gọng Kìm Lịch Sử của Bùi Diễm (Phạm Xuân Đài).....455
Điện thư gửi ông Bùi Diễm
từ một độc giả không quen biết (Nguyễn Thị Loan).....461
Bài phát biểu nhân dịp ra mắt sách Gọng Kìm Lịch Sử
của cựu Đại Sứ Bùi Diễm (Ông Thụy Như Ngọc).....463

Dự Án Lịch Sử Truyền Khẩu Về Cuộc Chiến Việt Nam:
Con Người và Lịch Sử: Sự Can Thiệp Của Hoa Kỳ Tại Việt Nam
Qua Cái Nhìn Của Một Nhà Ngoại Giao, 1965-1975
Lời Giới Thiệu.....467

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org



Về tác giả Gọng Kìm Lịch Sử

Sinh tại Phủ Lý tỉnh Hà Nam năm 1923, tác giả Bùi Diễm là thứ nam của học giả Bùi Kỷ. Như đa số thanh niên thời đó, ông sớm tham gia phong trào độc lập và ông vừa tốt nghiệp Toán học và Cơ Động học tại Đại Học Hà Nội năm 1945 thì đất nước có biến. Là cháu học giả Trần Trọng Kim, ông được quan sát chính phủ Trần Trọng Kim từ khi hình thành và sau đó tham gia đàm phán việc Pháp trao trả độc lập cho Việt Nam. Cũng từ đó, ông đã chứng kiến 30 năm nổi trôi lịch sử từ nhiều vị trí đặc biệt: theo dõi Hội Nghị Genève 1954, Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng 1965, Đại Sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Hoa Kỳ 1967-1972, Quan Sát Viên Đặc Biệt tại Hòa Đàm Paris 1968, Đại Sứ Lưu Động 1973-1975. Từ 1975, ông định cư gần thủ đô Washington DC của Hoa Kỳ.

Do kinh nghiệm trực tiếp như vậy, ông Bùi Diễm là tiếng nói được các trung tâm nghiên cứu Hoa Kỳ lắng nghe về quan điểm của người Việt: cố vấn cho tổ hợp Rand Corporation, học giả tại các trung tâm nghiên cứu như Woodrow Wilson Center for International Scholars, American Enterprise Institute, hay Indochinese Institute của Đại Học George Mason, và Giám Đốc Viện Nghiên Cứu Pacific Basin Research Institute. Nhằm trình bày với dư luận Mỹ quan điểm người Việt ta về cuộc chiến Việt Nam, năm 1987, ông viết cuốn *In the Jaws of History*, được công nhận là chứng liệu đáng kể. Với bố cục tương tự, lần này, *Gọng Kìm Lịch Sử* của ông là hồi ký chính trị của một người Việt cùng chia sẻ với người Việt kinh nghiệm bi thương của dân tộc về quá khứ cận đại và niềm tin vào viễn tượng sáng sủa hơn của đất nước trong tương lai không xa.

Ấn phí: 25 Mỹ kim
ISBN: 978-0-9910937-8-6
https://tieulun.hopto.org